Đường Xưa Mây Trắng

Tác giả: Thích Nhất Hạnh
Thể loại: Tiểu Thuyết
Website: http://motsach.info
Date: 07-December-2012

Lời Mở Đầu - Tác Giả Kể Chuyện Xoay Quanh Việc Viết

Năm đầu khi mở cửa Làng Mai vào mùa hè, tôi thường hay cư trú trên phòng của cư xá Hồ Đào gần với cây Tilleul. Ở dưới có quán sách và ở trên là phòng tôi ở. Vào năm đầu và năm thứ hai chúng ta có ít phòng lắm nên tôi đã ngủ chung với mấy thiếu nhi. Bốn năm đứa trẻ ngủ chung với tôi và ban đêm các cháu đã nằm lăn ra khắp nơi. Bài hát "Con về nương tựa Bụt, người đưa đường chỉ lối cho con trong cuộc đời..." tôi có chủ ý làm cho thiếu nhi hát. Tôi nghĩ là thiếu nhi phải hát chứ tụng thì chưa đủ. Hôm đó tôi ngồi thiền buổi chiều trong thiền đường Yên Tử. Trước mặt tôi có một tảng đá vì các bức tường của thiền đường Yên Tử đều được xây toàn bằng đá. Đang ngồi thiền thì thấy tự nhiên những nốt nhạc của bài "Con về nương tựa Bụt" đi ra. "Con về nương tựa Bụt, Namo Buddhaya". Sau đó tôi sửa lại "Con về nương tựa Bụt, người đưa đường chỉ lối cho con trong cuộc đời" rồi mới tới "namo Buddhaya".

Tôi tự nghĩ: "Mình đang ngồi thiền chứ đâu phải đang sáng tác nhạc. Thôi để ngồi thiền xong rồi sẽ sáng tác tiếp." Nhưng ngồi một lát nữa thì những nốt nhạc lại trở về. Tôi nghĩ: "Thôi, nếu đã như vậy thì mình sáng tác ngay lúc này." Và trong khi ngồi thiền tôi tiếp tục sáng tác bài "Con về nương tựa Bụt". Ngồi thiền xong thì tôi ra thâu bài hát vào băng nhựa vì sợ quên. Trong thời gian thiền sư Baker Roshi tới thăm Làng Mai, tôi đã khởi thảo tập sách Thiền Hành Yếu Chỉ . Rất nhiều người muốn có một tập sách hướng dẫn về thiền đi. Sau đó thì những bài thi kệ nhật dụng bằng tiếng Việt được sáng tác. Tôi còn nhớ là hồi đó tôi viết Đường Xưa Mây Trắng ở trong cái quán của Xóm Thượng. Hồi đó chưa có lò sưởi trung ương, trong phòng chỉ có một cái lò sưởi đốt củi thôi và trời rất lạnh. Tay phải tôi viết còn tay trái thì đưa ra hơ trên lò sưởi. Tôi đã viết những chương của Đường Xưa Mây Trắng với rất nhiều hạnh phúc. Thỉnh thoảng tôi đứng dậy pha trà để uống. Mỗi ngày viết mấy giờ cũng như được ngồi uống trà với đức Thế Tôn. Và tôi biết trước người đọc sẽ rất có hạnh phúc vì khi viết, mình cũng đang có rất nhiều hạnh phúc. Viết Đường Xưa Mây Trắng không phải là một lao động mệt nhọc mà là cả một niềm vui lớn. Đó là một quá trình khám phá. Có những đoạn tôi cho là khó viết, như đoạn Bụt độ ba anh em ông Ca Diếp. Tài liệu thường nói là Bụt độ ba anh em đó nhờ thần thông của Ngài nhưng khi viết thì tôi đã không để cho Bụt dùng thần thông mà cứ để Bụt sử dụng từ bi và trí tuệ của Ngài để độ ba ông ấy. Bụt có rất nhiều trí tuệ, rất nhiều từ bi, tại sao Bụt không dùng mà lại phải dùng thần thông? Và tôi có một niềm tin rất vững chãi là mình sẽ viết được chương đó. Chương này là một trong những chương khó nhất của Đường Xưa Mây Trắng nhưng cuối cùng tôi đã thành công. Cái chương khó thứ hai là chương nói về cuộc trở về của Bụt để thăm gia đình. Mình đã thành Phật rồi, mình đã thành bậc toàn giác rồi, nhưng về thăm gia đình mình vẫn còn là một đứa con của cha, của mẹ, vẫn là một người anh của em. Viết như thế nào để Bụt vẫn còn giữ lại được tính người của Ngài. Cũng nhờ niềm tin đó mà tôi thành công. Quý vị đọc lại, sẽ thấy Bụt về thăm nhà rất tự nhiên. Cách Ngài nắm tay vua cha đi từ ngoài vào, cách Ngài đối xử với em gái, cách Ngài đối xử với Yasodhara và Rahula, rất tự nhiên. Tôi có cảm tưởng là có chư tổ gia hộ nên tôi mới viết như vậy được. Trong Đường Xưa Mây Trắng chúng ta khám phá ra Bụt là một con người chứ không phải là một vị thần linh. Đó là chủ tâm của tác giả, giúp cho người ta khám phá lại Bụt như một con người và lột ra hết các vòng hào quang thần dị người ta đã choàng lên cho Bụt. Không thấy Bụt như một con người thì người ta sẽ tới với Bụt rất khó.

Thích Nhất Hạnh.

Chương 1 - Đi Để Mà Đi

Trong bóng me im mát vị khất sĩ Svastika đang thực tập phép quán niệm hơi thở. Chú ngồi trong tư thế hoa sen. Từ hơn một tiếng đồng hồ, chú đã ngồi thực tập như thế một cách chăm chú. Đó đây trong tu viện Trúc Lâm, hàng trăm vị khất sĩ cũng đang ngồi thực tập thiền quán, hoặc trong bóng tre, hoặc trong những chiếc am lá nhỏ dựng rải rác khắp nơi trong tu viện, xen lẫn giữa những bụi tre xanh tươi và khỏe mạnh.

Bụt hiện đang cư trú trong tu viện này cùng với khoảng gần bốn trăm vị khất sĩ, học trò của Người. Tu viện đông như thế mà vẫn thanh tịnh. Đất của tu viện rộng đến bốn chục mẫu. Những giống tre trồng ở tu viện đều là những giống tre đẹp khỏe, lấy từ khắp nơi trong vương quốc Magadha. Tu viện tọa lạc ở phía bắc thành Vương Xá. Tu viện này do chính vua Bimbisara hiến tặng cho Bụt, và cho giáo đoàn khất sĩ của Người cách đây bảy năm.

Svastika mở mắt. Chú mỉm cười. Hai bắp chân chú đã mỏi. Chú tháo chân ra khỏi tư thế hoa sen và bắt đầu xoa bóp cho máu chạy đều trong hai chân. Svastika năm nay mới hai mươi mốt tuổi. Chú chỉ mới được xuống tóc và thọ giới khất sĩ cách đây ba hôm. Thầy Sariputta, một trong những vi cao đệ của Bụt đã làm lễ truyền giới cho chú.

Svastika quê ở Uruvela gần Gaya, chú được làm quen với Bụt ngay từ hồi Bụt chưa thành đạo, cách đây đúng mười năm. Hồi đó chú mới mười một tuổi.

Bụt thương chú lắm, cách đây nửa tháng, Bụt ghé lại làng Uruvela tìm chú. Bụt đưa chú về đây, và Bụt đã bảo thầy Sariputta truyền giới khất sĩ cho chú. Được chấp nhận vào giáo đoàn của Bụt, Svastika sung sướng lắm.

Chú nghe nói trong giáo đoàn của Người có rất nhiều vị khất sĩ xuất thân từ giới quyền quý, như thầy Nanda. Thầy Nanda cũng là hoàng thái tử, em ruột của Bụt. Lại có những vị hoàng thân khác như Bhaddiya, Devadatta, Anuruddha và Ananda. Chú chưa được trực tiếp chắp tay chào hỏi các vị nầy, tuy chú đã được trông thấy họ.

Các vị này tuy đã đi tu, tuy đã khoác những chiếc áo cà sa bạc màu trên người nhưng dáng điệu vẫn còn mang tính cách thanh lịch và quý phái. Svastika có cảm tưởng là còn lâu lắm chú mới làm quen thân được với các vị.

Bụt là một vị hoàng tử con vua thật đấy, nhưng Svastika không còn tìm thấy được sự ngăn cách nào giữa Người và chú.

Có lẽ vì chú quen với Bụt lâu rồi và ngày xưa đã từng ngồi với Bụt hàng giờ hoặc trên bờ sông Neranjara hoặc dưới cội bồ đề im mát. Chú thuộc về hạng những người cùng đinh, những người thấp kém và nghèo khổ nhất ở xứ chú.

Chú đã làm nghề giữ trâu trên mười năm nay.

Trong vòng nửa tháng vừa qua, chú đã chung đụng với những người tu thuộc giai cấp quý tộc. Những người này đều là khất sĩ và là học trò của Bụt. Tuy họ rất tử tế với chú, tuy họ đã nhìn chú với con mắt có cảm tình và nhiều khi đã mỉm cười với chú, nhưng chú vẫn chưa cảm thấy

thật sự thỏai mái với họ. Chắc là tại chú chưa quen. Có lẽ phải sống với họ trong nhiều tháng nữa chú mới thực sự cảm thấy đây là thế giới của chú.

Nghĩ tới đây, Svastika lại mỉm cười. Ở đây ngoài Bụt ra, chú còn cảm thấy thoải mói với một người khác nữa. Đó là chú Rahula, con trai Bụt, Rahula năm nay mười tám tuổi, Rahula được theo Bụt tám năm rồi và trên đường tu học, Rahula đã bước được những bước thật dài. Hiện Rahula là bạn thân nhất của chú. Chính Rahula đã chỉ cho chú phương pháp quán niệm hơi thở. Rahula giỏi giáo lý và hành trì hơn chú nhiều nhưng sỡ dĩ Rahula chưa được thọ giới khất sĩ vì tuổi Rahula chưa đến hai mươi.

Muốn được thành khất sĩ, muốn được thọ giới bhikkhu, nghĩa là giới khất sĩ thì ít nhất phải là hai mươi tuổi.

Tháng trước khi Bụt ghé vào làng Uruvela tìm Svastika thì gặp lúc Svastika không có ở nhà, chú đang chăn trâu ngoài ruộng với đứa em trai tên là Rupka. Chỉ có hai đứa em gái của chú là ở nhà.

Bala là chị Rupka năm nay lên mười sáu, còm Bhima là đứa em gái út năm nay mười hai tuổi.

Bla nhận ra ngay được Bụt. Nó đòi ra bờ sông tìm anh, nhưng Bụt nói là để Bụt tự ý đi tìm. Rồi người rủ Rahula cùng đi.

Hôm ấy đi với Bụt còn có hai mươi mấy vị khất sĩ nữa. Ai cũng theo Bụt đi ra bờ sông. Quả nhiên khi ra tới bờ sông thì Bụt gặp Svastika. Lúc ấy trời đã chiều, và Svastika đang cùng Rupka tắm cho đàn trâu. Đàn trâu của Svastika chăn có tới tám con trâu lớn và một con nghé. Hai anh em Svastika cũng nhận ra Bụt ngay tức khắc.

Svastika cùng Rupka vội chạy đến chắp tay búp sen cúi đầu chào Bụt.

- Các con đã lớn quá, Bụt nhìn hai anh em và mỉm cười một cách thân ái.

Svastika đứng ngây người ngắm Bụt. Vẫn khuôn mặt trầm tĩnh và hai con mắt sáng ngời ngày xưa. Vẫn nụ cười bao dung và hiền hậu đó. Vẫn những lọn tóc nhỏ xoắn hình ốc trên đầu. Bụt khoác một chiếc y màu chàm, do nhiều miếng vải may kết lại. Người vẫn còn đi chân đất như thuở nào, Svastika đưa mắt nhìn các vị xuất gia đứng sau lưng Bụt. Chú nhận thấy vị nào cũng đi chân trần như Bụt. Vị nào cũng quấn y màu chàm. Chú để ý thì thấy y của Bụt dài hơn các vị thầy khác độ một tấc. Đứng gần Bụt là một thầy rất trẻ, trạc tuổi Svastika. Vị thầy này cứ nhìn chú mà mỉm cười hoài. Bụt xoa đầu Svastika và Rupak. Người bảo người đang trên đường về thành Vương Xá, tiện đường chiều nầy ghé lại thăm mấy anh em. Người bảo người sẽ đứng trên bờ sông, đợi hai anh em xuống tắm trâu cho xong rồi sẽ cùng về nhà.

Trên đường về làng Bụt giới thiệu chú Rahula với hai anh em. Chú Rahula là vị xuất gia trẻ tuổi nhất hồi nãy trên bờ sông cứ đứng nhìn hai anh em Svastika mà cười hoài. Rahula thua Svastika ba tuổi nhưng cũng đã cao bằng Svastika. Rahula chưa thọ giới khất sĩ, nhưng đã thọ giới xuất gia làm s'ramanera, nghĩa là một vị sa di. Trông chú không khác gì những vị khất sĩ khác. Rahula đi giữa hai anh em. Chú trao chiếc bát cho Rupak giữ, và chú đặt tay trên vai hai người một cách thân ái. Chú đã từng được nghe Bụt nói chuyện về gia đình Svastika rồi, và chú có rất nhiều cảm tình với gia đình này. Cũng vì vậy nên hai anh em Svastika cảm nhận ngay được thân tình mà Rahula bộc lộ.

Về tới nhà, Bụt hỏi Svastika có muốn theo học với Bụt và gia nhập giáo đoàn khất sĩ không. Đây là một điều mà Svastika mong ước từ lâu. Mười năm trước, Svastika đã từng tỏ lộ ước mơ ấy với Bụt. Ngày ấy Bụt cũng đã hứa là sau này sẽ thừa nhận chú làm học trò xuất gia. Và bây giờ đây Người đã trở lại. Người đã không quên lời hứa. Các em của Svastika đã lớn cả rồi. Rupak em trai của Svastika đã có đủ khôn ngoan để một mình chăm sóc bầy trâu. Em gái lớn của Svastika là Bala cũng có đủ sức để làm một người nội trợ rồi.

Bụt ngồi ngoài sân, trên một chiếc ghế đẩu nhỏ. Tất cả các vị khất sĩ đều đứng sau lưng người. Nhà của mấy anh em Svastika là một túp lều lụp xụp, vách đất, làm gì có đủ chỗ để mời tất cả mọi người vào. Rupak đi lùa trâu về nhà ông chủ trâu, cũng chưa về. Bala nói với Svastika:

- Anh cứ đi theo Bụt và các thầy đi. Tụi em ở nhà cũng đủ sức lo. Thằng Rupak nó mạnh lắm, mạnh hơn cả anh hồi xưa. Anh đi chăn trâu nuôi tụi em đã hơn mười năm rồi, không lý bây giờ tụi em không đủ sức để tự lo cho chính mình sao.

Ngồi bên lu nước, con Bhima ngửng lên nhìn chị, không nói năng gì, Svastika nhìn nó. Con bé năm nay đã lớn. Hồi Svastika mới được gặp Bụt. Bhima còn chưa đầy tuổi thôi nôi. Bala hồi đó mới sáu tuổi, đã phải vừa ẳm em vừa nấu cơm. Rupak hồi đó mới có ba tuổi, cả ngày vọc đất vọc cát chơi ngoài sân. Cha chúng vừa mất được sáu tháng thì mẹ chúng cũng bỏ chúng, ngay sau khi sanh em Bhima. Svastika mười một tuổi mà đã phải làm chủ gia đình. May mắn mà nó được chăn trâu cho gia đình ông Rambhul trong xóm. Nhờ chăn trâu giỏi cho nên nó kiếm đủ thức ăn mỗi ngày cho chính nó và cho các em. Nó còn kiếm được cách xin sữa trâu cho bé Bhima nữa.

Bhima có khuôn mặt xinh xinh. Thấy anh nhìn mình như có ý dọ hỏi, Bhima mỉm cười. Nó ngần ngừ một lát rồi nói, giọng nhỏ nhẹ:

- Anh đi với Bụt đi.

Nói xong Bhima quay mặt đi nơi khác, rơm rớm nước mắt. Bhima đã từng nghe anh nói về dự tính đi theo Bụt để tu học. Nó muốn anh nó được đi, nhưng nó lại buồn khi biết anh nó sắp đi.

Vừa lúc ấy, Rupak về tới. Rupak nghe được câu nói của em. Nó hiểu tất cả. Nó nhìn Svastika, và nói:

- Anh cứ đi với Bụt đi.

Mọi người im lặng, Rupka nhìn Bụt nói:

- Bụt cho anh con được đi học với Bụt . Con ở nhà đủ sức lo cho chị và cho em con rồi.

Và quay sang Svastika, Rupak nháy mắt:

- Nhưng thỉnh thoảng anh phải xin phép Bụt về thăm tụi em.

Thế là vấn đề của Svastika được giải quyết. Bụt đứng dậy xoa đầu Bhima và nói:

- Các con đi ăn cơm và chuẩn bị đi nhé. Sáng mai, ta sẽ trở lại đây đón Svastika cùng lên đường đi Rajagaha. Bây giờ ta và các thầy khất sĩ sẽ đi về cây Bồ Đề và sẽ nghỉ đêm trong ấy.

Ra tới cổng, Bụt quay lại. Người nhìn Svastika và nói:

- Ngày mai, con không cần đem theo gì hết. Chỉ cần áo mặc trên người thôi, con nhé.

Đêm đó, bốn anh em thức khuya. Svastika dặn dò các em đủ điều. Svastika ôm từng đứa em trong vòng tay, thật lâu. Bé Bhima khóc thút thít trong tay anh. Nhưng bé lại ngửng lên nhìn anh và mỉm cười. Nó không muốn anh nó buồn. Ánh sáng chiếc đền dầu tuy tù mù nhưng vẫn soi rõ được nụ cười của bé. Tối hôm đó không ai nghĩ đến chuyện ăn cơm tối cả, dù Bala đã nấu cơm sẵn cho bốn anh em từ hồi xế chiều.

Sáng tinh sương hôm sau, khi Svastika vừa dậy thì đã thấy chị Sujata đến thăm. Chị đến để chào từ giã Svastika, bởi chiều hôm qua trên đường bờ sông chị đã được gặp Bụt và đã được Bụt báo tin cho biết là Svastika sẽ lên đường theo Bụt Chị Sujata là con gái của ông hương cả. Chị lớn hơn Svastika hai tuổi, ngày xưa, chị cũng đã được gặp Bụt hồi người chưa thành đạo, và chị cũng từng giúp mấy anh em Svastika nhiều lần trong những cơn ốm đau hoạn nạn.

Sujata đem đến tặng Svastika một lọ dầu, nói là để đánh gió những khi bị nhức đầu. Hai chị em mới nói được vài ba câu chuyện thì Bụt và các thầy tới. Các em của Svastika cũng đã dậy và sửa soạn để tiễn đưa anh.

Chú Rahula đến ân cần hỏi thăm từng đứa em của Svastika. Chú hứa trong tương lai nếu có dịp đi ngang qua vùng Gaya thế nào chú cũng sẽ ghé thăm mấy đứa. Chị Sujata và ba đứa em của Svastika đưa Bụt và đoàn khất sĩ ra tới bờ sông. Đoàn người theo con đường ven sông để đi về phía Đông Bắc. Bốn chị em chắp tay chào Bụt, chào các thầy, chào chú Rahula và chào Svastika. Svastika thấy lòng nao nao. Đây là lần đầu tiên chú Svastika rời bỏ quê hương. Nghe nói phải đi đến mười hôm mới tới được thành Rajagaha. Bụt và các thầy khất sĩ đi thật khoan thai. Đi như thế này thì lâu đến là phải. Nhưng Svastika cũn chậm bước lại. Bước chân Svastika cũng trở nên khoan thai. Lòng Svastika bây giờ bình yên hơn. Svastika đã một lòng quay về nương tựa Bụt, nương tựa Pháp và nương tựa Tăng. Svastika đã có đường đi của mình.

Chú quay lại nhìn một lần chót. Bóng của chị Sujata và các em đã khuất sau rừng cây.

Svastika có cảm tưởng là Bụt đi để mà đi chứ không phải đi để mà tới. Đoàn khất sĩ đi theo người cũng vậy. Không ai tỏ vẻ nóng ruột hoặc hấp tấp muốn cho chóng tới Rajagaha. Mọi người bước những bước vững chắc, chậm rãi và thanh thản. Đi như là đi chơi. Không ai tỏ vẻ mỏi mệt. Vậy mà mỗi ngày đoàn người đi được rất xa. Cứ vào khoảng mười giờ sáng thì đoàn khất sĩ lại ghé vào một thôn xóm bên đường để khất thực. Họ đi thành một hàng. Bụt đi đầu, tay phải Người nâng bình bát, Svastika đi chót, ngay sau chú Rahula. Đoàn người trang nghiêm vừa đi vừa theo dõi hơi thở, mắt nhìn phía trước. Thỉnh thoảng đoàn người dừng lại. Có người trong xóm đem thức ăn ra cúng dường. Họ đứng nghiêng mình đổ thức ăn vào trong bình bát của các vị khất sĩ. Có người quỳ xuống bên đường để dâng cúng thức ăn. Các vị khất sĩ sau khi nhận thức ăn thầm lặng hộ niệm cho người thí chủ.

Đoàn khất sĩ sau khi khất thực, từ từ đi ra khỏi thôn xóm và tìm tới dưới một khu rừng hay dưới một bãi cỏ. Họ ngồi xuống thành vòng tròn và chia xẻ thức ăn đã xin được cho những chiếc bình bát chưa có gì. Chú Rahula từ bờ sông đi lên mang theo một bình nước đầy. Chú cung kính mang bình nước tới trước mặt Bụt. Bụt chắp tai lại thành một búp sen. Chú đổ nước trên tay Bụt để Bụt rửa tay. Rồi chú đến trước các vị khất sĩ, cung kính đổ nước trên tay từng vị. Sau cùng chú đến đổ nước cho Svastika rửa tay. Sau đó mọi người chắp tay lại để quán niệm và chú nguyện. Rồi mọi người nâng bát lên ăn. Bữa ăn trang nghiêm và im lặng. Svastika chưa có bát.

Chú Rahula đã chia thức ăn cho Svastika trên một tàu là chuối tươi.

Thọ trai xong, đoàn khất sĩ tìm nơi nghỉ trưa. Có vị tiếp tục đi thiền hành. Có vị ngồi thiền tọa dưới gốc cây. Khi nắng bắt đầu dịu xuống, mọi người lại lên đường. Đoàn người đi chó đến khi bóng chiều ngã thì mới tìm nơi tá túc. Chỗ nghỉ đêm tốt nhất của họ là một khu rừng thưa. Mọi người đều có mang theo tọa cụ. Họ ngồi xếp bằng trong tư thế hoa sen để thiền tọa dưới một gốc cây. Có vị thiền tọa đến quá nửa đêm mới ngả lưng xuống nghỉ trên áo cà sa xếp tư của mình. Các vị khất sĩ thường mang theo mình một chiếc y khác. Họ dùng y này để đắp khi trời trở lạnh. Svastika cũng bắt chước mọi người thiền tọa, và chú cũng học cách ngả lưng ngủ dưới một gốc cây, đầu chú gối trên một chiếc rễ cây.

Buổi sáng thức dậy, Svastika thấy Bụt đã dậy từ hồi nào và đang an nhiên ngồi tĩnh tọa. Dáng điệu của người trầm tĩnh và an lạc lạ thường. Nhìn quanh, Svastika thấy nhiều vị khất sĩ cũng đã dậy và đang thực tập thiền quán. Khi trời đã sáng rõ, mọi người lại xếp y, cầm bát và chuẩn bị lên đường.

Ngày đi đêm nghỉ, như thế được mười hôm thì đoàn người tới thủ đô Vương Xá. Đây là lần đầu tiên trong đời Svastika thấy nhà cửa phố xá đông đúc như vậy. Xe ngựa rộn rịp. Tiếng cười tiếng nói vang vang. Tuy nhiên, đoàn khất sĩ vẫn đi khoan thai, nghiêm chỉnh và tịnh lạc như đi trên một bờ sông hoặc một con đường giữa hai cánh đồng lúa nơi thôn dã. Nhiều khách bộ hành dừng lại để ngắm đoàn khất sĩ. Có người nhận ra được Bụt. Họ vội sụp xuống lạy một cách kính cẩn. Đoàn khất sĩ vẫn an nhiên đi. Rồi đoàn khất sĩ về tới tu viện Trúc Lâm.

Tin Bụt về tới Trúc Lâm phút chốc đã được truyền đi khắp tu viện. Chỉ trong chốc lát, gần bốn trăm vị khất sĩ cư trú tại Trúc Lâm đã tề tựu lại tịnh xá của người để thăm hỏi. Bụt không nói chuyện nhiều, người chỉ hỏi thăm mọi người về hiện trạng tu học và hành đạo tại Trúc Lâm và tại thành Vương Xá. Rồi người giao Svastika cho thầy Sariputta. Thầy Sariputta hiện là vị giáo thọ của chú Rahula. Thầy cũng là vị giám viện của tu viện Trúc Lâm. Hiện thầy đáng hướng dẫn việc tu học cho gần năm trăm vị khất sĩ tân học, nghĩa là những vị khất sĩ trẻ mới được xuất gia trong vòng vài ba năm. Người đứng đầu tu viện là đại đức Kondanna.

Chú Rahula có phận sự chỉ dẫn cho Svastika về thể thức sinh hoạt hàng ngày trong tu viện: cách đi, cách ngồi, cách đứng, cách chào hỏi, cách thiền hành, cách thiền tọa, và cách quán niệm hơi thở. Rahula cũng chỉ cho Svastika cách khoác y, mang bát, cách khất thực, chú nguyện rửa bát.

Nội trong ba hôm, Svastika theo sát chú Rahula để học tất cả những thứ đó. Rahula chỉ dẫn rất tận tình, nhưng Svastika biết rằng để có thể làm được những việc nầy một cách ung dung và tự nhiên như chú Rahula, chú phải thực tập trong nhiều năm. Cuối cùng thầy Xá Lợi Phất gọi Svastika vào thảo am riêng của thầy. Thầy bảo Svastika ngồi xuống trên một chiếc ghế thấp bên cạnh thầy và bắt đầu giảng cho Svastika về giới luật của người khất sĩ.

Khất sĩ là người từ bỏ đời sống gia đình, nương vào Bụt như người đưa đường chỉ lối cho mình trong cuộc đời, nương vào Pháp như con đường đưa tới sự thành tựu đạo nghiệp giải thoát, và nương vào Tăng như đoàn thể của những người cùng đi trên một con đường chí hướng. Người khất sĩ phải sống đời đạm bạc và khiêm nhường. Đi khất thực là để thực hiện tinh thần ấy mà cũng là để có cơ hội tiếp xúc với dân chúng và hướng dẫn mọi người vào con đường của hiểu biết và của thương yêu mà Bụt chỉ dạy.

Mười năm về trước dưới cây Bồ Đề, Svastika và các bạn đã từng được nghe Bụt nói về đạo giải

thoát như con đường của hiểu biết và thương yêu, nên bây giờ chú hiểu rất chóng những điều mà thầy Sariputta đang giảng dạy. Nét mặt của thầy nghiêm trang, nhưng hai mắt và nụ cười của thầy bộc lộ rất nhiều từ ái. Thầy nói sáng ngày mai Svastika sẽ được làm lễ thế phát xuất gia để được gia nhập vào giáo đoàn khất sĩ. Và thầy dạy cho Svastika học thuộc những câu nói và chú phải nói trong lễ thọ giới.

Trong lễ thọ giới của Svastika, chính thầy Sariputta, là giới sư, truyền giới. Chỉ có khoảng trên hai mươi vị khất sĩ tham dự. Bụt cũng đến tham dữ lễ truyền giới này. Rahula cũng có mặt. Svastika rất sung sướng. Thầy Sariputta làm lễ xuống tóc cho Svastika. Tay cầm dao cạo, thầy im lặng một lát để chú nguyện rồi đưa dao cạo một vài đường tóc trên đầu Svastika. Sau đó Rahula nhận trách nhiệm hoàn tất việc cạo đầu cho vị giới tử mới. Svastika được thầy Sariputta trao cho ba chiếc y, một chiếc bình bát và một dụng cụ lọc nước. Đã học cách quấn y với Rahula rồi nên chú mặc y vào người một cách tự nhiên và mau chóng. Chú sụp lạy trước Bụt và đoàn thể các vị khất sĩ để biểu lộ niềm quý kính và lòng biết ơn của chú.

Ngay sáng ngày hôm ấy Svastika được tập sự đi khất thực. Chú đã là một bhikkhu. Quấn y, mang bát, chú gia nhập vào đoàn của vị y chỉ sư của mình, tức là thầy Sariputta. Rahula là thị giả của thầy Sariputta nên cũng có trong đoàn của chú. Mấy trăm vị khất sĩ trong tu viện Trúc Lâm chia nhau thành nhiều đoàn, mỗi đoàn đi khất thực trong một con đường khác nhau của thành Vương Xá. Hôm ấy Bụt không đi trong đoàn của Svastika.

Vừa bước ra khỏi tu viện, Svastika thấy ngay rằng đi hóa trai là một phương thức hành đạo. Lập tức chú trở về theo dõi hơi thở. Chú bước từng bước đoan nghiêm, đôi mắt nhìn thẳng về phía trước. Chú Rahula hiện đi ngay phía sau chú. Tuy Svastika có ý thức rằng mình là một vị khất sĩ thực thụ, chú cũng biết rất rõ là kinh nghiệm tu học của chú còn kém xa kinh nghiệm tu học của Rahula. Và chú thường nguyện nuôi dưỡng đức khiêm cung nơi chú.

Chương 2 - Nghệ Thuật Chăn Trâu

Hôm nay trời mát, sau bữa cơm trưa, ăn trong quán niệm, các vị khất sĩ lặng lẽ đi rửa bát của mình và đem trải tọa cụ ngoài trời ngồi quây quần quanh Bụt. Tu viện Trúc Lâm có rất nhiều sóc. Chúng quanh quẩn bên các thầy, không có vẻ gì sợ hãi. Nhiều con sóc leo lên trên các thân tre, đưa mắt nhìn xuống.

Svastika đưa mắt tìm Rahula. Chú thấy Rahula ngồi ngay trước mặt Bụt. Chú rón rén đến trải tọa cụ bên cạnh Rahula và nghiêm chỉnh ngồi xuống trong tư thế hoa sen. Không khí thật trang nghiêm. Không ai nói với ai lời nào, nhưng Svastika biết rằng ai cũng đang theo dõi hơi thở trong khi chờ đợi Bụt mở lời chỉ dạy.

Bụt ngồi trên một chiếc chõng tre, cao hơn mọi người chừng vai gang tay để mọi người có thể nhìn thấy. Người ngồi ung dung và uy nghiêm như một con sư tử chúa ngồi trong bầy sư tử. Người đưa mắt nhìn đại chúng một cách từ hòa. Rồi cái nhìn của người dừng lại nơi Svastika và Rahula. Bỗng nhiên, Bụt mỉm cười. Người cất tiếng:

- Hôm nay tôi muốn nói chuyện với đại chúng về việc chăn trâu, và thế nào là một em bé chăn trâu giỏi. Một em bé chăn trâu giỏi là một em bé có thể dễ dàng nhận ra được trâu của mình, biết hình tướng của mỗi con, biết cách cọ xát tắm rửa cho trâu, biết thương yêu trâu, biết tìm bến tốt để cho trâu qua sông, biết tìm chỗ có cỏ non và nước uống cho trâu, biết bảo trì những vùng thả trâu và cuối cùng là biết để cho những con trâu lớn làm gương cho nhưng con trâu nhỏ.

Ngưng một lát Bụt tiếp :

- Này các vị khất sĩ! Một vị khất sĩ giỏi cũng phải làm tương tự như một em bé chăn trâu. Nếu em bé chăn trâu biết nhận ra được trâu của mình, thì người xuất gia cũng phải biết nhận ra được những yếu tố tạo nên sắc thân của mình. Nếu em bé chăn trâu biết được hình tướng của mỗi con trâu trong đàn trâu của mình, thì người xuất gia cũng phải thấy được những hành động nào của thân, của miệng, và của ý là những hành động đáng làm, và những hành động nào là những hành động không đáng làm. Nếu một em bé chăn trâu biết cách cọ xát tắm rửa cho trâu, thì người xuất gia cũng phải biết buông xả và gột rửa khỏi thân tâm những tham dục, si mê và hờn oán...

Trong khi Bụt nói những lời trên, mắt Bụt không rời Svastika, Svastika có cảm tưởng rằng chú là nguồn cảm hứng cho những lời mà Bụt đang nói. Chú nhớ rằng ngày xưa chú đã được ngồi bên Bụt hàng giờ, và Bụt đã từng hỏi chuyện chú một cách tỉ mỉ về công việc chăn trâu và cắt cỏ. Vốn là một vị hoàng thái tử xuất thân, làm sao Bụt có thể hiểu rõ như thế về nghề chăn trâu, nếu chính chú đã không kể hết những chuyện đó cho người nghe?

Bụt vẫn nói. Tiếng nói người vừa rõ vừa trong.

Tuy người chỉ nói giọng bình thường, tiếng của người vẫn vọng ra rành mạch từng âm, không ai là không nghe thấy:

- Nếu em bé chăn trâu biết chăm sóc các vết thương của trâu, thì người xuất gia cũng phải biết

hộ trì sáu căn của mình là mắt, tai, mũi, lưỡi thân và ý, và để cho sáu đối tượng, tức là sáu trần không thể lung lạc được mình.

Nếu em bé chăn trâu biết cách đốt khói un trâu để trâu khỏi bị muỗi đốt, thì người xuất gia cũng phải đem đạo lý giải thoát để dạy cho người chung quanh, để họ tránh được những khổ đau dằn vặt trong thân tâm họ.

Nếu em bé chăn trâu biết tìm đường đi an toàn cho trâu, thì người xuất gia cũng phải biết tránh những con đường đưa tới danh lợi, sắc dục, quán rượu và hí trường. Nếu em bé chăn trâu biết thương yêu trâu, thì người xuất gia cũng phải biết quý trọng những niềm an vui do thiền tập đưa tới. Nếu em bé chăn trâu biết tìm bến tốt cho trâu qua sông, thì người xuất gia cũng phải biết nương vào diệu lý bốn sự thật để biết đến bến bờ. Nếu em bé chăn trâu biết tìm chỗ có cỏ non và nước uống cho trâu, thì người xuất gia cũng phải biết rằng bốn lãnh vực quán niệm là mảnh đất tốt nhất để làm phát sinh giải thoát. Nếu em bé chăn trâu biết bảo trì những vùng thả trâu, không tàn hại phá phách môi trường nuôi trâu, thì người xuất gia cũng phải cẩn thận và dè dặt trong việc tiếp xúc với quần chúng, và thu nhận của cúng dường. Nếu em bé chăn trâu biết dùng những con trâu lớn làm gương cho những con trâu con, thì người xuất gia cũng phải biết nương vào đức hạnh và kinh nghiệm của các bậc thầy đi trước... Một vị khất sĩ biết làm đúng theo mười một điều vừa nói, thì có thể đạt đến quả vị La hán trong vòng sáu năm tu học.

Vị khất sĩ trẻ tuổi Svastika lấy làm kỳ lạ. Những điều chú nói với Bụt cách đây mười năm, Bụt còn nhớ hết. Người đã nhắc lại tất cả những chi tiết, và còn đem áp dụng vào việc tu học của người khất sĩ. Tuy Bụt đang dạy giáo lý chung cho đại chúng, nhưng chú có cảm tưởng là Bụt đang dạy riêng cho một mình chú. Chú nhìn đăm đăm vào mặt Bụt, hai mắt không rời khỏi người.

Những lời Bụt dạy thật hàm súc. Những danh từ như "sáu căn", "sáu trần", "bốn sự thật", và "bốn lãnh vực quán niệm"... mà Bụt đã xử dụng trong bài pháp thoại, Svastika chưa hiểu được tường tận. Chú tự bảo là sẽ nhờ chú Rahula giảng giải cho. Nhưng chú có cảm tưởng là dù sao chú cũng hiểu được khái quát những lời Bụt dạy. Chú sẽ ôn lại những điều học hôm nay với chú Rahula. Nhưng Bụt đã lại lên tiếng, Người giải thích thêm về việc chọn con đường an toàn cho trâu đi. Nếu con đường có quá nhiều gai góc, trâu có thể sẽ bị thương, và những vết thương có thể làm độc. Nếu em bé chăn trâu không biết cách trị thương cho trâu thì trâu có thể lên cơn sốt và lăn ra chết. Sự tu học cũng giống như thế. Không tìm chánh đạo mà đi thì sẽ bị mang thương tích trong thân thể và tâm hồn. Những vết thương do các độc tố tham sân si làm cho ung thối sẽ có thể làm hư hỏng cả sự nghiệp giác ngộ.

Bụt ngừng nói. người ra dấu cho Svastika lại gần người. Svastika vâng lời, đến đứng chấp tay búp sen bên Bụt. Bụt tươi cười giới thiệu chú với đại chúng. Người nói:

- Mười năm trước, tôi đã được gặp chú Svastika tại rừng Gaya, trước ngày thành đạo. Chính chú Svastika đã cho tôi những nắm cỏ Kusa để trải làm tọa cụ mà ngồi dưới gốc cây Bồ Đề. Hồi đó chú mới mười một tuổi. Những điều mà tôi biết về nghệ thuật chăn trâu là do chú dạy tôi hồi đó. Tôi biết Svastika là một em bé chăn trâu giỏi. Và tôi tin tưởng rằng vị khất sĩ Svastika hôm nay cũng sẽ là một vị khất sĩ giỏi trong ngày mai.

Mọi con mắt đổ dồn về phía Svastika. Chú biết là hai tai và hai má chú đang đỏ bừng.

Mọi người cháp tay búp sen để chào chú. Chú cúi đầu chấp tay đáp lễ.

Bụt kết thúc buổi pháp thoại bằng cách yêu cầu chú Rahula lặp lại những phép quán niệm hơi thở. Chú Rahula đứng dậy chắp tay. Chú đọc rành mạch từng phép. Giọng chú sang sảng như tiếng chuông đồng. Đọc xong, chú lại chắp tay cung kính xá đại chúng. Bụt đứng dậy. Người trở về am tranh. Đại chúng giải tán. Mọi người thu xếp tọa cụ và trở về vị trí mình. Tại tu viện Trúc Lâm không phải ai cũng cư trú trong các tịnh xá. Có nhiều vị khất sĩ ngồi thiền và ngủ ngay dưới các bụi tre. Chỉ khi nào trời mưa các vị mới xếp tọa cụ và tìm vào ẩn mưa ở các tăng xá hoặc ở giảng đường.

Svastika được thầy Sariputta cho phép ở chung một liêu với chú Rahula. Năm nay chú Rahula đã chững chạc rồi nên không còn phải ngủ chung một liêu với thầy y chỉ sư như những năm còn bé. Svastika rất sung sướng được thân cận với Rahula. Chú thầm cảm ơn vị y chỉ sư. Thầy Sariputta hiểu chú không kém gì Bụt. Hèn gì ai cũng nói thầy là học trò lớn của người.

Chiều nay sau giờ thiền tọa, Svastika tập đi kinh hành một mình. Chú chọn một con đường vắng trong tu viện để khỏi phải gặp nhiều người. Trong lúc kinh hành, chú không được nhất tâm cho lắm, bởi vì chú đã bắt đầu cảm thấy nhớ nhà và nhớ các em. Hình bóng con đường làng dẫn ra bờ sông hiện rõ trong trí. Hình bóng của bé Bhima đang cúi mặt xuống gần như khóc. Hình bóng của thằng Rupak một mình chăm sóc đàn trâu đông đảo của ông Rambhul. Chú cố xua đuổi những hình ảnh ấy đi để chú tâm vào bước chân và hơi thở, nhưng thỉnh thoảng các hình bóng ấy lại lảng vảng về.

Chú hơi giận chú là đã không hết lòng tu học đã không xứng đáng với lòng tin cậy của Bụt. Chú định bụng sau giờ thiền hành sẽ đi tìm chú Rahula để hỏi thêm về phương pháp nhiếp tâm. Với lại còn có mấy điều Bụt dạy hồi trưa mà chú ghi nhận chưa được kỹ càng. Rahula chắc chắn là có thể giúp chú. Nghĩ đến Rahula, chú thấy vững tâm hơn và tự nhiên tâm trí chú trở nên định tĩnh. Giờ đây chú có thể tập trung được tâm ý vào hơi thở và bước chân một cách dễ dàng hơn trong việc thực tập thiền hành.

Svastika chưa kịp đi tìm Rahula thì Rahula đã tìm đến chú, Rahula kéo chú ngồi xuống bên một gốc tre.

- Hồi xế trưa tôi có gặp thầy Ananda. Thầy đã được nghe Bụt giới thiệu về chú và thầy muốn gặp chú để được nghe chú kể chuyện ngày xưa, hồi chú còn bé và chú đã được gặp Bụt như thế nào.

- Thầy Ananda là ai vậy hả chú?

- Thầy là một vị vương tử dòng họ Sakya, và là em chú bác của Bụt. Thầy xuất gia bảy năm nay. Thầy học giỏi lắm và rất được Bụt thương. Thầy thường để tâm săn sóc đến sức khỏe của Bụt, thầy mời anh em mình chiều mai đến thảo am của thầy đàm đạo. Tôi cũng rất muốn được nghe chú kể chuyện Bụt hồi người còn tu ở rừng Gaya.

- Thế Bụt chưa kể cho chú nghe sao?

- Có chứ, nhưng người chỉ kể sơ lược thôi. Tôi tin chắc là chú có rất nhiều chuyện hay để kể lại.

- Chuyện thì cũng không có gì nhiều đâu, nhưng nhớ được điều gì tôi sẽ kể lại điều ấy. Này chú, thầy Ananda có dễ thương không? Tôi ngại quá.

- Dễ thương lắm, và hiền lắm. Tôi đã có nói sơ lược về chú và về gia đình chú cho thầy ấy nghe, thầy ấy tỏ vẻ ưa thích lắm. Thôi nhé, chúng ta sẽ gặp lại nhau ngày mai vào giờ đi khất thực. Tôi sẽ đi giặt y cho kịp khô.

Rahula đứng dậy, Svastika kéo áo bạn:

- Chú ngồi chơi thêm chút nữa, tôi có mấy điều muốn hỏi chú. Hồi sáng Bụt dạy rất rõ về mười một điều mà một vị khất sĩ cần phải làm theo. Tôi đã không ghi nhớ hết mười một điều. Vậy nhờ chú chỉ bảo lại tôi.

- Hồi chiều tôi cũng có nhẩm lại mười một điều ấy nhưng tôi cũng chỉ nhớ được có chín điều. Thôi thế này nhé, ngày mai gặp thầy Ananda chúng ta sẽ nhờ thầy nhắc lại.

- Có chắc thầy Ananda nhớ được hết không?

- Chắc chứ! Ai chứ thầy Ananda thì một trăm mười một điều thầy cũng nhớ được chứ đừng nói mười một điều. Chú mới tới thành ra không biết thầy Ananda đấy thôi. Thầy có một trí nhớ kinh khiếp lắm; ở đây không có người nào là không phục. Những điều Bụt nói, thầy ấy có thể trùng tuyên lại vanh vách không sót một chi tiết nào. Ai cũng xưng tụng thầy là "đệ nhất đa văn" đấy. Hễ ai quên một điều gì Bụt đã dạy thì người ấy lại tìm đến thầy Ananda. Ở đây lâu lâu đại chúng lại tổ chức một buổi học ôn lại và mời thầy trùng tuyên lại những bài dạy căn bản của Bụt.

- Vậy thì chúng ta may mắn quá. Chúng ta đời đến chiều mai vậy.

À mà quên, tôi lại định hỏi chú: làm thế nào để nhiếp tâm trong khi đi kinh hành?

- Chú muốn nói là khi đi kinh hành chú cứ nghĩ đến những chuyện khác phải không? Hẳn là chú nhớ tới các em chú ở nhà?

Svastika nắm tay bạn:

- Sao chú thông minh quá! Quả thật tôi có nghĩ đến các em ở nhà. Chiều hôm nay sao tôi thấy nhớ nhà thế. Tôi rất hối hận đã không nhất tâm với việc tu học. Tôi cảm thấy xấu hổ với Bụt và với chú lắm.

Rahula cười:

- Chú đừng cảm thấy xấu hổ. Hồi tôi mới đi theo Bụt tôi cũng nhớ mẹ, ông nội và bà dì của tôi lắm. Có nhiều đêm tôi nằm úp mặt vào vách mà khóc một mình. Tôi biết mẹ tôi, ông nội và bà dì tôi cũng nhớ tôi lắm. Nhưng mà lâu ngày thì quen đi.

Rahula kéo Svastika đứng dậy. Chú ôm ngang hông Svastika một cách thân ái:

- Các em chú dễ thương lắm. Chú nhớ nhà là phải. Nhưng rồi chú cũng sẽ quen đi như tôi. Ở đây chúng ta có nhiều chuyện phải làm lắm. Phải tu và phải học. Có dịp tôi sẽ kể chuyện mẹ tôi, ông nội tôi và bà dì cho chú nghe. Chú có muốn nghe không?

Svastika nắm chặt bàn tay của Rahula trong hai tay mình. Chú gật đầu.

Hai bạn chia tay. Rahula đi giặc y.

Svastika đi tìm chổi quét lá tre xung quanh các tịnh xá và gom lá tre lại thành từng đống.

Chương 3 - Mớ Cỏ Kusa

Tối hôm đó trước khi đi ngủ, Svastika ngồi trước gốc tre ôn lại những gì đã xảy ra trong thời gian mấy tháng được gặp Bụt trong rừng để chiều mai kể lại cho thầy Ananda và chú Rahula nghe. Chú có cảm tưởng chú không có chuyện gì nhiều để kể. Hồi đó chú mười một tuổi. Mẹ chú vừa mất, chú phải chăm sóc ba đứa em. Em gái út của chú là bé Bhima chỉ được có mấy tháng, Bhima không có sữa uống. Hồi đó Svastika đã được ông Rambhul trong xóm giao cho công việc chăn trâu.

Hồi đó đàn trâu chỉ có bốn con và một con trâu nghé. Mỗi ngày Svastika đã lén vắt sữa trâu cho em uống. Nó chăm sóc bầy trâu rất cẩn thận vì biết rằng nếu nó không được giữ trâu cho ông Rambhul thì các em nó sẽ đói. Từ ngày ba nó mất, căn nhà chưa lợp lại lần nào. Mái tranh đã nát, hễ trời mưa lớn là nhà dột, và thằng Rupka phải đi lấy mấy cái chậu sành đã mẻ ngoài hiên vào để hứng nước dột. Bé Bala mới có sáu tuổi mà đã phải học nấu cơm, ẵm em và đi nhặt củi ngoài rừng. Có khi nó phải ẵm em ra rừng, để vừa giữ em vừa nhặt củi. Còn nhỏ tuổi nhưng bé Bala đã biết nhồi bột làm bánh Chappati cho cả nhà. Mấy anh em ít khi có đủ tiền để mua bột cà – ri. Có khi lùa trâu về chuồng, đi ngang qua nhà bếp ông Rambhul nghe mùi cà ri bốc lên thơm lừng, Svastika chảy cả nước miếng.

Từ ngày ba chúng nó mất, ít có khi nào chúng nó được ăn bánh chappati cuốn hoặc chấm trong nước cà-ri nấu thịt đâu.

Áo quần của đứa nào cũng tơi tả. Svastika chỉ vận có một cái xà rông khi đi chăn trâu.

Hôm nào trời lạnh lắm, nó mới quấn thêm tấm vải màu nâu lên người. Tấm vải đã bạc màu và mốc thếch nhưng nó quý lắm, Svastika phải tìm những nơi có đủ cỏ cho trâu ăn. Nó biết hễ trâu tới nhà mà bụng còn lép là nó sẽ bị ông Ramhul đánh mắng. Một buổi chiều lùa trâu về, Svastika phải gánh theo một gánh cỏ tươi để cho trâu ăn. Đàn trâu ăn cỏ suốt đêm. Vào những hôm có nhiều muỗi, Svastika còn phải đốt lửa un khói để đuổi muỗi cho trâu trước khi ra về. Ông Rambhul trả lương cho nó bằng gạo, bột mì và muối, cứ ba hôm một lần. Có hôm đi chăn trâu về, Svastika đem được về cho Bala vài ba con cá mà nó câu được ở bờ rông Neranjara.

Một buổi chều sau khi đã tắm xong cho trâu và đã cắt cỏ được đầy gánh, Svastika định vào rừng ngồi chơi một lát trước khi lùa trâu về chuồng. Để bầy trâu ăn ở cửa rừng. Svastika đi tìm một gốc cây để ngồi tựa lưng. Bỗng dưng nó thấy một người đang ngồi yên lặng dưới gốc một cây pippala thật lớn về phía trước, cách nó chừng hai chục sải tay.

Svastika ngạc nhiên đứng lại nhìn. Nó chưa bao giờ thấy có ai ngồi đẹp như vậy. Người ấy ngồi lưng rất thẳng, chân xếp tréo vào nhau, dáng vững chải và hùng mạnh. Mắt người ấy như là đang nhắm lại, và hai tay người ấy đang vào nhau đặt thoải mái phía giữa. Người ấy ăn mặc rất giản dị: một tấm vải màu vàng nhạt một đầu quấn phía dưới và một đầu phủ lên vai. Toàn thân người ấy tỏa chiếu một cái gì vừa thanh thoát, vừa trầm hùng và vừa an bình. Chỉ cần nhìn người ấy, người ta cũng đã cảm thấy khỏe khoắn trong mình. Tự nhiên Svastika cảm thấy một thứ tình cảm nẩy sinh trong nó và làm rung động trái tim nó. Nó không hiểu tại sao nó có cảm tình ngay với một người khi mà nó cũng chưa biết người đó là ai. Nó đứng trân trân nhìn ngắm người ấy

một hồi lâu, không dám cử động.

Một lát sau người ấy mở mắt. Nhưng người ấy vẫn không trông thấy Svastika. Người ấy dao động thân thể, rồi tháo chân ra để xoa bóp. Rồi người ấy từ từ đứng dậy và bắt đầu đi từng bước chầm chầm. Vì đi về phía bên kia cho nên người ấy vẫn chưa thấy được em bé chăn trâu. Svastika vẫn đứng lặng yên nhìn người ấy đi những bước chân vững chãi, trầm lặng và nhẹ nhàng trên lối mòn của khu rừng. Đi được bảy tám bước người ấy quay trở lại, và người ấy nhận ra sự có mặt của Svastika. Thấy em bé, người ấy mỉm cười. Nụ cười thật hiền hậu và bao dung. Chưa bao giờ Svastika thấy ai cười với mình như thế. Như bị một sức hút lôi kéo, Svastika chạy về phía người ấy. Nhưng khi còn cách người ấy chừng bốn bước, Svastika ngừng lại. Nó nhớ là nó không được quyền đụng chạm vào những người thuộc giai cấp trên.

Svastika thuộc về giới ngoại cấp, nghĩa là không thuộc giai cấp nào trong bốn giai cấp của xã hội cả. Nó đã từng nghe ba nó nói rằng giai cấp Bà la môn (brahmana) là giai cấp cao quý nhất trong xã hội. Những người trong giai cấp này phần lớn là những giáo sĩ thông hiểu kinh Vệ Đà biết đọc kinh, biết cúng tế, có thể tiếp xúc với thần linh.

Khi Phạm Thiên tạo ra loài người thì Bà la môn được sinh ra từ miệng Ngài. Những người thuộc giai cấp Sát đế lợi (Ksatriya) là những người có quyền bính chính trị và quân sự, họ đã được sinh ra từ hai tay của Phạm Thiên. Những người thuộc giai cấp Phệ xà (Vaisya) là những người trong giới buôn bán, trồng tỉa, chăn nuôi và tiểu công nghệ, họ đã được sinh ra từ bắp đùi của Phạm Thiên. Còn những người thuộc giai cấp Thủ đà (sudra) là những người đã sinh ra từ hai bàn chân của Phạm Thiên. Họ thuộc về giai cấp nghèo nhất, phải làm những nghề cực nhọc mà người trong ba giai cấp trên không làm. Giai cấp ấy là giai cấp thấp nhất rồi mà gia đình Svastika lại thuộc vào một tình trạng thấp kém hơn nữa. Gia đình Svastika ở vào hạng ngoại cấp, nghĩa là không thuộc vào giai cấp nào cả. Nhưng người như Svastika phải làm nhà ở một khu riêng biệt bên ngoài làng. Nghề nghiệp của họ chỉ là những nghề nghiệp thấp kém như đổ phân, đắp đường, nuôi heo, giữ trâu, cày ruộng. Ai sinh ra ở giai cấp nào thì phải chấp nhận hoàn cảnh của mình. Thần linh đã dạy như vậy và kinh điển cũng dạy như vậy.

Những người thuộc giới ngoại cấp như Svastika mà nếu lỡ lầm đụng phải một người thuộc giai cấp cao thì có thể bị trừng phạt nặng. Trong làng Uruvela đã có người bị đánh bầm tím thân thể vì đã lỡ tay đụng nhầm một người Bà la môn. Lỡ tay đụng phải một người Bà-la-môn hay một người Sát-đế-lợi, tức là làm ô nhiễm người ấy, và người ấy phải về ăn chay, nằm đất và sám hối nhiều tuần lễ mới được trong sạch trở lại.

Mỗi khi lùa trâu về chuồng, Svastika phải cẩn thận lắm. Nó không bao giờ dám tới gần một người nào trong cái xã hội cao quý, dù trên đường đi hay là trong sân nhà ông Rambhul. Nhiều lúc Svastika thấy con trâu còn có may mắn hơn mình.

Một người Bà la môn có thể đụng tới con trâu mà không bị ô uế, nhưng nếu người ấy đụng nhầm Svastika là ông ta phải về sám hối cả hai ba tuần lễ. Dù mình không đụng người ta mà người ta đụng nhầm mình thì mình cũng có thể bị đánh đập tàn nhẫn.

Hiện đứng trước Svastika là một người thật dễ thương nhưng theo kiểu cách của người đó thì chắc chắn ông ta không phải là người cùng đẳng cấp với Svastika rồi. Nụ cười ông ấy hiền hậu như thế và cái nhìn của người ấy bao dung như thế thì chắc hẳn người ấy sẽ chẳng nở đánh đập Svastika đâu, dù Svastika có lỡ đụng nhầm. Nhưng Svastika nghĩ rằng nếu lỡ đụng nhầm người

ấy thì sẽ làm người ấy ô nhiễm, tội nghiệp. Cho nên nó vội ngừng lại khi khoảng cách giữa hai người chỉ còn ba bước. Thấy Svastika không bước tới, người ấy lại bước gần Svastika. Svastika tự khắc lui một bước, để tránh sự đụng chạm. Nhưng người ấy nhanh nhẹn lắm. Chỉ trong một chớp mắt ông ta đã tóm được Svastika. Tay trái người ấy ôm ngang vai Svastika còn tay phải người ấy xoa lên đầu nó. Svastika đứng yên, ngoài má nó, chưa có ai xoa đầu nó một cách âu yếm như thế bao giờ. Tuy nhiên nó vẫn còn sợ.

- Em đừng sợ. Người ấy nói, giọng nhỏ nhẹ và thân mật.

Svastika rất yên tâm khi nghe người ấy nói. Nó ngửng đầu lên thì lại gặp cái nhìn bao dung và nụ cười hiền hậu của người ấy. Ngập ngừng một lát nó nói:

- Chú dễ thương lắm.

Người ấy lấy tay nâng cằm nó lên và nhìn vào mắt nó:

- Em cũng dễ thương lắm. Nhà em ở gần đây phải không?

Svastika không trả lời. Nó nắm lấy bàn tay trái của người đó trong hai bàn tay của nó.

Nó hỏi cái câu hỏi đang nằm trong đầu nó:

- Con nắm tay chú như thế này thì chú bị ô nhiễm rồi phải không?

Người ấy cười và lắc đầu:

- Không đâu, em. Em là con người, tôi cũng là con người. Em không làm ô nhiễm tôi đâu. Đừng có nghe lời người ta nói.

Người ấy cầm tay Svastika đi ra phía cửa rừng.

Đàn trâu của Svastika còn đó. Gánh cỏ tươi của Svastika cũng còn đó. Người ấy nhìn Svastika hỏi:

- Em chăn những con trâu này phải không? Và đây là gánh cỏ mà em đã cắt cho trâu ăn, phải không? Em tên là gì? Nhà ở gần đây không?

Svastika lễ phép thưa:

- Dạ đây là trâu của con chăn. Bốn con này và con nghé này nữa. Đây là cỏ của con mới cắt. Con tên là Svastika. Nhà con bên kia sông, ở cuối làng Uruvela. Thưa chú, còn chú tên gì, và nhà chú ở đâu, chú nói cho con nghe được không?

Người ấy ôn tồn đáp:

- Được chứ. Chú tên là Siddhatta. Nhà chú ở xa lắm. Hiện giờ chú ở tạm trong rừng này.

- Chú là sa-môn, phải không?

Người ấy gật đầu. Svastika biết rằng sa-môn là những người tu, thường hay cư trú trong núi.

Hai người mới quen nhau, mới trao đổi với nhau có vài câu chuyện mà Svastika đã có cảm tưởng là mình đã rất thân với người bạn mới này.

Trong làng Uruvela, nó chưa thấy có ai đối xử với nó một cách thân ái như thế hay nói chuyện với nó một cách ôn tồn như thế. Nó cảm thấy một niềm hạnh phúc dâng lên trong lòng. Nó muốn bày tỏ nỗi hân hoan của nó. Nó nghĩ giá nó có một cái gì để làm quà tặng cho người này thì hay biết bao. Trong túi nó không có một đồng tiền, cũng không có một cục đường phèn, biết lấy gì làm quà tặng. Nhưng Svastika có can đảm nói ra những gì mình đang nghĩ.

- Thưa chú, con muốn tặng chú một món quà, nhưng con không có gì trong người con hết.

Siddhatta nhìn Svastika rồi mỉm cười nói:

- Có chứ, em có một thứ mà nếu em làm quà cho tôi thì tôi thích lắm.

Svastika ngơ ngác:

- Con có gì đâu?

Siddhatta chỉ gánh cỏ:

- Cỏ của em cắt cho trâu ăn mềm và thơm lắm. Nếu em cho tôi vài nắm để tôi trải dưới gốc cây làm nệm ngồi thì tôi sẽ sung sướng biết bao.

Mắt Svastika sáng lên. Nó chạy tới gánh cỏ, cúi xuống ôm lấy một ôm đầy trong hai vòng tay nhỏ. Rồi nó trở về dâng ôm cỏ cho Siddhatta:

- Cỏ Kusa này con mới cắt bên bờ sông. Con xin biếu chú. Lát nữa con sẽ ra bờ sông cắt thêm cho đầy gánh.

Siddhatta chắp tay cung kính nhận bó cỏ từ tay em bé. Ông nói:

- Em rất dễ thương, tôi cảm ơn em. Thôi bây giờ em ra bờ sông cắt cỏ thêm cho đầy gánh đi, rồi về kẻo muộn. Chiều mai nếu có dịp em ghé vào rừng thăm tôi nhé.

Bé Svastika cúi đầu chào. Nó đứng đợi cho Siddhatta ôm bó cỏ đi khuất vào rừng rồi mới tới gỡ lưỡi liềm gài trên chiếc đòn xóc đặt nghiêng trên gánh cỏ và bước ra phía bờ sông.

Nó thấy ấm áp trong lòng. Trời đầu mùa Hạ, cỏ Kusa còn non và lưỡi liềm của Svastika còn sắt nên cắt rất ngọt. Chẳng mấy chốc mà Svastika đã cắt được đầy một ôm lớn.

Svastika lùa trâu về. Sông Neranjara có một khúc rất cạn gần đó, Svastika cho trâu lội qua khúc ấy. Con nghé con còn lưu luyến đám cỏ non bên bờ sông, Svastika phải tới lùa nó chạy theo đàn trâu. Gánh cỏ trên vai không có gì là nặng, Svastika lội qua sông cùng một lượt với bầy trâu.

Chương 4 - Chim Thiên Nga Trúng Tên

Ngày hôm sau, Svastika thả trâu bên bờ sông và bắt đầu cắt cỏ ngay từ buổi sáng.

Đến trưa nó đã cắt cỏ xong và nhét đầy cứng hai cái giỏ. Để gánh cỏ bên này sông, Svastika lùa trâu sang bên kia sông. Bên kia sông chỉ có rừng mà không có ruộng lúa, thành ra Svastika thường cho trâu ăn bên ấy để có chút thì giờ ngả lưng trên đám cỏ non bên bờ sông gió mát. Nó chỉ đem theo chiếc liềm. Chiếc liềm đối với nó rất quý giá vì đó là phương tiện sinh sống của nó.

Qua bên kia sông, Svastika dở nắm cơm mà Bala đã gói cho nó từ hồi sáng trong một tờ lá chuối. Vừa định bốc cơm ăn thì nó nhớ đến vị sa môn trong rừng. Nó nhớ đến Siddhatta. "Mình có thể đem cơm này chia xẻ với người ấy. Người ấy chắc là sẽ không chê cơm của mình là hèn mọn đâu".

Nghĩ như thế, Svastika gói nắm cơm trở lại. Nó lùa đàn trâu về ăn phía cửa rừng.

Rồi nó theo lối cũ, tìm về chốn gặp gỡ chiều qua.

Từ xa, nó đã thấy dáng của Siddhatta, ngồi dưới gốc cây đại thọ pippala. Nhưng Siddhatta không ngồi một mình. Trước mặt Siddhatta còn có một người khác. Đó là một cô bé trạc tuổi Svastika, ăn mặc rất tươm tất. Cô bé vận sari màu trắng đang ngồi nhìn Svastika ăn cơm. Svastika dừng lại. Nhưng Svastika đã ngửng lên, và đã trông thấy Svastika.

- Svastika!

Người ấy vừa gọi vừa đưa tay vẫy ra hiệu cho nó lại gần. Cô bé cũng nhìn ra. Svastika nhận ra cô bé nầy. Nó chưa biết tên cô bé nhưng đã gặp cô bé một vài lần trên đường làng. Svastika bước tới gần. Cô bé ngồi xích ra một bên. Siddhatta chỉ một chỗ ngồi trước mặt và ra hiệu cho Svastika ngồi xuống. Trước mặt Siddhatta, có một mảnh lá chuối tươi. Trên mảnh lá chuối là một nắm cơm và một ít muối mè. Siddhattachỉ mới bẻ nắm cơm ra làm hai chứ chưa bắt đầu ăn.

- Em ăn cơm chưa? Siddhatta nhìn Svastika.

- Thưa chú, con chưa ăn.

- Vậy chúng ta cùng ăn cơm với nhau cho vui được không?

Nói xong Siddhatta trao cho Svastika một nắm cơm. Svastika cung kính chắp tay nhưng không nhận. Nó đưa nắm cơm của nó ra:

- Con cũng có đem cơm theo đây.

Rồi nó mở gói cơm. Cơm của Svastika là cơm gạo đỏ không trắng trẻo như cơm của Siddhatta. Với lại nó không có muối mè. Nó chỉ vài hạt muối trắng. Siddhatta mỉm cười nhìn hai đứa trẻ:

- Vậy chúng ta gom lại và cùng ăn chung được không? Nói xong Siddhatta lấy một nửa nắm cơm hẩm của Svastika và ăn ngon lành. Svastika hơi bỡ ngỡ; nhưng thấy Siddhatta ăn cơm rất tự nhiên nó cũng đưa cơm lên ăn.

- Cơm của chú dẻo, mềm và thơm lắm, nó nói.

- Đó là cơm của Sujata đem cho, Siddhatta vừa nói vừa nhìn cô bé.

À thì ra cô bé này tên Sujata. Svastika nhìn kỹ lại. Cô bé này lớn hơn mình, có lẽ lớn hơn một hoặc hai tuổi. Hai mắt cô ta to đen lay láy. Svastika ngừng nhai, nói:

- Em có gặp chị mọt vài lần trên đường làng. Em không biết chị tên Sujata.

Sujata nói:

- Chị là con gái ông hương cả làng Uruvela. Còn em, có phải em là Svastika không? Thầy Siddhatta vừa kể chuyện em cho chị nghe xong. Này Svastika, em đừng kêu thầy Siddhatta là "chú" nữa. Thầy là sa-môn mà, mình kêu thầy bằng thầy thì đúng hơn.

- Dạ.

Siddhatta ngừng nhai nhìn hai đứa trẻ mỉm cười.

- Như vậy là ta khỏi giới thiệu hai con với nhau. Nầy các con, thầy thường ăn cơm trong im lặng. Những hạt cơm và những hạt mè mà các con đem đến quý giá vô cùng. Ta muốn ăn cơm trong im lặng để thấy được giá trị của những hạt ấy. Sujata, chắc con ít có dịp được ăn cơm gạo đỏ. Có thể là con đã ăn cơm rồi, nhưng con nên ăn một miếng cơm gạo đỏ của Svastika đem đến. Ngon lắm đó con. Bây giờ chúng ta nên im lặng mà ăn.

Xong bữa cơm thầy sẽ nói chuyện cho hai con nghe.

Siddhatta bẻ một miếng cơm từ nắm cơm của Svastika và trao cho Sujata. Cô bé chắp tay thành búp sen, kính cẩn nhận lấy. Ba người lặng lẽ ngồi ăn cơm trong cảnh rừng trưa u tịch.

Sau khi cơm và muối mè đã hết, Sujata thu lượm các mảnh lá chuối lại. Cô lấy bình nước trong để bên cạnh, rót vào một cái bát bằng đá duy nhất mà cô đem theo và dâng lên. Siddhatta tiếp nhận bát nước và trịnh trọng đưa mời Svastika. Svastika vội nói:

- Con xin mời chú, à quên... mời thầy uống trước.

Siddhatta nhìn nó, ôn tồn nói:

- Con uống trước. Thầy muốn con uống trước. Và ông nâng bát lên bằng cả hai tay.

Svastika hơi luống cuống nhưng không còn cách nào từ chối. Nó chắp tay lại, đón lấy bát nước và đưa lên uống một mạch cạn chén, rồi trao bát lại cho Siddhatta, cũng bằng hai tay. Siddhatta chìa bát ra để Sujata rót bát thứ hai. Khi bát nước đã đầy ông nâng lên với dáng điệu cung kính và thong thả uống từng ngụm nhỏ. Uống xong bát nước, Siddhatta lại chìa bát ra để Sujata rót cho bát thứ ba. Bát này Siddhatta đưa lên mời Sujata. Sujata đặt bình nước xuống trước mặt. Cô chắp hai tay và nhận lấy bát nước. Hồi nãy đến giờ mắt Sujata không ngừng quan sát hai người. Bây giờ cô mới nâng bát nước lên và uống từng ngụm nhỏ giống như Siddhatta vừa uống. Sujata ý thức rằng đây là lần đầu tiên cô đã uống nước từ một cái bát mà một người thuộc hạng ngoại cấp đã uống. Siddhatta là thầy mình. Ông đã uống thì tại sao mình lại không uống? Tuy nhiên, cô bé không hề có cảm tưởng mình bị ô nhiễm. Bất giác cô đưa tay trái của cô ra, và sờ vào đầu tóc của cậu bé chăn trâu ngồi bên cạnh.

Cử chỉ rất bất ngờ, khiến cho Svastika không tránh kịp, Sujata đã chạm được vào đầu Svastika. Tay phải cô bé vẫn còn nâng bát nước. Sujata thu tay trái lại. Với hai tay cô nâng bát lên và uống hết nước trong chiếc bát. Cuối cùng cô bưng bát đặt xuống gốc cây, và nhìn hai người, mỉm cười.

Siddhatta gật đầu:

- Các con đã hiểu được lời ta nói. Con người sinh ra không có giai cấp. Nước mắt của người nào cũng mặn, máu của người nào cũng đỏ. Chia người ra thành giai cấp để mà kỳ thị lẫn nhau đó là một điều sai lầm. Thầy đã thấy được điều đó trong khi thầy thiền quán.

Sujata trang nghiêm:

- Chúng con là học trò của thầy và chúng con tin lời thầy dạy. Nhưng ở đời hình như không có ai nghĩ như thầy hết. Ai cũng tin rằng những người sudra và những người ngoại cấp đã được sinh ra từ bàn chân của chúa trời Phạm Thiên. Kinh điểm cũng nói như vậy. Có ai dám nghĩ khác hơn đâu.

- Thầy biết. Nhưng sự thật là sự thật, dù không có ai tin theo. Một điều sai lầm mà được hàng triệu người tin theo thì cũng là một điều sai lầm. Các con phải có thật nhiều can đảm mới có thể sống theo sự thật.

Để thầy kể chuyện này cho các con nghe. Hồi đó thầy mới có chín tuổi. Một hôm thầy đang chơi thơ thẩn một mình ở trong vườn thì có một con chim thiên nga từ trên trời rơi xuống, ngay trước mặt thầy. Con chim có vẻ đau đớn lắm. Nó quằn quại trên mặt đất. Thầy chạy tới ôm nó lên, và thấy có một mũi tên cắm sâu vào cánh nó. Thầy cầm mũi tên trong tay, ngậm miệng lại, và rút mạnh mũi tên ra. Con chim run bắn lên, và máu rỉ ra ướt đỏ cả cánh chim. Thầy vội lấy ngón tay cái ấn lên trên vết thương cho máu ngưng chảy. Ôm con chim trong tay, thầy chạy vào nhà trong đi tìm cô cung nữ Sundari. Thầy nhờ cô đi hái một nắm lá dâu nhai nhỏ và rịt lên vết thương của con chim. Con chim run rẩy. Hình như nó bị lạnh. Thầy cởi chiếc áo lông cừu ra, bọc chim vào cho chim ấm, và đặt chim gần lò sưởi.

Siddhatta ngưng lại, nhìn Svastika:

- Svastika, ta chưa nói cho con biết là hồi đó ta là hoàng thái tử, con vua Suddhodana ở thành Kapilavatthu. Điều này Sujata đã biết rồi.

Thầy đang định đi kiếm cơm nguội cho chim ăn thì Devadatta đẩy cửa chạy vào, Devadattalà em chú bác của ta, hồi đó tám tuổi. Tay Devadatta còn cầm cung và tên. Devadattahỏi:

- Siddhatta, anh có thấy một con chim trắng rơi xuống đâu đây không?

Ta chưa kịp trả lời thì Devadatta đã nhìn thấy con chim để gần lò sưởi ngự. Nó định chạy tới dành lấy con chim. Ta vội ngăn nó lại:

- Em không được lấy con chim. Con chim này là của anh.

Devadattakhông chịu:

- Con chim ấy là của em. Chính em bắn nó rơi xuống.

Lúc đó ta đứng chận trước mặt Devadatta, cương quyết không cho nó rờ tới con chim. Ta nói:

- Con chim này bị thương. Anh cứu nó. Anh che chở cho nó. Nó cần anh, chứ nó không cần em.

Devadatta là một đứa em cũng cứng đầu lắm, nó có chịu thua đâu. Nó lại là một đứa trẻ thông minh. Nó lý luận:

- Này nhé, anh nghe đây. Con chim này, khi nó còn bay trên trời, thì nó không thuộc về ai cả. Em bắn nó rơi xuống, thì lý đương nhiên nó thuộc về em.

Nghe nói như thế, thầy tức lắm. Lý luận của nó có vẻ vững chãi đanh thép, nhưng thầy thấy nó có một cái gì sai sai ở trong ấy mà không biết đích xác là sai ở chổ nào. Thầy thấy nghẹn cả họng, và rất muốn thụi nó một cái thật mạnh vào vai, nhưng thầy đã không làm thế, thầy cũng không biết tại sao. Bỗng nhiên thầy tìm thấy được cách trả lời Devadatta. Thầy nói:

- Em cũng nghe anh nói đây. Thói thường, những kẻ thương yêu nhau mới ở chung với nhau, còn những kẻ ghét bỏ nhau thì không bao giờ sống chung với nhau. Em có ý dữ muốn bắn giết con chim, như vậy em và con chim là những kẻ thù ghét nhau, làm sao con chim có thể ở chung với em được. Trong khi đó, anh cứu con chim, anh rịt vết thương cho nó, anh sưởi ấm cho nó, và anh đang đi kiếm thức ăn cho nó ăn... vậy thì anh và con chim là những kẻ biết yêu thương nhau, anh và con chim có thể ở chung với nhau... như anh đã nói, con chim nó cần anh, chứ nó không cần em.

Sujata vỗ hai tay lại với nhau kêu đốp đốp:

- Thầy nói đúng lắm! Thầy nói đúng lắm!

Siddhatta quay sang nhìn Svastika:

- Còn con , con thấy lý luận của thầy thế nào?

Svastika ngẫm nghĩ. Một lát sau nó nói:

- Con ... con cũng thấy thầy có lý. Nhưng con nghĩ rằng ở đời ít ai chịu chấp nhận cái lý ấy. Phần đông người ta theo lý luận của Devadatta hơn.

Siddhatta gật đầu:

- Con nói đúng. Người đời phần lớn đều hùa theo lý luận của Devadatta. Để thầy kể tiếp cho các con nghe. Cuộc tranh chấp giữa thầy và Devadatta không đi đến đâu, vì vậy sau đó được đưa ra giữa những người lớn. Hôm đó có buổi họp trong chiều. Thầy thì ôm con chim, còn Devadattathì ôm cung tên, cả hai chạy ùa vào nhờ các quan phán xử. Lúc ấy phụ vương của thầy đang ngồi ở giữa buổi chầu. Cuộc đàm luận việc nước phải được tạm ngừng lại. Các quan nghe xong lý luận của Devadatta, thì nghe đến lý luận của thầy. Họ bàn tán phân vân, rất lâu, rất lâu, và chẳng đi đến kết quả gì cả. Số người theo phe Devadatta rất đông. Giữa lúc ấy thì phụ vương của thầy ngứa cổ. Ông ho lên mấy tiếng. Lập tức các quan đều im lặng. Ai cũng nhìn vua. Và sau đó, buồn cười chưa, một người đều nghĩ lý luận của thầy đúng hơn, và nên giao con chim cho thầy giữ. Devadatta tức lắm .

Thầy được con chim, nhưng cũng không thấy vui mấy. Bởi vì tuy còn nhỏ tuổi, thầy cũng dư sức

để biết rằng sự thắng cuộc của thầy không được vẻ vang. Người ta vì nể phụ vương thầy mà cho thầy thắng cuộc chứ không phải vì họ thấy lý luận của thầy là đúng.

- Buồn quá thầy nhỉ, Sujata buộc miệng.

- Buồn thật. Nhưng lúc đó nghĩ đến sự an toàn của con chim, thầy cũng cảm thấy được an ủi ít nhiều. Nếu không thì con chim đã bị đưa xuống nhà bếp để làm thịt rồi.

- Ở đời, ít người biết nhìn bằng con mắt thương yêu. Vì vậy họ ác độc với nhau, họ không tha thứ cho nhau. Hồi ấy tuy mới có chín tuổi, thầy đã thấy được điều đó. Những kẻ yếu đuối và đứng ở cô thế thường thường là dễ bị bắt nạt và làm hại. Lý luận của thầy hồi đó, bây giờ thầy vẫn thấy có giá trị. Đó là lý luận của tình thương yêu và sự hiểu biết. Đó là sự thật có thể làm vơi bớt nỗi khổ của mọi loài. Dù số đông không công nhận thì đó vẫn là sự thật. Cho nên thầy đã dặn các con: Các con phải có thật nhiều can đảm mới có thể đứng về phía sự thật mà bảo vệ sự thật.

- Còn con chim, sau đó nó ra sao, hả thầy? Sujata hỏi.

- Thầy nuôi con chim được bốn ngày. Khi thấy vết thương nơi cánh của nó đã lành hẳn, thầy đã thả nó ra. Thầy đã dặn nó bay thật xa để đừng bị Devadatta bắn rơi một lần nữa.

Siddhatta nhìn hai đứa trẻ ngồi trước mặt mình. Cả hai đứa đang ngồi trầm ngâm, không nói năng gì. Ông lên tiếng:

- Sujata, đã đến lúc con phải về nhà kẻo mẹ con đợi. Svastika, con đi chăm sóc đàn trâu của con đi. Và nếu chưa cắt đủ cỏ thì con hãy cắt. Ôm cỏ mà con cho thầy hôm qua, thầy đã trải làm nệm ngồi, tốt lắm. Đêm qua và sáng hôm nay thầy ngồi thiền rất thành công và thầy đã đạt tới nhiều cái thấy quan trọng. Công đức của con không phải là nhỏ. Chừng nào thầy đạt được đạo quả viên mãn, thầy sẽ đem dạy cho các con. Đến giờ thầy thiền tọa rồi.

Svastika nhìn xuống. Quả thật ôm cỏ đã được Siddhatta trải làm nệm ngồi. Các lá cỏ đã cuốn tròn lại nhưng chắc chắn là cỏ còn mềm. Cậu bé nghĩ là cứ ba hôm một lần, cậu có thể dâng cho thầy một ôm cỏ mới. Cậu đứng dậy cùng với Sujata, cậu chắp tay vái chào Siddhatta. Sujata về nhà, còn Svastika thì lùa trâu về lại bờ sông cho trâu ăn cỏ.

Chương 5 - Bát Sữa Cứu Mạng

Từ hôm ấy về sau, mỗi ngày Svastika đều có ghé vào rừng thăm Siddhatta.

Những hôm nào cắt được đầy gánh cỏ thì Svastika ghé vào và ăn trưa vói Siddhatta. Nắng càng gay gắt thì cỏ càng ít đi vì vậy có hôm Svastika phải đợi đến xế chiều mới vào thăm vị sa môn trong rừng được. Có khi Svastika vào rừng thì gặp lúc Siddhatta đang ngồi thiền tọa. Những lúc ấy cậu bé chỉ ngồi ngắm Siddhatta một hồi rồi lặng lẽ đi ra khỏi rừng, sợ làm phiền nhiễu đến công phu thiền tập của thầy. Chỉ khi nào vào rừng mà gặp Siddhatta đang đi kinh hành thì Svastika mới dám đến gần để được truyện trò chốc lát.

Năm bảy hôm một lần, Svastika cùng gặp Sujata trong rừng. Hôm nào chị Sujata cũng đem dâng cho Siddhatta một nắm cơm và một ít thức ăn, hoặc muối mè, hoặc đậu phụng, hoặc nước sốt cà – ri, có hôm chị đem theo cả sữa hoặc để hồ hoặc được phèn. Hai chị em đã từng có dịp nói chuyện nhiều lần ở cửa rừng, bên cạnh những con trâu ăn cỏ. Có khi Sujata đi với cô em gái tên là Supriya, trạc chín mười tuổi. Svastika nghĩ thầm là một hôm nào đó nó cũng sẽ đưa các em nó vào rừng để thăm Siddhatta. Nó sẽ ẳm con Bhima. Bala sẽ dắt tay thằng Rupak. Thế nào chúng nó cũng lội qua sông được ở khúc sông cạn nhất gần đó.

Sujata đã kể lại cho Svastika nghe những gì mà chị ấy biết về vị sa môn tên Siddhatta. Chị ấy đã làm quen với Siddhatta mấy tháng nay rồi, và từ hôm ấy đến nay mỗi ngày chị đều có đem cơm cúng dường Siddhatta vào khoảng trước giờ ngọ. Cái hôm đầu tiên mà chị Sujata được gặp Siddhatta là một ngày rằm. Nghe lời mẹ, chị Sujata mặc sari mới màu hồng, bưng một mâm đồng đầy thức cúng vào cửa rừng để cúng các thần linh. Trên mâm có bánh, có sữa, có đề hồ, có mật. Đó là vào khoảng giữa trời trưa. Trời nắng chang chang. Mới tới bờ sông, Sujata thấy một người nằm sóng soài dưới nắng. Sujata đặt mâm xuống bên bờ cỏ và chạy tới quan sát. Người này còn thoi thóp thở. Ông ta ốm lắm, chỉ còn da bọc xương. Hai mắt ông ta nhắm nghiền. Má ông ta hóp hẳn lại như người đã lâu ngày thiếu ăn. Tóc và râu của ông ta ra dài, chắc đã lâu ngày rồi không cạo. Nhìn cách phục sức của ông ta, Sujata biết đây là một ông thầy tu núi. Vốn là một cô bé thông minh, Sujata biết rằng ông này té xỉu vì đói quá. Cô bé liền cúi xuống lấy bình sữa rót đầy vào một cái bát nhỏ đem theo. Rồi cô kê bát sữa vào môi người kia và đổ xuống từng giọt. Ban đầu người ấy không đáp ứng. Nhưng sau đó đôi môi động đậy và người ấy há miệng ra. Sujata kê hẳn bát sữa vào miệng người ấy và đổ sữa vào từ từ. Người ấy bắt đầu uống. Chẳng mấy chốc bát sữa đã cạn.

Sujata ngồi xuống một bên bờ cỏ để đợi phản ứng. Người kia từ từ ngồi dậy, mở mắt. Thấy Sujata, người ấy mỉm cười. Ông kéo chiếc khăn choàng lại trên vai, ngồi xếp bằng lại trên bờ cỏ, trong tư thế hoa sen, thân hình rất thẳng, và bắt đầu thở. Thế ngồi của ông rất vững và rất đẹp. Tưởng đây là một vị thần linh của rừng núi hiện ra để thử mình, cô bé chắp hai tay để lại xuống, nhưng người ấy đã đưa một bàn tay ra ngăn lại.

Sujata còn ngẩn ngơ thì người ấy lên tiếng nhỏ nhẹ bảo cô:

- Con rót thêm cho ta một ít sữa nữa.

Sung sướng, Sujata rót sữa đầy bát dâng lên. Người ấy tiếp lấy và uống cạn. Sữa thật là mầu

nhiệm. Trong chưa đầy một khắc đồng hồ, sức khoẻ người ấy hình như đã được phục hồi. Mắt người đó thật sáng. Nụ cười người đó thật hiền. Sujata hỏi thăm về duyên cớ tại sao người ấy ngất xỉu giữa đường. Người ấy nói:

- Ta tu ở trong rừng này. Vì tu khổ hạnh lâu ngày nên thân thể ta yếu mòn. Hôm nay ta đã quyết định xuống xóm để hoá trai, nhưng đi đến đây thì kiệt sức. May mà con đến kịp để cứu ta.

Ngồi trên bờ sông, người ấy kể cho Sujata nghe sơ lược về cuộc đời tu hành của ông. Nhờ đó mà Sujata biết được rằng vị sa môn mà mình đã cứu thoát chết tên là Siddhatta, con của một vị quốc vương đang trị vì ở nước Ca-tỳ-la-vệ, Sujata ngồi nghe rất chăm chú, Siddhatta nói với cô bé:

- Ta đã thấy rằng kềm chế xác thân không phải là con đường có thể giúp con người đạt Đạo. Thân thể không phải chỉ là một dụng cụ. Thân thể là đền thờ của tâm linh, thân tể là chiếc thuyền vượt biển. Vì vậy ta đã từ bỏ con đường kềm chế xác thân bằng sự đói khát và bằng sự chịu đựng. Ta đã quyết định mỗi ngày sẽ xuống xóm để hoá trai vào giờ ngọ.

Sujata chắp tay:

- Nếu thầy cho phép thì mỗi ngày con sẽ đem dâng cúng thực phẩm cho thầy. Thầy cứ ở trong rừng mà hành đạo, đừng xuống xóm để khỏi mất thì giờ. Nhà con cũng gần đây thôi, và ba mẹ con cũng sẽ bằng lòng cho con mỗi ngày đem cơm dâng cúng cho thầy.

Siddhatta im lặng. Một lát sau, ông nói:

- Ta vui lòng nhận cơm cúng dường của con mỗi ngày. Nhưng ta cũng muốn thỉnh thoảng đi vào xóm để khất thực và tiếp xúc với bà con trong xóm. Hôm nào con đưa ta tới nhà con nhé. Ta muốn làm quen với ba và mẹ của con. Ta cũng muốn gặp các em bé khác trong xóm.

Sujata mừng rỡ. Cô bé chắp tay bái tạ. Cô rất vui khi nghĩ đến lúc được vị sa môn này ghé lại nhà và thăm ba mẹ của cô. Cô không nghĩ rằng cúng dường cho vị sa môn này là tốn kém. Gia đình cô ta là một trong những gia đình khá giả nhất ở Uruvela. Nhưng Sujata không muốn nói điều ấy ra. Cô nghĩ đây là một ông thầy tu núi rất quan trong gấp mấy lần cúng dường các vị thần núi thần rừng. Sau này mà Siddhatta tìm được Đạo thì cuộc đời sẽ được vơi bớt bao nhiêu là nỗi khổ.....

Siddhatta đã chỉ cho Sujata rặng núi Dangsiri nơi có những hang động mà Siddhatta đã từng cư trú để hành đạo. Rồi ông nói:

- Bắt đầu từ hôm nay, ta sẽ không cư trú ở đó nữa. Bên bờ sông, có một khu rừng rất mát và có một cây pippala thật sum xuê. Ngồi dưới gốc cây ta có thể thấy được cả dòng sông. Ta đã chọn nơi ấy để tu hành. Mai mốt khi con đem theo thức ăn cúng dường cho ta, con sẽ đem tới đấy. Để ta đưa con đi xem qua chỗ ấy cho biết.

Rồi ông đưa Sujata vào thăm khu rừng êm mát bên bờ sông Neranjara. Ông chỉ cho cô bé xem gốc cây pippala mà ông thường ngồi để thiền định. Sujata ngắm thân cây rồi ngửng lên nhìn cành lá. Cây lớn quá. Cây che mát cả một vùng khác rộng. Đây là một loại cây đa, lá lớn bằng bàn tay Sujata. Lá cây giống như trái tim và có những cái đuôi thật dài. Sujata nghe tiếng chim hót ríu rít. Nơi đây quả là một nơi thanh tịnh và êm mát. Sujata cũng đã có lần tới đây với ba mẹ cô để dâng cúng phẩm vật cho thần linh.

- Vậy đây là nhà mới của thầy, có phải thế không?

Sujata nhìn Siddhatta với hai mắt to và tròn lấp láy. Mỗi ngày con sẽ vào đây thăm thầy.

Siddhatta gật đầu. Ông đưa tiễn Sujatara cửa rừng, rồi trở về gốc cây ngồi thiền tọa.

Từ hôm đó, ngày nào Sujata cũng mang cơm hoặc bánh vào cúng dường vị sa môn, trước khi mặt trời đứng bóng. Có khi cô bé mang theo cả sữa, hoặc đề hồ. Có khi Siddhatta cầm bát tự mình đi vào làng khất thực. Ông đã gặp đuợc cha mẹ của Sujata, và biết rằng cha của Sujata là vị hương cả trong làng. Sujata cũng đưa cho ông đi và gặp những đứa trẻ khác mà cô bé quen ở trong xóm. Cô cũng đưa ông ta tới nhà người thợ cạo và nhờ người này cạo sạch tóc và râu cho vị sa môn. Sức khỏe của Siddhatta phục hồi thật mau chóng. Siddhatta cũng cho cô bé thí chủ biết rằng công phu thiền quán của người đang mang lại nhiều hoa trái quan trọng. Cho đến một hôm, Sujata được gặp Svastika.

Hôm ấy Sujata đến sớm và đã được Siddhatta nói cho nghe về cuộc gặp gỡ với Svastika chiều hôm trước. Sujata vừa mới ngỏ ý muốn được gặp Svastika thì Svastika đã hiện ra trong rừng. Sau này có dịp gặp Svastika, Sujata đã hỏi thăm về các em của Svastika. Và Sujata cũng đã cùng với Purna tới nhà Svastika chơi. Purna là con hầu mới của Sujata. Con hầu cũ, tên là Radha, đã bị bệnh thương hàn chết cách đây hai tháng. Trong những lần thăm viếng sau này Sujata đã đem cho các em của Svastika một ít áo quần cũ nhưng lại rất tốt. Và Sujata đã ẵm bé Bhima trước sự ngạc nhiên của con hầu Purna. Sujata dặn Purna đừng mách cho ba mẹ cô biết là cô đã ẵm trong tay một em bé ngoại cấp.

Một bữa trưa hôm nọ, bọn trẻ rủ nhau vào thăm Siddhatta khá đông. Các em của Svastika đều có mặt. Sujata rủ theo Balagupta, Vijayasena. Ulluvillike và Jatilika. Bốn người này đều là bạn gái của Sujata. Sujata cũng mời được chị họ là Nandabala cùng đi. Chị Nandabala đã mười sáu tuổi. Anh Nalaka năm nay đã mười bốn. Còn Subash mới chín tuổi. Mười một đứa ngồi thành một vòng cung trước mặt Siddhatta.

Hôm ấy ngoài ngoài thức ăn đem theo để cúng dường vị sa môn, bọn trẻ còn đem theo thức ăn trưa của chúng. Sau khi dâng cơm cho Siddhatta, bọn trẻ cũng mở thức ăn của mình ra ăn trong yên lặng. Bala và Rupka đã được anh dặn dò và huấn luyện kỹ càng rồi cho nên chúng ngồi ăn thật nghiêm trang. Bé Bhimba mở to mắt nhìn mọi người: chưa bao giờ bé thấy nhiều người như thế. Bé ngồi thật ngoan trong lòng Svastika và không hề khóc.

Hôm ấy Svastika đã cúng dường một ôm cỏ mới cho Siddhatta. Hôm ấy Svastika cũng đã nhờ đứa bạn chăn trâu của nó là thằng Gavampati coi trâu dùm trong giấc trưa. Ngoài ruộng trời đã nắng gắt lắm nhưng trong rừng bọn trẻ đang cùng với vị sa môn ngồi trong bóng cây im mát. Cây pippala này lớn quá, cành lá xoè ra che mát cả một vùng lớn bằng cả mười mấy căn nhà.

Bọn nhỏ chia xớt thức ăn cho nhau. Rupka và bé Bala hôm nay được ăn bánh chappati với nước xốt cà-ri. Chúng cũng được ăn cơm trắng chấm muối đậu phụng và muối mè. Sujata và Balagupta đã đem đủ nước uống cho mọi người. Không khí ở đây thật lặng lẽ, nhưng niềm vui ở đây thật lớn lao.

Hôm ấy theo lời của Sujata thỉnh cầu, Siddhatta đã kể cho bọn trẻ nghe về cuộc đời của mình.

Bọn trẻ đã ngồi nghe say mê từ đầu đến cuối.

Chương 6 - Bóng Mát Cây Hồng Táo

Hồi còn chín tuổi, Siddhatta đã nghe kể lại rằng ngày có mang Siddhatta, mẹ của Siddhatta đã nằm mộng thấy một con voi trắng sáu ngà từ trên trời đi xuống. Trên không nhã nhạc vang lừng và tiếng ca hát chúc tụng của chư thiên vọng lên không ngớt. Con voi trắng đi xuống càng lúc càng gần, da của nó trắng như tuyết trên đỉnh núi và vòi của nó quấn một đóa sen hồng. Con voi tới gần bà, đưa đóa hoa chạm vào người bà. Rồi con voi ấy đi vào trong bà. Tự nhiên bà thấy trong người sảng khoái lạ thường. Bà có cảm tưởng rằng từ nay bà sẽ không bao giờ còn khổ đau, lo lắng, giận dữ và phiền muộn nữa.Bà thức giấc. Chưa bao giờ bà cảm thấy hạnh phúc như thế. Bà trỗi dậy. Những tiếng hát ca của chư thiên và nhạc trời êm ái còn như văng vẳng bên tai bà. Bà đi tìm vua Suddhodana và kể cho vua nghe về giấc mộng. Vua chia sẻ niềm vui với bà. Sáng hôm ấy, vua với những đạo sĩ và những thầy bà la môn nổi tiếng ở kinh đô vào cung để nhờ đoán mộng. Sau khi đã nghe kể về giấc mộng của hoàng hậu, các vị đều nói:

- Tâu bệ hạ, hoàng hậu sẽ hạ sinh một hoàng nam. Thái tử sau này sẽ là một người xuất chúng. Thái tử có thể sẽ là một vị chuyển luân thánh vương trị vì cả bốn cõi; thái tử cũng có thể sẽ đi tu và trở thành vị lãnh đạo tinh thần cho cả cõi người và cõi trời. Cõi đất của chúng ta, tâu bệ hạ, đã chờ đợi từ lâu rồi một người như thái tử.

Vua Suddhodana rất vui mừng. Sau khi hội ý với hoàng hậu, vua cho lệnh lấy bớt tài vật trong kho ban phát cho những người ốm đau và bệnh tật trong xứ. Thần dân ở vương quốc Sakya đều được thấm nhuần ơn đức của vua và hoàng hậu.

Mẹ của Siddhattatên là Maha Maya người nước Koliya. Hoàng hậu Maya là một người đức hạnh. Bà thương yêu con người, nhưng bà cũng biết thương yêu các loài cầm thú và cỏ cây. Mùa xuân năm sau, đúng vào ngày trăng tròn tháng tư, hoàng hậu hạ sinh thái tử trên đường từ Kapilavatthu về thủ đô Ramagama của vương quốc Koliya quê hương của bà.

Tục lệ của nước bà là người con gái có chồng phải về sinh con tại nhà cha mẹ. Trên đường đi, bà đã ghé vào nghỉ tại vườn Lumbini. Trong vườn muôn hoa đang nở rộ, chim chóc đang ca hát vang lừng. Những con công xòe đuôi rực rỡ trong nắng mai. Thấy một cây Vô Ưu hoa nở rực đầy cành, bà bước tới. Khi tới gần cây nầy, bà thấy hơi lảo đảo. Bà vội đưa tay nắm chặt một cành cây vô ưu. Một giây sau đó, bà sinh em bé. Thái tử Siddhatta được các thị nữ nâng lên và bọc lại trong một tấm khăn choàng bằng lụa màu vàng. Các thị nữ biết rằng chuyến đi Ramagama không cần thiết nữa cho nên dìu hoàng hậu ra xe bốn ngựa đi trở về Kapilavatthu. Thái tử được đem tắm bằng nước ấm rồi được đặt lên giường bên cạnh hoàng hậu. Được tin, vua Suddhodana lập tức vào thăm hai mẹ con. Vua vui mừng khôn xiết. Mặt vua sáng rỡ. Vua đặt tên cho thái tử là Siddhatta.

Hôm đó tất cả quần thần đều được nghe tin, mọi người đều đến chúc mừng vua và hoàng hậu. Vua Suddhodana truyền mời các ông thầy tướng giỏi đến coi tướng cho Siddhatta. Ông thầy nào cũng nói rằng Siddhattacó tướng của một vị chuyển luân thánh vương, và cũng đều tiên đoán rằng thái tử sẽ là một vì vua trị vì không phải một phương mà cả bốn biển.

Một tuần lễ sau đó, có một ông đạo sĩ bà la môn tên là Asita Kaladevala đến thăm. Đạo sĩ Asita

là một ẩn sĩ trên núi. Vị đạo sĩ này đã già lắm, lưng ông đã còm. Ông phải chống gậy đi từ trên núi xuống.

Khi được quân hầu báo tin, vua Suddhodana đích thân ra khách đường chào ông và đưa ông vào cung thăm thái tử. Ông nhìn thái tử một hồi mà không nói năng gì. Bỗng nhiên ông nấc lên khóc. Thân hình ông rung rung trên chiếc gậy. Vua hoảng kinh, hỏi:

- Tại sao, tại sao thầy khóc như thế? Có điều gì không hay sẽ xảy ra cho trẫm hoặc cho thái tử đây không?

Đạo sĩ Asita lấy tay quệt nước mắt. Ông lắc đầu:

- Tâu bệ hạ không có chuyện gì xấu cả. Tôi khóc là khóc cho số phận tôi. Tôi biết thái tử sau này sẽ thành một bậc vĩ nhân, thấu suốt được mọi lẽ huyền vi trong vũ trụ. Thái tử sẽ không làm vua đâu: thái tử sẽ làm một vị đạo sĩ lấy trời đất làm quê hương, lấy muôn loài làm thân tộc. Tôi khóc là vì tôi sẽ chết trong nay mai, và chẳng có diễm phúc được nghe tiếng nói chân thốt ra từ miệng Người. Bệ hạ có phúc lớn lắm, nước nhà có phúc lớn lắm mới có được thái tử.

Tâu xong đạo sĩ Asita lập tức rời bỏ hoàng cung để về núi: vua Suddhodanatìm đủ mọi cách để lưu ông lại, nhưng vua không thành công.

Cuộc viếng thăm của đạo sĩ Asita làm vua bâng khuâng. Vua không muốn rằng sau này Siddhatta đi tu. Vua chỉ muốn sau này Siddhatta nối nghiệp vua để làm vua, và mở rộng bờ cõi. Vua nghĩ rằng vị đạo sĩ Asita chỉ là một đạo sĩ trong hàng trăm hàng ngàn vị đạo sĩ khác. Có thể là ông nói sai. Và có thể những vị đạo sĩ khác đã nói đúng. Nghĩ như thế, vua thấy yên dạ.

Hoàng hậu Maya sinh thái tử được tám ngày thì mất. Cả nước thương tiếc bà. Vua Suddhodana tuyển ngay em ruột của bà là bà Mahapajapati vào cung và đưa lên ngôi hoàng hậu. Phu nhân Pajapati cũng được gọi là Gotami. Bà thay thế chị để chăm sóc Siddhatta. Siddhatta là cháu gọi bà bằng dì, nhưng bà thật sự xem Siddhatta như con ruột của chính bà. Lớn lên, Siddhatta đã nhiều lần hỏi bà về mẹ. Siddhatta biết rằng dì Gotami thương mẹ lắm và cũng biết rằng trong trời đất có lẽ ngoài dì Gotami không ai có thể thương mình bằng mẹ của mình. Được săn sóc và thương yêu, Siddhatta lớn lên rất mau.

Một hôm đang ngắm Siddhatta chơi ngoài vườn ngự, bà Mahapajapati nghĩ:

- Đã đến lúc mình có thể dạy cho con trai đeo vòng và đeo ngọc.

Bà truyền thị nữ đem đủ các thứ vòng và chuỗi đến để bà đeo thử cho Siddhatta. Bà thử hết mọi loại vòng vàng và một loại chuỗi ngọc, nhưng không thứ nào đeo vào mà có thể làm cho Siddhatta đẹp hơn và dễ thương hơn, Siddhatta cũng tỏ ý không thích các loại trang sức này. Cuối cùng Gotami nhận thấy rằng cứ để cho Siddhatta tự nhiên thì Siddhatta lại đẹp hơn và dễ thương hơn, và bà truyền lệnh cất hết các thứ vòng vàng và chuỗi ngọc.

Đến tuổi đi học, Siddhatta được học đọc, học viết, học vẽ, học âm nhạc và học thể thao. Siddhatta được học chung với các vương tử khác trong dòng họ Sakya. Tất cả đều là con trai. Trong số các bạn học của Siddhatta, có Devadatta, Kaludayu và Kimbila. Devadatta là em chú bác của Siddhatta. Kaludayi là con của một vị đại thần trong triều, Kimbila là một người em cô cậu của Siddhatta. Vì tư chất thông minhh, Siddhatta học rất mau chóng. Thầy dạy chữ của Siddhatta là giáo sư Visvamitra. Devadatta đã là một đứa trẻ thông minh đối với ông, nhưng

Siddhatta mới là đứa trẻ làm cho ông kinh ngạc. Ông chưa bao giờ dạy một đứa trẻ thông minh đến như thế.

Năm lên chín, Siddhatta được cùng các bạn đi dự lễ cày ruộng đầu năm. Ba Gotami đã tự tay mặc áo và mang giầy cho Siddhatta. Các bạn cùng lớp học đều được đi theo Siddhatta. Chính vua Suddhodana sẽ đứng ra chủ tọa buổi lễ này.

Các vị đạo sĩ và tu sĩ Bà-la-môn ở những cấp cao đều được mời tới tham dự.

Các thầy mặc áo và đội mũ rất sặc sỡ. Buổi lễ được cử hành ở những thửa ruộng tốt nhất của vương quốc không xa vòng ngoài hàng thành là mấy. Đây là mùa xuân. Cờ xí treo đầy đường đầy ngõ. Thức ăn thức uống và rượu được bày la liệt trên các đài cúng thần. Các đội âm nhạc và ca vũ chia nhau đi các ngã đường để giúp vui cho ngày hội. Không khí tưng bừng náo nức. Các thầy Bà la môn xướng tụng rất uy nghiêm.

Phụ vương của Siddhatta mặc áo hoàng bào và các vị đại thần trong triều phục lớn đều đang đứng xoay mặt về phía lễ đài. Siddhatta đứng với các bạn phía sau, một bên là Devadatta, một bên là Kaludayi. Các thị nữ nói rằng sau buổi lễ thì sẽ có ăn cỗ, và cỗ sẽ được bày ngay trên các bãi cỏ. Siddhatta thích lắm, vì ít khi Siddhatta có dịp được ngồi trên bãi cỏ mà ăn cơm, nhưng các thầy tụng kinh lâu quá, bọn trẻ nóng ruột chờ không nỗi. Chúng rủ nhau đi chơi. Kaludayi kéo tay Siddhatta. Bọn trẻ kéo nhau về phía có ca vũ và âm nhạc. Trời đã bắt đầu nắng gắt. Áo quần các nhạc công đều đã ướt đẫm mồ hôi. Trán các nàng vũ nữ cũng lấm tấm mồ hôi. Chạy chơi một hồi lâu, Siddhatta cũng thấy nóng bức. Siddhatta bỏ các bạn đến núp nắng dưới một cây táo đỏ bên đường. Dưới bóng cây im mát, Siddhatta cảm thấy dễ chịu. Vừa lúc ấy bà Gotami đi đến. Bà nhìn Siddhatta:

- Mẹ đi tìm con từ hồi nãy. Con đi đâu lâu thế? Có lẽ con nên trở về dự cho xong buổi lễ để cho phụ vương vui lòng.

- Thưa mẹ, buổi lễ kéo dài quá. Các thầy đọc kinh gì mà lâu vậy hả mẹ?

- Họ đọc kinh Vệ Đà đó con, Kinh đó nghĩa lý huyền diệu lắm. Mai này con sẽ được học. Kinh này do chính Thượng Đế Brahma mặc khải cho các thầy Bà-la-môn tự không biết bao nhiêu đời rồi.

- Thế sao phụ vương không đọc kinh mà lại phải mời các thầy ấy đọc thưa mẹ?

- Chỉ những người sinh ra trong dòng họ Bà-la-môn mới có quyền xướng tán và đọc tụng kinh này thôi con ạ. Họ thuộc giai cấp tăng lữ. Vì vậy các nhà chính trị như phụ vương con uy quyền nhiều như thế mà cũng cần phải nhờ tới họ.

Siddhatta suy nghĩ về những điều mà bà Gotami vừa nói. Cậu lặng yên hồi lâu rồi chắp tay hai tay lại:

- Xin mẹ trở lại với phụ vương con đi. Mẹ xin phép cho con được ở lại đây chơi. Ngồi dưới cây hồng táo này con thấy vui và khỏe quá thưa mẹ.

Chìu con, bà Gotami gật đầu. Bà lấy bàn tay vuốt lại tóc trên đầu Siddhatta, mỉm cười rồi trở lại lối cũ.

Các thầy Bà la môn đã kết thúc việc đọc kinh. Vua Suddhodana đã bước xuống ruộng, nắm lấy cán cày, và với sự phụ tá của hai vị võ quan, đi luống cày đầu tiên của mùa làm ruộng mới. Quần chúng hoan hô vang dội. Các nông dân trong vùng bắt đầu xuống ruộng làm theo vua, cày những luống đầu tiên trên ruộng họ.

Nghe tiếng hò reo, Siddhatta cũng chạy ra đứng ở bờ ruộng. Cậu thấy một con trâu đang nặng nhọc kéo cày, theo sau là một bác nông dân thân hình lực lưỡng, nước da như đồng đen. Tay trái bác cầm cày, tay phải bác cầm roi quất vào lưng trâu. Trời nắng gắt và mồ hôi ông ta chảy ra nhễ nhại. Đất lật ngửa rẽ ra thành luống hai bên lưỡi cày, thật đẹp. Có những con giun bị lưỡi cày xắn làm hai khúc, quằn quại trên luống đất mới cày. Có những con chim bay sà xuống xuống thấp, mổ những con giun và đứng ăn giun trên luống đất mới.

Rồi cậu thấy một con chim lớn sà xuống, cặp một con chim nhỏ bay lên.

Siddhatta đứng xem mải mê một hồi ngoài nắng, và đến lượt cậu, cậu cũng thấy mồ hôi chảy ướt trong người. Trời nóng quá, Siddhatta chạy về núp ở dưới cây hồng táo. Những hình ảnh mà cậu vừa chứng kiến đối với cậu thật là mới lạ. Những hình ảnh ấy kích thích cậu. Siddhatta tới dưới cây hồng táo, ngồi xếp bằng và nhắm mắt lại để chiêm nghiệm về những gì đã thấy. Cậu ngồi rất thẳng, rất đẹp và khá lâu. Khắp nơi quần chúng đã bắt đầu tập họp ca hát, đàn địch, nhảy múa. Có những người đã bắt đầu dọn cỗ bàn trên những bờ ruộng hay dưới những bóng cây. Nhưng Siddhatta vẫn ngồi yên chăm chú vào những hình ảnh trong nội tâm, không nghe thấy gì.

Một lát sau, khi vua và hoàng hậu tới cây hồng táo để tìm con thì Siddhatta vẫn còn ngồi đó. Hoàng hậu Gotami cảm động đến muốn khóc khi thấy Siddhatta ngồi đẹp như bức tượng nhỏ dưới gốc cây, nhưng vua Suddhodana thì khác. Vua cảm thấy lo ngại, chín tuổi mà con mình đã biết ngồi trầm tư như thế thì lời ông đạo sĩ Asita có thể thành sự thực. Phiền muộn, vua truyền lấy xa giá về cung trước, không ở lại dự tiệc trên bãi cỏ với quần thần.

Một đám trẻ con dân dã đi ngang qua đùa giỡn lớn tiếng. Bà Gotami đưa tay ra hiệu cho bọn trẻ im lặng. Bà chỉ cho bọn trẻ thấy Siddhatta đang ngồi dưới gốc hồng táo. Bọn trẻ đứng lại im lặngnhìn, bỗng nhiên Siddhatta mở mắt. Thấy hoàng hậu, thái tử mỉm cười:

- Mẹ ơi, đọc kinh cũng không giúp được những con chim và những con giun, mẹ ạ.

Siddhatta đứng dậy chạy đến cầm tay bà Gotami. Cậu nhìn bọn trẻ con nhà dân dã đang đứng yên nhìn cậu.

Các em bé này cũng trạc tuổi với Siddhatta nhưng ăn mặc rách rưới, mặt mày lấm láp và tay chân gầy ốm.

Nhìn lại sắc phục của mình, Siddhatta thấy ngượng. Tuy nhiên cậu rất ưa chơi với bọn này. Siddhatta cười và đưa tay vẫy bọn trẻ. May cho Siddhatta là có một đứa con trai cười đáp lại. Được khuyến khích bằng nụ cười đó, Siddhatta quay lại xin phép mẹ cho bọn trẻ con được tới tham dự cuộc vui trên bãi cỏ với mình.

Bà Gotami lưỡng lự một chút rồi gật đầu chìu ý thái tử.

Chương 7 - Giải Thưởng Voi Trắng

Năm Siddhatta lên mười bốn thì hoàng hậu Gotami sinh em Nanda. Cả hoàng cung mở hội để ăn mừng. Siddhatta rất hãnh diện khi có một đứa em. Mỗi ngày sau buổi học, Siddhatta thường chạy về thăm em, Siddhatta đã lớn rồi nên được phép thỉnh thoảng ẵm em đi chơi. Devadatta cũng hay đến chơi. Siddhatta cũng có những người em họ khác: Mahanama, Baddhiya và Kimbila. Mỗi khi các em tới, Siddhatta thường rủ họ ra chơi ở vườn hoa phía sau cung điện.

Bà Gotami cũng hay theo bọn trẻ ra vườn hoa. Bà ưa ngồi may áo cho Nanda trên một chiếc ghế gỗ đặt bên cạnh hồ sen và nhìn bọn trẻ nô đùa. Bên bà luôn luôn có một người thị nữ túc trực. Bà chỉ hay sai phái người thị nữ này khi cần đi lấy nước nôi và bánh trái cho bọn trẻ.

Càng lớn lên, Siddhatta càng học giỏi. Devadatta đã nhiều lần tỏ vẻ ganh tỵ với Siddhatta. Môn học nào Siddhatta cũng xuất sắc, kể cả võ nghệ. Devadatta khỏe hơn Siddhatta, nhưng về phương diện lanh lẹ thì lại không bằng Siddhatta.

Về toán học, cả lớp đều nhường Siddhatta. Giáo sư dạy toán là Arjunacó khi phải mất thật nhiều thì giờ với những câu hỏi của Siddhatta. Về âm nhạc, Siddhatta rất ưa thổi sáo. Siddhatta có một ống sáo thật quý do chính giáo sư âm nhạc của mình tặng cho. Có những buổi chiều hè, Siddhatta ra ngoài công viên một mình để thổi sáo. Tiếng sáo của Siddhatta có khi dìu dặt, có khi cao vút khiến người nghe có cảm tưởng như đã thoát lên được trên mấy từng mây. Nhiều hôm trong bóng đêm đang xuống, bà Gotami cũng ra ngoài vườn ngự ngồi nghe tiếng sáo của con. Bà cảm thấy khỏe khoắn khi ngồi thả lòng bay theo tiếng sáo của Siddhatta.

Cùng với tuổi, Siddhatta càng ngày càng lưu tâm đến đạo và triết học, Siddhatta được học các kinh Vệ Đà và được nghiền ngẫm về những đạo lý hàm chứa nơi các bài tụng trong các kinh ấy. Hai kinh Rigveda và Atharvaveda là hai kinh được học hỏi nhiều nhất. Từ thuở ấu thơ, Siddhatta đã được thấy các thầy Bà la môn hành lễ và đọc kinh.

Bây giờ Siddhatta đích thực đi vào trong nội dung của các kinh. Địa vị của Lời Nói trong đạo Bà-la-môn rất quan trọng.

Lời kinh đi theo với nghi lễ là một sức mạnh lớn có thể ảnh hưởng tới và làm thay đổi được tình trạng của thế giới và của con người. Vị trí của tính tượng và sự vận chuyển của bốn mùa có liên hệ mật thiết tới sự cúng tế và tới lời kinh cầu đảo. Các thầy Bà la môn là những người duy nhất có thể hiểu thấu được những lẽ huyền bí trong Phạm Thư và trong trời đất, và có thể dùng lời kinh và nghi lễ để chỉnh lý lại được trật tự trong tự nhiên giới và nhân sự giới.

Siddhatta được học rằng vũ trụ là một cái Ta lớn gọi là Purusa, có khi gọi là Phạm Thiên, và các giai cấp của con người trong xã hội đều được phát xuất từ những phần khác nhau của thân thể vũ trụ ấy. Mỗi con người đều mang theo một cái ta cùng phát xuất từ cái Ta siêu việt ấy và cùng một tính chất với cái ta siêu việt ấy. Cái ta này là bản chất thường tại trong mỗi con người.

Siddhatta lại còn được học thật kỹ về các Phạm Thư Brahmana và các Áo Nghĩa Thư. Các giáo sư bao giờ cũng muốn giảng giải các thánh thư theo truyền thống, nhưng Siddhatta và các bạn luôn luôn muốn đặt những câu hỏi buộc họ phải nhắc tới những tư tưởng đương thời được xem

như không trung thành mấy với truyền thống.

Trong những ngày nghỉ học, Siddhatta thường rủ các bạn đi thăm các vị sa-môn và các vị Bà-la-môn nổi danh ở kinh đô để học hỏi. Nhờ xúc tiếp nhiều như thế nên Siddhatta sớm tin ra rằng hiện đang có những cuộc vận động tư tưởng chống lại uy quyền thống trị của truyền thống Bà la môn. Cuộc vận động này không những có mặt trong giai cấp Sát đế lợi đang muốn vươn lên để nắm được cả quyền uy tinh thần lâu nay đang nằm trong tay của giai cấp Bà la môn, mà cũng có mặt ngay trong giới những người Bà la môn nữa.

Ngày xưa, từ khi được ăn cơm trên cỏ lần đầu với bọn trẻ dân dã, Siddhatta thường xin phép được đi chơi, và nhân dịp đi thăm các thôn xóm ngoài thành. Trong những chuyến đi như thế, Siddhatta thường có ý ăn mặc giản dị. Tiếp xúc với dân dã, Siddhatta học được rất nhiều cái mà trong trường không bao giờ Siddhatta được học. Đã đành dân chúng thờ phụng ba vị Thần của đạo Bà la môn là Brahma, Visnu, và Siva, nhưng dân chúng cũng bị các thầy Bà-la-môn lợi dụng và bóc lột quá mức. Trong tất cả các dịp quan, hôn, tang, tế, người dân đều phải chu cấp thực phẩm tiền bạc và sức lao động của mình cho ông thầy cúng, dù nghèo khó đến mấy cũng thế.

Một hôm, đi ngang qua một túp lều, Siddhatta nghe tiếng khóc kể thảm thiết. Chàng rủ Devadatta ghé vào thăm, và được biết rằng người chủ gia đình vừa mới qua đời. Đây là một gia đình nghèo khổ. Mấy mẹ con trông thật lam lũ, áo quần tả tơi. Nhà cửa xiêu vẹo, đổ nát. Hỏi ra thì người chủ gia đình chỉ vì muốn mời ông thầy Bà-la-môn trong làng tới cúng đất đai để có thể xây lại nhà bếp mà đã phải ở lại mấy ngày làm lao động tại nhà cho ông thầy. Ông bị bắt làm việc rất nặng nhọc, nào khuân đá, nào bửa củi, trong khi cơ thể ông đã suy nhược vì cảm cúm. Sau mấy ngày lao động, ông thầy Bà-la-môn bảo ông đi về trước và hẹn vài hôm sau sẽ đến cúng. Về tới nửa đường, người chủ gia đình nghèo khó đã bị trúng gió và chết bên lề đướng. Người trong xóm phát giác ra và về báo cho mấy mẹ con hay.

Từ khi biết suy đoán, Siddhatta đã có khuynh hướng âm thầm không chấp nhận ba giáo điều căn bản của đạo Bà-la-môn: Kinh Vệ Đà là thiên khải cho riêng người Bà la môn, Phạm Thiên là đấng tối cao ngự trị, và tế lễ có công hiệu vạn năng. Siddhatta thấy có cảm tình với những vị sa-môn và Bà-la-môn nào có tư tưởng cấp tiến dám thẳng thắng phủ nhận giá trị của ba thứ quyền ấy.

Tuy vậy, Siddhatta không bao giờ bỏ một buổi học hỏi và thảo luận nào về kinh Vệ Đà. Các môn học khác mà Siddhatta vẫn theo học là tự vựng học (Nighandu), ngữ nguyên học (Sokharappabhedana), sử truyện (Itihasa) và văn pháp học (Veyyakarana).

Siddhatta rất ưa tiếp xúc với các vị đạo sư và sa môn. Biết rằng phụ vương không ưa việc này, Siddhatta phải kiếm cớ đi du ngoạn để có dịp tìm gặp các nhà tu ấy. Họ là những người không thiết tha đến quyền lợi vật chất và địa vị trong xã hội như các ông thầy Bà-la-môn chuyên lo tế tự và gần gũi giới có quyền thế. Trái lại, họ muốn từ bỏ tất cả để đi tìm cầu sự giải thoát, cắt đứt những sợi dây ràng buộc họ vào nếp sống đầy não phiền của cuộc đời. Họ là những người đã từng học hỏi và thông hiểu qua Vệ Đà và Áo Nghĩa Thư. Siddhatta biết rằng tại nước láng giềng Kosala về phía Tây và nước láng giềng Maghada về phía Nam có rất nhiều những vị sa-môn như thế, và Siddhatta ao ước một ngày kia có thể đi đến những miền ấy để tìm thầy học đạo.

Vua Suddhodana không phải là hoàn toàn không hay biết gì về tâm tư của Siddhatta. Vua rất lo lắng về việc Siddhatta có thể đi tu theo kiểu các vị sa-môn. Có lần nói chuyện riêng với người

em ruột là Dronodanaraja, cha của Devadatta và Aranda, vua than thở:

- Vương quốc Kosala hay dòm ngó lãnh thổ nước ta. Nếu sau này chúng ta không có người trẻ tài giỏi như Siddhatta và Devadatta thì lấy ai mà nắm lấy vận mệnh của nước? Ta rất sợ Siddhatta sau này sẽ đi tu, theo như lời tiên đoán của sa môn Asita Kaladevala. Devadatta lại hay đi theo với Siddhatta. Chú có biết là hai anh em chúng nó ưa đi gặp các thầy sa môn khổ hạnh hay không?

Hoàng thúc Dronodanaraja rất lấy làm ngạc nhiên khi nghe vua nói. Ngẫm nghĩ một hồi, ông ta thầm thì bên tai vua:

- Theo tôi, huynh vương nên lo cưới vợ cho Siddhatta. Có vợ con rồi thì tư tưởng đi tu sẽ không còn.

Vua Suddhodana im lặng gật đầu. Tối hôm ấy vua tâm sự với bà Gotami. Hoàng hậu hiểu ý vua, hứa sẽ lưu tâm tìm cách sắp đặt để Siddhatta chóng lập gia đình.

Những buổi hòa nhạc, những hội thể thao và những cuộc du ngoạn từ đo được tổ chức thường xuyên cho các giới trẻ được gặp nhau. Siddhatta tham dự hết lòng vào những cuộc vui này, trong đó chàng gặp gỡ được nhiều bạn mới, nam cũng như nữ.

Năm sau, hoàng hậu Gotami sinh cho Siddhatta một cô em gái. Công chúa được đặt tên là Sundari Nanda.

Vua Suddhodana có một người em gái tên là Pamita. Chồng của bà là Thiện giác vương Dandapani, thuộc bộ tộc Koliya. Họ có nhà cửa bên thủ phủ Ramagama của vương quốc Koliya nhưng họ cũng có trú sở ơ Kapilavatthu. Sakya và Koliya là hai vương quốc nhỏ nằm sát bên nhau, ngăn cách bởi con sông Rohini. Hai bên bộ tộc Sakya và Koliya đã nhiều đời giao hảo với nhau rất thân mật. Kapilavatthu chỉ cách Ramagama có một ngày đường, Hai vợ chồng được bà Gotami ủy thác tổ chức một đại hội thể thao trên một bãi cỏ rộng mênh mông cạnh bờ hồ Kunau.

Vua Suddhodana đích thân chủ tọa đại hội này, bởi vì vua rất muốn khuyến khích những người trai trẻ ở vương quốc Sakya bồi đắp sức khỏe và trau dồi võ nghệ. Tất cả những người trẻ trong kinh đô đều được mời tham dự, nam cũng như nữ. Các thiếu nữ tuy không tham dự vào các cuộc tỷ thí những được khuyến khích có mặt để tán thưởng và cổ võ các chàng trai. Yasodhara, con gái của Dandapani và của vương phi Pamitta, đứng ra điều khiển việc tiếp tân, Yasodhara là một cô gái nhan sắc diễm lệ. Nàng tự nhiên và tươi mát như một đóa sen mùa hạ.

Siddhatta được làm quen với Yasodhara trong đại hội thể thao này. Chàng đã chiếm giải nhất trong các môn thi bắn cung, đánh kiếm, cỡi ngựa và cử tạ. Yasodhara được cử đem giải thưởng đến cho Siddhatta. Giải thưởng là một con voi trắng. Người giật giải quán quân cuộc thi sẽ cỡi voi đi một vòng trong thành Kapilavatthu trước sự hoan hô của mọi người. Yasodhara đem voi tới cho Siddhatta. Nàng đi chầm chậm bên voi. Voi đi từng bước có lễ nghi dưới sự điều khiển của một quản tượng.Tới trước Siddhatta, Yasodhara chắp tay cúi đầu chào thái tử và nói những lời khen ngợi:

- Xin điện hạ nhận thớt voi này, phần thưởng dành cho người chiếm giải quán quân của đại hội thể thao. Em xin thành tâm khen ngợi và chúc mừng điện hạ.

Giọng nàng thanh tao, dáng điệu nàng thật tự nhiên. Cách phục sức của nàng thật trang nhã. Nụ cười của nàng chúm chím tươi như một bông sen hàm tiếu. Siddhatta nghiêng mình đáp lễ. Chàng nhìn Yasodhara, đáp:

- Xin cám ơn công nương.

Lúc ấy Devadatta đang đứng ngay sau lưng Siddhatta. Devadatta không được vui, vì chàng chỉ được đứng hàng nhì trong cuộc thi tài. Thấy Yasodhara không nhìn tới mình, Devadatta bực tức. Chàng bước tới mấy bước nắm lấy vòi con bạch tượng, dùng tất cả sức mình, chàng đấm con bạch tượng một đấm như trời giáng và chỗ yếu. Con bạch tượng đau quá, ngã quỵ xuống.

Siddhatta quay lại nhìn Devadatta:

- Em làm như thế không tốt.

Nói xong, chàng đưa tay sờ voi xoa bóp chỗ đau và an ủi nó. Con voi từ từ đứng dậy được và nghiêng đầu tôn kính chàng. Quần chúng vỗ tay và hoan hô vang dậy. Siddhatta leo lên mình voi và đám rước bắt đầu diễn hành.

Chương 8 - Chuỗi Ngọc

Cuộc sống trong cung điện hơi ngột ngạt đối với chàng, nên Siddhatta ưa đi ra ngoài thành.

Chàng đã trưởng thành lâu rồi - năm nay chàng hăm bốn - nên đi đâu trong vòng một vài hôm chàng không phải xin phép vua và hoàng hậu nữa - Siddhatta có một người hầu cận trung thành là Channa. Channa thường đánh xe song mã đưa Siddhatta đi. Có khi chàng rủ bạn hoặc đem em đi theo, có khi chàng đi một mình với Channa, và rất nhiều khi chàng tự tay cầm ngựa, để cho Channa ngồi chơi bên cạnh chàng. Siddhatta không bao giờ dùng roi ngựa. Biết vậy nên Channa cũng không sờ tới cây roi.

Vương quốc Sakya, chàng đã đi thăm gần như khắp nơi. Phía Bắc của vương quốc là miền cao nguyên gồm những dãy đồi nối tiếp nhau chạy về phía chân dãy Himalaya. Một nửa vương quốc là đồng bằng ở vào phía Nam.

Kinh đô Kapilavatthu ở vào khoảng đất trù phú nhất của miền đồng bằng này.

So với các nước láng giềng Kosala và Magadha, vương quốc Sakya thật bé nhỏ.

Đất đai cũng không phì nhiêu, nhưng vị thế của vương quốc thật là đặc biệt. Các con sông Rohini và Banganga bắt nguồn từ miền cao nguyên chảy về tưới đồng bằng rồi tiếp tục đi về miền Nam để chảy về sông Hiranyavati trước khi rót vào sông Hằng. Siddhatta thường ưa ngồi bên bờ sông Banganga ngắm dòng nước chảy.

Dân quê vẫn tin rằng nước sông này có thể tẩy trừ tội lỗi và nghiệp chướng kiếp trước và kiếp này cho nên thường hay kính cẩn xuống ngâm mình dưới dòng nước, cả những khi nước rất lạnh. Có một hôm ngồi với Channa bên bờ sông, Siddhatta chỉ những người đang tắm ở bên kia sông và hỏi người hầu cận:

- Này Channa, anh có tin là tắm như thế rất thường thì có thể rửa sạch được nghiệp chướng không?

- Thưa điện hạ, có chứ. Nếu không thì người ta tắm làm gì?

Siddhatta cười:

- Nếu thế thì đứng về phương diện nghiệp chướng có phải các loài tôm, cá, rùa và sò ốc là những loài thanh tịnh nhất không? Chúng ở suốt đời dưới sông thì chúng phải sạch nghiệp hơn chúng ta chứ?

Channa trả lời:

- Nhưng ít nhất tắm dưới sông cũng rửa sạch được những cáu bẩn trên da thịt.

Siddhatta vỗ vai Channa:

- Cái đó thì anh nói đúng.

Một hôm trên đường về thành nội, Siddhatta ghé lại thăm một xóm nghèo ở ngoại thành. Chàng ngạc nhiên thấy Yasodhara đang ở trong xóm. Cùng một đứa ở, nàng đang săn sóc cho các trẻ em đó.

Các em đang được săn sóc đều là những đứa trẻ có bệnh: đứa thì đau mắt, đứa thì cảm cúm, đứa thì ghẻ chóc.

Yasodhra ăn vận rất đơn giản, nhưng nàng tươi mát như một bà tiên vừa hiện đến giữa bầy trẻ nghèo.

Siddhatta thất cảnh tượng rất đẹp. Chàng sửng sốt khi thấy một người con gái nhà quyền quý lại chịu thương chịu khó đi làm những công việc như rửa ghẻ, rửa mắt, xức thuốc, giặt áo cho bọn trẻ nghèo đói.

- Công nương đã bắt đầu làm các việc này từ bao giờ thế? chàng hỏi. Thật là quý hóa quá.

Đang rửa tay cho một em bé gái chừng ba tuổi, Yasodhara ngửng lên nhìn Siddhatta:

- Chúng em bắt đầu làm công việc này cũng đã gần hai năm rồi, thưa điện hạ. Tuy nhiên đây chỉ là lần thứ hai em đến xóm này.

- Tôi đến xóm này thường lắm. Bọn trẻ con trong xóm đều biết tôi. Tôi nghĩ được làm những công việc này chắc công nương thấy vui trong lòng lắm.

Yasodhara mỉm cười, không đáp. Nàng cúi xuống tiếp tục rửa mụt ghẻ trên đầu gối của em bé.

Hôm ấy, Siddhatta được nói chuyện nhiều với Yasodhara. Chàng ngạc nhiên khám phá ra rằng Yasodhara có nhiều nhận thức giống chàng. Yasodhara không phải là một cô gái khuê các chỉ biết vâng theo truyền thống. Nàng cũng biết về tư tưởng Vệ Đà, cũng ngấm ngầm phản đối tình trạng bất công của xã hội. Cũng như Siddhatta, nàng không cảm thấy có hạnh phúc trong địa vị giàu sang và nhiều quyền thế của hoàng tộc. Trái lại nàng ghê tởm những cuộc tranh chấp quyền lợi và địa vị của những thành phần quý tộc trong triều đình, và ngay ở giới tăng lữ Bà la môn.

Biết mình là gái không thể nào làm được những cuộc thay đổi lớn trong xã hội, nàng chỉ tìm cách biểu lộ cái thấy của mình và thiết lập sự bình an trong tâm mình bằng các công việc từ ái. Nàng hy vọng sẽ có những bạn hữu trong giới trẻ tuổi thấy được ý nghĩa của công việc nàng làm.

Đã có cảm tình tự nhiên sẵn với Yasodhara từ trước, Siddhatta càng nghe nàng nói càng tỏ vẻ mến phục nàng. Phụ vương đã ngỏ ý muốn chàng lập gia đình. Yasodhara có thể là người mà chàng chọn lựa.

Trong các cuộc gặp gỡ khác như những nhạc hội, vũ hội, Siddhatta đã gặp nhiều thiếu nữ diễm lệ. Ở Kapilavatthu cũng như ở Ramayana không thiếu những cô gái mặn mà, Yasodhara tuy không phải là cô gái đẹp nhất mà chàng gặp nhưng đó là cô gái mà mỗi khi gặp là chàng cảm thấy trong tâm hồn một sự an bình và thoải mái.

Một hôm, hoàng hậu Gotami muốn chính tự mình tổ chức một cuộc trình diễn quốc phục phụ nữ. Bà nhờ vương phi Pamita, mẹ của Yasodhara tới giúp mình về việc tổ chức. Tất cả các thiếu

nữ trong thành Kapilavatthu đều được mới tới dự thi.

Người nào cũng sẽ có giải thưởng nữ trang. Vương phi Pamita đề nghị Siddhatta phát giải thưởng cho các cô, cũng như tháng trước Yasodhara đã làm công việc tiếp tân trong đại hội thể thao do bà tổ chức vậy.

Vua Suddhodana, triều đình và tất cả các vị vương tôn công nương đều được mới tham dự.

Đêm đầu hạ thật mát, thức giải khát đặt khắp nơi.

Âm nhạc dân tộc làm nền cho buổi dạ hội. Dưới ánh hoa đăng rạng rỡ, các thiếu nữ tha thướt trong những chiết sari đủ màu và lóng lánh kim tuyến, từng người một đi ngang tuyền đài trước hàng ghế danh dự trong đó có vua và hoàng hậu. Siddhatta mặc quốc phục đứng về phía bên trái, trước mặt chàng là những xâu chuỗi, vàng ngọc đủ để phân phát cho cả ngàn người.

Siddhatta đã từng từ chối việc phát thưởng, nhưng bà Gotami và vương phi Cam Lộ đã nài ép chàng. "Được thái tử Siddhatta tự tay phát thưởng, đó là một niềm vui lớn cho bất cứ ai. Con phải biết điều đó", vương phi Pamita nhìn chàng nói một cách tươi cười. Đem niềm vui cho kẻ khác đó là việc chàng không muốn từ chối, nên Siddhatta đã hoan hỷ vâng lời. Giờ đây đứng trước hàng ngàn quan khác chàng thật không biết làm sao cho thỏa đáng.

Mỗi thiếu nữ khi bước lên đài, phải đi qua một hàng ghế danh dự để mọi người được trông thấy. Đi qua hàng ghế ấy mới tới chỗ Siddhatta. Thiếu nữ đi đầu là Soma, con của một vị vương tử. Theo sự chỉ dẫn của vương phi Pamita, nàng tiến tới, bước mấy nấc thang để lên bục và đi ngang qua đài. Tới trước mặt vua và hoàng hậu, nàng quay lại chắp tay cúi đầu chào, rồi từ từ tiến về bên trái, đi về phía Siddhatta. Đến trước Siddhatta, Soma cúi đầu chào chàng. Siddhatta đáp lễ, rồi cúi xuống cầm lên một xâu chuỗi ngọc. Chàng trao cho Soma, có tiếng cử tọa hoan hô. Soma nghiêng mình cảm tạ. Nàng lí nhí mấy câu cám ơn, nhưng Siddhatta không nghe rõ nàng nói gì. Thiếu nữ thứ hai là Rohini, tên của dòng sông. Siddhatta có vẻ như không lựa chọn các phần thưởng cho xứng đáng với vẻ đẹp và sắc phục các thiếu nữ. Vớ được món nữ trang nào trên bàn, chằng tặng ngay món nữ trang đó. Vì vậy cuộc trình diễn đi qua khá mau, dù số thiếu nữ tham dự rất đông, Vào khoảng mười giờ đêm, các món nữ trang đặt trên dãy bàn dài đã vơi gần hết. Mọi người tưởng Sela là thiếu nữ sau chót, và chính Siddhatta cũng nghĩ thế. Bỗng dưng, một thiếu nữ từ trên hàng khán đài bước xuống. Đó là Yasodhara. Nàng bước ra trước khán đài, và quay trở vào vái chào vua và hoàng hậu. Yasodhara vận một chiếc sari màu trắng ngà, đơn sơ và nhẹ nhàng như một cơn gió sớm.

Duyên dáng, tự nhiên, nàng bước tới trước Siddhatta, rồi mỉm cười tươi như hoa, nàng hỏi:

- Điện hạ, còn món nữ trang nào để cho em không?

Siddhatta nhìn Yasodhara. Chàng nghiêng mình đáp lễ rồi nhìn xuống mấy món nữ trang còn lại. Chàng tỏ vẻ bối rối: trong những món còn lại đó chẳng có món nào xứng đáng với con người đẹp đẽ đang đứng trước mặt chàng.

Đột nhiên Siddhatta mỉm cười. Chàng đưa tay tháo xâu chuỗi ngọc chàng đang đeo ở cổ.

Cầm chuỗi ngọc lóng lánh trên tray chàng mỉm cười nhìn Yasodhara:

- Đây là món quà tặng cho công nương.

- Em làm đẹp cho điện hạ còn chưa hết, lòng nào mà lại lấy món trang sức của điện hạ.

Siddhatta nói:

- Mẹ ta hoàng hậu Gotami thường nói là ta chẳng cần đeo đồ trang sức. Càng đeo vào càng xấu thêm ra. Vậy xin công nương vui lòng nhận món quà này.

Nói xong chàng ra hiệu cho Yasodhara lại gần và cúi đầu xuống, và chàng mang chuỗi ngọc lóng lánh vào cho nàng.

Tiếng hoan hô vang dậy cả trên và dưới khán đài. Tiếng hoan hô kéo dài như không bao giờ dứt. Mọi người đều đứng dậy và bày tỏ nỗi vui mừng của mình.

Chương 9 - Con Đường Tâm Linh Và Con Đường Xã Hội

Đám cưới của thái tử Siddhatta và công nương Yasodhara được tổ chức vào mùa Thu năm ấy.

Đây là một cuộc vui mừng lớn cho cả vương quốc Sakya, nhất là cho dân chúng kinh kỳ.

Khắp nơi thiên hạ treo cờ, treo đèn, kết hoa và tổ chức vũ nhạc.

Song mã của Siddhatta và Yasodhara điểm tới đâu quần chúng reo hò tới đó.

Siddhatta và Yasodhara cho xe chạy ra cả ngoại thành.

Hai người đi tới những xóm làng quen biết và đem tặng đủ các thứ quà bánh và vải bô cho những gia đình túng thiếu nhất.

Vua Suddhodana truyền dựng cho thái tử ba nơi trú cung, một cung cho mùa Đông, một cung cho mùa Hạ và một cung cho mùa Mưa. Cung mùa Hạ được xây dựng trên một cảnh đồi ngoạn mục miền cao nguyên, cung mùa Mưa và cung mùa Đông ở ngay trong thành nội. Cung nào cũng có hồ sen, hồ toàn sen xanh, hồ toàn sen đỏ, hồ toàn sen trắng. Áo mũ khăn giầy của hai người đều được đặt làm từ thành Baranasi, tận vương quốc Kasi miền Tây Nam. Trầm hương đốt hàng ngày cũng được nhập cảng từ vương quốc ấy.

Vua Suddhodana rất yên tâm. Vua nghĩ rằng Siddhatta đã đi trúng con đường vua mong ước, và vua truyền tuyển lựa các nhạc công và vũ công tài ba trong nước để thường trực giúp vui cho cặp vợ chồng mới cưới của hoàng gia.

Nhưng hạnh phúc của Siddhatta cũng như của Yasodhara không phải là được sống bưng bít trong quyền quý và giàu sang. Hạnh phúc của hai người là sự chia sẻ những nỗi niềm và những ước vọng của tâm linh với người mà mình có thể cởi mở tấm lòng.

Họ không thực sự để tâm đến các cao lương mỹ vị hoặc các thứ xiêm y lụa là. Họ thấy cái đẹp của vũ của nhạc nhưng họ không say mê trong việc vui chơi. Họ có những khao khát riêng của họ: khao khát tìm được những câu trả lời thỏa đáng cho tâm hồn và cho xã hội.

Mùa nóng năm sau, nhân được cư trú tới bốn tháng ở cung Hè trên miền cao nguyên.

Siddhattaru Yasodhara đi khám phá thêm về vương quốc Sakya. Người hầu cận Channa vẫn luôn luôn là người đánh xe cho Siddhatta. Họ tìm ra được nhiều phong cảnh sơn thủy rất tú lệ. Họ chuẩn bị để có thể đến cư trú năm bảy ngày ở những nơi ấy. Có khi họ xin ở lại ngủ nhà của thường dân và tìm dịp giúp đỡ cho các gia đình nghèo. Họ đã thử ăn những món ăn dân dã, ngủ trên những chiếc giường tre sọc sạch của người dân, và họ tìm hiểu được rất nhiều về nếp sống và phong tục tập quán từng vùng.

Có khi họ gặp những cảnh nghèo khổ cùng cực. Họ gặp những cặp vợ chồng có tới chín hoặc mười đứa con, đứa nào cũng ốm tong teo, đứa nào cũng bệnh tật, trong khi đó cả vợ lẫn chồng dù làm việc quần quật suốt ngày đêm cũng chỉ đủ sức nuôi nổi hai đứa là cùng. Nghèo khổ và

bệnh tật là hai cái gánh nặng đè lên kiếp sống của người dân. Ngoài hai cái gánh nặng ấy, còn có những cái gánh nặng khác: sự áp chế của giới cầm quyền và sự thống trị của các giáo sĩ Bà la môn.

Ở miền quê, dân chúng có bị giới hương hào áp chế cũng không thể kêu ca vào đâu được.

Kinh thành xa quá, với lại ở kinh thành cũng không quen biết ai.

Siddhatta nhìn những em bé ốm tong teo, hai chân khẳng khui như những ống sậy và cái bụng phình to vì giun sán. Siddhatta nhìn những kẻ tàn tật và bệnh hoạn ăn xin ở các ngã đường. Những cảnh tượng này làm cho thái tử mất hết mọi niềm vui. Chàng thấy con người bị kềm hãm trong một tình thế không có lối thoát. Chàng thấy dù chàng có quyền lực của một vị quốc vương chàng cũng không thể thay đổi tình trạng.

Siddhatta biết khá rõ về tình trạng triều đình. Người quyền quý làm đủ mọi cách để bảo vệ quyền thế và lợi ích của mình, không đếm xỉa gì đến khổ đau của người khác. Họ lại còn lấn áp nhau, ganh tỵ nhau, và những tranh chấp của họ làm cho Siddhatta chán ngán cảnh chính trường. Quyền lực của phụ vương chàng rất giới hạn và mỏng manh, Siddhatta thấy rất rõ điều ấy. Làm vua như phụ vương chàng không thật sự có tự do. Vua bị ràng buộc đủ thứ, và quyền bính lại chính là tù ngục đang giam hãm vua. Phụ vương chàng biết trong triều đình có những vị đại thần hư hỏng và nhiều tham vọng, nhưng lại phải dựa vào những người ấy cho tình thế ổn định. Chàng nghĩ nếu chàng đứng vào địa vị của cha, có thể chàng cũng phải làm như thế. Chàng thấy chỉ khi nào con người chuyển đổi được nội tâm mình, đập tan được những tham vọng và ganh tỵ trong nội tâm mình thì cảnh huống con người mới có thể thay đổi, và niềm ước ao ngày xưa bừng dậy trong chàng: tìm ra được một lối thoát cho tâm linh.

Yasodhara là một cô gái rất thông minh. Nàng hiểu được tâm trạng chồng. Nàng có đức tin nơi Siddhatta: nàng biết nếu Siddhatta quyết tâm tìm kiếm con đường giải thoát thì chàng sẽ tìm ra. Nhưng nàng cũng là một cô gái rất thực tế: cuộc tìm kiếm này có thể kéo dài trong nhiều tháng, nhiều năm, trong khi những khổ đau hiện thực vẫn xảy ra hàng ngày trong cuộc sống. Vì vậy nàng nghĩ phải làm một cái gì ngay trong giờ phút hiện tại. Và nàng bàn với Siddhatta những phương pháp có thể làm vơi bớt nỗi khổ của những người thiếu may mắn nhất trong vương quốc. Công việc này nàng đã bắt đầu từ hơn hai năm nay ở các xóm nghèo. Công việc ấy một mặt có thể thoa dịu bớt khổ đau của một số người, một mặt có thể đem lại chút ít bình an và hạnh phúc cho tự tâm nàng. Yasodhara tin rằng tình yêu của Siddhatta có thể là lưng tựa vững chải và lâu dài cho công việc ấy.

Từ thủ đô Kapilavatthu, các vật dụng cần thiết cho cuộc sống tại Hạ cung vẫn được chở tới đều đều. Trong cung số người hầu cận, nấu nướng, dọn dẹp và chăm sóc rất đông. Siddhatta và Yasodhara gửi bớt những người này về thành. Họ chỉ giữ lại một số người đủ để chăm sóc vườn cảnh, nấu nướng và dọn dẹp. Và cố nhiên là họ giữ lại Channa. Yasodhara tổ chức lại đời sống hàng ngày cho thật đơn giản. Nàng hay vào bếp chỉ dẫn cách thức nấu những món ăn đơn giản mà hạp với khẩu vị của Siddhatta. Nàng ưa tự tay săn sóc sự ăn uống và sự phục sức của chàng. Nàng luôn luôn tham khảo ý kiến của Siddhatta về những công việc xã hội mà nàng dự tính tiếp tục khi trở về thủ đô. Siddhatta hiểu biết được nhu cầu hành động của nàng và luôn luôn tỏ ý quan tâm về những dự án này khiến cho Yasodhara càng lúc càng thêm tin tưởng.

Tuy hiểu được Yasodhara và biết giá trị của công việc nàng làm, Siddhatta vẫn thấy con đường

của nàng chưa phải là con đường có thể thực sự đem lại an lạc cho tâm linh. Lối thoát mà nàng nghĩ đã tìm ra chỉ là một phương thuốc thoa dịu có tính cách tạm bợ. Con người bị trói buộc không những bởi những điều kiện trong xã hội mà còn bởi những phiền não nội tâm nữa. Yasodhara hiện có thể làm được một ít công việc giúp người nghèo khó và bị áp bức, nhưng trong xã hội mấy ai có được những điều kiện thì giờ và vật chất để làm được như nàng, và nếu Yasodhara bị kẹt vào một trong những tâm lý sợ hãi, ganh tỵ, cay đắng hoặc oán thù, liệu nàng có đủ nghị lực để tiếp tục công việc?

Tự thân Siddhatta cũng đã trải qua những giai đoạn nghi ngờ, bất mãn, khổ đau và bực tức khi nhận ra được thực trạng trong triều và ngoài nội. Không vượt thoát được những khổ đau của nội tâm, không đạt tới được sự an bình của nội tâm thì hành động xã hội lấy đâu làm căn cứ xuất phát?

Chàng nghĩ như thế nhưng chàng không nói với Yasodhara.

Chàng không muốn nàng lo âu và nghi nan trong giai đoạn này.

Khi hai vợ chồng trở về kinh đô vào mùa Đông năm ấy, các anh em và bạn bè tới thăm hỏi thật đông.

Tại cung mùa Đông, Yasodhara tiếp đãi khách khứa và bạn bè rất ấm cúng và chu đáo. Những câu chuyện mà nàng nghe Siddhatta nói với các bạn bên lò sưởi thường là câu chuyện tư tưởng triết học và đạo học có liên hệ tới tình trạng chính trị và xã hội. Đi lại trong phòng và hướng dẫn các thị nữ mang trà nước cho khách, nàng không bỏ sót một câu chuyện nào. Nàng để ý trong số các bạn và người thân thích xem có ai là người đồng điệu có thể mời cộng tác với mình trong công tác cứu tế người cùng khổ, nhưng nàng không thấy được mấy ai. Đa số bạn bè thường ưa ăn to nói lớn, có người thì quá phù phiếm, có người thì chỉ chú trọng đến chuyện tổ chức những cuộc vui. Nhưng Siddhatta phải kiên nhẫn ngồi tiếp hết mọi người.

Khách khứa tuy vậy cũng thưa dần. Yasodhara bắt đầu tổ chức trở lại công việc cứu tế của nàng với sự phụ giúp của mấy người thị nữ hầu cận. Nàng sung sướng lắm, bởi vì ngoài Siddhatta, nàng đã có thêm một người hiểu nàng, thương nàng và yểm trợ công việc của nàng: đó là phu nhân Gotami, tức là hoàng hậu Mahapajapati. Hoàng hậu rất quan tâm đến hạnh phúc của nàng, bởi bà biết nếu nàng có hạnh phúc thì Siddhatta cũng có hạnh phúc, nhưng không phải chỉ lý do đó mà bà ủng hộ công tác cứu trợ của Yasodhara, bà là người có lòng nhân từ, và ngay trong chuyến đầu đi với Yasodhara vào xóm cùng dân, bà đã thấy ngay được giá trị của công việc Yasodhara đang làm, giá trị ấy không phải là những vật dụng mà người cứu trợ đem tới như gạo, bột mì, vải và thuốc men ... Giá trị ấy là cái nhìn, hai bàn tay và tình thương của người đã chịu đi tới tiếp xúc với những người kém may mắn. Hoàng hậu Mahapajapati không phải là một người đàn bà tầm thường. Bà thường nói với Yasodhara rằng người đàn bà cũng có đủ trí tuệ và sức khỏe để đảm nhiệm những trách vụ trong xã hội không thua gì người đàn ông. Người đàn bà có khả năng tạo ra khung cảnh ấm áp và hạnh phúc của gia đình nhưng không phải vì vậy mà người đàn bà sinh ra là để ở suốt ngày trong bếp núc. Gotami đã tìm thấy nơi người con dâu một người bạn đồng chí, bởi vì Yasodhara vốn là một cô gái có chí khí và có nhận thức độc lập. Không những bà muốn yểm trợ tinh thần cho Yasodhara mà bà còn hứa sẽ làm việc chung với nàng.

Chương 10 - Chữ Tâm Kia Mới Bằng Ba Chữ Tài

Trong khi đó quốc vương Suddhodana tỏ ý muốn Siddhatta thân cận với vua hơn để có cơ hội thực tập về chính sự.

Thái tử được mời dự những buổi họp quốc sự, khi thì riêng với phụ vương, khi thì chung với quần thần.

Chàng để hết tâm ý vào các vấn đề chính trị, kinh tế và quân sự được đưa ra và chàng nhận ra rằng căn bản của các vấn đề nằm ở nhận thức và tư dục của người làm chính sự.

Khi mà tâm người đã trấn ngự bởi ý thức về quyền lợi cá nhân, gia đình và dòng họ rồi thì mọi quyết định về chính sách không thể nào còn khách quan nữa, và như vậy chính sách không còn thực sự nhắm vào việc lợi nước lợi dân.

Siddhatta ngồi nghe và đoán biết được tâm lý của những người cộng sự với phụ vương chàng. Chàng thấy được những tư dục của họ, có khi chàng thấy được cái mặt trái giả đạo đức của họ và đồng thời cũng thấy một niềm tức giận nảy sinh và tràn dâng trong lòng, nhưng Siddhatta biết mình phải kềm chế niềm tức giận ấy. Chàng biết chàng có thể nói huych toẹt ra giữa triều đình những điều không mấy tốt đẹp ấy nhưng chàng đã ngậm miệng không nói, bởi vì chàng không có hoặc chưa có phương pháp gì đối trị. Nói ra chỉ là để gây đổ vỡ mà thôi, và như vậy lại tạo thêm những khó khăn cho phụ vương chàng.

- Tại sao con không góp ý kiến với triều thần mà chỉ ngồi im lặng thế?

Vua Suddhodana hỏi chàng, sau một buổi chầu trong đó các quan đã bàn luận rất lâu về chính sự.

Siddhatta nhìn cha:

- Không phải là con không ý kiến, nhưng những ý kiến của con, nếu nói ra, cũng không có ích lợi gì, vì chúng chỉ có thể nêu ra chứng bệnh, mà chưa phải là phương thuốc trị bệnh. Con thấy con chưa có đủ khả năng để thay đổi tâm trạng của các quan. Tư dục của họ còn nặng nề lắm và con biết con chưa có thể làm việc được với họ. Phụ vương nghĩ xem. Quan phụ chính đại thần Vessamitta là một người có quyền lực rất lớn trong triều đình. Phụ vương biết rằng ông ta không liêm khiết và nhiều khi ông ta lấn cả quyền của phụ vương. Ấy vậy mà phụ vương vẫn phải dùng ông ta. Tại sao? Tại phụ vương biết nếu không dùng ông ta thì triều đình có thể rối loạn.

Vua Suddhodana nhìn con, im lặng một hồi lâu. Rồi vua nói:

- Nhưng con cũng biết là để cho yên nước yên nhà, nhiều khi ta phải chịu đựng. Ta biết quyền lực ta có giới hạn, nhưng nếu con tập làm chính sự, sau này con sẽ giỏi hơn ta và con sẽ có đủ tài năng để thanh lọc lại hàng ngũ của chính quyền mà không gây ra những xáo trộn cho xứ sở.

Siddhatta đưa tay lên trán. Chàng thở dài:

- Con không tin rằng tài năng là yếu tố căn bản. Con nghĩ rằng vấn đề căn bản là giải phóng

được cho tâm mình. Con biết là chính con, con cũng bị khuynh đảo bởi những tình cảm như buồn giận, ganh ghét, sợ hãi và những ham muốn bình thường.

Những cuộc đàm luận ngắn như thế giữa hai cha con càng ngày càng làm cho vua lo lắng. Vua thấy Siddhatta là một người có nhận thức rất sâu sắc nhưng cũng là một người ưa đòi hỏi cái tuyệt đối. Vua thấy được sự khác biệt giữa mình và thái tử. Tuy vậy trong lo lắng, vua vẫn cố nuôi hy vọng. Vua hy vọng rằng nếu Siddhatta tiếp xúc lâu ngày với người và với việc, thái tử sẽ có thể một ngày nào đó chấp nhận cái tương đối trong cuộc đời.

Trong lúc ấy, Siddhatta không bao giờ ngưng học hỏi. Ngoài công việc học tập chính sự và giúp đỡ Yasodhara, chàng tìm cách tiếp xúc với các vị Bà la môn và sa môn nổi tiếng trong xứ để học hỏi thêm. Chàng biết rằng học đạo không phải chỉ là học những tư tưởng uyên áo chứa đựng trong các thánh thư mà còn là học phép thiền định để đạt tới sự giải phóng tâm ý. Chàng rất ưa đi tìm những vị sa môn ẩn cư để học hỏi và thực tập, và chàng đem những gì đã được học về để thực tập ngay trong cung điện. Thỉnh thoảng Siddhatta cũng đem những điều mình đã học và đang thực tập ra để chia sẻ với Yasodhara. Chàng hay nói với nàng:

- Này Gopa, có lẽ em phải thực tập thiền định thì tâm em sau này mới an được và em mới có thể làm việc xã hội được lâu dài.

Gopa là tên ngày còn nhỏ của Yasodhara, chàng hay gọi nàng bằng tên này một cách âu yếm.

Yasodhara nghe lời chàng. Tuy bận rộn công việc, nàng vẫn thường chịu thiền tập. Có khi hai người ngồi chung trong im lặng. Tất cả các người hầu cận đều phải rút lui trong những giờ giấc ấy, những đoàn ca vũ được hai người cho đi làm việc ở những nơi khác.

Từ hồi ấu thơ, Siddhatta đã từng được nghe về bốn giai đoạn trong đời sống của một người Bà-la-môn. Tuổi trẻ, người con trai Bà-la-môn phải học kinh Vệ Đà. Đó là giai đoạn đầu. Giai đoạn thứ nhì, thành người, là giai đoạn lập gia đình, nuôi dưỡng con cái và phục vụ xã hội. Giai đoạn thứ ba, khi con cái đã lớn khôn, thì có thể rút lui làm ẩn sĩ, và trong giai đoạn thứ tư, buông bỏ mọi ràng buộc với cuộc đời, người Bà-la-môn có thể sống đời sống xuất thế.

Siddhatta nghĩ rằng bốn giai đoạn ấy của cuộc đời đã được chia ra một cách quá rạch ròi.

Đợi đến già mới học đạo thì sẽ trễ tràng quá. Chàng không thể chờ đợi được.

- Tại sao ta không thể sống bốn cách ấy ngay trong một giai đoạn? Tại sao không tập sống đời xuất thế ngay khi ta còn có gia đình?

Nghĩ vậy, Siddhatta có ý bắt đầu học đạo và hành đạo ngay trong đời sống hiện tại. Tuy nhiên, chàng không thể không nghĩ tới những đạo sĩ nổi danh đang hành đạo ở phương xa, mãi tận Savathi hay Rajagaha. Chàng tin rằng nếu được du phương học đạo với những bậc thầy nổi danh chàng sẽ có thể đạt đạo mau chóng.

Các bạn và ngay các vị sa môn ẩn cư mà chàng đi thăm đều có nhắc đến tên những sa môn nổi tiếng như Alara Kalama và Uddaka Ramaputta. Ai cũng ước mong được tiếp xúc và học hỏi với các vị này.

Càng ngày Siddhatta càng thấy niềm mong ước của mình trở nên thúc bách.

Một buổi chiều Yasodhara đi làm việc về mặt buồn rười rượi. Nàng đăm chiêu không nói. Em bé bị thương hàn mà nàng chăm sóc từ hơn một tuần nay vừa mới chết. Mấy hôm nay nàng đã làm đủ mọi cách mà không rứt em ra khỏi tay tử thần. Buồn quá, nàng ngồi thiền định. Nàng không ngăn được cảm xúc, Siddhatta vừa dự một buổi họp triều chính về. Trông thấy chàng, Yasodhara òa lên khóc, Siddhatta ôm nàng trong hai tay và hỏi han cớ sự. Chàng tìm cách an ủi nàng:

- Gopa, ngày mai ta sẽ đi với em để dự đám tang của em bé. Em cứ khóc đi cho nhẹ bớt nỗi khổ trong lòng. Sinh, già, bệnh, chết là những gánh nặng đè lên vai của tất cả mọi người, những gì xảy đến cho em bé đều có thể xảy ra cho chúng ta, bất cứ lúc nào.

Yasodhara thổn thức:

- Càng ngày em càng thấy điều điện hạ nói là đúng. Khổ đau thì vô cùng mà hai bàn tay thì nhỏ bé. Lòng em cũng đầy sự bất an. Anh ơi, anh chỉ cho em cách nào để em đối trị được những khổ đau và lo lắng trong lòng đi anh.

Siddhatta ôm Yasodhara chặt trong hai tay chàng:

- Em ơi, chính anh cũng đang đi tìm con đường để đối trị những khổ đau và lo lắng trong anh. Anh đã nhìn thấy thực trạng của xã hội và của con người, nhưng anh chưa thấy được nẻo thoát dù anh đã bỏ công học hỏi và tìm kiếm. Tuy nhiên anh tin rằng một ngày nào đó anh sẽ tìm ra được con đường cho tất cả chúng ta, Gopa, em hãy có lòng tin nơi anh.

- Em bao giờ mà không có lòng tin nơi anh. Em biết một khi đã quyết định một điều gì thì anh sẽ đi đến cùng để thực hiện cho kỳ được điều ấy. Em biết một ngày nào đó anh sẽ bỏ hết phú quý giàu sang và ngai vàng để ra đi tìm đạo, nhưng anh ơi, xin anh đừng bỏ em trong giai đoạn này. Em rất cần anh.

Siddhatta nâng cằm Yasodhara lên, nhìn vào mắt nàng:

- Không, không, anh không bỏ em bây giờ đâu. Chừng nào, chừng nào ...

Yasodhara bịt miệng Siddhatta lại:

- Siddhatta anh, anh đừng nói gì vội. Em muốn hỏi anh điều này: nếu anh có một đứa con với em, thì anh muốn đó là con trai hay là con gái?

Siddhatta giật mình, chàng nhìn Yasodhara chăm chú:

- Em nói sao, Gopa? Có phải em đã, em đã ...

Yasodhara gật đầu, nàng chỉ vào bụng và nói:

- Em rất sung sướng vì em đang được mang trong em hoa trái của tình yêu chúng ta. Em muốn nó sẽ là con trai, và có khuôn mặt giống anh, thông minh như anh, và hiền đức như anh.

Siddhatta đưa hai vòng tay ôm lấy Yasodhara vào lòng. Trong nỗi vui mừng lớn lao, chàng chợt nhận ra những hạt giống của sự lo lắng. Tuy nhiên chàng tươi cười nói với Yasodhara:

- Em sinh con trai hay con gái thì anh cũng mừng như nhau. Miễn là con chúng ta sẽ vừa nhân từ vừa thông tuệ như em. À này, Gopa, em đã báo tin này cho mẹ biết chưa?

- Em chưa cho ai biết hết, trừ anh ra. Chiều nay em sẽ vào cung Thánh Từ báo cho lệnh bà Gotami. Nhân tiện để em học hỏi với mẹ về cách nuôi dưỡng thai nhi, em cũng sẽ báo tin này cho phu nhân Pamita mẹ của em ngày mai. Chắc mọi người sẽ mừng lắm.

Siddhatta gật đầu. Chàng biết là khi nghe tin này, dì mẫu của chàng sẽ báo tin ngay cho phụ vương chàng. Phụ vương sẽ rất hài lòng và sẽ tổ chức một lễ ăn mừng lớn.

Siddhatta có cảm tưởng là những sợi dây ràng buộc chàng với cuộc đời ở cung điện càng ngày càng siết chặt lại.

Chương 11 - Tiếng Sáo Canh Khuya

Udayin, Devadatta, Kimbila, Mahnama, Kaludayi và Anuruddha là những người bạn thường đến chơi với Siddhatta để luận bàn chính trị và đạo đức cùng với Ananda và Nanda, họ sẽ là những người thần tử thân cận nhất của Siddhatta sau này khi chàng lên nối ngôi vua. Những cuộc đàm luận kéo dài sau tiệc rượu, và chìu ý các bạn, Siddhatta đã để cho những đoàn vũ nhạc của hoàng gia trình diễn có khi đến suốt đêm.

Devadatta thường nói thao thao bất tuyệt về chính trị. Udayin và Mahanama là những người hưởng ứng nhiều nhất và thảo luận về những điểm mà Devadatta đưa ra mà không biết mệt mỏi. Siddhatta nói rất ít. Có khi giữa một hội ca vũ, nhận thấy Anuruddha ngồi ngủ gục không tỏ ý gì tha thiết với các cuộc vui, chàng nắm tay Anuruddha đưa ra vườn.

Hai người im lặng ngắm trăng và nghe tiếng suối róc rách chảy. Anuruddha là em ruột của Mahanama. Hai người đều là con trai của thân vương Amiriodana, chú ruột của Siddhatta.

Anuruddha tính tình hòa nhã, diện mạo xinh đẹp, thường được các công nương để ý theo dõi, nhưng chàng không để tâm tới chuyện tình duyên. Có khi Siddhatta và Anuruddha ngồi chơi ngoài ngự viên thật khuya, và khi tiếng đàn hát trong cung đã im bặt chàng mới lấy ống sáo ra thổi dưới ánh trăng vằng vặc. Lúc này các vương tử và bạn bè đều say sưa hoặc mệt mỏi nên đã được mời vào an nghỉ trong cung tại các phòng dành cho tân khách. Sau khi sắp đặt đâu đấy xong xuôi và cho bọn người hầu đi ngủ, Gopa thường đi đốt một lò trầm nhỏ và đem ra vườn. Nàng lặng lẽ đặt lư trầm lên bệ đá rồi ngồi xuống trên một chiếc ghế gần bên để lắng nghe tiếng sáo dìu dặt bỗng trầm trong canh khuya.

Thấm thoát mà đã đến ngày Yasodhara mãn nguyệt khai hoa. Vương phi khuyên con ở lại nội cung để sinh nở mà đừng về quê ngoại ở Ramagama, bởi chính bà cũng đang cư trú ở Kapilavatthu. Bà bàn với hoàng hậu và sắp đặt mời các bà mụ giỏi nhất trong kinh đô về cung để giúp Yasodhara.

Ngày Yasodhara lâm bồn, hoàng hậu Gotami có mặt mà vương phi Pamita mẹ của Yasodhara cũng có mặt.

Mọi người yên lặng chuẩn bị giờ ra đời của em bé.

Trong cung, một bầu không khí nghiêm trọng bao phủ. Vua Suddhodana không có mặt ở đây nhưng Siddhatta biết rằng phía bên kia cung điện phụ vương chàng cũng đang khắc khoải chờ đợi.

Mới vừa đây, Yasodhara còn ngồi với chàng, khi bắt đầu kêu đau, Yasodhara đã được các thị nữ vực vào phòng trong.

Bây giờ là vào giữa trưa, nhưng bỗng dưng trời tối sầm lại như có bàn tay ai che mát mặt trời. Siddhatta ngồi ngoài này, cách nàng tới hai lớp cửa, nhưng những tiếng rên siết của nàng từ bên trong đưa ra chàng đều nghe rõ mồn một. Càng lúc niềm lo lắng của chàng càng lớn thêm, rồi những tiếng đau đớn của Yasodhara vọng lên không ngớt. Siddhatta nóng ruột, những tiếng gào

của nàng làm nát cả tâm can thái tử. Chàng không thể ngồi yên một chỗ. Chàng đứng dậy đi bộ trong phòng, có khi Yasodhara thét lên những tiếng lanh lảnh làm cho chàng hốt hoảng. Mẹ sinh ra chàng, hoàng hậu Mahamaya, ngày xưa vì sinh chàng mà đã mệnh chung; chàng không bao giờ quên sự thật nát lòng này.

Bây giờ đến Yasodhara. Bây giờ đến đứa con của chàng. Sinh đẻ là một cửa ải mà người đàn bà có chồng phải có lúc vượt qua: một cửa ải nguy hiểm khôn cùng. Qua được là sống mà không qua được là chết, mà có khi chết cả hai mẹ con.

Nhớ đến lời dạy của vị sa môn mà chàng đi thăm mấy tháng về trước, chàng ngồi lại trong tư thế hoa sen để bắt đầu điều phục tâm ý. Đây là một giây phút thử thách. Chàng phải giữ được tâm bình lặng trước những tiếng thét của Yasodhara. Chàng vừa ngồi lại thì bỗng thấy hình bóng của một em bé sơ sinh hiện ra trong óc. Hình bóng của đứa con chàng. Ai cũng mong ước cho chàng có một đứa con, và sẽ vui mừng cho chàng vì chàng có một đứa con. Chính chàng, chàng cũng đã ao ước có một đứa con, nhưng bây giờ đây, trong giờ phút quyết liệt này, chàng cảm thấy có một đứa con là một biến cố vô cùng quan trọng. Mình chưa tìm ra được đường đi cho chính mình, mình chưa biết mình đi về đâu, mà mình sinh con ra há chẳng phải tội nghiệp cho con lắm sao?

Bỗng nhiên tiếng la hét của Yasodhara im bặt. Chàng bật người đứng dậy, Cái gì đang xảy ra? Trái tim của chàng đập mạnh. Để lấy lại bình tĩnh chàng chú tâm vào hơi thở. Chính vào lúc ấy có tiếng oe oe của một đứa trẻ vọng ra. Biết là em bé đã sinh, Siddhatta đưa tay lên mồ hôi trên trán.

Bà Gotami mở cửa đi ra nhìn chàng, miệng bà mỉm cười. Siddhatta biết rằng mẹ con Yasodhara đã được bình yên. Hoàng hậu ngồi xuống phía trước mặt chàng. Bà nói:

- Gopa đã sinh con trai.

Siddhatta mỉm cười, nhìn mẹ với cặp mắt cám ơn. Chàng nói:

- Con đặt tên cho nó là Rahula.

Chiều hôm đó, Siddhatta được vào thăm hai mẹ con Rahula. Hai mắt sáng ngời nhìn chàng, tràn đầy hạnh phúc.

Bên cạnh nàng là em bé. Em bé đã được bọc trong lụa, và chàng chỉ thấy được khuôn mặt bụ bẫm của con.

Siddhatta nhìn Yasodhara. Nàng ra đấu ưng thuận.

Chàng cúi xuống bế Rahula lên và ôm con vào trong hai tay. Yasodhara nhìn theo.

Cũng như hồi nãy, chàng vừa có cảm giác phơi phới lâng lâng mà cũng vừa có cảm giác lo lắng nặng nề.

Yasodhara được tĩnh dưỡng nhiều ngày trong cung. Hoàng hậu Gotami săn sóc nàng thật kỹ lưỡng từ thức ăn đến lò sưởi. Mỗi buổi chiều, khi về đến tư cung, Siddhatta lại vào thăm hai mẹ con. Ôm Rahula trong tay, Siddhatta cảm thấy sự quý giá và mong manh của một mầm sống. Chàng nhớ lại hôm đi đám hỏa táng của em bé ở xóm nghèo. Em bé là một em bé trai chỉ

chừng bốn tuổi. Xác nó còn để trên giường, khi chàng với Yasodhara tới. Em bé không có một chút sinh khí nào. Thân hình nó vừa trắng bệch, vừa xanh xao, vừa gầy ốm. Mẹ của em bé vẫn còn ngồi bên giường vừa chùi nước mắt vừa khóc kể.

Một lát sau, ông thầy Bà-la-môn tới. Mấy người láng giềng đã túc trực tại đó từ bao giờ. Họ quấn xác em bé vào trong vải hồng rồi đặt em bé vào trong một cái cáng tre mà họ đã làm sẵn để đưa em ra bờ sông. Siddhatta và Yasodhara đi theo sau, trong đám người nghèo khổ. Ngoài bờ sông, đã có dựng một hỏa đàn nhỏ, rất đơn giản. Theo sự chỉ dẫn của ông thầy cúng, người ta khiêng cáng xuống sông và nhúng xác em bé vào dòng nước. Đó là lễ tẩy tịnh; người ta tin rằng nước sông Banganga thiêng liêng sẽ rửa sạch nghiệp chướng của em bé. Rồi người ta đem cáng lên bờ đặt xuống để nước giọt đi bớt. Một người đàn ông đi chế dầu thơm vào hỏa đàn. Thi thể của em bé được đạt lên giàn hỏa. Ông thầy Bà la môn, tay cầm đuốc, vừa đi quanh hỏa đàn vừa đọc kinh, Siddhatta nhận ra những đoạn trong kinh Vệ Đà. Đi quanh được ba vòng, ông thầy châm lửa vào giàn hỏa. Lửa phựt cháy, Mẹ và các anh chị của đứa bé òa lên khóc. Lửa đã bắt đầu táp vào thi thể em bé. Siddhatta nhìn Yasodhara. Mắt nàng đẫm lệ. Siddhatta bất giác cũng muốn khóc. Bé ơi, bé ơi, bé đang đi về đâu?

Siddhatta trả Rahula lại cho mẹ nó. Chàng đi ra vườn ngự, và chàng ngồi ở ghế đá một mình cho đến khi màn đêm buông xuống và một cô thị nữ ra tìm chàng:

- Tâu điện hạ, lệnh bà cho con đi tìm điện hạ. Hoàng thượng ngự giá sang thăm.

Siddhatta đi vào. Đèn đuốc đã được thắp lên sáng trưng trong cung điện.

Chương 12 - Con Ngựa Kanthaka

Sức khỏe của Yasodhara trở lại bình thường, và nàng đã có thể bắt đầu lại công việc, tuy rằng nàng để khá nhiều thì giờ lo cho bé Rahula. Một sáng mùa Xuân nọ, Channa đánh xe song mã đưa Siddhatta và Yasodhara đi ra ngoài thành du ngoạn, theo lời khuyên nhủ của bà Gotami. Rahula cũng được ẵm theo và một cô thị nữ tên Ratna cũng được đi theo để săn sóc bé.

Nắng ấm đã lên. Lá cây xanh mơn mởn. Hoa nở khắp nơi, những cây vô ưu và những cây hồng táo nở hoa đầy mình. Chim chóc ca hát bốn phía. Channa cho xe đi chậm. Có những người dân quê nhận ra được Siddhatta và Yasodhara. Họ đứng dậy đưa cả hai tay lên vẫy. Xe đã ra tới bờ sông Banganga. Bỗng nhiên, Channa ghìm cương ngựa lại. Mọi người nhìn về phía trước mặt. Một người đang nằm chặn giữa đường, tay chân người đó co quắp lại. Toàn thân người đó run rẩy. Miệng người đó không ngớt kêu rên. Siddhatta nhảy xuống, lại gần. Channa cũng buộc cương ngựa vào thành xe, nhảy xuống. Người nằm bên đường là một người đàn ông, tuổi chưa tới ba mươi. Siddhatta cầm lấy tay người ấy và ngước mắt hỏi Channa:

- Người nầy trúng gió phải không, Channa? Anh hãy giúp ta xoa bóp và đánh gió cho ông ta.

Channa lắc đầu:

- Thưa điện hạ, đây không phải là triệu chứng của người trúng gió. Người này mắc phải chứng dịch hạch. Chứng này hiện chưa có thầy thuốc nào biết cách chữa.

- Khổ chưa, thái tử Siddhatta nhìn kỹ lại người bệnh. Ta có nên chở ông ta về cho ngự y xem xét không?

- Thưa điện hạ, bệnh này ngự y cũng không trị nổi, mà bệnh này lại hay lây. Nếu ta chở người này lên xe thì bệnh có thể lây tới lệnh bà, tới cậu Rahula, và tới cả điện hạ nữa. Xin điện hạ buông tay người ấy ra đi, kẻo nguy hiểm lắm.

Siddhatta vẫn không buông tay người bệnh. Chàng nhìn tay người bệnh rồi nhìn lại tay chàng. Chàng biết chàng là một người mạnh khỏe, nhưng nhìn thấy người bệnh trạc tuổi mình đang nằm trước ngưỡng cửa của cái chết, bao nhiêu sự tự hào về sức khỏe và sự may mắn của riêng mình đột nhiên tan biến hết nơi chàng.

Từ bờ sông, bỗng có tiếng khóc than vọng lại. Chàng đưa mắt nhìn lên. Lại một đám ma. Lại một giàn hỏa. Tiếng đọc kinh đã vọng lên chen lẫn với tiếng khóc than và tiếp đến là tiếng phần phật của giàn lửa bốc cháy.

Siddhatta nhìn xuống thì người bệnh dưới chân mình đã tắt thở. Hai con mắt ông ta còn trợn trừng. Chàng đặt bàn tay người ấy xuống, đưa tay vuốt mắt người chết. Khi đứng dậy thì chàng thấy Yasodhara đã đứng sau lưng chàng không biết từ lúc nào.

Nàng nói giọng nhỏ nhẹ:

- Xin điện hạ xuống rửa tay dưới bến sông. Channa, anh cũng nên xuống sông rửa tay đi. Rồi chúng ta đánh xe vào xóm báo cho nhà chức trách địa phương biết để họ lo liệu.

Cuộc du hành mùa Xuân tới đây là chấm dứt. Siddhatta báo Channa đánh xe trở về cung điện.

Trên đường về không ai nói với ai một lời nào.

Tối hôm ấy, Yasodhara nằm mơ thấy toàn là những ác mộng. Trong giấc mơ đầu, nàng thấy một con bò mộng trắng, trên đầu có gắn một viên ngọc lớn lấp lánh như sao Bắc đẩu. Con bò đi từng bước thong thả qua đường phố thành Kapilavatthu và hướng về cổng thành. Từ đền thờ Indra, có tiếng thiên thần la lớn: "Nếu không giữ được con bò này lại thì kinh đô này còn đâu là ánh sáng". Mọi người trong thành đều chạy đến cố sức giữ bò lại, nhưng rốt cuộc, không ai giữ được nó. Con bò thoát ra khỏi thành và đi mất.

Trong giấc mộng thứ hai, nàng thấy bốn vị vua trời từ trên đỉnh núi Tu Di phóng hào quang ngay thành Kapilavatthu. Ngọn cờ đang bay phấp phới trên đền thờ Indra bỗng dưng đập mạnh và rơi xuống đất. Hoa ở trên trời rơi xuống như mưa, hoa đủ năm màu, chói lọi. Khắp nơi như mở đại hội, và tiếng nhạc từ trên không vang dội khắp kinh kỳ.

Trong giấc mộng thứ ba, nàng nghe tiếng hô to trong không gian: "Giờ đã đến! Giờ đã đến!". Nàng hoảng hốt nhìn sang chỗ Siddhatta ngồi thì không còn thấy Siddhatta ở đấy. Những chiếc hoa lài cài trên tóc nàng bỗng rơi xuống sàn nhà và biến thành tro bụi. Tất cả những áo mão và đồ trang sức mà Siddhatta để lại trên ghế chàng bây giờ bỗng biến thành một con rắn đang trườn ra phía cửa. Trong hoảng hốt, nàng nghe tiếng rống của con bò trắng từ phía ngoài thành. Nàng nghe tiếng phần phật của ngọn cờ trên đền thờ Indra, và nàng nghe tiếng hô lớn trong không gian: "Giờ đã đến! Giờ đã đến!".

Yasodhara thức giấc. Trán nàng toát mồ hôi. Quay sang phía Siddhatta, nàng lay chàng dậy:

- Anh, anh ơi, anh thức dậy đi anh.

Siddhatta vẫn còn thức. Chàng đưa tay vỗ về Yasodhara. Chàng nói:

- Em vừa mới mơ thấy gì đó? Hãy kể cho anh nghe đi.

Yasodhara kể lại những giấc mộng của nàng, và nàng hỏi chàng:

- Có phải những giấc mộng ấy báo trước rằng anh sẽ ra đi tìm đạo và bỏ em ở nhà một mình phải không anh?

Siddhatta im lặng nghe. Chàng an ủi nàng:

- Này Gopa, em đừng buồn. Anh biết em là một người có chí khí. Anh biết em là người cộng sự của anh, và em có thể giúp anh hoàn thành được chí nguyện. Em hiểu anh hơn ai hết trong những người thân thuộc của chúng ta. Vậy nếu mai này mà anh phải đi và phải xa em, xa em trong một thời gian, anh mong rằng em sẽ có đủ can đảm để tiếp tục công việc của em. Em sẽ chăm sóc con và nuôi con lớn lên, dù anh có đi, dù anh có ở xa em thì tình thương của anh đối với em bao giờ cũng thế. Anh sẽ chẳng bao giờ không yêu em. Nếu em biết như thế thì em có thể chịu đựng được sự xa cách. Khi anh tìm được đạo, anh sẽ trở về với em, với con. Thôi em ngủ lại đi.

Tiếng Siddhatta ôn tồn, ngọt ngào và vỗ về đi thẳng vào lòng Yasodhara. Nàng có đủ đức tin nơi chàng. Nàng ngoan ngoãn nhắm mắt lại.

Sáng hôm sau, Siddhatta vào gặp vua cha. Chàng tâu:

- Thưa phụ vương, con xin phép phụ vương xuất gia để tìm đạo.

Vua Suddhodana giật mình, tuy đã từng nghĩ đến biến cố có thể xảy ra này, nhưng vua chưa bao giờ nghĩ nó xảy ra một cách đột ngột như vậy. Trầm ngâm hồi lâu, ngài nhìn con rồi nói:

- Ngày xưa trong giòng họ ta thỉnh thoảng cũng có người đi xuất gia làm sa môn, nhưng không ai bỏ nhà ra đi vào tuổi của con cả. Ai cũng đợi đến sau tuổi năm mươi. Sao con không làm như thế? Con của con còn nhỏ, và nước nhà đang trông cậy vào con ...

- Thưa phụ vương, một ngày con ngồi trong cung cũng như một ngày con ngồi trên đống lửa. Tâm con không an thì làm sao con có thể đáp lại sự trông cậy của phụ vương, của nước nhà, cũng như của bất cứ ai? Con thấy ngày tháng qua rất mau, tuổi trẻ của con cũng vậy. Xin phụ vương cho phép con ...

Vua ôn tồn:

- Con nên nghĩ đến sơn hà, xã tắc, đến ta, đến Yasodhara và đến đứa con còn trứng nước của con.

- Thưa phụ vương, chính vì con nghĩ đến cho nên con mới xin phép phụ vương cho con ra đi. Con đi đây không phải là để cho một mình con. Con không ích kỷ đi trốn tránh nhiệm vụ của con. Chính phụ vương cũng biết rằng phụ vương không giúp được cho con giải tỏa những khổ đau dằn vặt trong con. Ngay cả những khổ đau dằn vặt trong lòng phụ vương, phụ vương cũng chưa giải tỏa được.

Vua đứng dậy nắm lấy tay chàng:

- Con biết rằng ra rất cần con. Con là người mà ta đặt hết kỳ vọng của ta. Con đừng bỏ ta.

- Con không bao giò bỏ phụ vương. Con chỉ xin phụ vương đi xa. Chừng nào đạt đạo con sẽ trở về.

Nét mặt Suddhodana dàu dàu. Ngài không nói gì nữa. Ngài bỏ vào biệt điện.

Chiều hôm đó, hoàng hậu Gotami qua ở lại suốt buổi với Yasodhara.

Cũng chiều hôm đó, Udayin bạn của Siddhatta đến chơi. Chàng rủ theo Devadatta, Ananda, Anuruddha, Kimbila và Bhadrika, những người trai trẻ đòi tổ chức cuộc vui. Udayin đã mời được đoàn vũ công tài ba nhất trong kinh thành đến. Đèn đuốc thắp lên sáng rực cả cung điện.

Bà Gotami cho Yasodhara biết là Udayin đã được vua cho triệu tới và giao trách nhiệm làm đủ mọi cách để ngăn Siddhatta bỏ nhà ra đi. Cuộc vui tối nay nằm trong chương trình hành động của chàng.

Yasodhara ra lệnh cho các thị nữ đi lo thức ăn và thức uống cùng các nhu cầu khác cho cuộc vui và nàng ở lại bên trong đàm đạo với phu nhân Gotami trong khi bên ngoài công viên Siddhatta tiếp đãi các bè bạn. Hôm đó là ngày trăng tròn tháng Uttarasalha.

Khi tiếng nhạc của cuộc vui bắt đầu trổi đậy thì trăng cũng bắt đầu nhô lên trên rặng cây phía trời Đông Nam.

Bà Gotami tâm sự với Yasodhara cho tới khuya mới về cung an nghỉ. Khi đưa bà ra sân. Yasodhara thấy trăng đã lên tới đỉnh đầu. Cuộc vui còn tiếp diễn với tiếng trống tiếng nhạc và tiếng nói cười. Đưa hoàng hậu Gotami khỏi ngõ, nàng trở vào đi tìm Channa. Người hầu cận này đang ngủ. Nàng đánh thức Channa dậy, thầm thì:

- Có thể đem nay thái tử cần đến ngươi. Hãy chuẩn bị cho con Kanthaka, yên cương dầy đủ, và cũng nên chuẩn bị một con ngựa khác cho chính ngươi.

- Thưa lệnh bà, thái tử đi dâu vào giờ này?

- Ngươi đừng hỏi, cứ việc chuẩn bị như lời ta dặn vì thái tử có thể cần đến ngươi trong đêm nay.

Channa vâng dạ đi vào tàu ngựa. Yasodhara đi trở vào trong cung. Nàng sắp đặt sẵn giầy nón và áo dạ hành cho thái tử. Nàng lại đi lấy thêm một chiếc chăn mỏng để đắp thêm cho Rahula, rồi nàng thay áo và lên giường. Nằm trên giường, nằng lắng nghe tiếng nhạc, tiếng ca, tiếng nói và tiếng cười. Cuối cùng, cuộc vui tan. Có lẽ mọi người đều đã tìm nơi an nghỉ. Yasodhara nằm yên lắng nghe sự im lặng trở về trong cung cấm. Nằm nằm yên chờ đợi, nhưng lâu lắm nàng vẫn không thấy Siddhatta đi vào.

Trong khi đó, Siddhatta ngồi một mình thật lâu ngoài vườn ngự. Chàng nhìn lên trời. Trăng sáng vằng vặc, ngàn sao nhấp nháy. Chàng quyết định đêm nay phải rời bỏ hoàng cung. Chàng đi vào, mang giầy và mặc áo. Chàng vén rèm nhìn vào phòng ngủ , Rahula nằm ngay bên cạnh. Chàng muốn vào nói lời từ biệt nàng, nhưng chàng lưỡng lự, những lời dặn dò cần thiết nhất, chàng đã nói với nàng rồi. Thức nàng dậy chàng biết chàng sẽ làm cho phút biệt ly khó khăn hơn, và não lòng hơn, Chàng buông rèm xuống, định bước chân ra, nhưng chàng đứng lại vén rèm lần nữa, để nhìn hai mẹ con một lần cuối. Chàng nhìn thật kỹ như để thu lấy thêm một lần nữa cái hình ảnh quen thuộc và thân yêu ấy. Cuối cùng chàng buông rèm, bước ra.

Khi đi ngang qua phòng khánh tiết. Siddhatta thấy bọn vũ nữ nằm ngủ la liệt và ngã nghiêng trên nệm thảm. Đầu tóc họ xổ tung, có người mở rộng miệng ra như những con cá chết, những cánh tay mềm mại của họ bây giờ cứng đơ như những thanh củi, và chân họ gác ngang gác ngửa như trên một bãi chiến trường. Họ trông giống như những cái xác chết không hồn. Siddhatta có cảm tưởng mình đang bước ngang qua một cái nghĩa địa.

Chàng mở cửa ra đi ra phía chuồng ngựa. Channa đang thức. Chàng bảo:

- Channa, đem con Kanthaka ra đây.

Channa vâng dạ. Channa đã chuẩn bị mọi sự chu đáo rồi. Con Kanthaka đã có đủ yên cương. Channa thưa lại:

- Con có đi với điện hạ không?

Siddhatta gật đầu. Channa đi vào tàu, dắt ra một con ngựa khác. Con ngựa này cũng đã có đủ yên cương.

Hai thầy trò dắt ngựa ra khỏi cung. Siddhatta dừng lại, vuốt ve con Kanthaka. Chàng nói với ngựa:

- Này Kanthaka, chuyến đi này là một chuyến đi quan trọng. Con hãy hết lòng đưa ta đi.

Chàng nhảy lên mình ngựa. Channa cũng nhảy lên ngựa của mình.

Hai thầy trò cho ngựa đi thong tha để đừng gây nên nhiều tiếng động.

Những người lính gác cửa thành đang ngủ say. Hai thầy trò vượt qua cổng thành một cách dễ dàng. Ra khỏi cổng thành, được chừng một dặm, Siddhatta dừng ngựa. Chàng quay nhìn lại kinh đô đang nằm im lìm dưới ánh trăng. Chính nơi kinh đô này mà Siddhatta đã sinh ra và lớn lên. Chính nơi kinh đô này mà chàng đã trải qua bao nhiêu buồn vui và thao thức. Chính trong kinh đô ấy, phụ hoàng, bà Gotami, Yasodhara, Rahula và tất cả những người thân yêu khác hiện đang ngủ say. Chàng thầm bảo:

- Nếu không tìm ra được con đường, ta sẽ không trở về Kapilavatthu nữa.

Chàng quay ngựa về phương Nam. Con Kanthaka bắt đầu phi nước đại.

Chương 13 - Đạo Tràng Đầu Tiên

Hai thầy trò đi như thế cho đến khi trời rạng sáng thì vượt khỏi biên giới vương quốc Sakya.

Trước mặt họ là con sông Anoma. Hai thầy trò cho ngựa đi dọc theo bờ sông kiếm chỗ nước cạn để vượt qua bên kia sông. Qua bên kia sông, họ đi thêm một chặng đường nữa thì ngừng lại.

Trước mặt dàn trải một khu rừng. Thấp thoáng trong rừng có bóng một con nai đi qua. Chim chóc bay quanh không hề biết sợ hãi. Siddhatta nhảy xuống ngựa. Chàng mỉm cười đưa tay vuốt bờm con Kanthaka:

- Kanthaka, con giỏi lắm. Con đã giúp ta tới được nơi đây, ta cảm ơn con.

Con ngựa quý nghểnh cổ nhìn chàng. Siddhatta rút thanh kiếm đeo bên yên ngựa. Với tay trái, chàng nắm mớ tóc mây, và với tay mặt đang cầm kiếm chàng cắt ngang mái tóc. Channa đã xuống ngựa. Chàng đưa mớ tóc và thanh kiếm cho Channa. Rồi chàng cởi tràng ngọc đang đeo trên cổ ra:

- Channa ơi, anh hãy đem chuỗi ngọc, thanh kiếm và mớ tóc này về cho phụ vương ta. Anh thưa với ngài là ngài hãy có đức tin nơi ta. Ta bỏ nhà ra đi như thế này không phải vì ta íck kỷ, vì ta trốn tránh bổn phận. Ta đi vì mọi người và mọi loài. Anh hãy an ủi phụ vương dùm ta. Anh hãy an ủi hoàng hậu. Anh hãy an ủi Yasodhara. Ta nhờ anh ...

Channa tiếp lấy chuỗi ngọc, hai dòng nước mắt chảy ròng ròng:

- Điện hạ ơi, mọi người chắc là sẽ khổ lắm. Con chẳng biết sẽ ăn nói ra sao với hoàng đế, với hoàng hậu và với lệnh bà Yasodhara. Điện hạ ơi, làm sao mà điện hạ có thể sống được trong rừng và ngủ dưới gốc cây như những ông thầy tu khổ hạnh? Điện hạ từ xưa tới nay chỉ quen với nệm ấm chăn êm trong cung vàng điện ngọc?

Siddhatta mỉm cười:

- Anh đừng lo. Người khác sống như thế nào thì ta cũng sẽ sống được theo như thế ấy. Channa ơi! Thôi anh về đi, về để kịp báo tin cho những người thân, kẻo họ sốt ruột. Hãy để ta ở lại đây một mình.

Channa đưa tay chùi nước mắt:

- Xin điện hạ cho con ở lại đây để hôm sớm hầu hạ ngài. Xin điện hạ ra ơn làm phúc! Xin đừng bắt con trở về mang cái tin dữ này về cho những người mà con kính yêu!

Siddhatta vỗ vai người hầu cận, giọng chàng nghiêm nghị:

- Này Channa! Anh biết là ta cần anh trở về báo tin cho những người thân thuộc. Nếu anh thực sự thương ta thì anh nghe lời ta. Ta không cần anh ở đây. Người xuất gia tu hành đâu có cần tới kẻ hầu cận. Ta cần anh về với những người thân thuộc. Thôi anh về đi!

Channa miễn cưỡng vâng lời. Chàng trân trọng cất mớ tóc và chuỗi ngọc trong áo, và treo

thanh gương vào trên yên con Kanthaka, rồi chàng đưa cả hai tay nắm lấy cánh tay Siddhatta:

- Con xin nghe lời điện hạ nhưng xin điện hạ thương con, thương mọi người. Xin điện hạ đừng quên trở về ngay sau khi tìm ra được đạo.

Siddhatta gật đầu. Chàng mỉm cười nhìn Channa với một cái nhìn khuyến khích. Chàng vỗ đầu Kanthaka:

- Kanthaka, con về nhé.

Channa cầm lấy giây cương của con Kanthaka và leo lên lưng ngựa của mình. Con Kanthaka nghểnh cổ nhìn Siddhatta một lần chót trước khi quay gót. Hai mắt nó cũng ướt như hai mắt của người dắt nó.

Đợi cho Channa và hai con ngựa đi khuất rồi Siddhatta mới ngoảnh mặt về phía rừng. Chàng đã đi vào cuộc sống lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu. Khu rừng này sẽ là nhà của Siddhatta hôm nay. Một cảm giác thoải mái và tự tại phát sinh trong chàng.

Vừa lúc ấy có một người từ trong rừng đi ra. Thoạt nhìn, Siddhatta tưởng rằng đó là một vị sa-môn, bởi vì người này khoác một cái áo màu chàm thường là màu áo của người ẩn tu, nhưng nhìn kỹ Siddhatta thấy tay người ấy cầm cung và lưng người ấy đeo một bó tên.

- Anh là thợ săn phải không. Siddhatta hỏi.

- Vâng, người ấy trả lời.

- Anh là thợ săn, vậy tại sao anh mặc áo sa-môn?

Người thợ săn mỉm cười:

- Tôi có khoác áo này thì bọn thú rừng mới không sợ. Nhờ đó tôi mới dễ dàng bắt chúng.

Siddhatta lắc đầu:

- Như vậy là anh lợi dụng lòng thương của người tu hành rồi. Anh có muốn tôi đổi cái áo này của tôi cho anh không?

Người thợ săn nhìn Siddhatta. Chiếc áo mà người đối diện mình đang mặc là một chiếc áo trị giá ngàn vàng.

- Ông muốn đổi thật không, người thợ săn hỏi lại.

- Thật chứ sao không, Siddhatta mỉm cười. Có cái áo này, anh có thể đem bán làm vốn để tìm một nghề khác làm ăn mà khỏi phải đi săn, còn tôi, tôi muốn làm sa-môn cho nên tôi cần cái áo của anh.

Người thợ săn mừng rỡ. Hai người đứng ở cửa rừng cởi áo và đổi áo cho nhau.

Người thợ săn được áo, hấp tấp đi ngay. Siddhatta trong chiếc áo mới đã có dáng dấp một vị sa-môn. Chàng bước vào rừng. Tìm một gốc cây, chàng ngồi xuống tĩnh tọa lần đầu trong cuộc sống không nhà không cửa.

Sau một ngày dài ở trong cung và một đêm thâu trên lưng ngựa, giờ đây Siddhatta cảm thấy

thoải mái lạ thường trong tư thế thiền tọa. Chàng ngồi như để nghỉ ngơi và nuôi dưỡng cảm giác thảnh thơi mà chàng đã nếm được khi mới bước vào rừng.

Nắng đã lên cao, một tia nắng xuyên qua được rừng cây và đến đậu trên mí mắt Siddhatta. Chàng mở mắt. Trước mặt Siddhatta hình như có người. Chàng ngửng lên và thấy một vị sa-môn đang đứng ngắm chàng. Vị sa-môn này khuôn mặt khắc khổ, thân hình gầy ốm, Siddhatta đứng dậy chắp tay chào hỏi. Chàng cho vị s-môn biết là chàng vừa mới bỏ nhà đi làm sa-môn, nhưng chưa có dịp được một vị đạo sư nào thu nhận cả. Chàng nói chàng có ý định về miền Nam để tìm tới đạo tràng của đạo sư Alar Kalama để thụ giáo.

Vị sa-môn cho Siddhatta biết là ông đã từng tu học dưới sự chỉ dẫn của đạo sĩ Alara Kalama. Ông cho biết hiện thời đạo sĩ đang mở đạo tràng ở phía Bắc thành phố Vesali, và dạy trên bốn trăm vị đệ tử. Ông biết đường đi về đạo tràng này và sẵn sàng đưa Siddhatta tới đó.

Chàng theo vị sa-môn vượt khu rừng già rồi theo một con đường mòn lên lên một ngọn đồi để đi tới một khu rừng già khác. Đi như vậy tới trưa. Vị sa môn bảo Siddhatta ngừng lại. Rồi ông ta rủ Siddhatta cùng đi tìm hái những trái rừng và những đọt lá rừng để hai người ăn cho đỡ đói. Siddhatta hỏi để biết tên của những trái cây rừng và những đọt lá rừng này. Vị sa-môn cho biết nhiều khi phải đi đào những rễ cây để ăn nếu không hái được trái và lá. Biết rằng mình phải sống lâu ngày trong rừng núi. Siddhatta ghi nhớ kỹ lưỡng những lời chỉ dẫn của vị sa-môn.

Siddhatta được biết rằng vị sa-môn này tu theo lối khổ hạnh, chỉ sống bằng trái rừng, đọt cây và rễ cây. Ông tên là Bhargava. Vị này cho biết rằng các vị sa môn tu theo đạo sĩ Alara Kalama không theo lối khổ hạnh bởi vì họ cũng đi khất thực hoặc nhận thực phẩm của dân cư các vùng lân cận đem đến cúng dường.

Chín hôm sau, hai người tới Anupiya rồi đi dần về phía đạo tràng của đạo sĩ Alara Kalama. Đạo tràng này được thiết lập trong một khu rừng. Họ đến vừa lúc đạo sĩ Alara đang giảng đạo cho các đệ tử. Hơn bốn trăm người đang vây quanh. Đạo sĩ Alara tuổi chừng bảy mươi. Người ông gầy yếu nhưng mắt ông còn sáng và giọng ông ngân vang như tiếng chuông đồng. Siddhatta và người bạn đồng hành đứng chờ bên ngoài vòng và lắng nghe hết những lời giảng dạy. Buổi giảng dạy chấm dứt, mọi người đi tứ tán trong rừng để thực tập. Siddhatta tiến tới làm lễ đạo sĩ Alara, tự giới thiệu mình, rồi cung kính nói:

- Bạch thầy, xin thầy cho phép con được gia nhập vào đoàn thể các vị sa-môn ở đây và tu học dưới sự hướng dẫn của thầy.

Đạo sĩ chăm chú ngồi nghe Siddhatta, ngắm nhìn chàng hồi lâu và tỏ vẻ hài lòng:

- Siddhatta, thầy rất vui mà chấp nhận con. Con cứ ở lại đây. Nếu con hành được theo pháp và luật của thầy thì chỉ trong một thời gian thôi là con đắc đạo.

Siddhatta vui mừng lạy tạ.

Đạo sĩ Alara ở trong một túp lều do các vị đệ tử dựng lên. Trong rừng rải rác cũng có những chòi lá khác của các sa-môn đệ tử.

Tối hôm đó, Siddhatta tìm một nơi bằng phẳng để ngủ. Chàng gối đầu lên trên một cái rễ cây. Vì mệt quá nên Siddhatta ngủ say cho đến sáng ngày mai. Khi thức dậy, nắng đã lên, và chim chóc đã ca hát vang rừng.

Siddhatta chỗi dậy. Các bạn đồng tu đã dậy từ lâu và đã hoàn tất buổi ngồi thiền đầu tiên trong ngày. Họ đang chuẩn bị để đi vào thôn làng khất thực. Siddhatta được trao cho một chiết bát và dạy cho phương pháp đi vào thôn làng xin ăn.

Theo các vị sa-môn, Siddhatta ôm bát đi vào thành phố Vesali. Lần đầu tiên ôm bát đi khất thực, Siddhatta cảm thấy cuộc đời của người đi tu có dính líu rất nhiều với xã hội con người. Chàng học cách ôm bát, học cách đi, cách đứng, cách nhận thức cúng dường và cách chú nguyện để cảm tạ người thí chủ. Hôm ấy, Siddhatta đã được cúng dường một ít cơm nóng và nước cà-ri chan lên trên.

Khi Siddhatta theo các đồng tu về tới rừng thì mọi người đã bắt đầu ngồi thọ thực. Sau buổi ăn, chàng đi tìm đạo sư Alara để được chỉ giáo về phương pháp tu. Lúc chàng tới thì Alara đang ngồi nhập định. Để chờ đợi, Siddhatta cũng ngồi nhiếp tâm trước mặt thầy. Lâu lắm, đạo sĩ Alara mới mở mắt. Siddhatta cúi lạy, xin thầy chỉ giáo cho mình.

Đại sĩ Alara gọi Siddhatta là sa-môn, bởi vì Siddhatta đã chính thức là một vị sa-môn khi được chấp nhận vào giáo đoàn. Ngài dạy cho vị sa môn về lòng tin, về sự tinh cần, về cách thở và về sự tập trung tâm ý. Ông bảo:

- Giáo lý của ta không phải chỉ là lý thuyết. Giáo lý của ta là sự hành trì. Cái biết của ta là cái biết của sự tự tri, tự chứng, tự đạt mà không phải là cái biết của lý luận. Con phải thực hiện cho được những trạng thái thiền định, mà muốn thực hiện cho được những trạng thái thiền định thì phải bỏ hết những vọng tưởng về quá khứ, về tương lai và chỉ nhắm về hướng giải thoát mà thôi.

Sa-môn Siddhatta hỏi thêm về cách điều phục thân thể và cảm giác rồi bái tạ vị đạo sư đi tìm một góc rừng để hành trì.

Ông đi bẻ cây bẻ lá che một mái lều dưới một gốc cây để làm nơi nương náu mà thực tập thiền định. Siddhatta thực tập rất chuyên cần. Cứ năm bảy hôm, ông lại trở về với Alara Kalam để thỉnh giáo về những chỗ còn kẹt. Tu như vậy trong ít lâu, ông đạt được nhiều tiến bộ đáng kể.

Ngồi lại trong tư thế thiền định ông buông bỏ hết mọi suy tư và mọi ám ảnh về quá khứ cũng như về tương lai và thực hiện được sự thanh tịnh an lạc. Tuy nhiên trong niềm an lạc này, ông vẫn thấy có bóng dáng và mầm mống của những suy tư. Mấy tuần sau, trong một trạng thái thiền định cao hơn. Siddhatta loại trừ được các mầm mống của suy tư, rồi ông đi vào được một trạng thái trung tâm ý trong đó ý niệm về an lạc và không an lạc cũng không còn. Trong trạng thái tập trung ý đó, hình như năm cánh cửa cảm giác đã hoàn toàn đóng lại. Tâm ông tĩnh lặng như một mặt hồ khi không có gió.

Khi đem trình bày kết quả sự thực tập của mình cho đạo sĩ Alara Kalama, sa-môn Siddhatta được đạo sĩ hết lời ca ngợi. Đạo sĩ bảo rằng ông đã bước những bước tiến bộ rất lớn trong một khoảng thời gian rất ngắn. Đạo sĩ bắt đầu dạy ông về phương pháp thực hiện một trạng thái thiền định gọi là không vô biên xứ, trong đó tâm của hành giả được đồng nhất với không gian vô biên. Trong không gian vô biên ấy mọi hiện tượng vật chất và mọi hình sắc đều tan biến, và không gian trở nên nền tảng của vũ trụ vạn hữu.

Sa-môn Siddhatta vâng lời thầy về cố công thực tập. Trong vòng chưa đầy ba hôm, vị sa môn trẻ đạt tới sự thành công, nhưng Siddhatta có cảm tưởng định không vô biên xứ không giúp cho ông

giải tỏa được những tâm tư sâu kín nhất của mình. An trú trong định đó, ông vẫn còn thấy bế tắc. Ông trở lại với Alara và trình bày tri kiến mình.

- Con phải bước lên thêm một nấc nữa, đạo sĩ nói. Cái hư không vô biên mà con đạt tới đó, nó cũng cùng một chất liệu với tâm thức con. Nó không phải là đối tượng của tâm thức con mà nó chính là tâm thức con. Vậy con hãy nổ lực mà đạt cho được trạng thái thiền định kế tiếp là thức vô biên xứ.

Siddhatta trở về góc rừng của mình. Chỉ trong vòng hai hôm, ông thực hiện được thiền thức vô biên xứ. Ông thấy được tâm thức mình trong một hiện tượng vũ trụ. Song le, ông vẫn không giải tỏa được những sầu đau và thao thức của mình.

Siddhatta trở về với vị đạo sĩ và trình bày chỗ kẹt của mình. Alara nhìn ông bằng một con mắt kính phục. Vị đạo sĩ nói:

- Con đã đi gần tới đích. Hãy trở về quán chiếu về tính cách hư giả của vạn pháp. Mọi hiện tượng trong vũ trụ đều do tâm thức ta tạo nên. Tâm thức là khuôn đúc của tất cả mọi hiện tượng. Hình sắc, âm thanh, hương, vị, và những xúc chạm, nóng lạnh, cứng mềm đều là những sáng tạo của tâm thức. Chúng nó không có như ta thường tưởng. Tri giác của chúng ta là vị họa sư; nó vẽ ra hết mọi hình tượng. Phải đạt cho được cảnh giới vô sở hữu xứ thì con sẽ thành công. Vô sở hữu xứ là cảnh giới trong đó ta thấy được rằng không có một hiện tượng nào thật sự hiện hữu như tri giác của ta tưởng tượng.

Vị sa-môn trẻ tuổi này chắp tay lĩnh giáo. Ông lại trở về góc rừng của ông.

Trong thời gian tu học với đạo sĩ Alara, Siddhatta đã làm quen với nhiều vị sa-môn đồng đạo. Tánh tình ông hòa nhã nên ai cũng mến yêu. Có ngày Siddhatta không cần đi kiếm thực phẩm mà vẫn có thức ăn lót dạ vào buổi trưa. Có khi xuất thiền, ông thấy thức ăn đã để sẵn một bên, hoặc là một vài trái chuối, hoặc là một mâm cơm tín thí cúng dường mà một vị sa-môn bạn đã kín đáo chia xẻ lại. Đạo sĩ Alara đã có lần hỏi về gốc tích của ông, và sau đó có người cũng đã biết được tung tích ông. Siddhatta chỉ mỉm cười mỗi khi có một bạn đồng tu hỏi ông về cái gốc tích vương giả ấy. Ông khiêm nhượng nói:

- Cái đó không quan trọng gì. Có lẽ chúng ta chỉ nên chia sẻ với nhau về kinh nghiệm hành đạo mà thôi.

Rất nhiều vị sa môn đồng tu ưa được làm bạn với Siddhatta để được học hỏi với ông. Họ đã được nghe lời ca tụng Siddhatta, trực tiếp từ vị đạo sư của họ.

Trong khoảng thời gian chưa đầy một tháng, Siddhatta thực hiện được định vô sở hữu xứ. Ông rất vui mừng thấy mình đạt tới cái thấy này. Trong nhiều tuần lễ kế tiếp, Siddhatta ngồi khai thác cái thấy ấy để giải quyết những bế tắc lâu ngày của tâm ý, nhưng định vô sở hữu xứ, dù là một trạng thái thiền định khá sâu sắc vẫn không giúp ông được. Cuối cùng Siddhatta phải trở về thỉnh ý đạo sư Alara.

Đạo sư Alara ngồi nghe Siddhatta một cách chăm chú. Mặt ông sáng rỡ lên. Đổi cách xưng hô, ông nói:

- Sa-môn Siddhatta, ngài là một vị tài ba lỗi lạc. Ngài đã đạt tới chỗ cao nhất mà tôi đã đạt. Cái gì mà tôi đạt tới, ngài cũng đã đạt tới. Sa môn Siddhatta, xin ngài ở lại đây. Hai chúng ta sẽ cùng

nhau dìu dắt giáo đoàn tu sĩ này.

Siddhatta im lặng. Ông suy nghĩ. Định vô sở hữu xứ tuy là một hoa trái quý giá của sự tu học nhưng không giải quyết được vấn đề sinh tử, không giải phóng được cho ta khỏi những sầu đau và thao thức căn bản, không đưa ta đến chỗ giác ngộ hoàn toàn. Mục đích của ta không phải là làm giáo chủ một giáo đoàn. Mục đích của ta là tìm con đường giải thoát đích thực.

Nghĩ như thế, Siddhatta chắp tay lại trình đạo sĩ:

- Thưa thầy, định vô sở hữu xứ không phải là mục đích tìm cầu của con. Con muốn tìm con đường đích thực để giải thoát sanh tử. Con xin cảm ơn thầy đã có lòng chiếu cố và yêu mến con. Xin thầy cho phép con được đi du phương tìm đạo. Thầy đã dạy dỗ con hết lòng trong những tháng vừa qua. Con xin ghi nhớ ơn thầy đời đời.

Đạo sĩ Alara Kalama tỏ ý buồn bã và tiếc nuối nhưng ý của Siddhatta đã quyết. Ngày hôm sau, ông lại lên đường.

Chương 14 - Vượt Sông Hằng

Siddhatta vượt sông Ganga và đi sâu vào nội địa Magaha. Đây là một vương quốc nổi tiếng có nhiều vị ẩn tu bậc lớn. Siddhatta quyết đi tìm cho được vị chân sư có thể trao truyền cho bí quyết siêu sinh thoát tử.

Phần lớn những nhà tu hành này đều cư trú trong chốn núi rừng. Theo sự chỉ dẫn của các bạn đồng tu, Siddhatta đi tìm họ để tham vấn, học hỏi, thực tập. Hễ nghe nơi nào có vị chân sư là Siddhatta tìm tới, dù phải vượt núi băng ngàn, dù phải dầm sương dãi nắng tháng này qua tháng khác.

Siddhatta đã gặp những người tu thuộc phái lõa thể. Họ không có một mảnh áo quần tối thiểu nào trên người họ.

Ông cũng đã gặp những nhóm người tu khổ hạnh. Những người này không nhận thức ăn cúng dường của nhân gian.

Họ chỉ ăn rễ cây, đọt cây và trái rừng. Họ để cho nắng gió và mưa bão hành hạ xác thân họ.

Họ tin rằng chịu đựng được những khổ hạnh như thế thì sau khi chết họ sẽ sinh lên cõi trời.

Có một hôm Siddhatta nói với họ:

- Dù các bạn có sinh lên cõi trời đi nữa thì những đau khổ trên trần gian vẫn còn nguyên vẹn. Chúng ta tu đạo tức là đi tìm phương thuốc giải khổ cho cuộc đời chứ không phải tìm cách trốn tránh cuộc đời. Đã đành là nếu ta o bế thân thể ta như những người chủ trương ăn chơi kia, thì ta không giúp được gì cho cuộc đời, nhưng nếu ta hành hạ thân thể ta, ta cũng chẳng giúp được gì hơn cho cuộc đời là mấy.

Nói xong, Siddhatta từ giã họ và tiếp tục con đường tham cứu học hỏi của mình. Ông tìm tới nhiều đạo tràng khác nhau. Có nơi ông lưu trú lại trong ba tháng để thực tập. Có nơi ông lưu trú lại sáu tháng. Niệm lực và định lực của ông nhờ sự thực tập càng ngày càng tăng tiến, nhưng đạo lớn của sự vượt thoát tử sinh ông vẫn chưa tìm được.

Đôi khi ngồi thiền tập trong rừng, hình ảnh của vua cha, của Yasodhara và Rahula cũng như những hình ảnh của quãng đời niên thiếu hiện về. Năm tháng qua thật mau. Mới đó mà hai năm đã trôi qua từ ngày Siddhatta rời bỏ xứ sở. Siddhatta nhiều khi không khỏi sốt ruột. Tuy vậy, đức tự tin vẫn còn rất mạnh trong ông.

Một thuở nọ, Siddhatta ẩn cư trên sườn đồi Pandava cách kinh đô Rajagaha của vương quốc Magadha không xa. Một hôm, ông cầm bát xuống núi, đi vào kinh thành khất thực. Dáng đi của ông nghiêm túc và khoan thai. Phong thái của ông trầm tĩnh. Hai bên đường người ta dừng lại để nhìn vị sa-môn khất sĩ. Ông đang đi trên đường phố mà ung dung như một con sư tử đang đi giữa chốn sơn lâm. Tình cờ xa giá của quốc vương Magadha đi ngang qua đó. Vua Bimbisara cho dừng xe lại để quan sát ông. Rồi vua ra lệnh cho một thủ hạ đem thức ăn đến cúng dường vị sa-môn khất sĩ này, và tìm cách theo dõi ông ta về nơi ẩn cư của ông cho biết chỗ.

Chiều hôm sau, vua Bimbisara tìm lên nơi ẩn cư của Siddhatta. Để xe tứ mã dưới chân đồi, vua leo lên cùng với một tên thị vệ. Thấy Siddhatta đang ngồi dưới một gốc cây, vua tiến tới chào. Siddhatta đứng dậy. Nhìn cách ăn mặc của vua, ông biết đây là quốc vương Magadha. Ông chỉ một phiến đá gần đó và chắp tay mời vua ngồi, và ông cũng ngồi xuống bên một phiến đá đối diện.

Thấy dáng điệu và tư cách thanh tao đặc biệt của ông thầy tu, vua Bimbisara rất đỗi ngạc nhiên và khâm phục. Vua nói:

- Trẫm là quốc vương xứ Magadha. Trẫm đến để kính mời sa-môn về kinh thành với trẫm. Trẫm ước ao có sa-môn bên mình để được thấm nhuần đạo đức của ngài. Có được ngài bên trẫm, chắc chắn nước Magadha sẽ có hòa bình và thịnh trị.

Siddhatta mỉm cười:

- Tâu đại vương, bần đạo đã quen sống ở chốn núi rừng.

- Sa-môn ở đây thật là cực khổ. Giường chiếu không có, người hầu hạ cũng không. Nếu ngài chấp nhận về với trẫm, trẫm sẽ để dành cho ngài riêng một cung điện. Ngài về để dạy dỗ ...

- Đại vương, đời sống cung điện không thích hợp với bần đạo. Bần đạo đang cố công tìm cho ra con đường giải thoát để có thể cứu độ cho mình và cứu độ cho những kẻ khác. Đời sống cung điện không thích hợp với hoài bảo của kẻ tu hành này.

- Ngài còn trẻ, mà quả nhân lại cần một tâm hồn bạn hữu. Mới trông thấy ngài lần đầu, trẫm đã đem lòng mến yêu. Ngài hãy về với trẫm. Nếu cần trẫm sẽ chia một nửa giang sơn này cho ngài trị vì, rồi đến khi tuổi cao, ngài sẽ trở về cuộc đời của kẻ xuất gia, như vậy cũng chưa muộn.

- Bần đạo xin cảm ta tấm lòng chiếu cố của đại vương, nhưng quả thật giờ đây bần đạo chỉ có một ước vọng mà thôi: đó là ước vọng tìm cho ra chánh đạo để cứu giúp muôn loài. Thì giờ đi qua rất mau, tâu bệ hạ. Nếu ta không sử dụng năng lực của tuổi trẻ để thực hiện điều ta mong ước thì không mấy chốc tuổi già sẽ đến và ta sẽ hối tiếc, với lại, cuộc sống rất vô thường. Cái khổ của sinh lão bệnh tử luôn luôn rình rập ta. Những ngọn lửa phiền não nội tâm như tham vọng, giận dữ, oán thù, si mê, ganh ghét, và kiêu mạn đang nung nấu tâm hồn ta. Ta chỉ có thể đạt tới an lạc thật sự nếu ta tìm được con đường. Chỉ khi nào Đạo Lớn được tìm ra, mọi loài mới có một đường thoát. Nếu bệ hạ có lòng yêu mến bần đạo thì xin bệ hạ để cho bần đạo được theo đuổi con đường mà kẻ tu hành này đã hướng đến từ lâu.

Càng nghe, vua Bimbisara càng lấy làm cảm phục vị sa-môn khất sĩ. Vua nói:

- Quả nhân rất sung sướng được nghe những lời nói đầy cương nghị và đầy đạo hạnh của ngài. Kính bạch đại đức sa-môn! Ngài là người xứ nào, dòng họ của ngài là dòng họ nào? Ngài có thể cho quả nhân được biết hay không?

- Tâu đại vương, bần đạo xuất thân từ vương quốc Sakya. Dòng họ của bần đạo là Sakya. Vua Suddhodana là người thân sinh ra bần đạo, hiện trị vì ở Kapilavatthu, và mẹ của bần đạo là phu nhân Mahamaya. Bần đạo vốn là thái tử Đông cung, nhưng vì muốn xuất gia tìm Đạo mà phải rời bỏ cha mẹ, vợ con và cung điện, kể đã được hơn ba năm trời.

Vua Bimbasara rất đỗi ngạc nhiên. Vua thốt lên:

- Thế ra ngài cũng là người thuộc giới cành vàng lá ngọc! Trẫm hân hạnh được gặp ngài. Bạch sa-môn! Giữa hoàng gia xứ Sakya và hoàng gia xứ Magadha đã có liên hệ thân hữu lâu đời! Trẫm đã dại dột dám đem danh lợi ra mà thuyết phục một vị đại sa-môn! Xin sa-môn tha thứ cho trẫm. Trẫm chỉ xin ngài một ân huệ là thỉnh thoảng viếng thăm cung điện để trẫm được cơ duyên cúng dường, rồi khi nào tìm ra được Đạo lớn, xin ngài từ bi trở về chỉ dạy cho đệ tử. Xin ngài hứa cho.

Siddhatta chắp tay đáp lễ:

- Bần đạo xin hứa là khi nào tìm ra được đạo, bần đạo sẽ trở về chia sẻ với đại vương.

Cuộc tiếp kiến chấm dứt. Vua Bimbasara cúi đầu chào vị sa môn rất thấp và cùng tên cận vệ xuống núi.

Sa môn Siddhatta rời bỏ chỗ ẩn cư của ông ngay sau ngày hôm đó. Ông không muốn bị bận rộn vì sự lui tới cúng dường của hoàng gia. Hướng về phía Nam, ông đi tìm một nơi khác thuận lợi cho sự tu tập. Nhờ người mách bảo, ông tìm tới đạo tràng của đạo sĩ Uddaka Ramaputta. Ông nghe nói đạo sĩ có chứng đắc cao siêu lắm.

Đạo tràng của đạo sĩ Ramaputta không xa thủ đô Rajagaha mấy. Đạo sĩ có tới gần bảy trăm vị đệ tử, ba trăm tu học tại chỗ và gần bốn trăm tu học tại những cơ sở địa phương.

Chương 15 - Khổ Hạnh Lâm

Đạo sĩ tuổi đã bảy mươi lăm. Ông được mọi người tôn sùng như một vị thánh sống.

Ông muốn mọi người phải tu học theo từng giai đoạn từ thấp lên cao, và vì vậy sa-môn Siddhatta phải làm lễ nhập môn và học lại từ những bài thực tập dễ dàng nhất.

Chỉ trong vòng vài tuần lễ, Siddhatta đã chứng minh được cho vị đạo sư mới của mình rằng định vô sở hữu xứ ông đã thành tựu được và ông mong rằng đạo sư sẽ dạy cho ông con đường có thể đi xa hơn nữa. Trông thấy diện mạo của Siddhatta, và nghe Siddhatta trình bày kiến giải của mình, đạo sĩ Uddaka rất đỗi vui mừng.

Ông thấy nơi vị sa-môn trẻ này con người có thể kế sự nghiệp của ông một cách xuất sắc. Ông đổi cách tiếp đãi với Siddhatta và bắt đầu xem Siddhatta như một người tri kỷ. Ông ôn tồn chỉ dạy cho Siddhatta rất cặn kẽ:

- Này sa-môn Siddhatta Gotama, trong định vô sở hữu xứ, cái không không còn là không gian, cái không cũng không còn là tâm thức nói chung, mà chỉ còn là tri giác. Tri giác tức là tưởng, mà còn tưởng tức là còn đối tượng của tưởng, còn tri giác là còn đối tượng của tri giác. Vậy thì con đường thoát của chúng ta là vượt được tri giác.

Siddhatta cung kính hỏi lại:

- Thưa thầy, nếu loại bỏ tri giác thì cái gì còn lại? Không có tri giác thì khác gì vật gỗ đá vô tri?

- Gỗ đá vô tri cũng không phải là không tri giác. Gỗ đá vô tri vẫn là tri giác. Ta phải đạt tới một trạng thái tâm lý trong đó cả hai niệm về hữu tri và vô tri đều được loại trừ. Đó là trạng thái phi tưởng phi phi tưởng. Sa-môn Siddhatta Gotama, ông hãy về thực hiện cho được trạng thái đó của tâm.

Siddhatta lĩnh ý. Chỉ trong vòng mười lăm hôm, ông đã thực hiện được định phi tưởng phi phi tưởng.

Định này, theo Siddhatta, cho ta có cảm tưởng là ta đạt tới một cảnh giới của nhận thức vượt ra ngoài mọi nhận thức thông thường, nhưng mỗi khi ra khỏi định, ông thấy cái nhận thức phi thường vẫn không thay đổi cái tình trạng của thực tại sinh tử. Định ấy chỉ là một nơi trú ẩn mà không phải là một chìa khóa mở cửa thực tại.

Khi Siddhatta trở lại với đạo sư Uddaka Ramaputta thì được ông này hết sức khen ngợi. Sau khi biết Siddhatta đã thực hiện được định phi tưởng phi phi tưởng. Uddaka nắm tay Siddhatta:

- Sa-môn Gotama là người hành giả thông minh nhất mà tôi đã được gặp từ trước đến giờ. Ngài đã đi những bước thật lớn, và đi rất mau lẹ. Ngài đã đạt được cái quả vị cao nhất mà tôi đã đạt. Tôi đã già rồi, và đã gần đất xa trời. Nếu ngài ở lại đây, chúng ta sẽ cùng nhau quản lý đại chúng này và mai kia khi tôi qua đời rồi ngài sẽ thay tôi lãnh đạo đồ chúng.

Cũng như lần trước, Siddhatta ngỏ lời khéo léo để từ tạ. Ông biết định phi tưởng phi phi tưởng

không phải là chìa khóa mở được cánh cửa giải thoát sanh tử. Ông phải từ giã, nhưng trước khi từ giã, ông hết lòng cảm tạ vị thầy mới và các vị bạn đạo mới. Ai cũng cỏ vẻ quyến luyến và tiếc rằng vị sa-môn đỉnh ngộ và tài năng này không ở lại với họ.

Trong thời gian tu học tại đạo tràng Uddaka Ramaputta, Siddhatta đã làm quen với một vị sa-môn trẻ tên Kondanna, Kondanna rất mến phục Siddhatta, không những xem Siddhatta là một người bạn mà còn xem Siddhatta là một bậc thầy. Trong đồ chúng, chưa ai đạt được tới định vô sở hữu xứ chứ đừng nói đạt tới phi tưởng phi phi tưởng xứ như Siddhatta. Vị sa-môn tân học Siddhatta đã được thầy của Kondanna đối xử như một người tri kỷ, Kondanna biết như thế.

Mỗi lần nhìn Siddhatta, Kondanna lại thấy thêm vững niềm tin. Bởi vậy nên ông đã nhiều lần tìm cách thân cận Siddhatta để học hỏi. Do đó mối tình đồng đạo giữa hai người mỗi ngày mỗi trở nên khắng khít.

Bây giờ Siddhatta ra đi, Kondanna không khỏi không buồn tiếc.

Ngày Siddhatta lên đường, vị ssa môn này đã đưa ông xuống núi. Đợi cho Siddhatta đi khuất ông mới trở lên.

Biết rằng có đi tham vấn bao nhiêu vị đạo sư đi nữa mình cũng không học hỏi thêm được điều gì đáng kể, sa môn Siddhatta quyết định trở về tìm kiếm chìa khóa giác ngộ ngay trong tự tâm mình.

Hướng về phía Tây, Siddhatta vượt những cánh đồng lúa, những vũng bùn lầy lội, những đầm nước đọng và những dòng suối đục ngầu. Lội qua sông Neranjara, ông đi băng qua một cánh đồng nữa thì tới ngọn núi Dungsiri, thuộc địa phận tụ lạc Uruvela. Ở đây có nhiều hang động. Có những tảng đá cheo leo, có những rặng núi hình răng cưa, có những tảng đá thật lớn, lớn bằng những túp nhà của dân nghèo trong tụ lạc.

Siddhatta quyết định lưu lại đây một thời gian để hạ thủ công phu, quyết tìm cho ra nẻo thoát. Ông tìm được một cái hang động khá tốt để ngồi tĩnh tọa. Ông nhớ rằng ông đã từng khuyên các nhà tu khổ hạnh đừng hành hạ xác thân họ, vì hành hạ xác thân như thế chỉ gây thêm khổ đau, trong khi cuộc đời đã có nhiều đau khổ rồi, nhưng hôm nay ông muốn xét lại điều ấy một cách kỹ lưỡng hơn. Ngồi trong hang đá, ông tự bảo:

- Với một miếng gỗ mềm và ướt thì ta không thể nào cọ xát làm cho lửa phát sinh được. Thân thể ta cũng vậy, nếu thân thể ta còn bị vật dục khống chế thì tâm ta khó có thể đạt tới giải thoát. Ta hãy tìm cách chế ngự thân thể ta xem sao.

Sa môn Gotama, bắt đầu thực hành những phương pháp chế ngự thân thể. Có những hôm, ông tìm tới những nơi thật thanh vắng trên rừng sâu, những nơi mà có người chỉ nghĩ đến thôi cũng để để rợn óc trên người và tóc sau gáy dựng lên, để ngồi suốt đêm. Thỉnh thoảng cái sợ đến và xâm chiếm cả thân tâm ông, nhưng ông vẫn ngồi yên, không hề nhúc nhích.

Có khi trong đêm tối đen, một con nai sột soạt tới gần. Cái sợ của ông nói với ông rằng đó là một con quỷ dạ xoa hiện đến đoạt mạng, nhưng ông vẫn gan lì ngồi yên không nhúc nhích. Có khi trong đêm đen, một con chim phụng đạp gãy một cành cây khô. Cái sợ của ông nói với ông rằng đó là một con trăn sắp trườn xuống và quấn chặt lấy ông, nhưng ông vẫn gan lì ngồi không nhúc nhích, mặc cho cái sợ chạy rần rần trên da đầu ông như một bầy kiến lửa.

Ông tập như vậy để có thể vượt thắng sự sợ hãi. Ông nghĩ rằng một khi xác thân vượt thoát được những cám dỗ rồi thì tâm ý cũng có thể vượt thoát được những ràng buộc của khổ đau.

Có khi ông ngồi ngậm miệng cứng lại, để lưỡi sát vào họng trên, dùng tâm ông để điều phục niềm thao thức bồn chồn trong tâm ông, như hai người lực sĩ đè bẹp một người yếu đuối, và bắt người yếu đuối này phải thốt lời khuất phục.

Dùng tâm mà đàn áp tâm kiểu ấy trong một hồi thì mồ hôi chảy ra ướt hết cả mình mẩy ông.

Tuy vậy, dù niệm lực có mạnh, dù ý chí đầy dẫy, dù những đau khổ gây ra trên thân xác có da diết tới cách nào đi nữa thì tâm ông vẫn không đạt tới sự an tịnh.

Có khi ông vừa thực tập vừa nín thở, không thở ra cũng không thở vào. Khi thực tập như thế, ông nghe tiếng gió mạnh như vũ bão phát ra trong đầu ông, từ hai lỗ tai đi vào, âm thanh giống như âm thanh của một chiếc lò rèn đang được thụt lửa. Những luồng gió hung dữ xoáy mạnh trong đầu óc ông và đầu ông đau như có ai lấy lưỡi rìu bửa ra làm hai mảnh.

Có khi đầu ông đau như bị ai lấy một cái niềng sắt niềng lại. Bụng ông đau như một con bò bị người đồ tể lách lưỡi dao nhọn quanh sườn. Thân thể ông đau như bị người ta túm lấy và đem nướng trên một lò than đang cháy rực.

Những lúc thực tập để chế ngự thân thể như thế, dù ý chí và năng lượng đầy dẫy, dù niệm lực hùng hậu, dù xác thân ông có đau đớn cực độ, tâm ông cũng không nhờ vậy mà được an ổn hơn lên.

Sa-môn Gotama thực tập khổ hạnh như vậy trong gần sáu tháng. Trong ba tháng đầu chỉ có một mình ông thực tập khổ hạnh trên núi. Đến tháng thứ tư, có năm vị sa môn đệ tử của đạo sư Kondanna là người lãnh đạo nhóm này. Gặp lại Kondanna, Siddhatta rất vui. Kondanna cho biết là một tháng sau khi Siddhatta từ giã, chính Kondanna cũng đã thực hiện được định phi tưởng phi phi tưởng xứ và nghĩ rằng mình sẽ không học được gì thêm từ đạo sĩ Uddaka. Nghĩ vậy, ông đã rủ bốn người bạn thân đi tìm Siddhatta.

Sau hơn một tháng trời tìm kiếm họ đã may mắn tìm ra Siddhatta. Họ ngõ ý muốn ở lại tu học với ông dưới sự hướng dẫn của ông bởi vì họ tin tưởng nơi ông. Siddhatta đành phải chấp nhận. Ông giải thích cho họ biết tại sao ông đang thí nghiệm con đường điều phục thân xác. Nghe xong, cả năm người cũng quyết thực tập theo.

Bốn vị sa môn đi theo Kondanna cũng đều là những vi sa-môn còn trẻ. Họ tên là Vappa, Bhaddiya, Assaji và Mahanama. Mỗi người tìm một cái hang đá để ở; hang của họ không xa nhau mấy. Mỗi ngày chỉ một người đi khất thực thôi, và phần ăn của một người được chia ra làm sáu. Thức ăn hàng ngày của mỗi người rất ít, và có thể để gọn trong bàn tay trái khẳng khiu của một người.

Ngày tháng qua đi. Thân thể cả sáu người đều hao gầy đi rất nhiều. Có những lúc Siddhatta thực tập khống chế hình hài đến nước năm người bạn tu phải khiếp đảm. Họ thấy trong bất cứ pháp môn tu tập nào họ cũng không theo kịp Siddhatta. Những tháng gần đây, Siddhatta bỏ luôn cả việc đi tắm dưới sông Neranjara. Ông bỏ luôn một phần thực phẩm được chia cho ông. Có ngày, ông chỉ ăn một trái ổi thối mà ông lượm được dưới chân ông. Có khi ông chỉ ăn miếng phân bò khô trên bờ ruộng. Thân hình ông tiều tuỵ quá, chỉ còn da bọc lấy xương. Bao nhiêu xương sườn

của ông đều lộ rõ ra. Ông không hề cạo. Có khi ông đưa tay lên sờ đầu và thấy tóc ông rụng xuống từng mảng như là những sợi tóc ấy không còn chỗ để đứng trong da đầu ông. Cho đến một hôm đó ngồi thiền dịnh trong bãi tha ma dưới chân núi, Siddhatta bừng tỉnh, thấy được rằng con đường khổ hạnh là con đường sai lầm.

Nắng đã tắt và gió chiều nhè nhẹ tới mơn trớn trên làn da ông. Đã ngồi trọn một ngày trong nắng, bây giờ Siddhatta thấy làn gió mát dịu lạ thường, và ông thấy tâm hồn ông sảng khoái hơn ban ngày nhiều lắm. Ông nhận ra rằng thân và tâm là một thực thể không thể tách rời ra được và sự an lạc của thân có liên hệ tới sự an lạc của tâm, hành hạ xác thân cũng là hành hạ tâm trí.

Ông nhớ đến thời niên thiếu, hồi ông mới lên chín tuổi, lần đầu tiên ông ngồi yên lặng dưới bóng mát cây hồng táo trong ngày lễ cày ruộng đầu năm. Cảm giác hồi ấy là một cảm giác an lạc, làm cho ông tỉnh táo và sáng suốt lạ thường.

Ông cũng nhớ lại lúc ông ngồi tập thiền lần đầu tiên trong rừng ngay khi Channa người hầu cận ông vừa từ giã ông, và những ngày đầu khi tập thiền với đạo sư Alara Kalama; những buổi thiền tập ấy nuôi dưỡng thân tâm ông, tạo cho ông rạt rào nghị lực. Ông nhớ sau đó nghe lời đạo sĩ Alara Kalama ông phải bỏ pháp lạc trong thiền để đạt tới những trạng thái thiền định trong cõi vô sắc như không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, và phi tưởng phi phi tưởng xứ, luôn luôn tìm cách tách rời khỏi thế giới của thọ và tưởng, nghĩa là của cảm giác và tri giác. Ông tự bảo:

- "Tại sao ta phải mãi mãi nương theo truyền thống của kinh điển? Tại sao ta lại sợ hãi những an lạc do thiền định đưa tới? Những an lạc ấy không dính líu gì hết với năm loại dục lạc thường có tác dụng che lấp tâm trí. Trái lại, những an lạc ấy có thể nuôi dưỡng hình hài và tâm hồn ta để ta có thể có đủ sức mạnh mà đi xa trên đường giác ngộ".

Sa môn Gotama quyết định sẽ bồi dưỡng lại sức khỏe và sẽ sử dụng thiền duyệt làm thức ăn cho thân tâm. Ông định ngày mai sẽ đi khất thực trở lại, và ông sẽ tự mình làm thầy cho mình, không muốn nương tựa vào một ai khác. Nghĩ như thế, ông ngã lưng dựa trên một mô đất, an tâm tìm giấc ngủ. Lúc ấy trăng mười bốn vừa lên. Trời trong không một gợn mây,và dòng ngân hà hiện ra rất rõ.

Ông thức dậy sáng hôm sau, khi chim chóc đã bắt đầu ca hát. Sa môn Gotama đứng dậy, và nhớ lại những suy tưởng chiều qua. Ông nhìn lại thân ông. Thân thể dính dầy bụi đất, vì đã lâu ông hề tắm gội. Chiếc áo cà sa của ông đã rách nát không đủ che thân. Ông chợt nhớ ngày hôm qua khi tới nghĩa địa để ngồi thiền, ông có thấy thi thể một người chết được quàng tại đó và trên thi thể ấy người ta đã phủ lên một tấm vải lớn màu gạch non. Ông đưa mắt nhìn. Cái xác vẫn còn đó và tấm vải màu gạch vẫn còn đó. Có thể là hôm nay hoặc ngày mai người ta sẽ đau xác này ra bờ sông để làm lễ hỏa táng và tấm vải sẽ không cần thiết. Sa môn Gotama quyết định tới xin tấm vải kia để dùng làm chiếc cà sa mới. Ông bước tới. Ông đứng yên mặt niệm, quán tưởng về sanh tử, rồi ông đua tay nhẹ rút tấm vải lên. Thi hài của một cô gái chừng hai mươi tuổi lộ ra, tím bầm.

Cầm tấm vải, Siddhatta đi về hướng bờ sông. Ông có ý định xuống sông tắm gội cho sạch sẽ và đồng thời giặt sạch tấm vải để quàng lên người thay thế cho chiếc ca sa đã rách bươm.

Nước sông rất mát và Siddhatta thấy rất dễ chịu. Ông chấp nhận cảm giác dễ chịu của ông, ông đón chào cảm giác này với một tâm trạng mới. Ông tắm khá lâu. Rồi ông đem tấm vải ra giặt và

vắt cho thật khô.

Khi ông lội vào bờ thì sức ông đã kiệt. Bờ sông hơi cao và ông không đủ sức tự mình leo lên. Ông phải đứng yên lặng hồi lâu để thở. Nhìn sang bên trái ông thấy có một cây sà xuống, có những đọt lá xòe ra gần đụng mặt nước. Ông lội từng bước về phía ấy, rồi níu lấy cành cây leo lên bờ.

Leo được lên bờ sông ông ngồi xuống nghỉ. Nắng đã lên. Ông trải tấm vải ra để phơi. Nắng bắt đầu gay gắt. Thấy tấm vải đã khô, sa-môn Siddhatta choàng nó vào người. Ông đã có cà-sa mới. Theo con đường đưa vào xóm Uruvela, ông đi tới.

Nhưng đi chưa được nửa đường thì sa môn Gotama kiệt sức. Ông thở hào hển, và cuối cùng ông ngã xuống, bất tỉnh.

Ông nằm bất tỉnh như vậy một hồi lâu thì có một cô bé trong xóm đi tới. Cô bé chừng mười ba tuổi. Sujata được mẹ giao phó đem sữa bánh và đề hồ vào khu rừng bên sông để cúng cho thần linh, và Sujata thấy vị sa-môn nằm bất tỉnh trên con đường bờ sông, bụng còn thoi thóp thở. Nhìn Siddhatta, cô bé biết nhà tu khổ hạnh này đã kiệt sức. Cô quỳ xuống đổ sữa vào miệng ông.

Khi những giọt sữa ngon ngọt thấm được vào lưỡi và cổ họng. Siddhatta đáp ứng ngay. Ông chấp nhận cảm giác dễ chịu do sữa tạo nên và chầm chậm uống hết bát sữa. Chỉ trong vòng mấy mươi hơi thở sau đó ông tỉnh táo hẳn và ngồi dậy được.

Và ông ra hiệu cho Sujata rót thêm cho ông một bát sữa thứ hai. Những bát sữa phục hồi được sức lực của ông rất mau chóng, Siddhatta quyết định bỏ hang động nơi ông tu khổ hạnh và dời về khu rừng êm mát bên bờ sông để hành đạo. Ông ăn uống trở lại bình thường. Có khi Sujata đem thức ăn vào rừng để cúng dường. Có khi ông cầm bát đi vào làng để khất thực. Mỗi buổi chiều ông đều có xuống tắm ở sông Neranjara. Mỗi ngày ông đều có đi thiền hành bên bờ sông. Thì giờ còn lại ông dành cho việc thiền tọa.

Tự mình tìm kiếm con đường, buông bỏ mọi uy quyền của truyền thống và kinh điển. Siddhatta trở về sử dụng tất cả những kinh nghiệm thành bại của chính ông. Ông không e ngại gì nữa về sự sử dụng thiền duyệt để nuôi dưỡng thân tâm. Mức độ an lạc của ông tăng triển hàng ngày. Không tìm cách xa lìa và trốn tránh cảm giác và tri giác, và dùng định lực quán chiếu vào cảm giác cùng với những đối tượng của chúng.

Một hơi thở, một tiếng chim kêu, một tờ lá, một tia nắng mặt trời ... tất cả đều có thể trở thành đối tượng của công trình quán chiếu. Rời bỏ ý định thoát ly thế giới hiện tượng, ông trở về để có mặt sâu sắc trong thế giới hiện tượng. Ông bắt đầu thấy rằng chìa khóa của sự giải thoát nằm ngay trong từng hơi thở, từng bước chân hoặc từng hạt sỏi bên đường. Ông thấy rằng thế giới hiện tượng và thế giới bản thể là một.

Sa-môn Gotama đi từ sự quán chiếu cơ thể qua sự quán chiếu cảm giác, rồi đi từ sự quán chiếu cảm giác sang sự quán chiếu tri giác cùng những hiện tượng sinh diệt khác của tâm ý. Cuối cùng ông tìm thấy tính cách bất nhị của thân tâm. Thân thể không còn là một thực tại riêng biệt nữa. Mỗi sợi tóc cũng là tâm, mỗi tế bào trong cơ thể đều chứa đựng đủ trí tuệ của vũ trụ và hành giả chỉ cần nhìn sâu vào một hạt bụi, chân tướng của vũ trụ cũng phải hiện nguyên hình trước ánh sáng quán chiếu của hành giả. Chân tướng của hạt bụi chính là vũ trụ và ngoài hạt bụi, vũ trụ

không thể nào có mặt.

Sa-môn Gotama vượt thoát ý niệm về ngã, về atman, và ông giật mình thấy rằng đã từ bao nhiêu lâu nay ông đã từng bị ý niệm về atman của tư tưởng Vệ Đà khống chế. Thực tướng của vạn hữu là vô ngã, là anatman. Một từ ngữ không phải để chỉ định một vật thể, mà là một lưỡi búa tầm sét đập tan xích xiềng của sự cố chấp.

Nắm lấy nguyên tắc vô ngã, Siddhatta như vị tướng lãnh có lưỡi gươm thần trong tay, đi vào trận địa của thiền quán như đi vào chỗ không người. Dưới gốc cây cổ thụ, ngày cũng như đêm, ông đạt tới những cái thấy lóe sáng như sấm sét trên hư không.

Trong khi ấy, năm người bạn đồng tu đã bỏ ông đi mất. Họ từng thấy ông thọ lãnh thức cúng dường bên bờ sông. Họ đã thấy ông cười nói với một cô bé, ăn cơm và mang bát vào làng khất thực. Kondanna đã nói với các bạn: Siddhatta không còn là kẻ mà ta có thể trông cậy. Siddhatta đã nửa chừng bỏ dỡ công phu tu hành. Siddhatta bây giờ chỉ lo bồi dưỡng xác thân và sống những ngày nhàn hạ. Chúng ta hãy bỏ Siddhatta và tìm tới nơi khác tu hành. Ta cũng không cần tiếp tục tu theo phương pháp mà Siddhatta đã đề nghị mấy tháng về trước.

Chỉ khi năm người bỏ đi rồi, sa-môn Gotama mới thấy sự vắng mặt của họ. Được khích lệ bởi cái nhìn mới, Siddhatta đã để hết thời gian vào việc hạ thủ công phu mà chưa có dịp nào đi giải thích với các bạn đồng tu. Ông tự nhủ: các bạn hiểu lầm ta, nhưng ta không cần lo tới việc minh oan. Ta hãy dốc lòng tìm cho ra đạo. Rồi sau đó ta sẽ đi tìm họ và giúp họ. Nghĩ như thế, ông trở về với công phu thiền quán hàng ngày của mình.

Chính trong những ngày mà ông đạt tới những tiến bộ lớn trên con đường tầm đạo thì chú bé chăn trâu Svatika tìm tới. Ông đã vui vẻ nhận những nắm cỏ tươi của chú bé mười một tuổi dâng cúng.

Tuy Sujata, Svatika và bạn bè của các em là những đứa bé, Siddhatta đã cũng có thể chia sẻ được một phần nhỏ cái thấy của ông với chúng, và ông mừng rỡ thấy bọn trẻ thiếu học ở thôn quê có thể hiểu được và thấy được ánh sáng của những điều ông mới tìm ra. Ông linh cảm rằng chỉ trong một thời gian ngắn nữa là cánh cửa giác ngộ hoàn toàn sẽ mở rộng, bởi vì ông đã nắm trong tay chiếc chìa khóa mầu nhiệm của cánh cửa ấy: tự tính duyên sinh và vô ngã của vạn hữu.

Chương 16 - Thì Ra Lệnh Bà Giả Ngủ

Svastika là con nhà nghèo, hồi nhỏ chưa từng được đi học.

Năm mười hai tuổi mới bắt đầu được Sujata dạy cho chút ít về văn hóa.

Chú nói năng chưa được hoạt bát, cho nên trong khi kể lại những gì mà Bụt đã kể về cuộc đời niên thiếu của người, chú đã ngập ngừng nhiều lúc và phải nhờ những người ngồi nghe chuyện đỡ lời cho.

Hôm ấy ngoài thầy Ananda và chú Rahula, còn có hai người ngồi nghe chú kể. Đó là một ni sư tuổi đã lớn, tên là ni sư Mahapajapati và một thầy khoảng ba mươi lăm tuổi tên là thầy Assaji.

Chiều hôm ấy chú Rahula đã giới thiệu hai vị này với Svastika rồi. Chú rất cảm động khi biết ni sư Mahapajapati chính là lệnh bà Gotami, dì của Bụt và đã nuôi Bụt từ khi tấm bé. Bà là người phụ nữ đầu tiên được xuất gia và gia nhập vào giáo đoàn của Bụt. Hiện bà làm ni trưởng lãnh đạo hơn bảy trăm vị nữ khất sĩ. Bà mới cùng một phái đoàn các ni sư từ miền Bắc xuống để thăm viếng Bụt và tham khảo ý kiến của người về việc tu chỉnh giới luật của ni chúng.

Chú Svastika nghe nói quý vị ni sư mới tới Rajagaha chiều hôm qua.

Chú Rahula là cháu của bà. Biết bà sẽ rất vui mừng được nghe Svastika kẻ lại những gì xảy ra trong rừng Uruvela những Bụt sắp thành đạo và những tuần lễ sau ngày Bụt thành đạo, chú Rahula chắp tay cúi đầu rất thấp để chào vị ni trưởng vì chú đã từng được nghe Bụt kể về bà và đã có sẵn rất nhiều cảm mến, và chú có cảm tưởng bà cũng thương chú như thương chú Rahula cháu ruột của bà vậy. Nghĩ như thế chú cũng tự xưng cháu với bà.

Sau khi giới thiệu bà, chú Rahula lại giới thiệu thầy Assaji, Svastika không nhớ tên này dù Bụt đã có nhắc đến tên thầy trong câu chuyện mà người đã kể cho bọn thiếu nhi trong rừng Uruvela. Mắt Svastika sáng lên khi chú biết thầy Assaji là một trong năm vị sa-môn đã tu khổ hạnh với Bụt ngay tại quê hương của chú. Chú đã từng nghe Bụt nói rằng sau khi thấy Bụt ngưng tu khổ hạnh, bắt đầu uống sữa và ăn cơm thì năm người này bỏ Bụt đi tu chỗ khác. Vậy mà bây giờ không biết trong trường hợp nào mà thầy Assaji lại trở nên một vị khất sĩ đệ tử của Bụt và đang tu hành dưới sự chỉ dẫn của người, ngay tại tu viện Trúc Lâm. Chú dự tính sẽ hỏi Rahula về việc này.

Trong câu chuyện chú kể, chính ni sư Gotami đã đỡ lời cho chú nhiều nhất. Nhiều khi bằ đặt câu hỏi để chú có cơ hội nói thêm về những chi tiết của câu chuyện, những chi tiết không mấy quan trọng đối với chú nhưng hình như rất quan trọng đối với bà. Ví dụ như những chi tiết về mớ cỏ Kusa mà chú đã dâng lên Bụt để người trải làm tọa cụ dưới cây bồ đề. Ni sư đã hỏi: “Cỏ đó, con cắt ở đâu? Cứ mấy ôm thì con cắt cỏ mới để dâng cúng cho Bụt? Con dâng bớt cỏ cho Bụt như thế thì trâu con có đủ cỏ để ăn ban đêm hay không? Và con có bị chủ trâu đánh mắng hay không? ...

Câu chuyện chú kể đã xong đâu, còn nhiều lắm. Chú xin phép ngưng lại nơi đây. Chú thưa với mọi người là chú sẽ xin kể tiếp ngày mai, nhưng trước khi từ giã, chú muốn được hỏi ni trưởng

một vài câu hỏi mà chú đã ấp ủ trong lòng gần mười năm nay, có thể là ni trưởng sẽ trả lời được cho chú. Nghe chú nói thế, ni sư Gotami mỉm cười nhìn chú:

- Chú cứ hỏi, nếu trả lời được, thì ta sẽ trả lời ngay.

Svastika muốn biết nhiều chuyện lắm. Trước hết chú muốn biết khi thái tử Siddhatta vén màn định từ giã lệnh bà Yasodhara thì lệnh bà đang ngủ thật hay là đang giả ngủ? Rồi khi người hầu cận thái tử Siddhatta đem thanh kiếm, chuỗi ngọc, mớ tóc và con ngựa Kanthaka về tới kinh đô thì hoàng thượng, hoàng hậu và lệnh bà Yasodhara đã nghĩ gì, nói gì và làm gì? Trong sáu năm vắng mặt, cái gì đã xảy ra cho những người thân yêu của Bụt tại Kapilavatthu? Và ai nghe tin Bụt thành đạo trước? Ai đi đón Bụt? Và đến khi Bụt về thì cả kinh thành đón rước ra sao?

- Chú hỏi nhiều câu hỏi thật, ni sư Gotami mỉm cười hiền hậu nhìn Svastika. Để ta trả lời sơ lược cho chú. Trước hết là chuyện Yasodhara có thật là đang ngủ khi Siddhatta từ giã hay không. Chuyện này cho chắc chắn, chú phải hỏi ni sư Yasodhara, nhưng theo ta, thì lúc ấy Yasodhara không ngủ. Chính Yasodhara đã soạn đủ nón giầy và áo dạ hành để sẵn bên hành lang. Chính Yasodhara đã vào bảo Channa thắng yên cương vào cho con Kathanka. Vậy Yasodhara biết chắc là đêm ấy thái tử sẽ bỏ đi. Làm sao mà Yasodhara có thể ngủ trong một tâm trạng như thế được, hả chú Svastika? Ta nghĩ rằng Yasodhara đã làm như đang ngủ để tránh cho Siddhatta và cho mình giây phút khó khăn của sự giã biệt. Chú chưa biết, chứ mẹ của Rahula tính tình cương nghị lắm, Yasodhara hiểu được chí hướng của Siddhatta và đã âm thầm yểm trợ cho Siddhatta, điều đó ta biết rõ hơn ai hết ở trong cung, bởi vì ta là người thân cận và làm việc với công nương Yasodhara nhiều hơn ai hết.

Rồi ni sư Gotami kể tiếp những gì đã xảy ra trong cung điện. Buổi sáng ấy, nghe tin Siddhatta đã bỏ đi rồi, trong cung náo động, ai cũng bàng hoàng hoảng hốt, chỉ trừ có Yasodhara. Vua Suddhodana giận dữ, quát tháo quân hầu, quát tháo mọi người, trách họ đã không giữ gìn để cho thái tử ra đi. Bà Gotami nghe tin vội chạy qua tìm Yasodhara. Yasodhara không nói gì, chỉ ngồi thầm lặng khóc. Quan phụ chính đại thần tổ chức nhiều toán người sai đi bốn ngã tìm kiếm thái tử. Toán người ngựa đi về phương Nam đã gặp được Channa, đang trở về với con ngựa Kanthaka. Channa ngăn họ không cho họ đi về phương Nam tìm thái tử. Channa nói:

- Quý vị hãy để yên cho thái tử tu hành. Tôi đã cầu xin hết lời, đã khóc lóc đã van nài, nhưng thái tử đã một lòng một chí muốn đi tìm đạo. Với lại thái tử đã đi vào chốn thâm sơn. Núi rừng trùng điệp, lại thuộc về một vương quốc khác, thì các vị đi tìm làm sao được?

Khi Channa trở về tới cung điện, anh ta dập đầu tạ tội rồi đem thanh kiếm, chuỗi ngọc và mớ tóc dâng lên vua. Lúc ấy hoàng hậu Gotami và lệnh bà Yasodhara cũng đang đứng bên cạnh vua. Thấy Channa khóc, vua không nỡ buộc tội.

Vua hỏi han mọi chuyện, than vãn hồi lâu, rồi truyền cho Channa đem gươm báu, chuỗi ngọc và mớ tóc của thái tử giao lại cho lệnh Yasodhara cất giữ. Không khí của cung điện thật là buồn bã. Vua ở luôn trong biệt điện nhiều ngày liên tiếp không chịu ra thiết triều. Quan phụ chính đại thần Vessamitta phải thay vua xử lý mọi công việc chính sự.

Con Kanthaka sau khi được trả về tàu ngựa từ chối không ăn uống gì. Mấy ngày sau nó qua đời. Channa rất thương tiếc. Channa nói với Yasodhara làm lễ hỏa thiêu cho nó.

Ni sư Gotami kể tới đó thì chuông thiền tọa buổi tối đã vọng lên. Mọi người đều tỏ vẻ tiếc vì

phải bỏ dỡ câu chuyện, nhưng thầy Ananda bảo không nên bỏ giờ thiền tọa, dù câu chuyện có hay cách mấy đi nữa, và thầy mời mọi người chiều hôm sau lại tới liêu xá thầy.

Svastika và Rahula chắp tay làm lễ ni sư Gotami, thầy Anada và thầy Assaji để trở về liêu xá của thầy Sariputta.

Đôi bạn thân đi bên nhau im lặng không nói. Tiếng chuông chậm rãi bây giờ đây đã bắt đầu dồn dập đổ hồi.

Svastika theo dõi hơi thở và thầm đọc bài kệ nghe chuông: “lắng lòng nghe, lắng lòng nghe - tiếng chuông huyền diệu đưa về nhất tâm”.

Chương 17 - Chiếc Lá Pippala

Ngồi dưới gốc cây Pippala, sa môn Gotama tập trung hết định lực và quán chiếu vào nội thân.

Tinh lực của ông đầy dẫy và niệm lực của ông hùng hậu. Ông thấy cơ thể của ông như một dòng sông đang trôi chảy bất tuyệt và những tế bào trong cơ thể là những giọt nước xô đẩy nhau trên dòng sinh khởi, trưởng thành và biến diệt.

Ông không tìm thấy một cái gì đồng nhất và bất biến có thể gọi là ngã cả.

Xen lẫn trong trong dòng sông cơ thể ông nhận thấy có một dòng sông khác: đó là dòng sông cảm thọ, trong đó mỗi cảm giác là một giọt nước. Những giọt nước cảm giác này cũng xô đẩy nhau trong quá trình sinh khởi, trưởng thành và biến diệt của chúng. Có những cảm giác dễ chịu, có những cảm giác khó chịu, có những cảm giác không dễ chịu cũng không khó chịu. Tự thân của những cảm giác cũng vô thường và luôn luôn sinh diệt giống như tự thân của các tế bào trong cơ thể.

Với định lực vững chắc, sa-môn Gotama khám phá ra dòng sông tri giác đang trôi chảy len lõi giữa các dòng sông cơ thể và dòng sông cảm giác. Những giọt nước trong dòng sông tri giác cũng xô đẩy nhau và ảnh hưởng lẫn nhau trên đà sinh trưởng và hoại diệt của chúng.

Thế giới là thế giới của tri giác; tri giác chính xác thì thực tại hiển lộ, tri giác sai lầm thì thực tại chìm lặn.

Tri giác sai lầm làm phát sinh bao nhiêu cảm giác khổ đau trong dòng sông cảm thọ.

Con người sở dĩ lặn hụp trong khổ đau là vì nhận thức sai lầm của mình: vô thường thì cho là thường, vô ngã thì cho là ngã, không sinh diệt thì cho là có sinh diệt, cùng chung một tự tính mà lại cho là riêng lẻ tách biệt.

Sa-môn Gotama quán chiếu những hiện tượng tâm ý thường được xem là nguồn gốc của các cảm thọ khổ đau: những tâm lý sợ hãi, giận dữ, căm thù, kiêu mạn, ganh ghét, tham đắm và u mê. Chánh niệm bừng tỏ nơi ông như một mặt trời.

Đem mặt trời chánh niệm ấy soi vào lòng của các hiện tượng tâm lý kia, ông thấy rằng bản chất của chúng đều là sự u mê. Tên nó là vô minh. Tên nó là mờ ám. Tên nó là sự thiếu sáng suốt.

Chìa khóa của giải thoát vì vậy là sự đập tan u mê, là thể nhập vào lòng của thực tại để có một cái biết trực tiếp và chân thực về thực tại. Cái biết này không phải là cái biết của trí thức suy luận. Cái biết này là phải là cái biết trực tiếp của kinh nghiệm, của thực chứng.

Ngày xưa, Siddhatta đã tìm đủ cách để chế ngự sợ hãi, chế ngự giận dữ, chế ngự tham đắm, nhưng những phương cách ấy không có hiệu quả, vì chúng chỉ là sự đè nén và đàn áp. Ngày nay Siddhatta biết được bản chất của chúng là u mê: giải tỏa u mê và đi tới sự hiểu biết, tức là làm cho chúng tự tan rã, như khi mặt trời lên thì tự khắc bóng tối tan biến.

Sự hiểu biết này là kết quả của công trình quán chiếu.

Giải thoát không phải là kết quả của một sự lẫn tránh thực tại, giải thoát trái lại là hiểu biết được tự thân của thực tại để đạt tới tự do, để cắt đứt mọi sợi dây khống chế.

Sa-môn Gotama mỉm cười. Ông thấy một chiếc lá Pippala in trên nền trời xanh, đuôi lá hướng về phía đất và phe phẩy như đang gọi ông. Chiếc lá nầy một thực tại mầu nhiệm. Nhìn chiếc lá ông thấy mặt trời và trăng sao.

Nếu không có mặt trời, nếu không có ánh sáng và sức nóng, chiếc lá không thể nào có mặt. Cái này có vì cái kia có.

Ông lại thấy một đám mây bay lửng lơ trong lòng chiếc lá. Nếu không có đám mây thì không có mưa và nếu không có mưa thì không làm gì có chiếc lá. Ông thấy đại địa. Ông thấy thời gian. Ông thấy không gian. Ông thấy tâm thức. Tất cả đều đang có mặt trong chiếc lá.

Vũ trụ có mặt trong chiếc lá và với chiếc lá. Địa, thủy, hỏa, phong, không thời, phương, thức, tất cả đều có mặt với chiếc lá trong giờ phút này. Cái này có thì cái kia có, và ông thấy thực tại của chiếc lá cùng thực tại của bản thân ông là một. Chiếc lá dường như chỉ mới có mặt từ đầu mùa Xuân năm nay, nhưng thật ra chiếc lá đã có mặt không biết tự bao giờ. Trong ánh nắng đã có sẵn chiếc lá. Trong đám mây bay đã có sẵn chiếc lá. Trong cây đã có sẵn chiếc lá, và trong Siddhatta, đã có sẵn chiếc lá. Chiếc lá thực ra chưa từng bao giờ sinh, chiếc lá chỉ được biểu hiện ra mà thôi. Sa-môn Siddhatta cũng chưa bao giờ từng sinh, sa môn Siddhatta cũng chỉ được biểu hiện. Những ý niệm sinh diệt và con mất là những ý niệm phát xuất từ nhận thức sai lầm, từ vô minh. Tự thân của chiếc lá Pippala cũng như tự thân của sa-môn Gotama chưa từng bao giờ sinh diệt. Sự có mặt của một hiện tượng kéo theo sự có mặt của tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ. Cái một bao hàm tất cả, và cái tất cả được có mặt trong cái một.

Chiếc lá không có cá thể biệt lập, không có một cái ngã thường tại bất biến.

Sa-môn Gotama cũng vậy, ông không thể có mặt biệt lập với vũ trụ vạn hữu, ông không có một cái ngã thường tại bất biến. Thấy được tính cách trùng trùng duyên khởi của vạn hữu cũng là đồng thời chứng nghiệm được sâu xa tính cách vô ngã của vạn hữu. Và vì vậy chìa khóa mở cánh cửa giải thoát là nguyên lý vô ngã, nguyên lý duyên sinh.

Một đám mây trắng bay qua, và chiếc lá Pippala giờ đây đang in hình trên nền trắng ấy. Đám mây kia chiều nay có thể sẽ gặp một luồng khí lạnh và sẽ biến thành mưa. Đám mây là một biểu hiện, mưa là một biểu hiện. Tự thân của đám mây không có sinh diệt và còn mất. Nếu đám mây biết điều đó thì khi cần được biến thành mưa, đám mây sẽ ca hát khi rơi xuống thành giọt trên núi rừng, trên ruộng lúa. Sa-môn Gotama thấy được rằng trong thực tại, không có gì sinh ra, không có gì mất đi, không có gì từ không mà trở nên có, không có gì từ có mà trở nên không, và ông vượt thoát được các ý niệm có không và sinh diệt.

Sa-môn Gotama lấy cái thấy nầy và soi chiếu lại vào những dòng sông cơ thể, cảm thọ, tri giác, tâm tư và nhận thức của con người. Ông thấy hầu hết những khổ đau của con người đều được phát xuất từ nhận thức sai lầm của con người.

Nếu con người thấy được tính cách vô thường vô ngã của thực tại thì con người giải thoát được khổ đau. Vô thường và vô ngã là điều kiện tất yếu của sự sống; nếu không có vô thường và vô ngã thì không có biến chuyển sinh diệt, vì vậy không có gì có thể sinh trưởng và phát triển. Hạt lúa nếu không có vô thường và vô ngã thì không thể mọc thành cây lúa.

Đám mây nếu không vô thường và vô ngã thì không thể nào biến thành cơn mưa. Em bé nếu không có vô thường và vô ngã thì không thể lớn lên. Vì vậy chấp nhận sự sống tức là chấp nhận vô thường và vô ngã. Khổ đau bắt nguồn từ sự nhận thức vô thường là thường, và vô ngã là là ngã. Chứng nhập được tự tánh vô thường và vô ngã của vạn hữu là thoát ra được vòng khổ đau.

Sa-môn Gotama thấy rằng một khi đã chứng nhập được tự tánh vô thường và vô ngã của vạn hữu thì tự tánh không của vạn hữu cũng bắt đầu hiển lộ. Không tức là không sinh cũng không diệt, không có cũng không không, không một cũng không nhiều, không trong cũng không ngoài, không lớn cũng không nhỏ, không nhơ cũng không sạch ... Tất cả những ý niệm về không và có, sinh và diệt, một và nhiều, trong và ngoài, lớn và nhỏ, nhơ và sạch ... đều do những khuôn khổ hẹp hòi của tri giác tạo nên.

Thâm nhập được vào thể tính không của vạn pháp, Siddhatta vượt lên trên của tất cả mọi phạm trù ấy của tri giác.

Đêm này qua đêm khác, sa môn Gotama ngồi thiền định dưới gốc cây Pippala, chiếu rọi ánh sáng của thiền định vào thân tâm và vào vũ trụ. Năm người bạn đồng tu của ông đã bỏ ông lâu rồi. Bạn tu của ông bây giờ là núi rừng, là dòng sông, là chim chóc, là hàng vạn côn trùng dưới dất trên cây. Bạn tu của ông là cây đại thọ Pippala. Bạn tu của ông còn là ngôi sao Hôm tỏa chiếu rạng rỡ vào ông lúc ông bắt đầu buổi thiền tọa tối. Đêm nào ông ngồi thiền định cho tới khuya. Bọn trẻ con trong xóm mỗi khi đem thức ăn cho ông thường chỉ ở lại một lát vào giờ trưa, giờ nóng bức nhất trong ngày.

Trưa hôm ấy, Sujata đem cúng dường ông một bát đề hồ nấu với sữa và mật ong. Svastika cũng đem đến tặng cho ông một mớ cỏ Kusa rất tươi để ông trải làm tọa cụ. Svastika lùa trâu đi rồi, ông có cảm tưởng là nội trong đêm nay, ông sẽ đạt tới được tận cùng của sự tỉnh thức mầu nhiệm. Vừa hồi khuya, ông mơ thấy những giác mơ rất lạ. Trước hết ông thấy ông nằm nghiêng, đầu gối lên dãy Hy Mã Lạp Sơn, tay trái để trên bờ biển phương Đông, tay phải đặt trên bờ biển phương Tây, và hai chân chấm bờ biển phương Nam. Trong giấc mơ thứ hai ông thấy từ rốn mình mọc lên hoa sen lớn và hoa sen nầy nở lớn như một vành xe, dâng cao lên tận mây xanh. Trong giác mơ thứ ba ông thấy chim chóc đủ màu từ bốn phương bay tới quy tụ bên ông, không biết bao nhiêu mà kể. Những giấc mộng ấy như báo trước sự thành công của ông.

Chiều hôm ấy, sa-môn Gotama đi thiền hành bên bờ sông, lội xuống sông tắm gội, rồi lại lên bờ sông đi thiền hành. Khi nắng bắt đầu tắt bên sông, ông trở lại với gốc cây Pippala quen thuộc. Nhìn gốc cây với tấm thảm cỏ mới trải, Siddhatta mỉm cười. Ngồi dưới cây này ông đã thực hiện được bao nhiêu khám phá quan trọng. Ông biết giờ phút mà ông chờ đợi từ lâu đã sắp đến. Cánh cửa giác ngộ hoàn toàn sắp được tung mở.

Khoan thai, Siddhatta ngồi xuống và điều chỉnh thế ngồi trong tư thế hoa sen. Ông đưa mắt nhìn ra. Dưới kia dòng sông đang thầm lặng trôi. Những ngọn gió thật nhẹ đang lướt qua bờ cỏ. Rừng chiều vắng lặng nhưng sống động.

Chung quanh ông có tiếng rì rào của muôn loại côn trùng. Ông nhiếp tâm theo dõi hơi thở và khép nhẹ đôi mi.

Sao Hôm chắc đã lên rồi.

Chương 18 - Sao Mai Đã Mọc

Chánh niệm đưa thân tâm và hơi thở trở về một mối. Chánh niệm sung mãn đưa tới một định lực hùng tráng.

Sa-môn Gotama bắt đầu dọi ánh sáng quán chiếu vĩ đại ấy vào tự thân.

Hồi lâu, ông bắt đầu thấy, trong giây phút hiện tại, sự có mặt của muôn loại chúng sanh ngay trong chính tự thân ông.

Tất cả các loại chúng sanh, từ khoáng, khí, hơi, sương cho đến rêu cỏ, thảo mộc, côn trùng, cầm thú và loài người đều có mặt, và có mặt một cách hiện thực ngay trong giờ phút hiện tại.

Ông thấy sự có mặt của tất cả các loại chúng sanh ấy chính là sự có mặt của ông, không những trong hiện tại mà cũng là trong quá khứ và trong vị lai. Ông trông thấy được tất cả những sinh diệt của mình trong các kiếp quá khứ. Ông trông thấy được tất cả những sinh diệt của mình trong các kiếp hiện tại. Ông cũng trông thấy được tất cả những sinh diệt của mình trong các kiếp vị lai. Ông thấy được sự co giãn và thành hoại của muôn ngàn thế giới, muôn ngàn tinh cầu, với tất cả những nỗi niềm đau của từng sinh vật; trong ấy, loài thì do thai sinh ra, loài thì do trứng sinh ra, loài thì do sự tụ họp biến hóa sinh ra, loài thì do sự chia cắt phân thân sinh ra. Ông thấy mỗi tế bào trong cơ thể ông chứa đựng được cả tam thiên đại thiên thế giới và cũng chứa đựng cả thời gian từ vô thỉ đến vô chung. Cái thấy ấy là túc mệnh minh. Ông chứng đạt được trí tuệ này vào cuối canh một.

Sa-môn Gotama tiếp tục đi sâu vào trên con đường khám phá. Ông thấy tuy vô lượng vô số thế giới từng co giãn, sinh diệt và thành hoại như thế và tuy vô lượng vô số chúng sinh từng sinh diệt và thành hoại như thế trong vô lượng vô số kiếp, nhưng kỳ thực những co giãn, sinh diệt và thành hoại ấy chỉ là những biểu hiện bề ngoài, chưa từng đụng tới thực tướng của pháp giới, cũng như trên mặt biển cả tuy lúc nào cũng có hàng triệu đợt sóng lô nhô xuất hiện nhưng đại dương chưa bao giờ vì vậy mà có sinh diệt hay thành hoại. Sóng dường như có còn mất sinh diệt mà nước không hề có còn mất sinh diệt, và nếu sóng tự biết mình là nước thì sóng có thể vượt ra ngoài sự sinh diệt còn mất, đạt tới tâm trạng an ổn và đập tan mọi niềm sợ hãi. Cái thấy này đưa sa-môn Gotama vượt thoát lưới sinh tử. Ông bất giác mỉm cười. Nụ cười của ông nở như một bông hoa dù là trong đêm tối. Nụ cười đó như tỏa chiếu hào quang. Nụ cười ấy là hoa trái của một cái thấy vi diệu. Cái thấy ấy là lậu tận minh. Sa-môn Gotama đạt tới cái thấy ấy vào cuối canh hai.

Vừa lúc ấy có tiếng sấm nổ vang trời và những làn chớp giật tiếp nhau lóe lên như xé rách không gian. Tự hồi nào mây đen đã kéo đến che lấp hết trăng sao. Giờ đây với tiếng sấm nổ rền, mưa cũng bắt đầu rơi xuống xối xả. Mưa rơi ướt hết cả thân hình vị sa-môn đang ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây Pippala, nhưng Siddhatta vẫn ngồi yên bất động. Ông thản nhiên tiếp tục công phu thiền quán.

Tiếp tục rọi ánh sáng vào cõi tâm, ông thấy chúng sanh đang chịu đựng vô lượng khổ đau chỉ vì mỗi người mỗi loài không biết rằng mình đang cùng chung một thể tính với mọi người và mọi loài khác, và từ sự u mê đó đã làm phát sinh bao nhiêu phiền não làm rối loạn tâm hồn. Tham

đắm, giận hờn kiêu căng, nghi ngờ, tật đố và sợ hãi ... những tâm niệm ấy đều phát sinh từ gốc vô minh. Nếu mỗi người biết tìm cách tĩnh tâm để nhìn lại, để quán chiếu sâu sắc vào lòng sự vật thì ai cũng có thể đạt tới sự hiểu biết, và sự hiểu biết này sẽ làm tiêu tán được mọi phiền não và làm phát sinh được sự chấp nhận và niềm tin yêu.

Ông khám phá ra rằng hiểu biết và thương yêu là một và nếu không thể hiểu biết thì không thể thương yêu. Tính tình của một con người, dù ác độc đi mấy, cũng là do những điều kiện sinh lý, tâm lý và xã hội tạo thành. Nếu hiểu được điều đó ta sẽ không oán ghét con người mà chỉ lo chuyển hóa những điều kiện sinh lý, tâm lý và xã hội. Với một nhận thức như thế ta không còn oán hận mà chỉ có xót thương. Có xót thương ta mới ra tay hành động để chuyển hóa con người và chuyển hóa hoàn cảnh. Con đường mà Siddhatta tìm ra là con đường hiểu biết để xót thương và hành động.

Muốn thương yêu phải hiểu biết.

Hiểu biết là chìa khóa của cánh cửa giải thoát. Mà muốn đạt tới hiểu biết, con người phải sống thức tỉnh trong từng giây từng phút, thức tỉnh để tiếp xúc, để nhận diện và để nhìn thấy những gì đang xảy ra trong ta và chung quanh ta.

Cái nhìn ấy càng ngày sẽ càng sâu sắc, và khi nhìn sâu được vào lòng một hiện tượng thì hiện tượng đó sẽ phơi bày chân tướng trước mặt ta. Đó là bí quyết của chánh niệm.

Có chánh niệm thì đời sống được soi sáng bởi cái nhìn chân thực (chánh kiến), suy tư chân thực (chánh tư duy), lời nói chân thực (chánh ngữ), hành động chân chính (chánh nghiệp), sự cố gắng đi về đường chính (chánh tinh tiến) và sử dụng đúng pháp những trạng thái thiền định về mục đích giải thoát (chánh định).

Con đường này gọi là con đường thành đạo, là arymarga, là con đường cần được chỉ bày cho nhân gian. “Chánh niệm là con đường duy nhất để thực hiện giải thoát và giác ngộ", sa-môn Siddhatta thì thầm.

Nhìn thấu vào tâm niệm của mọi loài chúng sanh. Siddhatta đã chứng được tha tâm minh. Đồng thời ông cũng đạt tới khả năng có thể thấy có thể nghe tất cả niềm vui nỗi khổ của mọi loài mà không cần đi tới tận chỗ. Cùng một lúc ông đạt tới thiên nhãn minh, thiên nhĩ minh và thần túc minh.

Lúc ấy, trời đã cuối canh ba. Sấm sét đã im.

Mây đen đã cuốn sạch, và trăng sao lại vằng vặc hiện ra trên bầu trời trong suốt.

Sa-môn Gotama có cảm giác một cái nhà tù thường giam hãm con người trong ngàn vạn kiếp đã vừa bị phá tung. Vô minh là người chủ ngục, vì sự u mê cho nên những vọng động (hành) đã gợn lên trong tâm thức cũng như mây đen đã giăng bủa trên bầu trời và che lấp cả trăng sao. Từ những vọng động của tâm thức mà phát sinh ra sự phân biệt tâm và vật, chủ thể và đối tượng, ta và người, có và không, còn và mất (danh sắc, lục nhập, xúc). Từ sự phân biệt ấy phát sinh sự tù túng (thọ, ái, thủ, hữu). Nhà tù được xây dựng kiên cố. Trong khổ đau (sinh lão bệnh tử), vô minh lại càng ngày càng sâu nặng, và bốn bức tường của cái nhà tù càng ngày càng thêm vững chắc, càng vùng vẫy, con người càng thấy những bức tường của nhà tù vững chắc. Chỉ có một cách mà thôi: đó là nắm lấy người chủ ngục và khám phá chân tướng nó. Người chủ ngục ấy là

vô minh. Phương pháp giải trừ vô minh là con đường bát chánh đạo.

Một khi tên chủ ngục không còn thì ngục tù bị phá tung, và không bao giờ còn được xây dựng trở lại.

Sa-môn mỉm cười, thì thầm:

- Này kẻ cai tù ơi, ta đã nhìn thấy ngươi. Từ bao nhiêu kiếp rồi, ngươi đã thiết lập bao nhiêu phen những nhà tù sanh tử. Bây giờ đây những bức tường đã bị phá vỡ, kèo cột đã bị đập nát. Ta đã nhìn rõ mặt mũi của ngươi rồi. Từ nay trở đi, ngươi không còn xây được một cái nhà tù nào nữa.

Nhìn lên, Siddhatta thấy sao Mai đã mọc ở chân trời, lấp lánh như một hạt kim cương lớn. Lâu nay ngồi dưới gốc Pippala, Siddhatta đã nhiều lần trông thấy ngôi sao này. Nhưng hôm nay sao Mai hiện ra như một ngôi sao mới, chói sáng và lấp lánh mừng vui như nụ cười giác ngộ. Siddhatta nhìn sững ngôi sao Mai rồi buột miệng lên tiếng:

- "Lạ thay, tất cả mọi chúng sanh đều có sẵn hạt giống của trí tuệ giác ngộ trong lòng, vậy mà trong ngàn muôn ức kiếp cứ để cho tự mình lặn ngụp trong biển sinh tử khổ đau. Thật là đáng thương".

Siddhatta biết rằng đạo lớn đã được tìm ra, và hoài bão của ông đã đạt được. Tâm hồn an lạc, thư thái, ông nghĩ đến những năm lặn lội kiếm tìm với bao nhiêu gian truân và nhọc nhằn. Ông nghĩ tới cha, tới mẹ, tới dì, tới Yasodhara, tới Rahula và tới mọi bạn bè quen thuộc. Ông nhớ tới triều đình, tới kinh thành Kapilavatthu, tới dân, tới nước, tới những kẻ cùng khổ thiếu may mắn, và tới những đứa bé sống lây lất trong các xóm nghèo. Ông hứa sẽ tìm cách đem ánh sáng của con đường mới, soi tỏ đường đi nước bước của họ và dìu họ ra khỏi biển khổ. Tình thương nơi ông dào dạt hơn bao giờ hết bởi vì trí tuệ nơi ông bây giờ sáng tỏ hơn bao giờ hết.

Bóng tối đã tan. Nắng đã lên. Chim chóc đã bắt đầu ca hát. Nắng đã bắt đầu lọc qua những chiếc lá non. Nắng và lá đẹp một cách lạ kỳ. Sa-môn Gotama đứng dậy, rời chỗ ngồi, ông đi dần ra phía bờ sông.

Trên bờ cỏ, các bông hoa đủ màu đã lấm tấm nở trong nắng mai. Nắng như reo mừng trên không gian, trên cành lá và trên mặt sông. Hình như bước tới đâu ông thấy hoa nở tới đó. Sầu đau không còn có mặt. Tất cả những mầu nhiệm của hiện hữu nối tiếp nhau hiển bày trước mắt ông. Tất cả hôm nay đều như đổi mới, đều như khác lạ. Nền trời xanh đối với ông cũng là mới lạ. Đám mây trắng đối với ông cũng là mới lạ. Vũ trụ mới tinh, và tự thân sa-môn Gotama cũng mới tinh.

Vừa lúc ấy thì Svastika chạy tới. Thấy chú bé chăn trâu, Siddhatta mỉm miệng cười. Svastika đứng dừng lại. Cậu bé nhìn ông chăm chăm, hai mắt như bỡ ngỡ và miệng há to. Nó quên cả chắp hai tay lên trán để chào. Siddhatta gọi:

- Svastika!

Chú bé giật mình, đáp:

- Dạ!

Rồi mới chắp tay chào.

Nó tiến tới mấy bước nữa, ngừng lại, rồi lại đứng nhìn Siddhatta trân trân. Cuối cùng nó thẹn thùng nói:

- Thưa thầy, hôm nay con trông thầy rất khác lạ.

Vị sa-môn vẫy nó lại gần và ôm nó trong hai tay. Ông hỏi:

- Con thấy ta khác thế nào?

Úp mặt vào Siddhatta, Svastika nói:

- Con không biết. Con chỉ biết là hôm nay thầy khác lắm. Con thấy thầy như một cái mặt trời.

Siddhatta xoa đầu cậu bé:

- Vậy hả con? Con thấy thầy như là cái gì nữa?

Svastika nhìn lên:

- Con thấy thầy như bông sen vừa nở. Con lại thấy thầy như ... như ... mặt trăng trên đỉnh núi Gayasisa.

Siddhatta nhìn vào mặt Svastika:

- Con là thi sĩ rồi đó. Nào, nói cho thầy nghe đi, tại sao hôm nay con đến thăm thầy sớm thế? Trâu của con được thả ăn ở đâu?

Svastika kể cho Siddhatta nghe là hôm nay cậu không phải thả trâu cho ăn, vì tất cả mấy con trâu lớn đều được đi cày ruộng. Chỉ có một con nghé thì được giữ tại chuồng. Hôm nay nó chỉ cần đi cắt cỏ cho trâu mà thôi. Hồi hôm nó và mấy em thức dậy vì tiếng sấm sét và vì mưa dột ướt cả mấy cái chõng tre. Mấy anh em đều phải chổi dậy. Chưa bao giờ nó thấy có trận mưa lớn và sấm chớp nhiều như vậy. Cả bọn đều nghĩ đến Siddhatta và đứa nào cũng lo lắng cho Siddhatta. Chúng ngồi với nhau cho đến khi trời tạnh mưa mới đi ngủ lại, và khi trời mới sáng, Svastika đã chạy qua chuồng trâu để lấy quang gánh đi cắt cỏ. Nó muốn ra sớm để tìm xem Siddhatta có được an lành không, và khi ra tới bờ sông thì nó gặp Siddhatta.

Vị sa môn cầm tay Svastika:

- Ngày hôm nay là ngày vui nhất của thầy. Chưa bao giờ thầy vui như hôm nay. Nếu được thì chiều nay các con ghé lại cây Pippala chơi với thầy. Nhớ cho mấy đứa em của con đến với nhé. Bây giờ thì con hãy đi cắt cỏ cho đầy gánh đi.

Svastika sung sướng chạy đi, trong khi vị sa-môn tiếp tục đi từng bước một trên bờ sông ngập nắng.

Chương 19 - Trái Quít Của Chánh Niệm

Trưa hôm ấy khi mang cơm vào rừng cho sa-môn Siddhatta, Sujata thấy ông đang ngồi dưới gốc cây Pippala, đẹp như một buổi sáng mai. Nét mặt ông rạng rỡ, toàn thân ông tỏa chiếu sự an lạc và thanh tịnh. Đã hàng trăm lần Sujata trông thấy cảnh tượng vị sa-môn ngồi tĩnh tọa trang nghiêm hùng tráng và đẹp đẽ dưới gốc cây Pippala, nhưng hôm nay có bé cảm thấy một điều gì rất khác lạ.

Nhìn Siddhatta, Sujata tự nhiên cảm thấy tất cả những buồn lo của mình tan biến và niềm vui phát hiện trong lòng cô như một ngọn gió mùa Xuân. Cô có cảm tưởng rằng cô không còn ham muốn hay mơ ước một cái gì trên cuộc đời này nữa cả. Tất cả vũ trụ như đã trở nên hoàn toàn tốt lành, hoàn toàn đẹp đẽ và trong nhân gian không cần phải nhọc nhằn lo lắng nữa. Sujata tiến tới mấy bước, Cô bé cảm thấy rất an ổn và nhận ra rằng niềm an lạc, và thanh tịnh của thầy đã tỏa chiếu và đi vào trong con người của cô. Siddhatta mỉm cười nhìn Sujata. Ông nói:

- Con ngồi xuống đây. Thầy cám ơn con đã cúng dường cơm nước cho thầy trong suốt thời gian sáu tháng. Hôm nay là ngày vui nhất của thầy, bởi vì đêm qua thầy vừa tìm ra đạo lớn. Con hãy vui mừng đi. Mai mốt thầy sẽ ra đi để chỉ bày cho mọi người con đường thầy mới tìm ra được.

Sujata nhìn lên, ngạc nhiên:

- Mai mốt thầy sẽ ra đi? Thầy bỏ chúng con sao?

- Mai mốt thầy sẽ ra đi, nhưng thầy sẽ không bỏ các con. Trước khi từ giã các con, thầy cũng sẽ dạy cho các con con đường thầy mới khám phá.

Sujata chưa được yên tâm. Cô bé định hỏi thêm, thì Siddhatta đã nói tiếp:

- Thầy sẽ ở lại đây với các con ít ra cũng là một tuần trăng nữa. Thầy sẽ dạy đạo cho các con. Sau đó thầy mới lên đường, nhưng như vậy không có nghĩa là thầy sẽ xa các con mãi mãi. Thỉnh thoảng trên đường hành đạo, thầy sẽ ghé thăm và chơi với các con.

Nghe nói sa môn sẽ ở lại một tuần trăng trước khi đường, Sujata mới tạm yên dạ. Cô bé quỳ xuống, mở gói lá chuối và dâng cơm lên.

Siddhatta thọ trai, trong khi Sujata ngồi một bên, nhìn vị sa môn đang thong thả bẻ từng miếng cơm nhỏ chấm vào muối mè để ăn. Cô thấy lòng hân hoan không biết chừng nào mà kể.

Thọ trai xong, Siddhatta bảo Sujata đi về, và hẹn xế chiều sẽ gặp lại cùng với bọn trẻ trong xóm.

Chiều hôm ấy, bọn trẻ đến rất đông. Ba đứa em của Svastika cũng đều có mặt. Các cậu con trai đều đã tắm rửa sạch sẽ và ăn mặc tươm tất. Các cô bé đều choàng sari màu, Sujata mặc sari lụa màu ngà. Nandabala màu đọt chuối. Bhima màu hồng. Bọn trẻ ngồi quanh Siddhatta dưới gốc cây Pippala, rực rỡ như những bông hoa.

Sujata đã đem đến rất nhiều trái dừa và những thẻ đường thốt nốt để thết đãi thầy Siddhatta và

cả bọn. Chúng cạy dừa và bẻ ra từng miếng để ăn với nhau rất là vui vẻ. Đường thốt nốt càng làm cho dừa ngon thêm. Nandabala và Subas cũng đem theo mấy mươi trái quít. Chúng chia nhau bóc quít ăn. Sa-môn Siddhatta ngồi giữa bọn trẻ, rất vui. Bé Rupak mời ông một miếng dừa và một miếng đường thốt nốt, đặt trên một cái lá Pippala . Nandabala dâng ông một trái quít. Ông tiếp nhận mọi thứ và cùng ăn chung với bọn trẻ.

Bữa tiệc ngắn chưa chấm dứt, Sujata đã lên tiếng:

- Thưa các anh chị, các bạn và các em. Thầy nói hôm nay là ngày vui của thầy vì Đạo Lớn đã được tìm ra. Sujata cũng cảm thấy hôm nay là một ngày rất lớn của Sujata. Vậy thưa các anh chị các bạn và các em; tất cả chúng ta hãy xem này hôm nay là một ngày vui lớn. Chúng ta họp lại hôm nay để mừng ngày thành đạo của thầy. Bạch thầy, Đạo Lớn đã thành, chắc thầy không ở lại với chúng con được lâu. Chúng con xin thầy dạy cho chúng con những điều mà chúng con có thể hiểu được, để chúng con được thấm nhuần ơn đức của thầy.

Nói xong, Sujata chắp hai tay lại hướng về sa-môn Gotama, dáng điệu kính cẩn và tha thiết. Nandabala và bọn trẻ cũng đều chắp tay hướng về Siddhatta với vẻ chí thành.

Siddhatta im lặng. Một lát sau ông ra hiệu cho bọn trẻ bỏ tay xuống, và nói:

- Các con là những đứa trẻ thông minh, thế nào các con cũng hiểu và làm theo được những lời ta dạy. Đạo Lớn mà ta tìm ra rất sâu kín và nhiệm mầu, nhưng nếu người nào chịu học hỏi hết lòng cũng có thể thấy và hành theo được. Con đường ta tìm ra được gọi là con tỉnh thức. Khi các con bóc một trái quít ra ăn, các con có thể ăn quít một cách tỉnh thức hay không tỉnh thức. Thế nào gọi là ăn quít một cách tỉnh thức. Đó là trong khi ăn quít, mình biết là mình đang ăn quít, mình cảm nhận được hương thơm và vị ngọt của trái quít. Khi bóc quít mình biết là mình đang bóc quít, khi gỡ một múi quít bỏ vào miệng, mình biết là mình đang gỡ một múi quít bỏ vào miệng, khi tiếp xúc với hương thơm và vị ngọt của múi quít, mình biết là mình đang tiếp xúc với hương thom và vị ngọt của múi quít. Trái quít mà chị Nandabala vừa tặng thầy hồi nãy có tất cả là chín múi. Thầy đã ăn từng múi trong sự tỉnh thức như thế và thầy thấy được rằng trái quít là rất quý giá, rất mầu nhiệm. Trong suốt thời gian ăn trái quít thầy không quên trái quít, vì vậy trái quít có thật đối với thầy trong thời gian đó. Trái quít có thật thì người ăn quít cũng có thật và như vậy tức là ăn quít trong sự tỉnh thức.

Nầy các con, còn thế nào gọi là ăn quít một cách không tỉnh thức? Đó là trong khi ăn quít, mình không biết là mình đang ăn quít, mình không cảm nhận được hương thơm và vị ngọt của trái quít. Khi bóc quít, mình không biết là mình đang bóc quít, khi gỡ một múi quít bỏ vào miệng, mình không biết là mình gỡ một múi quít bỏ vào miệng, khi tiếp xúc với hương thơm và vị ngọt của múi quít, mình không biết là mình đang tiếp xúc với hương thơm và vị ngọt của múi quít. Ăn quít như thế thì không thấy được sự quý giá và mầu nhiệm của trái quít. Ăn quít mà không biết là mình ăn quít, thì trái quít không thật sự có mặt. Trái quít không thật sự có mặt thì người ăn quít cũng không thật sự có mặt. Các con, đó là ăn quít mà không có sự tỉnh thức.

Này các con, ăn quít trong tỉnh thức có nghĩa là trong khi ăn quít ta xúc tiếp thật sự với trái quít, óc ta không suy nghĩ vẩn vơ đến những chuyện khác, chuyện của ngày hôm qua, chuyện của ngày mai, vì tâm ta an trú trong giờ phút hiện tại cho nên trái quít mới thật sự có mặt. Như vậy, sống tỉnh thức là sống trong giây phút hiện tại, thân và tâm an trú trong giây phút hiện tại.

Người tu tập phép tỉnh thức khi cầm trái quít trong tay và nhìn vào trái quít có thể thấy được

những điều mà người khác không thấy. Nhìn trái quít trong tỉnh thức, các con có thể thấy được cây quít, các con có thể thấy được cây quít nở hoa trong mùa Xuân, các con có thể thấy được ánh nắng và giọt mưa đang nuôi lớn trái quít. Nhìn sâu hơn nữa các con có thể thấy được muôn vật trong vũ trụ đang tiếp tay nhau để làm cho trái quít có mặt. Nhìn một trái quít như thế người tu tập phép tỉnh thức có thể thấy được những sự mầu nhiệm của vũ trụ và đồng thời cũng thấy được sự giao tiếp trùng trùng của mọi vật trong vũ trụ đối với nhau".

Này các con, đời sống hàng ngày của chúng ta cũng giống như một trái quít. Nếu trái quít có thể có chín múi hoặc mười múi hay mười hai múi, thì mỗi ngày cũng có hai mươi bốn giờ. Mỗi giờ là một múi quít. Sống một ngày hai mươi bốn giờ cũng như ăn cả một trái quít: con đường mà ta tìm ra là con đường sống tỉnh thức suốt hai mươi bốn giờ một ngày, thân và tâm luôn luôn an trú trong hiện tại. Ngược lại tức là sống trong quên lãng. Sống trong quên lãng tức là sống mà không biết mình sống, sống mà không thật sự tiếp xúc với sự sống, bởi vì thân tâm mình không an trú trong hiện tại.

Nói tới đây, sa môn Gotama gọi:

- Này Sujata.

- Dạ, Sujata chắp tay nhìn lên chờ đợi.

- Con nghĩ sao, khi một người biết sống tỉnh thức, người ấy làm nhiều lầm lỗi hay ít lầm lỗi?

- Bạch thầy, khi một người biết sống tỉnh thức, người ấy ít phạm vào lầm lỗi. Mẹ con thường dạy: làm con gái con phải có ý tứ khi đi, khi đứng, khi nói, khi cười và khi làm việc. Con thấy rằng sống có ý tứ cũng như sống tỉnh thức. Nếu con để tâm vào công việc, nếu con có ý tứ trong khi đi, đứng, nói, cười thì trong đời sống hàng ngày con tránh được những ý nghĩ, những lời nói và những động tác có thể gây nên sự đổ vỡ và làm kẻ khác phiền lòng.

- Đúng như vậy, Sujata. Khi một người biết sống tỉnh thức, người ấy biết mình đang nghĩ gì, nói gì và làm gì và vì vậy người ấy có thể tránh được những ý nghĩ, lời nói và động tác có thể gây nên khổ đau cho mình và cho kẻ khác.

Này các con, sống tỉnh thức tức là sống trong giờ phút hiện tại, và biết được những gì đang xảy ra trong bản thân mình và hoàn cảnh mình. Sống như thế ta tiếp xúc được với sự sống, và nếu tiếp tục sống tinh cần như thế ta có thể hiểu biết được bản thân ta và hoàn cảnh ta một cách sâu sắc, và sự hiểu biết đưa tới sự chấp nhận và sự thương yêu. Khi mọi loài hiểu biết nhau, không còn nhiều khổ đau. Này Svastika, con nghĩ sao? Người ta có thể thương được không, nếu người ta không hiểu?

- Bạch thầy, không hiểu thì khó có thể thương. Xin thầy nhìn em Bhima của con. Có một hôm bé Bhima khóc hoài, khóc cả đêm, làm cho chị nó là bé Bala nổi cáu lên, phát cho nó một cái thật mạnh vào mông. Bhima bị chị đánh lại khóc to hơn. Con đến ẳm Bhima và con biết rằng Bhima đang sốt. Có thể nó khóc vì đang bị nhức đầu. Con gọi Bala mà nói:

"Này Bala, hãy tới sờ đầu em mà xem". Bala tới sờ đầu em, hiểu ngay. Mặt nó dịu lại. Nó ôm em vào lòng, rồi ru em với tất cả sự thương yêu. Em Bhima nín khóc, dù nó vẫn còn sốt. Bạch thầy, đó là nhờ Bala đã hiểu, cho nên con nghĩ rằng nếu không hiểu thì không thể thương.

- Con nói đúng lắm, Svastika? Có hiểu mới thương, và có thương mới biết chấp nhận. "Nầy các

con, tập sống cho tỉnh thức các con sẽ từ từ hiểu: hiểu mình, hiểu người, hiểu vạn vật và các con sẽ có lòng thương. Đó là những điều sơ lược về con đường mầu nhiệm mà ta đã tìm ra".

Svastika chắp tay:

- Bạch thầy, chúng con có thể gọi con đường ấy là con đường tỉnh thức được không?

Siddhatta cười:

- Được chứ, các con có thể gọi đạo của ta là đạo tỉnh thức. Ta cũng ưa cách gọi ấy của các con lắm.

Sujata chắp tay xin phép nói:

- Còn thầy là người đã tỉnh thức, đã biết sống tỉnh thức và sẽ đi dạy đạo tỉnh thức cho mọi người. Vậy chúng con có thể gọi thầy là người tỉnh thức được không?

Siddhatta gật đầu:

- Các con đặt tên cho ta như vậy, ta bằng lòng lắm. Cứ gọi ta là người tỉnh thức. Cách gọi ấy ta thấy đơn sơ mà thân mật.

Mắt của Sujata sáng lên. Cô bé nói:

- Tỉnh thức nói theo tiếng Magadhi là budh. Người tỉnh thức nói theo tiếng Magadhi là Buddha. Vậy từ nay chúng con gọi thầy là Bụt.

Siddhatta gật đầu. Tất cả bọn trẻ đều hoan hỷ.

Nalaka, mười bốn tuổi, là người con trai lớn tuổi nhất trong bọn. Cậu lên tiếng:

- Lạy Bụt, chúng con rất sung sướng được Bụt dạy cho chúng con về con đường tỉnh thức. Con nghe em Sujata nói gần sáu tháng nay Bụt ngồi tu dưới gốc của cây Pippala này, và chính đêm qua Bụt đã thành đạo dưới gốc cây Pippala này. Thưa Bụt, cây Pippala này đẹp nhất trong rừng. Chúng con muốn đặt tên cây này là cây tỉnh thức, có được hay không? Cây tỉnh thức tức là cây Bồ Đề, bởi vì chữ bồ đề (bodhi) cũng cùng một họ với chữ bụt, cũng có nghĩa là sự tỉnh thức.

Sa-môn Siddhatta Gotama gật đầu. Ông rất hoan hỷ. Ông không ngờ trong một buổi nói chuyện ngắn ngủi với bọn trẻ nhỏ trong rừng mà ông đã có tên, đạo của ông mới tìm được đã có tên, và cây đại thọ nơi ông tìm ra đạo lớn cũng đã có tên.

Nandabal chắp tay:

- Chúng con xin bái biệt Bụt hôm nay. Trời đã gần tối, ít hôm nữa chúng con sẽ xin trở lại để được Bụt dạy dỗ.

Bọn trẻ nhất loạt đứng dậy chắp tay búp sen để cám ơn và từ giã Bụt.

Chúng ríu rít vui mừng như một đàn chim.

Bụt cũng vui, Bụt đã quyết định ở lại rừng này trong một thời gian để chiêm nghiệm về cách đem gieo rắc những hạt giống của đạo tỉnh thức trong cuộc đời, đồng thời cũng để có thời gian thể nghiệm đầy đủ niềm an lạc lớn lao do sự chứng đạo đem tới.

Chương 20 - Nai Ngọc

Mỗi ngày, Bụt đều có xuống tắm dưới dòng Neranjara. Người thường đi bách bộ để thiền hành trên bờ sông hoặc ở những con đường mòn trong rừng do chính dấu chân của ngài tạo ra. Có khi Bụt ngồi tĩnh tọa trên bờ sông bên dòng nước chảy. Có khi Bụt ngồi tĩnh tọa dưới cây bồ đề trong lúc hàng ngàn chim chóc ca hát líu lo trên cành lá.

Lời nguyện xưa bây giờ đã được thực hiện. Bụt biết là người sẽ trở về Kapilavatthu. Ở đó có nhiều người đang chờ đợi Bụt. nhưng Bụt cũng nhớ rằng ở thành Rajagaha, vua Bimbisara cũng đang đợi chờ người. Vua Bimbisara quả là một người bạn tri kỷ của Bụt. Bụt phải đáp lại tấm thịnh tình đó trước, và còn năm người bạn đồng tu nữa. Bụt phải giúp đỡ họ. Họ là những người có khả năng tiếp nhận đạo giải thoát. Có lẽ năm người ấy cũng chỉ đang quanh quẩn trong vùng nầy mà thôi.

Dòng sông, bầu trời, trăng sao, núi rừng cũng như từng ngọn cỏ và từng hạt bụi đều trở nên mầu nhiệm đối với Bụt. Người thấy những năm lang thang tìm Đạo của mình trước kia không phải là vô ích. Chính nhờ những năm phong trần ấy mà người thấy được rằng đạo sáng nằm ngay trong tự tâm mình. Tâm của chúng sinh chính là tâm của giác ngộ. Hạt giống tỉnh thức nằm ngay trong tâm của mỗi người. Chúng sanh không cần đi tìm sự giác ngộ ở bên ngoài, bởi vì mỗi sinh vật chứa đủ trong tự thân tất cả trí tuệ và hùng lực của toàn vũ trụ. Đây là một phát kiên vĩ đại của Bụt, và là một tin mừng lớn cho tất cả.

Bọn trẻ đã rủ nhau trở lại nhiều lần để được Bụt dạy dỗ. Trong khi tiếp xúc với chúng, Bụt vui mừng nhận ra rằng đạo lý giải thoát có thể diễn bày bằng một ngôn ngữ đơn giản và mộc mạc. Bọn trẻ, dù là những em bé chưa bao giờ đi học cũng có thể hiểu được giáo pháp của Bụt. Điều này làm cho Bụt phấn khởi.

Có một bữa nọ, bọn trẻ đã tới Bụt với một rỗ quít. Rỗ quít này do Sujata đem đến. Chúng muốn được cùng ăn quít với Bụt trong sự tỉnh thức để thực tập lại bài học đầu tiên mà chúng đã được học về đạo Bụt. Sujata nâng rỗ quit đi mời từng người. Trước hết cô bé quỳ trước Bụt và nâng rỗ quít lên trên hai tay, đầu cô bé hơi cúi xuống trong dáng diệu thành kính. Bụt chắp tay búp sen và tiếp nhận một trái quít từ trong rỗ. Sujata hướng sang mời Svastika hiện đang ngồi phía bên trái của Bụt, Svastika cũng chắp tay búp sen như Bụt để tiếp nhận một trái quít. Sujata làm như thế cho đến khi mọi người đều đã có trong tay một trái quít mới trở về chỗ ngồi. Đặt rỗ quít trước mặt, cô bé cũng chắp tay trước khi lấy lên một trái quít. Bọn trẻ im lặng, Bụt bảo chúng theo dõi hơi thở và mỉm cười. Rồi Bụt để trái quít lên trên lòng bàn tay trái, đưa lên, nhìn vào trái quít để quán tưởng chiêm nghiệm. Bọn trẻ đồng loạt làm như Bụt. Một lát sau, Bụt từ từ bóc quít, bọn trẻ cũng làm như người. Thầy trò thong thả ăn quít trong im lặng, trong tỉnh thức. Khi mọi người đã ăn xong quít, Bala đi thu hồi tất cả những cái vỏ quít. Bọn trẻ rất sung sướng được ăn quít với Bụt trong chánh niệm và Bụt cũng cảm thấy một niềm vui lớn khi được ngồi thực tập với bọn trẻ quê mùa nhưng rất dễ thương này.

Bọn trẻ thường trở lại với Bụt vào những buổi chiều. Có khi Bụt dạy chúng cách theo dõi hơi thở để điều phục tâm ý trong những khi buồn bực hoặc nóng giận. Có khi Bụt dạy chúng cách ngồi yên để làm cho tâm trí tĩnh lặng. Có khi Bụt dạy chúng cách đi thiền hành để học nếm sự thảnh

thơi. Bụt dạy chúng thật kỹ về cách nhìn người và sự việc: nhìn như thế nào để có thể thấy, có thể hiểu và có thể thương. Bài dạy nào bọn chúng cũng hiểu được.

Một hôm nọ, Nanbadaal và Sujata quyết định cùng nhau may một chiếc áo ca sa mới để dâng Bụt. Hai chị em đã để ra một ngày để làm chuyện này. Chiếc áo ca sa mới này màu gạch, hơi giống với tấm vải mà Bụt đang choàng. Sujata đã khám phá được nguồn gốc của tấm vải đó. Đó là tấm vải đã được phủ lên thi hài của Radha, người ở của nhà cô, khi còn quàng ngoài nghĩa địa. Radha đã chết vì bệnh thương hàn. Ba mẹ của Sujata đã nuôi một người ở khác tên là Purna. Khi biết rằng thầy mình đã phải lấy một tấm vải ngoài nghĩa địa để giặt đi mà làm áo ca-sa. Sujata như muốn khóc, và đó là lý do khiến cô bé đi tìm người chị họ.

Ngày hai chị em đem áo vào dâng, Bụt đang ngồi thiền dưới gốc Bồ Đề. Hai chị em ngồi im lặng đợi cho đến khi người xuất thiền mới dâng áo ca-sa lên. Bụt rất vui lòng khi có áo mới. Người nói người sẽ cần đến áo này. Và người nói người muốn giữ lại tấm vải, để mỗi khi giặt áo thì có vật khoác lên trên người. Nghe nói thế, Nanbadala và Sujata quyết định may thêm cho Bụt một chiếc nữa để người có thể thay được áo ngoài mà đem đi giặt.

Một hôm nọ, bọn trẻ được nghe Bụt kể một chuyện tiền thân. Hôm ấy chúng đến khá đông, bé Balagupta hỏi Bụt về tình bạn. Balagupta là một cô bạn gái của Sujata, mới lên mười hai tuổi. Sở dĩ Balagupta hỏi Bụt về tình bạn vì ngày hôm trước cô đã cùng với cô bạn gái là Jatilika có chuyện xích mích cùng nhau, và hôm nay trước khi đi vào thăm Bụt cô bé đã định không ghé vào rủ Jatilika cùng đi, nhưng cuối cùng, Sujata đã ép cô vào rủ Jatilika, Jatilika đã chìu Sujata mà đi, nhưng khi tới cội bồ đề, đôi bạn ngồi ra hai góc chứ không ngồi gần sát bên nhau như trong những lần khác.

Bụt kể cho bọn trẻ nghe về tình bạn giữa một con nai, một con chim và một con rùa. Theo Bụt thì chuyện này đã xảy ra từ thời xa xưa, cách đây hàng ngàn năm, lúc Bụt còn là một con nai. Bọn trẻ ngạc nhiên, nhưng Bụt bảo:

- Trong những kiếp trước, chúng ta ai cũng đều đã từng làm đất, làm đá, làm sương, làm gió, làm nước, làm lửa. Chúng ta ai cũng đã từng làm làm rêu, làm cỏ, làm cây cối, làm côn trùng, làm cá, làm rùa, làm chim muông, làm thú vật. Điều này ta tấy rất rõ trong thiền quán của ta. Vậy thì trong một kiếp trước, ta đã làm một con nai, đó là chuyện rất thường. Ta còn nhớ, có một kiếp nọ, ta làm một mỏm đá trên đỉnh núi. Có một kiếp khác nữa, ta đã làm một cây bông sứ. Các con cũng vậy, chuyện ta sắp kể là chuyện một con nai, một con chim, một con rùa và một bác thợ săn. Có thể là một đứa trong các con ngày xưa ấy đã làm con chim, và một đứa khác làm con rùa.

Các con nên biết, có một thời nọ, trên cõi đất của chúng ta, chưa có mặt của loài người, và cũng chưa có mặt chim chóc và muông thú. Lúc ấy chỉ có rong rêu dưới nước và cây cối trên cạn mà thôi. Hồi đó, chúng ta chỉ có thể là đất đá, sương khói hoặc cây cối. Rồi từ đó mà chúng ta luân chuyển thành chim chóc, thành các loài cầm thú và thành con người. Ngay trong kiếp này, chúng ta cũng không phải chỉ là người. Ta là người nhưng ta cũng đồng thời là cây lúa, là cây dừa, là trái quít, là dòng sông, là không khí … bởi vì không có mặt những thứ đó thì con người cũng không thể nào có mặt. Cho nên khi các con nhìn cây lúa, trái dừa, trái quít, dòng sông, các con nên nhớ trong kiếp này tuy mình là người mình cũng phải nương tựa vào các loài ấy và mình cũng có thể nói rằng mình là những loài ấy. Thấy được như vậy mới thật là có hiểu biết và có tình thương. Chuyện ta sắp kể cho các con nghe tuy đã xảy ra cách đây hàng ngàn năm

nhưng có thể là đang xảy ta ngay trong giờ phút này. Các con hãy lắng nghe cho kỹ mà suy nghĩ, để xem mình có dính líu gì tới những con vật ở trong truyện hay không!

Rồi Bụt bắt đầu kể. Thuở ấy Bụt là một con Nai ở trong rừng. Trong rừng có một hồ nước. Dưới hồ nước có một con Rùa. Bên hồ nước có một cây dương, và trên cây dương có một con chim Sáo. Nai, Rùa, và Sáo chơi nhau rất thân. Một hôm có một người thợ săn đi theo hai dấu chân Nai tới bên hồ, nơi Nai thường xuống uống nước. Ông ta đặt một cái bẫy bằng những sợi dây da rất chắc ở đó, rồi đi về nhà. Nhà ông ta không xa bìa rừng là mấy.

Chiều hôm ấy, tới bờ hồ dể uống nước. Nai bị mắc bẫy, Nai kêu lên, Rùa và Sáo nghe tiếng Nai. Rùa bò đến, Sáo bay tới. Thấy Nai bị nạn, Rùa và Sáo bàn nhau phương thức giải cứu cho bạn. Sáo nói với Rùa: "Chị Rùa ơi, chị có răng khỏe thì chị hãy gắng gặm cho đứt những chiếc dây da của cái bẫy này, còn em, em sẽ tìm cách ngăn ông thợ săn lại, đừng cho ông tới". Nói xong, Sáo vội vã bay đi.

Rùa khởi sự gặm các sợi dây da. Sáo bay ra khỏi rừng, tới nhà người thợ săn và đậu sẵn trên một cành cây xoan trước cửa nhà, chờ đợi. Trời sáng, người thợ săn cầm lấy con dao nhọn và mở cửa đi ra. Thấy người thợ săn bước ra, Sáo vỗ cánh bay tới và lao mình vào mặt ông ta bằng hết cả sức mạnh. Bị Sáo đạp vào mặt, bác thọ săn choáng váng. Bác trở lui vào nhà. Bác nằm xuống giường để nghỉ ngơi chốc lát. Hồi lâu sau bác lại chồm dậy, cầm lấy con dao nhọn. Lần này, bác đi ra bằng cửa sau, nhưng Sáo đã biết trước. Sáo đã chực sẵn trên một cành mít ở sân sau. Khi bác thợ săn mở cửa đi ra. Sáo lại vỗ cách và lao mình vào mặt bác một lần nữa.

Bị chim tấn công hai lần liên tiếp, bác thợ săn quay vào nhà. Bác suy nghĩ: Ngày hôm nay xấu quá, dù ta đi bằng ngõ trước hay bằng ngõ sau thì cũng bị con chim quái gỡ này ngăn cản. Thôi ta hãy nghĩ ngơi, để ngày mai sẽ vào rừng.

Sáng hôm sau, người thợ săn thức dậy sớm. Cầm lấy chiếc dao nhọn, ông lấy nón đội lên che kín mặt rồi mở cửa đi ra. Không tấn công ông ta vào mặt được nữa. Sáo lập tức bay về rừng báo cho hai bạn:

- Bác thợ săn sắp tới.

Lúc ấy Rùa đã gặm đứt gần hết các sợi dây da. Chỉ còn có một sợi nữa thôi là Nai có thể thoát được. Rùa dùng hét sức bình sinh để gặm, nhưng sợi dây này cứng quá, cứng như thép. Răng của Rùa gần như là sắp rụng hết và miệng Rùa chảy máu rất là tội nghiệp. Rùa đã ra sức gặm trong hai đêm và một ngày, miệng Rùa không chảy máu sao được.

Trong lúc đó người thợ săn vừa tới. Trông thấy ông ta, Nai hoảng kinh vùng mạnh một cái. Nhờ vậy sợi dây mà Rùa gặm nửa chừng bị đứt. Nai vội phóng vào rừng. Lúc đó Sáo đã bay lên đậu trên cây dương, nhưng Rùa kiệt sức quá, không bò đi đâu được. Thấy mất Nai, bác thợ săn tức lắm. Bác lượm lấy Rùa, bỏ vào trong một cái túi da và treo túi trên một thân cây rồi đi tìm Nai.

Lúc đó, Nai đang đứng sau một bụi rậm nhìn ra để thăm chừng các bạn. Nai nghĩ: "Các bạn đã liều thân cứu ta, đến lượt ta, ta cũng phải liều thân cứu bạn". Nghĩ như thế, Nai từ từ bước ra cho người thợ săn trông thấy. Nai làm ra vẻ kiệt sức và khuỵu hai chân trước xuống.

Người thợ săn nghĩ:

- Con Nai này kiệt sức rồi, Ta có thể đuổi theo nó và đâm nó một nhát.

Ông ta liền cầm đao đuổi theo Nai. Nai đứng dậy từ từ đi vào rừng, dụ bác thợ săn đi theo. Sau khi đã dụ được bác thợ săn đi vào khá sâu trong rừng, Nai vụt chạy thật nhanh, làm mất dấu chân mình, rồi phóng trở ra hồ nước. Tới bên cây dương, Nai dùng gạc của mình đẩy cái túi da của bác thợ săn úp ngược xuống. Nhờ vậy Rùa rơi ra khỏi túi. Sáo cũng bay tới gần. Nai nói với hai bạn:

- Nhờ hai bạn mà tôi đã thoát chết về tay người thợ săn. Tôi cám ơn hai bạn. Người thợ săn sẽ trở lại ngay bây giờ. Anh Sáo, anh hãy dời tổ anh đi nơi khác, còn chị Rùa, xin chị bò xuống nước đi thôi. Mau lên, còn tôi, tôi sẽ đi ngay vào rừng.

Khi người thợ săn trở lại, ông ta thấy Rùa đã thoát đi đâu mất. Nai và Sáo cũng bặt tăm. Buồn bã, ông ta đeo túi và cầm dao đi về nhà.

Bé Rupak và bé Subash nghe đến chỗ con Rùa gặm những sợi dây da suốt hai đêm và một ngày khiến cho miệng Rùa chảy máu thì lấy làm thương lắm. Chúng nó gần khóc. Kể xong chuyện tiền thân, Bụt hỏi:

- Các con nghĩ xem, thuở ấy ta là Nai, còn ai trong các con là Rùa?

Bốn em bé đưa tay lên. Svastika nhận thấy trong số những người đưa tay có cả Sujata. Bụt lại hỏi:

- Vậy ai trong các con là Sáo?

Lần này Svastika đưa tay lên. Nó nhận thấy có hai đứa nữa cũng đưa tay lên. Đó là Jatilika và Balagupta.

Sujata nhìn Jatilika rồi nhìn Balagupta:

- Cả hai em đều là Sáo, như vậy hai người chỉ là một người. Sáo mà giận Sáo thì còn ra gì nữa. Tình bạn của chúng ta không bằng tình bạn giữa Sáo, Rùa và Nai hay sao?

Nói xong Sujata lại nhìn Balagupta, Balgupta hiểu ý, đứng dậy. Cô bé tiến tới chỗ Jatilika, đưa hai tay nắm lấy tay bạn. Jatilika cũng đưa hai tay ôm Balagupta vào lòng, rồi nó ngồi xịch ra một bên cho Balagupta có chỗ ngồi sát bên nó.

Bụt mỉm cười:

- Các con đã hiểu được chuyện tiền thân. Các con nên nhớ rằng chuyện tiền thân như chuyện ta vừa kể đang xảy ra trong cuộc sống hàng ngày giữa chúng ta.

Chương 21 - Hồ Sen

Bọn trẻ đi rồi, Bụt đứng dậy đi thiền hành. Người đi ra phía bờ sông. Người vén cao chéo áo, lội qua sông.

Qua sông, Bụt theo con đường giữa hai ruộng lúa đi tới cái hồ sen quen thuộc. Người dừng lại bên hồ.

Ngắm những ngó sen, lá sen và hoa sen trong hồ. Bụt thấy vị trí và hình dáng khác nhau của mỗi thứ.

Bụt biết những củ sen không bao giờ vượt ra khỏi bùn, Bụt biết có những cọng sen còn đang nằm dưới mặt nước, có những lá sen còn cuốn lại, một nửa ở dưới nước, một nửa ở trên không. Có những bông sen đã trồi lên khỏi mặt nước nhưng búp còn ngậm. Có những bông sen đang hé nở. Có những bông sen đã nở lớn. Lại có những cái gương sen không còn mang theo cánh sen nào. Có những bông sen màu trắng, có những bông sen màu xanh, có những bông sen màu hồng.

Quán sát hồ sen, Bụt thấy con người cũng vậy. Mỗi người có một căn tính khác nhau. Devadatta không giống Ananda, Yasodhara không giống phu nhân Pamita mẹ nàng, Sujata không giống Bala. Tính tình, đức độ, sự thông minh và tài trí mỗi người một khác. Con đường giải thoát mà Bụt đã tìm ra cần được diễn bày nhiều cách để có thể thích ứng với mọi lớp người. Khi Bụt dạy dỗ bọn trẻ con trong xóm, người đã tự nhiên tìm được những phương tiện để diễn giải đạo lý cho chúng hiểu. Những phương tiện này có thể được gọi là những cánh cửa mở ra để con người đi vào và hiểu được giáo pháp: có thể gọi đó là những pháp môn. Vậy pháp môn là kết quả tự nhiên giữa sự tiếp xúc giữa Bụt và quần chúng, chứ không phải là do sự sắp đặt đơn phương của Bụt khi ngồi dưới cội bồ đề. Nghĩ như vậy, Bụt thấy rằng đã đến lúc người cần trở lại với xã hội con người. Trở lại để cho vành xe chánh pháp bắt đầu chuyển động trên con đường gieo rắc những hạt giống của đạo giải thoát. Bốn mươi chín ngày đã đi qua từ khi đạo tỉnh thức đã được chứng đạt. Bụt quyết định trưa mai sẽ rời tụ lạc Uruvela, tạm biệt khu rừng êm mát bên sông Neranjara, tạm biệt cây bồ đề và bọn trẻ. Bụt định đi tìm hai vị đạo sư của mình là Alara Kalama và Uddaka Ramaputta. Bụt tin rằng hai vị này nếu được Bụt chỉ bày sẽ có thể đạt tới quả vị giác ngộ rất mau chóng. Bụt dự tính sau khi giúp hai người này, Bụt sẽ đi tìm năm người bạn đồng tu khổ hạnh để giúp họ, và sau đó người mới trở về Vương Xá gặp quốc vương xứ Magadha.

Sáng hôm sau, Bụt mặc áo ca-sa mới, ôm bát và đi vào thôn Uruvela khi trời còn mờ sương. Người tìm tới nhà Svastika. Bụt báo tin cho chú bé biết là người sẽ rời khỏi Uruvela sáng nay. Svastika thức các em dậy. Tất cả đều buồn rầu khi nghe tin Bụt sắp đi. Bụt xoa đầu từng đứa để từ giã. Svastika và mấy đứa em muốn đưa tiễn Bụt ra khỏi làng, nhưng Bụt còn muốn từ giã Sujata, cùng với bọn trẻ, người đi vào xóm. Khi Bụt đến nhà Sujata thì cô bé đã dậy. Nghe tin Bụt sắp đi, Sujata khóc. Bụt nói:

- Ta phải tạm xa các con để đi lo cho tròn trách vụ, nhưng ta hứa là sẽ trở lại đây thăm các con mỗi khi có dịp thuận lợi. Ta cám ơn các con. Các con nhớ sống và làm theo những lời ta dặn, như thế là các con sẽ không bao giờ xa cách ta. Sujata, con hãy lau nước mắt và cười lên đi.

Sujata lấy chéo áo sari lau nước mắt và gượng cười để Bụt vui lòng. Bọn trẻ đưa Bụt ra cổng làng.

Tới bờ sông, vừa định chia tay với bọn trẻ thì Bụt trông thấy một sa-môn trẻ từ phía ruộng đi lên. Thấy Bụt, vị sa-môn này chắp tay chào rồi nhìn sững Bụt . Một lúc sau, ông ta mới nói:

- Sa môn, dáng điệu ngài trầm tĩnh lắm. Thần sắc ngài rạng rỡ. Ngài tên là gì, và ai là vị đạo sư của ngài?

Bụt trả lời:

- Tôi tên là Siddhatta Gotama. Tôi đã học với nhiều thầy, nhưng hiện tại thì không ai làm thầy của tôi cả, còn thầy, thầy tên gì và đang đi đâu?

Vị sa-môn đáp:

- Tôi là sa-môn Upaka. Tôi mới từ đạo tràng của đạo sư Uddaka Ramaputta tới.

- Đạo sư Uddaka có mạnh giỏi không, thầy?

- Đạo sư Uddaka mới tịch cách đây mấy hôm.

Nghe nói đạo sư Uddaka đã tịch, Bụt thở dài. Như vậy là Bụt không có dịp để giúp ông ta. Bụt hỏi thêm:

- Vậy thì thầy đã có dịp thọ giáo với đạo sư Alara Kalama chưa?

Sa-môn Upaka nói:

- Tôi cũng đã từng được học với đạo sư Alara Kalama. Đạo sư cũng đã tịch rồi.

Như vậy là hai vị thầy đầu mà Bụt từng theo học đã theo nhau tịch. Bụt hỏi thêm:

- Vậy thầy có biết sa-môn Kondanna không?

Upaka đáp ngay:

- Có, tại đàng tràng cũ của đạo sư Uddaka, tôi có nghe nói rằng sa môn Kondanna, cùng với bốn vị sa-môn bạn hữu hiện đang tu ở Isipatana, trong vườn Nai, gần thành Baranasi. Sa môn Gotama, xin ngài cho phép tôi từ biệt. Tôi còn phải đi trọn ngày hôm nay mới tới được nơi tôi muốn tới.

Bụt chắp tay từ giã sa-môn Upaka, rồi quay lại bọn trẻ. Người nói:

- Các con, bây giờ ta sẽ lên đường đi Baranasi. Ta sẽ đi tìm gặp năm người bạn tu khổ hạnh của ta.Thôi nắng đã lên rồi, các con về đi.

Nói xong, Bụt chắp tay từ giã. Người đi dọc theo bờ sông đi về hướng Bắc. Người biết rằng con đường này tuy dài hơn, nhưng dễ đi hơn. Sông Neranjara đi lên hướng Bắc và sẽ đổ vào sông Hằng. Gặp sông Hằng, người sẽ theo bờ sông đi ngược về phương Tây. Chừng sáu ngày đường Bụt sẽ tới làng Pataligrama. Tại đây người sẽ vượt ngang sông Hằng. Bên kia sông là kinh đô Baranasi của vương quốc Kasi.

Bọn trẻ chắp tay đứng nhìn Bụt cho đến khi người đi khuất. Đứa nào cũng buồn hiu. Sujata lại khóc. Svastika cũng muốn khóc, nhưng cậu bé cầm lại được. Các em mình còn đứng đó, khóc sao cho tiện. Cuối cùng Svastika nói:

- Chị Sujata, em chào chị. Em phải về đưa trâu đi ăn. Các em, ta về nhà đi thôi. Bala, hôm nay em phải tắm cho thằng Rupak. Đưa Bhima đây anh ẳm cho.

Trên con đường bờ sông, bọn trẻ âm thầm đi về xóm cũ.

o O o

Thầy Ananda là một vị sa-môn tính tình nhu hòa rất dễ mến. Người thầy rất đẹp. Thầy có trí nhớ thật diệu kỳ, bất cứ Bụt dạy điều gì, thầy đều ghi nhớ không sót một mảy may. Thầy đã nhắc lại mười một điều mà Bụt nói trong kinh chăn trâu, theo thứ tự trước sau. Vị sa-môn trẻ Svastika nghĩ rằng tất cả những gì mà chú vừa thuật cho thầy nghe, thầy đều đã ghi vào trong ký ức của thầy đầy đủ.

Trong khi thuật lại giai đoạn Bụt còn ở trong rừng với bọn trẻ, Svastika thường thỉnh thoảng ngước mặt nhìn ni sư Gotami. Chú thấy hai mắt bà lóng lánh. Chú biết bà rất ưa được nghe những chuyện này chú đã cố gắng thuật lại với thật nhiều chi tiết. Bà rất vui khi nghe chú kể tới những chuyện như chuyện bọn trẻ cũng ngồi im lặng ăn quít với Bụt ở trong rừng.

Rahula nghe Svastika kể chuyện cũng rất lấy làm thích thú, còn thầy Assaji nữa. Thầy là người nghe im lặng nhất từ cả ngày hôm qua cho đến ngày hôm nay. Chú biết thầy là một trong năm vị sa-môn từng tu khổ hạnh với Bụt tại Uruvela. Chú rất muốn được thầy kể lại cuộc gặp gỡ giữa Bụt và năm thầy sau sáu tháng xa cách, nhưng chú chưa dám.

Vừa lúc ấy thì ni trưởng Gotami lên tiếng:

- Chú có muốn đại đức Assaji kể cho chú nghe về những gì đã xảy ra cho Bụt từ khi Bụt rời khỏi Uruvela không? Đại đức Assaji đã từng thân cận với Bụt trong suốt mười năm nay, chính ta cũng chưa được nghe ai kể hết về những gì đã xảy ta trong mười năm hành đạo của người. Thưa sa-môn Assaji, chúng tôi có thể thỉnh cầu đại đức kể lại cho chúng tôi nghe về quãng đời đó của Bụt được không?

Thầy Assaji chắp tay đáp lễ:

- Xin ni sư cứ gọi tôi bằng thầy, vừa đơn giản vừa thân mật. Vâng hôm nay chúng ta nghe chú Svastika kể cũng đã nhiều rồi, và cũng lại gần đến giờ thiền tọa buổi tối. Vậy chiều mai xin mời ni sư, đại đức Ananda và hai chú sang liêu xá tôi. Nhớ gì, tôi sẽ xin tường thuật lại hết cho quý vị nghe.

Chương 22 - Chuyển Pháp Luân Kinh

Hồi đó sa môn Assaji vẫn còn tu theo lối khổ hạnh tại vườn Nai ở Isipatana.

Một hôm, sau giờ thiền tọa, thầy Assaji trông thấy thấp thoáng bóng một vị sa-môn đang từ ngoài xa đi đến.

Nhìn kỹ, ông biết đó là Siddhatta. Ông vội báo cho các bạn cùng biết. Thầy Bhaddiya nói:

- Siddhatta hồi đó đang tu khổ hạnh với chúng ta thì nửa chừng bỏ cuộc. Ông ta ăn cơm, uống sữa, vào ra thôn lạc và làm quen với bọn trẻ trong xóm. Sa-môn Siddhatta đã làm cho chúng ta thất vọng. Vậy nếu ông ấy có tới thăm chúng ta thì chúng ta cũng không nên đón tiếp nồng hậu làm gì.

Cả năm người đồng ý là sẽ không ra tận ngõ để đón tiếp mà cũng không cần đứng dậy khi Siddhatta bước vào.

Nhưng sự tình đã xảy ra khác hẳn. Thấy Siddhatta bước vào tới cổng, không ai bảo ai, cả năm người đều tức khắc đứng dậy. Sa-môn Siddhatta có phong độ thật uy nghi. Người ông như tỏa chiếu hào quang. Mỗi bước chân của ông như nói lên được sức mạnh của tâm linh ông và cái nhìn của ông như lấy đi hết tất cả mọi ý niệm kháng cự có thể có trong năm người sa-môn đã cùng tu chung với ông thuở trước.

Sa-môn Kondanna chạy tới trước. Ông đỡ lấy bình bát trên tay Siddhatta. Sa-môn Mahanama chạy đi múc nước cho Siddhatta rửa tay và rửa chân. Sa-môn Bhaddiya kê một chiếc ghế mời Siddhatta ngồi. Sa-môn Vappa đi tìm một quạt bằng lá cây thốt nốt để quạt cho Siddhatta. Assaji thì đứng ngó ngẩn một bên, chẳng biết làm gì.

Sau khi Siddhatta đã rửa tay, rửa mặt, rửa chân và ngồi xuống, Assaji mới biết đi tìm rót một bát nước lạnh đem tới cho Siddhatta giải khát. Rồi năm người bạn cũ cùng ngồi quanh Siddhatta. Siddhatta đưa mắt nhìn các bạn, rồi nói:

- Nầy quý vị, tôi đã tìm ra đạo giải thoát rồi, và tôi sẽ chỉ dạy lại cho quý vị.

Nghe nói như thế, sa-môn Assaji nửa tin nửa ngờ. Có lẽ bốn người kia cũng có cảm tưởng như ông. Mọi người im lặng hồi lâu. Bỗng Kondanna lên tiếng:

- Sa-môn Gotama! Hồi trước trong thời gian tu với chúng tôi, bạn đã nửa chừng bỏ cuộc, bạn đã ăn cơm, uống sữa và giao thiệp với người lớn và trẻ con trong xóm. Làm sao bạn có thể tìm được đạo giải thoát. Làm sao bạn có thể chỉ dạy cho chúng tôi về đạo giải thoát?

Siddhatta nhìn vào mắt sa môn Kondanna, ông hỏi:

- Sa-môn Kondanna, bạn đã quen biết tôi từ gần sáu năm nay. Trong thời gian ấy tôi đã từng nói dối bạn một lần nào chưa?

Kondanna giật mình. Ông thẳng thắng nói:

- Sa môn Gotama nói đúng, Tôi chưa bao giờ từng nghe sa-môn nói một điều không phù hợp với sự thực.

- Vậy các bạn hãy nghe đây. Tôi đã tìm ra được Đạo Lớn rồi và tôi sẽ chỉ dạy cho các bạn. Các bạn là những vị sa môn đầu tiên trên đời được nghe giáo pháp mầu nhiệm mà tôi đã tìm ra. Giáo pháp này không phải là kết quả của suy luận. Giáo pháp này là hoa trái của thực chứng. Các vị hãy đem hết nhận thức thanh tịnh mà nghiêm chỉnh lắng nghe.

Giọng nói của Bụt mang uy lực tâm linh rất lớn khiến năm người đều tự động đổi thế ngồi, nghiêm chỉnh hướng về người. Họ chắp tay lại. Kondanna thành kính nói:

- Xin sa-môn Gotama đem hết lòng xót thương mà dạy cho chúng tôi.

Bụt nghiêm trang mở lời:

- Nầy các vị sa môn, có hai thái cực mà người tu đạo nên tránh: một là lao mình vào khoái lạc nhục thể, hai là hành hạ thân xác cho hao mòn. Cà hai con đường đều đưa tới sự phá sản của thân tâm. Con đường mà tôi đã tìm ra là con đường trung đạo tránh được hai thái cực ấy và có thể đem đến trí tuệ, giải thoát và an lạc. Con đường đó là con đường Bát chánh: nhận thức chân chính, tư duy chân chính, ngôn ngữ chân chính, hành động chân chính, sinh kế chân chính, chuyên cần chân chính, niệm lực chân chính và định lực chân chính. Tôi đã theo con đường bát chánh đó và đã thực hiện được trí tuệ, giải thoát và an lạc.

Nầy các vị, sao gọi là chánh đạo? Sở dĩ gọi là chánh đạo vì con đường này không phải là con đường trốn tránh đau khổ mà là con đường đối diện trực tiếp khổ đau để diệt trừ khổ đau. Con đường bát chánh này là con đường của sự sống tỉnh thức, vì vậy chánh niệm là khởi điểm. Có chánh niệm thì sẽ có chánh định, nghĩa là định lực có tác dụng đưa tới trí tuệ. Nhờ có niệm lực và định lực chân chính thì nhận thức, tư duy, ngôn từ, hành động, sinh kế và sự chuyên cần cũng sẽ đi vào chánh đạo. Trí tuệ được phát sinh sẽ giải thoát được cho người hành giả tất cả mọi ràng buộc khổ đau và làm phát sinh nơi người hành gia nguồn an lạc chân chính.

Nầy các vị, có bốn sự thật mà người tu phải công nhận: sự có mặt của những nguyên nhân của các khổ đau ấy, sự chấm dứt khổ đau và con đường đi tới sự chấm dứt khổ đau. Bốn sự thật ấy là bốn sự thật mầu nhiệm, gọi là tứ diệu đế. Này các vị sa-môn, đây là sự thật thứ nhất: Khổ đau, sinh, già, bệnh và chết là khổ; buồn, giận ghen, tức, lo lắng, sợ hãi và thất vọng là khổ; chia cách người thân yêu là khổ, chung đụng với người ghét bỏ là khổ, tham đắm và kẹt vào năm uẩn là khổ.

Nầy các vị sa-môn, đây là sự thật thứ hai: nguyên nhân của khổ đau. Vì ngu muội, vì không thấy và không hiểu được sự thật về bản thân và về cuộc đời cho nên con người bị những ngọn lửa của tham đắm, giận hờn, ghen tức, sầu não, lo lắng sợ hãi và thất vọng đêm ngày đốt cháy và hành hạ.

Nầy các vị sa môn, đây là sự thật thứ ba: sự chấm dứt khổ đau. Đó là trí tuệ, là hiểu biết, là nhận thức được sự thật về bản thân và về cuộc đời. Trí tuệ này, cái thấy này đưa lại sự chấm dứt của mọi sầu đau và làm phát sinh niềm an lạc.

Nầy các vị sa môn, đây là sự thật thứ tư: con đường diệt khổ. Đó là con đường Bát chánh mà tôi đã trình bày. Bản chất của Bát chánh đạo được nuôi dưỡng bằng nếp sống tỉnh thức hàng ngày,

đó tức là chánh niệm. Chánh niệm đưa tới Định và Tuệ, có năng lực giải thoát con người khỏi mọi niềm đau và đem lại mọi an vui. Tôi sẽ hướng dẫn cho các vị từng bước trên con đường thực hiện này.

Trong khi Siddhatta giảng giải về bốn sự thật mầu nhiệm, sa-môn Kondanna bỗng thấy tâm mình bừng sáng. Ông thấy được lập tức con đường giải thoát thật sự mà lâu nay ông tìm kiếm. Nét mặt ông rạng rỡ. Thấy thế, Bụt chỉ vào ông và nói lớn:

- Sa-môn Kondanna! Bạn đã hiểu! Bạn đã hiểu!

Kondanna chắp tay quỳ xuống bên ghế ngồi của Bụt. Ông thành kính nói:

- Sa-môn Gotama, xin thầy hãy nhận Kondanna này làm học trò của thầy. Kondanna biết rằng dưới sự chỉ dạy của thầy, Kondanna sẽ thành đạt nguyện lớn.

Bốn vị sa-môn kia thấy vậy cũng quỳ xuống cả dưới chân Bụt và chắp tay cầu xin Bụt nhận họ làm đệ tử. Bụt đỡ cả năm người dậy. Người bảo họ ngồi lên ghế. Người cũng ngồi xuống chỗ ngồi cũ của mình. Bụt nói:

- Nầy quý vị! Bọn trẻ trong làng Uruvela đã đặt tên cho tôi là Bụt. Có lẽ quý vị cũng có thể dùng danh từ ấy để gọi tôi.

Kondanna hỏi lại:

- Bọn con nít gọi sa-môn Gotama là Bụt? Bụt có nghĩa là “người tỉnh thức"?

- Đúng như vậy, và chúng gọi con đường mà tôi tìm ra là “đạo tỉnh thức". Các thầy nghe có được không?

- Người tỉnh thức! Đạo tỉnh thức! Hay lắm! Hay lắm! Danh xưng vừa chính xác, vừa đơn giản và thân mật. Chúng con xin từ nay gọi thầy là Bụt và nền đạo lý mà thầy tìm ra là đạo Bụt. Đạo tỉnh thức. Đúng lắm, bởi vì nếp sống tỉnh thức hàng ngày, như thầy nói, là căn bản cho sự tu hành.

Năm người đã đồng ý tôn sa-môn Gotama làm thầy, bây giờ đều đồng ý gọi sa-môn Gotama là Bụt.

Bụt mỉm cười nhìn họ:

- Xin các vị tinh tiến tu hành. Con đường đã tìm ra được. Nếu quý vị thực tập nghiêm chỉnh thì chỉ trong vòng ba tháng quý vị sẽ đạt tới quả vị giải thoát.

Bụt ở lại Isipatana một thời gian để dạy dỗ cho năm vị sa-môn. Họ vâng lời Bụt chấm dứt lối tu khổ hạnh. Mỗi ngày ba vị luân phiên cầm bát đi khất thực trong xóm. Trưa về, ba người san sẽ thức ăn xin được cho ba người ở lại, trong đó có Bụt. Bụt ở lại để hướng dẫn sự tu học cho mọi người. Năm vị tu học rất tinh tiến và ngày nào cũng đạt được nhiều tiến bộ.

Bụt dạy cho họ về tự tính vô thường và vô ngã của vạn vật. Người phân tích cho họ thấy năm uẩn đều như những dòng sông luôn luôn trôi chảy và biến đổi, trong đó không có một cái gì có thể gọi là đồng nhất và bất biến. Năm uẩn tức là thân thể (sắc), cảm giác (thọ), tri giác (tưởng), tâm hành (hành) và nhận thức (thức).

Bụt dạy họ quán sát sự trôi chảy của năm dòng sông ấy trong tự thân của mỗi người để có thể thấy được tính vô thường và vô ngã của chúng và của vạn hữu, và cũng để thấy những liên hệ mật thiết và mầu nhiệm giữa vũ trụ và bản thân mình.

Nhờ sự tu học tinh chuyên, năm vị dần dần đạt được cái thấy mầu nhiệm. Người đầu tiên chứng ngộ là Kondanna. Rồi hai tháng sau là đến phiên Vappa và Bhaddhiya. Cuối cùng Mahanam và Assaji cũng đạt tới quả vị A-la-hán.

Bụt rất vui mừng. Người nói:

- Chúng ta đã có đoàn thể xứng đáng với tên gọi sangha, đoàn thể của những người biết sống cuộc đời tỉnh thức, rồi đây quý vị sẽ phải cùng với tôi đem những hạt giống của đạo tỉnh thức gieo rắc khắp mọi nơi.

Chương 23 - Những Giọt Nước Cam Lộ

Bụt hay dậy sớm, và sau khi ngồi thiền, người ưa đi thiền hành ngoài trời giữa những hàng cây.

Một hôm đang đi thiền hành ngoài trời, Bụt thấy một người đi tới. Lúc ấy nắng chưa lên và trong sương mù hình dáng của cây cối và của người khách lạ kia không được tỏ rõ lắm. Bụt ngồi xuống một tảng đá gần đó. Người khách lạ đã đến gần. Người nầy chưa thấy Bụt nhưng Bụt đã thấy ông ta. Đó là một chàng thanh niên chừng ba mươi tuổi, dáng điệu thanh tú, chàng thanh niên vừa đi vừa lẩm bẩm cái gì trong miệng, khi anh ta tới gần. Bụt nghe anh ta lẩm bẩm: "Thật là đáng sợ, thật là ghê tởm". Chàng thanh niên vẫn chưa thấy Bụt.

Bụt lên tiếng:

- Không có gì đáng sợ, không có gì ghê tởm.

Giọng Bụt vọng lên rành mạch và ôn tồn trong không khí mát lạnh của buổi mai. Chàng thanh niên giật mình nhìn sang. Anh ta thấy Bụt ngồi thảnh thơi trên một tảng đá, phong thái thật ung dung và trầm tĩnh. Anh tuốt bỏ đôi dép, tiến tới trước Bụt và lạy xuống, rồi anh ngồi xuống trên một hòn đá thấp bên cạnh Bụt, Bụt hỏi:

- Cái gì mà đáng sợ? Cái gì mà ghê tởm?

Chàng thanh niên bắt đầu kể chuyện mình.

Anh ta tên là Yasa, con của một thương gia giàu có vào bậc nhất nhì ở thành phố Baranasi. Yasa sống một cuốc sống giàu sang tột bực. Cha mẹ anh cưng chìu anh và cung cấp cho anh đủ hết phương tiện để sống trong các thú vui của người giàu có: nhà cao, cửa rộng, châu báu, tiền bạc, rượu mạnh, kỹ nữ, tiệc tùng, cuộc vui ... Yasa là một người con trai biết suy nghĩ. Những năm gần đây, anh bắt đầu thấy lợm vì cái nếp sống trác táng đó. Anh ta không còn cảm thấy lạc thú gì trong cuộc sống ấy.

Anh ta khao khát một đời sống lành mạnh, giống như một người bị nhốt lâu trong một căn phòng kín mít khao khát khí trời. Cả đêm hôm qua, bạn bè anh ta quy tụ để ăn uống, đàn địch và nô đùa với bọn vũ nữ. Thức dậy lúc nửa đêm Yasa nhìn thấy cảnh tượng cac vũ nữ nằm ngã nghiêng, phơi bày những chân tướng không đẹp đẽ gì của họ, chàng cảm thấy không thể nào còn tiếp tục được cuộc sống trác táng này. Chàng khoác lên người một cái áo, luồn chân vào một đôi dép và mở cửa đi ra khỏi nhà. Chàng đi ra cổng trước. Mở cửa cổng trước, chàng đi mà không biết mình đi đâu. Chàng cứ thế mà đi trong đêm khuya, và tình cờ Yasa đi về hướng vườn Lộc Uyển. Tới đây thì trời vừa sáng và Yasa gặp Bụt.

Bụt dạy:

- Yasa cuộc đời đầy dẫy những khổ đau mà cũng đầy dẫy những hiện tượng tượng mầu nhiệm. Đắm mình trong dục lạc, điều đó chỉ có thể tàn phá sức khỏe của hình hài cũng như của tâm hồn, và lại tạo thêm khổ đau cho ta. Nếu biết sống một cuộc đời lành mạnh, không bị vật dục lôi cuốn, ta có thể tiếp xúc với biết bao cảnh tượng mầu nhiệm trong cuộc đời. Yasa, con hãy nhìn những thân cây đứng trong sương mù này. Đó là những hình ảnh vừa đẹp đẽ vừa mầu nhiệm.

Trăng, sao, sông, núi, ánh sáng mặt trời, tiếng chim hót, tiếng suối reo … tất cả những biểu hiện đó của vũ trụ đều mầu nhiệm, đều đẹp đẽ, đều có thể cho ta những nguồn vui bất tận.

Những niềm vui này không phá hại sức khỏe của thân thể và của tâm hồn, trái lại còn nuôi dưỡng được cho thân thể và tâm hồn. Chính thân thể và tâm hồn con cũng là những hiện tượng mầu nhiệm, con thử nhắm mắt lại, thở ra thở vào vài ba hơi, rồi mở mắt ra xem. Con thấy không? Hai mắt của con có thể nhìn thấy cây, thấy sương, thấy trời, thấy tia nắng ấm; hai mắt của con thật mầu nhiệm, vì không tiếp xúc được với hiện hữu mầu nhiệm nên đã có lúc con chán ghét ngay cả thân thể con và tâm hồn con. Có người chán ghét thân thể họ, tâm hồn họ và chán ghét luôn cả cuộc đời cho nên đã đi tự tử. Họ không biết rằng vạn hữu cũng là mầu nhiệm. Họ chỉ thấy được mặt khổ đau của vạn hữu, nhưng khổ đau không phải là bản chất của vạn hữu. Khổ đau là do thái độ sống và do cách nhìn sai lạc của con người mà có …

Yasa là một chàng trai rất thông minh, những lời của Bụt như những giọt nước mát tưới vào tâm hồn khô cạn của chàng. Rất sung sướng, chàng quỳ xuống dưới chân Bụt và xin được làm học trò xuất gia của Bụt.

Bụt đỡ Yasa lên. Người nói:

- Người xuất gia sống một cuộc đời thanh bạch và khiêm cung, không nắm giữ tiền bạc, ngủ trong am lá hoặc dưới gốc cây, ăn bất cứ thức ăn nào xin được và mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Con có thể sống như vậy được không?

- Lạy thầy, con có thể sống như vậy được.

Bụt nói:

- Người xuất gia tu học cần phai đem hết tâm tư và nghị lực để hoàn thành sự nghiệp giải thoát của mình, để có thể giúp đời và giúp người, làm vơi bớt những khổ đau trong sự sống, con có phát nguyện đi theo con đường ấy không?

- Lạy thầy, con xin phát nguyện đi theo con đường mà thầy chỉ dạy.

- Vậy ta sẽ cho con xuất gia. Người xuất gia tu học trong giáo đoàn ta sẽ được gọi là bikkhu, nghĩa là người khất sĩ. Mỗi ngày đi xin thực phẩm là để tự nuôi sống mình, để tập đức khiêm cung, và cũng để có cơ hội tiếp xúc với con người mà hướng dẫn họ trên con đường đạo hạnh.

Vừa lúc ấy năm vị sa môn khất sĩ học trò của Bụt cũng ra tới. Yasa đứng dậy cung kính chào mọi người. Bụt giới thiệu năm thầy với Yasa, rồi hướng về thầy Kondanna, Bụt nói:

- Thầy Kondanna, đây là Yasa, một người trẻ tuổi có chí nguyện xuất gia. Tôi đã ưng thuận, vậy cúi xin thầy chỉ dạy cho Yasa về cách mang y, ôm bát, đi khất thực, điều phục hơi thở, ngồi thiền và đi kinh hành. Yasa, con đi theo thầy Kondanna đi.

Yasa cúi chào Bụt. Thầy Kondanna đưa chàng vào tịnh xá, xuống tóc cho chàng. Thầy trao cho Yasa một cái y và một cái bát và dạy cho chàng cách mang y và cầm bát. Y bát này đã được cúng dường cho thầy từ lâu, nhưng vì có sẵn y bát cũ, thầy chưa bao giờ dùng tới.

Chiều hôm ấy, vị trưởng giả thân sinh của Yasa tìm tới vườn Lộc Uyển. Cha của chàng cho người đi lùng chàng khắp nơi. Có một gia nhân theo vết dép của Yasa và tìm tới được vườn Lộc

Uyển. Anh ta thấy được đôi dép bằng vàng của tiểu chủ nằm bên một chiếc ghế đá. Vào hỏi thăm, anh ta biết là tiểu chủ của mình đang có mặt tại đây. Anh vội vã về báo tin.

Ông thân sinh của Yasa tìm tới vườn Lộc Uyển và được gặp Bụt đang ngồi trên tảng đá. Ông ta đến làm lễ người rồi chắp tay hỏi:

- Bạch sa môn, ngài có thấy Yasa con của con không?

Bụt chỉ chiếc ghế đá bên cạnh người:

- Mời ông ngồi xuống đây. Yasa đang ở trong tịnh xá. Nó sẽ ra đây bây giờ.

Ông thân sinh của Yasa ngồi xuống, Bụt kể cho ông ta nghe về những gì đã xảy ra sáng nay. Bụt cũng nói cho ông ta nghe về tâm sự của Yasa và những khao khát của chàng. Người kết luận:

- Yasa là một người con trai thông minh và có chí khí. Nó đã tìm ra được nẻo thoát cho tâm hồn nó, và hiện tại đã có niềm tin và sự an lạc. Xin ông mừng cho nó.

Tiếp theo, Bụt dạy cho ông ta về cách sống tỉnh thức để tránh bớt những khổ đau và phiền muộn, và cũng là để tạo sự an lạc cho mình và cho những người chung quanh. Nghe Bụt nói, tâm của ông càng lúc càng như sáng ra. Ông đứng dậy chắp tay cầu Bụt cho ông ta làm học tại gia của người. Bụt lặng yên. Một lát sau, người nói:

- Học trò của tôi là những người biết sống đơn giản, tỉnh thức, biết tránh sự giết hại sinh vật, biết tôn trọng tư hữu của kẻ khác, biết tránh việc tà dâm, biết nói lời chân thật và tránh việc rượu chè say sưa. Này trưởng giả, nếu ông thấy ông có thể theo được con đường đó thì tôi chấp nhận ông là học trò tại gia của tôi.

Ông thân sinh của Yasa quỳ xuống trước mặt Bụt. Ông chắp tay thành kính nói:

- Con xin nương tựa nơi thầy, xin thầy chỉ đường đưa lối cho con trong cuộc đời này. Con xin nguyện làm đệ tử tại gia của thầy cho đến này con nhắm mắt lìa bỏ cuộc đời.

Bụt đỡ vị trưởng dậy. Khi đứng lên, vị trưởng giả trông thấy Yasa đứng hầu sau lưng Bụt. Yasa trong y phục của một người xuất gia, râu tóc cạo sạch. Vị khất sĩ mới chắp tay lại thành búp sen, cung kính chào cha, và miệng chàng mỉm cười. Thần sắc Yasa tỉnh táo và sáng rỡ. Vị trưởng giả chưa bao giờ thấy con mình tươi vui và hạnh phúc như thế. Ông chắp tay lại đáp lễ, rồi ông nói:

- Mẹ của con đang sầu đau và lo lắng ở nhà.

Yasa đáp:

- Con sẽ về thăm mẹ con, nhưng con đã phát nguyện theo Bụt sống đời giải thoát và phục vụ chúng sanh.

Vị trưởng giả hướng về Bụt:

- Lạy Bụt, con xin thỉnh ngài và các vị khất sĩ đệ tử xuất gia của ngài trưa mai đến thọ trai tại nhà con. Xin để cho người đệ tử mới của ngài đi theo làm thị giả cho ngài. Chúng con sẽ rất sung sướng được cúng dường một bữa cơm cho các vị khất sĩ tại nhà và cũng sẽ rất sung sướng được nghe lời giáo huấn quý báu của ngài về đạo giải thoát.

Bụt quay lại nhìn Yasa. Hai mắt của người khất sĩ mới tu lấp lánh. Bụt gật đầu chấp thuận lời thỉnh cầu của trưởng giả.

Sáng hôm sau, Bụt cùng sáu vị khất sĩ đến thọ trai tại nhà ông trưởng giả. Mẹ của Yasa thấy con mừng rơi nước mắt. Bụt và sáu vị đệ tử xuất gia được mời ngồi trên những chiếc ghế có trải tọa cụ. Mẹ của Yasa tự tay dâng cúng thực phẩm vào bát của Bụt và vào bát của sáu vị khất sĩ. Bữa cơm diễn ra trong yên lặng. Cha mẹ của Yasa và các người hầu cận kính cẩn đứng hầu, không ai dám nói với ai một lời nào. Bữa cơm kết thúc. Sau khi bát đã được rửa, nước uống đã được dâng lên, vợ chồng ông trưởng giả chắp tay làm lễ Bụt và ngồi xuống trên những chiếc ghế thấp phía trước mặt người. Bụt bắt đầu giảng cho họ nghe về nội dung của năm giới. căn bản tu học của người đệ tử tại gia. Bụt nói:

- Người học theo con đường tỉnh thức thì phải biết vun bồi sự hiểu biết (Trí) và tình thương yêu (Bi) của mình. Năm giới tức là cách thức sống để thực hiện từ bi và trí tuệ.

Giới thứ nhất là tránh việc tàn hại sinh mạng. Chúng sinh loài nào cũng tham sống sợ chết, vì vậy nếu ta thực sự học theo đạo hiểu biết và thương yêu thì ta phải giữ giới không sát sanh. Không những ta không được sát hại con người mà ta còn cố gắng đến mức tối đa để tránh sự sát hại các loài cầm thú. Giữ giới này là một cách nuôi dưỡng từ bi và trí tuệ rất hiệu quả.

Giới thứ hai là không gian lận trộm cắp. Ta không có quyền xâm phạm vào tư hữu của kẻ khác, và không làm giàu bằng cách lợi dụng sự khờ dại và bóc lột sức lao động của kẻ khác, trái lại ta phải biết tìm cách giúp đỡ những kẻ khốn khổ những phương tiện để họ có thể tự lực mưu sinh.

Giới thứ ba là không tà dâm, nghĩa là không xâm phạm đến tiết hạnh của những người khác và hết lòng trung thực với người vợ hoặc người chồng của mình.

Giới thứ tư là không nói dối, nghĩa là không nói những lời trái với sự thật, không xuyên tạc, chửi rủa, không dùng lời nói để gây thù hận và loan truyền những tin mà mình không chắc là có thực.

Giới thứ năm là không say sưa, không dùng những chất ma túy và kích thích như thuốc phiện và rượu.

Nếu ta sống theo được tinh thần của năm giới này, ta sẽ tránh được cho bản thân, gia đình ta và bạn bè ta mọi đau khổ và đổ vỡ. Ta sẽ thấy đời ta tươi sáng và hữu ích lên gấp trăm lần.

Trong khi Bụt nói, bà mẹ của vị khất sĩ trẻ Yasa rất sung sướng. Bà thấy được cánh cửa hạnh phúc mở rộng trước mặt bà. Bà biết chồng mình đã được Bụt chấp nhận là đệ tử tại gia của người, và điều đó làm bà hân hoan vô hạn. Bà quỳ xuống chắp tay lại và cầu xin Bụt cho bà làm đệ tử tại gia.

Sau đó, Bụt và sáu vị khất sĩ trở về vườn Lộc Uyển.

Chương 24 - Hãy Đi Như Những Con Người Tự Do

Tin Yasa đi xuất gia bắt đầu được loan truyền trong giới bạn hữu của chàng. Bốn người bạn thân nhất của Yasa là Vimala, Subahu, Punnaji và Gavampati, một hôm rủ nhau tìm tới vườn Lộc Uyển. Trên đường đi, Subahu nói:

- Nếu Yasa chịu đi tu, thì ông thầy của Yasa phải là một người rất giỏi và giáo pháp của ông ta phải là một giáo pháp thâm diệu. Tôi biết Yasa ít phục ai lắm.

Vimala trả lời:

- Không chắc như thế, có thể là Yasa bốc đồng đi tu một thời gian mà thôi. Sáu tháng hay một năm sau anh chàng hoàn tục cũng chưa biết chừng.

Gavampati nói:

- Anh Vimala coi thường Yasa quá. Tôi thấy tánh Yasa trầm lặng và anh ta thường suy nghĩ chín chắn lắm.

Bốn người vào gặp Yasa. Yasa đem các bạn mình tới giới thiệu với Bụt. Yasa bạch:

- Lạy Bụt, bốn người bạn này của con đều là những người tốt. Xin Bụt đem lòng thương mở mắt cho họ thấy được con đường giải thoát.

Bụt ngồi nói chuyện với bọn trẻ. Vimala ban đầu còn có vẻ hồ nghi nhưng càng nghe Bụt nói chàng càng thấy thấm. Cuối cùng Vimala đề nghị với các bạn xin Bụt cho cả bốn chàng xuất gia theo Yasa.

Bốn chàng trai trẻ quỳ xuống chắp tay cầu Bụt để được xuất gia. Thấy cả bốn người đều nhiệt thành và thiết tha, Bụt ưng thuận. Người giao cả bốn chàng cho khất sĩ Kondanna dạy dỗ.

Bạn bè cũ của vị khất sĩ Yasa đông có tới hàng trăm người. Tin Yasa và bốn người bạn thân đi tu chẳng mấy chốc mà đã được truyền ra khắp chốn. Hơn một trăm hai chục người đã tập họp về nhà của Yasa và cùng rủ nhau đến vườn Lộc Uyển để thăm hỏi. Họ đều là những người trai trẻ, tuổi từ hai mươi tới ba mươi. Đó là vào một buổi sáng đẹp trời. Nghe tin họ đến thăm, khất sĩ Yasa ra đón họ tận ngoài cổng. Thầy thuật cho họ trường hợp đi xuất gia của mình và nói với họ về Bụt. Cuối cùng, thầy đưa tất cả một trăm hai mươi người bạn vào yết kiến người.

Một trăm hai mươi người trẻ vây quanh, Bụt bắt đầu nói chuyện về con đường thánh thiện, có khả năng đưa tới sự diệt khổ và đem lại an lạc. Người kể sơ lược về thân thế và hành trình tìm đạo của người, và nói đến chí nguyện cứu người giúp đời của tuổi trẻ. Một trăm hai mươi người trai trẻ ngồi nghe Bụt một cách say mê. Cuối cùng, năm mươi người trong đám đông đó xin phép được ở lại xuất gia tu đạo.

Trong số bảy mươi chàng thanh niên còn lại, có nhiều người cũng muốn xuất gia, nhưng họ còn kẹt bổn phận gia đình; người thì có cha, người thì có mẹ, người thì có vợ và con.

Yasa thỉnh Bụt chấp nhận lời thỉnh cầu của năm mươi người bạn. Bụt bằng lòng. Rất sung

sướng, Yasa bạch với thầy:

- Ngày mai, con xin Bụt cho cho con được về nhà con để khất thực. Con sẽ có dịp nói chuyện với song thân con về việc cúng dường y mới và bát mới cho những vị tân khất sĩ.

Tại vườn Lộc Uyển, từ hôm đó ngoài Bụt đã có cả thảy sáu mươi vị khất sĩ. Bụt ở lại vườn Lộc Uyển thêm ba tháng nữa để dạy dỗ và hướng dẫn đại chúng xuất gia. Trong thời gian ấy hàng trăm vị cư sĩ đã đến vườn Nai để xin Bụt chấp nhận cho làm đệ tử cư sĩ.

Bụt dạy các vị khất sĩ về phép quán niệm hơi thở, quán niệm về thân thể, về cảm giác, về tri giác, về tâm ý và về đối tượng của tâm ý. Người cũng dạy phương pháp quán chiếu tự tính duyên khởi của vạn hữu trong thế giới hiện tượng.

Phép duyên khởi là một phép quán rất quan trọng trong công trình tu tập. Vạn vật nương vào nhau để phát hiện, tồn tại rồi ẩn diệt; chính vì nương vào nhau nên mọi vật mới có thể có mặt và vì vậy trong cái một, có cái tất cả, và cái tất cả cũng không thể có mặt nếu cái một không có mặt.

Phép quán duyên khởi này là cánh cửa, do đó người tu thoát được ra khỏi sinh tử. Phép quán duyên khởi cũng có công năng phá trừ những định kiến lâu đời như định kiến vũ trụ đã được một nguyên do đầu tiên sinh khởi, dù nguyên do đó là một vị thần linh hay là một chất liệu làm căn bản cho hiện hữu như đất, nước, lửa hay là không khí.

Với tình thương, với ý thức trách nhiệm của một bậc thầy, cũng như của một anh cả, Bụt chăm sóc và dạy dỗ sáu mươi vị khất sĩ một cách tận tình. Người lại giao phó cho năm người đệ tử đầu trách nhiệm dìu dắt các vị khất sĩ mới học. Kondanna dìu dắt hai mươi vị. Bốn người khác, Bhaddiya, Vappa, Mahana và Assaji, mỗi người dìu dắt mười vị. Đại chúng bước những bước rất vững và mạnh trên con đường tu học.

Khi thấy phần lớn các vị khất sĩ dưới sự hướng dẫn của mình đã có được bản chất và tư cách của những người hành đạo, Bụt tập hợp đại chúng và nói:

- Các vị khất sĩ, xin hãy nghe tôi nói. Chúng ta là những con người tự do, không vướng bận và không bị ràng buộc vào bất cứ một cái gì. Quý vị đã biết đường đi. Quý vị hãy tinh tiến dũng mãnh bước trên con đường ấy. Quý vị có thể rời khuôn viên Lộc Uyển. Hãy đi như những con người tự do để mang ánh sáng của đạo tỉnh thức đến tận những chốn hang hố thẳm. Đi để gieo rắc hạt giống giải thoát và giác ngộ. Đi để đem an lạc đến cho con người. Quý vị hãy dạy đạo lý giải thoát, nền đạo lý đẹp đẽ từ đầu đến cuối, từ hình thức cho đến nội dung. Nhân gian sẽ thừa hưởng được công trình hoằng pháp của quý vị, còn tôi, tôi cũng sẽ lên đường. Trong ít lâu nữa, tôi sẽ đi về phương Đông. Tôi muốn về thăm cội bồ đề và các em bé ở thôn Uruvela, và sau đó tôi sẽ về thăm một người bạn tri kỷ ở Rajagaha.

Các vị khất sĩ nghe theo lời Bụt dạy. Một số lớn khoác y và mang bát lên đường hành hóa.

Chỉ còn mươi thầy ở lại vườn Lộc Uyển với Bụt.

Nhưng từ mấy tháng nay, tại hai vương quốc Kasi và Magadha, nhiều người đã nghe nói tới Bụt và các đệ tử của người. Họ nghe nói có một vị hoàng tử dòng họ Sakya đi tu đã thành đạo và đang giảng dạy tại vườn Lộc Uyển gần thành Baranasi. Nghe tin này nhiều vị sa-môn từng tu tập lâu ngày mà chưa đạt ngộ được gì rất lấy làm phấn khởi.

Từ nhiều địa phương khác nhau họ tìm về Isipatana. Nhiều người đã sung sướng được nghe Bụt thuyết pháp và đã phát nguyện sống đời xuất gia dưới sự chỉ dạy của người.

Các vị khất sĩ học trò của Bụt đi hoằng hóa mọi nơi cũng đã bắt đầu đưa về vườn Lộc Uyển rất nhiều thanh niên muốn được xuất gia. Số lượng học trò xuất gia của Bụt vì vậy lại tăng lên rất chóng.

Một hôm Bụt tập họp đại chúng lại. Người nói:

- Các vị khất sĩ! Tôi nghĩ rằng tôi không cần trực tiếp làm lễ thọ giới xuất gia cho tất cả những ai muốn sống đời sống phạm hạnh theo con đường tỉnh thức. Nếu bất cứ ai muốn xuất gia đều phải về vườn Lộc Uyển gặp tôi, thì điều đó sẽ gây ra nhiều bất tiện. Điều bất tiện thứ nhất là các thầy phải bỏ dỡ công việc hoằng hóa để đưa người giới tử về tận đây.

Điều bất tiện thứ hai là người giới tử không được thọ giới ngay tại chỗ cư trú của mình với sự có mặt của bạn bè và những người thân thuộc, trái lại phải đi đường dài có khi mất cả mười mấy ngày mới tới được đây.

Điều bất tiện thứ ba là tôi bị bắt buộc ở tại đây mãi mãi. Tôi cũng là một con người tự do như quý vị, và tôi cũng muốn được tự do đi đâu thì tùy ý tôi. Vì vậy tôi nghĩ rằng các thầy có thể làm lễ truyền giới xuất gia cho những giới tử nào hợp đủ điều kiện, và làm lễ ngay tại địa phương hành đạo của mình.

Đại đức Kondanna đứng lên chắp tay:

- Lạy Bụt, như vậy thì xin Bụt dạy cho chúng con phương pháp làm lễ xuất gia cho người phát tâm tu học để chúng con có thể làm lấy khi trường hợp xảy ra.

Bụt nói:

- Thì quý vị đã từng thấy tôi làm lễ xuất gia cho nhiều người rồi. Quý vị cũng có thể làm như thế.

Vị khất sĩ Assaji đứng dậy trình bày:

- Lạy Bụt, nhân cách của Bụt rất lớn, thành ra người không cần phải có nghi thức rườm ra, nhưng đối với chúng con, một nghi thức tối thiểu để sử dụng trong lúc làm xuất gia rất là cần thiết. Sư huynh Kondanna, xin sư huynh đề nghị một nghi thức đi. Có Bụt ở đây, người sẽ chỉ dạy cho chúng ta thêm.

Khất sĩ Kondanna im lặng một lát để suy nghĩ, rồi ông lên tiếng:

- Lạy Bụt, theo con thì việc trước tiên là phải cho người giới tử cạo sạch râu tóc. Sau đó, giới tử được dạy cho cách mặc áo ca-sa. Khi mặc ca-sa vào rồi, giới tử phải vạch trần vai bên phải ra theo nghi lễ và quỳ xuống trước mặt vị khất sĩ truyền giới. Vị khất sĩ này bây giờ là đại diện cho Bụt, vì vậy, giới tử quỳ xuống dưới chân người là phải. Chắp tay lại thành búp sen, giới tử đọc:

- "Con nương tựa Bụt, người đưa đường chỉ lối cho con trong cuộc đời này. Con về nương tựa Pháp, con đường của tình thương và sự hiểu biết. Con về nương tựa Tăng, đoàn thể của những nguyện sống cuộc đời tỉnh thức". Lặp lại ba lần như vậy thì giới tử trở nên một vị khất sĩ trong giáo đoàn của Bụt. Lạy Bụt, con mạo muội đề nghị như thế, không biết con có phạm vào lầm lỗi

nào không?

Bụt dạy:

- Nghi thức thầy đề nghị hay lắm. Vậy tôi xin xác định với đại chúng; quý vị đọc ba lần tam quy dưới chân một vị khất sĩ thì có thể trở nên một vị khất sĩ.

Đại chúng hoan hỷ tuân theo lời Bụt dạy.

Sau đó mấy hôm, vào một buổi sáng đẹp trời. Bụt khoác áo, cầm bát, một mình rời khỏi vườn Lộc Uyển. Người hướng về phương Nam, tìm lối vượt sông Hằng để đi về vương quốc Magadha.

Chương 25 - Đỉnh Cao Của Nghệ Thuật

Con đường này Bụt đã từng đi. Người đi thong thả và ngắm nhìn cảnh vật.

Trời gần trưa, người ghé khất thực ở một xóm ven đường, rồi người mang bát đi vào một khu rừng yên tĩnh gần đó để thọ trai. Thọ trai xong, Bụt đi kinh hành trong rừng và sau đó người tìm một gốc cây im mát ngồi xuống để tĩnh tọa. Được sống trở lại một mình trong rừng, Bụt rất hoan hỷ.

Người ngồi tĩnh tọa được hồi lâu thì thấy một đám thanh niên đi ngang. Đây chắc là những thanh niên con nhà khá giả, bởi vì người nào cũng ăn mặc tươm tất sạch sẽ. Họ vào khoảng ba mươi người. Nhiều người cầm nhạc cụ trong tay. Thấy Bụt, họ ngưng lại, thanh niên đi đầu cúi chào và hỏi người:

- Sa-môn, ông có thấy một cô gái mới chạy ngang qua đây không?

Bụt hỏi lại:

- Các bạn tìm cô gái ấy để làm gì?

Người thanh niên kể lại đầu đuôi câu chuyện. Bọn họ đều là dân thành phố Banarasi. Họ vào rừng nầy từ sáng để tổ chức một cuộc vui. Họ có đem theo nhiều nhạc cụ và một cô vũ nữ. Sau khi đàn hát, múa nhảy và ăn uống, cả bọn đều tìm chốn ngã lưng để ngủ trưa. Trong khi mọi người ngủ trưa, cô gái đã đánh cắp một số những đồ châu báu trang sức của bọn con trai và bỏ đi mất. Các chàng trai thức dậy thấy thế rủ nhau đi lùng bắt cô gái.

Bụt nhìn các chàng trai và trầm tĩnh nói:

- Nầy các bạn, trong giờ phút này các bạn nên đi tìm cô gái hay là nên đi tìm chính các bạn?

Các cậu con trai ngạc nhiên. Phong thái của ông thầy tu đã đặc biệt mà câu hỏi của ông ta cũng đặc biệt. Câu hỏi đó làm các cậu giật mình. Họ rủ nhau ngồi xuống, vây quanh Bụt. Chàng trai đầu đàn nói:

- Bạch sa-môn, có lẽ chúng con nên đi tìm chúng con trước.

Bụt nói:

- Sự sống chỉ có mặt trong giây phút hiện tại, nhưng tâm ta ít khi chịu an trú trong giây phút hiện tại. Tâm ta hay ưa trở về quá khứ hoặc vọng đến tương lai. Ta cứ tưởng ta là ta, nhưng quả thực ta chưa hề thực sự tiếp xúc ta với ta, bởi vì tâm ta cứ rong ruổi chạy theo những ảo ảnh của quá khứ và của vị lai. Chỉ có một phương cách duy nhất để tiếp xúc với sự sống đích thực: đó là trở về với giây phút hiện tại. Nếu các em biết trở về với giây phút hiện tại thì các em trở nên tỉnh thức, và lúc đó các em mới có cơ hội tìm được các em. Các em hãy nhìn những đọt lá xanh và ánh sáng mặt trời đang lọc qua những đọt lá ấy. Các em đã từng có dịp thật sự ngắm nhìn màu xanh của lá cây trong trạng thái trầm lặng và tỉnh thức của tâm tư chưa. Màu xanh ấy là một khía cạnh vi diệu của sự sống. Nếu các em chưa bao giờ thực sự nhìn màu xanh ấy thì bây

giờ đây các em hãy thử nhìn đi.

Các chàng thanh niên yên lặng. Theo ngón tay trỏ của Bụt, họ ngước nhìn những ngọn lá xanh đang run nhẹ dưới làn gió thoảng của buổi trưa hè. Một lát sau, Bụt quay lại với chàng trẻ tuổi ngồi gần bên người, và nói:

- Em có ống sáo, vậy em hãy thổi sáo đi.

Chàng thanh niên hơi ngạc nhiên một chút, nhưng cũng lấy sáo ra. Ngồi lại ngay ngắn, anh ta đưa sống sáo lên thổi. Mọi người lắng nghe. Tiếng sáo đượm buồn như tiếng than khóc của một cuộc tình duyên lỡ dỡ. Trong khi anh thổi sáo, mắt Bụt không rời khỏi anh.

Khúc sáo chấm dứt. Rừng trưa đượm buồn. Mọi người im lặng, Bụt cũng im lặng.

Bỗng nhiên người thanh niên thổi sáo quay lại, cầm đưa ống sáo cho Bụt:

- Sa-môn, ngài thổi sáo đi.

Bụt mỉm cười. Tất cả các chàng trai đều cười rộ. Ai cũng cho anh chàng là ngộ nghĩnh. Đã có ai đưa ống sáo để bảo một vị sa-môn thổi bao giờ.

Nhưng Bụt đã đưa hai tay tiếp nhận ống sáo. Mọi người đều nhìn về vị sa-môn, sự tò mò trong mỗi người được kích thích.

Bụt thở những hơi thở thật dài và thật nhẹ, rồi người nâng ống sáo lên ngang miệng.

Hình ảnh người con trai thổi sáo năm xưa trong vườn Thượng Uyển thành Kapilavatthu hiện ra trong Bụt. Đó là một đêm trăng. Đó là bà Maha Pajapati ngồi trên ghế đá đang im lặng lắng nghe. Đó là Yasodhara với đỉnh trầm thơm mới đổi.

Bụt bắt đầu thổi sáo.

Tiếng sáo nhẹ như một làn khói nhỏ lơ lửng và nhẹ nhàng đi lên từ một mái tranh nghèo nào đó ở ngoại thành Kapilavatthu trong giờ nấu cơm chiều. Rồi làn khói bỗng nhiên tỏa rộng trên không gian như một đám mây.

Đột nhiên đám mây biến hình thành một đóa hoa sen ngàn cánh, mỗi cánh hoa một màu sắc khác nhau lấp lánh trong ánh nắng chiều. Đột nhiên một người thổi sáo biến thành một ngàn người thổi sáo, tất cả những mầu nhiệm của vũ trụ đều được chế biến thành âm thanh, âm thanh muôn màu muôn sắc, âm thanh khi thì nhẹ như gió thoảng, khi thì mau như tiếng mưa rào, khi thì trong như tiếng hạc, khi thì đậm đà như tiếng ru con, khi thì sáng rỡ như ngọc lưu ly, khi thì hùng vĩ như tiếng hải triều, khi thì im lặng như nụ cười của người đã thoát ly được sự hơn thua còn mất. Chim chóc trong rừng đã im hơi lặng tiếng và gió chiều cũng đang thổi rì rào trong lá. Rừng được bao phủ bởi một không gian thanh tịnh, an lạc và nhiệm mầu. Tất cả các chàng thanh niên ngồi bên Bụt đều trở nên tỉnh táo một cách kỳ lạ. Họ hoàn toàn sống trong giây phút hiện tại, tiếng sáo đưa họ về với những mầu nhiệm của giây phút hiện tại. Họ có rừng cây, họ có Bụt, họ có tiếng sáo, họ có nhạc, họ có bản thân họ. Tiếng sáo đã chấm dứt, nhưng tiếng sáo vẫn còn, không có chàng thanh niên nào nghĩ tới cô vũ nữ và những châu ngọc bị đánh cắp.

Họ ngồi yên lặng rất lâu. Cuối cùng chàng thanh niên thổi sáo lên tiếng hỏi Bụt:

- Sa-môn, thầy thổi sáo thật hay, con chưa bao giờ nghe ai thổi sáo diệu kỳ như vậy. Thầy đã học với ai? Con có thể theo thầy để học thổi sáo được không?

Bụt mỉm cười:

- Hồi nhỏ, tôi đã học thổi sáo, nhưng bảy năm nay tôi không có dịp thổi. Đây là lần thứ nhất tôi thổi sáo trở lại sau bảy năm, nhưng tiếng sáo bây giờ lại có chất liệu hơn tiếng sáo ngày trước.

- Tại sao thế, thưa sa-môn? Tại sao sau bảy năm không tập dượt mà tiếng sáo thầy lại hay hơn?

- Thổi sáo hay không phải là chỉ do tập dượt nhiều. Sở dĩ tôi thổi được hay hơn ngày xưa là tại vì tôi đã tìm được chính tôi. Nghĩa là tôi đã tìm ra được đạo giác ngộ. Em không thể đạt được tới chỗ tuyệt vời của nghệ thuật nếu em không lên tới được chỗ tuyệt cùng của tâm linh. Vì vậy nếu em muốn thổi sáo hay thì em phải tu học theo con đường tỉnh thức.

Rồi Bụt bắt đầu giảng cho các chàng thanh niên về đạo giác ngộ, về bốn sự thật và con đường Bát Chánh. Ba mươi người thanh niên nghe người giảng đều được tỏ ngộ. Tất cả đều quỳ xuống tỏ ý xin làm môn đệ xuất gia của người.

Bụt vui lòng làm lễ xuất gia họ ngay tại chỗ, và bảo ba mươi chàng thanh niên tìm ngay về vườn lộc Uyển để gặp đại đức Kondanna, Ngưòi dặn họ trình bày tự sự với thầy Kondanna và xin thầy cho cạo bỏ râu tóc, khoác áo khất sĩ và thọ lãnh những lời chỉ dẫn tu học. Người bảo trong một tương lai gần họ sẽ được gặp lại người.

Đêm ấy, Bụt nghỉ trong rừng. Sáng hôm sau, người vượt sông Hằng, rồi theo bờ sông đi về phương Đông. Người dự định sẽ ghé thăm bọn trẻ tại thôn Uruvela, trước khi đi về Rajagaha gặp vua Bimbisara theo lời hứa cũ.

Chương 26 - Nước Cũng Đi Lên Như Lửa

Bảy hôm sau Bụt về tới Uruvela. Người rất vui được trở về rừng cây thanh tú với cội Bồ Đề. Bụt nghỉ lại một buổi chiều và một đêm tại đó. Sáng hôm sau người gặp chú bé Svastika ở bờ sông Neranjara. Svastika thấy Bụt rất mừng. Hai thầy trò ngồi chơi thật lâu bên bờ sông, rồi Bụt bảo Svastika đi cắt cỏ. Người cũng học cắt cỏ với cậu bé. Một lát sau tạm biệt Svastika, Bụt khoác áo ngoài, nâng bát vào xóm để hóa trai.

Chiều hôm sau bọn trẻ rủ nhau đến thăm Bụt, Sujata và Svastika đem theo các bạn rất đông. Các em của Svastika đều có mặt. Bọn trẻ được gặp Bụt vui mừng khôn xiết. Bụt kể cho chúng nghe sơ lược những gì đã xảy ra trong gần một năm qua, và Bụt hứa là khi Svastika hai mươi tuổi, Bụt sẽ cho cậu xuất gia để học đạo. Bụt nói vào tuổi ấy Svastika đã có thể theo Bụt vì lúc ấy các em của Svastika đã lớn cả rồi.

Bọn trẻ cho Bụt biết là gần nửa năm nay có một đoàn đạo sĩ Bà-la-môn khổ hạnh đến cư trú trong vùng. Họ đông lắm, có tới gần năm trăm người. Họ không cạo đầu như các vị sa-môn, tóc họ kết và bới trên đầu. Người đứng đầu tên Kassapa, rất được mọi người kính nể. Họ theo đạo thờ cúng Thần Lửa.

Sáng hôm sau, Bụt tìm tới trú sở của đạo sĩ Kassapa. Giáo đoàn Bà-la-môn này cư trú ở bìa rừng phía bên kia sông.

Họ sống trong những túp lều dựng bằng cành cây và lá cây. Áo của họ được làm bằng vỏ cây. Họ tiếp nhận các thức cúng dường của dân chúng từ các làng mạc trong vùng, nhưng họ không đi khất thực. Họ tự nấu nướng lấy.

Họ cũng chăn nuôi thú vật để ăn và cũng để cúng tế. Dừng chân bên một túp lều. Bụt nói chuyện với các đạo sĩ Bà-la- môn. Các vị này cho biết lãnh tụ của họ, tôn giả Kassapa, là một người tinh thông ba bộ kinh Vệ Đà, sống một cuộc đời đức hạnh và là người có tu có chứng. Tôn giả Kassapa có hai người em trai, người nào cũng là tu sĩ Bà-la-môn cùng tu trong một môn phái, tức là môn phái Bái Hỏa, thờ lửa như là bản chất uyên nguyên của vũ trụ.

Người em trai lớn lớn tên là Nadi Kassapa lãnh đạo một giáo đoàn ba trăm vị đệ tử, cư trú và hành đạo trên bờ sông Neranjara cách Uruvela chừng một ngày đường về hướng Bắc. Người em thứ hai tên Gaya Kassapa lãnh đạo một giáo đoàn gồm hai trăm đệ tử, cư trú và hành đạo tại Gaya. Tôn giả Kassapa, vì cư trú và hành đạo tại Uruvela nên được gọi là Uruvela Kassapa. Ông rất được hai người em mình tôn kính. Những buổi giảng đạo của ông được dân chúng địa phương đến tham dự rất đông.

Các đạo sĩ Bà-la-môn đưa Bụt đến yết kiến tôn giả Kassapa tại tịnh xá của ông. Tôn giả Kassapa tuổi đã lớn nhưng còn rất nhanh nhẹn và rắn rỏi. Thấy vị sa-môn còn trẻ mà đạo phong uy nghiêm, tôn giả đem lòng kính yêu ngay. Ông tiếp Bụt như một người thượng khách. Kassapa mời Bụt ngồi xuống trên một khúc cây cưa sẵn ngoài sân tịnh xá, và ông ngồi xuống khúc cây đối diện. Hai người đàm đạo hồi lâu.

Kassapa rất đỗi ngạc nhiên khi thấy vị sa môn ngồi trước mặt mình là một người lão thông ba bộ

thánh thư Vệ Đà.

Ông hoảng hốt thấy rằng có những tư tưởng trong Vệ Đà mà ông chưa nắm vững được. Vị sa môn này đã chỉ cho ông thấy những chỗ uyên ảo nhất của các bộ Atharvaveda và Rigveda, những chỗ ông đã tưởng rằng ông hiểu mà thực ra ông chưa hiểu. Lạ hơn nữa là khi nói tới các môn tự vựng học, ngữ nguyên học, sử truyện, văn pháp học và mười tám pháp tế tự của đạo Bà-la-môn, không có điều gì mà vị sa-môn này không thông.

Trưa hôm ấy, Bụt nhận lời thọ trai với Uruvela Kassapa. Xếp áo ngoài lại thành bốn để trải thành tọa cụ trên bờ cỏ, Bụt ngồi đoạn nghiêm thọ trai trong im lặng. Kassapa thấy đạo phong uy nghiêm của người thì rất cảm phục. Ngồi bên vị khách sa-môn, ông cũng giữ sự im lặng đoan trang để thọ trai.

Chiều hôm ấy, trong khi đàm đạo với Kassapa. Bụt hỏi:

- Này hiền giả, hiền giả hãy nói cho tôi biết tại sao thờ Thần Lửa lại có thể đem lại cho ta sự giải thoát?

Tôn giả Uruvela Kassapa giữ im lặng một lát. Ông biết rằng đối với vị sa-môn có trí tuệ xuất chúng này, ông không thể trả lời một cách khinh xuất và dung thường được. Ông ta đã chinh phục được hàng trăm người theo môn phái ông, nhưng ông biết chinh phục được vị sa-môn này là một điều rất khó.

Kassapa bắt đầu nói về lửa như là bản chất uyên nguyên của vũ trụ.

Lửa có nguồn gốc từ Phạm Thiên, nghĩa là từ Brhama, vì vậy trong các hỏa viện, nghĩa là trong điện thờ chính của giáo phái Bái Hỏa, luôn luôn hình tượng của Phạm Thiên được đặt vào vị trí trung ương.

Kinh Atharvaveda có nói về phép thờ Lửa. Lửa là sự sống. Nếu không có lửa thì không có sự sống. Lửa là ánh sáng, là hơi ấm, là nguồn năng lượng làm phát sinh ra cây cối, muông thú, và con người. Lửa phá tan bóng tối, phá tan sự lạnh lẽo, đem tới nguồn vui và sự sinh trưởng của vạn vật. Thức ăn nhờ lửa mà được tịnh hóa.

Con người nhờ lửa mà trở về và hợp nhất được với thiên chủ Brhama vậy. Thần Lửa Agni cũng chỉ là một trong muôn ngàn biểu hiện như có hai cái đầu: một đầu biểu trưng cho lửa của nhật dụng và một đầu biểu trưng cho lửa của sự tế lễ và của sự trở về nguyên thể. Có tới bốn mươi bốn phép tế lửa. Người đạo sĩ phái Bái Hỏa phải giữ giới, phải khổ hạnh và phải chuyên cần tu tập mới có đủ tư cách duy trì và làm sáng tỏ con đường giải thoát.

Đạo sĩ kịch liệt chống lại những tu sĩ Bà-la-môn thường lợi dụng giai cấp và địa vị mình để sống giàu sang và đắm mình trong dục lạc. Ông nói những vị Bà-la-môn đó đã xem công việc đọc kinh như một phương tiện giúp họ sống giàu có và như vậy là làm đánh mất giá trị của truyền thống đạo đức Bà-la-môn.

Bụt hỏi:

- Tôn giả Kassapa, ngài nghĩ thế nào về những người cho rằng nước là bản chất uyên nguyên của sự sống, nước bắt nguồn từ Phạm Thiên, và nước có công năng tịnh hóa con người, giúp con người trở về hợp nhất với Phạm Thiên?

Kassapa im lặng, Ông nghĩ tới hàng trăm vạn người, ngay trong giờ khắc này, đang tắm mình trong nước sông Hằng và trong những dòng sông được xem là linh thiêng khác, mong rửa sạch được mọi tội lỗi và nghiệp chướng để sau này có thể trở về với Phạm Thiên. Một lát sau, ông nói:

- Sa môn Gotama, nước không thật sự giúp ta siêu thoát được. Nước đi xuống, trong khi lửa lại bốc lên. Khi ta chết, thân xác ta nhờ lửa mà bay lên thành khói ...

- Tôn giả Kassapa, ngài nói như vậy e không đúng. Đám mây trắng đang bay trên trời kia cũng là nước đấy, và nước cũng có thể bay lên. Khói cũng chỉ là hơi nước. Cả hai thứ mây và khói đều sẽ phải trở lại. Vạn vật, như ngài đã biết, luôn luôn luân chuyển tuần hoàn.

- Nhưng vạn vật có một nguyên ủy, và vạn vật có thể trở về nguyên ủy ấy.

- Tôn giả Kassapa, vạn vật nương nhau mà có mặt. Tôn giả hãy nhìn chiếc lá trong tay tôi đây. Đất, nước, hơi nóng, hạt mầm, thân cây, đám mây, mặt trời, thời gian, không gian ... đều là những nhân duyên giúp cho chiếc lá này có mặt. Thiếu một trong những nhân duyên ấy thì chiếc lá không thành. Tất cả các loài đất đá, thảo mộc và cầm thú đều vâng theo luật duyên sinh ấy. Nguyên ủy của một vật là vạn vật. Tôn giả hãy quán sát kỹ xem. Có bao giờ một nhân mà đưa tới được quả đâu. Nhân quả là trùng trùng. Ý niệm về một nguyên nhân duy nhất và đầu tiên là một vọng tưởng so sự thiếu quán chiếu mà ra. Này tôn giả, chiếc lá tôi cầm trong tay đây là do tất cả các pháp trong vũ trụ họp lại để tạo thành, trong đó có nhận thức của tôn giả.

Vị đạo sĩ Bà la môn im lặng.

Trời đã tối.

Đạo sĩ ngỏ ý mời Bụt ngủ lại trong túp lều của ông. Đây là lần thứ nhất vị lãnh đạo Kassapa mời một người khách ngủ lại trong túp lều của mình, vị sa-môn này đối với ông quả thật là một người khách đặc biệt. Ông muốn đem lòng tri kỷ của mình để tiếp đãi. Nhưng Bụt ngần ngại. Từ lâu, người đã ưa nghỉ đêm một mình. Bụt ngỏ ý muốn được nghỉ đêm trong hỏa viện. Vị đạo sĩ Bà la môn nói:

- Mấy hôm nay, có một con rắn lớn chui vào núp trong hỏa viện, đuổi thế nào cũng không đi. Sa-môn Gotama không nên nghỉ đêm trong ấy, có thể là nguy hiểm. Chính vì con rắn kia mà lâu nay chúng tôi phải lập tế đàn ngoài trời để hành lễ. Xin ngài nghỉ đêm tại đây cho an toàn.

Bụt nói:

- Tôn giả an tâm. Tôi muốn được nghỉ đêm trong hỏa viện. Chắc cũng không sao.

Bụt nghĩ tới những tháng ngày ngồi tu ở các nơi núi rừng cao thẳm. Có khi thú dữ đi ruồng cả đêm mà không động tới người. Có khi đang ngồi tĩnh tọa người trông thấy những con rắn thật lớn bò ngang qua trước mặt. Bụt biết là nếu mình cẩn thận đừng làm cho các loài này hoảng sợ thì chúng sẽ không động tới mình.

Thấy Bụt đã nhất quyết, Kassapa nói:

- Sa-môn Gotama đã muốn nghỉ đêm tại hỏa viện thì xin cứ tự tiện. Ngài muốn ở đó bao lâu cũng được.

Đêm ấy, Bụt nghỉ trong hỏa viện. Trên bàn thờ trung ương, lửa được nuôi bằng nhiều chiếc đèn, mỗi đèn có nhiều bấc. Góc bên trái chất nhiều khúc cây lớn, có lẽ là những khúc gỗ quí dùng để đốt lửa bên ngoài mỗi khi hành lễ. Bụt nghĩ nếu có một rắn cư trú trong hỏa viện thì con rắn ấy có thể ẩn nấp trong đống gỗ. Người chọn góc đối diện, xếp áo ca-sa ngoài thành bốn, trải xuống làm tọa cụ và bắt đầu tĩnh tọa. Khi Bụt ngừng tĩnh tọa thì trời đã khuya. Dưới ánh đèn mờ, Bụt thấy một con rắn thiệt lớn nằm khoanh tròn giữa hỏa viện, trước mặt người. Bụt lên tiếng nhỏ nhẹ như là để tự nói với mình.

- Rắn ơi, con hãy đi ra ngoài rừng cho an ổn.

Giọng nói của Bụt chứa đầy tình thương và sự hiểu biết. Con rắn từ từ trườn đi, hướng về phía cửa, Bụt cũng ngã lưng xuống tọa cụ.

Khi Bụt thức giấc thì ánh trăng khuya chênh chếch chiếu vào nơi người nằm. Trăng mười tám thật sáng. Bụt muốn đi ra ngoài rừng để thiền hành. Người ngồi dậy, cuốn áo, rũ bụi rồi khoác áo lên người và đi ra khỏi hỏa viện.

Vào lúc trời tang tảng sáng thì hỏa viện bốc cháy, không biết vì lý do gì. Các vị đệ tử của đạo sư Kassapa thấy lửa đều hoảng hốt la lớn. Mọi người chạy đi tìm bình xuống sông múc nước để tưới, nhưng tất cả mọi cố gắng đều vô hiệu. Nước thì ít, lửa thì nhiều. Cuối cùng hàng trăm người đều đứng ngẩn ra nhìn. Hỏa viện của họ bốc cháy dữ dội, không có cách gì cứu chữa nổi.

Đại sĩ Uruvela Kassapa có mặt trong đám mấy trăm người ấy. Ông thương tiếc vị sa-môn đức hạnh và tài ba mà ông vừa mới được làm quen từ sáng ngày hôm qua. Nếu sa-môn Gotama nhận lời nghỉ đêm trong tịnh xá của mình thì bây giờ đâu đến nỗi này.

Giữa lúc ấy thì Bụt xuất hiện. Đang đi thiền hành trên đồi cao, người trông thấy lửa, và người đã trở về.

Thấy Bụt, đạo sĩ Kassapa mừng quá chạy lại và nắm lấy tay người.

- May quá, may quá, sa-môn Gotama vẫn an toàn, không sao cả. Tôi mừng lắm.

Bụt trao bình bát của mình cho một vị tu sĩ trẻ cầm giúp, rồi đặt tay lên vai vị đạo sĩ Bà-la-môn:

- Cám ơn tôn giả, tôi vẫn được an toàn.

Bụt biết hôm nay là ngày đạo sĩ Uruvela Kassapa thuyết pháp. Nghe nói trong số những người nghe pháp. Ngoài năm trăm vị đệ tử tu sĩ, sẽ còn có gần một ngàn người từ các thôn xóm kéo tới.

Giờ thuyết pháp được định vào buổi trưa, ngay sau giờ thọ trai. Biết rằng sự có mặt của mình trong buổi thuyết pháp sẽ làm cho vị lãnh đạo mất bớt vẻ thoải mái, sáng ấy Bụt mang bát đi vào thôn xóm để khất thực.

Khất thực xong, người đi về phía hồ sen. Ngồi bên bờ sông, người thọ trai và ở lại đó. Đến xế chiều thì đạo sĩ Kassapa tìm tới, Kassapa đã đi tìm Bụt sau giờ thọ trai và thuyết pháp. Vị đạo sĩ nói:

- Sa-môn Gotama, hôm nay vào giờ ăn trưa chúng tôi chờ mãi không thấy ngài. Chúng tôi đã dọn sẵn cơm để cúng dường. Tại sao ngài không tới?

Bụt nói với Kassapa là người muốn vắng mặt trong buổi thuyết pháp.

- Tại sao sa-môn Gotama lại muốn không có mặt trong buổi tôi thuyết pháp?

Bụt mỉm cười rất nhẹ, và người không nói gì.

Vị đạo sĩ Bà-la-môn cũng nín thinh. Ông thấy vị sa-môn này biết được sự suy tư của ông.

Vị sa-môn thật vừa thông minh vừa tế nhị.

Hai người ngồi bên bờ hồ để đàm đạo.

Đạo sĩ Kassapa hỏi Bụt:

- Hôm qua sa-môn Gotama nói về sự có mặt của chiếc lá như là sự tập họp của nhiều yếu tố nhân duyên. Ngài nói rằng con người cũng do sự tập họp của nhân duyên mà có mặt. Vậy khi các nhân duyên tan rã, con người đi về đâu?

Bụt nói:

- Đã từ lâu chúng ta bị kẹt vào ý niệm atman, nghĩa là ý niệm về một cái ta thường tại bất biến. Chúng ta đã quen nghĩ rằng khi thân xác ta tan rã, cái ngã ấy vẫn còn tồn tại và có thể trở về với nguồn gốc của nó là Phạm Thiên để mà cộng trú với ngài. Này tôn giả Kassapa, đó là một sai lầm căn bản đã từng làm lạc lối biết bao nhiêu thế hệ.

Tôn giả Kassapa nên biết: vạn pháp từ nhân duyên mà sinh và cũng do nhân duyên mà diệt. Cái nầy có mặt vì cái kia có mặt, cái nầy vắng mặt vì cái kia vắng mặt, cái nầy sinh ra vì cái kia sinh ra, cái nầy ẩn diệt khi cái kia ẩn diệt. Đó là đạo lý duyên sinh mầu nhiệm mà tôi đã khám phá được bằng thiền quán. Trong thực tại, không có một cái gì đồng nhất và bất biến, không có ngã, dù là đại ngã hay tiểu ngã. Nầy tôn giả Kassapa, ngài đã từng quán chiếu về thân thể, cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức chưa? Con người có mặt là do sự tập hợp và vận hành của năm uẩn ấy. Đó là những dòng biến chuyển liên tục, trong đó không có một yếu tố nào thường tại.

Đạo sĩ Kassapa im lặng hồi lâu. Một lát sau, ông hỏi:

- Như vậy người ta có thể nói sa-môn Gotama chủ trương thuyết hư vô không?

Bụt mỉm cười lắc đầu:

- Không. Ý niệm về hư vô cũng là một loại tà kiến trong rừng tà kiến dày đặc. Ý niệm về hư vô cũng tai hại như ý niệm về một bản ngã đồng nhất và bất biến. Tôn giả Kassapa, ngày hãy nhìn mặt hồ Anotatta đây. Tôi không hề nói rằng nước hồ và những lá sen, hoa sen và gương sen trong hồ là hư vô. Tôi chỉ nói rằng nước hồ, cũng như lá sen, hoa sen và gương sen đều là những hiện tượng do nhân duyên phối hợp và có mặt, và trong tư thể của chúng không hề có một thực thể bất biến và thường tại.

Kassapa ngửng lên nhìn vào mặt Bụt:

- Vậy nếu không có ngã, không có atman, thì cần gì phải tu hành để đạt tới giải thoát? Giải thoát cho ai, và ai là người được giải thoát?

Bụt nhìn vào mắt vị đạo sĩ Bà-la-môn. Cái nhìn của người sáng chói như những tia sáng mặt trời

nhưng cũng cũng êm dịu như ánh trăng, và người nói, với một nụ cười:

- Tôn giả Kassapa hãy thử tự tìm lấy câu trả lời. Hôm khác, ta sẽ tiếp tục câu chuyện.

Hai người trở về trú sở. Uruvela Kassapa nhường tịnh xá của mình cho Bụt nghỉ đêm. Ông sang nghỉ đêm tại túp lều của một người đệ tử lớn. Bụt nhận thấy vị đạo sĩ Bà-la-môn nầy rất được các đệ tử quý mến, người nào cũng vâng lời tôn giả Kassapa một cách cung kính.

Chương 27 - Vạn Pháp Đang Bốc Cháy

Trong những ngày kế tiếp, Bụt không đi khất thực bên ngoài vì sáng hôm nào đạo sĩ Kassapa cũng cho đem thức ăn cúng dường tại chỗ. Tuy vậy, trưa hôm nào sau khi thọ trai, người cũng đi vào rừng hoặc ra bên hồ để tịnh cư một mình.

Cứ xế chiều, Kassapa lại đi tìm Bụt để đàm đạo, hoặc dưới một gốc cây, hoặc bên bờ hồ, càng tiếp xúc với Bụt, Kassapa càng thấy được tầm vóc vĩ đại của tuệ giác cũng như của đức hạnh vị sa-môn này.

Một hôm nọ, trời mưa tầm tã suốt đêm, và buổi sáng hôm sau, nước sông Neranjara tràn bờ, làm ngập lụt bao nhiêu ruộng vườn và nhà cửa trong vùng. Bao nhiêu thuyền bè địa phương đều được đem ra sử dụng để đi cứu người. Khu rừng nơi đạo sĩ Kassapa và năm trăm vị đệ tử đang hành đạo vì ở chỗ thấp nên cũng bị ngập lụt. Tuy vậy mọi người đều chạy kịp, không ai bị nước cuốn. Riêng vị sa-môn Gotama thì không ai thấy mặt. Đạo sĩ Kassapa dốc thúc nhiều chiếc ghe đi tìm. Cuối cùng người ta tìm thấy Bụt đang đứng trên một đỉnh đồi.

Nước dâng rất mau và rút cũng rất mau.

Ngày hôm sau Bụt ôm bát đi khất thực trong xóm của những người cùng đinh. Người có ý muốn tìm thăm những gia đình và những đứa trẻ trong xóm. May mắn là không ai bị chết vì nạn lụt. Những người nghèo cho biết họ không có tài sản gì nhiều để mà mất mát.

Các vị tu sĩ trong giáo đoàn của Kassapa đã khởi sự dựng lại hỏa viện bị cháy, các túp lều bị nước cuốn đi hoặc làm cho xiêu vẹo.

Một buổi chiều, Bụt cùng đạo sĩ Kassapa đứng bên bờ sông Ni Liên Thuyền. Hai người tiếp tục cuộc đàm đạo. Đạo sĩ Kassapa nói với Bụt:

- Hôm trước, sa-môn Gotama có nói về sự quán chiếu các dòng hiện tượng sắc thân, cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức. Tôi đã thực tập và bắt đầu thấy rằng những cảm thọ và những tri giác của mình nói lên được giá trị của đời sống mình. Tôi cũng đã thấy được rằng không có một yếu tố nào thường tại trong năm dòng hiện tượng đó cả. Sa-môn Gotama nói rằng nhận thức về sự có mặt của tự ngã là một nhận thức sai lầm, điều này tôi thấy có thể là đúng, nhưng tôi vẫn chưa hiểu được rằng nếu tự ngã không có thì ta cần gì phải nhọc công tu tập? Giải thoát cho ai, và ai là người được giải thoát?

Bụt hỏi lại:

- Tôn giả Kassapa, ngài có công nhận rằng khổ đau là một sự thật không?

- Sa-môn Gotama, tôi công nhận khổ đau là một sự thật.

- Ngài có công nhận rằng nỗi khổ đau nào cũng có nguyên do, cũng như vạn hữu trong vũ trụ, vật nào cũng do nhân duyên kết hợp mà thành?

- Tôi công nhận là những nguyên do của khổ đau có thật.

- Tôn giả Kassapa, khi những nguyên do của khổ đau có mặt thì khổ đau có mặt; vậy khi những nguyên do của khổ đau vắng mặt thì khổ đau có vắng mặt không?

- Tôi công nhận là khi nguyên do khổ đau không còn thì khổ đau cũng không còn.

- Này tôn giả, nguyên do của khổ đau là vô minh, tức là nhận thức sai lầm về thực tại. Đời vô thường mà ta tưởng là thường, đó là vô minh. Thực tại không có tự ngã mà ta tưởng là có tự ngã, đó là vô minh. Từ vô minh, phát sinh ra tham vọng, giận hờn, sợ hãi, ganh ghét, và bao nhiêu đau khổ khác. Con đường giải thoát là con đường quán chiếu thực tại để thực chứng được tự tính vô thường, vô ngã và duyên sinh của vạn hữu. Con đường ấy là con đường diệt trừ vô minh. Vô minh diệt thì phiền não diệt và khổ đau diệt. Đó là giải thoát. Cần gì phải có tự ngã mới có giải thoát.

Uruvela Kassapa im lặng. Một lát sau, ông hỏi:

- Sa-môn Gotama, tôi biết những điều ngài nói với ta là những điều ngài thực chứng, chứ không phải chỉ là những suy tưởng của trí năng ngài. Theo ngài, thì quả giải thoát chỉ có thể do công phu quán chiếu đem lại. Vậy tất cả những lễ nghi, thờ phụng và lời khấn nguyện đều là hoàn toàn vô ích hay sao?

Bụt chỉ tay sang bên kia sông. Đạo sĩ nhìn theo ngón tay người. Bụt nói:

- Tôn giả Kassapa, nếu có người đang đứng bên này sông mà muốn qua bên kia sông thì người ấy phải làm gì?

- Người ấy phải lội qua sông, nếu mực nước sông rất thấp. Trong trường hợp nước đầy như hôm nay, người ấy phải dùng thuyền bè để chèo qua bên kia sông. Nếu bơi giỏi, người ấy cũng có thể bơi sang bên kia sông.

- Đúng rồi, tôn giả Kassapa, nhưng giả dụ có người muốn qua sông mà không muốn lội, không muốn bơi, cũng không muốn chèo, trái lại chỉ đứng bên sông này mà cầu khẩn bờ bên kia, hy vọng bờ bên kia sẽ qua tới bên này cho mình bước lên, thì tôn giả nghĩ sao?

- Tôi sẽ nói rằng đó là một người không thực tế.

- Cũng như vậy thôi, tôn giả Kassapa! Nếu không tu tập quán chiếu để diệt trừ vô minh, và các phiền não khác thì ta không đạt tới bến bờ giải thoát được, dù ta có tế lễ khẩn cầu suốt cả cuộc đời ta.

Đạo sĩ Kassapa bỗng nhiên sụp lạy dưới chân Bụt. Ông khóc nức nở. Ông nói:

- Sa-môn Gotama, con đã lầm lỡ, hết hơn một nửa đời người. Giờ đây xin thầy chấp nhận con là đệ tử của thầy để con có cơ duyên học hỏi và tu tập con đường giải thoát.

Bụt nâng Kassapa dậy. Người nói:

- Tôi không ngần ngại gì mà không chấp nhận tôn giả, nhưng còn gần năm trăm vị đệ tử của ngài thì ngài tính sao? Ai sẽ dắt dìu họ?

Kassapa bạch:

- Xin sa-môn Gotama, xin thầy cho con có dịp tiếp xúc với họ sáng mai. Chiều mai con sẽ trình

thầy quyết định của con.

Bụt nói:

- Các em bé trong làng Uruvela gọi tôi là Bụt.

Kassapa ngạc nhiên:

- Thưa thầy, chúng gọi thầy là Bụt? Nghĩa là người Tỉnh Thức? Hay, hay lắm. Chúng con sẽ gọi thầy là Bụt cho thân mật. vậy xin phép Bụt cho con về trước.

Sáng hôm sau, Bụt lại đi khất thực trong làng Uruvela. Khất thực xong, người đi đến bờ hồ để thọ trai và tĩnh cư cả ngày ở đó. Chiều hôm ấy đạo sĩ Kassapa lại ra tìm Bụt ở bờ hồ. Ông cho Bụt biết là tất cả gần năm trăm vị đệ tử của ông đều đồng lòng theo ông xuất gia tu học dưới sự hướng dẫn của Bụt.

Ngày hôm sau, theo gương Uruvela Kassapa, tất cả mọi người đều cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa. Họ liệng xuống sông Neranjara tất cả những cái búi tóc của họ cùng với tất cả những tượng thờ và dụng cụ tế lễ khác. Tất cả đều theo gương Kassapa quỳ dưới chân Bụt. Họ đọc:

- Con về nương tựa Bụt, người đưa đường chỉ lối cho con trong cuộc đời.

- Con về nương tựa Pháp, con đường của tình thương và sự hiểu biết.

- Con về nương tựa Tăng, đoàn thể của những người nguyện sống cuộc đời tỉnh thức.

Tiếng phát nguyện của năm trăm vị khất sĩ mới vang động cả khu rừng.

Lễ xuất gia cho năm trăm người cử hành xong, Bụt thuyết giảng cho năm trăm vị khất sĩ mới về bốn sự thật mầu nhiệm và cách thức quán chiếu hơi thở, thân thể và tâm ý, rồi Bụt dạy cho phép khất thực và tĩnh cư.

Ngay sau đó, các vị khất sĩ được lệnh phóng thích vào rừng tất cả những đàn thú vật mà họ đã chăn nuôi. Họ học theo Bụt, cầm bát đi theo người vào các thôn xóm để thực tập việc khất thực.

Chiều hôm ấy, Bụt triệu tập Kassapa và mười vị đã từng là đệ tử xuất sắc nhất của Kassapa lại. Người trao truyền cho họ những giáo lý căn bản của đạo tỉnh thức, và sau đó người còn chỉ bảo cho họ những nguyên tắc tổ chức và hướng dẫn tăng đoàn. Khất sĩ Kassapa tỏ ra là một lãnh tụ đồ chúng có tài. Bụt rất vui khi nhận thấy điều này. Người giao phó cho Kassapa việc phân phối và huấn luyện các vị khất sĩ trẻ tuổi, theo kinh nghiệm đã thu lượm được tại trung tâm tu học Vườn Nai ở Isipatana.

Ngày hôm sau, đạo sĩ Nadi Kassapa, người em trai thứ nhất của khất sĩ Uruvela Kassapa cùng một số các vị đệ tử tìm tới. Nadi Kassapa là lãnh tụ của ba trăm vị đệ tử tu theo đạo thờ Thần Lửa. Đạo tràng của họ về phía Bắc, cũng trên bờ sông Neranjara. Họ có vẻ hốt hoảng. Mới hôm qua đây, họ thấy trôi lều bều trên dòng sông hàng trăm cái búi tóc và rất nhiều dụng cụ thờ tự, và nghĩ rằng một tai nạn nào đó đã xảy ra cho trung tâm tu học Uruvela do đạo sĩ Uruvela Kassapa lãnh đạo. Họ tới vào giờ chư vị khất sĩ đi khất thực nên không gặp ai và vì vậy tỏ vẻ lo lắng, nhưng từ từ họ thấy các vị khất sĩ khất thực trở về. Hỏi thăm, họ mới biết là Uruvela Kassapa cùng năm trăm vị đệ tử đã xuất gia theo học với một vị sa-môn tên là Gotama thuộc

dòng Sakya.

Một lát sau nữa thì Bụt và Uruvela Kassapa về tới. Thấy em, khất sĩ Kassapa rất vui mừng. Ông giới thiệu Nadi Kassapa với Bụt. rồi hai anh em đưa nhau ra rừng nói chuyện rất lâu. Cuối cùng, Nadi được anh thuyết phục và bằng lòng trở về đem ba trăm vị đệ tử đến quy y. Họ cũng đồng ý cho người đi mời người em út là Gaya Kassapa tới để thông báo những gì đã xảy ra và nếu bằng lòng, Gaya Kassapa cũng sẽ đem hai trăm vị đệ tử tới để cùng quy y và tu học dưới sự chỉ dẫn của Bụt.

Ba anh em đã từng nổi tiếng là rất thương mến nhau. Hơn nữa họ là những người cùng một lý tưởng. Vì vậy chỉ trong một thời gian bảy hôm, tất cả ba người cùng chín trăm vị đệ tử đều đã cắt tóc, mặc áo ca-sa và trở nên những vị khất sĩ nghiêm chỉnh tu học theo quy chế của giáo đoàn do Bụt lãnh đạo.

Một hôm, sau giờ khất thực tất cả mọi người được lệnh đi về tụ họp trên đỉnh núi Tượng Đầu ở Gayasisa, cách đó không xa. Chín trăm vị khất sĩ ngồi thọ trai im lặng và trang nghiêm cùng với Bụt và ba anh em Kassapa. Buổi thọ trai chấm dứt, mọi người vây quanh Bụt. Nghiêm trang ngồi trên một tảng đá, Bụt cất tiếng dạy chín trăm vị khất sĩ:

- "Này các vị khất sĩ, tất cả vạn pháp đều đang bốc cháy. Cái gì đang cháy. Sáu loại giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đang bốc cháy. Sáu loại đối tượng của giác quan là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp đang bốc cháy. Sáu loại nhận thức là cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc chạm và cái suy tư cũng đang bốc cháy. Bốc cháy bằng thứ lửa nào. Bốc cháy bằng lửa tham dục, lửa hận thù, lửa ảo vọng. Tất cả đang bốc cháy theo với những cái khổ của sinh, già, bệnh chết, với đau thương, phiền muộn, lo lắng, sợ hãi, và thất vọng.

Này các vị khất sĩ, mọi cảm thọ cũng đang bốc cháy, dù đó là khổ thọ, lạc thọ, hay xả thọ. Cảm thọ phát sinh từ những điều kiện giác quan, đối tượng và sự xúc chạm. Cảm thọ cũng đang bốc cháy vì ngọn lửa tham dục, hận thù, và ảo vọng. Cảm thọ cũng đang bốc cháy theo với những cái khổ của sinh, già, bệnh, chết, với đau thương phiền muộn, lo lắng, sợ hãi và thất vọng.

Này các vị khất sĩ, các vị đừng để tự bốc cháy theo ngọn lửa của tham dục, của hận thù và của ảo vọng. Các vị phải thấy được tính cách vô thường và duyên sinh của mọi pháp để đừng làm nô lệ cho dòng sinh diệt của giác quan, đối tượng và cảm thọ".

Gần một ngàn vị khất sĩ ngồi nghe đều cảm thấy tâm thần rúng động khi nói về lửa. Họ rất hoan hỷ khi thấy mình đã tìm ra được con đường tu học mà công phu quán chiếu là động lực duy nhất đưa đến giải thoát. Niềm tin phát sinh trong tâm tư của mọi người.

Trong ba tháng liên tiếp, Bụt cư trú tại Gaya để giáo huấn các vị khất sĩ. Giáo đoàn đạt tới nhiều kết quả lớn trên đường tu học. Ba anh em Kassapa đã trở thành những vị phụ tá rất đắc lực cho Bụt trong việc hướng dẫn và giáo huấn tăng đoàn.

Chương 28 - Rừng Kè

Một buổi sáng nọ, Bụt từ giã Gayasisa để về Rajagaha. Khất sĩ Uruvela Kassapa đề nghị xin Bụt cho cả giáo đoàn đi theo. Bụt ngần ngại, nhưng Kassapa trình bày với Bụt là sẽ không có trở ngại gì cho việc chín trăm khất sĩ về tới kinh đô nước Magadha. Ông nói gần thủ đô Rajagaha có nhiều khu rừng trong đó các vị khất sĩ có thể cư trú, họ sẽ đi khất thực ở những miền ngoại ô thành phố và ngay cả trong thủ đô nữa để có dịp giáo hóa dân chúng miền này.

Kassapa cũng thưa với Bụt là số lượng chín trăm vị khất sĩ là quá lớn đối với dân chúng miền Gaya. Về thủ đô, việc khất thực và giáo hóa sẽ dễ dàng hơn.

Khất sĩ Uruvela Kassapa có kiến thức khá tường tận về tình hình xã hội trong nước Magadha. Sau khi nghe vị khất sĩ này trình bày, Bụt bằng lòng cho chín trăm vị khất sĩ đi theo người về thành Vương Xá.

Ba anh em khất sĩ Kassapa đã tổ chức tăng đoàn rất nghiêm minh. Đại chúng của tăng đoàn được phân làm thành các chúng, mỗi chúng hai mươi lăm vị, mỗi chúng có một vị trưởng chúng trưởng lãnh đạo. Vị chúng trưởng này có trách nhiệm về sự tu học và sự sinh hoạt của hai mươi bốn người trong chúng. Đạo phong của các vị khất sĩ vì vậy càng ngày cáng sáng rỡ và uy nghi.

Từ Gaya, tăng đoàn phải đi tới mười hôm mới về tới thủ đô Rajagaha.

Mỗi buổi sáng, các vị khất sĩ đều phải ghé vào các tụ lạc để khất thực. Khất thực xong, họ quy tụ trong một khu rừng hoặc một bãi cỏ để thọ trai trong im lặng. Thọ trai xong, họ lại lên đường. Họ đi thành từng chúng, và có cả thảy ba mươi sáu chúng như vậy. Hình dáng của các vị khất sĩ khoác áo ca-sa đi trầm lặng trên đường đã gây một ấn tượng rất sâu đậm và đẹp đẽ trong lòng dân chúng.

Tới Rajagaha, khất sĩ Uruvela Kassapa hướng dẫn Bụt và tăng đoàn về tạm cư ở Rừng Kè Mới Trồng, trong đó có đền Supatthita cách thủ đô hai dặm về phía Nam.

Sáng ngày hôm sau, giáo đoàn được phép ôm bát đi vào thành khất thực. Các vị khất sĩ đi thành từng chúng hai mươi lăm người. Họ đi thành hàng, bước từng bước khoan thai và có ý thức, tay ôm bát, mắt nhìn thẳng về phía trước, dáng điệu uy nghi và lặng lẽ.

Theo lời Bụt dạy, họ dừng lại trước mỗi căn nhà, không phân biệt giàu nghèo. Khoảng năm phút sau, nếu không được cúng dường, họ tiến tới trước cổng nhà bên cạnh. Trong khi đứng im lặng chờ đợi được cúng dường, họ theo dõi hơi thở và thực tập phép quán niệm mà Bụt đã dạy. Khi được cúng dường, họ chỉ lặng lẽ nghiêng mình cảm ơn mà không nói lời khen chê nào về thực phẩm được cúng dường.

Người cúng dường sau khi sớt thức ăn vào bát vị khất sĩ, có thể đặt một vài câu hỏi. Các vị khất sĩ đã được lệnh ân cần trả lời về những câu hỏi đó. Đại ý, các vị cho biết là mình tu học trong giáo đoàn Tỉnh Thức, dưới sự hướng dẫn của một vị sa-môn tên là Gotama Sakya, thường được gọi là Bụt, và họ giảng cho vị thí chủ nghe về bốn sự thật, về năm giới hoặc về con đường tám nhánh.

Tất cả các vị khất sĩ đều đã được lệnh trở về trú sở trước giờ ngọ để ăn trưa và nghe pháp thoại.

Buổi chiều và buổi tối chỉ là để học hỏi và thiền tập. Vì vậy từ giữa trưa cho đến rạng sáng ngày hôm sau, không ai còn thấy bóng dáng một vị khất sĩ áo vàng nào nữa trong thành phố.

Chỉ trong vòng nửa tháng, phần lớn dân chúng thủ đô đã biết tới sự có mặt của giáo đoàn khất sĩ do Bụt lãnh đạo. Vào những buổi chiều khi trời đã mát, có nhiều vị thí chủ tìm tới Rừng Kè để được gặp Bụt và tăng đoàn để học hỏi về đạo lý tỉnh thức. Bụt chưa kịp đi thăm người bạn năm trước là vua Seniya Bimbisara thì vua đã được nghe báo cáo về Bụt và về giáo đoàn khất sĩ đông đảo của người. Vua được biết người lãnh đạo giáo đoàn này là vị sa-môn trẻ mà mình đã gặp trước đây trên một ngọn đồi gần kinh đô.

Một buổi chiều, vua cùng với hoàng hậu và thái tử Ajatasattu ngồi xe tứ mã tìm về Rừng Kè để thăm Bụt. Đi theo xa giá của vua có nhiều chiếc xe khác. Vua đã mời đi theo mình một trăm hai mươi vị nhân sĩ trí thức và lãnh đạo cao cấp trong giới Bà-la-môn. Đến cửa rừng, vua xuống xe đi bộ vào, hoàng hậu cầm tay thái tử Ajatasattu theo sau. Một trăm hai mươi vị tân khách Bà la môn cũng làm như thế.

Nghe tin vua đến, Bụt cùng Uruvela Kassapa đi ra đón tiếp và đưa tất cả mọi người vào. Tất cả chín trăm vị khất sĩ đều có mặt, ngồi vây thành những vòng tròn lớn, Bụt mời vua, hoàng hậu, thái tử và các vị tân khách an tọa. Vua Bimbisara bắt đầu giới thiệu các vị nhân sĩ Bà-la-môn với Bụt. Vua không nhớ hết danh tánh từng người; vì vậy mỗi khi quên vua lại yêu cầu người bị quên tên tự giới thiệu mình. Trong số những vị tân khách này có nhiều người lào thông kinh điển và giáo lý Vệ Đà. Họ thuộc về đủ khuynh hướng đạo học và tôn giáo.

Phần lớn các vị nhân sĩ này đã từng nghe danh đạo sĩ Uruvela Kassapa, và một số đã được gặp ông, nhưng ngoài quốc vương Bimbisara chưa ai được gặp Bụt lần nào. Thấy thái độ cung kính của Kassapa đối với Bụt nhiều người tỏ vẻ ngạc nhiên. So với Uruvela Kassapa, sa-môn Gotama Sakya nhỏ tuổi hơn nhiều. Họ thầm thì với nhau, không biết sa-môn Gotama là đệ tử của Kassapa hay Kassapa là đệ tử của sa-môn Gotama. Biết được tâm ý họ, khất sĩ Uruvela Kassapa rời chỗ ngồi, đứng dậy đi tới trước mặt Bụt. Ông chắp tay lại thành hình sen búp, chậm rãi và rõ ràng, ông nói:

- Sa-môn Gotama, bậc giác ngộ, bậc tôn quý nhất trên đời; con là Uruvela Kassapa, đệ tử của thầy, xin cung kính làm lễ thầy.

Nói xong, ông sụp xuống lạy Bụt ba lạy, rất kính cẩn.

Bụt nâng Kassapa dậy và bảo ông ngồi xuống bên tay trái của người. Bây giờ đây một trăm hai mươi vị tân khách Bà-la- môn mới hoàn toàn giữ im lặng. Sự im lặng còn lớn lao hơn khi nhìn thấy chín trăm vị khất sĩ áo vàng đang lặng lẽ ngồi vây quanh, trong dáng điệu trang nghiêm và hùng vĩ.

Bụt lên tiếng giảng cho mọi người nghe về đạo Tỉnh Thức. Người nói về tự tính vô thường duyên sinh của mạng sống và của vạn vật. Người chỉ dạy con đường diệt trừ lầm lạc và khổ đau, con đường của sự sống tỉnh thức, con đường của sự thực hành giới luật, định tâm và quán chiếu. Giọng Bụt vọng lớn như tiếng chuông đồng, ấm như nắng mùa Xuân và trầm hùng như tiếng hải triều. Tiếng nói của Bụt như mưa Xuân thấm nhuần trên cây cỏ. Hơn một ngàn người lắng tai nghe Bụt, và không ai dám thở mạnh, sợ âm thanh của hơi thở xem vào làm vẫn đục pháp âm

của người.

Hai mắt vua Bimbisara càng ngày càng sáng. Càng nghe, vua càng thấy tâm tư mình mở rộng. Bao nhiêu nghi vấn lâu nay trong lòng vua dần dần được cởi mở. Cuối cùng vua nở một nụ cười sung sướng và rạng rỡ.

Bụt chấm dứt pháp thoại. Vua Bimbisara đứng dậy hai tay cung kính chắp trước ngực, vua nói:

- Thưa Thế Tôn, hồi còn nhỏ, trẫm có năm điều ước nguyện, giờ đây tất cả năm điều ước nguyện ấy đã được thành tựu. Ước nguyện thứ nhất là được làm lễ quán đảnh và lên ngôi vua. Ước nguyện ấy đã thành. Ước nguyện thứ hai là làm thế nào trong đời được gặp một bậc đạo sư giác ngộ. Ước nguyện ấy cũng đã thành. Ước nguyện thứ ba là có duyên kính ngưỡng bậc giác ngộ ấy. Ước nguyện ấy cũng đã được thành. Ước nguyện thứ tư là được bậc giác ngộ ấy dạy cho con đường chánh pháp. Ước nguyện ấy cũng đã thành. Ước nguyện thứ năm là có thể hiểu được giáo pháp của bậc giác ngộ ấy. Thưa Thế Tôn, ước nguyện này vừa được thành tựu. Trẫm đã bắt đầu hiểu được giáo lý mầu nhiệm của ngài. Thế Tôn, ngài đã làm sáng tỏ giáo lý ấy bằng nhiều cách giảng dạy khác nhau. Thế Tôn, hôm nay xin ngài nhận cho trẫm làm đệ tử tại gia của ngài.

Bụt mỉm cười im lặng chấp thuận. Vua lại tỏ ý thỉnh cầu Bụt và tất cả chín trăm vị khất sĩ ngày trăng tròn sắp tới đến thọ trai ở cung điện. Bụt cũng hoan hỷ nhận lời.

Một trăm hai mươi vị nhân sĩ tân khách cũng đều đứng dậy cám ơn Bụt. Có khoảng một phần mười trong số những tân khách này tỏ ý muốn được trở thành đệ tử của Bụt.

Cùng với Uruvela Kassapa, Bụt đưa vua, hoàng hậu, thái tử Ajatasattu và các vị tân khách ra đến cửa rừng, Bụt biết rằng chỉ còn chưa đầy một tháng nữa thì mùa mưa sẽ tới, và người không thể trở về quê hương kịp trước mùa mưa. Người quyết định cùng chín trăm vị khất sĩ an cư ba tháng tại Rừng Kè. Người biết rằng sau ba tháng an cư tu học, tăng đoàn sẽ khá vững vàng để có thể tự trị và người sẽ thong thả ra đi vào đầu mùa Nắng khi bầu trời đã trong xanh và cây cối đã xanh tươi.

Vua Seniya Bimbisara có chủ ý tổ chức một cuộc đón rước Bụt và tăng đoàn thật long trọng. Vua dự tính làm lễ trai tăng cúng dường ngay trước sân điện chầu, một cái sân gạch rộng có thể có chỗ ngồi cho một vạn người. Vua cho thông báo với thần dân biết ngày thỉnh Bụt và khuyên dân chúng treo đèn kết hoa trên những con đường mà Bụt và tăng đoàn sẽ đi ngang qua để tới vương cung.

Vua cho mời rất nhiều nhân sĩ đến nghe Bụt thuyết pháp. Tất cả các quan chức trong triều cũng đều được mời đến dự. Vua cũng cho mời cả những em trai vào trạc tuổi của hoàng thái tử Ajatasattu. Thái tử năm nay lên mười hai tuổi. Biết Bụt và tăng đoàn không chấp nhận việc sát sinh để cúng dường, vua ra lệnh chuẩn bị những thức ăn thuần túy chay tịnh và rất ngon lành. Những người thân tín của vua có tới mười ngày để chuẩn bị cho cuộc tiếp đón.

Chương 29 - Muôn Vật Từ Duyên Mà Sinh Lại Từ Duyên Mà Diệt

Trong thời gian ấy, nhiều người có đạo tâm tìm đến với Bụt để xin xuất gia. Đa số là những thanh niên tuấn tú. Những vị khất sĩ giỏi làm phụ tá cho Bụt đã có nhiều, nên việc tiếp nhận và giảng dạy các vị khất sĩ mới đều được họ phụ trách. Con trai và con gái các nhà lành tìm đến Rừng Kè để xin quay về và nương tựa nơi tam bảo cũng rất đông. Có một hôm, sau lễ quy y của gần ba trăm người trẻ tuổi, đại đức Kondanna giảng cho người này về ba viên ngọc quý. Ba viên ngọc quý này là Bụt, Pháp và Tăng. Khất sĩ Kondanna là vị đệ tử đầu tiên đã thực chứng đạo Tỉnh Thức. Đại đức dạy:

- Bụt (Buddha) là người tỉnh thức, và là người tỉnh thức cao độ. Người tỉnh thức biết được và thấy được chân tướng vũ trụ và cuộc đời. Vì vậy người tỉnh thức không còn bị ràng buộc vào ảo vọng, sợ hãi, giận hờn và tham đắm. Người tỉnh thức là người tự do, có đầy đủ an lạc, có đầy đủ tình thương và sự hiểu biết. Bậc đại sa môn Gotama, thầy của chúng ta, là một bậc tỉnh thức hoàn toàn. Người là kẻ chỉ đường cho tất cả chúng ta, đưa chúng ta ra khỏi thế giới ảo vọng để trở nên những người tỉnh thức.

Mỗi người trong chúng ta đều có tính Bụt (Buddhata) trong lòng, và vì vậy ai cũng có thể trở thành người tỉnh thức như Bụt. Tính Bụt này là khả năng tỉnh thức, khả năng vượt thoát ảo vọng. Nếu chúng ta tu tập theo đạo lý tỉnh thức thì chúng ta làm cho tính Bụt trong ta mỗi ngày mỗi sáng và một ngày kia chúng ta sẽ cũng sẽ đạt được tự do và an lạc hoàn toàn như Bụt. Bụt ở ngay trong tâm của mỗi chúng ta. Chúng ta phải trở về tìm Bụt ngay trong tâm ta. Bụt là viên ngọc quý thứ nhất.

Pháp (Dharma) là con đường đưa tới sự tỉnh thức. Con đường này đã được Bụt tìm ra và đã và đang chỉ dạy cho chúng ta. Con đường này đưa ta thoát khỏi ngục tù ảo vọng, giận hờn, sợ hãi và tham đắm, và dẫn ta tới chân trời tự do an lạc, vô úy, làm cho sự hiểu biết và tình thương phát hiện nơi ta. Hiểu và thương là những hoa trái đẹp đẽ nhất của đạo lý tỉnh thức. Pháp là viên ngọc quý thứ hai của chúng ta.

Tăng (Sangha) là đoàn thể những người đang cùng nhau thực tập đạo tỉnh thức và cùng đi trên con đường giác ngộ. Muốn tu tập đạo giải thoát ta phải nương tựa vào đoàn thể này. Một mình đơn độc, ta sẽ gặp nhiều khó khăn trong sự tìm học và thực hành đạo lý tỉnh thức. Vì vậy chúng ta phải nương vào tăng đoàn. Người xuất gia cũng như người tại gia phải biết trở về nương tựa nơi Tăng để có thể đi xa trên con đường tu tập. Tăng là viên ngọc quý thứ ba của chúng ta.

Này các thiện nam tử và thiện nữ nhân! Tất cả chúng ta phải trở về nương tựa nơi ba viên ngọc quý của trần gian là Buddha, Dharma và Sangha. Có nương tựa rồi chúng ta sẽ hết bơ vơ và chúng ta sẽ vững tiến trên con đường giác ngộ và trong cuộc đời. Đã từ hai năm nay, tôi đã trở về nương tựa nơi ba viên ngọc quý. Hôm nay quý vị cũng phát nguyện đi cùng một con đường. Chúng ta nên vui mừng và sung sướng khi đưa ba viên ngọc quý vào lòng. Thật ra, ba viên ngọc quý ấy đã có sẵn trong tự tâm của chúng ta từ vô thỉ. Ta tu tập đạo giải thoát là để làm cho ba viên ngọc ấy chiếu sáng trong ta.

Các thanh niên rất sung sướng được nghe thầy Kondanna giảng. Họ cảm thấy một nguồn sinh lực mới trào dâng trong họ.

Từ hôm ấy, những người con trai và con gái các nhà lành có đạo tâm và ý chí tu học bắt đầu được các thầy khất sĩ gọi là thiện nam tử và thiện nữ nhân.

Trong thời gian này, Bụt đã thâu nhận vào tăng đoàn hai vị đệ tử thật xuất sắc: đó là Sariputta và Moggallana. Hai người đã từng tu học với đạo sĩ Sanjaya, một vị du sĩ nổi tiếng ở thủ đô Rajagaha. Bụt cũng đã từng nghe nói tới vị du sĩ này. Giáo đoàn của đạo sĩ Sanjaya là giáo đoàn của những vị du sĩ, gọi là parivrajaka. Sariputta và Moggalana là hai người bạn thân, cả hai đều thông minh và cởi mở. Họ đã từng hẹn với nhau là ai chứng đạt được đạo lớn thì phải thông báo và chỉ bảo ngay cho người kia biết.

Một hôm Sariputta trông thấy vị khất sĩ Assaji cầm bát đi khất thực trong thành phố Rajagaha. Assaji là một trong năm vị đệ tử xuất gia đầu của Bụt và đã được Bụt khai ngộ cho ở vườn Nai gần Banarasi. Thấy phong độ ung dung và giải thoát của Assaji, Sariputta rất lấy làm cảm phục. Phong độ này tạo ngay được niềm tin trong lòng vị du sĩ. Sariputta tự bảo:

- Đây chắc chắn là một vị đạo sĩ đã đạt đạo. Thật đúng như mình đã nghĩ: thế nào trên thế gian này cũng có người đạt đến quả vị giải thoát! Ta phải tới hỏi xem vị ấy tu học với ai, ai là thầy của vị ấy, và người ấy đã tu học theo giáo pháp nào?

Vừa nghĩ như thế, Sariputta vừa bước theo sau vị khất sĩ Assaji, nhưng ông lại tiếp:

- Vị đạo sĩ này đang đi khất thực từ nhà này sang nhà khác một cách lặng lẽ và nghiêm trang. Ta không nên quấy rầy thầy ấy. Ta nên đợi cho đến khi nào ông ta khất thực xong xuôi rồi hãy tới hỏi chuyện cũng không muộn.

Và Sariputta kiên nhẫn đi theo Assaji. Cho đến khi Assaji khất thực xong và đi ra khỏi vòng đai thành phố, Sariputta mới rảo bước đi nhanh, vượt qua ông ta, rồi quay trở lại để chào. Assaji dừng lại. Sariputta cung kính hỏi:

- Thưa đạo sĩ, phong thái của ngài rất ung dung, đạo đức của ngài biểu hiện ra từ dáng đi, từ cử chỉ cho đến nét mặt. Tôi xin mạn phép hỏi ngài: Ngài đã xuất gia tu học với ai? Ai là thầy của ngài? Và vị đạo sư ấy dạy giáo pháp gì?

Khất sĩ Assaji nhìn Sariputta một lát, rồi mỉm cười rất thân thiện. Ông trả lời:

- Tôi tu học dưới sự chỉ dẫn của vị đại sa-môn Gotama. Thầy của tôi xuất thân từ dòng họ Sakya. Chúng tôi gọi người là Bụt. Người hiện đang ở nơi đền Suppatthita trong Rừng Kè.

Nghe đến danh từ Bụt, mắt Sariputta sáng lên:

- Thầy của ngài dạy giáo pháp gì, xin ngài vui lòng cho tôi được biết sơ qua một chút.

- Tôi chỉ mới theo học với thầy tôi gần đây thôi; giáo pháp của thầy tôi vi diệu lắm tôi chưa đủ sức tuyên giải đâu. Ngài nên tìm đến thầy tôi thầy tôi sẽ chỉ dạy cho ngài.

Sariputta nài nỉ:

- Xin ngài cho tôi vắn tắt một vài câu cũng đã quý lắm rồi. Tôi sẽ đến cầu xin lệnh sư sau.

Assaji mỉm cười rồi đọc cho Sariputta nghe một bài kệ:

Chương 30 - Venuvana

VENUVANA

Ngày trăng tròn đã tới.

Buổi sáng, Bụt khoác ca-sa, mang bát, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị khất sĩ đi vào thành Rajagaha, đáp lại lời mời của quốc vương Bimbisara. Đoàn người đi trang nghiêm và lặng lẽ. Đường phố mà các vị khất sĩ đi qua đã được treo cờ và kết hoa. Dân chúng đổ ra hai bên đường chào đón đông nghịt. Tới một ngã tư, Bụt và giáo đoàn không đi lên được nữa, bởi vì dân chúng đã đổ ra đông quá, làm bít mất con đường.

Lúc ấy, khất sĩ Uruvela Kassapa đang đi sát sau lưng Bụt, còn chưa biết làm cách gì để khai thông con đường thì thầy bỗng thấy xuất hiện trước mặt Bụt một chàng thanh niên tuấn tú, tay cầm cây đàn mười sáu dây. Thanh niên cất tiếng hát, giọng chàng trong sáng và vọng lớn lên như tiếng chuông đồng. Tay đàn, miệng hát, chàng rẽ đám đông để đi tới. Quần chúng tránh đường cho chàng đi. Con đường được mở rộng, lúc ấy Bụt và giáo đoàn mới tiến lên được.

Thầy Kassapa nhận ra được tung tích người thanh niên đang mở đường cho Bụt và tăng đoàn bằng âm nhạc và thi ca. Đó là một chàng thi sĩ đã tới quy y với Bụt cách đây chưa đầy một tháng. Chàng đang ứng khẩu hát lên những cảm nghĩ của mình. Chàng hát:

Chương 31 - Sang Xuân Ta Sẽ Trở Về

Ngay ngày hôm sau, Bụt và các vị trưởng thượng trong giáo đoàn đi thăm viếng Trúc Lâm. Thật là một nơi cư trú lý tưởng cho giáo đoàn khất sĩ. Khu vườn rộng vào khoảng bốn chục mẫu. Tre mọc xanh tốt, đủ cả các loại. Hồ Kalandaka tọa lạc ở giữa rừng tre là một nơi rất thuận lợi để các vị khất sĩ tắm giặt và đi kinh hành. Tre rất nhiều, những chiếc thảo am có thể được dựng lên rải rác để làm chỗ cư trú cho các vị đại đức lớn tuổi. Các vị đệ tử lớn như Kondanna, Kassapa, Sariputta v.v... đều rất hoan hỷ. Họ họp nhau lại và hoạch định cách tổ chức Trúc Lâm thành một tu viện có quy củ. Bụt dạy:

- Mùa mưa không tiện lợi cho sự du hành. Các vị khất sĩ cần có nơi an cư trong mùa mưa để cùng tu học với nhau. Như vậy họ tránh được sự ướt át và dẫm đạp lên trên các loại côn trùng thường bò ra đầy dẫy. Tôi muốn mỗi năm cứ vào đầu mùa mưa, các vị khất sĩ phải tìm nơi an cư tu học với nhau, khỏi phải đi du hành đây đó. Trong ba tháng ấy, thiện nam và tín nữ có thể mang thực phẩm tới cúng dường tại các trung tâm an cư, và mỗi ngày, họ sẽ được các vị xuất gia chỉ dạy về đạo lý tỉnh thức.

Truyền thống an cư được thiết lập, chỉ còn mười lăm hôm nữa, mùa an cư được bắt đầu.

Dưới sự điều khiển của đại đức Moggallana, các vị khất sĩ trẻ tuổi đã dựng lên một tịnh xá nhỏ cho Bụt và nhiều tịnh xá nhỏ khác cho các vị khất sĩ trưởng thượng hoặc lớn tuôi. Tất cả đều được làm bằng tre, tranh, và bùn đất. Tịnh xá của Bụt tuy nhỏ nhưng rất xinh xắn. Phía sau tịnh xá có một bụi tre vàng rất đẹp. Bên trái tịnh xá cũng có một bụi tre thật xanh tươi và cao. Bụi tre này cho Bụt rất nhiều bóng mát. Thầy Nagasamala đã đóng cho Bụt một cái chõng tre để người nằm nghỉ. Người cũng ngồi thiền trên đó. Thầy lại còn kê cho Bụt một vại nước ở phía sau tịnh xá để người có chỗ rửa mặt và tay chân. Thầy Nagasamala là một vị khất sĩ trẻ. Trước đây thầy đã từng là đệ tử của đại đức Uruvela Kassapa, khi đại đức còn chưa xuất gia theo Bụt. Từ ngày dọn về tu viện Trúc Lâm, thầy Nagasamala được đại đức Kassapa tiến cử lên Bụt để làm thị giả cho người.

Đại đức Sariputta đã tiếp xúc với một vị cư sĩ ở thành Vương Xá và vị cư sĩ này đã đem cúng dường tu viện Trúc Lâm một chiếc chuông đồng. Đại đức đã cho treo chuông gần hồ Kalandaka dưới một cành cổ thụ. Tiếng chuông báo hiệu giờ giấc tu học trong tu viện, và trở thành hiệu lệnh cho tất cả tăng đoàn. Bụt dạy mỗi khi nghe tiếng chuông, tất cả mọi người đều phải theo dõi hơi thở và thực tập chánh niệm. Tiếng chuông như vậy không chỉ có tác dụng thông báo giờ giấc mà còn có tác dụng nhắc nhở mọi người trở về với chánh niệm nữa.

Các vị đệ tử cư sĩ của Bụt ngày nào cũng có lui tới Trúc Lâm để giúp đỡ công trình kiến thiết tu viện. Họ được đại đức Kassapa cho biết là ngày trăng tròn sắp đến, tăng đoàn sẽ bắt đầu an cư tu học tại Trúc Lâm. Đại đức nói:

- Đây là một dịp để các vị khất sĩ được thực tập đạo giải thoát trực tiếp dưới sự hướng dẫn của Bụt. Họ sẽ có nhiều thì giờ học hỏi và thực tập hơn trong mùa an cư. Đồng thời họ cũng tránh được sự dẫm đạp lên các loại côn trùng thường xuất hiện rất nhiều vào mùa mưa trên các con đường, nhất là những con đường thôn dã. Trong thời gian ba tháng an cư của các thầy. Quý vị

có thể đem thức ăn tới cúng dường Bụt và tăng đoàn. Quý vị có thể họp nhau để tổ chức việc cung cấp thực phẩm cho tăng đoàn, như thế thì sẽ không có ngày nào thức ăn bị dư hoặc bị thiếu. Tất cả các vị thí chủ, dù là người nghèo khổ nhất và chỉ có thể cúng dường một vài chiếc bánh chappati, cũng đều được mời ở lại để nghe Bụt hoặc một vị cao đệ của người thuyết pháp. Mùa an cư sẽ đem lại nhiều tiến bộ cho sự tu học của tăng đoàn cũng như là của các vị đệ tử tại gia.

Đại đức Kassapa lãnh đạo tăng đoàn rất giỏi mà tổ chức giới cư sĩ cũng giỏi. Thầy đã hội họp với những vị thí chủ của tu viện và đã giúp cho họ điều hợp việc cúng dường và hổ trợ tu viện. Các vị khất sĩ, ngoài áo ca sa, bình bát và nệm ngồi thiền, còn được cúng dường một chiếc khăn lau mặt và một chiếc lọc để lọc nước uống nữa.

Ngày an cư đã đến, và thời khóa tu học do các vị trưởng thượng ấn định, đã được tăng đoàn chấp hành theo một cách nghiêm chỉnh. Buổi sáng vào lúc đầu canh tư, đã có chuông báo thức. Sau khi rửa mặt, các vị khất sĩ bắt đầu thiền tập ngay tại chỗ của mình. Mọi người thực tập thiền tọa và kinh hành nhiều lần cho đến khi mặt trời đã lên tới đầu ngọn tre. Sau đó là giờ đi khất thực. Đại chúng chỉ nghỉ đi khất thực vào những ngày có thí chủ cúng dường thực phẩm đầy đủ cho tu viện. Vào những ngày này, các vị khất sĩ có thể sử dụng thì giờ buổi sáng để đi tìm y chỉ sư của mình mà học hỏi thêm giáo lý và tham vấn về những điều mình chưa nắm vững trong lãnh vực giáo nghĩa cũng như trong lãnh vực thực tập.

Y chỉ sư là một vị khất sĩ đã đạt tới nhiều tiến bộ trên con đường học hỏi và hành trì. Các vị đại đức như Kondanna, Assaji, Kassapa, Sariputta, Moggallana, Bhaddhiya, Vappa, Mahanama v.v... đều là những vị y chỉ sư lớn, mỗi vị phụ trách hướng dẫn năm sáu mươi vị khất sĩ mới học. Có những vị y chỉ sư hướng dẫn mười vị, có vị hướng dẫn hai mươi vị, có vị hướng dẫn ba mươi vị ... Vị khất sĩ mới học nào cũng có y chỉ sư của mình. Đó là người huynh trưởng trong đạo mà mình cần nương tựa vào để học hỏi.

Đại đức Kassapa đã cùng với đại đức Sariputta làm công việc phân phối này rất kỹ lưỡng trước ngày an cư.

Vào đầu giờ Ngọ, các vị khất sĩ đều đã có mặt tại tu viện. Họ mang bát đứng thành từng hàng dài ở sân cỏ bờ hồ.

Sau khi đã được cúng dường hoặc đã san sẻ thực phẩm xin được cho nhau, mọi người ngồi xuống bãi cỏ và bắt đầu thọ trai trong im lặng.

Buổi trai phạn hoàn tất vào cuối Ngọ. Mọi người quây quần bên Bụt. Có khi người giảng dạy cho các vị khất sĩ và các vị cư sĩ được dự thính, có khi người giảng dạy cho các vị cư sĩ, và các vị khất sĩ dự thính. Lại có những buổi giảng dạy cho thiếu nhi và tất cả những người lớn tuổi của cả hai giới xuất gia và tại gia dự thính. Thường thường trong các buổi giảng cho trẻ em, Bụt hay dùng những truyện tiền thân.

Có khi các đại đức cao đệ của Bụt đứng ra giảng dạy thay Bụt. Những lúc ấy, Bụt ngồi nghe, và người thường mở lời khen ngợi khi đạo lý giải thoát được diễn bày một cách đúng mức và thông minh.

Sau buổi thuyết pháp, giới đệ tử tại gia ra về. Mọi người có được một thời gian nghỉ ngơi.

Sau đó chuông lại báo hiệu giờ thiền tọa và thiền hành.

Các thầy thực tập tham vấn và học hỏi cho đến đầu giờ Hợi mới đi nghỉ.

Bụt thường thiền tọa cho đến nửa đêm. Người hay bắc chiếc chõng tre ra trước tịnh xá ngồi cho mát, nhất là vào những đêm có trăng. Mỗi buổi sáng khi thức dậy, người ưa đi thiền hành, người không cần ngủ nhiều giờ như các vị khất sĩ trẻ tuổi. Đại đức Kassapa cũng thức rất khuya để thiền tập.

Vua Bimbisara rất siêng năng đến Trúc Lâm để thăm Bụt và tăng đoàn. Vua không đem theo hàng trăm người như lần đầu đi gặp Bụt ở rừng Kè. Những lần đi thăm Bụt ở Trúc Lâm, vua chỉ đem theo hoàng hậu Vedehi và thái tử Ajatasattu. Có khi vua đến một mình. Để xe tứ mã và quân hầu phía ngoài tu viện, vua đi bộ vào tịnh xá của vị đại sa môn.

Có một hôm thấy các vị khất sĩ ngồi trong mưa để nghe giảng, vua bạch với Bụt xin xây cất một Pháp đường trong đó chư vị xuất gia có thể thọ trai và nghe Pháp. Được sự chấp thuận của Bụt. Pháp đường được xây dựng ngay sau cuộc viếng thăm của vua. Pháp đường không những che mưa nắng cho trên một ngàn vị xuất gia mà còn che mưa nắng được cho khoảng một ngàn vị đệ tử cư sĩ nữa.

Từ hôm Pháp đường được xây dựng xong, đời sống của tu viện đã bắt đầu có đủ tiện nghi.

Bụt đưa vua vào thăm tịnh xá bằng tre của mình và mời vua ngồi thử trên chiếc chõng tre của Bụt. Thầy thị giả của Bụt cũng đã đóng cho Bụt hai chiếc ghế bằng tre để Bụt tiếp khách. Một hôm Bụt mời vua ngồi chơi với Bụt trên những chiếc ghế tre đặt trước tịnh xá. Sau một hồi đàm đạo, vua tâm sự:

- Trẫm có một đứa con trai khác mà Bụt chưa gặp. Trẫm rất muốn nó và mẹ nó tới thăm ngài. Thưa Thế Tôn, mẹ nó không phải là hoàng hậu Vedehi. Mẹ nó tên là Ambapali, nó tên là Jivaka, năm nay mười sáu tuổi. Mẹ nó cư trú tại Vesali, phía Bắc thành phố Pataliputta. Ambapali không ưa đời sống chật hẹp trong cung cấm. Ambapali không màng chức tước và địa vị. Nàng chỉ thích tự do. Trẫm đã ban cho hai mẹ con mấy cơ sở tự túc kinh tế, trong đó có một vườn Xoài rất đẹp. Jivaka rất thông minh và đôn hậu. Jivaka cũng không thích chính trị và quyền binh. Hiện nó đang ở gần thủ đô và đang học nghề y sĩ.

Trẫm thương nó lắm, cầu xin Bụt thương nó như trẫm đã thương. Nếu được đức Từ Bi chấp nhận, trẫm sẽ bảo nó về đây thăm ngài và để được học hỏi với ngài.

Bụt mỉm cười lặng thinh, đó là dấu hiệu người ưng thuận. Vua chắp tay chào Bụt và từ giã.

Một buổi chiều hôm nọ, có hai người khách đặc biệt tới viếng Bụt ở tu viện Trúc Lâm. Hai người ấy đến từ quê hương của Bụt, kinh đô Kapilavatthu. Đó là Kaludayi và Channa. Kaludayi là bạn học từ thuở bé của Bụt, và Channa là người ngày xưa thường đánh xe đưa Bụt đi. Cuộc gặp gỡ này làm ấm cả Trúc Lâm tịnh xá.

Bụt xa nhà đã bảy năm, và người rất muốn được nghe tin tức nhà. Người hỏi thăm Kaludayi về phụ vương, hoàng hậu, Yasodhara, Nanda, Sundari Nanda, Rahula và tất cả những người thân thuộc.

Kaludayi tuy còn rất khỏe nhưng nét mặt đã dạn dày gió bụi. Channa thì đã già hẳn đi.

Hai người được Bụt tiếp chuyện rất lâu trước túp lều tranh của người.

Kaludayi đã có chức tước quan trọng trong triều và đã trở nên một trong những người phụ tá thân tín của vua Sudhodana. Ông nói là tin Bụt thành đạo và đang hằng hóa ở vương quốc Magadha đã được chuyển về Kapilavatthu liên tiếp từ hai tháng nay. Ai nghe tin này cũng mừng rỡ. Mừng rỡ nhất là vua, hoàng hậu, và Gopa. Khi nguồn tin đã được liên tiếp xác nhận, vua đã ủy thác cho Kaludayi đi mời Bụt trở về quê hương.

Kaludayi rất sung sướng được vua giao cho trách vụ này. Ông để ra ba hôm để chuẩn bị chuyến đi, và suốt cả mấy đêm ông không ngủ được vì náo nức trong dạ. Ông đã qua thăm Yasodhara để trình bày với phu nhân về chuyến đi. Phu nhân mừng rỡ và đề nghị cho Channa đi theo. Khi được báo tin là sẽ được cùng thượng quan Kaludayi đi mời Bụt, Channa đã mừng rơi nước mắt. Hai thầy tớ đã đi gần một tháng mới tới được tu viện Trúc Lâm.

Theo lời Kaludayi thì sức khỏe phụ vương đã có phần suy giảm. Ngài vẫn còn sáng suốt, và hiện nay ngài có đủ người phụ tá giỏi trong công việc triều chính. Hoàng hậu Gotami vẫn còn rất tráng kiện. Hoàng tử Nanda đã lớn và đã đính ước với một tiểu thư con nhà dòng dõi tên là Kalyani. Nanda rất đẹp trai và rất ưa chưng diện, nhưng tính tình không được cương nghị cho mấy. Sundari Nanda em gái Bụt đã trở nên một cô thiếu nữ kiều diễm.

Phu nhân Yasodhara thì từ ngày Bụt đi đã bỏ hết mọi đồ trang sức. Bà ăn mặc rất giản dị, bao nhiêu vật quý giá trong cung bà đã cho đem bán hết để lấy tiền giúp vốn cho những gia đình túng quẩn nhất ở các xóm nghèo. Nghe nói Bụt mỗi ngày chỉ ăn một bữa, bà cũng bắt đầu mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Bà vẫn còn làm việc từ thiện xã hội như xưa với sự góp sức của hoàng hậu Gotami. Rahula đã trở thành một cậu bé bảy tuổi xinh đẹp, mạnh khỏe, hai mắt đen láy, thông minh và quả cảm. Rahula rất được ông nội và bà nội cưng quý, cưng quý không khác gì cưng quý Siddhatta ngày xưa.

Những điều Kaludayi đã nói được người đánh xe Channa xác định. Bụt ngồi nghe và cảm thấy rất ấm lòng. Cuối cùng, Kaludayi hỏi Bụt chừng nào người có thể lên đường trở lại quê hương, Bụt nói:

- Đầu mùa Xuân, tôi sẽ về. Bây giờ là đang là mùa mưa, việc du hành đã trở nên không thuận lợi. Với lại trong số một ngàn hai trăm năm mươi vị khất sĩ, có rất nhiều vị còn non yếu trên con đường thực tập. Sau mùa an cư này họ sẽ vững vàng hơn, và tôi có thể an tâm hơn để ra đi. Kaludayi! Bạn hãy ở lại đây chơi một tháng, Channa cũng vậy. Sau đó các vị có thể về nước và báo tin cho phụ vương ta hay là đầu mùa Xuân ta sẽ lên đường trở lại quê hương.

Kaludayi và Channa lưu lại tu viện Trúc Lâm như người người khách. Họ làm quen với các vị khất sĩ. Họ thấy được nếp sống thanh tịnh an lạc của người xuất gia. Họ thấy được ảnh hưởng của đạo giải thoát trên tâm hồn và trong nếp sống hàng ngày của người xuất gia. Kaludayi ngày nào cũng được gần Bụt. Ông quán sát Bụt rất kỹ. Ông thấy được sự thảnh thơi mầu nhiệm của Bụt. Con người này đã đạt tới chỗ không còn mong muốn hay tìm cầu một cái gì khác nữa.

Bụt như một con cá thảnh thơi trong nước, như một đám mây thảnh thơi trên trời. Người hoàn toàn an trú trong hiện tại. Cái nhìn và nụ cười của Bụt chứng minh rằng Bụt đã đạt tới tự do tuyệt đối của tâm linh. Không còn gì có thể ràng buộc được con người này, nhưng cũng không ai có được sự hiểu biết và lòng thương yêu rộng lớn và không điều kiện của người. Kaludayi thấy

người bạn học năm xưa đã bỏ mình xa quá trên con đường tâm linh. Ông bỗng ao ước được sống đời sống tịnh lạc của một kẻ xuất gia dưới sự hướng dẫn của Bụt. Ông muốn bỏ hết địa vị, chức tước và những lo lắng phiền muộn của cuộc sống lợi danh. Sau ngày thứ bảy cư trú tại Trúc Lâm, ông ngỏ ý xin Bụt xuất gia.

Bụt hơi tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng người đã gật đầu ưng thuận.

Channa là một người hầu cận rất trung thành. Thấy Kaludayi được xuất gia, ông cũng muốn được xuất gia.

Nhưng ông nghĩ rằng ông không thể xuất gia nếu không được phép lệnh bà Yasodhara trước.

Vì vậy ông tự bảo phải chờ đến khi Bụt trở về Kapilavatthu.

Chương 32 - Ngón Tay Chỉ Mặt Trăng

Một buổi chiều nọ, hai vị đại đức Sariputta và Moggallana đến thăm Bụt nơi tịnh xá của người và giới thiệu với Bụt một người quen thân của họ, du sĩ Dighanakha. Du sĩ Diganakha không phải là đệ tử của đạo sĩ Sanjaya nhưng cũng rất nổi tiếng, Dighanakha là cậu ruột của đại đức Sariputta. Nghe nói hai người thân nhất của mình đã xuất gia theo Bụt, ông tìm tới để hỏi thăm Bụt về giáo pháp của người. Thay vì mô tả và tường thuật, hai vị đưa ông đến trực tiếp gặp Bụt.

Diganakha nói với Bụt:

- Sa môn Gotama, ngài dạy giáo pháp gì? Chủ thuyết của ngài là chủ thuyết nào? Riêng tôi, tôi không thích một chủ trương hay một lý thuyết nào hết. Tôi không tin vào một chủ trương hay một lý thuyết nào hết.

Bụt mỉm cười hỏi:

- Vậy ngài có thích cái chủ trương "không thích" của ngài không? Ngài có tin cái chủ trương "không tin" của ngài không?

Vị du sĩ ngỡ ngàng. Ông ta nói liều:

- Sa môn Gotama, tôi thích hay không thích, tôi tin hay không tin, thì cũng như vậy thôi, điều đó không quan hệ gì mấy.

Bụt từ tốn:

- Một khi đã bị kẹt vào một chủ thuyết rồi thì người ta mất hết tự do, người ta trở nên độc đoán, cho rằng chỉ có chủ thuyết của mình mới là chân lý còn tất cả những chủ thuyết khác đều là tà đạo. Những tranh chấp và cãi cọ được phát sinh từ thái độ cố chấp này. Những tranh chấp và cãi cọ ấy có thể kéo dài bất tuyệt, làm mất rất nhiều thì giờ quý báu và có thể tạo ra xung đột và chiến tranh. Vì vậy cho nên kiến thủ là trở ngại lớn lao nhất trên con đường tu học.

- Kiến thủ là gì?

- Kiến là nhận thức, là quan điểm. Thủ là sự cố chấp. Kiến thủ là cố chấp vào một nhận thức hay một quan điểm. Cố chấp như vậy là bị kẹt, vì bị kẹt cho nên cánh cửa chân lý không còn cơ hội mở ra cho mình nữa.

Này ông bạn, để tôi kể cho ông bạn nghe câu chuyện này. Có một người lái buôn góa vợ kia đang sống với một đứa con trai năm tuổi. Anh ta cưng chiu con, xem đứa nhỏ là lẽ sống của đời mình. Một bữa nọ trong khi anh ta bỏ hàng đi vắng, kẻ cướp đến đốt xóm đốt làng, cướp bóc và bắt đứa con của anh đi theo. Khi về tới nơi, người cha trẻ thấy thi hài một em bé cháy đen nằm bên căn nhà đã cháy rụi của mình, anh ta tin ngay rằng con mình đã chết. Anh ta khóc lóc, làm lễ hỏa thiêu thân xác đứa bé, vì thương con quá, anh ta cất tro của đứa bé vào một cái túi gấm và đi đâu cũng mang theo bên mình. Mấy tháng sau, đứa con của anh ta thoát được tay ke cướp và tìm về được vào lúc nửa đêm. Nó gõ cửa đòi vào. Lúc ấy người cha trẻ đang ôm chiếc túi gấm đựng tro và than khóc một mình. Anh ta không chịu đứng dậy mở cửa. Anh ta tin rằng con anh

đã chết thật rồi, và đứa trẻ đang gõ cửa ngoài kia là một đứa trẻ hàng xóm mất dạy nào đó đang cố tình trêu ghẹo anh. Vì vậy mà đứa con thật của anh ta phải thất thểu ra đi, và người cha khốn khổ kia vĩnh viễn mất đứa con duy nhất.

Này ông bạn, nếu ta cố chấp vào một chủ nghĩa và cho đó là chân lý tuyệt đối, ta sẽ lâm vào tình trạng của người cha trẻ kia. Ta sẽ không mở lòng ta ra được để đón nhận chân lý. Ta sẽ có cảm tưởng rằng ta không cần đi tìm sự thật nữa, vì ta đã có sự thật rồi. Lúc ấy nếu sự thật có tới gõ cửa tìm ta, ta cũng sẽ từ chối không mở cửa.

Diganakha hỏi:

- Vậy giáo pháp của ngài dạy có phải là một chủ nghĩa không? Cố chấp vào nó có phải là kiến thủ không?

- Giáo pháp của tôi chỉ dạy không phải là một chủ nghĩa hay một lý thuyết. Nó không hình thành do công phu suy tư và ức đạt của trí năng, như những chủ thuyết chủ trương về bản chất của vũ trụ, cho rằng bản chất ấy là lửa, nước, là đất, là gió hay là thần linh hoặc cho rằng vũ trụ hữu hạn hay vô hạn, hữu biên hay vô cùng v.v...

Trí năng ức đạt và suy tư về sự thật cũng như con kiến bò quanh miệng bình bát không đưa ta đi đến đâu cả.

Không, giáo pháp của tôi dạy không phải là một chủ thuyết xây dựng trên trí năng. Đó là kinh nghiệm thực chứng, những gì tôi nói ra tôi đều đã thực chứng, và ông bạn cũng có thể kiểm điểm lại bằng kinh nghiệm thực chứng của ông bạn. Tôi nói vạn vật là vô thường và không có tư ngã. Điều này tôi đã chứng nghiệm và các bạn cũng có thể chứng nghiệm. Tôi nói vạn vật nương vào nhau mà sinh khởi, tồn tại, và hoại diệt, chứ không phải xuất phát từ một nguyên nhân đầu tiên nào hết. Điều này tôi cũng đã chứng nghiệm và các bạn cũng có thể chứng nghiệm. Tôi nói quán chiếu về vô thường, vô ngã và duyên sinh thì có thể đạt tới giải thoát và an lạc. Điều này tôi cũng đã chứng nghiệm và các bạn cũng có thể chứng nghiệm. Những điều tôi nói không có mục đích thuyết minh về vũ trụ mà chỉ có mục đích hướng dẫn sự thực tập và chứng nghiệm thực tại. Lời nói không diễn tả được thực tại, chỉ có kinh nghiệm trực tiếp mới làm cho ta tiếp xúc được với thực tại.

Diganakha thốt lên:

- Hay quá, hay quá, sa môn Gotama! Nhưng trong trường hợp mà có người nhận thức giáo pháp của ngài như một chủ thuyết thì sao?

Bụt im lặng gật đầu:

- Du sĩ Diganakha, câu hỏi của ông bạn hay lắm. Giáo pháp của tôi không phải là một chủ thuyết do trí năng tạo dựng, nhưng sau này và ngay cả bây giờ nữa, đã có thể có những người nhận giáo pháp ấy như một chủ thuyết. Tôi cần nói rõ: giáo pháp của tôi là một phương tiện để đi vào thực tại chứ không phải là để miêu tả thực tại, cũng như ngón tay chỉ lên mặt trăng không phải là mặt trăng. Người khôn khéo phải nương vào ngón tay để thấy được mặt trăng. Nếu cố chấp vào ngón tay, nếu cho ngón tay là mặt trăng thì sẽ không có cơ hội nào thấy được mặt trăng cả. Giáo pháp của tôi là để thực tập chứ không phải là để cất giữ mà thờ phụng và ca ngợi. Chiếc bè là để giúp ta qua sông chứ không phải để ta vác lên trên vai mà tự hào. Này các

bạn, giáo pháp tôi dạy cũng như một chiếc bè. Phải sử dụng nó để đi sang bên bờ bên kia, bờ giải thoát.

- Xin Bụt chỉ bày cho tôi con đường có thể vượt thoát được những cảm thọ sầu khổ.

- Cảm thọ có ba loại: cảm thọ dễ chịu, cảm thọ khó chịu và cảm thọ không dễ chịu cũng như không khó chịu. Cả ba loại cảm thọ đều có gốc rễ hoặc trong thân thể hoặc trong tâm ý và nhận thức. Cảm thọ có sinh có diệt như bất cứ hiện tượng tâm vật lý nào. Phương pháp tôi chỉ bày là phương pháp quán chiếu. Quán chiếu để có thể thấy được bản chất và nguồn gốc của các cảm thọ, dù là lạc thọ, khổ thọ hay xả thọ. Thấy được nguồn gốc của các cảm thọ rồi, ta sẽ thấy được bản chất của cảm thọ. Ta sẽ thấy cảm thọ cũng có tánh vô thường và vô ngã như tất cả các pháp khác. Sự sinh diệt của chúng dần dần sẽ không động được tới ta. Hầu hết các cảm thọ khổ đau của ta đều bắt nguồn từ nhận thức sai lầm của ta về thực tại. Nhổ bật gốc rễ của những sai lầm ấy lên thì khổ thọ không còn. Các vị nên biết: nhận thức của con người đầy dẫy sai lầm. Vạn pháp vô thường mà cho là thường, vạn pháp vô ngã mà cho là ngã. Đó là vô minh. Vô minh là nguồn gốc của khổ đau. Tu tập đạo giải thoát tức là diệt trừ vô minh của nhận thức. Điều này quý vị chỉ có thể thực tập bằng phép quán chiếu chứ không thể thực tập bằng cách cầu nguyện và tế tự.

Trong khi Bụt nói, các đại đức Sariputta và Moggallana đều có mặt. Họ đứng sau lưng người. Kaludayi cũng có mặt. Thầy thị giả Nagasamala cũng có mặt. Channa cũng có mặt, nhưng người thấu đạt sâu sắc những những lời Bụt nói là đại đức Sariputta. Thầy thấy tâm trí thầy sáng lên như có một mặt trời tỏa chiếu. Không ngăn được xúc cảm, thầy chắp tay sụp lạy xuống trước mặt Bụt.

Moggallana cũng cảm động không kém. Thấy bạn lạy xuống, thầy cũng lạy xuống. Du sĩ Diganakha đã thấy thấm thía từ lúc Bụt kể chuyện người cha trẻ mất con, bây giờ được hoàn toàn chinh phục. Thấy hai bạn lạy xuống, ông cũng lạy xuống. Ông xin Bụt được xuất gia theo học với người.

Kaludayi và Channa được chứng kiến cảnh tượng này rất lấy làm cảm động.

Trong họ nảy sinh vừa niềm tin tưởng vừa sự tự hào.

Mấy hôm sau đó, hoàng hậu Vedehi cùng người của hoàng gia đưa thực phẩm đến cúng dường đại chúng. Hoàng hậu lại đem theo cả một cây bông sứ để trồng phía bên trái túp lều của Bụt. Hoàng hậu nhớ mãi câu chuyện tiền thân về cây bông sứ mà Bụt đã kể cho trẻ em trại sân rồng hơn một tháng trước.

Dưới sự hướng dẫn của Bụt, đại chúng tu học rất tinh tiến và đạt được rất nhiều tiến bộ. Các đại đức Sariputta và Moggallana đã trở nên những ngôi sao sáng nhờ sự thông minh, công phu hành trì và tài lãnh đạo của họ. Cùng với các vị đại đức khác như Kondanna và Kassapa, họ giúp Bụt tổ chức và hướng dẫn tăng đoàn một cách rất hữu hiệu. Uy tín của tăng đoàn càng ngày càng lên cao và vì vậy tại thủ đô Rajagaha đã bắt đầu có một luồng dư luận nói xấu Bụt.

Nguồn dư luận này có thể đã phát xuất từ những giáo phái có tư tưởng cạnh tranh. Các vị đệ tử tại gia đến tu viện Trúc Lâm để cúng dường và học hỏi thỉnh thoảng lại nói đến nguồn dư luận này. Người ta đồn đãi rằng từ khi Bụt đến thành Vương Xá, người đã quyến rũ hàng ngàn người thanh niên tuấn tú theo một đạo mới. Họ nói không biết sau này bao nhiêu ngàn người con trai

nữa sẽ bỏ nhà bỏ cửa theo Bụt, và bao nhiêu người con gái lớn lên sẽ không lập được gia đình và nối dõi được tổ tông.

Một số các vị khất sĩ không mấy hài lòng khi nghe những lời buộc tội này. Rốt cuộc tiếng đồn tới được tai Bụt. Bụt an ủi các vị khất sĩ và các vị đệ tử tại gia: "Quý vị đừng phiền muộn về những lời đồn đãi đó. Những lời đồn đãi đó trước sau gì cũng sẽ im bặt".

Mà đúng như thế.

Chỉ trong vòng nửa tháng sau, không ai còn nói đến luồng dư luận kia nữa.

Chương 33 - Cái Đẹp Không Tàn Hoại

Một hôm nọ, khi mùa an cư chỉ còn nửa tháng nữa thì được hoàn mãn, có một người thiếu phụ rất đẹp đến viếng thăm Bụt. Người thiếu phụ này đi xe song mã. Hai con ngựa đều trắng và xe cũng sơn màu trắng. Thiếu phụ bước xuống xe cùng với một chàng con trai khoảng mười lăm hay mười sáu tuổi. Thiếu phụ trang sức cực kỳ lộng lẫy và dáng đi rất quý phái. Tại cổng tu viện bà gặp một vị khất sĩ trẻ tuổi và hỏi thăm về Bụt. Vị khất sĩ này hương dẫn bà và cậu thanh niên vào đến tận túp lều của Bụt. Bụt không có đó. Người đang đi thiền hành. Vị khất sĩ mời thiếu phụ và cậu con trai ngồi xuống trên hai chiếc ghế tre đặt trước sân tịnh xá. Chiếc ghế thứ ba là để Bụt ngồi.

Một lát sau Bụt về tới, cùng với Kaludayi, Sariputta và thầy thị giả. Thiếu phụ và cậu con trai cùng đứng dậy vái chào người. Bụt mời hai mẹ con an tọa. Người cùng ngồi xuống chiếc ghế đặt sẵn cho người. Người biết đây là ca nương Ambapati và cậu con trai là Jivaka.

Kaludayi chưa bao giờ thấy một người đàn bà đẹp như thế và duyên dáng như thế. Thầy chỉ mới đi tu được có một tháng nên thầy bỡ ngỡ, không biết nhìn ngắm một người đàn bà đẹp như vậy thì có đúng phép không. Nghĩ như vậy, thầy nhìn xuống đất. Thầy thị giả Nagsamala cũng có phản ứng giống hệt như vậy. Cả hai thầy đều nhìn xuống đất. Duy chỉ có Bụt và Sariputta là nhìn thẳng vào mặt thiếu phụ mà thôi.

Sariputta nhìn thiếu phụ rồi xoay sang nhìn Bụt. Thấy sắc diện của Bụt không khác gì sắc diện của một mặt trăng rằm, tự nhiên, hiền lành, trong sáng. Phút chốc, thầy cảm thấy cái tự tại và an lạc của Bụt thấm vào lòng thầy.

Thiếu phụ có tên là Ambapati cũng đang nhìn Bụt. Bà chưa thấy ai nhìn bà như vậy bao giờ. Từ xưa tới nay mỗi khi có một người đàn ông hay một thanh niên nhìn bà, bà đều thấy trong ánh mắt người đó hoặc một thoáng bối rối, hoặc một thoáng ao ước, hoặc một dự tính chiếm hữu. Bụt đang nhìn bà như đang nhìn một đám mây, một dòng sông hay một bông hoa. Hình như người thấy được tận trong chiều sâu thẳm của tâm hồn bà.

Ambapali chắp tay bạch Bụt:

- Con là Ambapali, và đây là con trai của con, Jivaka, năm nay mười lăm tuổi. Cháu nó đang học nghề y, con đã được nghe nói về thầy và con rất ao ước cháu sẽ được có duyên tới học hỏi cùng thầy.

Bụt hỏi thăm Jivaka về chuyện học văn và đời sống của chàng, Jivaka trả lời rất lễ phép. Đây là một chàng trai đôn hậu, hiền lành và thông minh. Cùng cha khác mẹ với thái tử Ajatasattu, nhưng chàng trông có đức độ hơn và cũng có vẻ thông minh hơn. Sau một vài câu chuyện với Bụt, Jivaka bỗng thấy trào dâng trong lòng một mối cảm tình sâu đậm đối với ông thầy tu này. Chàng tự hẹn là sau khi học xong nghề thuốc chàng sẽ xin ở gần bên Bụt.

Ambapali đã tưởng rằng Bụt chỉ là một ông thầy tu nổi tiếng như những ông thầy tu nổi tiếng khác mà bà đã gặp, nhưng không, bà chưa từng gặp một người nào như Bụt. Bà chưa từng thấy ai có cái nhân cách như nhân cách Bụt. Cái nhìn của Bụt hiền dịu làm sao. Bà có cảm tưởng là

bà không cần than thở gì với Bụt mà Bụt vẫn thấy và hiểu được những niềm khổ đau sâu kín trong tâm bà. Được nhìn Bụt và được Bụt nhìn như thế, bà đã thấy vơi bớt rất nhiều nỗi khổ. Một giọt nước mắt ứa ra trên khóe mi bà. Bà nói:

- Lạy thầy, đời con khổ lắm. Tuy rằng con không thiếu thốn gì trên phương diện tiền của và vật chất nhưng con chưa bao giờ có được một niềm tin. Hôm nay là ngày sung sướng nhất của đời con.

Ambapali là ca nhi, nhưng nàng không hát cho bất cứ ai muốn nghe nàng hát. Những người mà nàng không ưa hoặc nàng nhận thấy thiếu phong độ và tư cách thì dù có đem đến cả trăm vạn đồng nàng cũng từ chối. Từ năm mười sáu tuổi, nàng đã gặp một cuộc tình trắc trở. Sau đó, nàng đã gặp vua Bimbisara khi vua còn là thái tử. Có những người trong triều đã không muốn hoàng gia công nhận Jivaka là con của thái tử. Họ nói Jivaka là con hoang mà thái tử bắt gặp ở trong một cái thúng để ở bên vệ đường. Điều này cũng đã làm cho Ambapali đau khổ. Nàng đã gánh chịu rất nhiều khổ đau vì ghen ghét và vì thù hận. Nàng trân quý tự do như bảo vật duy nhất còn lại trong đời, cho nên từ ấy đến nay không ai và chưa ai trói buộc được nàng.

Bụt dạy:

- Nhan sắc cũng chịu luật sinh diệt và cũng sẽ tàn phai như bao nhiêu hiện tượng khác. Của cải và sự giàu sang cũng vậy Chỉ có niềm an lạc và cái tự do công phu quán chiếu đem tới mới là niềm vui chân thật mà thôi. Này Ambapali, đã đến lúc con phải tập đời sống tỉnh thức an lạc. Phải trân quý từng giây phút còn lại của đời mình, đừng lãng phí chúng trong sự vui chơi quên lãng. Điều này rất quan trọng cho con và cho Jivaka.

Rồi Bụt dạy cho Ambapali cách tổ chức lại đời sống hàng ngày, cách hành trì năm giới, cách thở, cách ngồi, cách sử dụng thì giờ, cách cúng dường và làm việc phúc thiện. Ambapali sung sướng ngồi nghe những lời dạy quý báu của Bụt. Cuối cùng trước khi từ giã Bụt, bà nói:

- Tại ngoại ô thành Vesali, con có một vườn xoài rất mát và rất thanh tịnh. Con mong có ngày đi hoằng hóa ngang đó, Bụt và chư vị khất sĩ sẽ ghé nơi ấy để nghỉ ngơi. Đây sẽ là một vinh hạnh lớn cho con và cho Jivaka. Kính xin đức Từ Bi hoan hỷ nhận lời cho con.

Bụt mỉm cười nhận lời.

Ambapali đi rồi, thầy Kaludayi xin phép được ngồi xuống bên Bụt. Thầy thị giả cũng mời đại đức Sariputta ngồi xuống trên chiếc ghé còn lại, còn thầy thì vòng tay đứng hầu sau lưng Bụt. Một số các vị khất sĩ đang đi thiền hành gần đấy thấy khung cảnh ấm cúng cũng ghé vào. Đại đức Sariputta mỉm cười nhìn Kaludayi, rồi nhìn thầy thị giả Nagasamala. Cuối cùng thầy hỏi Bụt:

- Lạy đức Thế Tôn, người tu hành nên có thái độ nào đối với nữ sắc? Cái đẹp, nhất là nữ sắc, có phải là một trở ngại cho công phu tu tập không?

Bụt mỉm cười. Người biết Sariputta hỏi câu hỏi này không phải là để cho bản thân thầy mà là cho các thầy khác. Người nói:

- Các vị khất sĩ, tự tính của vạn pháp vượt ra ngoài ý niệm đẹp và xấu. Đẹp và xấu là những ý niệm tạo ra do tri giác và nhận thức dung thường.

Đứng về tục đế mà nói, ta thấy có đẹp và có xấu. Đẹp và xấu tùy thuộc rất nhiều vào cơ cấu của

năm uẩn. Đối với con mắt của người nghệ sĩ, cái gì cũng có thể đẹp và cái gì cũng có thể xấu, một dòng sông, một đám mây, một chiếc lá, một bông hoa, một tia nắng sớm hay một buổi chiều vàng đều có thể có cái đẹp riêng của nó. Những bụi tre vàng xung quanh đây cũng có những vẻ đẹp riêng của chúng, Nhưng chưa có cái đẹp nào có thể trói buộc và làm tiêu ma chí khí của một kẻ nam nhi bằng nữ sắc. Tham đắm vào nữ sắc rồi thì chí nguyện có lớn lao đến mấy và sự nghiệp có lẫy lừng đến mấy cũng có thể bị tàn hại. Vì vậy tôi muốn căn dặn quý vị hãy rất cẩn thận đối với nữ sắc.

Đối với những người đã quán chiếu và đạt đạo, cái đẹp vẫn là cái đẹp, những vị đã đạt tới giải thoát và tự do, họ không còn bị cái đẹp hay cái xấu khống chế nữa. Không phải là họ dửng dưng không thấy cái đẹp; sự thực là họ không bị nô lệ cho cái đẹp. Nhìn vào cái đẹp, họ thấy được những cái không đẹp đã góp phần làm ra cái đẹp. Nhìn vào cái xấu, họ thấy được những cái không xấu đã góp phần làm ra cái xấu. Họ thấy được tính cách vô thường của vạn pháp, đẹp cũng như xấu, vì vậy họ không bị cái xấu làm cho chán nản cũng không bị cái đẹp làm cho đam mê. Đối với những người tu hành chưa đủ công phu quán chiếu, chưa có được bản lĩnh nhận thức, tôi muốn khuyên họ đừng gần gũi nữ sắc. Những vị này phải để hết thì giờ vào việc học hỏi và thiền tập.

Chỉ có một cái đẹp không bao giờ tàn hoại và không gây khổ đau: đó là lòng từ bi và tâm giải thoát. Từ bi là thứ tình thương không có điều kiện và không cần sự đền trả. Tâm giải thoát cũng là thứ tâm không thối chuyển, như con gà con một khi ra khỏi vỏ trứng rồi thì không còn chun trở lại nằm trong vỏ trứng nữa. Đã không còn lệ thuộc vào điều kiện cho nên cái đẹp của lòng từ bi và tâm giải thoát là cái đẹp chân thực, và niềm an lạc do cái đẹp ấy cống hiến cũng do đó mà là thứ an lạc chân thực. Này các vị khất sĩ, các vị hãy tinh tiến mà thực hiện cho được cái đẹp ấy.

Kaludayi và các vị khất sĩ có mặt đều rất sung sướng được nghe lời Bụt dạy.

Mùa an cư đã được hoàn mãn. Bụt cho gọi Kaludayi và Channa, và đề nghị hai người về Kapilavatthu trước một tháng để báo tin là Bụt sẽ về. Kaludayi lĩnh mệnh.

Ngay ngày hôm đó thầy và Channa chuẩn bị cho chuyến hồi hương, Kaludayi đã trở nên một kẻ xuất gia, có đủ uy nghi của một vị khất sĩ rồi. Ông nghĩ thế nào khi về tới quê nhà ông cũng sẽ làm cho mọi người ngạc nhiên. Ông vui mừng vì được giao trách vụ về báo tin mừng, nhưng ông cũng tiếc là thời gian được học hỏi với Bụt tại Trúc Lâm còn ngắn ngủi quá.

Chương 34 - Mùa Xuân Đoàn Tụ

Công viên Nigrodha ở về phía Nam Kapilavatthu, cách kinh thành non ba dặm đường, Bụt và các các vị khất sĩ tùy tùng nghỉ tại đây, theo lời đề nghị của khất sĩ Kaludayi. Đi theo Bụt về quê hương người có khoảng ba trăm vị khất sĩ do đại đức Sariputta dẫn đầu. Đại đức Moggallana ở lại tu viện Trúc Lâm và cùng các vị cao đức khác như Kondanna với ba anh em khất sĩ Kassapa lãnh đạo và duy trì nếp sống tu học của tu viện.

Kaludayi sau khi đã về báo tin cho vua, hoàng hậu và Yasodhara ngày về của Bụt, lại một mình ôm bát ra đi. Lần này thầy không đi với Channa. Thầy đi một mình với tư cách một du tăng, hướng về phương Nam để đón Bụt. Thầy áp dụng phép khất thực của giáo đoàn khất sĩ, ngày đi đêm nghỉ. Chỉ dừng lại các thôn lạc vào giờ khất thực mà thôi. Tới đâu thầy cũng báo tin là thái tử Siddhatta đi tu hành thành đạo sắp sửa trở về. Đi được chín hôm thì thầy gặp Bụt và đoàn khất sĩ từ phương Nam đi lên. Mừng rỡ, thầy gia nhập phái đoàn và cùng đi về hướng Băc. Bụt và giáo đoàn khất sĩ được tiếp đón niềm nỡ bất cứ nơi nào ghé đến.

Về tới Kapilavatthu Bụt và các vị khất sĩ nghỉ một đêm tại công viên Nigrodha. Sáng hôm sau người ôm bát cùng tăng đoàn đi vào kinh thành khất thực.

Cảnh tượng ba trăm vị khất sĩ khoác ca sa vàng, tay ôm bình bát, lặng lẽ và trang nghiêm đi khất thực trong thành phố đã gây một ấn tượng lớn trong lòng người thủ đô. Chẳng mấy chốc mà tin này được báo vào hoàng cung. Vua Suddhodana, hoàng hậu và phu nhân Yasodhara được báo rằng Siddhatta hiện đang ở trong thành cùng đi xin ăn với hàng trăm vị khất sĩ khác. Vua truyền đánh xe ngự ra để vua đi gặp thái tử. Hoàng hậu Prajapati hồi hộp chờ trong cung. Hai mẹ con Rahula cũng hồi hộp chờ trong cung. Xa giá vừa ra tới phố Đông thì vua gặp được đoàn khất sĩ.

Siddhatta có mặt trong đoàn khất sĩ ấy và vị võ quan hầu cận bên vua nhận ra ngay thái tử.

- Tâu bệ hạ, bệ hạ nhìn vị khất sĩ đi đầu, người mang chiếc ca-sa dài màu hỏa hoàng kia.

Vua chợt nhận ra người con của mình, dáng điệu của Bụt uy nghi, từ tốn, người Bụt như tỏa chiếu hào quang. Bụt đang ôm bát đứng trước một ngôi nhà có vẻ nghèo nàn, người đứng trang nghiêm và lặng lẽ, làm như việc xin ăn là việc quan trọng nhất trong đời. Một lát sau, vua thấy một thiếu phụ ăn mặc rách rưới từ trong nhà đi ra, trong tay chỉ có một củ khoai nhỏ. Thiếu phụ quỳ xuống dưới chân Bụt rồi kính cẩn đặt củ khoai ấy trong bình bát của người. Bụt cũng kính cẩn không kém. Người nghiêng mình đáp lễ thiếu phụ, rồi mới lặng lẽ giã từ, bước sang ngôi nhà bên cạnh.

Xa giá của vua còn cách Bụt khá xa, nhưng vua bảo ngừng xe để vua xuống đi bộ. Ngài đi thẳng về phía Bụt. Bụt cũng vừa thấy vua. Hai người tiến lại gần nhau, đáng đi của vua hấp tấp, nhưng dáng đi của Bụt vẫn thong dong.

- Siddhatta! Vua thốt lên.

- Phụ vương! Bụt trả lời.

Đại đức Nagasala lúc ấy cũng vừa đi tới bên Bụt. Bụt trao chiếc bát của người cho thầy thị giả.

Người nắm lấy hai bàn tay của vua trong hai tay người. Mấy giọt nước mắt ứa ra và chảy xuống trên gò má đã bắt đầu nhăn nheo của vua. Bụt nhìn vua, hai mắt người bao phủ vua với một cái nhìn vừa dịu dàng vừa đầm ấm.

Vua biết rằng Siddhatta con mình bây giờ đây không còn là một vị đông cung thái tử nữa mà đã là một nhà tu, một vị lãnh đạo tinh thần. Vua muốn ôm Bụt vào lòng, nhưng biết làm như vậy là không ổn. Cuối cùng vua chắp hai tay nghiêng mình trước người con của mình, theo thể thức một vị quốc vương làm lễ một vị đạo sĩ. Vị võ quan hầu cận cũng bắt chước vua chắp tay nghiêng mình làm lễ Bụt.

Lúc ấy đại đức Sariputta cũng đã đi tới gần bên Bụt. Bụt nói với Sariputta:

- Tăng đoàn khất thực xong, xin thầy hướng dẫn họ về công viên Nigrodha để thọ thực và an nghỉ. Thầy Nagasamala sẽ đi theo tôi. Chúng tôi vào thăm hoàng gia và sẽ thọ thực ở đấy. Chiều nay thầy Nagasamala và tôi sẽ trở về cùng quý vị.

Khất sĩ Sariputta kính cẩn nhận lệnh của Bụt. Thầy nghiêng mình làm lễ vua và Bụt rồi quay gót.

Vua nhìn Bụt:

- Ta tưởng con về tới là đi về thăm gia đình ngay. Ai ngờ con còn đi khất thực ngoài phố. Tại sao con không về thẳng hoàng cung để ăn cơm?

Bụt mỉm cười nhìn cha:

- Con đâu có đi một mình. Con đi với cả giáo đoàn. Giáo đoàn các vị bikkhu, nghĩa là những người khất sĩ. Con cũng là một vị khất sĩ như mọi người và vì vậy con phải đi ăn xin như mọi người.

- Nhưng tại sao con phải xin ăn tại những nhà nghèo hèn như thế? Dòng họ Sakya ta trong bao nhiêu đời có ai làm như con không?

- Thưa phụ vương, dòng họ Sakya thì không ai làm như thế, nhưng dòng họ khất sĩ thì ai cũng làm như thế. Thưa phụ vương, đi khất thực là một phép tu nhằm thực hiện tinh thần khiêm cung và bình đẳng. Khi con nhận một củ khoai của một gia đình nghèo khổ, con cũng có thái độ cung kính như khi con nhận một món ăn sang trọng do một vị đế vương cúng dường. Thái độ cung kính này chứng tỏ rằng con đã có thể vượt ra khỏi sự phân biệt sang hèn, và cũng chứng tỏ rằng bất cứ ai dù nghèo hèn đến mấy cũng có nhân phẩm và cũng có thể đạt tới giải thoát và giác ngộ. Trong xã hội có nhiều sự chênh lệch về tài sản và quyền thế. Trong xã hội có rất nhiều bất công. Trong đạo pháp mà con tìm ra, mọi người đều được hoàn toàn bình đẳng. Đi ăn xin như thế này, con không làm cho nhân cách của con thấp thỏi đi mà trái lại, con làm cho giá trị của tất cả mọi con người được sáng tỏ ra. Thưa phụ vương, con mong phụ vương nghĩ tới một đường lối chính trị mà trong đó phẩm giá của mọi người dân đều được tôn trọng.

Vua Suddhodana há miệng nghe người con trai mình thuyết pháp. Những lời đồn đãi lâu nay về Siddhatta thì ra đã là sự thật: con mình bây giờ đã trở nên một vị lãnh đạo tinh thần, và đạo đức của con mình đã bắt đầu chiếu sáng khắp thế gian.

Cầm tay vua, Bụt đưa vua đi bộ về hoàng cung. Thầy Nagasamala cũng đi theo sau vua và Bụt.

Trong khi ấy đứng ở lan can trên một từng lầu nơi hoàng cung, hoàng hậu Gotami, công nương Yasodhara và công chúa Sundari Nanda đã nhìn thấy hết tất cả những gì xảy ra. Rahula cũng đang đứng gần đấy với một người thị nữ. Người thị nữ này trước đây khi còn dọn dẹp trên lầu đã trong thấy tăng đoàn đang khất thực và đã chạy xuống báo với hoàng hậu. Hoàng hậu dắt tay Sundari Nanda cùng Yasodhara lên lầu. Từ trên cao, ba người nhận ra được Bụt đang dẫn đầu đoàn người khất sĩ, rồi họ thấy xa giá của vua dừng lại và chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua và người con trai lớn của ngài. Họ đã thấy vua vái chào Bụt theo nghi lễ cần có đối với một vị đạo sĩ lớn.

Bây giờ vua và Bụt đang tiến gần tới cửa hoàng cung. Yasodhara gọi Rahula lại. Một tay nắm tay con, một tay chỉ xuống Bụt, bà bảo:

- Này con yêu quý của mẹ, con có thấy ông thầy tu đang cầm tay ông Nội và đi vào cửa hoàng cung đó không?

- Dạ con có thấy, Rahula đáp.

- Ông thầy tu ấy là cha của con đó. Con chạy xuống chào cha con đi. Cha con có gia tài quý báu lám, cha con sẽ trao gia tài ấy cho con. Con xuống xin gia tài của con đi.

Rahula nghe lời mẹ, chạy xuống lầu. Trong khoảng khắc cậu đã xuống tới sân điện chầu. Cậu chạy ra cửa hoàng cung, rồi cậu chạy lại với Bụt.

Bụt biết ngay cậu bé đang chạy tới là Rahula. Người mở rộng hai tay ôm lấy cậu bé. Rahula vừa thở hổn hển vừa nói:

- Ông thầy tu ơi, mẹ bảo xuống xin gia tài của ông thầy tu. Gia tài của con đâu, ông đưa cho con đi.

Bụt vuốt má Rahula. Người nói:

- Gia tài của con hả? Thong thả rồi cha sẽ trao lại cho con.

Bụt nắm lấy tay cậu bé. Người đi ở giữa, tay trái cầm tay Rahula, tay phải cầm tay vua cha, và ba người tiến vào cung. Hoàng hậu Gotami, Yasodhara và Sundari Nanda cũng hướng về phía cầu thang đi xuống

Xuống tới sân điện, ba người thấy vua, Bụt và Rahula đi rẽ vào vườn Thượng Uyển. Ba người cũng đi theo lối ấy.

Trời mùa Xuân nắng lên rất ấm áp. Ngoài vườn Thượng Uyển tất cả các loại hoa đều đang nở rộ. Chim chóc ríu rít vang lừng. Bụt đưa vua và Rahula tới ngồi trên những chiếc cẩm đôn. Thầy Nagasamala cũng được Bụt mời ngồi xuống trên một chiếc cẩm đôn. Lúc ấy hoàng hậu Gotami, Yasodhara và Sundari Nanda bước vào vườn Ngự.

Bụt đứng ngay dậy. Người đi tới phía ba người. Hoàng hậu Gotami, dáng dấp vẫn còn trẻ trung và khỏe mạnh. Bà khoác áo sari màu lá tre xanh mát. Gopa vẫn xinh đẹp như tự thuở nào tuy nước da có hơi xanh. Chiếc sari nàng khoác trên người màu trắng như tuyết. Nàng không đeo một thứ phục sức nào cả, còn cô em gái Bụt năm nay mười sáu tuổi, đang vận sari màu vàng, mắt đen lay láy. Cả hai vị phu nhân đều chắp tay búp sen trước ngực và cúi đầu rất thấp để chào

Bụt. Họ đã thấy quốc vương làm như thế và họ cũng bắt chước làm như thế. Bụt chắp tay lại thành búp sen để đáp lễ. Người kêu lên hai tiếng:

- Mẹ! Em!

Nghe tiếng Bụt gọi. Bà Gotami và Yasodhara đều rơi nước mắt.

Bụt cầm lấy tay hoàng hậu và đỡ bà ngồi xuống trên một cẩm đôn. Người hỏi:

- Em Nanda của con đâu?

Hoàng hậu nói:

- Em nó đi tập võ, chắc cũng sắp về tới. Đây là em gái của con. Con thấy nó mau lớn không?

Bụt nhìn đứa em gái sau gần tám năm xa cách.

- Sundari Nanda, em chóng lớn quá!

Bụt tiến tới cầm lấy tay Yasodhara, Gopa cảm động đến run rẩy trong tay Bụt. Người đưa bà tới ngồi xuống trên một chiếc cẩm đôn khác. Khi mọi người đã an tọa, Bụt mới ngồi xuống trên chiếc cẩm đôn của người. Từ hồi nãy đến giờ vua không ngớt hỏi thăm Bụt, nhưng bây giờ vua ngồi im lặng. Mọi người đều ngồi im lặng, kể cả chú Rahula. Bụt nhìn vua, nhìn hoàng hậu, nhìn Yasodhara, rồi nhìn Sundari Nanda. Niềm vui đoàn tụ được biểu hiện trong mắt của từng người. Cuối cùng, Bụt lên tiếng:

- Thưa phụ vương, con đã về. Thưa mẹ, con đã về. Gopa, em thấy không, ta đã về với em.

Lúc ấy hai người phụ nữ mới òa lên khóc.

Những giọt nước của họ là những giọt nước mắt sung sướng. Bụt để yên cho họ khóc. Người gọi Rahula tới ngồi bên cạnh người, và vuốt tóc chú bé.

Một lát sau, lệnh bà Gotami lấy chéo áo sari lau khô nước mắt rồi mỉm cười nói với Bụt:

- Con đi lâu quá. Như vậy là đã hơn bảy năm trời. Con biết không, Gopa là một người phụ nữ rất can đảm.

Bụt nhìn bà Gotami rồi nhìn Yasodhara. Người nói:

- Điều này con thấy từ lâu rồi. Mẹ và Yasodhara là hai người phụ nữ can đảm nhất mà con đã biết. Không những mẹ và Gopa đã gây dựng được ý chí cho người nam nhi, mẹ và Gopa còn là mẫu mực của những người đàn bà đức hạnh nữa. Con có duyên lành lắm mới có được mẹ và có được Gopa.

Yasodhara bây giờ mới mỉm cười. Có mặt vua và hoàng hậu, bà ít khi dám lên tiếng nói chuyện thân mật với Siddhatta.

Vua nói:

- Hồi nãy con có kể sơ lược cho ta nghe về những năm con đi tìm thầy học đạo và tu khổ hạnh. Bây giờ con có thể nhắc lại những điều đó được không, trước khi con kể tiếp?

Vâng lời phụ vương. Bụt kể sơ lược về những năm học đạo và hành đạo của mình. Người kể lại cuộc gặp gỡ giữa người với vua nước Magadha, về ngày thành đạo, về những đứa trẻ ở xóm nghèo Uruvela, về năm người bạn tu khổ hạnh, và về cuôc tiếp đón vĩ đại của vua Bimbisara. Mọi người lắng nghe Bụt với tất cả sự chăm chú. Cả Rahula cũng phát ra một tiếng động.

Khi Bụt kể đến đoạn vua Bimbisara cúng dường Rừng Trúc, một cô thị nữ đi ra vườn Ngự và đến gần hoàng hậu Gotami, cô cúi xuống thầm thì mấy câu bên tai hoàng hậu. Hoàng hậu thầm thì mấy câu trả lời, rồi người thị nữ đi vào, bà đã ra lệnh cho người thị nữ đặt bàn dọn cơm trưa hoàng gia ra ngoài vườn Ngự.

Tiếng của Bụt đầm ấm. Người kể khái quát những gì đã xảy ra và không nói nhiều đến các chi tiết. Người cũng không nói nhiều đến những gian truân khổ hạnh của người. Nhưng người đã nhân câu chuyện mà gieo vào trong lòng những người thân thuộc những hạt giống tốt lành của chánh pháp.

Khi cơm nước đã được người hầu dọn ra đầy đủ ngoài vườn thì hoàng thái tử Nanda cũng vừa đi du hành về tới. Chàng mặc võ phục màu trắng.

Quân gác ở cửa thành đã cho Nanda biết là Bụt đã về, vì vậy Nanda đã vội vàng chạy vào cung. Không thấy ai, chàng hỏi người thị nữ. Thị nữ cho biết mọi người đang ở ngoài vườn Ngự. Chàng ra vườn Ngự. Thấy Bụt, Nanda vội chạy đến chào mừng, Bụt nắm tay em, người nói:

- Em lớn mau lắm. Năm ta đi, em mới có mười lăm tuổi. Bây giờ em đã hai mươi hai rồi phải không?

Nanda gật dầu. Hoàng hậu nói:

- Con phải chắp tay chào anh con theo cách chào một vị đạo sĩ. Con làm cho quen đi.

Nanda vâng lời chắp hai tay trước ngực cúi đầu xá Bụt. Bụt cũng chắp tay lại đáp lễ em.

Mọi người quây quần quanh bàn ăn. Bụt đưa thầy Nagasamala tới ngồi gần bên mình. Người hầu đem nước tới để mọi người rửa tay. Vua hỏi:

- Hồi nãy hai thầy đã khất thực được những gì trong bát?

Bụt nhìn vào bát mình rồi nhìn vào bát của thầy thị giả. Người nói:

- Con chỉ mới xin được có một củ khoai, còn thầy Nagasamala chưa xin được gì hết.

Vua Suddhodana đứng dậy:

- Vậy để ta sẽ cúng dường hai thầy.

Vua đứng dậy. Yasodhara cũng đứng dậy. Bà nói:

- Con xin mang các thức ăn đến để phụ hoàng cúng dường vào bát các thầy.

Bà nâng chậu cơm trắng giữa bàn lên trên hai tay rồi tiến đến bên cạnh thầy Nagasamala.

Sau khi vua đã sớt cơm vào bát của thầy Nagasamala và của Bụt rồi, bà mới đặt chậu cơm xuống và nâng vịm thức ăn lên. Vịm thức ăn này toàn là thức ăn chay nấu với cari, thức ăn bốc lên

thơm ngát. Cúng dường xong, vua ngồi xuống, Bụt và thầy Nagasamala nâng bát lên mặc niệm. Ngồi quanh bàn, mọi người thấy thế cũng đều giữ im lặng. Mọi người ăn cơm im lặng theo Bụt. Rahula ngồi trước bát thức ăn do mẹ xới cho, cũng biết ăn cơm trong im lặng. Nắng càng ấm và tiếng ca hát của loài chim càng vọng lên rộn rã hơn.

Cơm nước xong, hoàng hậu thỉnh vua và Bụt rời bàn ăn trở về ngồi trên những chiếc cẩm đôn. Người hầu cận dâng lên mỗi người một trái quít. Ngoài Rahula, ai cũng cầm trái quít trong tay mà không ăn, bởi vì ai cũng lắng tai nghe Bụt kể chuyện. Phu nhân Gotami là người hỏi Bụt nhiều câu hỏi nhất. Khi Bụt nói chuyện về túp lều của Bụt tại tu viện Trúc Lâm, vua có ý định cất cho Bụt một tịnh thất như vậy ở công viên Nigrodha và một số các tịnh xá nhỏ khác cho các vị đại đức lớn tuổi trong giáo đoàn. Vua ngỏ ý muốn Bụt ở lại vương quốc lâu ngày để giáo hóa. Hoàng hậu Gotami, Yasodhara, Nanda và Sundari Nanda ai cũng tỏ vẻ vui mừng khi nghe lời phát biểu của vua.

Bụt nói đã đến lúc người cần trở về với tăng đoàn. Vua hỏi Bụt:

- Ta muốn Bụt và tăng đoàn tới thọ trai trong hoàng cung. Con nghĩ điều ấy có tiện không? Ta cũng muốn làm như vua nước Magadha mời các vương hầu và nhân sĩ đến để được nghe con giảng bày về đạo lý.

Bụt cho phụ vương biết là điều đó có thể làm được. Mọi người thảo luận và đồng ý rằng trong bảy hôm nữa, hoàng gia sẽ thỉnh Bụt và tăng đoàn đến để cúng dường. Yasodhara cũng tỏ ý muốn mời Bụt và đại đức Kaludayi tới thọ trai ở Đông Cung, Bụt cũng nhận lời, nhưng người cho biết cần chờ đợi ít hôm sau ngày trai tăng của đại chúng.

Vua truyền đem xe tứ mã đưa Bụt về công viên Nigrodha, nhưng người từ chối. Người nói người đã lập hạnh chỉ đi bộ mà thôi. Cả nhà đưa Bụt và thầy Nagasamala ra tận cổng hoàng cung. Cả nhà kể cả ông hoàng bé Rahula đều theo gương vua chắp tay trước ngực kính cẩn chào hai vị khất sĩ.

Chương 35 - Ra Nhìn Tia Nắng Sớm

Tin thái tử Siddhatta đi tu đắc đạo đã trở về được truyền đi rất mau trong thành Kapilavatthu. Tin này được xác định bằng sự có mặt của giáo đoàn khất sĩ mỗi buổi sáng ở thành phố và các vùng lân cận thủ đô. Nhiều người đã được trông thấy cảnh tượng những đoàn khất sĩ lặng lẽ và trang nghiêm đi khất thực trên các nẻo đường. Nhiều nhà đã học được cách thức cúng dường thực phẩm cho các vị khất sĩ theo nghi lễ. Nhiều gia đình đã được nghe các vị khất sĩ thuyết pháp. Quốc vương Suddhodana cũng đã ra lệnh dân chúng treo cờ kết hoa vào ngày rước Bụt và giáo đoàn đến hoàng cung thọ trai. Vua cũng đã ra lệnh dựng lên những am thất nhỏ rải rác trong công viên Nigrodha để che nắng che mưa cho Bụt và các vị đệ tử lớn tuổi của người. Ngoài những người có phận sự đến xây dựng am thất, đã có một số các người tìm tới tận công viên Nigrodha để thăm viếng và học hỏi với Bụt và các vị khất sĩ. Nhiều người ở thủ đô quả quyết đã được gặp thái tử Siddhatta trong hình thức tu sĩ trang nghiêm mang bình bát đi khất thực. Trong suốt cả tuần lễ, dân Kapilavatthu chỉ nói có một câu chuyện này khi dịp gặp gỡ nhau.

Hai vị phu nhân Gotami và Yasodhara cũng rất muốn lên vườn Nigrodha để thăm Bụt nhưng họ không có thì giờ. Cả hai người đều phải lo điều động công việc tổ chức lễ trai tăng. Vua đã cho mời hàng ngàn tân khách. Không những nhân vật trong giới chính trị và văn hóa trong và ngoài hoàng gia được mời mà tất cả các giới lãnh đạo tôn giáo và trí thức cũng đã được mời. Theo lời Bụt dặn, tất cả các thực phẩm cúng dường và thết đãi ngày hôm ấy sẽ đều là những món chay tịnh.

Hoàng tử Nanda đã lên thăm Bụt được hai lần vào hai buổi chiều. Chàng đã được ngồi với Bụt khá lâu và được Bụt giảng dạy cho những điều căn bản của đạo lý tỉnh thức. Nanda rất thương kính Bụt và rất mến nếp sống tịnh lạc của các vị khất sĩ. Chàng có hỏi thăm về đời sống hàng ngày của các vị khất sĩ. Chàng lại hỏi Bụt xem thấy chàng có đủ khả năng sống đời sống xuất gia không. Bụt chỉ mỉm cười không trả lời. Nanda là một thanh niên có nhiều tình cảm nhưng chưa được vững mạnh lắm về mặt ý chí. Khi ngồi với Bụt thì có ý muốn đi xuất gia, khi về đến cung điện và nghĩ tới mỹ nhân Kalyani, vị hôn thê của mình thì chàng lại thấy chàng chưa đi xuất gia được. Chàng tự hỏi không biết anh mình nghĩ gì về mình.

Ngày trai tăng đã đến. Cả thủ đô treo cờ hết hoa để đón Bụt và tăng đoàn. Hoàng thành cũng được treo cờ kết hoa bốn phía. Cả thủ đô tưng bừng chuẩn bị đón rước người hùng của cả nước. Nhiều nơi trong thành phố, thiên hạ mở hội vũ nhạc. Trên con đường mà Bụt và tăng đoàn sẽ đi qua, quần chúng tập họp rất đông dảo. Ai cũng muốn thấy tận mặt Bụt. Trong hoàng cung, tân khách của quốc vương đã tề tựu đầy đủ. Phu nhân Gotami và Yasodhara đích thân điều khiển công cuộc tiếp đãi. Gopa đã nghe lời hoàng hậu trang điểm và phục sức thật đúng mức trong ngày hội lớn này.

Trong lúc ấy Bụt cùng đoàn khất sĩ đang trầm lặng và nghiêm chỉnh đi vào thành. Hai bên đường dân chúng đứng chen từng hàng đông đảo. Nhiều người chắp tay cúi đầu khi Bụt đi qua. Những em bé được công kênh lên để có thể thấy được Bụt. Có cả những tiếng hò reo mừng Bụt trở về. Trong không khí rộn rã tưng bừng ấy, đoàn khất sĩ vẫn lặng lẽ và chậm rãi đi tới. Các vị khất sĩ để hết tâm ý vào bước chân và hơi thở của họ.

Vua Suddhodana ra đón Bụt tận ngoài cổng hoàng cung, cũng như vua Bimbisara ở nước Magagha vậy, Bụt và các vị khất sĩ được hướng dẫn vào chỗ ngồi đã bày sẵn ở giữa sân điện. Thấy vua kính cẩn chắp tay làm lễ Bụt, tất cả các vương hầu và quan khách đều phải bắt chước đứng lên làm lễ người, dù trong số đó có người nghĩ rằng không có lý do gì mà họ phải tôn trọng vị khất sĩ trẻ này một cách quá đáng như vậy.

Sau khi Bụt và các vị khất sĩ đã an tọa, vua ra hiệu cho các người hầu mang thức ăn ra cúng dường. Chính tay vua cúng dường thức ăn vào bát của Bụt. Các vị khất sĩ cũng đều được cúng dường một lượt. Trong khi ấy hoàng hậu và Yasodhara hướng dẫn những cung nhân thừa tiếp trên một ngàn tân khách của vua, trong đó có nhiều đạo sĩ Bà la môn, các du sĩ và cả những nhà tu khổ hạnh. Tất cả đều thọ trai im lặng theo Bụt và tăng đoàn. Thức ăn thuần là chay tịnh.

Sau khi mọi người đã thọ trai và bát của Bụt và của chư vị khất sĩ đã được rửa và trả lại cho từng người, vua đứng dậy chắp tay và thỉnh Bụt thuyết pháp.

Bụt ngồi im lặng một lát để quán chiếu tâm ý của đại chúng, Sau đó người lên tiếng. Trước hết người nói cho mọi người nghe sơ lược về kinh nghiệm học đạo, tìm đạo và tu đạo của người. Những điều này, người biết, ai trong đại chúng cũng muốn được nghe. Rồi Bụt khai thị cho đại chúng về đạo lý vô thường, vô ngã, và duyên sinh của vạn vật, nghĩa là về những khám phá căn bản trong công trình thiền quán của người. Người nói đến con đường quán chiếu và thực tập tỉnh thức như là con đường duy nhất có thể đưa đến sự diệt khổ và thực hiện an lạc. Người cũng cho biết là tế tự và cầu nguyện không phải là những phương thức hữu hiệu để đạt tới giải thoát.

Rồi Bụt giảng dạy về bốn sự thật căn bản: sự có mặt của khổ đau, nguyên do của khổ đau, khả năng diệt khổ để kiến tạo an lạc và giải thoát, và con đường thực hiện diệt khổ và kiến tạo an lạc.

Bụt khai thị thêm: “Ngoài những tai nạn như sinh, già, bệnh, chết, có người còn phải gánh chịu biết bao nhiêu khổ đau khác do mình tự tạo ra cho mình. Vì vô minh, nghĩa là vì nhận thức sai lầm, con người nghĩ, nói và làm những điều có thể tạo ra cho bản thân mình và cho những người xung quanh rất nhiều nỗi khổ. Những đau khổ vì giận dữ, hờn oán, nghi kỵ, ganh ghét, bất mãn ... đều do ta thiếu sáng suốt mà sinh ra. Ta sống trong những khổ đau ấy như sống trong một nhà đang bốc cháy. Phần lớn những khổ đau mà ta chịu đều do ta tự tạo ra cho ta. Ta không thể thoát ra được khổ đau bằng cách cầu cứu một vị thần linh. Ta phải quán chiếu tâm ta và hoàn cảnh ta để loại trừ những nhận thức sai lầm đã từng là nguồn gốc phát sinh ra các khổ đau ấy. Ta phải tìm tới ngọn nguồn của đau khổ thì ta mới thật sự hiểu được bản chất của đau khổ. Một khi hiểu được bản chất của một niềm đau khổ thì ta thoát được ra khỏi niềm đau khổ ấy.

Ví dụ có một người kia tới chửi mắng ta. Ta có thể nổi giận và chửi mắng trả lại người ấy. Trong trường hợp này ta khổ mà người ấy cũng khổ. Theo đạo lý tỉnh thức thì không nên vội nổi giận và chửi mắng người kia. Ta phải bình tâm quán chiếu để thấy được vì sao người kia lại tới chửi mắng ta, nghĩa là ta đi tìm tới cội nguồn của sự giận dữ của người ấy. Do công phu quán chiếu bình tĩnh đó mà ta có thể thấy được những nguyên nhân sâu xa và chằng chịt nào đó đưa tới thái độ và hành động hôm nay của người ấy. Nếu ta thật sự có lỗi thì ta thấy sự chửi mắng đó là kết quả tất nhiên của lỗi lầm ta. Nếu ta quả không có lỗi lầm gì thì chắc chắn đã có một sự hiểu lầm nơi người ấy. Ta quán chiếu để tìm ra và chứng minh được sự hiểu lầm ấy cho người kia thấy. Làm như vậy, ta tránh được khổ đau cho ta và cũng giải tỏa được khổ đau cho người kia.

Thưa Đại Vương và các vị quan khách! Tất cả mọi khổ đau của ta, ta đều có thể thoát ra khỏi bằng đường lối quán chiếu ấy, nhưng muốn quán chiếu cho thành công ta phải biết theo dõi hơi thở, biết thực tập sống theo tinh thần giới định tuệ. Giới là những nguyên tắc sống cho an lạc. Có sống theo các nguyên tắc này, ta mới thực hiện được định. Định là nếp sống có tỉnh thức, có chú tâm. Có tỉnh thức và chú tâm ta mới có khả năng quán chiếu về thực tánh của tâm ta và của hoàn cảnh, và có quán chiếu ta mới có Tuệ. Tuệ tức là sự hiểu biết.

Một khi đã có hiểu biết, ta có thể thương yêu và tha thứ. Cuộc đời sẽ bớt khổ rất nhiều khi ta có hiểu biết. Nếu không hiểu biết, ta không thể thương yêu và tha thứ. Cho nên con đường giải thoát chân thật là con đường thực hiện sự hiểu biết. Hiểu biết là trí tuệ, là bát nhã. Mà trí tuệ chỉ có thể do quán chiếu đem lại. Con đường giới, định và tuệ vì vậy là con đường duy nhất đưa tới giải thoát".

Bụt lặng yên một lát rồi mỉm cười. Người nói tiếp: "Nhưng khổ đau chỉ là một mặt của sự sống. Sự sống còn có một mặt khác: đó là sự có mặt của những mầu nhiệm trong cuộc đời, và nếu con người được tiếp xúc với những mầu nhiệm ấy, con người sẽ có niềm vui và sự an lạc. Khi tâm ta được giải thoát, ta tiếp xúc ngay được với những mầu nhiệm ấy. Nếu ta chứng nghiệm được sự thật về vô thường, vô ngã và duyên sinh thì ta có thể thấy được rằng tất cả đều là mầu nhiệm: từ tâm ý ta, thân thể ta cho đến cành tre tím, bông cúc vàng, dòng sông trong, mặt trăng sáng.

Chỉ vì ta tự giam hãm ta trong thế giới khổ đau cho nên ta mới không xúc tiếp được với thực tại mầu nhiệm. Phá được vô minh rồi, ta sẽ thênh thang trong thế giới của an lạc, của giải thoát, của niết bàn. Niết bàn là sự chấm dứt của vô minh, tham đắm và giận hờn. Niết bàn cũng là sự hiển lộ của niềm an lạc và giải thoát. Quý vị cứ thử ra nhìn một dòng sông trong hay một tia nắng sớm. Quý vị sẽ thấy mình đã tiếp xúc được với thế giới của an lạc và giải thoát chưa. Nếu bị giam hãm trong ngục tù của phiền não, ta vẫn còn chưa tiếp xúc thật sự được với những nhiệm mầu của vũ trụ, trong đó có hơi thở ta, thân và tâm ta. Phá giặc phiền não bằng phép quán chiếu, đó là con đường tôi đã tìm ra được. Tôi đã thực nghiệm, đã thành công và đã chỉ bày cho nhiều người khác. Nhiều người thực hành theo phương pháp ấy cũng đã thành công".

Khi Bụt chấm dứt pháp thoại, người đã chinh phục được hầu hết mọi người trong số những tân khách của vua Suddhodana. Điều này có thể cảm nhận được trong không khí và trong ánh mắt của các vị tân khách. Vua sung sướng đã đành mà hoàng hậu Gotami và công nương Yasodhara cũng tỏ vẻ hết sức hoan hỷ. Họ nhất quyết trong những ngày kế tiếp tìm tới với Bụt để được học về những phương pháp quán chiếu thực tiễn có thể giúp họ đạt tới giải thoát và giác ngộ.

Sau buổi pháp thoại, vua tiễn Bụt và giáo đoàn ra khỏi hoàng cung rồi mới đưa tiễn các vị tân khách. Mọi người đều chúc mừng vua về sự thành công của Bụt.

Công viên Nigrodha đã được biến thành một tu viện cho Bụt và tăng đoàn. Ở đây có rất nhiều cây sung cổ thụ. Các cây này cho Bụt và tăng đoàn rất nhiều bóng mát. Rất nhiều người đến xin xuất gia thọ trì năm giới của người cư sĩ. Trong số những người đến xin Bụt xuất gia có cả những thanh niên thuộc dòng họ Sakya của người.

Yasodhara thường đi chung với hoàng hậu và Rahula đến thăm và cúng dường Bụt và tăng đoàn tại tu viện. Bà đã được nghe Bụt thuyết pháp nhiều lần. Bà cũng đã có cơ hội hỏi Bụt những câu hỏi về sự liên hệ giữa sự tu đạo và công việc cứu tế xã hội. Bà được Bụt dạy cho những phương pháp theo dõi hơi thở và thực tập thiền quán để nuôi dưỡng sự an lạc trong thân tâm. Bà biết

rằng nếu không có an lạc thì con người không thể giúp được gì cho kẻ khác. Bà học được rằng phát triển sự hiểu biết cũng là nuôi dưỡng được tình thương. Bà rất sung sướng tìm ra được rằng bà có thể thực tập thiền quán ngay trong đời sống hàng ngày và trong những lúc làm công tác cứu tế xã hội. An lạc có thể đạt được ngay trong khi mình làm công việc. Phương tiện và cứu cánh không còn là hai cái khác nhau.

Hoàng hậu Gotami cũng đạt được nhiều tiến bộ tu học trong thời gian mấy mươi ngày sau đó.

Chương 36 - Bông Sen Duyên Kiếp

Một hôm công nương Yasodhara thỉnh Bụt, đại đức Kaludayi và thầy Nagasamala tới thọ trai ở cung điện riêng của mình. Bà cũng đã mời hoàng hậu. Sau buổi cúng dường, bà đã thỉnh Bụt và hoàng hậu đi ra ngoại thành thăm những xóm nghèo nơi bà đã làm việc cứu tế xã hội trong những năm qua. Các thầy Kaludayi và Nagasamala cũng cùng đi với người, Rahula cũng được đi theo Bụt.

Khi Bụt tới nơi, người thấy trẻ con tập hợp đông có tới hàng trăm đứa, thì ra công nương Yasodhara đã triệu tập chúng từ những xóm làng quanh đó. Chỗ tập hợp là gốc cây hồng táo năm xưa, nơi mà Bụt đã ngồi thiền định lần đầu lúc người mới lên chín tuổi. Mới đó mà hai mươi bảy năm trời đã trôi qua. Cây hồng táo đã lớn lên gấp bội. Yasodhara cho Bụt biết là những đứa trẻ Bụt gặp năm xưa nay đã là những người chủ gia đình. Những đứa trẻ mà Bụt được gặp cách đây tám năm bây giờ cũng đã trở thành những chàng trai cao lớn và những cô gái duyên dáng. Phần lớn bọn trẻ mà Bụt gặp hôm nay đều từ bảy tới mười hai tuổi, hầu hết là con cái nhà nghèo.

Bọn trẻ đã được bà Yasodhara dạy cách đón mời Bụt. Khi thấy Bụt tới, chúng bỏ cuộc chơi, đứng dậy, dàn thành hai hàng để Bụt có lối đi tới gốc cây hồng táo. Nơi đây chúng đã đặt một cái ghế đặc biệt cho Bụt ngồi. Chúng đã trải chiếu để mời những vị quan khách khác như bà Gotami, Yasodhara, và các thầy đi theo Bụt.

Bụt rất hài lòng được ngồi giữa bầy trẻ và giảng dạy giáo pháp cho chúng. Người nhớ những buổi tập họp của bọn trẻ em nhà nghèo ở Uruvela. Người kể cho các em nghe về chú bé chăn trâu tên Svastika và cô bé mang sữa tên Sujata. Người dạy các em về cách nuôi dưỡng lòng thương yêu và mở rộng tầm hiểu biết. Người lại kể cho các em nghe câu chuyện tranh nhau con chim thiên nga giữa người với Devadatta hồi người mới lên bảy tuổi. Bọn trẻ con được nghe giảng dạy bằng những câu chuyện hấp dẫn này rất lấy làm vui sướng.

Cuối cùng Bụt bảo Rahula ra ngồi trước mặt người rồi Bụt kể cho tất cả các em bé nghe một câu chuyện tiền thân. Người nói: “Ngày xưa có một chàng trai trẻ tên là Megha, thông minh, đức hạnh, hiếu thuận và học giỏi. Chàng sống ở miền chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Chàng muốn đi về miền đồng bằng để học hỏi thêm. Không có tiền, nhưng chàng cũng can đảm ra đi. Chàng mang theo một cái gậy, một cái nón, một cái bình đựng nước uống và một chiếc áo choàng. Trên con đường về kinh đô mỗi ngày chàng ghé lại làm việc cho những nhà nông dân bên đường để được có cơm ăn, và để tiếp tục đi nữa. Có khi chàng còn được trả tiền. Khi đến thủ đô Divapati, chàng đã để dành được năm trăm đồng trong túi áo.

Vào đến cửa thành chàng thấy dân chúng đang mở hội rất vui. Chàng không biết người ta đang mở hội ăn mừng việc gì nên có ý muốn tìm người để hỏi. Vừa lúc ấy có một cô thiếu nữ xinh đẹp, mặt mày thật sáng sủa, đi ngang. Cô cầm trong tay một bó sen. Bó sen có tất cả bảy bông sen hàm tiếu. Chàng hỏi cô:

- Có việc gì vui mà dân chúng mở hội thế cô?

Thiếu nữ đáp:

- Chắc anh không phải là dân địa phương cho nên mới không biết hôm nay dân chúng mở hội gì. Số là hôm nay tại thủ đô Divapali có một bậc giác ngộ xuất hiện tên là Dipankara. Người là bó đuốc soi đường cho tất cả chúng sanh Ngài là con của vua Areimat, đã đi tu và đã thành đạo. Đạo của ngài sáng chói cả thế gian. Hôm nay, để mừng ngài, dân chúng tại đây mới mở hội.

Nghe nói có một vị giác ngộ xuất hiện trên thế gian. Megha rất lấy làm sung sướng. Chàng rất muốn được cúng dường ngài, được tới làm lễ ngài và học đạo với ngài. Chàng hỏi cô thiếu nữ:

- Cô mua bảy bông sen này bao nhiêu tiền thế, thưa cô?

Thiếu nữa đưa mắt nhìn người con trai lễ phép và có dáng dấp thông minh. Nàng trả lời:

- Em chỉ mua có năm bông thôi. Hai bông kia là của em đem theo. Em hái hai bông ấy ở ao nhà.

Megha nói:

- Vậy năm bông kia cô mua bao nhiêu, thưa cô?

- Em mua hết năm trăm đồng.

Megha khẩn khoản cầu xin thiếu nữ để lại cho anh ta năm bông sen ấy để anh có thể có hoa đem cúng Bụt Dipankara. Thiếu nữ không chịu. Nàng nói:

- Em mua để cúng Bụt chứ không phải để bán lại.

Megha hết lòng khẩn khoản. Anh nói:

- Cô cúng dường hai bông cũng được rồi mà. Xin cô vui lòng cho tôi lại năm bông để tôi cũng có dịp được cúng dường bậc giác ngộ với. Thưa cô được gặp một bậc giác ngộ trên đời là quý hóa lắm. Tôi quyết tâm cùng đi với cô để tới gặp ngài. Tôi muốn được học hỏi đạo lý do ngài chỉ dạy. Nếu cô vui lòng nhượng cho tôi năm bông hoa ấy, tôi sẽ nhớ ơn cô suốt đời.

Thiếu nữ nhìn xuống đất, không nói.

Megha lại năn nỉ:

- Nếu cô cho tôi mua lại năm bông hoa, tôi sẽ làm bất cứ điều gì cô sai bảo để trả ơn cô.

Thiếu nữ không dám ngửng đầu lên. Hai người im lặng đi bên nhau rất lâu. Cuối cùng cô lên tiếng:

- Anh ơi, không biết tại vì duyên nợ nào từ những kiếp trước mà khi gặp anh, em đem lòng thương anh liền. Em đã gặp nhiều người con trai, nhưng chưa bao giờ trái tim của em rung động như hồi nãy khi em mới gặp anh. Em muốn tặng không cho anh năm bông sen này để anh cúng đức giác ngộ, nếu anh hứa với em là trong kiếp nầy cũng như trong những kiếp khác em được làm vợ của anh, hoài hoài và mãi mãi.

Nàng nói một mạch những điều trên, và nói xong nàng thấy gần như hụt hơi. Megha im lặng một lát rồi nói:

- Có là người rất dễ mến. Và cô lại là một con người rất chân thật. Mới đầu gặp cô, tôi cũng thấy

có cảm tình với cô ngay, nhưng tôi là người chí tu đạo giải thoát. Cưới vợ thì bị ràng buộc, làm sao sau này tôi có được tự do mỗi khi có dịp ra đi tìm đạo?

Thiếu nữ nói:

- Anh cứ hứa với em đi. Em xin nguyện rằng mỗi khi anh muốn ra đi tìm đạo thì em sẽ không dám tìm cách ngăn cản anh. Trái lại, em sẽ tìm cách giúp anh thực hiện được hoàn toàn chí nguyện.

Nghe thiếu nữ nói như thế, Megha vui vẻ nhận lời.

Hai người tìm tới đức giác ngộ Dipankara. Quần chúng đông đảo đang vây quanh Người. Thấy sắc diện của vị đạo sĩ Dipankara. Megha biết ngay đó là một bậc giác ngộ chân thực. Chàng rất sung sướng. Chàng phát nguyện phải tu học cho đến khi đạt tới quả vị giác ngộ cao tột như đức giác ngộ này. Chàng muốn tiến tới gần để dâng lên Dipankara năm bông sen, nhưng quần chúng vòng trong vòng ngoài đang vây phủ lấy người, chàng không tài nào tiến tới được. Cuối cùng chàng dùng hết sức của hai cánh tay chàng tung năm bông hoa sen vào cho đấng giác ngộ. Lạ thay, cả năm bông sen đều bay tới và rơi đúng vào trong hai cánh tay ngài. Megha thấy thế mừng rỡ. Chàng biết là lòng thành của chàng đã cảm ứng được đấng toàn giác. Vừa lúc ấy thiếu nữ trao cho chàng hai bông sen còn lại, ra hiệu cho chàng tung vào cho Bụt. Chàng nhận hai bông hoa và tung lên. Mầu nhiệm thay, cả hai bông hoa này cũng đều rơi vào giữa tay đức giác ngộ Dipankara.

Vừa lúc ấy, đức toàn giác Dipankara lên tiếng gọi người cúng dường hoa sen tới bên cạnh người. Quần chúng hé lối cho Megha đi vào. Megha cầm tay thiếu nữ kéo nàng theo đến trước mặt Bụt, Megha và thiếu nữ quỳ xuống. Đức giác ngộ Dipankara nói với Megha:

- Ta biết được tâm thành của con. Ta cũng biết rằng con có chí lớn muốn tu học để đạt tới quả vị giải thoát và cứu độ cho loài chúng sanh. Con hãy an lòng. Ta biết con sẽ trở nên một bậc giác ngộ hoàn toàn trong tương lai.

Rồi nhìn thiếu nữ đang quỳ bên Megha, ngài nói:

- Còn con, trong kiếp này và trong những kiếp tới con sẽ là người bạn đường của Megha. Con hãy nhớ lời nguyện của con, lo tác thành cho chí hướng của chồng mà không tìm cách ngăn cản chàng mỗi khi chàng ra đi tìm đạo.

Megha và thiếu nữ rất cảm xúc được nghe lời dạy chỉ bảo của bậc toàn giác. Từ đó về sau, cả hai người đều chăm chỉ tu học theo đạo lý giải thoát của đức giác ngộ Dipankara.

Các con nghe không, từ kiếp ấy về sau, trong kiếp nào chàng Megha và cô thiếu nữ cũng đều được gặp nhau và cũng đã trở nên vợ chồng, và mỗi khi người con trai đến tuổi ra đi tu đạo, người con gái lại tìm cách giúp đỡ người con trai. Chẳng bao giờ nàng tìm cách cản ngăn chí nguyện của chàng. Vì vậy, chàng rất biết ơn nàng. Cho đến một kiếp nọ, chàng thực hiện được chí nguyện lớn của chàng và trở thành một bậc giác ngộ, sáng suốt không kém gì bậc giác ngộ Dipankara kiếp trước.

Các con nên biết: tiền của và danh vọng không phải là những vật quý nhất trên đời. Tiền của và danh vọng có thể tiêu tan rất mau chóng, nhưng sự hiểu biết và lòng thương yêu mới thật sự là những gì quý nhất trên đời. Có hai thứ ấy thì chắc chắn là con người có hạnh phúc. Chàng

Megha và cô thiếu nữ đã sống hạnh phúc với nhau trong nhiều đời nhiều kiếp, đó cũng nhờ hai người đã có sự hiểu biết và lòng thương yêu. Đã hiểu và đã thương thì không có gì mà ta không thực hiện được trên cõi đời này".

Yasodhara chắp hai tay trước ngực hướng về phía Bụt. Bà rất cảm động về câu chuyện tiền thân này. Bà biết tuy Bụt kể chuyện này cho bọn trẻ nghe nhưng người cũng đã kể chuyện này với bà. Bụt đã nói lên lời cảm ơn của Bụt đối với bà một cách tế nhị. Bà cảm động đến muốn khóc. Hoàng hậu Prajapati nhìn bà. Hoàng hậu cũng hiểu lời Bụt như bà hiểu. Bà đặt một bàn tay lên vai người con dâu. Rồi bà lên tiếng nói với lũ trẻ:

- Các con biết chàng Megha trong tiền kiếp xa xưa đó là ai không? Chính là Bụt đấy. Trong kiếp này, chàng đã thành một bậc giác ngộ sáng suốt hoàn toàn, và các con có biết cô thiếu nữ trong tiền kiếp xa xôi đó là ai không? Đó chính là lệnh bà Yasodhara của các con vậy. Nhờ lệnh bà có hiểu biết cho nên lệnh bà đã không ngăn cản thái tử Siddhatta. Thái tử đã đi tu và đã thành đạo. Các con nên cảm ơn lệnh bà.

Bọn trẻ đã sẵn có lòng quý mến Yasodhara từ lâu. Nay nghe hoàng hậu nói, chúng đều hướng về bà chắp hai tay lại trước ngực và cúi chào bà rất kính cẩn.

Thấy cảnh tượng ấy, Bụt rất vui. Người đứng dậy, và cùng các đại đức Kaludayi và Nagasamala trở về tu viện.

Chương 37 - Một Niềm Tin Mới

Nửa tháng sau, vua Suddhodana thỉnh Bụt tới thọ trai trong hoàng cung để vua và hoàng gia lại có cơ duyên được nghe Bụt thuyết pháp. Lần này vua chỉ mời Bụt và đại đức Sariputta chứ không mời tăng đoàn. Vua cũng không mời vị tân khách nào cả. Trong không khí gia đình, Bụt đã giảng dạy về cách theo dõi hơi thở, quán chiếu các cảm thọ, phương pháp đi thiền hành và ngồi thiền tọa. Người dạy dỗ rất kỹ về cách thức quán chiếu để duy trì chánh niệm và an trú trong chánh niệm. Yasodhara, Rahula, Nanda và Sundari Nanda cũng có mặt trong buổi thuyết pháp này. Rahula đặc biệt có cảm tình với thầy Sariputta. Cậu rất ưa đứng gần thầy và nắm lấy tay thầy.

Khi Bụt đứng dậy ra về, mọi người đều muốn đưa người ra tới cổng Nam. Bụt trao bình bát cho em là Nanda cầm và chắp tay búp sen chào mọi người. Nanda ôm bát, đợi Bụt chào xong thì trả bát lại, nhưng Bụt không lấy lại bát. Vì thế Nanda mang bát đi theo Bụt về tới tu viện.

Về tới tu viện, Bụt bảo Nanda ở lại chơi và sinh hoạt năm bảy hôm tại đây. Vừa yêu vừa kính Bụt, Nanda vâng lời. Thấy nếp sống ở đây rất thanh tịnh và thoải mái, vị hoàng tử trẻ đem lòng mến mộ. Một hôm, Bụt hỏi Nanda có muốn xuất gia theo Bụt tu học một thời gian không. Nanda đáp có. Bụt bảo thầy Sariputta làm lễ xuất gia cho hoàng tử.

Việc xuất gia của Nanda, Bụt đã có bàn trước với phụ vương. Vua cũng đồng ý với Bụt rằng tuy Nanda đủ thông minh và rất hiền lành, chàng vẫn chưa có đủ nhận thức độc lập và tính cương quyết cần có của một nhà chính trị. Bụt nói với vua có thể cho Nanda đi theo tu học và gần gũi với Bụt một thời gian để Bụt có thể rèn luyện cho chàng những đức tính cần thiết. Vua đã đồng ý với Bụt.

Nanda xuất gia được một tháng thì bắt đầu nhớ vị hôn thê của mình là tiểu thư Yanapada Kalyani. Thầy có thể che dấu nỗi buồn, nhưng Bụt đã thấy hết. Bụt nói với thầy:

- Kẻ nam nhi muốn thực hiện chí nguyện lớn thì phải vượt qua được những tình cảm thông thường. Em phải quyết tâm học đạo và rèn luyện bản thân thì sau này mới có cơ giúp ích được cho đời.

Rồi Bụt dặn đại đức Sariputta sắp đặt để thầy Nanda khỏi đi khất thực về khu phố của tiểu thư Kalyanu. Khi Nanda biết điều này, thầy vừa oán Bụt mà cũng vừa thương Bụt. Thầy thầm bảo là ông anh mình không có cái gì là không biết. Ông ấy nhìn thấu tận đáy tâm can của mình.

Rahula thấy chú được xuất gia ở suốt ngày với Bụt thì ham lắm. Cậu phân bì với mẹ. Yasodhara vuốt đầu con, bảo rằng phải lớn lên ít nhất là bằng chú Nanda thì mới được đi xuất gia. Rahula hỏi mẹ làm sao để có thể lớn mau, Yasodhara bảo cậu phải ăn uống cho đàng hoàng và tập thể dục mỗi buổi sáng và mỗi buổi chiều. Rahula đã được mẹ dạy gọi Bụt bằng thầy. Bà nhớ hôm đầu tiên Rahula được thấy Bụt từ trên lầu cao, bà đã chỉ Bụt và nói với con: "Cái ông thầy tu ấy là cha con đó. Con chạy xuống chào cha con đi và bảo cha con trao gia tài lại cho con". Từ hôm ấy, Rahula cứ quen gọi Bụt là "ông thầy tu ơi". Yasodhara nghe được. Bà bật cười, gọi Rahula lại và bảo:

- Con đừng gọi Bụt là “ông thầy tu ơi”. Con phải gọi Bụt là “Thầy ơi”.

Từ đó, Rahula mới dùng tiếng “Thầy ơi” để gọi Bụt.

Có một hôm tăng đoàn đi khất thực rất gần hoàng cung. Yasodhara và Rahula đứng ở trên lầu. Bà trông thấy Bụt giữa đám các vị khất sĩ. Rahula cũng trông thấy người. Yasodhara nói với con:

- Con chạy xuống với Bụt đi, và lần này nhớ xin cho được gia tài của người.

Rahula chạy xuống lầu. Cậu rất thương mẹ nhưng cũng rất thương Bụt. Ngày nào cậu cũng được ở với mẹ suốt ngày, nhưng cậu chưa từng được ở với Bụt suốt một ngày nào. Cậu ao ước được như chú là hoàng thái tử Nanda, hiện đang được sống suốt ngày bên cạnh Bụt. Cậu chạy mau lắm, cậu đã xuống tới sân hoàng cung. Cậu chạy ra cửa Nam và thấy Bụt. Lúc bấy giờ Bụt đã khất thực xong là đang cùng các vị khất sĩ trong nhóm đi thành hàng chậm rãi trở về tu viện.

Rahula chạy thẳng tới một bên Bụt. Thấy Rahula, Bụt đưa một ngón tay trái ra. Bụt nắm lấy ngón tay ấy rồi đi theo Bụt. Cậu nói:

- Thầy ơi, đi ở bên thầy mát lắm, và dễ chịu nữa.

Nắng cuối xuân đã bắt đầu gay gắt. Cậu bé đi bên Bụt vừa được hưởng bóng mát của người vừa được hưởng tình thương của người.

Đứng trên lầu cao, Yasodhara thấy hết. Bà biết Rahula được Bụt cho theo về tu viện.

Một lát sau, Rahula hỏi:

- Thầy ơi, gia tài của con đâu?

Bụt đáp:

- Về tu viện thầy sẽ trao cho con.

Trưa ấy về tới tu viện, đại đức Sariputta chia phần ăn của mình với Rahula, Rahula được ăn cơm im lặng bên cạnh Bụt và bên cạnh đại đức sa. Rahula lại được gặp chú Nanda để nhõng nhẽo. Bụt bảo Rahula ngủ chung phòng với đại đức Sariputta. Thầy nào cũng cưng quý cậu. Cậu muốn ở luôn tại tu viện. Đại đức Sariputta nói muốn được ở luôn tu viện thì phải đi tu. Rahula nắm tay thầy Sariputta tới xin Bụt cho phép đi tu. Bụt gật đầu. Bụt bảo thầy Sariputta cho Rahula được xuất gia.

Đại đức Sariputta ngạc nhiên. Thầy tưởng là Bụt nói đùa, ai dè Bụt lại nói thật. Thầy hỏi:

- Thế Tôn, làm sao mà cho Rahula xuất gia được?

Bụt dạy:

- Thì cho cháu tập sự xuất gia, thọ giới khu ô sa di, và giao cho cháu phận sự đuổi quạ trong giờ các thầy ngồi thiền. Quạ ở đây nhiều quá, chúng đến quấy phá các thầy trong giờ thiền tập khá nhiều.

Thầy Sariputta xuống tóc cho Rahula và cho cậu thọ tam quy và dạy cho chú bốn giới: không giết hại, không trộm cắp, không nói dối, không uống rượu. Thầy lấy bớt một chiếc ca sa của

thầy, cắt ra và may lại thành một chiếc ca-sa nhỏ xíu cho Rahula mặc. Thầy dạy cho Rahula cách khoác y và ôm bát. Khoác y và ôm bát vào, Rahula trông giống một vị khất sĩ con con, ai thấy cũng thương, Rahula được lệnh ngủ chung với thầy Sariputta, đi khất thực và học hỏi với thầy Sariputta. Từ hôm có Rahula bên mình, thầy ít khi vào thành khất thực. Thầy đưa Rahula đi khất thực trong những thôn lạc gần tu viện. Theo phép người xuất gia, ai cũng chỉ được ăn mỗi ngày một bữa trước khi giờ ngọ chấm dứt, nhưng Rahula còn nhỏ quá, sợ chú tiểu mất sức, thầy Sariputta cho phép chú được ăn một lần nữa vào buổi chiều. Các vị thí chủ thường nhớ mang sữa và thức ăn để dành cho chú.

Tin Rahula đã được cạo đầu mặc áo ca sa làm chú tiểu đã vào tới trong cung điện. Vua Suddhodana buồn lắm. Từ ngày Rahula đi với Bụt về tu viện, ông nội, bà nội, và mẹ chú nhớ chú lắm. Họ tưởng chú đi chơi vài hôm rồi về, ai ngờ chú lại ở trong tu viện và trở thành chú tiểu. Ông bà nội của Rahula không có cháu để cưng, rất lấy làm buồn khổ, nhưng Yasodhara thì buồn vui lẫn lộn. Tuy nhớ con quay quắt, nhưng mỗi khi nghĩ đến con đang được gần gũi Bụt, bà cũng thấy ấm áp trong lòng, bảy năm nay cậu bé đã thiếu cha.

Một buổi chiều, vua truyền lấy xe cho ngài về tu viện. Hoàng hậu Gotami và bà Yasodhara cũng được đi với ngài. Vua được Bụt ra đón tiếp. Nanda và Rahula cũng ra đón tiếp hoàng gia. Rahula chạy ra đón mẹ. Thầy Sariputta gọi chú lại, bảo chú chỉ được đi chứ không được chạy. Yasodhara ôm lấy chú tiểu vào lòng. Sau đó, Rahula lại đi đến với ông nội và bà nội.

Vua làm lễ Bụt và nói, giọng có vẻ trách móc:

- Thế Tôn, trẫm đã đau xót vô cùng khi người bỏ nhà đi xuất gia, rồi mới đây, Nanda cũng bỏ trẫm, bây giờ đến Rahula cũng bỏ trẫm. Như vậy là quá đáng. Thế Tôn, đối với một người tại gia như trẫm, tình cha con và ông cháu rất nặng. Niềm đau xa cách cũng như nhát dao cắt vào da. Cắt vào da xong, dao cắt sâu vào da thịt, cắt sâu vào da thịt rồi, dao lại cắt vào xương và vào tủy. Vậy xin Thế Tôn nghĩ lại cho. Xin Thế Tôn và các vị đại đức từ nay đừng nhận cho người còn nhỏ tuổi xuất gia nếu không có sự ưng ý của cha mẹ chúng.

Bụt an ủi vua, Người thuyết pháp cho vua nghe để vua thấy được rõ thêm sự thực về vô thường và vô ngã. Người nói đến công phu tu tập tinh tiến hàng ngày như là cửa ngõ duy nhất thoát ra ngoài khổ nạn. Người nói Nanda và Rahula đang thực sự sống trong chánh đạo. đó là một điều may mắn và người khuyên vua tinh tiến trong sự tu tập đạo giải thoát. Tìm được niềm vui chân thật trong nếp sống tỉnh thức hàng ngày.

Càng nghe Bụt, vua càng cảm thấy nhẹ nhõm, và cuối cùng vua đã vui lên trở lại. Bà Gotami và Yasodhara cũng được nghe Bụt nói. Hai người cũng cảm thấy được an ủi rất nhiều.

Nhân có đại đức Sariputta ngồi bên, Bụt quay lại nói với thầy:

- Từ nay trở đi, các vị khất sĩ sẽ không chấp nhận cho trẻ em xuất gia nếu không có sự đồng ý của phụ huynh các em. Xin đại đức ghi vào quy chế như vậy.

Thấm thoát mà Bụt và giáo đoàn đã ở lại vương quốc Sakya hơn nửa năm. Số người đến xin xuất gia với Bụt hoặc với các vị khất sĩ lớn đã lên tới gần năm trăm vị. Số cư sĩ tại gia thì đông quá không thể nào đếm cho siết. Vua Suddhodana đã dâng cúng cho giáo đoàn một cơ sở mới để làm tu viện. Cơ sở này là cung điện mùa Hè ngày xưa của thái tử Siddhatta, có vườn cây rất rộng rãi và rất mát, nằm về phía Bắc kinh đô, đại đức Sariputta sắp đặt để đưa mấy trăm vị khất

sĩ về chủ trì tu viện này. Tăng đoàn đạt được cơ sở vững chắc cho sự hành đạo tại vương quốc, Bụt sẽ trở về tu viện Trúc Lâm cho kịp mùa an cư, như người đã hứa với vua Bimbisara và với tăng đoàn ở đấy. Vua Suddhodana biết Bụt sắp ra đi nên đã thỉnh người vào cung để cúng dường và xin người thuyết pháp. Vua đã mời hoàng tộc và triều đình đến để nghe Bụt.

Trong buổi thuyết pháp này, Bụt đã nói về đạo đức và chính trị. Người nói đạo đức có thể soi sáng cho chính trị và người làm chính trị có thể nương theo đạo đức để thực hiện công bằng và hạnh phúc trong xã hội. Người nói:

"Nếu quý vị biết tu dưỡng bản thân, mở rộng tầm hiểu biết và lòng từ bi, thì quý vị sẽ tìm ra được một đường lối giúp nước và trị dân có thể đem lại thái bình và hạnh phúc mà không cần đến những phương thức bạo động. Quý vị không cần chém giết, không cần đến những bản án tử hình, không cần đến những biện pháp tra tấn, tù đày và tịch biên gia sản. Điều này không phải là mộng tưởng mà là một điều có thể thực hiện được.

Khi người làm chính trị có đủ hiểu biết và thương yêu thì họ có thể thấy được sự thật về những người dân đang sống trong nghèo khổ và áp bức. Thấy được như thế, nhà chính trị sẽ tìm cách cải thiện guồng máy cai trị, để làm giảm bớt sự chênh lệch giàu nghèo trong xã hội va để loại trừ sự lạm dụng quyền thế và sự bóc lộ dân nghèo.

Thưa quý vị, người làm chính trị phải sống đời gương mẫu. Đừng sống đời giàu sang thái quá, bởi vì sự giàu sang là bức tường ngăn cách mình với dân chúng. Nên sống thanh bạch, giản dị, và dùng thì giờ của mình vào việc ích nước lợi dân chứ đừng mãi mê trong việc hưởng thụ dục lạc. Có như thế, người làm chính trị mới có được niềm tin của dân chúng. Hễ mình thương dân thì dân sẽ thương mình lại, do đó, mình có thể thực hiện được con đường chính trị nhân ái của mình. Con đường chính trị này có thể gọi là con đường đức trị, khác với con đường pháp trị. Đức trị thì dùng đạo đức nhiều hơn sự trừng phạt. Pháp trị thì dùng sự trừng phạt nhiều hơn đạo đức. Theo đạo lý Tỉnh Thức, hạnh phúc chân thật có thể đạt được bằng con đường đức trị".

Vua Suddhodana và quần thần lắng nghe Bụt với tất cả sự chú ý. Hoàng thúc Dronodanaja, chú của Bụt, và là thân sinh của Devadatta, nói:

- Con đường đức trị mà Bụt nói thật là một con đường rất đẹp, nhưng có lẽ ở đây chỉ có một mình Bụt là có đủ tư cách và đức độ để thực hiện mà thôi. Tại sao Bụt không ở lại Kapilavatthu, tại sao Bụt không nắm lấy giềng mối chính trị ở vương quốc Sakya này để tạo an lạc và hạnh phúc cho muôn dân?

Vua Suddhodana cũng nói:

- Tuổi trẫm đã cao rồi. Nếu Bụt chịu ở lại thì trẫm sẽ thoái vị để Bụt ngồi vào vương vị. Với đạo đức của Bụt, với uy tín và sự thông minh của người, trẫm tin chắc là quốc dân sẽ hoàn toàn đứng sau lưng Bụt, và vương quốc sẽ chẳng lao lâu sẽ trở nên giàu sang và lừng lẫy.

Bụt mỉm cười, người lặng thinh cúi đầu. Cuối cùng nhìn vua, Bụt nói:

- Phụ vương, con không còn là người của một gia đình, của một dòng họ hay của một vương quốc nữa. Bây giờ đây gia đình của con là nhân loại, nhà cửa của con là trời đất và địa vị của con là một ông thầy tu sống vào hạt cơm bố thí của mọi người. Con đường mà con đã chọn là con đường của người đạo sĩ chứ không phải là con đường của nhà chính trị. Con nghĩ là con sẽ

phụng sự cho nhân loại được bền bĩ hơn với tư cách của một người tu.

Hoàng hậu Gotami và Yasodhara không tiện phát biểu trong một cử tọa như cử tọa hôm nay, nhưng cả hai điều cảm động gần rơi lệ khi nghe Bụt nói. Hai người đều thấy Bụt nói đúng.

Bụt tiếp tục thuyết giảng cho vua và cho mọi người nghe về năm giới và cách tổ chức hành trì năm giới trong khung cảnh gia đình và trong xã hội. Người nói năm giới có thể được xem như là những nguyên tắc sống có thể đem lại hạnh phúc trong gia đình và hòa bình trong xã hội. Người giảng cặn kẽ về từng giới một. Cuối cùng người nói:

- Muốn có đoàn kết toàn dân, một niềm tin cần được tạo dựng. Những người làm chính trị nếu thực hành được năm giới thì sẽ tạo được niềm tin lớn trong quốc dân. Với niềm tin ấy không có công trình gì mà không xây dựng được. Niềm tin ấy có thể bảo đảm được hòa bình, hạnh phúc và công bằng xã hội trong vương quốc. Nếp sống tỉnh thức là nền đạo lý mà chúng ta đang cần đến như một đường lối và một niềm tin. Giáo lý truyền thống Bà la môn không chứa đựng được đức tự tin và không bảo đảm được quyền bình đẳng giữa mọi con người. Ta hãy dùng đạo lý Tỉnh Thức như một niềm tin mới.

Bụt cho biết người sắp lên đường trở về vương quốc Maghada, nhưng người sẽ còn trở lại Kapilavatthu.

Vua, triều thần và hoàng tộc rất vui khi nghe người nói như vậy.

Chương 38 - Ôi! Hạnh Phúc!

Bụt đã rời khỏi vương quốc Sakya nhưng người vẫn còn hoằng hóa ở miền Bắc vương quốc Kosala. Người và khoảng một trăm hai mươi vị khất sĩ đang cư trú ở một công viên gần thành phố Anuplya của bộ tộc Malla.

Đại đức Sariputta vẫn còn ở bên người. Kaludayi, Nanda và chú tiểu Rahula cũng ở bên người.

Trong thời gian Bụt ở ngoại thành Kapilavatthu, nhiều thanh niên trong hoàng tộc đã đến xin xuất gia với người, phần lớn là xuất thân từ những gia đình có từ ba người con trai trở lên. Sau khi Bụt rời Kapilavatthu được nửa tháng, có hai anh em ruột thuộc giòng họ Sakya cũng muốn đi xuất gia. Nhà của họ giàu lắm. Gia đình có tới ba cơ sở cư trú, một cho mùa Hè, một cho mùa Mưa, và một cho mùa Đông. Hai anh em tên là Mahanama và Anuruddha. Thấy nhiều bạn hữu của mình trong hoàng gia đã đi xuất gia với Bụt, Mahanama cũng muốn được đi xuất gia. Mahanama nghĩ trong gia đình có hai người con trai thì nên đi xuất gia một người thôi, chàng nhường quyền xuất gia cho em. Anuruddha đi tìm mẹ để xin phép. Bà mẹ nói.

- Mẹ chỉ có hai con là niềm vui của mẹ thôi. Nếu một đứa trong các con xuất gia thì mẹ buồn lắm.

Anuruddha thưa với mẹ là đã có nhiều thanh niên trong hoàng tộc xuất gia, và nếp sống xuất gia sẽ đem lại lợi lạc không phải chỉ cho người xuất gia mà cho cả gia đình và xã hội. Chàng đã được nghe Bụt giảng tại tu viện Nigrodha nhiều lần nên chàng giảng thuyết về đạo pháp rất hay. Cuối cùng bà mẹ nói:

- Nếu bạn của con là Baddhiya mà xuất gia, thì mẹ cũng cho con đi xuất gia.

Bà nói vậy vì bà nghĩ là Baddhiya chẳng bao giờ xuất gia đâu. Baddhiya là người trong hoàng gia, và chàng có chức vị rất cao, quyền hành và danh vọng rất lớn, khó có thể bỏ được tất cả để mà đi tu.

Anuruddh nghe mẹ nói liền tìm tới Baddhiya. Baddhiya làm trấn thủ các tỉnh miền Bắc vương quốc. Dưới quyền chàng có nhiều đội binh. Dinh thự của chàng có lính gác bốn phía. Kẻ hầu người hạ tấp nập. Baddhiya tiếp Anuruddha như một thượng khách. Anuruddha bảo bạn:

- Tôi muốn đi xuất gia theo học với Bụt, nhưng tôi không xuất gia được, đó là tại vì anh.

Baddhiya cười:

- Tại sao vì tôi mà anh không đi xuất gia được? Tôi cấm anh xuất gia hồi nào? Tôi sẽ làm đủ mọi cách để anh được xuất gia.

Anuruddha kể lại đầu đuôi câu chuyện, rồi chàng nói:

- Anh vừa hứa với tôi là anh sẽ làm đủ mọi cách để tôi có thể đi xuất gia, mà cách duy nhất là anh cùng đi xuất gia với tôi.

Baddhiya thấy mình kẹt quá, không phải là chàng không hâm mộ Bụt và đạo lý tỉnh thức. Chàng

cũng đã có ý định sau này sẽ đi xuất gia, nhưng không phải bây giờ. Chàng nói:

- Bảy năm nữa tôi sẽ đi xuất gia. Anh cứ đợi tôi.

- Bảy năm nữa thì lâu quá. Biết tôi có còn sống đến lúc ấy hay không?

Baddhiya cười:

- Sao anh bi quan quá như vậy? Nhưng thôi, nếu anh nóng lòng xuất gia thì anh đợi ba năm nữa vậy.

- Ba năm cũng còn lâu quá. Anuruddha nói:

- Thôi thì bảy tháng. Tôi còn phải sắp đặt công việc nhà cửa và trao trả quyền hành.

- Đã xuất gia thì cần gì phải sắp đặt lâu như thế. Xuất gia là từ bỏ hết để đi theo con đường xuất trần siêu thoát. Anh đợi lâu như thế lỡ ra anh đổi ý thì sao.

- Anh đã nói vậy thì bảy hôm nữa tôi sẽ đi với anh. Thôi anh về đi.

Anurudha mừng rỡ về báo mẹ và anh biết tin này. Bà mẹ không ngờ quan tổng trấn Baddhiya lại chịu bỏ chức tước và danh vọng một cách dễ dàng như vậy. Bà chợt thấy tầm cao siêu của đạo lý giải thoát, và bà bằng lòng cho con đi xuất gia.

Anuruddha rủ thêm được một số các bạn hữu nữa cùng đi xuất gia. Đó là Bhagu, Kimbila, Devadatta và Ananda. Cả thảy là sáu người, tất cả đều là các vương tử quý phái. Đúng ngày hẹn, họ gặp nhau tại nhà Devadatta rồi lên đường. Tất cả đều đã là những chàng trai thành niên, trừ Ananda ra, Ananda mới có mười tám tuổi, nhưng chàng đã được phép cha là thân vương Dronodanaraja cho phép đi theo anh.

Bảy vị vương tử đi bằng xe tứ mã cho đến khi họ tới một thị trấn nhỏ nằm sát biên giới Kosala. Họ cho xe trở về và cùng đi bộ tới biên giới. Họ biết Bụt và các vị khất sĩ tùy tùng đang cư trú ở Anupiya, cách biên giới không xa, Anurauddha đề nghị mọi người cởi bỏ hết những trang sức trên người và ăn mặc thật đơn giản trước khi vượt biên. Mọi người tán thành.

Họ cởi những xâu chuỗi ngọc và những chiếc vòng bàng vàng bằng bạc ra và gói lại trong một cái áo. Họ định đi tìm một người nghèo để tặng tất cả những châu báu đó rồi sẽ tìm đường ra biên giới sau.

Vừa định đi vào trong thôn để kiếm một người nghèo thì họ thấy có một quán hớt tóc bên đường. Cái quán khá tồi tàn: người thợ hớt tóc là một chàng thanh niên trạc tuổi họ, mặt mày cũng khôi ngô, nhưng ăn mặc rách rưới nghèo nàn. Anuruddha ghé vào quán. Chàng hỏi tên người thợ hớt tóc. Anh ta nói anh tên là Upali. Chàng nói các vị vương tử muốn nhờ anh ta chỉ đường ra biên giới. Upali bằng lòng.

Upali đưa các vương tử đến biên giới nước Kosala, Anh ta chào các vị vương tử để trở về. Anuruddha cám ơn Upali và trao cho Upali một chiếc áo cuốn tròn trong đó có đầy đồ trang sức châu báu. Chàng nói:

- Upali, chúng tôi muốn theo Bụt xuất gia. Chúng tôi không cần những thức trang sức châu báu này. Chúng tôi tặng lại anh. Từng ấy châu báu vàng bạc đủ để anh sống sung sướng suốt đời.

Các vương tử chào Upali, và lên đường. Người thọ hớt tóc mở chiếc áo ra. Vàng ngọc làm anh ta lóe mắt. Anh ta không tin đây là sự thật. Anh thuộc về giai cấp hạ tiện trong xã hội. Cha ông của anh đời này sang đời khác đã sống cần cù lam lũ và chưa bao giờ có được một lạng vàng hay một chiếc cà rá. Bây giờ đây anh có một bọc châu báu trong tay. Bỗng nhiên anh cảm thấy lo sợ. Ôm một bọc châu báu trong người, anh cảm thấy anh mất hết sự an ổn và thảnh thơi. Anh có thể mất mạng như chơi nếu có người biết anh đang ôm cái gì trong tay.

Upali suy nghĩ. Anh thấy các vương tử giàu sang đến thế, quyền hành nhiều như thế mà vẫn bỏ hết để đi xuất gia. Chắc chắn những người này đã nhận thấy nặng nề và nguy hiểm của giàu sang và của danh vọng. Anh chợt có ý liệng bỏ gói châu báu để đi theo các vị vương tử, tìm cầu anh lạc và giải thoát. Nghĩ như thế, anh làm ngay. Anh treo gói áo trên một cành cây gần đó, thầm nhủ rằng ai là người đầu tiên thấy được gói châu báu này thì gói châu báu này sẽ thuộc về người ấy. Treo gói áo lên cây xong, anh vượt biên và chạy theo các vị vương tử.

Chỉ một giờ sau, Upali bắt kịp họ. Các vị vương tử ngạc nhiên thấy Upali chạy theo mình. Devadatta hỏi:

- Upali, anh chạy theo chúng chúng tôi làm chi? Gói châu báu anh để đâu?

Upali thở hổn hển một hồi, rồi kể lại câu chuyện.Chàng nói chàng đã treo gói áo lên một cành cây và nguyện tặng lại châu báu ấy cho người đầu tiên bắt gặp. Chàng nói chàng không cảm thấy an ổn với gói châu báu và xin được cùng các vị vương tử tìm tới Bụt để xuất gia.

Devadatta cười ha hả:

- Anh cũng muốn xuất gia như chúng tôi? Anh là ...

Anuruddha ngắt lời Devadatta:

- Hay lắm, hay lắm! Chúng tôi rất hân hạnh được anh cùng đi với chúng tôi. Bụt có dạy rằng tăng đoàn như là biển cả, và người xuất gia như những con sông. Sông nào cũng chay ra biển và cũng thành biển. Chúng ta tuy xuất thân từ những giai cấp khác nhau, nhưng khi đã gia nhập tăng đoàn thì chúng ta sẽ là anh em, không còn phân biệt giai cấp nữa.

Baddhiya tán thành ý kiến của Anuruddha. Chàng đưa tay nắm tay người thợ cạo Upali. Chàng giới thiệu chàng là quan tổng trấn từng tri nhậm các tỉnh miền Bắc của vương quốc, và chàng giới thiệu các vị vương tử khác với Upali. Upali cúi chào từng vị với một dáng điệu kính cẩn. Sau đó bảy người lại tiếp tục lên đường.

Ngày hôm sau họ tới Anupiya. Họ hỏi thăm nơi cư trú của Bụt và tăng đoàn. Họ được biết Bụt và tăng đoàn hiện cư trú ở một khu rừng về phía Đông Nam cách thành phố chừng hai dặm. Bảy người tìm tới nơi này và được gặp Bụt.

Baddhiya thay mặt cả nhóm trình lên Bụt ý nguyện của họ được theo Bụt xuất gia. Bụt lặng yên ưng thuận. Baddhiya nói:

- Chúng con xin Bụt cho Upali được xuất gia trước. Chúng con sẽ lạy Upali như là một vị sư huynh. Như vậy chúng con có thể trừ khử ý niệm phân biệt và kỳ thị có thể còn sót lại nơi chúng con.

Bụt khen ngợi cả bảy người. Bụt cho Upali làm lễ xuất gia trước, và sau đó làm lễ xuất gia cho sáu người: Baddhiya, Anuruddha, Bhagu, Kimbala, Devadatta và Ananda. Tuy mới có mười tám tuổi, Ananda cũng được xuất gia, nhưng chàng chỉ được thọ giới sa di và học theo hạnh khất sĩ. Đúng hai mươi tuổi chàng mới được thọ giới khất sĩ. Chàng là người trẻ nhất trong tăng đoàn, trừ Rahula. Được gặp lại chú Ananda, Rahula mừng lắm. Ba hôm sau lễ thọ giới của bảy chàng, Bụt và các vị khất sĩ rời Anupiya, hướng về Vesali.

Tại Vesali, Bụt nghỉ ở rừng Mahavana, Bụt lưu lại ba hôm ở đây. Trong thời gian ấy Bụt có thuyết pháp cho dân chúng, rồi Bụt lại lên đường. Đi lần hồi trên mươi hôm nữa, Bụt về tới tu viện Trúc Lâm ở Rajagaha.

Các đại đức Kassapa, Moggallana, và Kondanna thấy Bụt về rất hoan hỷ. Đại chúng trong tu viện đông gần sáu trăm vị, ai cũng tỏ vẻ vui mừng. Vua Bimbisara nghe Bụt đã về, lập tức tìm tới thăm Bụt. Không khí Trúc Lâm rất sống động và vui tươi. Mùa Mưa đã gần tới, và các đại đức Kondanna và Kassapa đã chuẩn bị đầy đủ về mặt tổ chức để đại chúng có thể an cư tu học. Đây là mùa an cư thứ ba từ ngày Bụt thành đạo. Mùa thứ nhất, Bụt ở vườn Nai, mùa thứ hai và mùa thứ ba, Bụt ở tại Trúc Lâm.

Đại đức Baddhiya, trước kia làm quan tổng trấn miền Bắc vương quốc Sakka, và là người trong hoàng tộc Sakya, tu học rất tinh tiến. Tại tu viện Trúc Lâm, ông học theo đại đức Kassapa, chỉ cư trú dưới gốc cây mà không ngủ trong am thất. Ông học tập rất chuyên cần và sử dụng phần lớn thì giờ của ông vào việc thực tập thiền quán.

Một đêm kia trong lúc thực tập thiền tọa dưới một gốc cây, ông bỗng cảm nhận một niềm vui sướng mà chưa bao giờ ông từng biết tới trong thời gian còn ở nhà. Ông thốt lên:

- Ôi, hạnh phúc! Ôi, hạnh phúc!

Lúc ấy trời đã về khuya. Có một vị khất sĩ ngồi thiền tọa cách ông không xa nghe được những tiếng ấy. Sáng hôm sau, vị này tới gặp Bụt. Ông thưa với Bụt:

- Thế Tôn, hồi khuya trong lúc thiền tập, con có nghe khất sĩ Baddhiya thốt lên hai tiếng “Ôi, hạnh phúc!”, con nghĩ là thầy Baddhiya không cảm thấy thoải mái với đời sống xuất gia. Có lẽ thầy ấy tiếc nuối những giàu sang và danh vọng khi còn là cư sĩ. Con xin trình bày để Thế Tôn biết, và để người định liệu.

Bụt gật đầu.

Trưa hôm ấy sau khi tăng đoàn đã thọ trai, Bụt thuyết pháp cho đại chúng. Sau thời thuyết pháp, Bụt gọi đại đức Baddhiya ra trình diện. Đại chúng có mặt đầy đủ trong giờ này, không những các vị khất sĩ mà còn có những người đệ tử cư sĩ đã đến cúng dường và nghe pháp. Bụt hỏi:

- Baddhiya, hồi khuya trong lúc thiền tọa, thầy có thốt lên “Ôi, hạnh phúc! Ôi, hạnh phúc", có đúng như thế không?

Đại đức Baddhiya chắp tay trả lời:

- Thế Tôn, hồi đêm quả thật con có thốt lên những tiếng đó.

- Tại sao xin thầy hãy nói cho đại chúng cùng nghe.

- Thế Tôn, ngày trước làm tổng trấn, con sống trong giàu sang, phú quý và có nhiều quyền lực. Đi đâu con cũng có một đội binh theo hầu cận và bảo vệ. Dinh phủ của con luôn luôn có binh lính cánh gác ngày đêm, bên trong cũng như bên ngoài. Vậy mà lúc nào con cũng lo lắng, sợ hãi, cảm thấy thiếu an ninh.

Bây giờ đây đi một mình trong rừng, ngồi một mình dưới cội cây trong đêm vắng, vậy mà con không hề có cảm tưởng nghi ngại và sợ hãi. Con cảm thấy có một niềm thảnh thơi và an lạc chưa bao giờ từng có. Thế Tôn, đời sống xuất gia thật là thoải mái đối với con, con không sợ ai, con không sợ mất gì, con không có gì để sợ mất, và con sống vui thú như một con nai trong rừng. Trong thiền định đêm qua con thấy được rất rõ niềm thảnh thơi vui thú đó, cho nên con đã buột miệng kêu lên hai lần: “Ôi, hạnh phúc!, Ôi, hạnh phúc!" làm kinh động đến Thế Tôn và các bạn tu của con. Con xin thành tâm sám hối.

Bụt ngợi khen Baddhiya trước mặt đại chúng. Người nói:

- Hay lắm, khất sĩ Baddhiya. Thầy đang đi những bước vững chải trên con đường tự tại và vô úy. Niềm an lạc của thầy, cả chư thiên cũng biết ước ao, huống nữa là người đời.

Giữa mùa an cư năm ấy, Bụt có độ cho nhiều người xuất gia, trong số đó một nhân tài lỗi lạc: đó là Mahakassapa, Mahakassapa là con trai một thương gia giàu có vào bậc nhất ở vương quốc Magadha. Tên cha mẹ đặt của chàng là Pippali. Gia tài của vị thương gia này chỉ thua có công khố quốc gia mà thôi, trong nước không ai giàu có bằng ông ta. Mahakassapa đã thành hôn với một thiếu nữ sinh trưởng ở Vesali. Nàng tên là Bhadra Kapilani.

Hai người đã sống với nhau được mười hai năm, nhưng cả hai đều có chí xuất trần, cả hai đều muốn tìm thầy học đạo.

Một buổi sáng nọ khi thức giấc, Mahakassapa thấy vợ mình đang ngủ say và một cánh tay nàng buông thỏng từ trên giường xuống tới gần mặt đất. Trong khi đó có một con rắn độc đang trườn qua dưới gầm giường nàng. Mahakassapa nín thở, không dám động dậy. Khi con rắn đã bò ra khỏi nhà, chàng tức tốc chỗi dậy đánh thức nàng.

Cả hai người cùng ngồi chiêm nghiệm về tính cách vô thường của cuộc đời. Vợ chàng khuyên chàng nên tức tốc đi tìm thầy học đạo. Nghe nói có Bụt hiện đang hướng dẫn đại chúng tu học tại Trúc Lâm gần thành Vương Xá, Mahakassapa liền vội vã đi tìm. Ngay khi mới trông thấy Bụt, chàng biết ngay đây là thầy của mình. Nói chuyện với Mahakassapa, Bụt nhận thấy đây là một con người lỗi lạc, hiếm có trên đời, Bụt nhận cho chàng xuất gia, Mahakassapa có trình bày với Bụt về trường hợp người bạn trăm năm của mình. Bụt bảo chàng cơ duyên chưa thuận lợi để có thể chấp nhận phụ nữ vào giáo đoàn. Người nói cần đợi thêm ít lâu nữa.

Chương 39 - Ba Lần Thức Dậy Trời Vẫn Chưa Sáng

Mùa an cư mới chấm dứt được ba hôm, thì có một người thương gia trẻ tên là Sudatta từ vương quốc Kosala đến thăm Bụt và thỉnh cầu Bụt về vương quốc của chàng để giảng dạy đạo lý tỉnh thức.

Sudatta là một thương gia rất giàu có. Chàng cư trú ơ thủ đô Savatthi nơi quốc vương Pasenadi trị vì.

Cả vương quốc Kosala đều biết tiếng chàng, và Suddatta nổi tiếng là người biết che chở và bênh vực cho những kẻ nghèo khổ và cô độc.

Chàng luôn luôn để ra một phần của gia sản mình để chu cấp cho những kẻ nghèo hèn và không có thân nhân. Công việc giúp đỡ người khốn khổ này chàng đã làm liên tục trong nhiều năm và chàng tìm được rất nhiều nguồn vui trong công việc ấy. Người đồng bào của chàng đã tặng cho chàng cái mỹ hiệu là Anathapindika, có nghĩa là "người cứu giúp cho kẻ khốn cùng và cô độc", gọi là Cấp Cô Độc. Để có thể tiếp tục công việc cứu trợ những kẻ nghèo khổ, Suddatta phải tiếp tục nghề nghiệp của mình là một thương gia. Chàng hay qua lại nước Magadha để buôn bán và mỗi khi tới thủ đô Rajagaha, chàng thường cư trú tại nhà của người anh vợ của chàng, vốn cũng làm nghề buôn bán. Người anh vợ này rất quý mến chàng. Mỗi khi chàng đến, ông ta làm đủ mọi cách để giúp đỡ chàng và làm cho thời gian cư trú tại Rajagaha của chàng được dễ chịu. Ông săn sóc chàng từng li từng tí. Tuy nhiên, kỳ nầy Suddatta không được ông anh vợ đặc biệt chú ý tới như những kỳ trước. Ông bận rộn cắt đặt và sai phái những người ăn người ở trong nhà như là nhà sắp có đám giỗ hay đám cưới, và đối với chàng em rể giàu có, lần này ông chỉ chú ý và săn sóc một cách vừa phải thôi. Suddatta lấy làm lạ. Chàng hỏi thì người anh vợ nói không có đám giỗ mà cũng không có đám cưới nào cả. Cũng không phải là để rước hoàng gia về nhà thết đãi. Ông nói:

- Ngày mai, anh mời Bụt và các vị khất sĩ tới thọ trai.

Nghe nói đến tiếng Bụt, Suddatta ngạc nhiên. Chàng hỏi lại:

- Anh nói sao, ngày mai anh thỉnh "Bụt" hả?

- Đúng rồi ngày mai anh thỉnh Bụt và các vị khất sĩ học trò của người.

- "Bụt"? nghĩa là "người tỉnh thức"?

- Đúng rồi. Bụt là người tỉnh thức. Đó là một bậc giác ngộ toàn vẹn. Đó là một con người thật mầu nhiệm và thật đẹp đẽ. Sáng mai, thế nào em cũng sẽ được gặp người.

Danh từ Bụt gây nên trong tâm tư Suddatta biết bao nhiêu nguồn cảm hứng. Chàng bắt ông anh vợ ngồi xuống và nói thêm cho chàng nghe về con người giác ngộ này. Ông anh vợ chàng kể rằng anh đã được trông thấy các vị khất sĩ học trò của đi khất thực, đã tìm hiểu về Bụt, đã tới nghe Bụt thuyết pháp tại tu viện Trúc Lâm và đã được người chấp nhận là đệ tử tại gia của

người. Ông cũng kể là hồi đầu mùa an cư ông đã được Bụt cho phép dựng thêm những chiếc nhà nhỏ lợp lá làm chỗ che mưa nắng cho các vị khất sĩ. Trong một ngày, ông đã cho dựng luôn sáu mươi căn nhà như thế rải rác trong khuôn viên của tu viện Trúc Lâm.

Không biết vì một duyên cớ thâm sâu nào đó mà Suddatta đem lòng thương mến Bụt sau khi mới nghe nói đến danh hiệu của người. Suốt đêm đó Suddatta không ngủ yên giấc. Chàng cứ mong cho trời sáng để có thể đi viếng Bụt tại tu viện Trúc Lâm dù chàng biết hôm nay Bụt và giáo đoàn của người sẽ tới thọ trai tại nhà ông anh vợ. Ba lần chợt tỉnh trong đêm là ba lần chàng tưởng trời đã sáng, nhưng trời vẫn chưa sáng. Cuối cùng, Suddatta, chỗi dậy, trời chưa sáng, nhưng chàng nhất quyết ra đìm Bụt. Chàng mặc áo, mang giầy và mở cửa ra đi một mình.

Trời khuya còn đầy sương và lạnh. Qua cổng Sivaka, chàng hướng về phía tu viện Trúc Lâm. Trời còn tối lắm, nhưng khi chàng vào tới cổng tu viện thì dáng cây dáng lá đã bắt đầu hiện rõ. Suddatta nóng lòng muốn gặp Bụt nhưng trong tâm còn e ngại. Chàng nói một mình để trấn tĩnh: “Suddatta, đừng e ngại”.

Lúc ấy Bụt đã thức, và người đang đi thiền hành ngoài trời ngay phía trước mặt chàng mà chàng không biết.

Bụt gọi: “Suddatta".

Suddatta giật mình. Tiếng gọi đến từ phía trước. Chàng ngửng nhìn lên thì thấy dáng một người đang đi tới. Linh tính báo cho chàng biết rằng đó là Bụt. Bụt đã gọi tên chàng. Chàng đang đi tới với Bụt và Bụt đang đi tới với chàng. Suddatta bước tới một bước nữa và chắp tay cúi đầu làm lễ Bụt.

Bụt đỡ Suddatta dậy và cầm tay chàng đưa về tịnh thất của người. Tới nơi chàng được Bụt mời ngồi. Chàng hỏi thăm Bụt có ngủ ngon không. Người nói người ngủ rất ngon. Suddatta tự giới thiệu mình và kẻ cho Bụt nghe chuyện chàng thức dậy ba lần trong đêm và cứ tưởng trời đã sáng. Chàng xin Bụt dạy cho chàng về đạo lý. Và Bụt bắt đầu giảng dạy cho chàng về trí tuệ và từ bi.

Suddatta rất sung sướng. Chàng lạy xuống xin Bụt nhận chàng làm đệ tử. Bụt lặng yên chấp nhận. Chàng lại thỉnh Bụt và giáo đoàn ngày mai tới thọ trai tại nhà người anh vợ của chàng. Bụt cười:

- Hôm nay thầy và các vị khất sĩ sẽ tới đây thọ trai rồi. Không lý ngày mai cũng tới đây nữa sao?

Suddatta khẩn khoản:

- Ngày hôm nay là anh con thỉnh cầu Bụt. Ngày mai người thỉnh cầu Bụt và và các vị khất sĩ lại là con. Con tiếc không có nhà cửa riêng ở đây để có thể thỉnh cầu Bụt và các thầy. Xin Bụt từ bi chấp nhận cho con.

Bụt mỉm cười nhận lời Suddatta. Chàng sung sướng làm bái biệt ngài. Trời đã sáng hẳn. Chàng phải về để giúp ông anh vợ chuẩn bị công cuộc đón tiếp Bụt và giáo đoàn.

Trưa hôm ấy, tại nhà ông anh vợ. Suddatta lại được nghe Bụt thuyết pháp. Niềm hân hoan của chàng như không có bến có bờ. Tiễn Bụt và giáo đoàn về xong, Suddatta bắt đầu chuẩn bị lo lễ cúng dường ngày mai. Ông anh vợ hết sức giúp đỡ chàng. Ông nói:

- Suddatta, ở đây dượng là khách chứ không phải là chủ. Thôi để anh đứng ra đài thọ lễ cúng dường ngày mai cho.

Suddatta không chịu. Chàng muốn tự mình thiết lễ cúng dường. Chàng nhất quyết đài thọ mọi phí tổn, nhưng chàng bằng lòng để cho gia đình ông anh vợ tiếp tay với sự nấu nướng và dọn dẹp.

Ngày mai, sau lễ cúng dường, Suddatta lại được nghe Bụt thuyết pháp. Lòng chàng nở ra như một đóa hoa. Sau khi Bụt đã nói xong pháp thoại, chàng quỳ xuống thỉnh nguyện:

- Lạy Bụt, hầu hết dân chúng nước Kosala chúng con chưa có cơ duyên tiếp đón Bụt và giáo đoàn tôn quý của người để được học hỏi về đạo lý tỉnh thức. Con cầu mong Bụt chấp nhận lời mời của con về cư trú và giảng dạy tại kinh đô Savathi trong một thời gian. Chúng con xin Bụt rủ lòng thương xót dân chúng của vương quốc Kosala.

Bụt nói với Suddatta là người sẽ về đàm luận với các vị đệ tử lớn của người về chuyện này và sẽ trả lời chàng sau.

Sau đó Bụt và giáo đoàn trở về tu viện.

Mấy hôm sau tới tu viện, Suddatta được Bụt cho biết là người đã chấp nhận việc đi hoằng pháp tại vương quốc Kosala. Người hỏi Suddatta xem ở gần thủ đô Savathi có chỗ cư trú cho một giáo đoàn đông đảo không. Suddatta bạch rằng chàng sẽ lo liệu chu toàn về việc cư trú của giáo đoàn. Suddatta còn thỉnh Bụt cho phép một vị cao đệ của Bụt là đại đức Sariputta về thủ đô Savathi một lần với chàng để chuẩn bị cho công cuộc hoằng pháp của Bụt. Bụt hỏi ý Sariputta thì thầy bằng lòng.

Một tuần lễ sau đó, Suddatta tới tu viện từ giã Bụt cùng giáo đoàn, đồng thời rước đại đức Sariputta cùng lên đường về thủ đô.

Hai người hướng về phương Bắc, vượt sông Hằng và đi lên thành Vesali. Tại Vesali, hai người được bà Ambapali rước về cư trú và nghỉ ngơi tại vườn Xoài trong hai hôm. Đại đức Sariputta có cho nữ phật tử Ambapali biết là Bụt cùng giáo đoàn sẽ mở một chuyến đi hoằng pháp tại vương quốc Kosala và cũng sẽ ghé qua thành phố Vesali này. Ambapali rất vui mừng. Bà hỏi thăm đại đức xem chừng nào Bụt sẽ ghé ngang qua để bà có thể chuẩn bị đón tiếp Bụt và giáo đoàn. Đại đức nói là trong khoảng sáu tháng. Bà tỏ ý rất hoan hỷ được tiếp đón thầy Sariputta và cư sĩ Suddatta. Bà ngỏ lời khen ngợi vị trưởng giả trẻ tuổi này về công trình cứu tế xã hội của chàng và khuyến khích chàng trong công việc tổ chức chuyến đi hoằng pháp sắp đến của Bụt.

Từ giã Ambapali, hai người hướng về phía Tây Bắc, đi trên tả ngạn dòng sông Aciravati. Đây là lần đầu Suddatta đi bộ trên một quãng đường dài như thế. Chàng không thể dùng xe ngựa bởi vì chàng phải cùng đi bộ với đại đức Sariputta. Đến đâu chàng cũng báo tin là trong vòng sáu tháng Bụt và giáo đoàn sẽ đi qua và mọi người nên chuẩn bị để đón tiếp.

“Bụt là một bậc tỉnh thức vừa xuất hiện trên cõi đời. Bà con cô bác hãy thành tâm chuẩn bị để đón tiếp người và giáo đoàn cao quý của người". Vương quốc Kosala là một nước hùng mạnh không kém gì vương quốc Magadha. Biên giới miền Nam của vương quốc là sông Hằng. Đất đai của vương quốc trải dài tới miền Bắc cho đến những ngọn đồi sát chân dãy Hy Mã Lạp Sơn. Dân chúng ở vương quốc Kosala không mấy ai là không nghe đến Suddatta. Ai cũng gọi chàng

là trưởng giả Cấp Cô Độc, Anathapindika, người chu cấp cho những kẻ bần cùng và cô độc. Khi chàng mở lời ca tụng bậc giác ngộ, ai cũng tin ngay lời chàng. Ai cũng ước ao được thấy mặt Bụt và giáo đoàn của người. Đại đức Sariputta sáng nào cũng ghé vào các thôn xóm để khất thực, và Suddatta thường đi theo người, Suddatta thường lấy cơ hội tiếp xúc này để nói cho đồng bào chàng nghe về Bụt và về giáo đoàn các vị khất sĩ.

Đi như thế được non một tháng thì hai người về tới Savathi. Đại đức Sariputta được Suddatta mời về nhà để cúng dường. Chàng ân cần giới thiệu đại đức với gia đình chàng và cầu xin đại đức thuyết pháp cho mọi người nghe. Thân phụ, thân mẫu và nội trợ của chàng đều xin phát nguyện thọ trì ba sự quay về nương tựa và năm giới. Nội trợ của Suddatta tên là Punnalakkhana, dáng người đoan trang và thùy mị. Nàng đã có bốn đứa con với Suddatta. Cả bốn đều còn nhỏ tuổi, ba đứa đầu là con gái và đứa chót là con trai. Đứa lớn tên là Subhadha chị, đứa kế tên là Subgadha em, đứa áp út tên là Sumagadha, cậu con trai tên là Rala.

Đại đức Sariputta bắt đầu đi hành hóa trong thủ đô Savathi. Buổi chiều và ban đêm, thầy về cư trú tại một khu rừng thưa gần bờ sông. Trong khi đó Suddatta đi tìm một nơi khả dĩ có thể làm chỗ cư trú thuận tiện cho Bụt và giáo đoàn trong chuyến hoằng pháp quan trọng sắp đến.

Chương 40 - Bao Nhiêu Tấc Đất Bấy Nhiêu Tấc Vàng

Suddatta đi xem xét nhiều nơi nhưng chưa có nơi nào đẹp đẽ và thanh tịnh bằng khu lâm viên của thái tử Jeta nằm sát thủ đô Savathi. Chàng nghĩ nếu có được khu lâm viên này làm cơ sở lưu trú và hành đạo của Bụt và giáo đoàn thì đạo lý tỉnh thức sẽ được truyền bá sâu rộng trong vương quốc. Suddatta tìm đến thái tử Jeta xin gặp.

Hôm ấy trong dinh thự của thái tử có mặt một vị văn quan trong triều mà Suddatta cũng có quen biết. Sau khi chào hỏi thái tử và vị văn quan, Suddatta trình bày ước muốn của mình và xin thái tử nhượng lại cho chàng khu vườn của thái tử để làm cơ sở tu học và hoằng pháp cho Bụt.

Thái tử Jeta mới có hai mươi tuổi. Khu vườn này là của vua Pasenadi ban cho chàng năm ngoái.

Thái tử nhìn vị văn quan rồi nhìn Suddatta nói:

- Khu vườn ấy là của phụ vương tôi cho tôi, và tôi quý nó như vàng. Nếu ông có đủ vàng lá đem trải đầy khu vườn thì tôi sẽ nhường nó lại cho ông.

Thái tử Jeta nói nửa đùa nửa thật nhưng thương gia trẻ tuổi lại không cho đó là chuyện đùa. Chàng nói:

- Được rồi, tôi sẽ theo điều kiện của thái tử đặt ra. Sáng mai, tôi sẽ cho chở vàng tới.

Thái tử Jeta giật mình:

- Tôi nói đùa đó mà, tôi không bán khu vườn của tôi đâu. Ông đừng chở vàng tới.

Nhưng Suddatta vẫn nghiêm trang:

- Thưa thái tử, ngài là một bậc vương giả, ngài đã nói ra lời nào thì chắc lời ấy không thể bị xóa bỏ.

Rồi Suddatta quay sang hỏi vị văn quan đang ngồi uống nước với thái tử:

- Thưa đại nhân, có phải đúng như vậy không?

Vị văn quan gật đầu. Ông ta xoay về phía thái tử Jeta:

- Vị thương gia Anathapindika này nói đúng, thưa điện hạ, đã không ra giá thì thôi, một khi đã đưa giá cả thì ta không có quyền không bán.

Thái tử Jeta đành nhượng bộ. Tuy nhiên chàng hy vọng rằng Suddatta không có đủ vàng. Thái tử chưa kịp nói gì thêm thì Suddatta đã đứng dậy chắp tay tạ ơn và cáo biệt.

Ngay sáng hôm sau, chàng cho người chở vàng tới lót khu vườn.

Thái tử Jeta chứng kiến cảnh tượng lót vàng này và rất lấy làm kinh ngạc. Thái tử biết đây không phải là một chuyện mua bán tầm thường. Không ai bỏ ra một số vàng lớn như thế để mà mua

một khu vườn giải trí. Bụt và giáo đoàn của người chắc chắn là những nhân vật lỗi lạc lắm cho nên người thương gia này mới phát tâm dũng mãnh như thế này được. Nghĩ thế, thái tử tới gần Suddatta và hỏi thăm chàng về Bụt. Mắt vị thương gia sáng lên. Chàng kể cho cho thái tử nghe về con người của Bụt, về đại cương giáo lý của người và về giáo đoàn các vị khất sĩ. Chàng lại hứa ngày mai sẽ đến mời thái tử đi thăm viếng đại đức Sariputta, một vị cao đệ của Bụt, hiện đang có mặt tại thủ đô. Nghe Suddatta nói, thái tử Jeta cũng cảm thấy hứng khởi trong lòng. Lúc bấy giờ người của Suddatta đã chở vàng được ba chuyến và đã lót được khoảng hai phần ba khu vườn. Khi chiếc xe sắp đi chuyến thứ tư thì thái tử Jeta đưa tay ngăn lại. Thái tử nói với Suddatta:

- Thôi, ông lót từng ấy vàng đủ rồi. Phần đất còn lại là phần tôi hiến tặng cho Bụt và giáo đoàn. Tôi cũng muốn góp phần vào công trình lớn lao và đẹp đẽ của ông. Tôi nói như thế này, ông nghe có được không nhé: cứ xem như là ông cúng đất, còn tôi thì cúng cây cho tu viện. Sau này có ai hỏi thì ta có thể nói rằng tu viện này tên là "Vườn Anathapindika với cây của Jeta". Ông chịu không?

Suddatta rất hoan hỷ. Chàng hân hoan thấy thái tư Jeta chịu đóng góp vào công cuộc hoằng pháp lớn lao này.

Chiều hôm sau, chàng đến rước thái tử đi thăm đại đức Sariputta, để thái tử được thấy nhân cách của thầy và được nghe thuyết pháp. Sau đó, cả ba người cùng đi đến khu vườn mà Suddatta vẫn gọi là Jetavana, dù chàng đã đứng tên làm địa chủ. Suddatta hỏi ý kiến thầy Sariputta và thái tử Jeta về kế hoạch xây dựng cư xá, thiền đường, nhà giảng và phòng tắm. Chàng muốn dựng một mái tam quan trước cổng tu viện trên khoảng đất của thái tử Jeta cúng dường để kỷ niệm và cũng để làm vui lòng thái tử. Thầy Sariputta đã đưa ra nhiều chỉ dẫn rất quý báu về việc xây dựng cư xá, thiền đường, nhà giảng và phòng tắm, bởi vì thầy biết rất tường tận về những nhu yếu của các sinh hoạt tu viện. Một nơi êm mát được chỉ định để làm am lá cho Bụt. Những con đường được vạch ra, và những giếng nước được bắt đầu đào. Sariputta khẩn khoản yêu cầu đại đức Sariputta cư trú ngay tại Jetavana để giúp chàng điều động công việc xây cất những tiện nghi tu viện. Có những buổi sáng gia đình Suddatta mang thức ăn lên để cúng dường đại đức. Vào những hôm này đai đức không đi khất thực, còn vào những buổi khác, đại đức thường mặc áo mang bát đi khất thực trang nghiêm trong thành phố. Dân chúng thủ đô dần dần biết tới đại đức, và từ câu chuyện Suddatta lót vàng mua đất Jetavana đã được truyền đi khắp nơi. Ai cũng biết rằng vị thương gia trẻ Anathapindika đã mua đất của thái tử và đang xây cất tu viện cho một giáo đoàn sẽ từ Magadha tới. Thỉnh thoảng vào những buổi chiều, đại đức Sariputta thuyết pháp tại Jetavana và dân chúng thủ đô đã bắt đầu đi nghe khá đông, Bụt vẫn chưa tới mà đạo của Bụt đã được dân chúng hâm mộ.

Bốn tháng sau, khi công cuộc xây cất đã gần hoàn tất, đại đức Sariputta lên đường trở về Rajagaha đón Bụt.

Buổi sáng khi đại đức Sariputta về tới Vesali, thầy thấy bóng dáng rất nhiều chiếc áo vàng trong thành phố. Hỏi ra thầy biết là Bụt và trên năm trăm vị khất sĩ đã tới Vesali trước đó mấy hôm. Hiện Bụt đang cư trú trong Rừng Lớn. Sariputta lập tức tìm về giảng đường thăm Bụt. Bụt cho thầy biết là nữ cư sĩ Ambapali vừa mới tới thỉnh Bụt và giáo đoàn tới thọ trai ngày mai tại vườn Xoài của bà. Người hỏi thăm về cuộc hoằng hóa của thầy ở Savatthi. Sau khi nghe Sariputta kể lại những gì đã xảy ra tại thủ đô vương quốc Kosala, Bụt cho thầy biết rằng hiện các đại đức Kondanna và Uruvela Kassapa đang hướng dẫn đại chúng tu học tại Trúc Lâm và tất cả các vị

khất sĩ hành đạo trong vương quốc Magadha đã được Bụt thông báo nên y chỉ vào hai thầy ấy.

Trong số năm trăm vị khất sĩ đi theo Bụt, hai trăm vị sẽ ở lại hành đạo tại tiểu bang Videha và tại Vesali, còn ba trăm vị sẽ theo Bụt qua Kosala. Mọi việc đều đã được các thầy phụ tá sắp đặt chu đáo. Bụt cho biết ngày mốt Bụt sẽ rời Vesali để lên đường đi Savatthi và người bảo thầy Sariputta cùng đi với người.

Được cúng dường Bụt và giáo đoàn khất sĩ tại vườn Xoài của mình. Ambapali rất lấy làm mãn nguyện. Bà chỉ tiếc cậu con trai của bà là Jivaka đã không có ở nhà để thừa tiếp Bụt và giáo đoàn. Cậu đang theo học ngành y khoa gần thủ đô Rajagaha. Ngày hôm qua, sau khi tới thỉnh Bụt ra về, bà gặp một số các vương tử Licchavi ở giữa đường. Các vị vương tử này là những người có quyền thế vào bậc nhất ở Vesali. Họ đi trên những chiếc xe song mã trang sức cực kỳ lộng lẫy. Họ đón đường bà. Chiếc song mã của bà phải ngừng lại. Họ hỏi bà đi đâu. Ambapali trả lời bà vừa đi thỉnh Bụt và giáo đoàn ngày mai về dùng cơm trưa. Các vị vương tử đề nghị bà hủy bỏ việc mời Bụt đi và chỉ nên mời họ. Họ nói:

- Nếu nàng chịu mời chúng tôi, chúng tôi sẽ trả giá bữa cơm ngày mai là một trăm ngàn đồng vàng.

Theo ý các vị vương tử, mời các ông thầy tu thì chẳng có ích lợi và vui vẻ gì. Ambapali trả lời:

- Quý vị vương tử chưa biết Bụt nên mới nói như thế. Tôi đã mời Bụt và giáo đoàn của người vào ngày mai rồi. Quý vị vương tử có cho tôi cả thành Vesali cùng tất cả đất đai vao quanh thành, tôi cũng không đánh đổi bữa cơm ngày mai cho các vị, đừng nói là các vị trả cho tôi một trăm ngàn đồng vàng. Thôi tôi xin phép quý vị được về nhà sớm để lo cho cuộc đón tiếp ngày mai.

Các vương tử Licchavi bắt buộc phải tránh đường cho bà đi. Ambapali đâu có biết rằng sau khi tránh đường cho bà đi, họ đã rủ nhau tìm đến Bụt để xem ông thầy tu này là ai mà Ambapali kính trọng đến thế. Họ tìm đến Rừng Đại Lâm. Họ đậu xe ở ven rừng và đi bộ vào.

Bụt biết đây là những thanh niên có nhiều hạt giống từ bi và trí tuệ. Người mời họ ngồi và kể chuyện cho họ nghe. Người kể cho họ nghe về thân thế và lịch trình tu đạo của người. Rồi người nói về đạo lý diệt khổ, và lý tưởng giải thoát. Người biết họ cũng thuộc về giai cấp Ksatriya, cũng thuộc về hoàng tộc như người. Nhìn họ, người thấy hình ảnh của người ngày xưa. Câu chuyện người nói vì thế rất có vẻ thân mật.

Sau khi được nghe Bụt thuyết pháp, các vị vương tử Licchavi bừng tỉnh. Họ thấy được họ. Họ thấy sự hưởng thụ giàu sang và quyền bính không đủ để đem lại cho họ hạnh phúc. Họ tìm thấy lý tưởng cho tuổi trẻ họ. Tất cả đều xin nguyện làm học trò tại gia của Bụt. Họ ngõ lời thỉnh Bụt ngày mai đến thọ trai. Bụt mỉm cười:

- Ngày mai tôi đã được Ambapali mời rồi.

Các vị vương tử cũng mỉm cười. Họ nhớ lại cuộc đối đáp giữa họ và Ambapali trước đó. Một vị nói:

- Vậy thì chúng con xin thỉnh Bụt vào ngày mốt.

Bụt mỉm cười chấp thuận.

Tại lễ cúng dường tổ chức ở vườn Xoài. Ambapali đã mời các thân hữu của bà đến để nghe Bụt thuyết pháp. Một số các vương tử Licchavi cũng đã được mời tham dự buổi lễ này.

Ngày hôm sau, Bụt với trên một trăm vị khất sĩ tới dự lễ trai tăng tại trú sở các vương tử Licchavi. Bụt và các vị khất sĩ được đón tiếp rất long trọng. Các thức ăn được cúng dường tuy là những thức ăn chay nhưng đều là những thức trân quý vào bậc nhất. Các loại trái cây như mít, xoài, chuối, và hồng táo đều đã được hái từ vườn cây của các vương tử. Thọ trai xong, Bụt giảng cho mọi người nghe về giáo nghĩa duyên sinh và con đường của tám sự hành trì chân chính. Bài giảng của ngài làm rung động tâm can của người nghe. Mười hai vị vương tử đã cầu Bụt cho được xuất gia. Bụt vui lòng chấp nhận họ. Trong số những người được xuất gia hôm ấy có Otthaddha và Sunakhatta, hai vị vương có ảnh hưởng lớn trong bộ tộc Licchavi.

Cuối buổi cúng dường, các vị vương tử trong bộ tộc Licchavi khẩn khoản thỉnh Bụt và giáo đoàn sang năm về an cư tại Vesali. Họ hứa sẽ cất tu viện và giảng đường trong khu Rừng Lớn để có chỗ an cư cho Bụt và hàng trăm vị khất sĩ. Bụt chấp thuận lời thỉnh cầu này.

Sáng hôm sau, nữ cư sĩ Ambapali đến viếng Bụt rất sớm. Bà ngỏ ý muốn Bụt nhận vườn Xoài của bà như một phẩm vật cúng dường của bà cho giáo đoàn khất sĩ. Bụt nhận lời.

Sau đó, Bụt cùng Sariputta và tăng đoàn lên đường đi về thủ đô Savatthi.

Chương 41 - Thương - Mầm Mống Của Đau Khổ?

Đường về Savatthi đối với đại đức Sariputta đã trở nên quen thuộc. Trên con đường nầy thầy và cư sĩ Anathapindika đã gây được nhiều niềm tin nơi dân chúng đối với Bụt và giáo đoàn của người. Lần này Bụt đi tới đâu là được dân chúng tiếp đón niềm nở tới đó.

Trên tả ngạn con sông Aciravati, có nhiều khu rừng mát mẻ, nơi ấy Bụt và giáo đoàn khất sĩ có thể nghỉ ngơi mỗi tối. Đoàn người chia làm ba nhóm, nhóm của Bụt đi đầu, có thầy Sariputta hướng dẫn, nhóm thứ hai do đại đức Assaji cầm đầu, nhóm thứ ba có đại đức Moggallana chăm sóc.

Các đoàn khất sĩ đi rất trang nghiêm, khi khất thực cũng như lúc đi trên đường rất dài. Dân chúng các thôn xóm ven sông thỉnh thoảng được nghe pháp thoại của Bụt hay trên một bờ sông.

Ngày tới Savatthi, Bụt và giáo đoàn được hướng dẫn về thẳng Kỳ Viên tức là tu viện Jetavana. Thấy trung tâm tu học được xây dựng và trang bị khéo léo và chu tất. Bụt nhìn Suddatta và ngỏ lời khen ngợi. Suddatta rất sung sướng. Chàng thưa với Bụt rằng đó cũng là nhờ ý kiến và công trình của đại đức Sariputta và thái tử Jeta.

Chú tiểu Rahula, năm nay đã hai mươi hai tuổi. Theo nguyên tắc chú phải thân cận với đại đức Sariputta để học hỏi với thầy, nhưng sáu tháng nay vì thầy Sariputta vắng mặt cho nên chú đã được giao lại cho đại đức Moggallana. Về tới tu viện Jetavana, chú lại được theo hầu thầy Sariputta như cũ.

Hoàng thái tử Jeta và cư sĩ Suddatta thiết kế một lễ cúng dường ngay tại tu viện mới, ngay sau ngày giáo đoàn tới Savatthi. Dân chúng quanh vùng được mời tới chiều hôm ấy để nghe Bụt thuyết pháp. Đã nghe nói tới Bụt và giáo đoàn từ nhiều tháng rồi cho nên hôm ấy dân chúng thủ đô về tu viện rất đông. Bụt đã nói về bốn sự thật và con đường tám sự hành trì chân chính. Trong số những ngồi nghe Bụt có cả hoàng hậu Mallika, phu nhân của quốc vương Pasenadi và công chúa Vajiri. Hoàng hậu và công chúa đã tới do lời mời của thái tử Jeta. Thái tử đã có lòng hâm mộ Bụt từ ngày biết đại đức Sariputta, và chàng đã nói nhiều về Bụt với mẹ và em gái. Công chúa mới lên mười sáu.

Nghe thuyết pháp xong, hoàng hậu và công chúa có cảm tình ngay với Bụt. Cả hai người thấy tâm hồn như mở ra. Cả hai đều muốn xin làm đệ tử Bụt, nhưng chưa dám. Hoàng hậu tự nhủ là phải có sự đồng ý của vua mới có thể đến Bụt xin quy y. Hoàng hậu Mallika biết thế nào trong tương lai vua Pasenadi cũng có cảm tình với Bụt, em gái của vua hiện giờ là chánh hậu của vua Bimbisara nước Magadha, đã quy y với Bụt từ ba năm nay.

Trong số những người đến nghe Bụt thuyết pháp hôm ấy cũng có nhiều nhân vật quan trọng thuộc các giáo phái tôn giáo đang thịnh hành ở Savatthi. Họ đến vì tò mò hơn là vì tìm học. Có người nghe Bụt xong chợt thấy tâm hồn cởi mở. Có người nghe Bụt xong thì thấy người là một thế lực tranh chấp đáng ngại, nhưng ai nấy đều công nhận rằng sự xuất hiện của Bụt tại thành Savatthi này là một biến cố rất trọng đại trong lịch sử tư tưởng và tôn giáo ở vương quốc Kosala.

Hôm ấy sau khi lễ cúng dường và buổi thuyết pháp đã hoàn mãn, cư sĩ Suddatta trân trọng tới quỳ trước Bụt và bạch với người:

- Con và gia đình con cùng tất cả các bạn hữu kính dâng tu viện Jetavana này lên cho Bụt và giáo đoàn. Mong Bụt và giáo đoàn chấp nhận cho chúng con.

Bụt nói:

- Suddatta, công đức của quý vị thật to lớn. Giáo đoàn khất sĩ nhờ có cơ sở này mà có nơi tránh mưa, tránh nắng, thú hoang, rắn rết và muỗi mòng. Đây là một cơ sở tu học rất thuận lợi cho các vị khất sĩ đến từ bốn phương, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Quý vị đã hết lòng hộ trì chánh pháp, tôi mong là quý vị sẽ giữ vững chí hướng trên con đường tu tập.

Sáng hôm sau, Bụt và giáo đoàn khất sĩ ôm bát và đi vào thành khất thực. Đại đức Sariputta đã chia các vị khất sĩ thành hai mươi đoàn khất thực, và mỗi đoàn mười lăm vị. Sự có mặt của các chiếc áo vàng trong thành phố đã khiến cho dân chúng nói nhiều tới tu viện Jetavana. Phong thái nghiêm trang, và lặng lẽ của các vị khất sĩ đã làm cho dân chúng thủ đô mến phục tăng đoàn.

Cứ mỗi bảy hôm thì lại có một buổi thuyết pháp tại tu viện Jetavana, những buổi thuyết pháp này do Bụt chủ trì. Dân chúng đến dự rất đông. Chỉ trong vòng mười hôm quốc vương Koala và vua Pasenadi đã biết đến sự có mặt của Bụt. Tuy bận rộn công việc triều chính vua cũng đã có dịp ngồi nghe các vị cận thần nói về ngôi tu viện mới và về giáo đoàn khất sĩ từ vương quốc Magadha mới tới.

Trong một bữa cơm hoàng gia, vua đem chuyện giáo đoàn của Bụt ra nói, hoàng hậu Mallika cho vua biết là thái tử Jeta có đóng góp và việc xây dựng tu viện. Vua cho đòi thái tử đến và hỏi về Bụt. Thái tử Jeta thực lòng tâu vua về những gì mình nghe thấy. Thái tử nói là nếu được vua cho phép, thái tử sẽ xin quy y làm học trò tại gia của Bụt.

Vua pasenadi không tin là một người trẻ tuổi như Bụt mà đã chứng đạt được quả vị giác ngộ và giải thoát cao tột như lời đồn đãi. Theo lời thái tử thì Bụt chỉ mới có ba mươi chín tuổi. Ba mươi chín tuổi là tuổi của vua. Vua nghĩ đức độ của Bụt làm sao cao bằng đức độ của những bậc lãnh tụ tôn giáo lớn tuổi như Purana Kassapa, Makkhali Gosala, Nigantha Nathaputta và Sanjana Belatthiputta. Lòng vua nửa tin nửa ngờ. Vua nghĩ thầm là khi nào có cơ hội vua sẽ tìm tới thăm Bụt để tìm hiểu trực tiếp con người mà cả hoàng hậu Mallika cả thái tử Jeta đều tỏ lòng cảm mến và kính phục.

Mùa Mưa sắp tới, Bụt quyết định sẽ cùng đại chúng an cư tại tu viện Jetavana, đã có kinh nghiệm từ những mùa kết hạ trước tại tu viện Trúc Lâm, năm nay các thầy phụ tá cho Bụt tổ chức mùa an cư rất dễ dàng và chu đáo. Số người mới xuất gia tại Savatthi đã lên tới sáu mươi vị. Suddatta đã đem tới cho tu viện rất nhiều bạn hữu, những người này rất sốt sắng trong việc tổ chức cúng dường và bảo trợ cho những sinh hoạt tu học tại tu viện.

Một buổi chiều nọ, Bụt tiếp một người đàn ông còn trẻ nhưng mặt mũi bơ phờ. Được Bụt hỏi thăm, người này nói là đứa con trai độc nhất của ông ta mới chết. Suốt mấy ngày nay, ông ta cứ ra ngoài bãi tha ma, vừa khóc vừa kêu lên: “Con ơi, bây giờ con ở đâu?”, ông ta không thiết gì đến ăn uống và ngủ nghỉ. Bụt nói:

- Đời là như thế đó, này ông bạn. Hễ có thương là có khổ.

Người đàn ông không chấp nhận lời của Bụt. Ông ta phản đối.

- Thầy nói sai rồi, thương không làm cho người ta khổ, thương chỉ đem lại cho người ta hạnh phúc và niềm vui mà thôi!

Nói xong, người ấy bất mãn đứng dậy và bỏ đi, không cho Bụt có cơ hội giải thích thêm về lời người vừa nói. Ông ta đi lang thang một hồi thì gặp một toán người đang xúm nhau đánh bạc. Ông ta ngồi xuống tham dự và nhân tiện kể lại cho bọn người nghe về cuộc gặp gỡ vừa rồi với Bụt. Những người đàn ông đang cờ bạc với nhau đều đồng ý với ông ta, cho rằng lời Bụt nói là sai. "Thương làm sao mà lại đem tới sầu khổ và thất vọng cho được. Thương chỉ đem tới hạnh phúc và niềm vui mà thôi! Anh nói đúng đấy, ông sa môn Gotama nói sai rồi".

Câu chuyện này được truyền ra và chẳng mấy chốc đã trở nên đề tài bàn tán sôi nổi của những giáo phái ở thủ đô Savatthi. Nhiều vị lãnh tụ giáo phái cũng cho rằng Bụt có một quan niệm sai lầm về thương yêu, và rốt cuộc câu chuyện được truyền đến tai quốc vương Pasenadi.

Chiều hôm ấy, trong bữa cơm gia đình, vua nói với hoàng hậu:

- Cái vị sa môn mà người ta thường gọi là Bụt ấy có thể không phải là người giỏi.

Hoàng hậu hỏi:

- Tại sao hoàng thượng nói như vậy? Ai đã chê sa môn Gotama?

- Sáng nay ta có nghe các quan trong triều bàn tán về sa môn Gotama. Họ nói rằng theo sa môn Gotama, càng thương nhiều thì càng lo lắng, sầu khổ và thất vọng nhiều mà thôi.

Hoàng hậu Mallika tâu vua:

- Nếu sa môn Gotama đã nói như thế thì chắc đó là sự thật.

Vua Pasenadi không bằng lòng. Vua nói:

- Hoàng hậu đừng nên nói thế. Mình phải biết suy xét chứ. Đừng làm như một em bé hễ thầy giáo nói điều gì thì cứ cho ngay điều ấy là đúng.

Hoàng hậu im lặng không nói gì. Bà biết là vua chưa có cảm tình với Bụt. Sáng hôm sau bà nhờ một người Bà-la-môn tâm phúc là Nalijangha tới viếng Bụt và hỏi xem có thật là người đã nói rằng "thương là nguồn gốc của lo lắng, sầu khổ và thất vọng" không? Bà dặn là nếu Bụt có nói như thế thì hãy xin Bụt giải nghĩa thêm cho rõ ràng và phải ghi nhớ hết những điều người dạy để về thuật lại cho bà.

Nalijangha tới thăm Bụt và được Bụt kể cho mấy câu chuyện chứng tỏ rằng thương là khổ. Bụt nói:

- Tại Savatthi này tôi nghe nói một người thiếu nữ vừa mất mẹ. Cô ta đau khổ quá đến phát điên, cả ngày cứ đi ngoài đường gặp ai cũng hỏi: ông có gặp mẹ tôi đâu không? Bà có thấy mẹ tôi đâu không? Cũng tại Savatthi, tôi lại mới nghe nói có hai thanh niên nam nữ yêu nhau, nhưng gia đình cô lại ép gã người con gái cho một chàng trai mà cô ta không yêu. Do đó mà hai người yêu nhau phải rủ nhau tự tử, nghĩ rằng chỉ có cái chết mới kết hợp họ với nhau được. Nội

hai câu chuyện này cũng có thể chứng tỏ rằng thương là khổ".

Nalijangha về thuật lại những câu chuyện ấy cho hoàng hậu Mallika nghe.

Một hôm nhân lúc vua Pasenadi rảnh rỗi, hoàng hậu hỏi vua:

- Bệ hạ nghĩ thế nào, công chúa Vajiri có phải là người bệ hạ thương yêu và cưng chiều nhất hay không?

- Đúng như vậy, ta thương yêu và cưng chiều con gái ta nhất.

- Vậy nếu có gì không may xảy ra cho công chúa Vajiri thì bệ hạ có lo lắng, sầu khổ và thất vọng không?

Vua Pasenadi giật mình. Vua thấy rằng trong cái thương, có những mầm mống của lo lắng, sầu khổ và thất vọng. Vua tự nhiên mất hết an lạc. Câu nói của Bụt chứa đựng một sự thật phũ phàng làm cho vua ngẩn ngơ. Vua nói:

- Hôm nào có dịp trẫm cũng sẽ đến thăm viếng viếng sa môn Gotama.

Nghe vua nói như thế, hoàng hậu rất vui mừng. Bà tin rằng không được gặp Bụt thì thôi, chứ nếu được gặp Bụt thế nào vua cũng sẽ có cảm tình với Bụt.

Chương 42 - Không Hiểu Biết Thì Không Thể Thương Yêu

Vua Pasenadi đến thăm Bụt một mình, không có hoàng hậu và công chúa đi theo. Vua cũng không đem theo vị văn quan hay võ quan nào. Ngài để xe và thị vệ ngoài cổng tu viện Jetavan và đi bộ vào một mình. Vua được Bụt tiếp trước chiếc am lá của người. Sau khi an vị và trao đổi những lời thăm hỏi, vua hỏi Bụt một cách trực tiếp:

- Sa môn Gotama, người ta thường ca ngợi ngài là Bụt, là đã đạt tới quả vị giác ngộ cao nhất. Trẫm băn khoăn tự hỏi: tuổi của ngài còn nhỏ, năm tu của ngài cũng còn ít, thế mà tại sao ngài lại đạt tới thành quả đó được? Trẫm đã nghe nói đến những vị đạo cao đức trọng như Puruna Kassapa, như Makkhali Gosala, như Nigantha Nathaputta, như Sanjaya Belatthiputta ... những vị này là người người tu lâu năm, tuổi tác đều lớn, tại sao họ không tự nhận họ là bậc giác ngộ hoàn toàn? Lại còn những vị như Pakudha Kaccayana và Ajita Kesakambali nữa. Ngài có nghe nói đến những vị ấy không?

Bụt ôn tồn:

- Đại vương, tôi có nghe nói tới các vị ấy và có vị tôi cũng đã từng được gặp. Đại vương, sự tỉnh thức không tùy thuộc vào tuổi tác, và năm tháng không quyết định được sự có mặt của giác ngộ. Đại vương, có những cái bé nhỏ mà ta không nên khinh thường: một vị vương tử bé, một con rắn con, một đốm lửa nhỏ và một nhà tu trẻ. Vị vương tử tuy bé nhưng cũng có vương tính của một đức vua như bệ hạ bây giờ, một con rắn nhỏ có thể làm ta mất mạng trong chốc lát. Một đốm lửa hồng có thể làm thiêu rụi một khu rừng hay một thành phố lớn và một nhà tu trẻ có thể đạt tới quả vị giác ngộ hoàn toàn. Đại vương! Người khôn ngoan không bao giờ khinh thường một một vương tử bé, một con rắn nhỏ, một đốm lửa hồng và một nhà tu trẻ.

Vua Pasenadi nhìn Bụt kinh ngạc. Người ngồi trước mặt vua đã nói với vua những điều trên một cách điềm đạm. Những điều Bụt nói không hàm chứa một hào ly mặc cảm nào. Vua bắt đầu có đức tin nơi Bụt. Vua hỏi Bụt về điều mà vua còn thắc mắc và chưa giải quyết được xong xuôi:

- Sa môn Gotama, có người nói rằng ngài chủ trương không nên thương yêu, bởi vì càng thương nhiều thì càng lo lắng nhiều, càng thương nhiều thì càng sầu khổ nhiều, càng thương nhiều thì càng thất vọng nhiều. Trẫm nghĩ rằng điều đó có thể đúng, nhưng lòng trẫm vẫn không yên. Trẫm nghĩ nếu không có thương yêu thì cuộc đời sẽ khô khan và vô vị lắm. Xin ngài giải dùm những nghi nan ấy cho trẫm.

Bụt nhìn vua:

- Đại vương, câu hỏi của ngài rất hay, và nhiều người sẽ được khai sáng nhờ câu hỏi này. Tiếng thương yêu có nhiều nghĩa, ta phải xét cho kỹ về bản chất của từng loại thương yêu. Cuộc đời cần đến đến sự thương yêu, nhưng không phải là thứ thương yêu dựa trên căn bản của dục vọng, của đam mê và vướng mắc, của phân biệt và kỳ thị. Đại vương, có một thứ tình thương mà cuộc đời rất cần đến, đó là lòng từ bi. Từ là maitri, còn bi là karuna.

Đại vương, tình thương mà người đời thường nói tới là tình thương giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ và chồng, giữa những người cùng trong họ hàng, cùng thân tộc, cùng giai cấp hoặc cùng quốc gia. Vì tình thương ấy còn dựa vào ý niệm "tôi" và "của tôi" cho nên bản chất của nó còn là sự vướng mắc và phân biệt.

Người ta chỉ muốn thương cha của mình, thương mẹ của mình, thương chồng của mình, thương vợ của mình, thương con của mình, thương cháu của mình, thương họ hàng của mình, thương đất nước của mình, cho nên người ta còn vướng mắc và phân biệt. Vướng mắc cho nên lo lắng về những bất trắc có thể xảy đến dù chúng chưa xảy đến, vướng mắc cho nên phải gánh chịu sầu đau và thất vọng mỗi khi có những bất trắc xảy đến.

Phân biệt cho nên có thái độ nghi kỵ, hờ hững và ghét bỏ đối với những người mình không thương. Vướng mắc và phân biệt đều là những nguyên nhân của khổ đau, khổ đau cho mình và cho người.

Đại vương, thứ tình thương mà muôn loài đang khao khát là lòng từ bi. Từ là thứ tình thương có thể đem đến an vui cho kẻ khác, bi là thứ tình thương có thể làm vơi đi những khổ đau của kẻ khác. Từ và bi là thứ tình thương không có điều kiện, không bắt buộc và không đòi hỏi bất cứ một sự đền đáp nào. Trong từ bi, người được thương không phải chỉ là cha ta, mẹ ta, vợ ta, chồng ta, con ta, huyết thống ta, giai cấp ta ... Kẻ được thương là tất cả mọi người và mọi loài.

Trong từ và bi không có sự phân biệt ta và không ta, của ta và của không của ta. Vì không phân biệt nên không có vướng mắc. Từ và Bi chỉ đem lại niềm vui và làm giảm đi nỗi khổ; Từ và Bi không gây lo lắng sầu khổ và thất vọng. Thiếu từ bi, cuộc đời sẽ khô khan, khổ đau và buồn chán như đại vương nói. Có từ bi, cuộc đời sẽ có an lạc, hạnh phúc và tươi vui. Đại vương, ngài là bậc nhân chủ cầm đầu của cả một nước, dân chúng vương quốc ngài sẽ được thấm nhuần ân đức ngài nếu ngài tu tập được tâm Từ và tâm Bi.

Vua cúi đầu suy nghĩ một lúc. Sau đó vua ngửng lên hỏi Bụt:

- Trẫm có một gia đình để coi sóc, có một vương quốc phải chăm lo. Nếu trẫm không thương yêu gia đình của trẫm và dân chúng trong vương quốc của trẫm thì làm sao trẫm có thể coi sóc và chăm lo cho họ được? Xin Bụt soi sáng điểm này cho trẫm.

- Cố nhiên là đại vương phải thương yêu gia đình hoàng gia và phải thương yêu dân chúng của vương quốc. Nhưng tình thương yêu của đại vương có thể vượt khỏi phạm vi gia đình và vương quốc. Đại vương thương yêu và chăm sóc cho các hoàng tử và công chúa. Điều đó không ngăn cản việc đại vương có thể thương yêu và chăm sóc cho tất cả những người trẻ khác trong vương quốc như là thương yêu và chăm sóc chính con trai và con gái của đại vương. Nếu đại vương làm được như vậy thì tình thương hạn hẹp trở thành tình thương rộng lớn, và đột nhiên tất cả những người trẻ tuổi trong vương quốc đều trở nên con trai và con gái của đại vương. Đó đích thực là tâm từ bi. Đây không phải là một điều quá lý tưởng. Đây là một điều con người có thể thực hiện được nhất là khi con người ấy có trong tay những phương tiện như đại vương. Nếu đại vương phát được nguyện lớn thì đại vương chắc chắn có thể làm được điều này.

- Nhưng còn những người trẻ tuổi trong các vương quốc khác?

- Không có gì ngăn cản đại vương thương yêu những người trẻ tuổi trong các vương quốc khác như con trai và con gái của ngài, dù những người này không nằm trong vùng cai trị của đại

vương. Không phải vì thương yêu dân chúng của quốc gia mình mà mình không thể thương yêu dân chúng của các quốc gia khác.

- Thương yêu như thế nào? Họ có nằm dưới quyền cai trị của mình đâu?

Bụt nhìn vua:

- Sự giàu mạnh và an ổn của một quốc gia không phải được tạo nên bởi sự nghèo hèn và loạn lạc của những quốc gia khác. Đại vương, nền hòa bình và thịnh vượng lâu dài của một quốc gia chỉ có thể được xây dựng trên sự hòa hiếu giữa các quốc gia và ý hướng về một nền thịnh vượng chung. Nếu đại vương thực sự muốn cho vương quốc Kosala có hòa bình và những người trai trẻ trong vương quốc không phải xông pha nơi lửa đạn thì đại vương cũng phải giữ gìn làm sao cho các vương quốc kế cận cũng có hòa bình và để những trai trẻ các xứ đó cũng khỏi phải xông pha trong vòng lửa đạn. Chính sách ngoại giao và kinh tế của đại vương phải thực sự đi theo con đường của tâm từ bi thì đại vương mới có thể làm được chuyện này. Như vậy trong khi đại vương thương yêu và chăm sóc cho quốc gia Kosala, đại vương cũng chăm sóc cho các vương quốc khác như Magadha, Sasi, Videha, Sakya và Koliya.

Đại vương, mới năm ngoái đây, sau khi về thăm gia đình và vương quốc Sakya, tôi và nhiều vị khất sĩ có tới du hóa ở Arannakutila, thuộc lãnh thổ của quý quốc, sát chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Ở đó tôi đã suy nghiệm về một chính sách trị nước căn cứ trên nguyên tắc bất bạo động. Tôi thấy các vị quốc vương rất có thể cai trị nghiêm minh, đem lại an hòa và hạnh phúc của muôn dân mà không cần sử dụng đến những biện pháp bạo động như chinh phạt, xử tử, giam hãm, tù đày v.v... Tôi đã nói những điều này với phụ vương tôi, vua Suddhodana. Nhân tiện đây tôi cũng muốn xác định điều đó với đại vương. Làm nhà chính trị giỏi, đại vương có thể trị nước mà không cần đến những phương thức bạo động, nếu ngài biết un đúc và nuôi dưỡng Từ Bi.

Vua thốt lên:

- Thật là kỳ diệu! Thật là kỳ diệu! Chưa bao giờ trẫm được nghe những lời giáo huấn mới lạ và sâu sắc như thế! Ngài thật là một bậc tôn quý trên đời! Những điều Bụt dạy, trẫm xin lĩnh giáo để về chiêm nghiệm, bởi vì trẫm biết những lời dạy ấy có những chiều sâu cần phải khám phá. Bây giờ trẫm xin hỏi ngài một câu hỏi thật đơn giản. Thói thường, thì tình thương của người đời bao giờ cũng ẩn chứa ý niệm phân biệt, và ít nhiều cũng mang tính chất đam mê và vướng mắc. Theo Bụt thì thứ tình thương có thể gây nên lo lắng, sầu khổ, và thất vọng. Vậy nếu không thương như thế thì ta phải thương làm sao? Ví dụ như trẫm đây, trẫm phải thương con cái của trẫm như thế nào để tránh được những lo lắng, sầu khổ và thất vọng?

- Không ai cấm cản chúng ta thương yêu, nhưng ta phải biết quán sát để thấy được bản chất của tình thương chúng ta.Tình thương theo lẽ thì phải làm cho người được thương yêu có an lạc và hạnh phúc, nhưng nếu chỉ là đam mê, là ích kỷ, là ý chí chiếm hữu thì tình thương này không thực sự là tình thương, tình thương này không làm cho người được thương có an lạc và hạnh phúc. Trái lại nó làm cho kẻ kia cảm thấy tù túng, lệ thuộc, mất hết tự do, mất hết phẩm cách của một con người có tự do. Tình thương trong trường hợp này chỉ là một tù ngục. Nếu người được thương không có hạnh phúc, nếu người ấy không chấp nhận cái nhà tù của sự chiếm hữu thì tình thương kia sẽ dần dần biến thành sự ghét bỏ và hận thù.

Đại vương biết không, tại kinh đô Savatthi này cách đây chỉ có mười hôm, một chuyện thương tâm đã xảy ra chỉ vì tình thương không được thỏa mãn đã biến thành hận thù. Có một bà mẹ

cảm thấy mất mát khi đứa con trai duy nhất của bà đem lòng thương yêu một cô thiếu nữ và sau đó cưới cô ấy về làm vợ. Bà mẹ kia thay vì thấy rằng mình có thêm một đứa con, lại cảm thấy rằng mình đã mất một đứa con, và cho rằng con trai mình đã phản bội tình thương của mình. Nghĩ như thế, hận thù nảy sinh trong tâm bà. Một hôm bà đã bỏ thuốc độc vào thức ăn, và cả con trai lẫn con dâu đều chết vì ngộ độc. Đại vương! Trong đạo lý giác ngộ, thương yêu phải đi đôi với hiểu biết, thương yêu chính là hiểu biết. Nếu không hiểu biết thì không thể thương yêu, vợ chồng không hiểu nhau thì không thể thương nhau, anh em không hiểu nhau thì không thể thương nhau. Muốn cho một người nào có hạnh phúc, mình phải tìm hiểu cho được những ước vọng và những khổ đau của chính người ấy. Hiểu được rồi mình mới có thể làm mọi cách để cho người ấy bớt khổ đau và có hạnh phúc. Như vậy mới gọi là tình thương chân thật, còn nếu mình chỉ muốn kẻ kia làm theo ý mình, và không biết gì đến những khổ đau và những nhu cầu chân thực của người ấy thì đó không phải là thương. Đó chỉ là ước muốn chiếm hữu hoặc ước muốn thỏa mãn ý nguyện của mình, cho dù đó là ý nguyện muốn cho người kia sung sướng.

Đại vương! Dân chúng trong vương quốc Kosala có những đau khổ và những ước vọng của họ. Nếu đại vương thực sự hiểu thấu những đau khổ và những ước vọng ấy thì đại vương sẽ thực sự thương yêu được họ. Các quan chức trong triều cũng có những đau khổ và những ước vọng của họ. Nếu đại vương thực sự thấu hiểu những đau khổ và ước vọng ấy, đại vương có thể làm cho họ sung sướng và họ sẽ suốt đời trung thành với đại vương. Hoàng hậu, các thái tử và công chúa, mỗi người đều cũng có những đau khổ và những ước vọng của mình; nếu đại vương thực sự thấu hiểu được những đau khổ và những ước vọng ấy, đại vương cũng sẽ làm cho họ sung sướng, và khi mọi người được sung sướng và an lạc thì chính đại vương cũng sẽ được sung sướng và an lạc. Đó là nghĩa thương yêu trong đạo lý tỉnh thức.

Vua Pasenadi cảm thấy xúc động. Chưa có một vị đạo sĩ hay một vị Bà la môn nào đã chiếu rọi ánh sáng vào các ngõ ngách tâm tư của vua và làm cho vua thấy hiểu được tâm mình một cách rõ ràng như thế. Vị sa môn, vua nghĩ là một bảo vật quý giá không lường của vương quốc, xứng đáng làm thầy của ta.

Vua cúi đầu suy nghĩ. Một lát sau, vua ngửng mặt nhìn Bụt:

- Trẫm cảm ơn ngài đã soi sáng nhiều cho trẫm, nhưng còn một điều này nữa, trẫm còn thắc mắc. Ngài đã nói rằng tình thương có đam mê và vướng mắc thường có tác dụng gây khổ đau và thất vọng, trong khi thương theo đạo lý từ bi tuy không ích kỷ và không vụ lợi nhưng cũng vẫn đem lại khổ đau và thất vọng như thường. Trẫm cũng thương dân, nhưng mỗi khi thấy dân chịu khổ đau vì những thiên tai như bão tố lụt lội, dịch lệ ... thì trẫm vẫn cảm thấy khổ đau và thất vọng, mà trẫm nghĩ ngài cũng thế, mỗi khi thấy người khác khổ đau vì bệnh hoạn, chết chóc, ngài cũng không thể không khổ đau.

- Câu hỏi của đại vương rất hay; nhờ câu hỏi này mà ngài có thể hiểu sâu thêm về bản chất của từ bi. Trước hết, đại vương nên biết rằng những khổ đau do thứ tình thương có bản chất đam mê và vướng mắc đem lại thì nặng nề và to lớn gấp muôn vạn lần những khổ đau mà lòng từ bi đã làm phát khởi trong lòng ta. Kế đó, đại vương phải phân biệt hai loại khổ đau: một loại khổ đau hoàn toàn vô ích và chỉ có công dụng tàn phá cơ thể và tâm hồn người, một loại khổ đau nuôi dưỡng được lòng từ bi, ý thức trách nhiệm và đưa tới ý chí hành động diệt khổ. Thứ tình thương có bản chất đam mê và vướng mắc vì được nuôi dưỡng trong tham đắm và si mê nên chỉ có thể đem lại những phiền não khổ đau làm tàn phá con người, trong khi từ bi chỉ nuôi dưỡng xót thương cho hành động cứu khổ. Đại vương! sự xót thương rất cần cho con người. Đó là một

niềm đau có ích. Không biết xót thương thì con người không thể là con người, vì vậy những khổ đau do lòng xót thương đem lại là những khổ đau cần thiết và có lợi lớn.

Sau nữa, đại vương nên biết là từ bi là hoa trái của sự hiểu biết. Tu tập theo đạo lý tỉnh thức là để chứng ngộ được thực tướng của sự sống. Thực tướng ấy là vô thường. Một vật đều vô thường, vô ngã vì vậy không vật nào là không có ngày phải tàn hoại. Thấy được tự tính vô thường của vạn vật, người tu có một cái nhìn điềm đạm và trầm tĩnh, vì vậy những vô thường xảy đến không làm xáo động được tâm mình. Cũng vì vậy niềm xót thương do lòng từ bi nuôi dưỡng không bao giờ có tính cách nặng nề và chua cay của những đau khổ thế tục. Trái lại, niềm xót thương này còn đem đến sức mạnh cho người tu đạo.bbĐại vương! Hôm nay đại vương đã nghe khái quát về đạo lý giải thoát. Một hôm khác, tôi sẽ giảng giải thêm cho đại vương về đạo lý này.

Với tâm hồn tràn đầy sự biết ơn, quốc vương Pasenadi đứng dậy từ tạ Bụt. Vua tự nhủ là một ngày nào đó vua sẽ xin Bụt nhận vua làm đệ tử. Vua biết hoàng hậu Mallika, thái tử Jeta và công chúa Vajiri đều đã có cảm tình sâu đậm với Bụt, và vua nghĩ hôm nào cả gia đình hoàng gia sẽ đến xin quy y làm đệ tử cùng một lần. Vua cũng biết là gái mình, công chúa Kosaladevi, chánh hậu của quốc vương Bimbisala, cũng như chính quốc vương Bimbisara, em rể của mình, cũng đã từ lâu quy y Tam Bảo.

Chiều hôm ấy, hoàng hậu Mallika và công chúa Vajiri đột nhiên thấy vua trở nên rất ngọt nào và thầm lặng. Hoàng hậu và công chúa biết đó là hiệu quả của cuộc gặp gỡ giữa vua và Bụt. Tuy nhiên cả hai đều không đả động tới việc này. Họ rất muốn vua kể lại cho họ nghe về cuộc gặp gỡ mà họ biết là rất kỳ thú ấy, nhưng cả hai người đều mặc nhiên đồng ý rằng họ phải đợi tới một dịp khác.

Chương 43 - Máu Ai Cũng Đỏ, Nước Mắt Ai Cũng Mặn

Tuy quốc vương Pasenadi chưa chính thức quy y với Bụt, nhưng cuộc viếng thăm của vua tại tu viện Jetavana đã được mọi giới trong vương quốc bàn tán đến và đã đem lại ảnh hưởng không nhỏ cho giáo đoàn của Bụt tại kinh đô Savatthi. Một số các vị lãnh tụ của các giáo phái tại thủ đô, lâu nay đã từng được quốc vương kính nể và bảo trợ, bắt đầu có mặc cảm là bị bỏ rơi. Họ nhìn tu viện Jetavana với con mắt không có thiện cảm.

Tuy nhiên giới trí thức và tuổi trẻ tìm tới tu viện Jetavana càng lúc càng đông. Ngay trong mùa an cư, trên một trăm năm mươi thanh niên đã xin được xuất gia và đã được thầy Sariputta cho làm lễ xuống tóc. Đại chúng tu học rất tinh tấn trong ba tháng an cư này, và cứ bảy hôm hay tám hôm một lần, tại tu việc có tổ chức thuyết pháp. Thấy quốc vương Pasenadi chuyên cần đi cúng dường và nghe thuyết pháp một số quan chức trong triều cũng bắt chước vua. Một số đã làm như thế từ tấm lòng thành thực ngưỡng mộ bậc thầy giác ngộ, còn một số đã làm như thế để cho vua vui lòng.

Mùa an cư được kết thúc bằng một lễ cúng dường lớn. Vua và triều thần đã nghe theo lời Bụt tổ chức một pháp hội, cúng dường thực phẩm và y dược cho mọi giới xuất gia, và chẩn tế cho những gia đình nghèo khổ nhất ở thủ đô và trong vương quốc. Sau khi lễ này hoàn mãn, vua và hoàng hậu đều xin quy y với Bụt.

Sau mùa an cư, Bụt và giáo đoàn chia nhau đi hành hóa tại các vùng lân cận ở thủ đô Savatthi. Số người được tiếp xúc với Bụt và với giáo đoàn càng ngày càng đông. Một hôm nọ, trong khi đi khất thực ở một xóm ven đô nằm bên tả ngạn sông Hằng, Bụt gặp một người gánh phân. Người này thuộc về giai cấp hạ tiện. Anh tên là Sunita, Sunita đã từng nghe nói về Bụt và giáo đoàn khất sĩ, nhưng đây là lần đầu tiên anh được trông thấy Bụt và giáo đoàn. Sunita lúng túng. Anh biết anh đang ăn mặc dơ dáy, người anh hôi hám và trên vai anh đang gánh một gánh phân người. Sunita vội vã tránh đường và tìm lối đi xuống bờ sông, nhưng từ xa Bụt đã trông thấy Sunita. Người quyết tâm độ người gánh phân này. Thấy Sunita tìm lối đi xuống bờ sông, Người cũng tìm lối đi xuống bờ sông để đón đường chàng. Thấy Bụt làm như thế, thầy Sariputta cũng bỏ hàng ngũ của mình đi theo Bụt. Thầy Meghiuya, thị giả của Bụt thấy thế cũng bước theo đại đức Sariputta. Tất cả các vị khất sĩ khác tuy vẫn còn đứng trong hàng ngũ, nhưng đều nhất loạt dừng lại im lặng quan sát.

Sunita luống cuống. Chàng đặt gánh phân xuống, dáo dác nhìn. Phía trên đường thì các vị khất sĩ áo ca sa vàng rựng đang đứng đầy cả đường, phía dưới nầy thì Bụt và hai vị khất sĩ đang tiến tới và đi về phía mình. Chẳng biết làm sao, Sunita liền lội xuống nước, đứng chắp hai tay lại.

Lúc bấy giờ, từ dãy nhà bên sông, dân chúng đã đổ ra đứng nhìn khá nhiều. Từ già trẻ trai gái, không ai biết chuyện đang xảy ra, Sunita vì sợ làm ô uế giáo đoàn đã tìm cách tránh xuống bờ nước, nhưng chàng đã bị Bụt chặn đường. Chàng nghĩ giáo đoàn này gồm toàn các giới quý phái và làm ô uế giáo đoàn là một tội rất lớn không nào tha thứ được. Tuy chàng đã lội xuống sông, nước ngập tới đầu gối, nhưng gánh phân của chàng vẫn còn để phía trên bờ nước. Chàng hy

vọng Bụt và hai vị khất sĩ vì thế mà trở lên phía đường trên trở lại.

Nhưng Bụt không trở lên, người đi tới bờ nước, gần chỗ Sunita đứng, người nói với chàng:

- Này anh bạn, anh lên trên này để chúng tôi nói chuyện. Sunita chắp hai tay vái lia lịa:

- Bạch đại đức, con không dám! Bạch đại đức, con không dám!

- Tại sao? Bụt dịu dàng hỏi.

- Con là người thuộc giai cấp hạ tiện, con sợ làm ô uế ngài và giáo đoàn của ngài.

Bụt ôn tồn:

- Chúng tôi đã đi tu rồi, chúng tôi không còn phân biệt giai cấp. Bạn cũng là người như tất cả chúng tôi. Chúng tôi không sợ bị ô uế đâu. Chỉ có tham dục, sân hận, và si mê mới làm ô uế được chúng ta, chứ một con người dễ thương như bạn thì chỉ cho chúng tôi thêm niềm vui mà thôi. Bạn tên là gì?

- Bạch ngài, con tên là Sunita.

- Sunita, bạn có muốn xuất gia làm khất sĩ như chúng tôi không?

- Con không dám.

- Tại sao bạn không dám?

- Tại vì con thuộc giới hạ tiện ngoại cấp.

- Tôi đã nói người đi tu không còn phân biệt giai cấp. Sunita! Trong đạo lý tỉnh thức và trong giáo đoàn khất sĩ, không có sự phân biệt giai cấp. Bạn hãy nghe đây. Nước trong các dòng sông như sông Ganga, sông Yamuno, sông Actravati, sông Sarabhu, sông Mahi, sông Rohini v.v... một khi đã chảy ra biển cả rồi thì đều trở nên biển cả mà không còn giữ lại cá tính và danh hiệu riêng biệt của mình. Cũng như vậy, người đi xuất gia dù xuất thân từ giới quyền quý Khattiya hoặc giới Bà-la- môn Brahma, hoặc các giới Vessa và Suddha, hoặc không thuộc giai cấp nào, khi đã vào trong giáo đoàn để tu học theo đạo lý tỉnh thức thì đều phải từ bỏ giai cấp và chủng tộc của mình để trở nên một người khất sĩ. Sunita, nếu bạn muốn, bạn có thể trở thành một vị khất sĩ như chúng tôi.

Sunita hân hoan vô cùng, chàng chắp hai tay trên trán, thưa:

- Lạy Bụt, chưa có ai nói với con một lời dễ thương như là người đã nói. Ngày hôm nay là ngày hạnh phúc nhất của đời con. Con sẽ rất sung sướng nếu Bụt cho con dự vào hàng ngũ những người xuất gia trong đạo lý của người. Nếu Bụt chấp nhận con, con sẽ đem hết lòng thành để theo người!

Bụt trao bình bát cho thầy Meghiya. Người bước xuống bờ hồ và đưa tay cho Sunita bảo chàng nắm lấy. Rồi người bảo thầy Sariputta:

- Sariputta! Thầy giúp tôi một tay. Chúng ta tắm gội sạch sẽ cho Sunita và cho Sunita xuất gia ngay tại đây, trên bờ nước này.

Đại đức Sariputta mỉm cười. Thầy đặt bình bát của thầy trên bờ sông và bước xuống giúp Bụt. Sunita không cảm thấy thoải mái lắm khi được Bụt và thầy Sariputta kỳ cọ và tắm rửa, nhưng chàng không dám làm phật lòng hai người. Bụt bảo thầy thị giả lên tìm đại đức Ananda để xin một chiếc y khoác ngoài, và người làm lễ xuất gia cho Sunita ngay trên bờ sông. Làm lễ xuất gia xong, Sunita được giao cho đại đức Sariputta. Đại đức đưa vị khất sĩ mới về tu viện Jetavana, trong khi Bụt và giáo đoàn tiếp tục trên con đường khất thực.

Tất cả những gì xảy ra bên bờ sông hôm ấy dân chúng địa phương đều đã được chứng kiến. Tin Bụt thâu nhận Sunita một người làm nghề hốt phân, một người thuộc giai cấp hạ tiện vào trong giáo đoàn khất sĩ bắt đầu được loan truyền các giới ở thủ đô, nhất là giới tôn giáo, và đã gây xúc động lớn. Chưa bao giờ ở vương quốc Kosala này mà một người trong giới ngoại cấp như Sunita lại được đón nhận và đưa vào hàng ngũ của những nhà lãnh đạo tinh thần. Có những người lên án Bụt, cho rằng sa môn Gotama bất chấp truyền thống và tập tục xã hội. Có người đi xa hơn, cho là Bụt có ý gây đảo lộn trật tự xã hội với mục đích phá rối sự trị an trong nước.

Những bàn tán xôn xao này được vọng về tu viện Jetavana do các giới nam nữ cư sĩ cũng có mà do các vị khất sĩ về thuật lại cũng có. Các vị đại đức lớn như Sariputta, Mahakassapa, Mahamoggallana và Anuruddha đã tìm cơ hội gặp Bụt để bàn về cách đối trị lại những phản ứng của các giới ở thủ đô về vụ khất sĩ Sunita. Bụt bảo các thầy:

- Quý vị biết rằng sớm muộn gì chúng ta cũng phải chấp nhận vào giáo đoàn những thiện nam nữ trong giới ngoại cấp, bởi vì giáo nghĩa của chúng ta là giáo nghĩa bình đẳng, không chấp nhận được sự phân chia giai cấp. Ta đã gặp khó khăn bây giờ, nhưng nếu ta vượt thắng được thì ta sẽ mở được cánh cửa chưa từng được mở ra trong lịch sử, và các thế hệ mai sau này sẽ được thừa hưởng công đức. Chúng ta phải có can đảm.

Thầy Moggallana bạch:

- Can đảm thì chúng con có đủ. Chúng con cũng có đủ kiên nhẫn nữa, nhưng làm thế nào để dư luận bớt xôn xao thì công trình vào đời hành đạo của các huynh đệ khất sĩ mới đỡ phần nặng nhọc.

Thầy Sariputta đề nghị:

- Điều quan trọng nhất là giáo đoàn tu học cho tinh tấn. Con sẽ nổ lực giúp đỡ và hướng dẫn cho khất sĩ Sunita. Sự thành công của Sunita sẽ là bằng chứng hùng mạnh nhất để bênh vực chúng ta. Huynh đệ chúng ta cũng cần học cách giải thích cho quần chúng mỗi khi tiếp xúc với họ để cho họ hiểu được chân nghĩa bình đẳng của con đường Bụt dạy. Lạy Bụt, nếu đức tôn qúy trên đời có cách thức gì hay hơn nữa thì xin người chỉ dạy chúng con.

Bụt để tay lên vai Sariputta:

- Những điều thầy nói đó rất đúng với ý của tôi. Chúng ta cứ như thế mà hành trì.

Chừng một tháng sau, sự đồn đãi về Sunita tới được tai quốc vương Pasenadi. Một số các vị lãnh đạo các giáo phái tại thủ đô đã đến xin yết kiến vua. Vốn sẵn có lòng thành kính đối với tất cả các bậc lãnh tụ tôn giáo, vua Pasenadi đã tiếp kiến họ và sau khi nghe mọi người nói chuyện vua cũng cảm thấy hoang mang, dù rằng vua có cảm tình nồng hậu với Bụt. Vua hứa hẹn với các vị lãnh đạo tôn giáo ấy là sẽ suy xét về vấn đề này.

Rồi một hôm vua bảo xa giá đưa ngài tới tu viện Kỳ viên.

Xe ngừng trước cổng tu viện, vua một mình đi bộ vào. Bóng các vị khất sĩ áo vàng thấp thoáng sau những hàng cây xanh mát trong khuôn viên tu viện. Đã quen thuộc với con đường nhỏ dẫn tới tịnh thất của Bụt, vua cứ một mình đi, không cần hỏi thăm. Thỉnh thoảng trên đường đi, vua gặp một vị khất sĩ. Mỗi lần như thế, vua đều đứng lại chắp tay và cúi đầu. Vị khất sĩ nào cũng đứng lại chắp tay đáp lễ. Vua nhận thấy vị nào cũng có dáng điệu trầm lặng, thong dong, không vội vã, và vua bỗng nhiên cảm thấy đức tin của vua nơi Bụt lớn mạnh bội phần.

Nửa đường vào tịnh thất, vua gặp một vị khất sĩ đang thuyết pháp trên một phiến đá, vây quanh vị khất sĩ này có chừng mười mấy vị khất sĩ khác và khoảng độ ba bốn mươi người cư sĩ áo trắng. Cảnh tượng rất đẹp đẽ.

Phiến đá nằm dưới gốc cây thông lớn xòe lá che mát cả một vùng. Vị khất sĩ đang ngồi thuyết pháp kia tuổi chưa tới bốn mươi nhưng phong thái của ông đoan nghiêm và sáng rỡ. Những người ngồi và đứng quanh ông đang hết sức chăm chú nghe ông nói. Vua dừng lại để nghe và cảm thấy thích thú. Định ngồi xuống để nghe cho hết bài thuyết pháp nhưng vua chợt nhớ ra rằng mình đã tới đây với một chủ đích, cho nên ngài phải bỏ đi.

Vua nghĩ bụng là trong chuyến về ngài sẽ ghé lại để cùng đàm đạo với vị khất sĩ ấy.

Bụt ra đón vua ngoài ngõ trúc phía trước tịnh xá và mời vua vào, Bụt mời vua ngồi, cũng vẫn trên những chiếc ghế tre như hôm hai người gặp nhau lần đầu. Sau khi trao đổi những lời thăm hỏi, vua hỏi Bụt vị khất sĩ đang thuyết pháp trên phiến đá dưới gốc thông già là ai. Bụt mỉm cười, nói:

- Đó là thầy Sunita xuất thân từ giới ngoại cấp, trước làm nghề đổ thùng. Đại vương thấy vị khất sĩ ấy thế nào?

Vua giật mình, thì ra vị khất sĩ có tướng mạo đoan nghiêm và sáng rỡ kia vốn là người đổ thùng Sunita. Nếu Bụt không nói thì vua không thể nào đoán ra được. Vua còn chưa biết nói gì thì Bụt đã nói:

- Vị khất sĩ Sunita từ ngày xuất gia đến nay đã tu học rất tinh tiến. Đó là một con người thẳng thắn, thành thật, thông minh và có chí nguyện lớn. Mới được tu học chưa đầy ba tháng mà thầy ấy đã nổi tiếng là người có đạo hạnh và phong thái thanh cao. Đại vương có muốn gặp gỡ và cúng dường cho vị khất sĩ rất xứng đáng ấy hay không?

Vua thành thật đáp:

- Trẫm rất sẵn sàng gặp gỡ và cúng dường y áo và thức ăn cho vị khất sĩ Sunita. Thế Tôn! Giáo pháp của ngài thật là thâm diệu! Trẫm chưa thấy một vị đạo sư nào có cái nhìn và tầm tay mở rộng như ngài. Thế Tôn! Có lẽ không một người nào, một loài nào hay một vật nào mà không được dự vào giáo pháp thâm diệu của ngài. Trẫm đã đến đây vơi một mục đích là hỏi ngài tại sao ngài lại chấp nhận một người trong giai cấp hạ tiện vào trong giáo đoàn cao quý của người, nhưng trẫm đã được thấy, được nghe, và đã được hiểu. Trẫm không phải hỏi ngài nữa. Trẫm xin cúi lạy trước Thế Tôn!

Vua đứng dậy chắp tay định lạy xuống, Bụt cũng đứng dậy. Người kéo tay vua mời vua ngồi trở lại trên chõng tre. Người cũng ngồi lại trên chõng tre. Nhìn vua, Bụt nói:

- Đại vương! Trong đạo lý giải thoát, không có sự phân biệt giai cấp mà chúng tính. Trước con mắt người giác ngộ, tất cả mọi chúng sinh đều bình đẳng. Máu ai cũng đỏ, nước mắt ai cũng mặn, tất cả chúng ta đều là con người. Ta phải tìm cách để mọi người có cơ hội đồng đều và vươn tới và thực hiện hoài bão của mình cũng như hoàn thành nhân phẩm của mình, vì vậy cho nên tôi đã đón nhận Sunita vào giáo đoàn khất sĩ.

Vua chắp tay:

- Trẫm đã hiểu, con đường của Thế Tôn đi là một con đường có nhiều chông gai. Trẫm biết là trên con đường ấy người sẽ gặp nhiều khó khăn và trở ngại, nhưng trẫm cũng biết là người có đủ hùng lực để vượt qua những trở ngại đó. Riêng trẫm, trẫm sẽ làm hết sức mình để yểm trợ cho chánh pháp.

Vua từ giã Bụt, nhưng khi ra đến tảng đá nằm dưới cội tùng già, vua không thấy vị khất sĩ và thính chúng của người nữa. Mọi người đã giải tán, vua chỉ gặp trên đường những vị khất sĩ đang chậm rãi đi thiền hành.

Chương 44 - Tứ Đại Tan Rã Rồi Tứ Đại Lại Kết Hợp

Một hôm Bụt được thầy Meghiya cho biết là đại đức Nanda, em cùng cha khác mẹ với Bụt, không cảm thấy thoải mái và hạnh phúc trong đời sống xuất gia. Thầy Nanda có tâm sự với thầy là thầy nhớ người yêu cũ ở thành Kapilavatthu quá.

"Sư huynh biết không, thầy Nanda nói, tôi còn nhớ hôm tôi cầm bình bát theo Bụt đi về tu viện Nigrodha, công nương Janapada Kalyani đã nhìn tôi và nói: điện hạ đi mau mà về nhé, em chờ điện hạ. Tôi nhớ rất rõ mái tóc mượt như nhung được vắt một phần sau cái vai thon nhỏ của nàng. Hình ảnh này hay hiện về với tôi mỗi khi tôi ngồi thiền, mà mỗi khi hình ảnh đó hiện về là tôi cảm thấy xốn xang và thao thức; mỗi lúc như thế này tôi thấy tôi không có hạnh phúc khi sống đời sống xuất gia".

Chiều ngày hôm sau, Bụt rủ Nanda đi thiền hành chung với người. Ra khỏi vườn Kỳ Đà, hai người đi về phía một thôn trang hẻo lánh, họ đi tới một cái hồ và cùng ngồi xuống trên một phiến đá bên hồ. Nước hồ trong vắt, một đàn vịt bơi lội thảnh thơi dưới hồ. Ở những lùm cây phía trên, chim chóc ca hát vang lừng, Bụt nói Nanda:

- Các thầy có nói là em không được hạnh phúc trong đời sống xuất gia, có phải vậy không?

Thầy Nanda im lặng. Một lát sau, Bụt hỏi:

- Hay là em muốn trở về Kapilavatthu tập sự làm chính trị để sau này thay thế cho phụ vương?

Nanda vội đáp:

- Không, em đã nói là em không thích làm chính trị. Em biết em không có khả năng làm chính trị, vì vậy em cũng đã nói là em không thích làm vua.

- Vậy tại sao em lại không có hạnh phúc khi sống đời sống xuất gia?

Nanda lại giữ sự im lặng.

- Hay là em nhớ cô Kalyani?

Thầy Nanda đỏ mặt, nhưng thầy vẫn không nói gì.

Bụt bảo:

- Này Nanda, ở xứ Kosala này cũng có rất nhiều cô thiếu nữ mà nhan sắc còn mặn mà hơn cả cô Kalyani của em. Em còn nhớ hôm dự trai tăng ở trong cung vua Pasenadi không? Theo em, các cô thiếu nữ tiếp tân hôm ấy có đẹp bằng Kalyani không?

Nanda tỏ ý không bằng lòng:

- Có thể là trong số các cô ấy, có nhiều cô đẹp hơn Kalyani, nhưng mà em chỉ lưu luyến Kalyani mà thôi. Ở trên đời chỉ có một Kalyani thôi.

- Nanda, luyến ái là một trong những trở ngại lớn cho sự tu tập. Sắc đẹp của phụ nữ cũng chóng tàn như sắc đẹp của một bông hồng. Em đã biết trên lý thuyết rằng cuộc đời là vô thường. Em phải thật sự quán chiếu tự tánh vô thường của vạn vật. Này em nhìn xem.

Theo ngón tay Bụt, Nanda nhìn lên thì thấy một bà lão đang chống gậy đi qua ngõ trúc. Bà lão còn mạnh khỏe, nhưng da trên mặt bà đã nhăn nhúm lại.

- Bà già này hồi trẻ chắc chắn là người có nhan sắc. Nhan sắc Kalyani rồi cũng sẽ tàn tạ trong vòng vài mươi năm. Trong khi đó sự nghiệp giác ngộ của em có thể đem lại ánh sáng và an lạc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nanda, em hãy nhìn lên đôi khỉ đang đong đưa trên cành cây kia. Em hãy để ý tới con khỉ cái, em có thể nghĩ rằng với một cái miệng nhọn như thế và một cái đít đỏ như thế, con khỉ đó không đẹp đẽ gì, nhưng đối với con khỉ đực ngồi một bên thì đó là một con khỉ cái đẹp nhất trên đời. Đối với nó, con khỉ cái là độc nhất, và nó có thể sẵn sàng để chết vì con khỉ cái kia. Em có biết rằng ...

Nanda ngắt lời Bụt:

- Thôi xin Bụt đừng nói nữa. Em đã hiểu rồi, em hứa từ nay sẽ tinh tiến tu học.

- Vậy thì tốt lắm, em phải thực tập trở lại phép quán niệm hơi thở cho chuyên cần mỗi ngày, rồi em sẽ tập quán chiếu thân thể, quán chiếu cảm giác, quán chiếu tâm ý và cuối cùng quán chiếu các pháp. Các pháp chính là đối tượng của tâm ý. Phải quán chiếu để thấy cho được quá trình sinh khởi, tồn tại và hoại diệt của mọi hiện tượng, từ thân thể qua cảm giác đến tâm tư và các pháp. Có gì không hiểu em có thể đến hỏi lại ta, hoặc nếu ta không có đó thì em có thể hỏi thầy Sariputta. Nanda! Nên nhớ rằng hạnh phúc của giải thoát mới là thứ hạnh phúc chân thật, không tùy thuộc vào điều kiện, không bao giờ bị tàn hoại. Em phải đạt cho được thứ hạnh phúc ấy.

Trời đã chiều, Bụt đứng dậy, và đưa thầy Nanda về tu viện.

Tu viện Jetavana đã tạo được nền nếp tu học vững chãi. Số lượng các thầy khất sĩ ở lại tu học đã lên tới năm trăm vị.

Mùa mưa năm sau, Bụt về an cư tại Vesali. Địa điểm an cư là Rừng Lớn, nơi ấy có một tòa giảng đường hai tầng có nóc nhọn gọi là giảng đường Kutagara và một số các tăng đường rải rác trong rừng.

Tất cả những ngôi nhà này đều đã được các vương tử trong bộ tộc Licchavi vận động xây cất trong năm vừa qua để làm chỗ tu học cho Bụt và các vị khất sĩ. Hầu hết cây trong rừng đều là cây sala. Mùa an cư năm nay, các vương tử Licchavi là những người đứng ra bảo trợ. Ambapali đã rất sốt sắng đóng góp phần mình vào việc xây cất và bảo trợ khóa tu. Nhiều vị khất sĩ hành đạo rải rác trong vương quốc Magadha và cả ở vương quốc Sakya nghe Bụt về an cư tại giảng đường Trùng Các cũng đã tìm về kịp thời để được cùng an cư với Bụt. Số lượng các vị khất sĩ an cư năm nay lên tới sáu trăm vị.

Từ vương quốc Magdha, nhiều vị nhân sĩ và cư sĩ nghe nói Bụt an cư tại đây cũng đã tìm tới để được thân cận và học hỏi trong ba tháng với Bụt. Họ tìm chỗ cư trú trong đô thị Vesali để thỉnh thoảng có thể vào tu viện Trùng Các để cúng dường và nghe pháp.

Một buổi sáng đầu thu khi mùa an cư vừa chấm dứt, có tin từ Kapilavatthu báo về là quốc vương Suddhodana bệnh nặng. Ngài sắp từ trần. Chính vua đã cho người đi triệu Bụt về để được thấy Bụt lần chót. Sứ giả là hoàng thân Mahanama. Hoàng thân xin Bụt dùng phương tiện xe ngựa về tới quê hương cho kịp giờ trước giờ vua băng hà. Bụt nhận lời. Người bảo Anuruddha, Nanda, Ananda, và Rahula cùng lên xe với người. Bụt khởi hành ngay buổi trưa hôm ấy. Các vương tử từ Licchavi và ca nương Ambapali cũng có cơ hội để tiễn đưa người, nhưng hàng trăm vị khất sĩ đã ra tiễn ở cửa tu viện Trùng Các. Sau khi Bụt đi rồi, trên hai trăm vị khất sĩ cũng khởi hành đi về miền Bắc, nhắm hướng Kapilavatthu. Họ muốn có mặt bên Bụt trong lễ trà tỳ của quốc vương Suddhadana, phụ thân của người. Trong số các vị này có mặt tất cả các vương tử Sakya đã đi xuất gia theo Bụt.

Gia đình hoàng gia đón Bụt ngay ở cổng hoàng cung. Lệnh bà Mahapajapati đưa Bụt ngay vào tâm điện. Thấy Bụt, vua tươi tỉnh hẳn lên. Ngồi bên giường ngự, Bụt đưa hai tay ra nắm lấy bàn tay vua. Vua đã già yếu: năm nay ngài đã tám mươi hai tuổi. Bụt nói:

- Phụ vương hãy thở thật nhẹ, thật dài và mỉm cười. Không có gì quan trọng cho bằng hơi thở của phụ vương lúc này. Nanda, Rahula, Anuruddha và con cũng thở theo phụ vương.

Vua nhìn Bụt, nhìn Nanda, nhìn Rahula, nhìn Ananda, nhìn hoàng hậu Gotami, nhìn công nương Yasodhara. Ngài mỉm cười, rồi ngài thở theo lời Bụt dạy. Không ai dám khóc lóc trong lúc này. Ai cũng nghe lời Bụt, theo dõi hơi thở của mình. Một lát sau, vua nhìn Bụt nói:

- Bây giờ ta thấy được rõ ràng cuộc đời là vô thường, và con người muốn có hạnh phúc, thì không nên tham đắm vào vòng ái dục. Hạnh phúc là một cuộc sống thanh thản, bình dị và có tự do.

Hoàng hậu Gotami nói với Bụt:

- Mấy tháng nay, hoàng thượng sống rất thanh thản. Ngài đã thật sự làm theo lời Bụt dạy. Thế Tôn! Những lời Bụt dạy đã chuyển hóa được nếp sống của nhiều người ở đây. Hoàng thượng là một trong những người đã được thấm nhuần nhiều nhất lời giáo huấn của Bụt.

Vẫn cầm tay vua trong tay mình, Bụt khai thị:

- Phụ vương hãy nhìn con, nhìn Nanda, nhìn Rahula. Phụ vương hãy nhìn cấy cối màu xanh qua các cửa sổ. Sự sống còn tiếp tục. Sự sống vẫn còn thì phụ vương vẫn còn. Phụ vương vẫn còn tiếp tục sống trong con, trong Nanda, trong Rahula, trong tất cả mọi loài. Sắc thân hiện thời là do tứ đại kết hợp. Tứ đại tan rã rồi kết hợp hoài hoài. Phụ vương đừng có vì sự tan rã của một thân tứ đại mà nghĩ rằng sự sống chết có thể ràng buộc được ta. Sắc thân của Rahula đây cũng là sắc thân của phụ vương vậy.

Bụt ra hiệu cho Rahula lại gần và bảo Rahula nắm lấy tay của ông nội trong hai tay mình. Một nụ cười rất tươi nở trên môi của vị quốc vương sắp băng hà. Vua đã hiểu được lời nói của Bụt. Vua có vẻ không còn sợ sự sống chết nữa.

Bên giường ngự lúc đó, các vị cận thần cũng đều có mặt.

Một lúc sau, vua ra hiệu cho các vị cận thần lại gần. Vua nói với họ:

- Các khanh, có thể là trong thời gian cùng làm việc nước, trẫm đã có làm những điều lầm lỗi

khiến các khanh phiền lòng. Trước khi nhắm mắt, trẫm muốn các khanh tha thứ cho trẫm.

Giọng vua yếu ớt, các quan đều khóc. Hoàng thân Mahanama, quỳ xuống bên gối, tâu:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ là một ông vua có đức khoan dung và công bình lớn nhất trên đời. Các quan trong triều không ai có lòng oán trách bệ hạ.

Vua nói:

- Nhân có đủ mọi người ở đây, xin Bụt và các quan sắp xếp việc cử người thay thế cho trẫm để trị nước. Trẫm tin nơi sự sáng suốt của Bụt và của mọi người.

Mahanama tâu:

- Thần xin đề nghị hoàng thái tử Nanda cởi bỏ áo tu, lên ngôi và chấp chính. Đó là giải pháp đẹp đẽ nhất theo thần. Trăm họ sẽ được an lòng khi chính thái tử đông cung đảm trách nhiệm này. Riêng thần, thần sẽ đem hết cuộc đời của thần để phụ tá hết lòng cho thái tử.

Đại đức Nanda nhìn về phía Bụt cầu cứu. Hoàng hậu Gotami cũng nhìn về phía Bụt. Bụt lặng lẽ nói:

- Nếu phụ vương, các quan và mọi người muốn tôi phát biểu ý kiến thì tôi xin nói thế này. Em Nanda không có khiếu về chính trị và không muốn làm chính trị. Em còn phải tu học nhiều thêm mới có đủ các đức kiên trì và dũng cảm. Rahula thì còn bé quá, năm nay cháu mới có mười lăm tuổi. Tôi thấy hoàng thân Mahanama hiện là người xứng đáng nhất để lên ngôi cửu ngũ. Ai cũng biết hoàng thân là một người có chí khí lớn. Hoàng thân lại là một người có lòng từ bi, có nhiều hiểu biết và có nhiều kinh nghiệm về chính sự. Hoàng thân đã làm phụ tá cho phụ vương trên sáu năm rồi. Tôi nghĩ là hoàng thân nên vì hoàng gia và vì dân tộc mà đứng ra lãnh trách nhiệm khó khăn và nặng nề này.

Mahanama chắp tay thối thác:

- Con sợ tài đức kém cõi không cáng đáng nổi việc lớn. Xin hoàng thượng, xin Bụt và các vị cận thần xét lại mà cử người xứng đáng hơn.

Một vài vị đại thần đứng lên phát biểu ý kiến. Người nào cũng tán đồng đề nghị của Bụt, cho đó là một đề nghị thiết thực và thông minh. Cuối cùng tất cả các quan đều một lòng một dạ thỉnh cầu hoàng thân Mahanama đứng lên chấp chính. Vua gật đầu, ngài gọi Mahanama tới bên giường ngự. Cầm tay Mahanama, vua nói:

- Các quan đã tín nhiệm khanh, Bụt cũng tín nhiệm khanh, khanh là con cháu của trẫm. Trẫm rất sung sướng được khanh chấp nhận trách vụ nối tiếp trẫm để mà an lòng trăm họ.

Mahanama phủ phục lạy xuống để vâng mệnh.

Vua hoan hỷ nhìn mọi người:

- Trẫm rất an lòng mà nhắm mắt. Trẫm rất vui được gặp Bụt trước khi từ giã cõi đời. Lòng trẫm thanh thản lắm, trẫm không luyến tiếc gì, cũng không ân hận gì, trẫm mong Bụt để tâm nâng đỡ cho Mahanama và hướng dẫn cho Mahanama trong những bước đầu. Đạo đức của Bụt sẽ khiến cho đất nước và trăm họ an lành.

Giọng của vua càng lúc càng yếu. Bụt ngồi xuống gần bên giường ngự. Người cầm tay vua:

- Con xin hứa là sẽ nâng đỡ cho Mahanama. Xin phụ vương yên lòng. Con sẽ ở lại dây một thời gian, cho đến khi nào mọi việc được an bài và tình thế hoàn toàn ổn định.

Vua mỉm cười yếu ớt, nhưng vẻ mặt của ngài an hòa và mãn nguyện. Rồi ngài nhắm mắt qua đời.

Hoàng hậu Gotami là công nương Yasodhara khóc lên thành tiếng. Các quan cũng khóc rống lên. Bụt vuốt mắt cho vua, đặt hai tay vua lại cho ngay ngắn và đứng dậy. Người ra hiệu cho mọi người nín khóc, và bảo mọi người theo dõi hơi thở để hộ niệm cho vua. Cuối cùng, người đề nghị mọi người ra hội ý với nhau ở phòng ngoài về việc tổ chức tang lễ.

Lễ trà tỳ của quốc vương Suddhodana được tổ chức bảy hôm sau đó. Các thầy Bà-la-môn ở thủ đô và từ các tỉnh về tham dự trên một ngàn vị. Đặc biệt trong lễ trà tỳ này là sự có mặt của gần năm trăm vị tu sĩ của một giáo đoàn mới, đó là giáo đoàn khất sĩ. Tất cả các vị khất sĩ đều khoác ca-sa màu cam. Ngoài kinh lễ cổ truyền của đạo Bà la môn lại có kinh lễ của giáo đoàn mới. Các vị khất sĩ đã trì tụng Kinh Bốn Sự Thật, Kinh Lửa, Kinh Vô Thường, Kinh Nhân Duyên và sau hết là Ba Lời Quay Về Nương Tựa. Kinh Tụng toàn bằng tiếng Magadha, ngôn ngữ miền Đông lưu vực sông Ganga, nên tất cả quần chúng tham dự đều nghe và hiểu rõ.

Bụt đứng lên đi ba vòng quanh hỏa đàn rồi tự tay châm lửa cho hỏa đàn. Trước khi châm lửa, người nói:

- Sinh, già, bệnh và chết là những gì phải xảy đến cho tất cả mọi người. Chúng ta phải nghĩ đến sinh, già, bệnh và chết trong đời sống hàng ngày để đừng bị chìm đắm trong dục vọng, để sống an lạc, thảnh thơi và làm cho cuộc đời chung quanh bớt khổ. Sinh, già, bệnh và chết cũng là lý thường nhiên. Người đạt đạo có thể đạt tới trạng thái thản nhiên trước sinh, già, bệnh,và chết. Trong tự tính của vạn pháp, không có gì sinh, không có gì diệt, không có gì còn, không có gì mất, không có gì thêm, không có gì bớt.

Hỏa đàn bốc cháy phần phật. Có tiếng chiêng tiếng trống hòa lẫn với tiếng tụng kinh trầm bổng. Dân chúng Kapilavatthu tới lễ trà tỳ rất đông. Họ biết hôm nay chính Bụt sẽ châm lửa cho hỏa đàn.

Sau lễ đăng quang của Mahnama, Bụt còn ở lại giáo hóa một thời gian ba tháng tại Kapilavatthu. Một hôm, thái hậu Mahapajapati Gotami đến tu viện Nigrodha viếng Bụt để cúng dường mấy chiếc ca sa và cầu xin được xuất gia để làm một vị nữ khất sĩ.

Bà nói:

- Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép phái nữ được đi xuất gia thì trong thiên hạ sẽ có những kẻ được thừa hưởng ân huệ từ bi của người lắm. Thế Tôn, trong hàng vương tử có nhiều vị đã đi xuất gia theo học với Bụt. Trong số đó, có vị đã từng có gia đình, phu nhân của các vị cũng rất ước ao được học theo giáo pháp của Bụt với tư cách của những người xuất gia. Tôi cũng muốn xin Thế Tôn cho tôi được xuất gia. Đó là niềm vui lớn nhất mà tôi mong mỏi, sau khi thượng hoàng đã từ bỏ cuộc đời.

Bụt lặng thinh, một lát sau, người nói:

- Không được đâu, lệnh bà Gotami.

Bà Pajapati cầu khẩn:

- Tôi biết đây là một điều khó cho đức Thế Tôn, Thế Tôn chấp thuận cho người nữ xuất gia thì thế nào cũng có sự chống đối trong xã hội, nhưng tôi nghĩ là Bụt sẽ không e ngại gì sự chống đối đó.

Bụt lại lặng thinh, rồi người nói:

- Tại Rajagala cũng đã có những người phụ nữ muốn xin xuất gia, nhung con nói rằng chưa đến lúc. Con thấy hiện chưa có đủ điều kiện để nhận cho người nữ xuất gia.

Ba lần thỉnh cầu, ba lần Bụt không chấp thuận. Hoàng hậu Gotami buồn bã giã từ Bụt. Bà trở về cung và than thở với lệnh bà Yasodhara.

Mấy hôm sau, Bụt lên đường trở về Vesali. Tới Vesali, người cư trú tại tu viện Trùng Các.

Trong khi đó, bà Gotami đi tập hợp những người phụ nữ có ý chí xuất gia lại, trong đó có cả những thanh nữ muốn theo gương nam giới đi xuất gia. Những thiếu nữ này chưa từng lập gia đình. Hầu hết đều thuộc về bộ tộc Sakya. Bà Gotami nói với họ:

- Tôi biết chắc rằng trong tinh thần đạo pháp tỉnh thức, mọi người đều bình đẳng, bởi vì ai cũng có khả năng giác ngộ và giải thoát. Chính Bụt đã nói điều này. Người đã nhận vào giáo đoàn cao quý những người thuộc giai cấp hạ tiện, thì không có lý nào người lại kỳ thị phái nữ. Người nữ cũng là người, người nữ cũng có thể đạt tới giác ngộ và giải thoát. Vậy thì không có lý do gì mà chúng ta lại không được đối xử bình đẳng, tôi đề nghị là chúng ta nên tự ý xuống tóc, cởi bỏ mọi đồ trang sức và khoác y vàng lên người. Rồi chúng ta cũng bỏ hết guốc dép và đi bộ về thành Vesali để xin được xuất gia. Trước hết chúng ta phải chứng tỏ quyết tâm của chúng ta, và sau đó chúng ta phải chứng tỏ khả năng của chúng ta. Chúng ta phải chứng tỏ cho Bụt và mọi người thấy rằng chúng ta cũng có thể từ bỏ xa hoa, sống đời đơn giản của kẻ không nhà không cửa, có thể đi chân đất hàng trăm dặm và có thể đi xin ăn mà sống. Nếu không làm như vậy được thì không bao giờ chúng ta hy vọng có thể được chấp nhận và giáo đoàn. Muốn được chấp nhận, chúng ta phải được công nhận trước đã.

Mọi người trong cuộc họp đều phấn khởi khi nghe bà Gotami nói. Họ thấy nơi bà một vị lãnh đạo thực sự của phái nữ. Yasodhara cũng có mặt trong buổi họp. Bà mỉm cười, đã từ lâu, bà biết tính khí của thái hậu Gotami. Thái hậu Gotami là người không thối tâm bất cứ trước một trở lực nào. Những năm cùng làm việc với bà để giúp cho kẻ nghèo đói, Yasodhara đã thấy rõ điều đó.

Tất cả mọi người trong buổi họp đã quyết định làm theo đề nghị của lệnh bà Gotami. Họ hẹn ngày giờ hành động. Bà Gotami nói với Yasodhara :

- Gopa, con hãy thong thả, đừng đi theo ta trong chuyến này, không có con kỳ này, tình trạng có thể ít khó khăn hơn, chừng nào ta thành công con sẽ đi theo sau cũng không muộn.

Gopa hội ý, bà mỉm cười nhìn hoàng hậu.

Chương 45 - Cánh Cửa Phương Tiện

Một buổi sáng khi đi ra hồ lấy nước, đại đức Ananda gặp lệnh bà Gotami và khoảng năm mươi người phụ nữ đứng phía bên ngoài tịnh xá của Bụt, người nào cũng đã xuống tóc, người nào cũng khoác y vàng, và bàn chân người nào cũng sưng vù và chảy máu. Ban đầu, thầy tưởng đó là một nhóm khất sĩ, nhưng nhìn kỹ lại thầy mới biết là không phải. Ngạc nhiên đến cực độ, thầy tới hỏi bà Gotami:

- Trời ơi, lệnh bà đi đâu mà mới sáng tinh sương đã thấy đứng ở đây, chân cẳng tại sao sung trầy và chảy máu? và còn các công nương nữa ...

Bà Gotami nói:

- Đại đức Ananda, chúng tôi đã xuống tóc, đã bỏ hết đồ trang sức, đã từ bỏ hết mọi tiện nghi vật chất trong cuộc đời. Chúng tôi đã đi bộ từ Kapilavatthu tới đây, từ hơn mười lăm hôm nay và đã xin ăn dọc đường. Chúng tôi muốn chứng tỏ rằng chúng tôi cũng có khả năng sống đời sống của người xuất gia được. Đại đức Ananda, xin đại đức bạch dùm với Bụt cách nào để chị em chúng tôi được chấp nhận vào giới xuất gia.

Ananda nói:

- Lệnh bà và các công nương hãy cứ đứng chờ đây. Tôi sẽ vào thưa ngay với Bụt. Tôi hứa sẽ làm hết sức của tôi.

Đại đức vào trong tịnh xá khi Bụt mới thay áo xong.

Đại đức Nagita hiện là thị giả của người cũng có mặt trong tịnh thất. Thầy bạch với Bụt những điều mà thầy vừa trông thấy và nghe thấy. Bụt im lặng. Một hồi sau, thầy hỏi Bụt:

- Thế Tôn, người nữ xuất gia và tu hành theo chính pháp thì có thể chứng ngộ được những quả vị như Nhập Lưu, Nhất Hoàn, Bất Hoàn hay A La Hán không?

Bụt nói:

- Được chứ.

- Vậy thì tại sao Bụt không cho người nữ xuất gia? Thế Tôn, lệnh bà Gotami là người đã chăm sóc và nuôi nấng Bụt ngay từ khi Bụt mới sinh ra, và thương yêu Bụt không khác gì một người mẹ đẻ. Lệnh bà đã xuống tóc, đã cởi bỏ hết mọi trang sức, đã đi chân đất từ thành Kapilavatthu về tới đây. Lệnh bà muốn chứng tỏ rằng những gì đàn ông làm được thì người đàn bà cũng có thể làm được. Xin Bụt từ bi cho lệnh bà được xuất gia trong giáo pháp của người.

Bụt lặng thinh, một lát sau, người bảo thầy Nagita đi tìm các đại đức Sariputta, Moggallana, Anuruddha, Bhaddiya, Kimbala, và Mahakassapa và mời họ đến cho người thỉnh ý.

Bụt và các vị đệ tử phụ tá hội ý khá lâu. Bụt nói Bụt không kỳ thị người nữ, nhưng người chưa nghĩ ra được cách thức chấp nhận những nữ vào trong giáo đoàn mà không tạo ra những trở ngại trong nội bộ cũng như từ bên ngoài.

Sau một hồi trao đổi ý kiến, đại đức Sariputta nói:

- Lệnh bà Gotami lâu nay là một người có quyền hành và ảnh hưởng rất lớn trong hoàng tộc cũng như ngoài xã hội, theo như lời đại đức Bhaddhiya đã nói. Nếu ta không có một pháp chế quy định sự phân biệt nam nữ và quyền hạn cho rõ rệt thì sau này có thể có những rắc rối xảy ra. Ta cần có một pháp chế như thế. Pháp chế này đồng thời cũng là để giảm thiểu những phản ứng bên ngoài của một xã hội đã ngàn đời có tính cách trọng nam khinh nữ. Tôi đề nghị một pháp chế tám điểm như sau:

* Thứ nhất, một vị nữ khất sĩ -bhikkhuni- phải luôn luôn cung kính chào hỏi một vị nam khất sĩ -bhikkhu- dù vị nữ khất sĩ này tuổi đời lớn hơn và tuổi tu cũng lớn hơn vị nam khất sĩ.

* Thứ hai, các vị nữ khất sĩ phải tìm về an cư mỗi năm ở những trung tâm nào có đoàn thể nam khất sĩ để nương tựa và học hỏi.

* Thứ ba, cứ mỗi tháng hai kỳ, giới nữ khất sĩ phải cử người đi thỉnh chúng nam khất sĩ chỉ định ngày bố tát uposatha và cử người đến thăm viếng, giáo huấn và khích lệ việc tu học của nữ chúng.

* Thứ tư, vào ngày kết thúc mùa an cư, vị nữ khất sĩ phải dự lễ tự tứ và cầu chỉ giáo về sự tu học của mình, không những ở trung tâm nữ khất sĩ của mình mà còn ở trung tâm của vị nam khất sĩ nữa.

* Thứ năm, khi phạm giới, vị nữ khất sĩ phải sám hối trước cả hai chúng nam và nữ.

* Thứ sáu, những người nữ, sau thời gian tập sự xuất gia, phải cầu xuất gia thọ đại giới trước cả hai chúng nam và nữ.

* Thứ bảy, một vị nữ khất sĩ không được nói hành và chỉ trích một vị nam khất sĩ.

* Thứ tám, vị nữ khất sĩ không được phép giảng dạy cho đoàn thể các vị nam khất sĩ.

Đại đức Moggallana cười:

- Tám điều này rõ rệt là có kỳ thị người nữ rồi, sao lại nói là không kỳ thị?

Đại đức Sariputta đáp:

- Tám điều này được đưa ra với mục đích chính là mở được cửa cho giới phụ nữ đi vào giáo đoàn. Mục đích của nó không phải là kỳ thị, mà là chấm dứt sự kỳ thị. Điều cốt yếu là người phụ nữ được xuất gia, sư huynh không thấy điều đó sao?

Đại đức Moggallana mỉm cười gật đầu, tỏ vẻ thông cảm sâu xa với bạn. Đại đức Bhaddhiya góp ý:

- Tôi thấy pháp chế "Bát kính" rất cần thiết. Lệnh bà Gotami là một người có quyền hành lớn, lại là mẹ của đức Thế Tôn. Nếu không có pháp chế "Bát kính" thì bà sẽ không thấy được ranh giới quyền hạn của bà, và sẽ không có ai có khả năng điều chỉnh bà ngoài Bụt.

Bụt bảo Ananda:

- Ananda, thầy hãy ra bảo cho lệnh bà Mahapajapati biết tin này. Thầy nói rằng nếu lệnh bà chấp nhận tám điều gọi là "Bát Kính Pháp" vừa nói thì lệnh bà sẽ được phép xuất gia.

Lúc Ananda ra thì mặt trời đã lên tới đỉnh đầu, nhưng bà Goatmi và các vị công nương vẫn còn đứng chờ ngoài ngõ. Sau khi nghe nội dung "Bát Kính Pháp", bà Gotami nói:

- Đại đức Ananda, xin đại đức bạch với đức Thế Tôn rằng, khi một cô gái xinh đẹp và trẻ trung mới tắm và gội đầu bằng nước thơm, mà sẵn có người ta đem tới cho vành hoa kết bằng hoa sen hoặc bằng hoa hồng thơm ngát, thì cô gái sẽ sung sướng đưa hai tay đón nhận và để trên đầu mình; cũng như thế, tôi rất sung sướng chấp nhận pháp chế "tám sự cung kính" và hành trì theo suốt đời, nêu tôi được phép xuất gia.

Đại đức Ananda hoan hỷ vào báo tin này với Bụt. Trong số các vị công nương đi theo, có người nhìn đức bà Gotami có ý như dò hỏi. Bà mỉm cười nói:

- Các em đừng e ngại, điều quan trọng nhất là chúng ta được xuất gia làm nữ khất sĩ. Những điều trong "Bát Kính Pháp" không phải là những trở ngại cho sự tu học của chúng ta, mà chính là cửa ngõ để chúng ta đi vào.

Năm mươi mốt người nữ được làm lễ xuất gia ngay trong ngày hôm đó. Đại đức Sariputta sắp đặt để các vị này có ngay một trung tâm tạm cư. Nữ cư sĩ Ambapali vui lòng để cho các vị nữ khất sĩ được sử dụng vườn Xoài của bà để làm chốn tu học. Đại đức Sariputta cũng được Bụt ủy thác việc dạy các vị nữ khất sĩ những phép tắc hành trì sơ đẳng của đời sống xuất gia.

Sau đó tám hôm, nữ khất sĩ Mahapajapati tới xin tham vấn Bụt, bà thưa:

- Thế Tôn, xin người từ bi dạy cho tôi vắn tắt cách hành trì để tôi có thể tiến mau trên đường giải thoát.

Bụt nói:

- Nữ khất sĩ Mahapajapati! Điều quan yếu nhất là phải nắm lấy tâm ý của mình. Phải học phương pháp theo dõi hơi thở và quán niệm về bốn lãnh vực thân thể, cảm thọ tâm ý và đối tượng tâm ý. Quán niệm như thế nào để càng ngày càng thấy phát triển nơi mình các đức khiêm nhường, thanh thản, buông bỏ, thanh bần và an lạc. Khi những phẩm chất ấy của tâm ý được phát triển, mình có thể an tâm là mình đang đi trên con đường chánh pháp, con đường tỉnh thức và giác ngộ.

Nữ khất sĩ Mahapajapati rất hoan hỷ, bà từ giã Bụt và trở về với các vị nữ khất sĩ đồng tu. Bà dự tính sẽ thiết lập một trung tâm tu học cho ni chúng ngay tại Vesali này để có thể được gần gũi và học hỏi với Bụt và với các vị đệ tử lớn của người, ít nhất là trong thời gian Bụt còn lưu trú tại đây. Bà lại có ý nguyện trở về Kapilavatthu để mở một trung tâm tu học cho ni chúng ngay tại quê hương mình.

Ngay hôm đó, bà nhờ người về báo tin mừng cho công nương Yasodhara tại Kapilavatthu, Bà biết rằng tin nữ giới được chấp thuận vào giáo đoàn khất sĩ sẽ nổ tung ra như một tiếng sét và sẽ có rất nhiều phản ứng trong xã hội. Người ta sẽ kên án và công kích Bụt cùng giáo đoàn. Bụt và giáo đoàn sẽ gặp những khó khăn không thể nào lường trước được. Nghĩ đến đó, bà thấy một niềm biết ơn tràn ngập tâm tưởng bà. Bà thấy rõ pháp chế "Bát Kính" không phải là những điều kỳ thị nữ giới mà lại là những phương tiện bảo vệ và che chở cho giáo đoàn trong đó có nữ giới.

Bà tin rằng trong tương lai, khi sự kiện nữ giới được xuất gia đã trở nên một sự thực rồi thì pháp chế "Bát Kính" sẽ không còn cần thiết nữa.

Từ hôm có ni chúng, giáo đoàn của Bụt bắt đầu được gọi là một giáo đoàn bốn chúng: chúng nam khất sĩ, (bikkhu), chúng nữ khất sĩ (bikkhuni), giới nam cư sĩ (upasaka) và giới nữ cư sĩ (upasika).

Ni trưởng Mahapajapati đã suy nghĩ kỹ về cách phục sức của giới nữ khất sĩ. Bà đã trình với Bụt ý kiến của mình và đã được Bụt chấp thuận. Các vị nam khất sĩ thường chỉ vận ba thứ: một tấm antaravasaka, gọi là an đà hội, là quần dưới, một tấm uttarasanga, gọi là uất đa la tăng, là áo mặc bên trên và một tấm sanghati, gọi là tăng già lê, là chiếc áo khoác bên ngoài. Các vị nữ khất sĩ, ngoài ba tấm ấy, còn được phép vận thêm hai tấm khác: một là samkaksika, dùng để thắt ngang hông và hai là kusulaka, dùng như một chiếc váy.

Ngoài y và bát, các vị khất sĩ và nữ khất sĩ có quyền làm sở hữu chủ của một cái quạt để che đầu khi trời nắng, một chiếc lọc nước uống, một cây kim và một ít chỉ để khâu vá lại xiêm y, một cái tăm xỉa răng, và một chiếc dao cạo để cạo tóc và râu, mỗi tháng hai lần.

Chương 46 - Nắm Lá Simsapa

Tu viện Trúc Lâm (Venuvana) ở Rajagaha, tu viện Trùng Các (Kutagarasala) ở Vesali và tu viện Kỳ Đà Cấp Cô Độc (Jetavana) ở Savathi đã trở nên ba trung tâm hành đạo và hoằng pháp lớn.

Các vị khất sĩ đã tạo lập những trung tâm tu học khác rải rác trong các vương quốc Magadha, Kosala và những vương quốc nhỏ kế cận. Hình bóng những vị khất sĩ áo vàng khoan thai và tĩnh lặng xuất hiện khắp nơi.

Đạo lý tỉnh thức đã được truyền bá đi mọi nơi chỉ sau sáu năm hành hóa của Bụt.

Mùa an cư thứ sáu, Bụt cư trú trên núi Makula. Mùa an cư thứ bảy người ẩn cư một mình trên núi ở Samkasya, mãi trên vùng thượng lưu sông Ganga. Mùa an cư thứ tám người cư trú tại Sumsumaragira ở xứ Bhagga và vào mùa an cư thứ chín người về cư trú tại Kosambi. Kosambi là một thị trấn thuộc vương quốc Vamsa nằm trên tả ngạn sông Jamuna, nơi đây đã có một trung tâm tu học quan trọng. Tu viện nằm trong một khu vườn ở Rừng Lớn gọi là Ghosira.

Vào mùa an cư thứ chín các thầy lớn như Mahakassapa, Mahamoggallana , Sariputta và Mahakaccana không có mặt bên Bụt ở tu viện Ghosira tại Kosambi, nhưng thầy Ananda vẫn được kề cận Bụt. Chú Rahula cũng không có mặt, vì chú phải theo học với thầy Sariputta. Các khu rừng quanh tu viện đầy những cây simsapa, và Bụt ưa vào tĩnh tọa trong rừng vào những buổi trưa khi trời nắng gắt.

Một buổi chiều từ rừng về, Bụt cầm trong tay một nắm lá simsapa. Người đưa nắm lá lên và hỏi các vị khất sĩ có mặt:

- Các vị khất sĩ! Lá trong tay tôi nhiều hay lá trong rừng nhiều?

Các vị khất sĩ đáp:

- Lá trong tay Bụt thì ít mà lá trong rừng thì nhiều.

Bụt nói:

- Cũng như thế đó, các vị khất sĩ! Những điều tôi biết do sự thực chứng thì nhiều, nhưng những điều tôi đem ra dạy quý vị thì ít. Tại sao thế? Tôi chỉ muốn trình bày cho quý vị những gì thực sự có ích lợi cho công trình tu tập của quý vị mà thôi ...

Bụt nói như thế, vì độ ấy trong giới các vị khất sĩ có nhiều người có khuynh hướng muốn đi vào những vấn đề siêu hình không thiết thực mấy đối với sự tu học. Mấy tháng trước ở Savathi, Bụt đã khuyên thầy Malunkyaputta về việc không nên để tâm trí vướng bận vào những vấn đề không thiết yếu cho sự tu học.

Thầy Malunkyaputta lúc đó thường hay hỏi Bụt những câu hỏi thuộc phạm vi siêu hình, nhưng Bụt từ chối không trả lời. Ví dụ thầy hỏi: Vũ trụ này là hữu biên hay vô biên? Hữu hạn hay vô hạn. Một hôm thầy không chịu đựng sự im lặng của Bụt được nữa. Thầy quyết định đi gặp Bụt để ép Bụt phải trả lời những câu hỏi của thầy. Thầy tự bảo là lần này nếu Bụt từ chối thì thầy sẽ

xin xả giới không tu theo người nữa. Thầy đi gặp Bụt và nói: “Nếu Thế Tôn chịu trả lời những câu hỏi của con thì con sẽ nguyện tiếp tục theo học với người. Nếu không, con sẽ xin từ bỏ giáo đoàn khất sĩ. Nếu quả thật người biết vũ trụ là hữu biên hay vô biên, thì xin người cứ nói ra, còn nếu người không biết thì người cứ nói thẳng là người không biết”.

Bụt nhìn thầy Malunkyaputta:

- Hồi thầy xin đi xuất gia, tôi có hứa với thầy là sẽ giảng giải cho thầy về những câu hỏi như thế không? Tôi có nói: “Này Malunkyaputta, anh cứ xuất gia đi, rồi tôi sẽ dạy cho anh về những vấn đề siêu hình” không?

- Bạch Thế Tôn , không.

- Vậy sao bây giờ thầy lại đặt điều kiện với tôi? Alunkyaputta! Ví như có một người nọ bị trúng một mũi tên có tẩm thuốc độc. Bà con mời ông thầy thuốc tới để nhổ mũi tên ra, bôi thuốc vào và cho uống thuốc trừ độc, nhưng người bị trúng tên không cho ông thầy thuốc đụng vào vết thương mình. Người ấy nói: “Khoan đã, trước khi chữa trị tôi muốn biết ai là kẻ đã bắn mũi tên này, tên họ người đó là gì, mấy tuổi, ở đâu, làm nghề nghiệp gì, thuộc giai cấp nào, vì cớ sao mà bắn tôi. Tôi cũng muốn biết loại cung bắn này là loại cung nào và chất độc nó dùng là thứ chất độc lấy từ đâu”. Malunkyaputta, người bị thương sẽ chết trước khi anh ta tìm hiểu được hết những điều đó. Người đi xuất gia cũng vậy, những điều mà người xuất gia phải biết và phải hành là những điều căn bản mà tôi đã và đang dạy các thầy, còn những điều khác vì không có ích lợi thực tế cho sự tu học và hành trì để đi đến giải thoát cho nên tôi không nói tới.

Này Malunkyaputta, thầy phải biết điều này: dù vũ trụ là hữu biên hay vô biên, hữu hạn hay vô hạn thì thầy cũng phải công nhận điều này: có những đau khổ trong cuộc đời, những đau khổ đó có nguyên do và ta có thể quán chiếu các nguyên do ấy mà tìm cách làm cho cuộc đời bớt khổ. Những điều tôi dạy quý thầy có thể giúp quý thầy đạt tới sự buông bỏ, vô dục, thanh tịnh và giải thoát, còn những điều không thiết thực cho việc tu học thì tôi từ chối không nói tới.

Đại đức Malunkyaputta nghe Bụt nói rất lấy làm hối hận. Thầy đã xin sám hối Bụt về tội đã dám ra điều kiện cho người.

Bụt thường khuyến khích các vị khất sĩ gia công tu học và tránh những cuộc luận đàm có tính cách lý thuyết suông. Người gọi những lý thuyết suông không ích lợi gì cho sự tu học ấy là hý luận. Trong số các thầy ở Kosambi, có những thầy rất ưa hý luận và cũng vì lẽ ấy Bụt đã đem tặng cho họ một nắm lá simsapa.

Tại Kosambi, có một thí chủ lớn tên là Ghostra. Vị thí chủ này đã cúng dường rừng cây của mình để làm tu viện cho tăng đoàn, gọi là tu viện Ghostra. Ngoài ra ông còn bảo trợ thành lập thêm hai trung tâm tu học cho các vị khất sĩ nữa: đó là tu viện Kukuta và tu viện Pavarikambavana. Tu viện thứ tư trong vùng là tu viện Badarika.

Quốc vương Udayana không có cảm tình nhiều với Bụt, nhưng thái tử Bodhi trị vì xứ Bhanga lại là một người sùng kính Bụt đúng mức. Tại xứ Bhanga Bụt và giáo đoàn đã từng được thái tử Bhodi đón tiếp rất nồng hậu.

Tại Kosambi, cũng như tại các trung tâm tu học khác, có một số các vị kinh sư, nghĩa là những thầy chuyên về sự giảng dạy và ôn tụng các lời Bụt dạy. Những lời Bụt dạy trong gần mười năm

qua được kết tập và ôn tụng dưới những đề mục gọi là sutra. Sutra là kinh. Ví dụ kinh Chuyển Pháp Luân là bài giải đầu tiên mà Bụt nói tại vườn Nai phía Bắc thành phố Baranasi cho năm vị khất sĩ đầu. Các kinh như kinh Vô Ngã Tướng, kinh Nhân Duyên, kinh Bát Chánh Đạo đều được học thuộc lòng và được ôn tụng mỗi nửa tháng. Ngoài các vị kinh sư còn có các vị luật sư, chuyên lo trì tụng về giới luật. Người tập sự xuất gia thì có giới luật của người xuất gia. Những những chưa đến tuổi hai mươi như chú Rahula thì chưa được thọ giới khất sĩ, mà chỉ được thọ giới sa di.

Năm ấy ở Kosambi đã xảy ra một vụ tranh chấp giữa một vị kinh sư và một vị luật sư tại tu viện Ghostra. Nguyên do vụ tranh chấp thật là bé nhỏ nhưng vì lòng tự ái của một số các thầy khất sĩ mà vụ tranh chấp đã gây nên chia rẽ trầm trọng trong đại chúng. Vị kinh sư này vì vô ý đã không đổ nước trong chậu sau khi sử dụng. Vị luật sư cho đó là phạm luật. Vị kinh sư nghĩ là vì không cố tình cho nên mình không có lỗi. Nguyên do vụ tranh chấp chỉ có thế, nhưng đệ tử của hai vị ai cũng bênh vực thầy mình và nói bên đối phương và sai lầm. Cuộc tranh chấp vì thế mà leo thang. Bên này bắt đầu nói bên kia là vu khống. Bên kia bắt đầu nói bên này là vọng ngữ. Cuối cùng vị luật sư tuyên bố giữa đại chúng là vị kinh sư phạm giới, và nếu không sám hối thì vị này sẽ không được phép tham dự các buổi bố tát tụng giới hàng nửa tháng.

Tình trạng trở nên căng thẳng. Hai bên nói qua nói lại. Những lời qua lại này cũng tai hại như những mũi tên độc. Các vị khất sĩ chia thành hai phe. Cũng may là có một số các vị khất sĩ không chịu theo phe nào. Họ than thở với nhau: “Chết mất, chết mất! thế nào cũng có chia rẽ trầm trọng trong giáo đoàn".

Trong khi đó, Bụt vẫn chưa hay biết gì, tuy người đang an cư ở một tịnh xá sát bên tu viện. Một số các vị khất sĩ đi tìm Bụt và trình lên người hiện tình của đại chúng, và cầu Bụt can thiệp. Bụt liền đi tìm vị luật sư. Người nói:

- Chúng ta không nên quá tin ở quan điểm riêng của chúng ta. Chúng ta phải lắng nghe và tìm hiểu quan điểm của người bên kia. Chúng ta phải làm mọi cách để tránh sự chia rẽ trong đại chúng.

Rồi Bụt đi tìm vị kinh sư. Người cũng nói với vị kinh sư những lời mà người đã nói vị luật sư, hy vọng hai người sẽ đi tới hòa giải. Sau đó người trở về tịnh xá.

Nhưng cuộc can thiệp của Bụt không có hiệu quả. Cả hai bên vì lời qua lẽ lại đều đã bị thương tích trầm trọng. Các vị khất sĩ đứng ở giữa không đủ sức để dàn xếp một cuộc hòa giải. Nội vụ được chuyền tới tai giới đệ tử tại gia và chẳng bao lâu các giáo phái bên ngoài đều biết tới. Uy tín của đoàn thể khất sĩ bị thương tổn nặng. Đại đức Nagita thị giả của Bụt thấy thế, không chịu nổi nữa. Thầy lại đem nội vụ trình lên Bụt và cầu cứu Bụt tới can thiệp một lần nữa.

Bụt khoác áo và tới thẳng thính đường của tu viện. Người bảo đại đức Nagita thỉnh chuông triệu tập đại chúng. Khi mọi người đã tụ họp đầy đủ, Bụt nói:

- Xin các thầy hãy chấm dứt việc tranh chấp và cãi cọ. Xin quý thầy hãy chấm dứt tình trạng chia rẽ trong nội bộ giáo đoàn. Xin trở về với sự tu học. Nếu chúng ta tu học thật sự thì chúng ta không còn là nạn nhân của tự ái, giận hờn và chia rẻ nữa.

Một vị khất sĩ đứng lên, bạch:

- Thế Tôn, xin Thế Tôn đứng ra ngoài vụ tranh chấp này. Xin người cứ an trú trong niềm vui tịnh lạc của thiền định. Đây không phải là việc của người. Chúng tôi đã lớn: chúng tôi có thể tự mình giải quyết vụ này được, không cần đến Thế Tôn.

Vị khất sĩ nói xong, mọi người đều im lặng. Bụt cũng im lặng.

Một lát sau, người đứng dậy, rời bỏ thính đường. Người trở về tịnh xá lấy bình bát và áo, rồi người một mình đi vào Kosambi để khất thực. Khất thực xong, người vào rừng một mình để thọ trai. Thọ trai xong người đứng dậy, ôm y bát từ bỏ thành phố Kosambi, hướng về phía bờ sông mà đi. Không ai được phép đi theo người, kể cả thầy thị giả, kể cả đại đức Ananda.

Bụt đi lần hồi tới thị trấn Balakalonakaragama. Tại đây người gặp một vị đệ tử là đại đức Bhagu. Thấy Bụt, đại đức rất vui mừng, đại đức rước Bụt vào một cụm rừng, mời Bụt ngồi rồi đi tìm nước và khăn cho Bụt rửa mặt và tay chân. Bụt hỏi thăm về sự tu học của thầy Bhagu. Thầy nói thầy rất an lạc ở đây, dù thầy ở có một mình. Bụt nói:

- Ở một mình đôi khi mà khỏe hơn là ở với nhiều người.

Sau khi giảng dạy thêm giáo lý và khích lệ đại đức Bhagu về sự tu học, Bụt từ giã thầy để đi về phía công viên Đông Trúc cách đó không xa. Bước vào công viên, Bụt bị người cai vườn ngăn lại, ông ta nói:

- Sa-môn, ông đừng đi vào trong công viên, sợ làm rộn các vị đang tu hành trong ấy.

Bụt chưa biết nói sao thì từ trong công viên đại đức Anuruddha đi ta. Thầy vái chào Bụt và nói người cai vườn:

- Đó là thầy của chúng tôi đấy, xin ông cứ để cho người vào.

Rồi đại đức đưa Bụt vào phía trong công viên. Ở đây, Bụt gặp thêm hai vị khất sĩ khác: đại đức Nandiya và đại đức Kimbila. Hai người được gặp Bụt rất mừng. Thầy Nandiya nâng bát cho Bụt, còn thầy Kimbila thì nâng áo sanghati của người. Họ sắp chỗ ngồi cho Bụt bên một bụi tre vàng. Họ đem nước và khăn tới cho Bụt rửa mặt và rửa chân. Rồi cả ba thầy chắp tay làm lễ Bụt. Bụt bao ba thầy ngồi xuống bên cạnh:

Người hỏi:

- Các thầy ở đây có được an tịnh không? Sự tu học có thuận lợi không? Việc khất thực hành hóa có dễ dàng không?

Thầy Anuruddha đáp:

- Bạch thầy, chúng con ở đây rất an ổn. Ở đây khung cảnh rất an tịnh. Việc khất thực và hành hóa cũng dễ dàng. Chúng con đã đạt được nhiều tiến bộ trong sự tu học.

Bụt hỏi:

- Các thầy có thương mến nhau và hòa hợp với nhau không?

- Thưa Thế Tôn, chúng con rất thương mến nhau. Chúng con hòa hợp với nhau một cách dễ dàng như nước với sữa. Riêng con, được sống với hai huynh Kimbila, và Nandiya là một điều may mắn lớn cho đời con. Con trân quý tình bằng hữu này lắm. Mỗi khi con nói hay con làm

một điều gì, dù là khi hai huynh không có mặt, con cũng nghĩ đến hai huynh. Con tự hỏi con: nói như thế và làm như thế thì hai huynh có vừa ý không? Nếu con có một chút nghi ngờ rằng lời nói và việc làm ấy có thể làm cho hai vị phật ý là con nhất định không nói và không làm. Thưa Thế Tôn, chúng con tuy là ba người mà cũng như là một.

Bụt gật đầu ưng ý. Người nhìn hai thầy kia. Thầy Kimbila nói với Bụt:

- Điều sư huynh Anuruddha nói đó là sự thật. Chúng con rất hòa hợp với nhau và rất thương mến nhau.

Thầy Nandiya nói:

- Chúng con biết chia xẻ cho nhau đồng đều mọi thứ. Từ chỗ ăn ngủ cho đến kiến thức và kinh nghiệm, chúng con đều sẵn lòng chia xẻ cho nhau.

Bụt khen:

- Tốt lắm! Tôi rất hài lòng khi thấy các thầy ăn ở với nhau như vậy. Có sự hòa hợp đó, một đoàn thể tu học mới thật sự là một đoàn thể tu học. Các thầy đã thật sự tỉnh thức cho nên quý thầy mới thực hiện được sư hòa hợp đó.

Bụt ở lại với ba thầy một tháng.

Người nhận xét như sau: Buổi sáng sau giờ thiền tọa, ba thầy cùng đi khất thực một lần. Khất thực xong, vị nào về trước thì đi sắp đặt chỗ ngồi đi lấy nước uống, nước rửa và một cái chậu sạch để sẵn tại đó. Xong rồi vị ấy mới đi rửa mặt, rửa chân, và ngồi xuống để quán niệm và thọ trai. Trước khi thọ trai, vị ấy san bớt thức ăn trong bát vào chiếc chậu sạch. Thức ăn này là để dành cho vị khất sĩ nào không xin được đủ một phần ăn. Khi các vị kia về, thì nước rửa và nước uống đã có sẵn. Họ khì phải đi xách nước. Họ chỉ cần ngồi xuống rửa tay, rửa mặt và rửa chân trước khi ngồi xuống thọ trai. Sau khi thọ trai và uống nước, cả ba người cùng đi dọn dẹp. Nếu thức ăn trong chậu còn dư, họ đem đổ ở một khoảng đất không có cây cỏ, hoặc đổ xuống nước nơi không có loài vật nào đang sống. Họ cùng rửa và cùng úp các chậu lại. Ai thấy bình nước uống hết nước thì đi lấy thêm. Ai thấy vại nước rửa lưng đi thì đi xách nước thêm. Ai thấy cầu tiêu không được sạch thì đi chùi rửa. Việc gì cần hai hoặc ba người mới làm nổi thì họ đâu vai chung sức lại. Họ không cần bàn cãi gì hết về công việc hàng ngày. Cứ mỗi năm ngày họ ngồi lại một lần để cùng học hỏi giáo lý và trao đổi kinh nghiệm tu tập.

Trước khi từ giã ba thầy, Bụt nói:

- Các thầy, bản chất của một tăng đoàn (sangha) là sự hòa hợp. Theo tôi, ta có thể minh định sự hòa hợp như sau:

- Thứ nhất là thân hòa đồng trú, nghĩa là cùng chia xẻ với nhau một trung tâm tu học, một khu rừng hay một mái nhà.

- Thứ hai là lợi hòa đồng quân, nghĩa là cùng chia xẻ với nhau đồng đều những tiện nghi của cuộc sống.

- Thứ ba là giới hòa đồng tu, nghĩa là cùng hành trì với nhau những giới và những luật đã được truyền thọ và ban hành.

- Thứ tư là khẩu hòa vô tránh, nghĩa là chỉ sử dụng thứ ngôn ngữ hòa hợp, tránh tất cả những lời nói có thể gây ra sự xích mích và tranh cãi.

- Thứ năm là kiến hòa đồng giải, nghĩa là trao đổi và chia xẻ những hiểu biết và những kiến thức với nhau, không dấu diếm cái hiểu biết cho riêng mình, để cho mọi người cùng được học hiểu.

- Thứ sáu là ý hòa đồng duyệt, nghĩa là các ý kiến khác nhau phải được tổng hợp lại, và không ai có thể bắt buộc mọi người khác phải làm theo ý kiến riêng của mình như thế để tạo nên sự vui vẻ hòa hợp trong đoàn thể.

Các vị khất sĩ! Từ nay về sau, chúng ta phải lấy sáu nguyên tắc hòa hợp này mà sống với nhau.

Ba vị đại đức hoan hỷ tiếp nhận lời nhận của Bụt.

Từ giã ba thầy, Bụt lên đường. Bảy ngày sau, người tới Parileyyaka, Bụt đi vào rừng Rakkhita, và tìm thấy một cây sala cành lá sum suê. Người đặt y bát xuống và ngồi nghĩ dưới gốc cây đẹp đẽ này.

Bụt có ý định muốn ở lại một mình tại đây trong mùa an cư sắp tới.

Chương 47 - Cứ Theo Chánh Pháp Mà Hành Trì

Dưới cây sala, người cảm thấy có nhiều an lạc và thoải mái. Đây là một khu rừng xanh tốt, có đồi, có suối lại có hồ. Sống một mình, Bụt thấy dễ chịu hơn khi có đông đảo đệ tử. Ở Kosambi, hiện giờ nhiều vị khất sĩ đang sống trong phiền não, và phiền não lan tới cả giới đệ tử tại gia. Người cảm thấy buồn vì chính đệ tử của người cũng không chịu nghe lời người khuyên bảo. Người biết đó là sự buồn giận đang che mất tâm trí họ.

Trong rừng Rakkhita, Bụt gặp rất nhiều loài thú vật. Có cả một đàn voi nữa. Con voi mẹ vốn là một con voi chúa thường hay đem những con voi khác và đàn voi con xuống tắm dưới hồ. Nó dạy cho những con voi con uống nước, ăn cỏ và ăn những cây bông súng. Bụt nhìn con voi mẹ dạy đàn voi con ăn những cây bông súng. Nó lấy vòi nhổ một đám bông súng, khỏa những cây bông súng để rửa ở mặt nước cho bùn đất trôi đi rồi mới đưa vào miệng. Các con voi con tập một hồi rồi cũng làm được như con voi mẹ.

Mấy con voi coi này rất có cảm tình với Bụt. Voi và Bụt rất thân cận và yêu mến nhau. Có khi voi mẹ hái cả trái cây để cúng dường Bụt. Bụt ưa vuốt đầu những con voi con và đưa chúng xuống bờ hồ. Con voi chúa thường dùng tiếng rống để triệu tập đàn voi và những con voi con. Tiếng rú của con voi chúa rất là oai vệ. Bụt đã học và bắt chước được tiếng rú này Có một lần sau khi con voi chúa rú lên tiếng rú oai vệ của nó, Bụt cũng bắt chước rú lên, con voi chúa nghe tiếng rú lập tức nhìn về phía Bụt, và nó tới trước Bụt rồi quỳ hai chân trước xuống, Bụt vuốt ve và đỡ nó dậy.

Bụt ở lại an cư tại đây. Đây là mùa an cư thứ mười của Bụt sau ngày thành đạo. Đây là lần thứ hai người an cư một mình. Suốt này người ở trong rừng. Chỉ buổi sáng vào giờ khất thực người mới rời khỏi khu rừng xanh tốt của người để đi vào tụ lạc mà thôi.

Sau mùa an cư, Bụt từ giã đàn voi và khu rừng xinh đẹp. Người đi về hướng Đông Bắc. Nửa tháng sau người về tới tu viện Cấp Cô Độc ở Savatthi. Đại đức Sariputta thấy Bụt về mừng lắm. Rahula cũng có mặt tại đó. Nhiều vị đại đệ tử cũng có mặt tại đó: các đại đức Mahamoggallana, Mahkassapa, Mahakunda, Upali, Mahakotthiya, Mahakappina, Mahakunda, Revata, và Devadatta ... Các đại đức Anuruddha, Kimbila, Nandiya từ công viêng Rừng Trúc ở Karagama cũng đã về tới. Ni sư Gotami cũng có mặt tại Savatthi. Thấy Bụt ai nấy đều mừng rỡ.

Bước vào tịnh xá, Bụt gặp thầy Ananda đang sắp đặt và quét dọn lại tịnh xá.

Một năm và bốn tháng trời, Bụt đã vắng mặt tại đây.

Thấy Bụt, đại đức Ananda mừng quá.

Thầy buông chổi vái chào Bụt, Bụt hỏi thăm thầy về tình trạng ở Kosambi. Thầy nói:

- Sau khi Bụt bỏ đi, một số huynh đệ đến tìm con và nói: "Này sư huynh, Thế Tôn đã bỏ đi rồi, người đi một mình. Tại sao sư huynh không tìm theo Bụt để làm thị giả cho người. Nếu sư huynh không đi thì chúng tôi đi vậy". Con trả lời: "Nếu Bụt đi mà không cho ai biết mà cũng không từ giã huynh đệ chúng ta, đó là vì người muốn đi một mình. Chúng ta không nên làm

phiền người". Sau đó khoảng sáu tháng, một số huynh đệ lại tới nói với con: “Này sư huynh, lâu nay chúng mình không được nghe Thế Tôn dạy bảo, không được nghe giáo pháp trực tiếp từ miệng của bậc thầy nói ra. Chúng ta nên đi tìm người”. Chúng con đã lên đường tìm Bụt nhưng không được gặp. Không ai biết Bụt ở đâu. Cuối cùng chúng con tìm về Savatthi. Về tới đây chúng con cũng không thấy Bụt. Chúng con tự bảo nên kiên nhẫn chờ Bụt tại đây. Thế nào người cũng về. Thế nào người cũng không bỏ các đệ tử xứng đáng của người.

- Khi thầy rời Kosambi, tình trạng như thế nào? Các vị khất sĩ còn cãi cọ nhau nhiều không?

- Thế Tôn, hồi ấy tình trạng còn căng thẳng lắm. Căng thẳng hơn này Thế Tôn ra đi nhiều, không bên nào chịu thua bên nào. Không khí thật là khó thở. Mỗi lần đi vào thành phố khất thực là chúng con lại bị giới cư sĩ hỏi nhau về vụ tranh chấp. Chúng con nói: “Có nhiều vị khất sĩ đứng ngoài vụ tranh chấp. Xin quý vị biết cho điều đó”, và đó là điều duy nhất mà chúng con có thể làm.

Dần dần giới cư sĩ bắt đầu phản ứng. Họ tìm tới tu viện và nói với các vị khất sĩ trong vụ tranh chấp: “Quý thầy đã không nghe lời Bụt để cho Bụt phải buồn lòng mà bỏ đi. Quý thầy có trách nhiệm rất lớn. Giới tại gia của chúng tôi đã mất rất nhiều niềm tin. Xin quý thầy xét lại”.

Thưa Thế Tôn, ban đầu thì các thầy không chú ý tới lời cảnh cáo của giới tại gia, nhưng sau đó, giới tại gia cương quyết bảo nhau không cúng dường cho các vị có mặt trong cuộc tranh chấp. Hỏi tại sao không cúng dường tăng bảo, họ trả lời: “Quý vị không xứng đáng với Bụt, bởi vì quý vị không có sự hòa hợp. Nếu quý vị nghe lời Bụt mà hòa giải được với nhau, rồi sau đó đi tìm Bụt để sám hối, thì chúng tôi sẽ khôi phục được niềm tin. Lúc đó chúng tôi mới hành trì lại phép cúng dường với tất cả tâm thành của chúng tôi được". Thưa Thế Tôn, giới tại gia ở Kosambi cương quyết lắm. Họ nói thì họ làm. Ngày rời Kosambi, con nghe nói là hai bên định ngày tập hợp để đi tới sự hòa giải. Con nghĩ là họ sẽ hòa giải được và sớm muộn gì họ cũng tìm về tới đây để xin sám hối với Bụt.

Bụt nói:

- Ananda, đưa chổi đây để tôi dọn dẹp tiếp cho. Thầy hãy đi kiếm đại đức Sariputta về để tôi nói chuyện.

Ananda đi rồi, Bụt lấy chổi quét tịnh xá. Người làm công việc này một cách thong thả và thoải mái. Rồi người bắc một chiếc ghế ra ngoài sân ngồi. Tu viện Cấp Cô Độc quả là một nơi đẹp đẽ. Cây cối xanh tươi và chim chóc ca hát vang lừng cả bốn mặt. Người ngồi chơi một lát thì đại đức Sariputta tới. Hai thầy trò ngồi bên nhau im lặng một hồi lâu. Rồi Bụt nói cho đại đức nghe điều người đang quan tâm. Bụt bảo: ""phải làm mọi cách để những cuộc cãi cọ vô nghĩa lý đừng xảy ra ở trung tâm tu học xinh đẹp này". Hai người bàn bạc với nhau khá lâu.

Một buổi chiều nọ, đại đức Sariputta được báo tin là các thầy ở Kosambi đang lục tục kéo về. Họ đông tới cả mấy trăm người. Họ còn ở dưới phố, chưa lên tới tu viện. Thầy đi tìm Bụt và hỏi người:

- Thế Tôn, con nghe là các huynh đệ tử Kosambi đã về đến và sắp tới nơi rồi. Chúng con phải tiếp xử với họ như thế nào?

- Thì cư tiếp xử đúng chánh pháp.

- Lạy Bụt, đúng chính pháp nghĩa là sao, xin người dạy cho.

- Thầy mà cũng còn hỏi một câu như thế sao?

Đại đức Sariputta im lặng. Vào lúc đó, các thầy Moggallana, Kassapa, Kaccana, Kotthiya, Kappina và Anuruddha tìm tới tịnh thất của Bụt. Các thầy hỏi:

- Lạy Bụt, các huynh đệ sắp về tới. Chúng con phải tiếp xử với họ như thế nào?

- Thì các vị cứ tiếp xử đúng như chính pháp.

Các thầy đưa mắt nhìn đại đức Sariputta.

Đại đức chỉ mỉm cười, Bụt nhìn những vị đệ tử lớn của người. Rồi người nói chậm rãi:

- Phải lắng tai nghe cả hai bên, phải đừng có thành kiến với bên nào hết. Những điều giới mình nghe từ một phía, mình phải trầm tĩnh xét đoán, xem cái gì đúng với chánh pháp và cái gì không đúng với chánh pháp. Chánh pháp là những gì tôi đã trình bày như là con đường đưa đến an lạc và giải thoát, những điều mà chính tôi, tôi đang làm theo. Không phải chánh pháp là những gì tôi đã khuyên răn không nên làm và chính tôi, tôi không bao giờ làm. Khi quý vị biết được cái gì là chánh và cái gì là không chánh ở mỗi bên thì quý vị có thể giúp đỡ họ trong công việc hòa giải.

Vừa lúc ấy các vị thí chủ lớn của tu viện do cư sĩ Anathapindika lãnh đạo cũng tìm tới tịnh thất. Họ hỏi:

- Thế Tôn, những vị khất sĩ ở Kosambi sắp tới. Chúng con phải đối xử như thế nào? Chúng con nên cúng dường hay không nên cúng dường? Nếu cúng dường thì Bụt dạy nên cúng dường phía bên nào?

Bụt mỉm cười:

- Nên cúng dường cả hai bên, và nên tỏ lòng yểm trợ và tán thành mỗi khi có người nói lên những điều đúng với chánh pháp.

Lúc đó, thầy Ananda xuất hiện. Thầy báo tin cho đại đức Sariputta biết là hiện các thầy Kosambi đã về tới cổng tu viện đầy đủ. Tất cả đang đứng chờ bên ngoài tu viện vì chưa dám đi vào. Đại đức Sariputta hướng về phía Bụt:

- Lạy Bụt, các anh em của con từ Kosambi đã tới. Con có nên mở cửa cho họ vào không?

Bụt nói:

- Nên mở cửa cho họ vào.

Sariputta bạch tiếp:

- Rồi con sẽ giải quyết thế nào về sự cư trú của họ.

- Cho hai phe ở riêng ra hai bên.

- Lạy Bụt, có thể là không đủ chỗ cư trú riêng cho tất cả mọi người.

- Nếu vậy thì chịu khó ở chật hơn một chút. Tuy nhiên, đừng nên để ai phải ngủ ở ngoài trời, nhất là các thầy lớn.

- Còn về thực phẩm và thuốc men?

- Thực phẩm và thuốc men thì cũng được phân phát cúng dường đồng đều như nhau.

Theo lệnh của đại đức Sariputta, các thầy tri khách mở cửa đón tiếp các vị khất sĩ từ Kosambi tới. Các vị được chia chỗ ở và những những tiện nghi cư trú theo đúng như lời Bụt dạy. Tất cả mọi việc đều được diễn tiến trong im lặng.

Sáng ngày hôm sau, tất cả các vị mới đến đều được lệnh cho đi khất thực, nhưng trước khi họ đi, thầy Sariputta đã chia họ thành từng toán và chỉ định đi từng địa phương khác nhau theo tinh thần lời Bụt dặn. Buổi chiều, các thầy ngỏ ý muốn đại đức Sariputta dàn xếp cho họ được làm lễ sám hối Bụt. Đại đức nói:

- Theo sự hiểu biết của tôi thì việc sám hối với Bụt không phải là việc căn bản. Việc căn bản là các thầy đạt được sự hòa giải. Với sự hòa giải đó như một thành quả, lễ sám hối mới có ý nghĩa và mới có bản chất chân thực.

Tối hôm ấy, vị kinh sư chủ chốt của sự bất phục tùng tìm tới vị luật sư thù nghịch. Thầy chắp tay lại và làm lễ vị này. Thầy quỳ xuống và tác bạch:

- Bạch đại đức, tôi xin công nhận là tôi đã phạm giới, và sự kết tội của đại đức vào mùa hè năm ngoái là đúng luật. Tôi sẵn sàng sám hối trước đại chúng, để được trở lại tình trạng giới thể thanh tịnh.

Vị kinh sư làm được như vậy vì thầy không thấy có một nẻo thoát nào khác cho giáo đoàn khất sĩ. Ông sẵn sàng hy sinh tự ái để đem lại hòa khí cho giáo đoàn.

Biết thế, vị luật sư liền phản ứng một cách mau lẹ. Ông cũng quỳ xuống trước vị kinh sư. Ông nói:

- Tôi cũng xin sám hối với đại đức là tôi đã thiếu khiêm nhượng và thiếu khéo léo trong vụ này. Xin đại đức từ bi chứng minh cho tấm lòng thành khẩn của tôi.

Ngay buổi tối hôm đó, lễ phát độ của vị kinh sư được tổ chức, và vị kinh sư khôi phục được giới thể thanh tịnh. Ai nấy đều thở phào, nhất là các vị khất sĩ từ Kosambi đến, trong số đó có nhiều thầy chưa bao giờ có dính líu đến cuộc tranh chấp.

Bụt được báo tin này vào lúc nửa đêm. Chính đại đức Sariputta đem tin này tới cho người.

Người chỉ gật đầu không nói năng gì. Cuộc tranh chấp đã chấm dứt, nhưng vết thương vẫn còn.

Phải một thời gian nữa thì vết thương mới có thể lành hẳn.

Chương 48 - Rơm Phủ Lên Bùn

Theo đề nghị của đại đức Mahakassapa, một cuộc hội họp được tổ chức tại giảng đường Kỳ Viên, quy tụ những vị đệ tử lớn của Bụt và cả những vị đã từng là chủ chốt trong vụ tranh chấp ở Kosambi. Mục đích của buổi họp là để rút tỉa kinh nghiệm và đề ra những nguyên tắc ngăn ngừa những cuộc tranh chấp có thể xảy ra trong giáo đoàn. Đại đức Kahakasapa làm chủ tọa buổi họp.

Mở đầu buổi họp, thầy Anuruddha được đại đức Mahakassapa yêu cầu trùng tuyên lại những điều mà thầy đã được nghe Bụt dạy tại công viên Đông Trúc về sáu nguyên tắc sống chung hòa hợp. Thầy Anuruddha lập lại với đầy đủ chi tiết sáu nguyên tắc ấy mà thầy gọi là pháp chế Lục Hòa. Đại đức Moggallana rất mừng sau khi được nghe pháp chế này. Thầy đề nghị tất cả các vị khất sĩ nên học thuộc lòng sáu nguyên tắc sống chung hòa hợp.

Thầy nói:

- Sáu nguyên tắc nầy cũng cần được học thuộc lòng để đem phổ biến tới các trung tâm tu học khác.

Sau bốn hôm góp ý và thảo luận, các thầy đã thiết lập được bảy phương pháp để dập tắt các cuộc tranh chấp. Họ gọi đó là thất diệt tránh pháp (Saptadhikarana-samatha), và họ đem đệ trình lên Bụt. Thất diệt tránh pháp được xem như là những phương pháp đưa tới sự hòa giải, được trình bày như sau:

- Thứ nhất là hiện tiền tỳ ni (samukha-vinaya). Theo nguyên tắc này, tất cả những phát biểu về cuộc tranh chấp được nói ra trong đại chúng, với sự có mặt của hai phía tranh chấp. Tránh tất cả những sự phát biểu và bàn bạc riêng tư, những phát biểu thường có tác dụng tuyên truyền cho một bên và do đó có tác dụng gây thêm nứt rạn và hận thù.

- Thứ hai là ức niệm tỳ ni (sati-vinaya). Ức niệm tức là nhớ lại. Trong buổi họp có sự hiện diện của cả hai phía tranh chấp, các đương sự phải hồi tưởng lại những gì đã thực sự xảy ra và tuần tự trình bày tất cả những điều đó theo trí nhớ của mình, với tất cả những chi tiết, và nếu có thì đưa ra những bằng chứng xác thực. Đại chúng sẽ im lặng lắng nghe hai bên để có đủ mọi dữ kiện mà thẩm sát vấn đề.

- Thứ ba là bất si tỳ ni (Amudha-vinaya). Bất si có nghĩa là không cứng đầu, không ngu dốt hoặc tâm trí không bình thường. Trong buổi họp mặt có sự hiện diện của cả hai phía tranh chấp, đại chúng trông chờ các đương sự bày tỏ thiện chí hòa giải của mình với tất cả khả năng của mình. Thái độ ngoan cố được xem như là một điểm tiêu cực căn bản. Trong trường hợp đương sự nêu lên lý do là vì mình ngu dốt không biết, hoặc vì mình tâm trí bất thường cho nên đã vô tình phạm vào quy luật thì đại chúng phải nương vào đó để giảm luật án cho đẹp lòng đôi bên.

- Thứ tư là tự ngôn tỳ ni (tatsvabhaisya-vinaya). Tự ngôn là tự mình nói ra, tự mình công nhận sự vô ý, sự vụng về hoặc sự yếu đuối của mình, không cần sự hạch hỏi của đối phương hay của đại chúng. Trong buổi họp mặt có sự hiện diện của cả hai phía tranh chấp, đại chúng trông đợi mỗi bên tự nói ra những nhược điểm của mình, dù là những điểm nhỏ nhặt nhất. Tự nhận lỗi mình

tức là khởi sự cho một cuộc xuống thang tranh chấp, điều này sẽ khuyến khích đối phương cũng làm như vậy, để cuối cùng thiện chí của cả hai bên sẽ đủ sức đưa tới hòa giải.

- Thứ năm là đa ngữ tỳ ni (pratijnakaraka-viaya). Đa ngữ là lấy biểu quyết bằng đa số. Sau khi đã nghe hết tất cả hai bên và đã chứng kiến nổ lực và thiện chí của hai bên, đại chúng sẽ biểu quyết bằng đa số.

- Thứ sáu là tội xứ sở tỳ ni (yadbhuyasikya-vinaya). Án lệnh tối hậu về tội tướng và cách thức hối cải được đưa ra để đại chúng quyết định bằng phương pháp bạch tứ yết ma (jnapticaturbin-karmavacana), nghĩa là phương pháp đọc lớn bản án và hỏi ba lần. Nếu trong ba lần này mà tất cả đều im lặng và không ai lên tiếng phản đối thì bản án lệnh có hiệu lực. Cố nhiên là các đương sự chỉ có thể tuân hành chứ không có quyền phản đối, bởi vì cả hai bên từ lúc bắt đầu đã phát nguyện tin tưởng vào phán quyết của đại tăng.

- Thứ bảy là thảo phú địa tỳ ni (trnastaraka-vinaya). Thảo phú địa nghĩa là rơm cỏ phủ lên đất sình lầy. Trong buổi họp mặt có sự hiện diện của cả hai phía tranh chấp, hai vị trưởng lão đức độ được chỉ định để bảo trợ cho hai phía. Các vị này thường được đại chúng tôn kính và nghe lời. Các ngài ngồi chăm chú nghe, rất ít nói, nhưng mỗi khi nói là có ảnh hưởng rất lớn. Tiếng nói của các vị trưởng lão này nhằm hàn gắn những vết thương, kêu gọi thiện chí hòa giải và tha thứ, cũng như phủ rơm cỏ lên trên mặt đất sình lầy để mọi người bước lên mà không bị lấm chân. Ca hai phía sẽ nghe lời các vị mà bỏ qua đi những điều không đáng kể, mất đi sự gay gắt, và đại chúng cũng đi đến một bản án lệnh nhẹ nhàng làm mát lòng cả hai bên.

Bảy phương pháp dập tắt tranh chấp được các vị đệ tử lớn đem trình lên Bụt. Bụt rất vui lòng. Người tỏ ý khen ngợi các thầy và đồng ý đưa bảy điều này vào giới luật.

Bụt ở lại tu viện Jetava trong sáu tháng nữa, sau đó người về Rajagaha.

Trên đường về, người đã ghé lại thăm cây bồ đề. Người cũng đã ghé lại xóm Hạ làng Uruvela để thăm mấy anh em Svastika. Svastika bây giờ đã thành một chàng trai cao lớn. Svastika đã hai mươi mốt tuổi.

Nhớ lời hứa năm xưa, Bụt đã ghé lại để độ chú, đưa chú về Rajagaha. Ở đây chú đã được xuất gia và đã được làm quen với chú Rahula.

Chương 49 - Con Hãy Học Hạnh Của Đất

Vị khất sĩ trẻ Svastika nghe hai thầy Assaji va Ananda kể về công trình hành đạo của Bụt trong mười năm qua một cách say mê. Ngồi với chú, có ni sư Gotami và chú Rahula.

Tuy đã biết và đã được chứng kiến nhiều việc xảy ra, nhưng chú Rahula cũng tỏ vẻ thích thú khi nghe các đại đức thuật lại. Thầy Ananda có trí nhớ rất dị thường, thầy đã nhắc rất nhiều chuyện mà thầy Assaji quên không nói tới.

Svastika cảm thấy một niềm biết ơn sâu xa đối với các thầy Assaji và Ananda, với ni sư Gotami và với chú Rahula.

Nếu không có bốn vị này làm sao chú được dịp nghe kể từng ấy chuyện về đời của Bụt.

Chú hy vọng từ đây về sau sẽ được thân cận Bụt để được sống và chứng kiến những gì xảy đến trong đời người và cũng để được học hỏi trực tiếp từ người.

Tuy xuất thân là một chú bé chăn trâu, Svastika cũng có đôi chút học thức và chữ nghĩa. Đây là nhờ công trình của chị Sujata con gái của ông hương cả trong làng Uruvela. Chị đã dạy Svastika từ năm chú mười một tuổi.

Mấy năm gần đây chú không được học với chị nữa, bởi vì chú đã lớn. Svastika được chị báo tin là chị sắp đi lấy chồng, và vì chồng chị cư trú ở Nadika, nên chị cũng sẽ rời bỏ Uruvela để về Nadika vào cuối năm nay.

Svastika lớn hơn Rahula tới ba tuổi, nhưng chú cảm thấy chú phải học rất nhiều điều từ chú Rahula. Phong cách của Rahula rất thanh tao, đã là dòng giống vương giả, Rahula lại được thực tập gần tám năm trời trong nếp sống tĩnh lặng và uy nghi cho nên so với Rahula, Svastika thấy mình còn thô tháo nhiều lắm.

Chú ý thức được điều đó nên chú hết sức cố gắng, thầy Sariputta đã giao cho Rahula chỉ bảo cho chú những phép tắc liên hệ tới việc mặc áo, ôm bát, đi, đứng, nằm, ngồi, đi vào thôn lạc, khất thực, ăn cơm, rửa bát, nghe pháp ... Có tất cả bốn mươi lăm điều mà chú phải học thuộc và làm theo. Những điều này gọi là uy nghi và tế hạnh. Vị xuất gia nào làm đúng theo những điều này thì tự khắc có phong thái uy nghi và trầm lặng của một vị khất sĩ.

Trên nguyên tắc, Svastika là một vị khất sĩ -bhikkhu- trong khi Rahula chỉ mới là một vị sa di -samanera-.

Đúng hai mươi tuổi, Rahula mới được thọ giới khất sĩ. Giới luật của sa di có mười điều: không sát sinh, không trộm cướp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không trang điểm, cài hoa và xức dầu thơm, không nằm và ngồi trên những giường ghế cao sang và rộng lớn, không ca vũ, không sử dụng tiền bạc, và không ăn sau giờ mặt trời đứng bóng. Bốn mươi lăm điều uy nghi và tế hạnh tuy thuộc về giới luật của một vị khất sĩ nhưng Rahula cũng phải học và hành trì, bởi vì Rahula đang tập sự để được thọ giới khất sĩ. Khất sĩ có tới một trăm hai mươi giới, trong đó có bốn mươi lăm điều uy nghi tế hạnh. Theo chú Rahula, nói thì số lượng các giới điều khất sĩ sẽ tăng lên với thời gian, và có ngày giới này có thể sẽ tăng lên hai trăm giới, hoặc hơn thế nữa.

Theo chú Rahula kể lại thì trong những năm đầu, các vị khất sĩ sống không cần giới luật gì hết mà trong giáo đoàn vẫn chẳng có vấn đề đáng tiếc nào xảy ra. Lễ xuất gia thật đơn giản: chỉ cần quỳ dưới chân Bụt hoặc dưới chân một vị khất sĩ để đọc lên ba câu Quay Về Nương Tựa là đã chính thức thành người xuất gia.

Bây giờ đây, xuất gia thì phải phát nguyện tiếp nhận và hành trì giới luật. Số lượng người xuất gia đã trở nên đông đảo. Đông đảo cho nên có những thành phần không tự mình cảnh giác được và phải cần đến những kỷ luật và phép tắc để chế ngự. Những phép tắc này gọi là giới và luật.

Chú Rahula kể rằng người phạm giới đầu tiên là thầy Sudina, và chính vì thầy Sundina mà Bụt khởi sự áp dụng việc hành trì giới luật. Thầy Sudina trước khi đi xuất gia đã có thành lập gia đình rồi, và lúc ấy còn cư trú tại làng Kalanda gần thành phố Vesali. Được nghe Bụt thuyết pháp ở giảng đường Trùng Các, Sudina xin đi xuất gia.

Một thời gian sau đó, thầy Sudina có dịp ghé về làng Kalanda. Gia đình thầy ngỏ ý muốn thỉnh thầy về thọ trai ngày mai. Thầy nhận lời. Ngày mai lại, sau khi thọ trai, thầy được gia đình yêu cầu hoàn tục để chăm lo sự nghiệp và cửa nhà. Thầy không bằng lòng. Gia đình than phiền rằng thầy là con một, thầy đi tu thì không còn ai nối dõi, và sản nghiệp sẽ rơi vào tay người khác. Gia đình thầy giàu có lắm. Cuối cùng mẹ thầy đề nghị nếu thầy cương quyết không hoàn tục thì ít nhất thầy cũng phải để lại một đứa con. Nể lời mẹ, và cũng vì lý do giáo đoàn chưa có pháp chế giới luật, thầy nhận lời. Mẹ thầy sau đó sắp đặt để cho thầy gặp lại người vợ cũ. Cuộc gặp gỡ này xảy ra trong rừng Mahavana.

Sau đó, người vợ cũ của thầy có thai. Đứa con trai sinh ra được ông bà nội đặt tên là Bijaka, có nghĩa là hạt giống. Rồi sau đó thầy Sudina vị các bạn gọi đùa là “Ba của Hạt Giống”. Bắt đầu có sự dèm pha trong quần chúng. Việc này tới tai Bụt. Người triệu tập các vị khất sĩ lại, thầy Sudina bị Bụt khiển trách. Giới luật được chế tác bắt đầu từ đó. Mỗi khi có một vị khất sĩ làm một việc gì trái với tinh thần của đạo lý giác ngộ và giải thoát thì giáo đoàn lại được tập họp và một điều luật mới được ghi vào giới bản. Giới bản này được gọi là Patimokkha.

Ngày Svastika thọ giới, giới bản đã lên tới một trăm hai chục điều. Bốn giới đầu là bốn giới căn bản, phạm vào một trong bốn điều là tự động mất giới thể, không còn được công nhận là một vị khất sĩ nữa. Nếu phạm vào những điều khác thì còn có thể sám hối.

Bốn giới đầu gọi là trọng giới: không dâm dục, không trộm cướp, không sát hại, không tuyên bố mình có thực chứng đạo quả khi mình chưa có thực chứng đạo quả. Bốn giới này gọi là bốn giới parajika: vị khất sĩ nào phạm vào thì không còn là một vị khất sĩ nữa, cũng như khi một cây cau bị chặt ngọn thì không thể nào mọc lên lại được.

Chú Rahula cho biết là Bụt dạy chú rất nghiêm, dù chú biết Bụt thương chú lắm. Từ năm chú mười ba tuổi, chú đã xin được ăn uống theo các thầy khất sĩ, nghĩa là không ăn sau giờ mặt trời đứng bóng nữa. Hồi chú mười một tuổi, có một lần chú đã lỡ nói dối với đại đức Sariputta. Chú đã nói dối chỉ vì sợ thầy Sariputta mắng về một vụ ham chơi thôi, nhưng rốt cuộc vì nói dối một lần mà phải nói dối liên tiếp tới bốn lần, sợ tội nói dối lòi ra, nhưng rốt cuộc thì vụ nói dối cũng lòi ra như thường, Bụt hay được chuyện này và Bụt đã dạy dỗ chú thật kỹ lưỡng về vấn đề nói dối.

Hồi ấy Bụt ở tịnh xá Trúc Lâm, và hai thầy trò Sariputta thì ở lại vườn Ambalatthika, Rahula thấy Bụt tới liền đi bắc ghế cho Bụt ngồi và lấy thau đi múc nước cho Bụt rửa chân. Trong khi Bụt rửa chân Rahula được thầy Sariputta cho phép ngồi xuống một bên thầy, gần Bụt.

Rửa chân xong, Bụt đổ nước đi, nhưng người còn giữ lại một ít nước trong chậu, rồi người nhìn Rahula hỏi:

- Này Rahula, nước trong chậu nhiều hay ít?

- Lạy Bụt, nước trong chậu còn rất ít.

- Con nên biết đó, Rahula. Những người nói dối thì căn lành không còn lại bao nhiêu, ít như nước trong chậu này.

Rahula nín thinh. Bụt lại đổ hết nước trong chậu đi và hỏi:

- Rahula, con có thấy ta đã đổ hết nước trong chậu đi rồi không?

- Con có thấy.

- Đối với những người tiếp tục nói dối, thì thiện căn sẽ mất hết như chiếc chậu không có nước này.

Bụt lật úp chậu lại. Người hỏi:

- Rahula, con có thấy cái chậu bị úp lại không?

- Lạy Bụt, con có thấy.

- Nếu ta không tu tập chánh ngữ, nhân cách ta cũng sẽ bị đảo lộn như cái chậu này.

Bụt nói:

- Rahula, cho nên không nên bao giờ nói dối, dù là để đùa cợt. Con có biết một tấm gương là để dùng làm gì không?

- Lạy Bụt, tấm gương dùng để soi mặt mình.

- Cũng vậy đó Rahula, con phải quán sát hành động, tư tưởng và lời nói của con như người soi gương vậy.

Nghe Rahula kể, chú Svastika ý thức được tầm quan trọng của hạnh nói năng chân thực. Chú nhớ hồi bé chú đã từng nói dối bố, và mẹ, và có một lần chú đã nói dối với chị Sujata, nhưng may mắn làm sao, chú chưa từng nói dối Bụt lần nào. Chú có cảm tưởng không thể nói dối Bụt được. Nói dối Bụt thì thế nào người cũng biết. Chú thầm nghĩ: "ta phải dứt khoát từ bỏ lời nói không chân thực, không những ta không được nói dối Bụt, ta cũng không được nói dối với bất cứ ai, dù người đó là một em bé. Có như thế ta mới chuộc được lỗi lầm hồi ta còn ấu thơ. Có như thế ta mới đền đáp được ơn đức của Bụt, với lại đã thọ giới rồi thì phải hành trì giới cho thật nghiêm chỉnh."

Mỗi tháng hai lần vào ngày trăng tròn và ngày trăng mới, tất cả các vị khất sĩ tập họp để bố tát và tụng giới. Các giới điều đề được tuyên đọc, và đại chúng được hỏi có vi phạm các giới ấy hay

không. Nếu đại chúng giữ im lặng tức là không có ai vi phạm, nếu có ai vi phạm thì vị ấy đứng dậy phát lộ để sám hối. Trừ những lỗi parajika mà người phạm vào thì tự động bị tản xuất, những lỗi khác đều có thể sám hối được.

Có nhiều hôm Svastika cũng được đi khất thực trong đoàn của Bụt, có cả Rahula và đại đức Sariputta.

Mùa an cư ấy Bụt lại cư trú ở Ekanala, một khu đồi núi về phía Nam thủ đô Rajagaha.

Một buổi sáng, đi khất thực ngang qua cánh đồng ở làng Ekanala, Bụt và các vị khất sĩ bị một nông dân chận đường.

Nông dân này tên là Bharadvaja, ông là một nhà triệu phú, ông có hàng ngàn mẫu ruộng, đây là mùa cày ruộng, ông đang đốc thúc dân cày đi cày. Có hàng trăm trăm người đang cày ruộng cho ông trong ngày hôm đó. Chận đường Bụt và các vị khất sĩ, ông nói:

- Chúng tôi là nông dân, chúng tôi phải cày sâu cuốc bẫm, bỏ phân, chăm bón và gặt hái mới có được gạo ăn, còn các vị không làm gì cả, không sản xuất gì hết mà các vị cũng ăn. Các vị không có ích lợi gì cho đời cả. Các vị không cày, không cuốc, không gieo trồng, không bỏ phân, không chăm bón, không gặt hái ...

Bụt bảo Bharadvaja:

- Có chứ, chúng tôi cũng có cày, cuốc, gieo trồng, bỏ phân chăm bón và gặt hái.

- Cày của quý vị đâu, cuốc của quý vị đâu, bò của các vị đâu, hạt giống của các vị đâu? Các vị chăm bón cái gì, săn sóc cái gì, gặt hái cái gì?

Bụt nói:

- Hạt giống của chúng tôi là niềm tin. Đất của chúng tôi là chân tâm. Cày của chúng tôi là chánh niệm. Bò của chúng tôi là sự tinh tiến. Mùa màng của chúng tôi là sự hiểu biết và thương yêu. Điền chủ! Nếu không có niềm tin, sự hiểu biết và lòng thương yêu thì cuộc đời sẽ khô cằn và đau khổ lắm. Chúng tôi cũng gieo trồng và cũng gặt hái như điền chủ.

Vị chủ ruộng Bhadvaja rất thích thú được nghe lời Bụt nói. Ông truyền gia nhân đem thức ăn trưa dành cho ông ta tới để cúng dường Bụt. Thức ăn là cơm gạo thơm nấu với sữa. Bụt từ chối. Người nói:

- Tôi thuyết pháp không phải với mục đích là được cúng dường. Các vị khất sĩ không đổi giáo pháp với phẩm vật cúng dường. Nếu điền chủ muốn cúng dường, xin để đến một hôm khác.

Vị điền chủ rất cảm phục. Ông lạy xuống và xin được quy y với Bụt.

Được chứng kiến cuộc gặp gỡ này giữa Bụt và ông chủ ruộng Bharadvaja, Svastika thấy rằng nếu được thân cận Bụt chú sẽ học hỏi được rất nhiều, và chú rất mong được đi theo Bụt suốt đời. Chú biết rằng có cả hàng ngàn vị khất sĩ tuy là học trò của Bụt mà không được thân cận Bụt như chú, như Rahula và các thầy phụ tá Bụt như Sariputta, Moggallana và Anaruddha.

Sau mùa an cư, Bụt lại đi hành hóa về phương Tây Bắc, và cuối mùa thu năm ấy Bụt tới Savatthi. Một buổi sáng, trong khi cầm bát đi khất thực sau lưng Bụt, Rahula đánh mất chánh

niệm. Tuy vẫn đi như mọi người, tâm chú lại nghĩ đến chuyện khác. Chú nhìn Bụt phía trước và tự hỏi ngày xưa Bụt không đi tu thì không biết bây giờ Bụt đang làm gì và mình đang làm gì. Chú đã nghe kể lại là khi Bụt mới sinh, có ông thầy Bà-la-môn tiên đoán rằng khi lớn lên Bụt sẽ đi tu và nếu không đi tu thì sẽ trở nên một vị chuyển luân thánh vương, nghĩa là một vị vua có quyền hạn trên tất cả các vị vua trên hoàn vũ. Đời sống của một vị chuyển luân thánh vương ra sao, và nếu Bụt bây giờ làm chuyển luân thánh vương thì chú đang làm gì? Trí óc vơ vẩn nghĩ như thế, bước chân, hơi thở và dáng đi của chú cũng không còn an trú trong uy nghi nữa. Lạ quá, Bụt đi phía trước mà người cảm thấy được những điều đó. Bụt biết là chú mất chánh niệm, người dừng bước và quay trở lại. Tất cả các vị khất sĩ cũng dừng bước, Bụt bảo Rahula:

- Này Rahula, con có theo dõi hơi thở và duy trì chánh niệm không?

Rahula cúi đầu im lặng.

Bụt dạy:

- Muốn an trú trong chánh niệm thì phải duy trì hơi thở có ý thức. Trong khi đi khất thực, ta phải thực tập thiền quán. Ta có thể quán sát về tính cách vô thường và vô ngã của những yếu tố tạo nên muôn loại. Những yếu tố đó là sắc, thân, cảm thọ, tri giác, tâm ý và nhận thức. Nếu ta duy trì hơi thở có ý thức thì ta có thể tiếp tục việc thiền quán ngay trong khi ta đi khất thực, và ta sẽ không bị rơi vào tình trạng thất niệm.

Nói xong, Bụt quay lại và tiếp tục đi. Được sách tấn, tất cả mọi người đều nắm lấy hơi thở và duy trì chánh niệm.

Nhưng một lúc sau đó, Rahula tách ra khỏi hàng ngũ các vị khất sĩ, chú tìm đến một cụm rừng bên đường và ngồi xuống dưới một gốc cây.

Thấy thế, Svastika cũng rời hàng ngũ và đi theo Rahula. Thấy chú tới gần, Rahula nói:

- Chú cứ đi khất thực với các thầy đi. Tôi không có tâm nào mà đi khất thực nữa. Tôi mới bị Bụt rầy la trước đại chúng là đánh mất chánh niệm. Tôi phải dành cả ngày hôm nay để thực tập thiền quán. Tôi xấu hổ lắm.

Biết không làm gì hơn được, Svastika từ giã Rahula và trở lại nhập đoàn với các vị khất sĩ.

Trên đường về đại đức Sariputta đã cùng Svastika ghé lại cụm rừng để đón Rahula về tu viện. Svastika chia xẻ phần ăn của mình xin được vào bát của Rahula. Sau giờ thọ trai, thầy Sariputta bảo Rahula đi gặp Bụt. Svastika xin được đi theo:

Biết tâm ý của Rahula đã đến lúc có thể tiếp nhận giáo lý giải thoát. Bụt dạy:

- Này Rahula, con học theo hạnh của đất. Dù người ta đổ và rải lên những thứ tinh sạch và đẹp đẽ như hoa, nước thơm, sữa thơm, hoặc người ta đổ lên đất những thứ dơ dáy hôi hám như phân, nước tiểu và máu mủ, hoặc người ta khạc nhổ xuống đất thì đất cũng tiếp nhận tất cả những thứ ấy một cách thản nhiên, không vui vẻ mừng rỡ mà cũng không chán ghét tủi nhục. Cũng như thế, khi những cảm thọ khoái lạc hoặc buồn khổ phát sinh, con đừng để cho chúng làm nhiễu loạn tâm con và chiếm cứ lòng con.

Con hãy học theo hạnh của nước. Khi người ta giặt rửa những thứ dơ bẩn trong nước, nước

cũng không vì thế mà cảm thấy tủi nhục, buồn khổ và chán chường. Con lại nên học hạnh của lửa. Lửa đốt cháy mọi thứ, kể cả những thứ dơ bẩn, vậy mà lửa cũng không vì thế mà cảm thấy tủi nhục, buồn khổ và chán chường. Con lại cũng nên học hạnh của không khí. Không khí thổi đi các thứ mùi, mà vẫn không cảm thấy tủi nhục, buồn khổ và chán chường.

Rahula, con hãy tu tập lòng Từ để đối trị giận hờn. Lòng Từ là lòng thương yêu được thực hiện bằng cách đem lại niềm vui cho kẻ khác. Từ là thứ tình thương không có điều kiện và không chờ đợi sự đền trả.

Con hãy tu tập lòng Bi để đối trị tàn ác. Lòng Bi là lòng thương yêu được thực hiện bằng cách làm vơi đi sự khổ đau nơi người khác. Bi cũng là thứ tình thương không có điều kiện và cũng không chờ đợi sự đền trả. Con lại phải tu tập lòng Hỷ để đối trị ganh ghét. Lòng Hỷ là lòng vui phát sinh từ khả năng vui theo cái vui của người khác và niềm ước ao làm sao cho kẻ khác được an vui, mong cho kẻ khác được thành công và hạnh phúc. Con lại nên tu tập lòng Xả để đối trị kỳ thị và vướng mắc. Lòng Xả là tâm niệm thanh thoát và cởi mở đạt được do sự nhận thức về tính cách tương quan bình đẳng giữa mọi loài; cái nầy như thế nầy vì cái kia như thế kia, mình và người không phải là hai thực thể riêng biệt, không nên ghét bỏ cái này để đi nắm bắt một cái khác.

Rahula, Từ, Bi, Hỷ và Xả là bốn tâm tư lớn, rộng rãi không có bờ bến và cũng đẹp đẽ không cùng, đó gọi là Tứ Vô Lượng Tâm. Tu tập theo phép này thì mình trở nên một nguồn suối mát đem lại sinh lực và niềm vui cho tất cả vũ trụ.

Rahula, con lại phải quán chiếu về vô thường để phá trừ ảo tưởng về cái "ta". Con phải quán chiếu về tính sinh diệt và thành hoại của thân thể để hiểu sâu về sống chết và để thoát ly tham dục, và nhất là con phải tập quán niệm hơi thở. Quán niệm hơi thở sẽ đem lại nhiều thành quả lợi lạc lớn.

Ngồi kề Rahula, được nghe tất cả những điều Bụt dạy, Svastika sung sướng vô cùng. Đây là lần đầu tiên chú được nghe những lời thâm sâu như vậy trực tiếp từ miệng Bụt. Chú đã học thuộc lòng trên mười kinh, trong đó có những kinh căn bản như Kinh Chuyển Pháp Luân và Kinh Vô Ngã Tướng mà Bụt nói ở vườn Nai Isipatana, nhưng chú chưa thấy thấm thía mùi vị đạo của đại pháp như hôm nay. Có lẽ vì những kinh đó chú không được nghe trực tiếp từ miệng Bụt. Kinh đầu tiên mà chú nghe trực tiếp từ miệng Bụt là Kinh Chăn Trâu, chú đã thuộc lòng, nhưng hồi Bụt nói kinh ấy, chú còn đang mới quá, tâm trí chưa đủ chín chắn để cảm nhận lấy tất cả những cái hay. Chú tự hẹn là những lúc rãnh rỗi chú sẽ ôn tụng lại các kinh đó bằng nhận thức mới của mình để có thể thâm nhập được nghĩa lý sâu xa trong ấy.

Suy nghĩ tới đó thì Svastika lại nghe tiếng Bụt cất lên. Bụt bắt đầu dạy Rahula về phương pháp thở. Svastika và Rahula đã từng học phép quán niệm hơi thở rồi và cũng đã thực tập, nhưng đây là lần đầu hai người được Bụt dạy trực tiếp về phép tu này. Bụt dạy rằng tác dụng đầu tiên của hơi thở có ý thức là chấm dứt tạp niệm và phát khởi chánh niệm. Mỗi khi thở vào ta biết là đang thở vào, mỗi khi thở ra, ta biết rằng ta đang thở ra, đó là hơi thở có ý thức. Trong lúc thở như thế ta để tâm nơi hơi thở và chỉ để tâm nơi hơi thở mà thôi. Làm như vậy lập tức ta chấm dứt ngay được những tạp niệm, nghĩa là chấm dứt những suy nghĩ viễn vông, những suy nghĩ đã không ích lợi mà còn làm cho tâm ta loạn động. Một khi những tạp niệm được cắt đứt thì tâm ta an trú trong chánh niệm. Ta biết ta đang thở, ta biết ta đang tỉnh thức, ta không bị tạp niệm bao vây và dẫn dắt. Chỉ cần một hơi thở thôi, ta đã có thể thiết lập trạng thái tỉnh thức trong ta.

Trạng thái tỉnh thức ấy là chất Bụt sẵn có trong mọi người.

Bụt dạy: "thở một hơi dài mình biết là mình thở một hơi dài, thở một hơi ngắn mình biết là mình thở một hơi ngắn. Như vậy có nghĩa là mình ý thức được trọn vẹn hơi thở của mình. Duy trì ý thức và hơi thở, ta thiết lập được định tâm. Lúc bấy giờ ta mới nương theo hơi thở để quán chiếu thân thể ta, cảm giác ta, tâm ý ta và mọi sự vật trong ta và ngoài ta. Các sự vật ấy gọi là các pháp (sarvadharma).

Svastika tin chắc rằng sau buổi giảng này, chú sẽ thành công rất dễ dàng trong việc thực tập quán niệm về hơi thở.

Bụt đã tận tình dạy chú và dạy Rahula: lời dạy của người rất đơn giản mà cũng rất sâu sắc.

Sau khi lạy tạ Bụt, chú và Rahula cùng rủ nhau ra bờ hồ.

Hai người lặp lại với nhau những lời Bụt dạy để cùng ghi nhớ cho kỹ mà thực tập.

Chương 50 - Một Vóc Cám Rang

Mùa an cư năm sau, Bụt cư trú ở Vejanra. Khóa an cư năm đó có tất cả là năm trăm thầy tham dự. Hai đại đức lớn là Sariputta và Moggallana làm phụ tá cho Bụt trong khóa an cư này.

Vào giữa mùa an cư, trời rất nóng, không muốn ở trong tịnh xá của người nữa, suốt ngày Bụt ra ngồi dưới cây nimba cành lá xanh tốt che mát cả một vùng. Bụt thọ trai, nói pháp thoại, ngồi thiền và trải chiếu nằm ngủ ngay dưới gốc cây này. Vào tháng thứ ba của mùa an cư, các vị khất sĩ than thở với nhau là thức ăn xin được mỗi ngày càng lúc càng hiếm. Có nhiều thầy đi khất thực về với chiếc bát không.

Hỏi thăm, Bụt biết rằng năm nay ở đây mất mùa, và kho lúa dự trữ của chính quyền địa phương sắp cạn. Dân chúng địa phương đói và chính quyền phải phát thẻ cứu trợ thực phẩm. Dân chúng không có ăn thì làm gì có để cúng dường. Số lượng năm trăm vị khất sĩ là một số lượng lớn quá, chính Bụt cũng có hôm phải mang bát không về. Có nhiều hôm người chỉ sống bằng nước trong và hơi thở. Nhiều vị khất sĩ thiếu ăn ốm đi trông thấy. Đại đức Moggallana đề nghị với Bụt là giáo đoàn nên di cư về Uttarakuru ở miền Nam để tiếp tục mùa an cư vì ở đó không có nạn đói.

Bụt không chấp nhận. Người nói:

- Không nên làm thế, Moggallana. Có phải chỉ có một mình mình đói mà thôi đâu. Cả dân chúng đều đói, chỉ trừ những nhà giàu, nếu ta vì đói mà bỏ đi thì ta không chia xẻ được những khó khăn và thông cảm được với dân chúng ở đây. Moggallana, chúng ta nên ở lại đây cho đến hết mùa an cư.

Người thỉnh Bụt về Vejanra an cư là một thí chủ Bà-la-môn giàu có đã từng được nghe Bụt thuyết pháp, tên là Agnidatta, nhưng ông này bận rộn với việc đi đây đi đó để buôn bán cho nên không thấy được tình trạng của giáo đoàn. Một hôm đại đức Moggallana chỉ cho Bụt thấy một vùng cây cỏ xanh tươi gần nơi trung tâm tu học và thưa với Bụt:

- Lạy thầy, con nghĩ là nếu cây cối xanh tốt như vậy là vì ở dưới đất có nhiều chất dinh dưỡng. Con xin đề nghị là chúng ta lật đất lên, lấy phần đất mềm và bổ dưỡng ở dưới, hòa tan trong nước và uống lấy nước ấy cho có chất bổ dưỡng.

Bụt đáp:

- Không nên làm như thế, Moggallana. Hồi tu ở núi Dangsitri, tôi cũng đã có làm như thế mà không thấy có công hiệu gì. Với lại có bao nhiêu sinh vật đang sống bình an dưới mặt đất, không bị sức nóng và ánh sáng mặt trời làm khô chết. Nếu ta lật đất lại thì biết bao nhiêu loài sẽ bị hy sinh, trong đó kể cả các loại cây cỏ đang tốt tươi.

Nghe Bụt nói thế, thầy Mogallana im lặng không dám nói nữa.

Theo thường lệ thì khi đi khất thực về, các thầy chia bớt phần mình xin được vào những chiếc chậu đặt ở giữa trai đường để những vị nào không xin được có thể đến lấy, nhưng cả mươi hôm nay chẳng có hôm nào Svastika thấy được một chiếc bánh chapati hay một hạt cơm trong các chậu đó. Lý do là nếu thầy nào xin được một ít thức ăn thì thức ăn ấy cũng không đủ cho thầy ấy

sử dụng, nói gì đến chuyện chia xẻ. Rahula có tâm sự với Svastika là khi đi khất thực về, các thầy lớn có cơ hội được cúng dường hơn là các thầy nhỏ. Svastika cũng đồng ý như vậy. Svastika nói với bạn:

- Không hiểu tại sao độ rày vừa thọ trai xong thì một lát sau đã thấy đói. Từ trước đến giờ có bao giờ chú thấy như thế không?

Rahula công nhận Svastika nói đúng. Chú nghĩ có lẽ thời buổi đói kém nó sinh ra như vậy. Rahula đang vào tuổi lớn. Ăn đủ mà nhiều đêm còn thấy đói, huống hồ bây giờ có ngày chẳng có hạt cơm hay một trái ổi để vào trong bụng.

Một hôm, sau khi đi khất thực về, đại đức Ananda đi kiếm một cái om đất, rồi bắc om lên trên một cái bếp ngoài trời. Cái bếp được dựng bằng ba cục đá. Đại đức nhặt các cành củi khô và loay hoay nhóm lửa.

Thấy lạ, chú Svastika tới gần. Chú nói:

- Thầy để con nhúm bếp cho.

Svastika nhúm bếp tài hơn thầy Ananda nhiều. Trong chốc lát, lửa đã cháy bùng lên. Đại đức Ananda trịnh trọng lấy bát ra. Trong bát có một thứ gì giống như mạt cưa. Thầy đổ tất cả vào trong chiếc om đất. Thầy nói với Svastika:

- Đây là cám. Chúng ta rang cám này cho thơm rồi đem dâng cho Bụt thay cơm trưa.

Trong khi Svastika dùng hai que củi nhỏ để trộn cám trong nồi rang, đại đức Ananda kể cho chú nghe rằng có một người lái buôn ngựa từ miền Bắc xuống đem theo năm trăm con ngựa. Hiện ông ta đang ở Vejanra. Ông ta đã có dịp làm quen với các vị khất sĩ áo vàng, ông ta biết về tình trạng đói kém ở đây và biết rằng các vị khất sĩ cũng đang đói.

Sáng hôm nay, ông gặp đại đức Ananda ở cổng chuồng ngựa. Ông ta nhắn với đại đức là hôm nào không xin được thức ăn cúng dường, các vị có thể ghé chuồng ngựa và mỗi vị sẽ nhận lãnh vào bát một vóc cám để ăn chỡ đói. Nghe nói thế, đại đức Ananda liền ngõ ý là ông có thể cúng dường cho Bụt và cho thầy hai phần cám để ăn cho đỡ đói, bởi vì hôm nay chưa có ai đặt thức ăn vào bát thầy. Người chủ ngựa đưa thầy vào và vốc hai vốc cám cúng dường, một vốc cho Bụt và một vốc cho thầy. Thầy hứa sẽ báo tin mừng này cho các vị khất sĩ biết và thầy có ý định đem rang cám này lên cho thơm trước khi dâng Bụt.

Cám đã thơm, thầy Ananda trút cám trở lại vào bát. Thầy rủ Svastika đi với thầy về phía cây nimba. Thầy dâng cám lên Bụt, Bụt hỏi thầy và Svastika có gì ăn chưa. Svastika bạch là sáng nay chú đã xin được hai củ khoai nhỏ. Thầy Ananda nói là thầy đã có phần cám của thầy. Bụt bảo hai người ngồi xuống bên người. Cả hai vâng lệnh. Họ ngồi xuống, trang nghiêm mở nắp bình bát ra. Svastika cầm của khoai trên tay, quán niệm, rồi chú ngửng đầu lên, Bụt đang bốc cám trong tay và ăn ngon lành. Chú nhìn mà muốn ứa nước mắt.

Sau buổi pháp thoại chiều hôm đó, đại đức Ananda báo tin cho đại chúng biết về lời nguyện cúng dường cám của người chủ ngựa. Thầy thêm là chỉ khi nào hoàn toàn không xin được thức ăn, các vị khất sĩ mới nên ghé tới chuồng ngựa. Thầy nói có cả thảy năm trăm con ngựa, và số lượng cám được cúng dường sẽ được lấy bớt ra từ phần ăn của ngựa.

Đêm nay có trăng, đại đức Sariputta đến thăm Bụt dưới cây nimba. Thầy được Bụt mời ngồi trên một tọa cụ gần đấy, thầy hỏi Bụt:

- Thế tôn, đạo lý thức tỉnh mà Thế Tôn dạy thật là mầu nhiệm. Đạo lý này chuyển đổi cả sự sống của những ai được có cơ hội nghe, hiểu và làm theo. Thế Tôn! Làm thế nào để đạo lý này được tiếp nối sau khi người đã trăm tuổi.

- Sariputta, nếu các vị khất sĩ thông hiểu kinh kệ thực hành theo những pháp môn được chỉ dẫn trong các kinh kệ đó và nhất là biết chấp hành giới luật cho nghiêm chỉnh thì đạo lý giác ngộ có thể tiếp nối nhiều trăm năm, có thể là cả ngàn năm về sau.

- Thế Tôn, con thấy số lượng các huynh đệ thông thuộc kinh điển rất đông và hầu hết đều chuyên cần ôn tụng kinh kệ. Con nghĩ rằng nếu thế hệ người xuất gia tiếp tục học hỏi và trì tụng đều đều như thế thì giáo huấn của Bụt có thể truyền về rất xa trong tương lai.

- Nhưng truyền tụng kinh điển chưa đủ. Cần phải thực tập theo các pháp môn chỉ bày trong kinh điển nữa, và nhất là phải nghiêm trì giới luật. Này Sariputta, nếu các vị khất sĩ không nghiêm trì giới luật thì chánh pháp sẽ không được trường tồn. Chánh pháp sẽ mai một rất sớm.

- Vậy con xin thỉnh cầu Bụt thiết chế và ban hành giới luật để làm mẫu mực ngàn đời cho nếp sống xuất gia.

- Chưa được đâu, Sariputta. Giới luật không thể được thiết chế đầy đủ trong một ngày và từ một người. Vào những năm đầu của giáo đoàn, chúng ta chưa có một giới luật nào hết, nhưng từ từ vì những vụng dại và lỗi lầm của các phần tử trong giáo đoàn mà một số các giới điều đã được thiết chế nên. Số lượng các điều, như thầy biết, hiện đã lên tới trên một trăm hai mươi khoản. Số lượng này sẽ tăng lên nữa với thời gian. Những giới chưa thiết chế mình không thể thiết chế trước được. Bây giờ đây chúng ta biết là các điều khoản giới luật vẫn chưa đầy đủ, và vì vậy chúng ta sẽ phải đợi một thời gian. Khi thấy các giới điều đã đầy đủ, lúc đó chúng ta sẽ ban hành giới luật cụ túc. Sariputta, số lượng các giới điều, theo tôi thấy sẽ lên tới ít nhất là hai trăm.

Ngày tự tứ đã tới, vị thí chủ giàu có bảo trợ cho mùa an cư đã từ phương xa trở về. Nghe nói các vị khất sĩ nhiều người bị đói trong mùa an cư, ông ta rất lấy làm hối hận. Ông tổ chức một buổi trai tăng thật long trọng tại nhà. Sau khi cúng dường cơm nước, ông còn cúng dường cho Bụt và các vị khất sĩ mỗi người một áo ca sa. Sau buổi thuyết pháp, Bụt và các vị khất sĩ từ giã ông và đi về miền Nam.

Con đường về miền Nam thật đẹp. Bụt và đoàn khất sĩ đi thành từng chặng. Ngày đi, đêm nghỉ, buổi sáng thiền tọa trước giờ khất thực. Trưa thọ trai và nghỉ trong rừng. Buổi chiều tiếp tục đi. Gặp những nơi cần giáo hoá, Bụt và các vị khất sĩ ở lại nhiều hôm. Buổi tối các thầy học hỏi và ôn tụng kinh điển trước giờ tọa thiền. Sau thiền tọa là nghỉ ngơi.

Một buổi chiều nọ, Svastika gặp trên đường đi mấy em bé chăn trâu đang lùa trâu về. Chú dừng lại để nói chuyện. Svastika nghĩ đến thời niên thiếu của mình. Đột nhiên chú nhớ tới các em chú quá. Chú nhờ thằng Rupak, chú nhớ con Bala, và nhất là chú nhớ con Bhima, em út của chú. Niềm nhớ quặn lên trong lòng chú. Chú không biết rõ là đã đi tu thì còn có quyền nghĩ tới gia đình của mình hay không. Chú định một hôm nào hỏi Bụt hoặc là hỏi thầy Ananda. Theo chú biết thì chú Rahula có nhiều lúc cũng nhớ mẹ lắm. Chính Rahula đã tâm sự với chú như vậy.

Tuy đã hai mươi tuổi, Svastika vẫn còn cảm thấy gần gũi với bọn trẻ, hơn là với người lớn. Chú ưa quấn quít bên cạnh Rahula. Rahula cũng cảm thấy thoải mái khi gần gũi chú. Hai người đã có dịp tâm sự. Chú đã từng kể cho Rahula nghe về cuộc đời mình như một em bé chăn trâu. Rahula chưa bao giờ từng được ngồi trên một con trâu. Nghe nói con trâu hiền lắm, Rahula vẫn chưa tin được. Chú nói với Rahula rằng con trâu là một con vật thuộc loại hiền nhất trong các loài động vật, dù hình tướng của nó to lớn có thể làm cho nít ở thành phố e ngại. Chú nói đã nhiều lần chú ngầm ngửa thoải mái trên lưng trâu trên con đường từ bên sông về nhà. Trong khi chú nhìn trời xanh, mây trắng và đàn chim bay lượn, thì con trâu cứ chầm chậm đưa chủ về nhà; các con trâu khác đều đi theo một cách ngoan ngoãn. Có khi nằm ngửa trên mình trâu, chú còn thổi sáo nữa. Lưng trâu rất ấm và cũng rất êm. Chú lại kể về những trò chơi chú từng chơi chung với bọn trẻ giữ trâu trong xóm. Rahula nghe chú kể rất lấy làm ưa thích.

Rahula đã ở trong cung điện trong suốt thời gian ấy, và Rahula đã có bao giờ được chơi đùa theo cách đó đâu. Rahula đã từng ngõ ý muốn được ngồi trên lưng trâu một phen. Svastika hứa là sẽ tìm cách giúp cho Rahula toại nguyện. Chính Svastika mà cũng con muốn trở về ngồi trên lưng trâu, huống chi là Rahula. Nhưng tình thế khó khăn lắm, đã làm khất sĩ mà còn muốn chơi đùa ngồi trên lưng trâu như bọn mục đồng, điều này không dễ. Svastika tính thầm là có dịp đi hành hóa gần quê nhà, chú sẽ xin Bụt cho chú ghé về thăm các em, rồi chú cũng sẽ xin Bụt cho phép Rahula cùng đi với chú. Rahula đã từng gặp các em của chú rồi. Về thăm các em, chú sẽ bảo Rupak tập cho Rahula cỡi trâu trên bờ ruộng, gần dòng Neranjara. Ở đấy vắng vẻ không có ai nhìn đến; chú cũng sẽ cởi áo khất sĩ và cũng cỡi trâu như ngày xưa. Ít nhất là trong một buổi chiều.

Mùa an cư năm tới, Bụt cư trú trên núi đá Calika. Đây là Hạ thứ mười ba kể từ ngày Bụt thành đạo. Năm nay thầy Meghiga được làm thị giả cho Bụt. Một hôm thầy Meghiga thú thật với Bụt là là có khi ngồi một mình trong rừng vắng, thầy thấy những tư tưởng tạp loạn và ái dục nổi dậy trong tâm. Thầy thường nhớ Bụt dạy là vị khất sĩ phải biết sống một mình để có thì giờ và cơ hội mà thực tập thiền quán, nhưng khi ở một mình thầy lại gặp những chướng ngại khác trổi dậy từ trong tâm.

Bụt dạy thầy rằng biết sống một mình không có nghĩa là sống không có bạn đạo. Gần gũi bạn bè mà chỉ để chuyện trò phù phiếm, điều ấy không có lợi cho sự tu tập và làm mất hết thì giờ, nhưng gần gũi bạn hữu để nâng đỡ và chỉ dẫn nhau trong việc thực tập là một điều cần thiết. Vị khất sĩ nên sống trong một đoàn thể, để được nâng đỡ và khuyến khích, đó là ý nghĩa của những tiếng quay về nương tựa Tăng (Sangham saranam gacchami).

Bụt dạy đại đức Meghiga:

- Người khất sĩ cần hội đủ năm điều kiện. Thứ nhất là có thiện hữu trí thức, tức là những bạn đồng tu có trí tuệ và đạo hạnh đủ để hướng dẫn mình. Thứ hai là phải có giới luật để giúp mình an trú trong chánh niệm. Thứ ba là phải có cơ hội học hỏi giáo pháp. Thứ tư là phải chuyên cần. Thứ năm phải có sự hiểu biết. Bốn điều kiện sau cũng có liên hệ nhiều tới điều kiện thứ nhất là có thiện hữu trí thức. Meghiga, muốn điều phục ái dục, sân hận và si mê, thầy phải thường xuyên thực tập cửu tưởng quán, từ bi quán, vô thường quán và tùy tức quán. Bốn phép quán này có công năng đưa đến giải thoát và giác ngộ.

Cửu tưởng quán là quán chiếu về quá trình tàn hoại của cơ thể, thấy được quá trình hủy diệt của một thân thể từ khi tắt thở cho đến khi xương cốt tan thành tro bụi. Quá trình này có cả thảy là

chín giai đoạn, cho nên gọi là cửu tưởng quán. Cửu tưởng quán có thể giúp ta đối trị ái dục.

Từ bi quán là quán chiếu về những nguyên nhân đã đưa tới tâm niệm giận dữ của mình, trong đó có những nguyên nhân thuộc tâm lý của mình, và những nguyên nhân xa gần đã khiến người khác nói năng và hành động thế nào để mình nổi cơn giận dữ. Từ bi quán giúp ta đối trị sân hận.

Vô thường quán là quán chiếu quá trình sinh diệt của vạn pháp; phép quán này có công năng diệt trừ si mê. Tùy tức quán là theo dõi hơi thở và nuôi dưỡng chánh niệm; phép quán này có công năng đối trị loạn tâm.

Nếu thầy thường xuyên thực tập bốn phép quán ấy, thầy sẽ đạt tới trạng thái tự do của tâm ý.

Chương 51 - Kho Tàng Của Cái Thấy

Mãn mùa an cư, Bụt lên đường, hướng về Savatthi. Svastika và Rahula được phép tùy tùng người.

Đây là lần đầu Svastika được đến tu viện Jetavana. Tu viện rất đẹp và đầy đủ mọi tiện nghi cho sự tu học.

Khung cảnh đã tươi mát mà không khí lại đầm ấm. Thấy Svastika, thầy nào cũng mỉm cười.

Ai cũng biết là do vị khất sĩ trẻ này mà Bụt đã nói kinh Chăn Trâu. Svastika nhận thấy rằng trong một hoàn cảnh thuận tiện cho sự tu học như thế này chắc chắn chú sẽ đạt được nhiều tiến bộ. Chú hiểu tại sao Tăng cũng quan trọng như Bụt và Pháp. Tăng là đoàn thể của những người cùng đi trên con đường tỉnh thức, và ta phải tìm về nương tựa Tăng để được nâng đỡ và hướng dẫn. Cũng như ta đã tìm về nương tựa Bụt và Pháp.

Năm nay, vị sa di Rahula được hai mươi tuổi. Chú được đại đức Sariputta làm lễ trao giới khất sĩ.

Cả tu viện đều vui mừng. Đại đức đã dạy chú thật chu đáo nhiều ngày trước ngày chú thọ giới.

Chú Svastika cũng được hân hạnh dự nghe những lời giáo huấn này.

Sau khi Rahula được thọ giới khất sĩ. Bụt đã để thì giờ đặc biệt dạy cho chú về các công phu thiền quán, Svastika cũng được dự thính các buổi dạy. Bụt dạy Rahula quán chiếu về sáu giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, về sáu đối tượng của giác quan là hình sắc, âm thanh, mùi vị, xúc chạm và ý niệm, và về sáu thức là cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc chạm và ý thức.

Người dạy Rahula quán chiếu về tự tính vô thường của mười tám hiện tượng đó mà người gọi là thập bát giới. Mười tám hiện tượng gồm có sáu căn, sáu trần và sáu thức. Căn tức là cơ quan cảm giác, trần là đối tượng của các cơ quan đó, và thức là những nhận thức phát sinh ra từ sự xúc chạm giữa căn và trần. Phép quán này gọi là giới phân biệt quán.

Bụt dạy quán chiếu căn, trần và thức để thấy tất cả các hiện tượng này đều nương vào nhau mà có mặt, để thấy được tự tính vô thường và duyên sinh của chúng. Một khi đã thấy như thế thì hành giả chứng đắc được tính cách vô ngã và thoát ly được sinh tử. Bụt dạy thầy khất sĩ trẻ Rahula thật kỹ lưỡng về đạo lý vô ngã. Bụt nói:

- Này Rahula, trong năm uẩn là thân thể, cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức, không có gì bất biến để có thể gọi là ngã cả. Thân thể này không phải là ngã. Thân thể này cũng không phải là ngã sở, nghĩa là vật sỡ hữu của ngã. Ngã không nằm trong thân thể, thân thể cũng không nằm trong ngã.

Có ba loại kiến chấp về ngã. Kiến chấp đầu là cho rằng thân thể này là ngã. Hoặc cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức này là ngã. Kiến chấp này gọi là ngã chấp. Khi nói tới thân thể này không phải là ngã, người ta có thể rơi vào kiến chấp thứ hai, cho rằng ngã là một cái gì riêng biệt với thân thể, và thân thể chỉ là một vật sở hữu của ngã. Kiến chấp thứ hai này gọi là dị ngã

chấp. Kiến chấp thứ ba cho rằng trong thân thể có ngã và trong ngã có thân thể, hai không là hai mà cũng không là một, cái nầy nằm trong cái kia. Kiến chấp này gọi là tương tại chấp.

Rahula, quán vô ngã là phải nhìn sâu vào lòng năm uẩn để thấy năm uẩn không phải là ngã, không phải là dị ngã, cũng không phải là tương tại. Vượt được ba kiến chấp này rồi mới thực sự chứng nghiệm được tự tính vô ngã của vạn pháp.

Tại tu viện Cấp Cô Độc này có một thầy tên là Thera. Svastika nhận xét rằng thầy này ít ưa nói chuyện với ai, và đi đâu cũng đi một mình, làm gì cũng làm một mình. Đại đức Thera không làm phật lòng ai, cũng không phạm vào giới điều nào, nhưng thầy sống có vẻ lẻ loi và không thật sư hòa hợp với đại chúng, Svastika đã có lần tới gần thầy để gợi chuyện nhưng thầy cũng tránh đi. Mọi người đặt tên cho thầy là "người ưa sống một mình".

Svastika biết rằng Bụt thường khuyến khích các thầy tránh tụ họp chuyện trò, tránh những buổi nhàn đàm vô ích để có thì giờ sống một mình mà thiền quán, nhưng chú cảm thấy cách sống của thầy Thera không thật sự là cách sống mà Bụt muốn.

Một buổi chiều, nhân có cơ hội, Svastika đem chuyện này trình bày lên Bụt.

Ngày mai lại, trong giờ pháp thoại, Bụt gọi đại đức Thera lên và hỏi:

- Thầy là người ưa sống một mình, làm cái gì cũng ưa làm một mình và tránh sự chung đụng với các thầy khác, có phải vậy không?

Đại đức đáp:

- Bạch Thế Tôn, đúng như vậy. Thế Tôn thường dạy người khất sĩ nên biết độc cư, nghĩa là nên sống một mình.

Quay lại đại chúng, Bụt nói:

- Các vị khất sĩ, tôi muốn dạy cho các vị thế nào là thật sự biết sống một mình.

Người thật sự biết sống một mình là người biết an trú trong chánh niệm. Người ấy ý thức được những gì đang xảy ra trong thân thể, trong cảm giác, trong tâm ý và nơi những đối tượng của tâm ý. Người ấy biết quán chiếu sự sống trong giờ phút hiện tại, không tìm về quá khứ, không tưởng tới tương lai, vì quá khứ thì không còn mà tương lai thì chưa tới. Sự sống chỉ có mặt trong giờ phút hiện tại. Nếu ta bỏ giờ phút hiện tại, ta đánh mất sự sống.

Này các vị, thế nào là tìm về quá khứ? Tìm về quá khứ ở đây có nghĩa là tự đánh mất mình trong quá khứ, trôi dạt trong quá khứ trên những đợt sóng tư duy: trong quá khứ hình thể ta từng như thế đó, cảm thọ ta từng như thế đó, địa vị ta từng như thế đó, hạnh phúc ta từng như thế đó ... Phát khởi lên những tư duy như thế và bị ràng buộc bởi những gì thuộc về quá khứ, đó là tìm về quá khứ.

Này các vị, thế nào là tưởng tới tương lai? Tưởng tới tương lai ở đây có nghĩa là tự đánh mất mình trong tương lai, trôi dạt trong tương lai, trên những đợt sóng tư duy, lo sợ hoặc mơ tưởng: trong tương lai, hình thể ta sẽ được hay sẽ bị như thế đó, cảm thọ ta sẽ được hay bị như thế đó, hạnh phúc ta sẽ được như thế đó, khổ đau ta sẽ bị như thế đó ... Phát khởi lên những tư duy như thế và bị ràng buộc bởi những ước mơ hoặc lo sợ về tương lai ... đó là tưởng tới tương lai.

Này các vị, trở về giây phút hiện tại là để tiếp xúc với sự sống và để quán chiếu sự sống. Nếu không tiếp xúc thì không thể quán chiếu. Chánh niệm giúp ta trở về hiện tại, tiếp xúc với hiện tại và quán chiếu sự sống trong hiện tại. Trở về hiện tại không có nghĩa là tự đánh mất mình trong những đam mê hoặc sầu khổ về hiện tại. Nếu bị ràng buộc bởi những đam mê và sầu khổ về những gì đang xảy ra trong hiện tại thì sự sống cũng không có mặt. Sự sống không có mặt vì chánh niệm không có mặt.

Này các vị khất sĩ, người biết sống một mình là người biết an trú trong hiện tại, dù người ấy đang ngồi giữa đám đông. Một người ngồi trong rừng sâu mà nếu không có chánh niệm, nếu bị những con ma quá khứ và tương lai lôi cuốn và ám ảnh thì người ấy vẫn không phải là người biết sống một mình. Rồi Bụt đọc cho các thầy nghe một bài kệ:

"Đừng tìm về quá khứ

Đừng tưởng tới tương lai

Quá khứ đã không còn

Tương lai thì chưa tới

Hãy quán chiếu sự sống

Trong giờ phút hiện tại

Kẻ thức giả an trú

Vững chãi và thảnh thơi

Phải tinh tiến hôm nay

Kẻo ngày mai không kịp

Cái chết đến bất ngờ

Không thể nào mặc cả

Người nào biết an trú

Đêm ngày trong chánh niệm

Thì Mâu Ni gọi là

Người Biết Sống Một Mình."

Đọc xong bài kệ, Bụt cảm ơn đại đức Thera và bảo thầy đi xuống. Người không trực tiếp khen hay chê thầy. Nhưng chắc chắn là lần này đại đức thật sự hiểu được ý Bụt.

Trong buổi pháp đàm hôm đó, Svastika nghe các thầy lớn nói rằng những lời dạy của Bụt hôm đó rất là quan trọng, mọi người cần phải ghi nhớ. Đại đức Ananda trùng tuyên một lần nữa những điều Bụt nói cho mọi người nghe. Thầy đọc lại bài kệ của Bụt một cách trôi chảy và thông suốt. Svastika lấy làm lạ. Hình như thầy Ananda nhớ hết những lời Bụt nói không sót một tiếng nào. Cách nói, lời nói, và cú pháp giống hệt như khi Bụt nói. Khi đại đức Ananda trùng tuyên xong lời Bụt, đại đức Mahakaccana đứng lên nói:

- Ta hãy nên lấy lời Bụt dạy hôm nay làm thành một kinh văn. Thưa các huynh đệ, tôi xin đề nghị gọi kinh này là kinh Bhaddekaratta nghĩa là kinh Người Biết Sống Một Mình, và cũng xin đề nghị tất cả các huynh đệ học thuộc lòng để hành trì. Ít nhất mỗi người trong chúng ta đều phải học thuộc lòng bài kệ.

Đại đức Mahakassapa đứng dậy tán đồng ý kiến ấy.

Sáng hôm sau, trong khi đi khất thực, Bụt gặp một bọn trẻ con đang tụ họp với nhau chơi đùa. Các thiếu nhi này đang hành hạ những con cua nhỏ mà chúng bắt được dưới ruộng. Một đứa trong bọn chúng lấy ngón tay trỏ của bàn tay trái đè xuống lưng một con cua . Với tay phải, nó bẻ một càng của con cua. Bọn trẻ reo hò vang dậy. Đứa kia thích chí, bẻ gãy một cái càng cua khác. Bọn trẻ lại vỗ tay hò reo. Chúng chơi như vậy cho đến khi tất cả hai càng và tám chân của con cua đều bị bẻ gãy hết. Rốt cuộc chúng liệng con cua xuống ruộng và đi bắt một con khác để chơi.

Thấy Bụt và các thầy tới, bọn chúng ngửng đầu lên rồi lại cúi xuống chơi trò hành hạ mấy con cua. Chúng tàn ác mà không biết là chúng tàn ác. Bụt bảo bọn trẻ ngừng tay. Người nói:

- Này các con, nếu các con bị trặc chân tay hay gãy tay thì các con có đau không?

- Bạch thầy, có, bọn trẻ trả lời.

- Con cua bị các con bẻ gãy càng và gãy chân cũng đau đớn như thế đó. Các con có biết không?

Bọn trẻ nín bặt.

Bụt nói tiếp:

- Con cua cũng biết ăn uống, con cua cũng có cha, mẹ, anh và chị của nó như là các con vậy. Các con làm khổ con cua như thế thì các con cũng làm khổ luôn cả cha mẹ và anh chị nó. Các con hãy suy nghĩ đi.

Bọn trẻ tỏ vẻ hối hận.

Lúc bấy giờ thấy Bụt và các thầy xúm quanh một bọn trẻ, những người qua lại gần đấy cũng ghé lại xem. Nhân cơ hội này Bụt dạy cả trẻ em lẫn người lớn về lòng từ bi. Người nói:

- Chúng ta phải làm sao để cho tất cả mọi loài đều cảm thấy có an ổn và có niềm vui trong sự sống. Chúng ta phải bảo vệ sự sống cho nhau và đem niềm vui cho nhau. Tất cả mọi loài, dù lớn, dù nhỏ, dù đi bằng hai chân hay đi bằng bốn chân, dù bò trên mặt đất hay bay trên hư không hoặc bơi lội trong nước cũng đều có quyền sống. Chúng ta không nên đem tâm hận thù nhau, sát hại nhau. Chúng ta nên che chở cho nhau.

Này các con, cũng như một bà mẹ đem thân mạng che chở cho đứa con thân yêu duy nhất của mình, mỗi người trong chúng ta phải mở lòng ra để đón nhận và che chở cho tất cả các loài có sinh mệnh. Lòng thương của chúng ta phải bao trùm tất cả mọi loài sinh vật đang có mặt trên, dưới, trong, ngoài và chung quanh ta. Trong khi đi, đứng, nằm, ngồi, trái tim ta phải mang theo tình thương đó, và ta hãy an trú đêm ngày trong tình thương đó.

Dạy xong, Bụt rủ bọn trẻ cũng đem thả những con cua còn lại xuống ruộng, rồi người cùng các

vị khất sĩ tiếp nối con đường đi khất thực.

Svastika biết Bụt rất chú tâm đến việc hướng dẫn trẻ em nên chú bàn với chú Rahula tổ chức những buổi tập hợp thiếu nhi tại tu viện Jetavana để các em có dịp được học hỏi với Bụt. Với sự cộng tác của những người cư sĩ trẻ thường hay đến tu viện nghe Pháp, nhất là với bốn người con của cư sĩ Sudatta.

Svastika và Rahula thường quy tụ các em thiếu nhi trong vùng về chùa mỗi tháng một lần.

Cư sĩ Sudatta có bốn người con: Subhada chị, Subhada em, Sumana và Kala. Kala là con trai duy nhất của cư sĩ.

Ban đầu Kala không có vẻ hăng hái lắm, nhưng vì mến Svastika nên cậu từ từ dấn thân vào việc tu học. Công chúa Vajiri con quốc vương Pasenadi cũng yểm trợ đắc lực cho việc giáo dục thiếu nhi này.

Một buổi chiều rằm, công chúa rủ bọn trẻ đem hoa lên tận tịnh xá dâng Bụt. Mỗi em cầm trong tay những cành hoa hái được trong vườn nhà của mình. Có em đã hái được cả những cành hoa dại trên đường đến tu viện. Công chúa Vajiri ôm theo một bó sen đã hái được ngay trong hồ sen vườn Thượng Uyển.

Khi lên tới tịnh xá thì công chúa và bọn trẻ được biết Bụt đã ra giảng đường. Đã đến giờ người nói pháp thoại. Pháp thoại hôm nay được nói chung cho cả hai giới xuất gia và tại gia. Các em thiếu nhi rủ nhau cùng lên pháp đường.

Thấy thiếu nhi tới, các thầy và các vị cư sĩ đều nhường lối cho các em đi.

Bụt đã ngồi trên pháp tòa. Tất cả các em thiếu nhi được công chúa Vajiri hướng dẫn đã lên dâng những bông hoa của mình hái được trên chiếc bàn nhỏ đặt trước mặt Bụt rồi cúi đầu xá Bụt.

Bụt mỉm cười đáp lễ các em và bảo tất cả đi xuống tìm chỗ ngồi phía trước đại chúng.

Buổi pháp thoại hôm đó thật là đặc biệt. Đợi các thiếu nhi ngồi xuống yên ổn. Bụt mới đứng dậy. Người cầm lấy một bông sen đưa lên trước mặt đại chúng, không nói năng gì. Tất cả đại chúng đều im phăng phắc. Không ai hiểu Bụt muốn nói gì bằng cử chỉ ấy.

Một lát sau, Bụt đưa mắt quan sát đại chúng rồi mỉm cười. Người lên tiếng:

- Tôi có con mắt của chánh pháp, kho tàng của cái thấy mầu nhiệm và tôi đã trao lại cho Mahakassapa.

Mọi người đổ dồn hai mắt về đại đức Kassapa. Nụ cười chưa tắt trên môi đại đức. Mắt thầy vẫn nhìn lên Bụt. Mọi người lại nhìn lên Bụt. Bụt đang nhìn bông hoa và mỉm cười.

Svastika không hiểu gì hết và nghĩ rằng có nhiều người cũng ngẩn ngơ như chú. Chú biết điều quan trọng nhất trong lúc này là giữ chánh niệm và chú bắt đầu theo dõi hơi thở theo phương pháp đã được học với Bụt.

Chú thấy bông hoa Bụt cầm trên tay là một bông sen trắng đang vào lúc hé nở. Bàn tay Bụt cầm đóa sen trong một dáng điệu thanh tao và trang trọng, ngón tay cái và ngón tay trỏ kẹp cuống hoa vào giữa, và cuống hoa nằm xuôi ép theo lòng bàn tay. Chính bàn tay Bụt cũng xinh đẹp

như một bông hoa, và đóa sen trắng phía trên, tinh khiết và mầu nhiệm, cũng có vẻ như là một bàn tay khác của người.

Svastika cảm nhận được cái đẹp tinh khiết và trang trọng mà không cần suy tư tìm hiểu.

Bất giác chú cũng mỉm miệng cười.

Bỗng Bụt cất tiếng nói. Tiếng của ngài trong, ấm và sang sảng:

- Đại chúng, bông hoa này là một thực tại mầu nhiệm. Khi tôi cầm nó đưa lên trước đại chúng, tất cả chúng ta đều có cơ hội tiếp xúc với bông hoa. Cơ hội ấy là một cơ hội đồng đều. Tiếp xúc được với bông hoa là tiếp xúc được với thực tại mầu nhiệm, tiếp xúc với sự sống.

Mahakassapa đã mỉm cười trước tiên vì Mahakassapa đã tiếp xúc được với bông hoa trước tiên. Trong đại chúng đây, có những vị không tiếp xúc được với bông hoa, đó là vì trong tâm của quý vị còn có những chướng ngại.

Có những vị đang đặt câu hỏi: "vì cớ gì mà sa môn Gotama hôm nay đưa cành hoa lên?" Vì tâm các vị ấy đang bận rộn về những ý tưởng, cho nên các vị ấy không tiếp xúc được với bông hoa.

Đại chúng, đắm chìm trong suy tư là một trong những nguyên do khiến ta không tiếp xúc được với thực tại.

Trong trường hợp đang bị lo lắng, phiền muộn, giận hờn hay ghen ghét chế ngự, ta cũng mất cơ hội tiếp xúc với thực tại mầu nhiệm.

Đại chúng! Bông hoa trong tay tôi có thể chỉ thật sự có mặt đối với những ai biết an trú, trong chánh niệm nơi giờ phút hiện tại. Nếu quý vị không trở về an trú trong giờ phút hiện tại thì bông hoa có mặt cũng như không.

Có những người đi ngang qua rừng cây trầm hương mà không thấy được một cây trầm hương. Có những người đi qua sự sống mà không tiếp xúc được với sự sống. Đại chúng! Sự sống chứa chất khổ đau mà sự sống cũng đầy những mầu nhiệm. Quý vị phải tinh cần và tỉnh thức để tiếp xúc với những khổ đau và những mầu nhiệm ấy của sự sống.

Nhưng tiếp xúc với khổ đau không có nghĩa là tự đánh mất mình trong khổ đau và tiếp xúc với mầu nhiệm không có nghĩa là tự đánh mất mình trong mầu nhiệm. Tiếp xúc là để thực sự chứng nghiệm sự sống và quán chiếu sự sống, ta sẽ thấy được tự tính duyên khởi và vô thường của sự sống, do đó ta sẽ không đánh mất ta trong tham đắm, trong giận hờn và trong mê muội. Ta sẽ thường xuyên an trú trong tự do và giải thoát.

Svastika rất sung sướng. Chú hiểu được lời Bụt dạy. Chú hài lòng lắm khi nhớ ra rằng chú đã mỉm cười khi tay Bụt còn cầm bông hoa đưa lên. Đại đức Mahakassapa mỉm cười trước vì đại đức là một đệ tử lớn của Bụt, đứng về hàng thầy của chú. Chú làm sao tự so sánh mình với đại đức, cũng như với các vị cao đệ khác của Bụt như các thầy Sariputta, Moggallana, Assaji v.v... Năm nay chú chỉ mới hai mươi bốn tuổi.

Chương 52 - Phước Điền Y

Năm sau, Svastika được theo Bụt về an cư ở tu viện Nigrodha sát bên thành Kapilavatthu quê hương của Bụt.

Bụt đã về quê trước mùa an cư bởi vì người nghe nói có sự xích mích và tranh chấp giữa hai nước Sakya và Koliya.

Sakya là quê nội của Bụt và Koliya là quê ngoại của người.

Hoàng hậu Mahamaya và công chúa Yasodhara đều có gốc gác từ Koliya. Hai nước đã chống nhau vì dòng sông Rohini.

Số là năm ấy trời không có mưa mà cả hai bên đều thiếu nước tưới ruộng. Mực nước sông Rohini cũng rất thấp. Nước không đủ cho cả hai bên dùng, mà bên nào cũng muốn đắp đập dẫn hết nước sông về phía mình. Ban đầu chỉ là lời qua tiếng lại giữa nông dân hai phía. Sau đó thì có xung đột và đấm đá, rồi dân vệ và cảnh sát hai bên nhập cuộc. Cuối cùng là binh đội hai nước dàn trận hai phía bờ sông. Tình thế trở nên gay cấn và nguy hiểm.

Bụt muốn biết nguyên do của cuộc tranh chấp. Hỏi các vị tướng chỉ huy quân đội, Bụt được cho họ biết là vì phía bên kia khinh người, xâm phạm tài sản và tính mạng bên này. Hỏi các nhà chính trị, họ cũng trả lời tương tợ. Không ai nói cho Bụt nghe do thật sự của cuộc tranh chấp. Mãi đến khi Bụt nói chuyện với các nông dân nghèo, người mới biết nguyên do thật sự của cuộc tranh chấp là nước tưới.

Vốn có liên hệ thân tộc sâu xa với cả hai dòng họ Sakya và Koliya, Bụt sắp đặt được một cuộc gặp gỡ giữa các vị quốc vương, một bên là quốc vương Mahanama, một là quốc vương Suppabuddha.

Người xin với hai vị quốc vương thảo luận để đi đến một cuộc hòa giải.

Người nói rằng trong một cuộc chiến tranh, ai cũng là người thua cuộc, dù là thua nhiều hay thua ít.

Bụt hỏi:

- Các vị đại vương, nước sông quý hơn hay mạng người quý hơn?

Vua nào cũng trả lời là mạng người là quý hơn, mạng người là vô giá. Bụt nói:

- Các vị đại vương, nước tưới là đầu mối của cuộc tranh chấp giữa hai nước, nhưng nếu không có lòng tự ái và sự căm giận thì sự tranh chấp về nước tưới sẽ không đủ để đưa tới một cuộc chiến tranh. Các vị đại vương! Chúng ta phải xét lại tâm ý chúng ta. Chúng ta đừng vì lòng tự ái và sự căm giận lẫn nhau mà làm tổn phí máu xương của dân chúng hai nước.

Buông bỏ tự ái và giận hờn là chúng ta tháo gỡ được guồng máy chiến tranh. Giải quyết vấn đề tranh chấp về nước tưới không khó. Chúng ta chỉ cần ngồi lại thương thuyết với nhau. Có bao nhiêu nước trong dòng Rohini thì ta chia cho cả hai phía, dù nước không đủ cho cả hai bên.

Chúng ta sẽ tìm ra giải pháp để bên nào cũng được thừa hưởng đồng đều số lượng nước tưới.

Nhờ sự can thiệp của Bụt mà hai bên đã đi tới một sự thỏa thuận về vấn đề nước tưới và thiết lập liên lạc ngoại giao thân tình như cũ. Quốc vương Mahanama khẩn khoản xin Bụt lưu lại trong một mùa an cư ở vương quốc Sakya. Bụt nhận lời. Đây là mùa an cư thứ mười lăm sau ngày thành đạo của Bụt.

Sau mùa an cư ở Kapilavatthu. Bụt trở về miền Nam.

Mùa an cư thứ mười sáu, người cư trú tại Alavi.

Mùa an cư thứ mười bảy, người về tu viện Trúc Lâm.

Mùa an cư thứ mười tám, người ở Koliya.

Mùa an cư thứ mười chín, người lại trở về Rajagaha.

Tại Rajagaha, từ mấy năm nay, Bụt ưa cư trú trên núi Gijjhakuta, một ngọn núi đá có hình dáng chim thứu nên cũng được gọi là Thứu Sơn. Vua Bimbisara thường hay đến viếng Bụt và nghe pháp trên núi này. Vua đã cho xây bậc đá từ chân núi lên tới tịnh xá của Bụt. Mấy cái thung lũng nhỏ đã được vua cho san bằng. Vua lại cho bắc cầu qua mấy thác nước.

Xa giá tới chân núi, vua đi bộ lên theo các bậc đá.

Gần tịnh xá có một tảng đá lớn bằng cả mấy tòa nhà. Tịnh thất của Bụt được xây bằng đá lấy ngay tại chỗ.

Phía Đông Bắc tịnh xá, có một dòng suối chảy qua khe đá. Bụt thường giặt áo ca sa trên dòng suối này và phơi áo trên một phiến đá khá lớn bên suối.

Ngồi trước tịnh xá, vào những ngày quang đãng, Bụt thấy được cả kinh đô Rahajaga, Bụt rất ưa ngồi ngắm mặt trời lặn từ điểm nhìn nầy. Cảnh tượng mặt trời lặn ở đây thật huy hoàng và diễm lệ.

Các đại đức lớn như Sariputta, Uruvela Kassapa, Moggallana, Upali, Devadatta và Ananda đều có tịnh xá riêng trên núi Linh Thứu. Trong vùng lân cận thủ đô Rajagaha đã có tới mười tám cơ sở tu học quan trọng của tăng đoàn. Ngoài tu viện Trúc Lâm (Venuvana) và núi Linh Thứu (Gijjhakuta), còn có những trung tâm nổi tiếng khác, trong đó nổi bật nhất là Vaibharavana, Sarpasundikapragbhara, Saptaparnaguha và Indrasailaguha. Hai nơi sau là hai động đá lớn.

Gần núi Linh Thứu, có tịnh xá của một vị y sĩ trẻ nổi tiếng tên là Jivaka. Vị y sĩ này là một trong những đệ tử tại gia thân cận nhất của Bụt. Jivaka là con của vua Bimbisara và của bà mệnh phụ Ambapali. Chàng học thuốc từ năm mười bốn tuổi tại Taksassila. Năm mười lăm tuổi, chàng đã được mẹ tới đón, đưa về tu viện Trúc Lâm để viếng Bụt.

Năm nay Jivaka đã hai mươi sáu tuổi. Tốt nghiệp ngành y từ năm hai mươi ba tuổi. Jivaka đã trở nên một lương y nổi tiếng sau khi chữa lành cho nhiều người đã từng mắc những chứng bệnh hiểm nghèo. Jivaka cũng đã từng chữa bệnh cho vua Bimbisara.

Từ mấy năm nay, Jivaka thường lui tới tu viện Trúc Lâm và núi Linh Thứu để chăm sóc sức khỏe của Bụt và của các vị khất sĩ. Vào đầu mùa lạnh, Jivaka cổ động các bạn cúng dường thêm y áo

cho các vị khất sĩ để họ đắp mà ngủ ban đêm. Jivaka cũng đã cúng dường Bụt một bộ y. Vị lương y này không những lưu tâm đến việc trị bệnh mà còn lưu tâm đến việc ngừa bệnh nữa. Ông đề nghị với Bụt một số biện pháp vệ sinh cần được áp dụng cho các vị khất sĩ.

Mỗi thầy nên có một dụng cụ lọc nước để uống, và nước lấy từ ao hồ thì nên được đun sôi. Y áo mỗi bảy ngày phải được giặt ít nhất một lần. Nhà tắm cần được dựng thêm trong tu viện. Thức ăn hôm nay không nên dành lại cho ngày hôm sau. Tất cả những điều Jivaka đề nghị, Bụt đều chấp nhận.

Cúng dường ca sa đã trở nên một hành động rất phổ thông trong dân chúng.

Có một hôm Bụt thấy một vị khất sĩ trở về tu viện trên vai nặng trĩu cả y áo. Bụt hỏi:

- Thầy có bao nhiêu chiếc y tất cả?

- Lạy Bụt, con được cúng dường tất cả tới tám chiếc y.

- Thầy cần dùng nhiều y đến thế sao?

- Lạy Bụt, con không cần dùng nhiều y như thế, tại vì người ta cúng dường nên con phải nhận.

- Theo thầy thì mỗi vị khất sĩ cần có bao nhiêu chiếc y là đủ?

- Lạy đức Thế Tôn, con nghĩ ba chiếc y là đủ cho mỗi người. Ngồi thiền trong rừng lạnh hoặc ngủ nghỉ ban đêm dưới gốc cây mà có được ba y thì đã là đủ ấm.

Bụt nói:

- Tôi cũng nghĩ như thầy vậy. Khi nào lạnh lắm tôi cũng chỉ cần tới chiếc y thứ ba. Từ rày về sau, mỗi vị khất sĩ chỉ có quyền có một cái bình bát và ba chiếc y ca sa mà thôi. Nếu được cúng dường thêm quý vị nên từ chối.

Vị khất sĩ bái tạ Bụt và đi về tăng xá của mình.

Có một hôm khác đứng trên một ngọn đồi. Bụt chỉ những thửa ruộng nối nhau chạy dài đến chân trời và nói với đại đức Ananda:

- Ananda, thầy có thấy những thửa ruộng lúa chín vàng được chia thành từng ô chạy dài tới chân trời không? Đẹp quá! Tại sao ta không đề nghị may áo ca sa cho các vị khất sĩ theo kiểu mẫu này?

Ananda bạch:

- Ý của Thế Tôn thật hay. Áo ca sa may theo hình dáng những thửa ruộng như thế này thì đẹp biết bao nhiêu. Con từng nghe Thế Tôn nói một vị khất sĩ tu học nghiêm chỉnh là một thứ đất ruộng rất tốt trên đó ta có thể gieo những hạt giống phước đức cho hiện tại và tương lai. Cúng dường, học hỏi và tu tập theo vị khất sĩ ấy tức là gieo những hạt giống phước đức vậy. Nếu Thế Tôn cho phép, con sẽ bố cáo với đại chúng về cách thức may y trong tương lai và sẽ gọi kiểu y này là phước điền y.

Bụt mỉm cười. Người gật đầu ưng thuận.

Mùa an cư năm sau. Bụt cư trú tại tu viện Jetavana ở thủ đô nước Kosala.

Cư sĩ Suddata đã thân hành về Rajagaha thỉnh người. Cư sĩ nhắc là đã từ lâu Bụt không an cư tại Jetavana.

Đây là mùa an cư thứ hai mươi của Bụt sau ngày người thành đạo.

Năm nay Bụt đã năm mươi lăm tuổi. Được tin Bụt về an cư tại Savatthi, quốc vương Pasenadi mừng rỡ. Vua đem cả gia đình hoàng gia tới viếng Bụt. Đi theo vua có thứ hậu Vrsabhasatriya và hai người con của thứ hậu là thái tử Vidudabha và công chúa Vajna. Thứ hậu là người dòng Sakya.

Sau ngày được gặp Bụt và trở nên đệ tử của người, quốc vương Pasenadi đã gửi một phái đoàn qua vương quốc Sakya để xin cưới một người trong hoàng gia làm thứ hậu. Vương quốc đã tuyển chọn vị công nương xinh đẹp Vrsabhasatriya để gã cho vua. Công nương là con gái của hoàng thúc Mahanama.

Trong suốt mùa an cư, vua không bỏ một pháp thoại nào của Bụt mà không đến nghe. Người đến nghe pháp càng ngày càng đông. Trong số những vị đệ tử mới có nữ cư sĩ Visakha, được xem như là nữ thí chủ lớn nhất của tu viện. Thấy các vị khất sĩ tại tu viện quá đông đảo, bà phát tâm đem khu vườn rộng rãi và xanh tốt của bà ở phía Đông thành phố Savathi cúng dường cho Bụt và cho giáo đoàn. Khu đất này đẹp không thua gì vườn cây Jeta, nhưng diện tích thì hẹp hơn. Với sự hợp sức của các bạn, bà Visakha đã xây dựng được nhiều tăng xá và thiền đường trong khu đất. Khi tu viện mới được hoàn thành, đại đức Sariputta đề nghị đặt tên là tu viện Đông Viên (Purvarama). Giảng đường ở trung tâm tu viện được đặt tên là Lộc Mẫu Đường, Lộc Mẫu Đường là biệt hiệu của nữ cư sĩ Visakha, Lộc (Migarai) là tên con trai lớn của bà.

Nữ cư sĩ Visakha sinh trưởng ở Bhaddhya trong vương quốc Anga. Cô là con gái của nhà triệu phú Dhananjaya. Lớn lên cô lấy chồng ở Savathi. Chồng cô cũng là một triệu phú. Hai cha con đều là đệ tử trong giáo phái Nigantha Nataputta; hai người vốn không có cảm tình với Bụt và giáo đoàn khất sĩ, nhưng nhờ đức hạnh và sự đằm thắm của Visakha mà hai người dần dần có cảm tình với Bụt và sau đó không lâu đều trở nên đệ tử của Bụt.

Bà Visakha thường hay đi chùa với một người bạn gái tên là Suppiya. Bà phát nguyện với Bụt là sẽ thường xuyên cúng dường thuốc men cho bất cứ vị khất sĩ và nữ khất sĩ nào đến Savatthi mà bị đau ốm, sẽ cúng dường áo ca sa và khăn tắm cho tất cả các vị khất sĩ và nữ khất sĩ nào đến an cư tại Savatthi. Bà cũng đã triệt để ủng hộ ni sư Mahapajapati trong việc thiết lập và trang bị một trung tâm tu học cho các vị nữ khất sĩ bên hữu ngạn sông Ganga gần sát thủ đô Savatthi. Bà là người hộ trì rất đắc lực cho các vị nữ khất sĩ, không những về phương diện vật chất mà còn trên phương diện tinh thần nữa. Bà đã từng can thiệp và hóa giải những vụ xích mích xảy ra giữa ni chúng trong nữ tu viện.

Trong một buổi pháp đàm tại giảng đường Lộc Mẫu, các vị cao đệ của Bụt đã đi tới quyết định quan trọng sau nhiều giờ đàm luận, quyết nghị đầu là đề nghị thầy Ananda làm thị giả thường xuyên cho Bụt. Đề nghị thứ hai là từ nay về sau, cứ tới mùa an cư thì thỉnh Bụt trở về Savathi.

Đề nghị đầu là do đại đức Sariputta đưa ra. Đại đức nói:

- Sư huynh Ananda là người có trí nhớ bền bĩ nhất trong chúng ta. Trí nhớ của sư huynh thật là

lạ lùng, trên trần gian này không ai bì kịp. Mỗi khi Bụt dạy điều gì mà có mặt sư huynh Ananda thì những lời Bụt dạy không rơi rớt đi đâu cả. Khi trùng tuyên lại những điều Bụt dạy thì sư huynh Ananda trùng tuyên không sót một câu hoặc một tiếng, vì vậy, nếu được làm thị giả cho Bụt, sư huynh sẽ có dịp nghe hết những điều Bụt nói, dù là nói cho một đám đông hoặc là nói cho một người, và sư huynh sẽ ghi nhận được những điều đó. Lời dạy nào của Bụt cũng quý hóa không cùng, do đấy chúng ta phải làm đủ mọi cách để gặt hái và bảo trì tất cả những điều người giáo huấn. Trong hai mươi năm qua, chúng ta đã dại dột để rơi rớt và mất mát rất nhiều điều Bụt dạy. Vậy sư huynh Ananda nên vì chúng ta và vì các thế hệ tương lai mà nhận lấy trách nhiệm làm thị giả cho Bụt.

Các vị khất sĩ có mặt trong buổi họp đều tán đồng ý kiến của đại đức Sariputta. Đại đức Ananda có vẻ ngần ngại.

Đại đức nói:

- Tôi thấy có nhiều điều bất tiện nếu các sư huynh cử tôi làm thị giả cho Bụt. Không chắc rằng Bụt đã bằng lòng cho tôi làm thị giả, nếu chịu khó nhận xét, chắc các sư huynh cũng đã thấy rằng Bụt đã rất cẩn thận để khỏi mang tiếng là có con mắt đặc biệt với những người trong thân tộc Sakya. Đối với nữ khất sĩ Mahapajapati, vốn là dì mẫu của người mà người cũng rất cứng rắn, còn Rahula thì từ ngày được làm sa di, không bao giờ chú được ngủ trong tịnh xá của Bụt hay ngồi ăn cơm riêng với Bụt. Tôi cũng thế, tôi cũng không bao giờ được Bụt cho thân cận một cách quá đáng, với lại tôi cũng không dám thân cận với Bụt một cách quá đáng. Tôi cũng ngại các huynh đệ nói ra nói vào, cho là tôi thóc mách, và cho rằng vì tôi thóc mách cho nên Bụt mới thỉnh thoảng gọi các huynh đệ lên để mà răn dạy.

Nói tới đó, đại đức ngửng lên nhìn đại đức Sariputta:

- Đối với sư huynh Sariputta, Bụt có một cái nhìn đặc biệt, bởi vì sư huynh là người thông minh và tài giỏi vào bậc nhất trong số chúng ta. Sư huynh đã là một người phụ tá rất đắc lực cho Bụt trong việc dạy dỗ cũng như trong việc tổ chức, và cố nhiên là Bụt có đặt niềm tin lớn nơi sư huynh. Cũng vì vậy mà sư huynh đã bị nhiều huynh đệ ghen ghét. Tôi thấy khi quyết định có điều gì, Bụt thường hỏi ý kiến của nhiều người, chứ không phải là chỉ hỏi ý kiến một sư huynh Sariputta. Vậy mà có những huynh đệ dám nói là những quyết định ấy là những quyết định của Sariputta chứ không phải thật sự là những quyết định của Bụt. Làm như Bụt là người không có trí óc suy xét để đi tới được những quyết định quan trọng. Tôi thấy đó là một tội tăng thượng mạn rất lớn. Tôi ngần ngừ không muốn vâng lời các sư huynh là vì thế.

Đại đức Sariputta cười:

- Tôi thì tôi không ngại khi có huynh đệ nào hiểu lầm tôi mà tỏ vẻ ganh ghét. Tôi nghĩ là khi nhận thấy điều gì thật sự có lợi lạc, mình phải có can đảm làm theo; dù ai nói ngửa nói nghiêng mình cũng không nên vì vậy mà thối chí. Sư huynh Ananda! Chúng tôi biết sư huynh là người có ý tứ lắm, nhưng chúng tôi nghĩ là nếu sư huynh không nhận lời yêu cầu của anh em thì đạo pháp sẽ rất bị thiệt thòi, cho thế hệ hiện tại và nhiều thế hệ về sau.

Đại đức Ananda im lặng hồi lâu không nói gì. Cuối cùng thầy lên tiếng:

- Tôi sẽ vâng lời các sư huynh để làm thị giả thường xuyên cho Bụt, nếu các sư huynh có thể bạch với người chấp nhận những điều mà tôi yêu cầu sau đây. Thứ nhất là xin Bụt đừng cho tôi y

áo mà người ta cúng dường người. Thứ hai là xin Bụt đừng cho tôi những thức ăn mà người ta đem đến cúng dường người. Thứ ba là xin Bụt đừng cho tôi ở cùng trong một tịnh thất với người. Thứ tư là xin Bụt đừng cho tôi đi theo khi có một thí chủ thỉnh người thọ trai. Thứ năm là xin Bụt biết là Bụt có thể cùng đi với tôi khi tôi được một thí chủ thỉnh tới thọ trai. Thứ sáu là xin Bụt cho tôi có quyền tiến dẫn hoặc từ chối những người muốn được diện kiến với người. Thứ bảy là con Bụt cho tôi được hỏi lại người mỗi khi có điều gì người nói mà tôi chưa hiểu. Thứ tám là xin Bụt lặp lại cho tôi đại ý những bài pháp thoại mà vì bất đắc dĩ tôi không có mặt để nghe.

Đại đức Upali góp ý:

- Những điều sư huynh Ananda đưa ra đều là chính đáng, tôi chắc những điều ấy sẽ được Bụt chấp nhận. Duy có điều thứ tư tôi thấy chưa ổn, nếu sư huynh không đi theo Bụt khi có thí chủ thỉnh Bụt tới thọ trai thì làm sao sư huynh được nghe những lời Bụt dạy vị thí chủ? Sư huynh không được nghe thì làm sao sư huynh có thể trùng tuyên lại những lời ấy cho chúng tôi nghe, trong trường hợp những lời ấy là những lời mới lạ rất quý báu? Tôi đề nghị như sau: mỗi khi Bụt được cung thỉnh, ngoài sư huynh ra, nên có một huynh đệ khác cùng đi, như vậy sư huynh tránh được miệng thế gian là nhờ nương vào Bụt mà sư huynh thường có thức ăn ngon.

Ananda cười:

- Điều sư huynh nói đó cũng chưa ổn. Trong trường hợp thí chủ chỉ đủ sức cúng dường cho hai người mà thôi, thì sao?

- Thì hôm ấy Bụt và hai sư huynh ăn ít lại một chút chứ sao.

Các thầy cùng cười rộ lên một cách vui vẻ.

Vấn đề thị giả giải quyết xong, các thầy bàn tới chuyện thỉnh Bụt an cư hàng năm tại Savatthi.

Savatthi hiện có tới hai tu viện lớn cho nam giới, tu viện Kỳ Thọ Cấp Cô Độc và tu viện Lộc Mẫu.

Ngoài ra còn có một tu viện cho ni giới. Nên lấy Savatthi làm căn cứ hành đạo.

Ở những vương quốc lân cận ai muốn gặp Bụt mà không biết người ở đâu thì cứ về Savatthi trước mùa an cư là tự khắc được gặp. Đó là cơ hội đồng đều cho tất cả mọi người. Các vị khất sĩ và nữ khất sĩ từ các quốc gia khác có thể tới Savatthi an cư mà không gặp trở ngại, vì các đại thí chủ lớn như Anathapindika và Visakha đã phát nguyện cung cấp thực phẩm, thuốc men, y áo và chỗ cư trú cho bất cứ vị khách tăng nào tới đây. Sau khi kết thúc buổi pháp đàm, các thầy cũng đi đến tìm Bụt tại tịnh thất của người để trình bày những ý kiến đã được tổng hợp được.

Bụt chấp nhận hai đề nghị của các vị cao đệ một cách hoan hỷ.

Chương 53 - An Trú Trong Hiện Tại

Mùa Xuân năm sau, tại Kammassadhamma thủ phủ xứ Kuru thuộc vùng Tây Bắc, Bụt nói kinh Niệm Xứ (Satipatthanasutta) cho một thính chúng khất sĩ trên ba trăm người.

Đây là một kinh rất quan trọng cho công phu tu tập thiền quán. Bụt nói phép quán niệm xứ này là con đường có thể giúp mọi người đạt tới sự thanh tịnh hóa thân tâm, vượt khỏi sầu não, diệt được khổ ưu, thành tựu được hiểu biết lớn và đạt tới tự do hoàn toàn.

Nghe Bụt dạy xong kinh này, đại đức Sariputta đã nói với đại chúng rằng đây là một trong những kinh văn quan trọng vào bậc nhất, và đề nghị tất cả các vị khất sĩ và nữ khất sĩ ôn tụng kinh này cho thuộc lòng để mà hành trì theo.

Ngay tối hôm ấy, đại đức Ananda trùng tuyên lại từng lời từng tiếng những điều Bụt dạy. Niệm Xứ là an trú trong chánh niệm. Theo phép tu này người hành giả ý thức được những gì đang xảy ra trong các lĩnh vực thân thể, cảm giác, tâm ý và đối tượng tâm ý mình. Ý thức ấy tức là chánh niệm. Bốn lĩnh vực ấy là bốn lĩnh vực quán niệm.

Trong lĩnh vực thứ nhất là thân thể, người hành giả quán niệm về hơi thở của mình, về bốn tư thế của thân thể mình là đi, đứng, nằm, ngồi, về những động tác của thân thể mình như đi tới, đi lui, nhìn, mặc áo, ăn, uống, đại tiểu tiện, nói chuyện, giặt áo ... về những bộ phận của cơ thể như tóc, lông, răng, gân, xương, thận, tủy, ruột, nước miếng, mồ hôi, v.v... về những yếu tố tạo nên cơ thể như nước, sức nóng, không khí, vật thể ... và về sự tàn hoại của một tử thi từ khi nó trương phồng lên cho đến khi xương cốt tan thành tro bụi. Quán niệm về thân thể bằng cách phát khởi ý thức về những hiện tượng thuộc về thân thể. Ví dụ khi đang thở vào, hành giả biết là mình đang thở vào; khi đang thở ra, hành giả biết là mình đang thở ra; khi đang thở vào và làm cho toàn thân an tịnh, hành giả biết là mình đang thở vào và làm cho toàn thân an tịnh. Khi đi, hành giả biết là mình đi, khi ngồi xuống, hành giả biết là mình đang ngồi xuống. Khi làm những động tác như mặc áo, uống nước, hành giả biết là mình đang mặc áo, uống nước v.v...

Như vậy công phu quán niệm về thân thể không phải chỉ được thực hiện trong lúc ngồi thiền mà phải được thực hiện suốt ngày, ngay cả những lúc đi khất thực, ăn cơm và rửa bát.

Trong lĩnh vực thứ hai là cảm giác, người hành giả quán niệm về những cảm giác đang phát sinh, tồn tại hoặc tàn hoại nơi mình, những cảm giác dễ chịu (lạc thọ), khó chịu (khổ thọ) và những cảm giác trung tính (xả thọ). Những cảm thọ ấy có thể có nguồn gốc sinh lý hay tâm lý. Quán niệm cảm giác bằng cách phát khởi ý thức về sự phát sinh, tồn tại và hoại diệt của những cảm giác ấy. Ví dụ khi đang bị nhức răng, hành giả biết là mình đang bị nhức răng, khi đang sung sướng vì được một người khác khen ngợi, hành giả biết là mình đang sung sướng vì được một người khác khen ngợi. Hành giả còn quán chiếu để an tịnh hóa những cảm giác của mình và để thấy rõ nguồn gốc phát sinh của mọi cảm giác. Công phu quán niệm về cảm giác, do đó cũng không phải chỉ được thực hiện trong lúc ngồi thiền, trái lại, đây là một công phu được thực hiện suốt ngày.

Trong lĩnh vực thứ ba là tâm ý, người hành giả quán niệm về những trạng thái tâm lý đang có mặt. Khi có tham dục, biết là có tham dục, khi không có tham dục, biết là không có tham dục.

Khi có giận hờn, lầm lạc, biết là có giận hờn hay lầm lạc, khi không có giận hờn hay lầm lạc thì biết không có giận hờn hay lầm lạc. Khi tâm ý tập trung hay tán loạn, thì biết là có tập trung hay tán loạn. Những lúc tâm ý mở rộng, khép kín, có giới hạn, cố định hay có giải thoát thì hành giả liền biết; không có thì cũng liền biết. Nói tóm lại, hành giả nhận diện và có ý thức về tất cả những trạng thái tâm ý có mặt trong giờ phút hiện tại.

Trong lĩnh vực thứ tư là đối tượng tâm ý, người hành giả quán niệm về năm trạng thái chướng ngại của giải thoát (tham đắm, giận hờn, hôn trầm, kích thích và nghi ngờ) mỗi khi chúng có mặt; về năm yếu tố cấu tạo nên con người gọi là năm uẩn (thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và nhận thức); về sáu giác quan và đối tượng của chúng; về bảy yếu tố giác ngộ (chánh niệm, trạch pháp, tinh tiến, hỷ lạc, khinh an, định và hành xả) và về bốn sự thật là khổ đau, nguyên do của khổ đau, sự giải thoát khổ đau và con đường thực hiện giải thoát. Tất cả những thứ ấy đều là đối tượng của tâm ý. Vạn pháp đều bao hàm trong những đối tượng ấy.

Bụt chỉ dạy cặn kẽ về từng phép quán niệm trong cả bốn lĩnh vực. Người dạy tinh chuyên hành trì phép quán này trong bảy năm thì chắc chắn sẽ đạt được giải thoát. Người lại nói: có người có thể đạt tới giải thoát trong bảy tháng, hoặc nội trong bảy ngày, nhờ hành trì phép quán niệm này.

Trong một buổi pháp đàm, đại đức Assaji cho biết đây không phải là lần đầu Bụt dạy về bốn phép lĩnh vực quán niệm. Người đã dạy nhiều lần phép này rồi, nhưng đây là lần đầu tiên người tổng hợp lại những gì người đã dạy về phép tu trong một bài giảng thật đầy đủ, thật cặn kẽ. Đại đức cũng đồng ý với đại đức Sariputta là kinh này cần được tất cả các vị khất sĩ học thuộc lòng để tụng đọc và hành trì.

Trở về tu viện Jetavana vào cuối xuân năm ấy. Bụt độ được một tên sát nhân nổi tiếng tên là Angulimala.

Một buổi sáng đi vào thành Savatthi khất thực, Bụt có cảm tưởng đây là một thành phố chết. Ngoài đường không có bóng người qua lại. Hai bên đường không có nhà nào mở cửa.

Đứng hồi lâu trước một căn nhà nơi đó người đã từng được cúng dường, Bụt thấy cửa nhà hé mở, người gia chủ chạy ra mời Bụt vào. Vào tới nhà, người gia chủ khép cửa và cài then lại.

Người ấy mời Bụt ngồi, và đề nghị với Bụt ở lại thọ trai, đừng nên đi khất thực nữa:

- Bạch sa môn, đi ra đường hôm nay nguy hiểm lắm. Người ta cho biết tên sát nhân Angulimala đã xuất hiện trong thành phố. Nghe nói nó đã hạ sát rất nhiều người ở nhiều thành phố, và sau khi hạ sát, nó lại còn chặt ngón tay của người ta để xâu thành một tràng chuỗi và đeo nó vào cổ. Cũng vì vậy cho nên người ta đã đặt cho nó cái tên Angulimala. Con nghe đồn rằng nếu Angulimala giết được đủ một trăm người và có được một trăm lóng tay đeo vào cổ thì nó sẽ thành tựu được một quyền lực bùa chú ghê gớm lắm. Có một điều lạ là nó giết người mà không cướp giật của cải của bất cứ ai. Con nghe nói là vua Pasenadi đã cho điều động quân đội và cảnh sát bao vây và truy nã nó.

Bụt hỏi:

- Tại sao chỉ có một tên sát nhân mà chính quyền phải huy động cả binh đội và cảnh sát như thế?

- Bạch sa môn Gotama, tên sát nhân này ghê gớm lắm. Võ nghệ nó rất cao cường, có khi ba bốn người đàn ông gặp nó giữa đường cũng không đủ sức đối địch lại nó. Một số bị nó hạ sát và số còn lại phải bỏ chạy tán loạn. Angulimala thường trú ẩn trong rừng Jalini. Lâu nay không ai dám đi qua rừng này cũng vì thế. Có lần một toán cảnh sát địa phương có trang bị đủ khí giới đã đi vào rừng để lùng bắt Angulimala. Toán này có đến hai mươi người. Trong số đó chỉ có hai người sống sót trở về. Cũng vì vậy khi nghe tin nó xuất hiện trong thành phố, dân chúng đều kinh hoàng. Không ai buôn bán làm ăn gì được.

Bụt cám ơn vị gia chủ đã cho người biết về Angulimala và từ giã ra đi. Người này có ngăn cản Bụt nhưng không được. Bụt nói Bụt phải thực hành phép trì bát khất thực như mọi hôm, để giữ vững niềm tin của mọi người.

Đang đi thong thả trong chánh niệm, Bụt bỗng nghe tiếng chân một người chạy đuổi theo ở phía sau. Bụt biết đó là Angulimala đang chạy theo mình, nhưng Bụt không hốt hoảng. Người vẫn đi từng bước chậm rãi, an nhiên, ý thức được gì đang xảy ra trong tâm ý và trong hoàn cảnh của mình, và người nghe tiếng của Angulimala gọi người từ phía sau lưng vọng tới:

- Ông sa môn! Dừng lại!

Bụt không đứng lại. Bụt vẫn chậm rãi đi. Tiếng bước chân của Angulimala cho Bụt biết là Angulimala đã ngừng chạy mà chỉ còn rảo bước theo Bụt. Tuy đã năm mươi sáu tuổi nhưng thính giác và thị giác Bụt còn bén nhạy lắm và sức khỏe của Bụt vẫn đầy đủ. Trong tay Bụt chỉ có một chiếc bình bát mà thôi. Người mỉm cười nhớ lại ngày xưa trong các võ đường, khi còn là thái tử, người là võ sinh nhanh nhẹn nhất, và chưa ai chạm được vào người. Bụt biết Angulimala đã đuổi kịp người, và Angulimala thế nào cũng có đeo khí giới, nhưng người vẫn ung dung bước.

Angulimala đã rượt kịp Bụt và hiện đang đi ngang hàng với Bụt. Bụt nghe anh ta nói:

- Ta đã bảo ông dừng lại, tại sao ông cứ tiếp tục đi mà không chịu dừng?

Bụt vừa đi vừa đáp:

- Angulimala, ta đã dừng lại từ lâu rồi, chỉ có anh mới chưa chịu dừng lại mà thôi.

Angulimala, giật mình. Angulimala nín thinh không nói thêm gì được bởi vì anh ta quá ngạc nhiên.

Ông sa môn này nói cái gì lạ thế. Ông ta đã dừng lại đâu nào. Rõ ràng là chân ông ta vẫn còn bước đi, vậy mà ông ta lại nói rằng ông ta đã dừng lại. Ta phải hỏi cho ra mới được.

Nghĩ như vậy, Angulimala phóng tới phía trước, đứng chặn đường đi của Bụt. Bụt dừng lại. Người đưa mắt nhìn Angulimala. Mắt ngài chiếu sáng như những ngôi sao. Angulimala chưa bao giờ thấy ai trầm tĩnh như thế, uy nghiêm như thế và thản nhiên đến thế. Thường thường ai gặp Angulimala thì nếu không sợ hãi bỏ chạy cũng mất đi ít nhiều bình tĩnh. Vậy mà ông thầy tu này lại xem mình như một kẻ không ra gì. Hoặc giả ông ta chưa biết mình là ai cho nên ông ta không biết sợ chăng? Không đúng, bởi vì ông ta đã gọi ngay tên Angulimala khi trả lời câu hỏi của mình. Vậy thì ông ta biết mình là ai rồi. Biết mình là một tên sát nhân ghê gớm, vậy mà vẫn giữ được sự điềm đạm, ung dung không hề tỏ một vẻ gì sợ hãi, lại còn nhìn mình bằng một con mắt thật hiền hòa.

Angulimala cảm thấy mình không đối đầu được cái nhìn của Bụt. Anh ta cất tiếng hỏi:

- Sa môn, hồi nãy ông nói ông đã dừng lại rồi, trong khi chân ông vẫn bước, điều đó có nghĩa là sao? Ông lại nói rằng tôi chưa chịu dừng lại, điều này có nghĩa là gì? Ông nói cho tôi nghe đi.

Bụt bảo:

- Angulimala, những hành động có thể gây đau khổ cho các loài chúng sanh, ta đã dừng lại, và dừng lại tự lâu rồi. Ta đã học được hạnh bảo vệ sự sống, không những của con người mà còn của tất cả các loài sinh vật. Angulimala, trong các loài sinh vật, kể cả loài người, loài nào cũng muốn sống, sợ chết; vì vậy ta phải có lòng thương, đem tình thương ấy mà bảo vệ sự sống của muôn loài.

Angulimal la lớn như hét vào tai Bụt:

- Nhưng loài người có ai thương ta đâu, tại sao ta phải thương loài người? Loài người là một loài độc ác, gian trá, phản bội, ta muốn tiêu diệt cho hết mới thỏa được niềm uất hận của ta.

Bụt dịu dàng:

- Angulimala, ta biết rằng anh đã từng khổ đau, và ta biết những kẻ đã làm khổ anh là những con người. Angulimala, con người quả có khi rất là độc ác. Ác độc vì si mê, vì hận thù, vì tham dục, vì ganh tị, nhưng lại có khi rất hiểu biết và rất từ bi. Anh đã từng gặp một vị khất sĩ nào chưa? Vị khất sĩ nào cũng đã phát nguyện bảo vệ sự sống cho mọi người và mọi loài, vị khất sĩ nào cũng đã phát nguyện diệt trừ tham dục, hận thù và si mê. Ta biết có nhiều người không phải là khất sĩ, nhưng vẫn sống theo nếp sống hiểu biết và thương yêu đó. Angulimala! Anh đừng vơ đũa cả nắm, ở đời có người ác, nhưng cũng có người hiền. Đạo lý của ta có công năng chuyển hóa kẻ ác ra kẻ hiền. Hận thù là con đường nên tránh. Anh đang đi trên con đường ấy. Nên dừng lại đi thôi. Hãy chọn con đường của tha thứ, của hiểu biết và của tình thương mà đi.

Angulimala bị thu hút trong giọng nói đầm ấm mà đầy tình thương của vị sa môn. Gan ruột anh như bị ai xé nát và xát muối vào. Tuy nhiên đây là lần đầu tiên mà anh cảm thấy ấm áp trong lòng.

Người đang đứng trước mặt anh thật sự là vì thương anh mà nói. Nơi con người này quả không có hận thù, quả không có sợ hãi, không có sự khinh ghét. Người này đã có thể nhìn mình như nhìn một con người. Hay chính người này là sa môn Gotama, là người mà thiên hạ đã ca tụng và tôn xưng là Bụt? Chắc là đúng như vậy rồi. Chắc là hôm nay mình gặp người ấy rồi. Angulimala hỏi:

- Thầy có phải là sa môn Gotama đó không?

Bụt gật đầu.

Angulimala nói:

- Rất tiếc, thầy gặp tôi quá muộn. Tôi đã đi quá xa trên con đường này rồi, bây giờ có muốn dừng lại cũng không được.

Bụt bảo:

- Đừng nói thế, Angulimala, làm một việc lành thì không bao giờ muộn cả.

- Việc lành gì đâu nào?

- Dừng lại trên con đường hận thù và bạo động là việc lành lớn nhất trên tất cả các việc lành. Angulimala! Biển khổ tuy mông mênh, nhưng quay đầu lại là tự khắc thấy được bờ bến.

- Sa môn Gotama ơi! Bây giờ tôi có muốn quay đầu về cũng không còn kịp nữa. Người ta sẽ không để cho tôi yên.

Bụt đưa tay ra nắm lấy tay Angulimala. Người nói:

- Angulimala, ta sẽ bảo vệ cho anh, nếu anh phát nguyện cải tà quy chánh và từ nay siêng năng học đạo, sám hối lỗi lầm và bắt đầu làm những công việc phục vụ cho người. Ta thấy anh là kẻ thông minh, anh đã hiểu được điều ta muốn nói. Thế nào anh cũng thành công trong bước đường hướng thiện.

Angulimala quỳ xuống trước mặt Bụt. Anh đưa tay cởi lưỡi dao to bản đeo bên lưng, nâng nó lên trên hai tay rồi đặt nó xuống đất, rồi Angulimala sụp lạy sát đất dưới chân Bụt, ôm mặt mà khóc nức nở. Một hồi lâu, anh nói:

- Con xin nguyện từ đây hối cải, bỏ ác làm lành, quyết tâm theo Bụt để học hạnh từ bi. Cúi xin Bụt chấp nhận con làm đệ tử của người.

Vừa lúc ấy các đại đức Sariputta, Ananda, Upali, Kimbila và nhiều vị khất sĩ khác xuất hiện. Họ bao vây quanh Bụt và Angulimala. Thấy Bụt an lành và Angulimala đã quy y, mọi người đều lấy làm mừng rỡ. Bụt dạy Ananda:

- Ananda, hãy đưa cho ta một bộ y áo. Upali, đại đức hãy làm lễ xuống tóc cho Angulimala ngay tại đây. Sariputta thầy hãy ghé vào nhà trước mặt mượn con dao cạo tóc.

Ngay tại chỗ, Angulimala được làm lễ thế phát, đọc ba lời quay về nương tựa, tiếp nhận các giới pháp do đại đức Upali trao truyền. Lễ thế phát cử hành xong, mọi người lập tức theo Bụt trở về tu viện Jetavana.

Trong mười hôm liên tiếp, Angulimala được đại đức Upali hướng dẫn về giới luật và đại đức Sariputta chỉ dạy về giáo lý và những phép thiền tọa, khất thực, thiền hành. Angulimala nỗ lực học hỏi và thực tập như chưa có ai từng học hỏi và thực tập như vậy.

Nửa tháng sau, khi đến thăm Angulimala tại tăng xá, Bụt cũng phải ngạc nhiên. Angulimala đã hoàn toàn lột xác. Bây giờ đây Angulimala đã trở nên một vị khất sĩ có tướng tụng và dung mạo rất uy nghi và đẹp đẽ. Bây giờ trong tu viện ai cũng gọi Angulimala là đại đức Ahimsaka. Tên này vốn là tên thật của Angulimala ngày trước, có nghĩa là bất bạo động hay bất hại. Svastika nghĩ rằng danh hiệu này rất hạp với vị đại đức mới, bởi vì theo Svastika ngoài Bụt không ai có vẻ hiền lành như thầy Ahimsaka bây giờ.

Sáng hôm sau, Bụt đi vào thành Savatthi khất thực với khoảng năm mươi vị khất sĩ, trong đó có đại đức Ahimsaka. Vừa đến cửa thành, Bụt gặp vua Pasenadi và các tướng lãnh đang điều động quân đội và cảnh sát. Quốc vương cũng đang mặc quân phục như các vị chỉ huy quân đội khác, lưng đeo trường kiếm, ngồi trên lưng ngựa. Thấy Bụt, vua xuống ngựa, tiến đến vái chào, Bụt

hỏi:

- Đại vương! Có biến cố gì mà đại vương và các vị tướng soái phải điều động quân đội để đánh dẹp? Có nước láng giềng nào đang gây hấn ở biên giới chăng?

Vua đáp:

- Thế Tôn! Không có nước láng giềng nào định đến đánh chiếm Kosala cả. Trẫm điều động quân đội và cảnh sát là để vây bắt tên sát nhân Angulimala. Tên tướng cướp này ghê gớm lắm. Chưa có một lực lượng nào đã có thể vây bắt và trừng trị được nó. Trẫm được báo cáo là Angulimala đã xuất hiện trại thủ đô Savatthi từ hơn nửa tháng nay. Dân chúng thủ đô đang mất tinh thần mà các lực lượng cảnh sát vẫn chưa tìm ra được nó.

Bụt hỏi:

- Tên sát nhân Angulimala lợi hại đến thế sao?

Vua đáp:

- Thế Tôn chưa biết, chứ Angulimala là một mối họa lớn cho mọi người. Trẫm phải tìm đủ cách để bắt giết cho được nó. Angulimala là một tên sát nhân vô cùng nguy hiểm.

Bụt hỏi:

- Nhưng giả dụ tên sát nhân đó cải tà quy chánh, phát nguyện suốt đời giữ giới không sát sinh, sống đời xuất gia đạm bạc, tôn trọng sự sống của muôn người và của mọi loài chúng sanh khác, thì bệ hạ có cần tìm bắt giết nó nữa không?

- Thưa Thế Tôn! Nếu Angulimala mà theo Bụt xuất gia, giữ giới bất sát, sống đời phạm hạnh thanh cao như các vị khất sĩ ở đây thì trẫm vui mừng xiết bao! Không những trẫm đã không bắt giết mà còn tới đảnh lễ và cúng dường y áo, thực phẩm và thuốc men cho, y như trẫm đã từng cúng dường Thế Tôn và các vị đại đức ở tu viện Jetavana vậy, nhưng chuyện này chắc chẳng bao giờ xảy ra đâu, bạch Thế Tôn!

Bụt đưa tay chỉ vào đại đức Ahimsaka đứng sát sau lưng người và nói với vua:

- Đại vương, đây là Angulimala đã được trao truyền giới pháp xuất gia và đã trở nên một vị khất sĩ sống đời phạm hạnh từ nửa tháng nay.

Quốc vương Pasenadi sợ dựng tóc gáy. Bụt nói:

- Đại vương đừng sợ, khất sĩ Angulimala bây giờ hiền hơn cục đất. Bây giờ mọi người gọi vị khất sĩ này là đại đức Ahimsaka.

Vua nhìn đại đức Ahimsaka trong một giây, và từ từ tiến tới trước mặt đại đức. Vua chắp tay xá thầy. Vua hỏi:

- Bạch đại đức, ngài xuất thân từ gia đình nào? Thân phụ ngài tên gì?

- Tâu đại vương, thân phụ tôi tên là Gagga, thân mẫu tôi tên là Mantan!.

- Xin đại đức Gagga Mantanniputta nhận nơi đây niềm thành kính của trẫm và xin đại đức cho

phép trẫm cúng dường ngài y áo, thực phẩm và thuốc men.

Đại đức Ahimsaka đáp lễ:

- Tâu đại vương, tôi đã có đủ ba y áo; thực phẩm thì mỗi ngày đều có thí chủ cúng dường trong giờ đi khất thực, còn thuốc men thì hiện giờ tôi không cần đến, xin tạ ơn đại vương.

Vua cúi đầu chào đại đức một lần nữa rồi trở về đứng trước mặt Bụt. Vua làm lễ Bụt và nói:

- Bạch đức Thế Tôn, đạo đức của người thật là mầu nhiệm. Thế Tôn dập tắt được những gì rất khó dập tắt, an ổn được những gì rất khó an ổn, điều phục được những gì rất khó điều phục. Những gì không giải quyết được bằng binh lực và bạo động, Thế Tôn đã giải quyết được bằng đức độ của người. Trẫm xin ghi ơn đức Thế Tôn, bây giờ trẫm xin từ giã.

Vua từ giã Bụt và các vị khất sĩ. Ngay sáng hôm đóm các đơn vị quân đội và cảnh sát được lệnh trở về vị trí cũ.

Chương 54 - Thản Nhiên Trước Cuộc Thịnh Suy

Chỉ trong vài hôm, dân chúng ở thủ đô đều hay tin là Angulimala đã được chế ngự, và ai nấy đều thở phào nhẹ nhõm, nhưng điều người ta bàn tán đến nhiều nhất là việc Angulimala đã cải tà quy chính, xuất gia theo Bụt.

Câu chuyện nầy được truyền ra trong xứ và còn truyền ra những xứ khác. Uy tín của Bụt và của giáo đoàn khất sĩ lên rất cao, ở đâu và lúc nào các vị khất sĩ cũng nhìn bằng con mắt kính trọng.

Uy thế của giáo đoàn còn lên cao hơn nữa khi mọi người thấy số trí thức và thanh niên từ các giáo phái từ bỏ giáo phái mình để theo Bụt càng ngày càng đông. Câu chuyện cư sĩ Upali thuộc giáo phái Nigantha bỏ giáo phái này để theo Bụt là một trong những đề tài đàm luận sôi nổi nhất trong giới tôn giáo và triết học ở Magadha và ở Kosala.

Upali là một người cư sĩ giàu có và thông minh vào bậc nhất ở miền Bắc nước Magadha. Ông là người thí chủ lớn nhất của giáo pháo Nigantha mà người lãnh đạo là giáo chủ Nataputta. Giáo phái này gồm toàn những du sĩ lõa hình, có rất đông quần chúng tín mộ.

Lúc ấy là mùa Xuân, Bụt cư trú trong vườn Xoài Pavarika tại Nalanda, miền Bắc nước Magadha. Một hôm du sĩ lõa hình Digha Tappasi, một cao đệ của giáo chủ Nataputta, nhân đi khất thực ở Nalanda, đã ghé vào thăm Bụt để đàm luận về đạo lý. Bụt hỏi thăm và được vị du sĩ này cho biết rằng giáo phái Nigantha chỉ dùng danh từ tội báo (dandani) mà không dùng danh từ hành nghiệp (karmani). Được hỏi về bản chất của tội báo, Digha Tappasi cho biết là có ba loại: thân tội, khẩu tội, và ý tội.

Được hỏi loại nào nặng nhất và căn bản nhất, du sĩ nói:

- Tội của thân là nặng nhất, và là căn bản nhất.

Bụt cho biết trong đạo lý của người, ý nghiệp là quan trọng nhất, tại vì ý là căn bản, du sĩ Tappasi buộc Bụt phải lặp lại điều này ba lần để Bụt không thể chối cãi, và sau đó kiếu từ ra về.

Gặp lại giáo chủ Nataputta, du sĩ kể lại những chi tiết của cuộc đàm thoại. Nataputta cười lớn và nói:

- Sa môn Gotama đã lầm lẫn nghiêm trọng. Tội trong tâm ý và nơi lời nói chưa phải là tội lớn. Chính những tội do thân thể gây nên một cách cụ thể mới là quan trọng, và có ảnh hưởng lâu dài. Du sĩ Tappasi! Thầy đã nắm được yếu chỉ của đạo pháp ta.

Trong buổi đàm đạo giữa Nataputta và Tappasi còn có mặt một số người cư sĩ, trong đó có vị trưởng giả trí thức Upali và các bạn của ông ta từ thành phố Balaka đến. Nghe tới đây, Upali xin tình nguyện đi thăm Bụt để nói cho Bụt biết là vị sa môn này đã thấy sai khi cho rằng ý nghiệp có tính cách căn bản hơn thân nghiệp và khẩu nghiệp. Giáo chủ Nataputta rất muốn cho Upali đi, nhưng du sĩ Tappasi e ngại. Ông sợ Upali sẽ bị Bụt chinh phục, nhưng giáo chủ Nataputta co đức tin lớn nơi Upali. Ông nói:

- Đừng sợ cư sĩ Upali sẽ trở nên đệ tử của sa môn Gotama. Sa môn Gotama, trái lại có thể trở

nên đệ tử của Upali cũng chưa biết chừng.

Du sĩ Tappasi cố ngăn nhưng không được. Upali đến thăm Bụt và cuộc đàm đạo giữa hai người rất là hào hùng. Đây là lần đầu tiên nhà trí thức này được gặp Bụt. Trong bảy ví dụ liên tiếp. Bụt chỉ cho Upali thấy ý tội là căn bản. Bụt biết các du sĩ lõa hình phái Nigantha là những người có trì giới không sát sinh và biết giữ gìn không dẫm đạp lên trên các loại côn trùng. Bụt khen ngợi điều này. Nhưng người hỏi Upali:

- Nếu không cố ý mà dẫm đạp lên các loại côn trùng thì có phạm tội không?

Upali trả lời:

- Giáo chủ Nataputta bảo rằng nếu không cố tình giết thì không phạm tội.

Bụt cười và nói:

- Như vậy thì giáo chủ Natputta công nhận ý tội là căn bản rồi; nói thân tội là căn bản sao được nữa?

Upali rất khâm phục đức độ và tuệ giác của Bụt. Ông thưa với Bụt là ngay từ đầu Bụt đưa ra, ông đã thấy giáo chủ giáo phái Nigantha là sai, nhưng ông vẫn cứ gạn hỏi để Bụt giảng giải thêm nữa. Nghe đến đâu, ông càng thấy sáng và cuối cùng ông lạy Bụt xin Bụt cho ông làm đệ tử.

Bụt nói:

- Upali, hãy nghĩ cho thật kỹ. Một người trí thức có tầm vóc như ông không thể quyết định một cách vội vã được. Hãy suy nghĩ cho thật chín chắn.

Upali lại quý mến Bụt hơn vì câu nói vừa rồi của Bụt. Câu nói đó chứng tỏ Bụt không ham có thêm đệ tử, dù là một đệ tử có uy tín lớn trong giới nhân sĩ như ông. Không một vị giáo chủ nào khi nghe Upali xin vào đạo mà lại còn bảo Upali nên suy nghĩ cho chín chắn như vị sa môn này. Upali nói:

- Thế Tôn, con đã suy nghĩ chín chắn lắm rồi. Xin Bụt cho con quay về nương tựa Bụt, nương tựa Pháp và nương tựa Tăng. Con rất mừng đã tìm thấy nền đạo lý chân chính, con rất mừng đã tìm thấy Bụt.

Bụt nói:

- Cư sĩ Upali, lâu nay ông là một trong những người bảo trì đắc lực nhất cho các thầy du sĩ phái Nigantha. Vậy đừng vì theo tôi mà chấm dứt việc cúng dường các thầy bên đó.

Upali bạch:

- Thế Tôn thật là cao cả. Thế Tôn thật là rộng lượng. Giáo chủ phái Nigantha không được như Thế Tôn đâu.

Nghe tin Upali đã theo Bụt, du sĩ Tappasi đến báo cho giáo chủ Nataputta. Vị này không tin, cả hai tìm tới nhà Upali và được chính Upali cho biết sự thực.

Uy tín của Bụt và giáo đoàn khất sĩ lên cao, nền đạo lý mới đã chinh phục được lòng người trong

hai nước lớn và trong các nước kế cận. Có nhiều vị khất sĩ tỏ vẻ vui mừng khi báo tin này về Savatthi lên Bụt. Bụt nói:

- Đáng mừng hay không là ở chỗ các thầy có tu học tinh tiến hay không. Chúng ta không nên vui buồn theo sự thịnh suy. Chúng ta phải học thái độ thản nhiên trước cái suy cũng như trước cái thịnh.

Một buổi sáng, trong khi Bụt và các thầy khất sĩ đang chuẩn bị lên đường đi khất thực thì có một toán cảnh sát vào tu viện Jetavana. Họ cho biết là được lệnh đi tìm một người đàn bà mất tích. Các thầy ai cũng ngạc nhiên, không biết tại sao đi tìm một người đàn bà mất tích mà lại tới tu viện nam giới vào một buổi sớm mai. Đại đức Bhaddiya hỏi người bị mất tích là ai. Cảnh sát bảo là nữ du sĩ Sundari. Sundari là một tiểu ni xinh đẹp của một giáo phái lớn có cơ sở ở Savatthi. Mấy tháng nay cô thường hay đến tu viện để nghe thuyết pháp. Nói là để học hỏi thêm về các tông giáo khác. Các thầy bảo với cảnh sát là hiện cô không có ở đây. Nhưng các vị cảnh sát bảo là đã được lệnh khám xét kỹ lưỡng. Sau một hồi tìm kiếm, họ phát giác được tử thi của tiểu ni Sundari chôn cất sơ sài trong đất tu viện, không xa tịnh thất của Bụt là mấy.

Không ai hiểu được tại sao cô Sundari chết và tại sao thi hài của cô lại bị chôn ở đất tu viện. Sau khi cảnh sát đưa xác Sundari đi, Bụt bảo các thầy cứ đi khất thực như thường lệ, người bảo:

- Quý vị hãy hết lòng an trú trong chánh niệm.

Ngày hôm đó, giáo phái của tiểu ni Sundari tổ chức rước thi hài cô đi ngang qua nhiều đường phố để tụng niệm. Thỉnh thoảng họ dừng lại để khóc kể. Quần chúng thấy thế xúm lại gần. Họ phân bua:

- Bà con cô bác có thấy không? Xác của tiểu ni Sundari đó! Họ chôn trong đất của tu viện Jetavana! Bà con nghĩ có chán ngán không? Họ xưng là con cháu dòng họ Sakya, là những người tu theo phạm hạnh; họ nói từ bi hỷ xả, thế mà họ hãm hiếp người ta đến chết rồi chôn dấu người ta đi cho mất tích! Bà con cô bác nghĩ sao?

Dân chúng ở Savatthi rất hoang mang. Ngay trong số những người đã được trực tiếp biết Bụt và các vị khất sĩ mà cũng có người cảm thấy niềm tin lung lay. Những người có tin vững chải nơi Bụt và nói các vị khất sĩ thì nghĩ rằng đây là một vụ vu khống. Tuy nhiên họ cũng đau khổ không kém. Các giáo phái chống đối Bụt nhân cơ hội này ráo riết tuyên truyền để triệt hạ uy tín của giáo đoàn khất sĩ. Đến đâu cũng nghe người ta bàn tán về vụ này. Các vị khất sĩ tới đâu cũng bị chất vấn ráo riết. Họ cố giữ thái độ trầm tĩnh và an trú trong chánh niệm như Bụt đã căn dặn, nhưng đối với các vị khất sĩ mới tu và còn non yếu, việc đương đầu với quần chúng trong vụ tiếng tăm này là một điều cực kỳ khó khăn. Họ cảm thấy tủi hổ. Nhiều khi họ không muốn đi vào thành phố để khất thực nữa.

Bụt biết được tâm trạng của các vị khất sĩ này. Một buổi chiều tại giảng đường, người nói:

- Những chuyện oan ức như thế này có thể xảy ra bất cứ ở đâu và bất cứ thời nào. Quý vị khất sĩ đừng cảm thấy tủi hổ. Quý vị chỉ nên cảm thấy tủi hổ khi mình không sống đời sống phạm hạnh cho xứng đáng mà thôi. Nếu giới luật được nghiêm trì, nếu đời sống phạm hạnh không có tì vết, thì không việc gì các thầy phải tủi hổ. Dư luận phát sinh, dư luận tồn tại rồi dư luận sẽ tiêu diệt. Ngày mai đi khất thực mà có người hỏi, quý vị cứ thẳng thắng trả lời: “Người nào gây nhân thì người ấy sẽ chịu quả”. Và chỉ cần nói từng ấy thôi là đủ.

Nghe Bụt nói thế, các thầy cảm thấy được an ủi rất nhiều.

Trong khi đó nữ cư sĩ Visakha rất khổ đau. Bà có đức tin trọn vẹn nơi Bụt và nơi giáo đoàn. Bà biết đây là một vụ vu khống để bôi nhọ Bụt và giáo đoàn khất sĩ. Ngay từ hôm nghe được tin này, bà lập tức đi tìm cư sĩ Sudatta. Hai người đàm luận rất lâu, và cuối cùng họ đồng ý là phải cho người đi bí mật dò la để tìm ra thủ phạm của vụ bôi nhọ. Cư sĩ Sudatta đề nghị phải có người giả trang đi thám thính ngay cả trong nội bộ giáo phái du sĩ của tiểu ni Sundari. Hai người đến thăm thái tử Jeta để nhờ thái tử giúp một tay trong việc này.

Chỉ trong vòng bảy hôm, thám tử đã tìm ra được thủ phạm giết người. Sau khi nhận tiền thù lao, hai tên giết người này đã đi ăn nhậu với nhau để chia nhau số tiền được thưởng. Trong cơn say họ đã cãi lộn với nhau và tiết lộ những điều bí mật. Cảnh sát hoàng gia đã được phái tới bắt họ. Các thủ phạm đã thú nhận tất cả tội lỗi và kể tên những vị lãnh đạo tôn giáo đã thuê họ giết cô Sundari và chôn dấu tử thi cô gần tịnh thất của Bụt.

Vua Pasenadi tới tu viện Jetavan thăm Bụt sau khi được báo cáo về tin này. Vua tỏ ý mừng cho Bụt và cho giáo đoàn vừa thoát được một tai nạn. Bụt cho vua biết là hận thù và ganh ghét có thể làm cho con người mù quáng, và xin vua giảm tội cho các phạm nhân. Người nói những vụ như thế này có thể xảy ra trong tương lai nếu con người không vượt thắng được hận thù và ganh ghét.

Chỉ trong vòng hai hôm sau là tất cả dân chúng trong thủ đô biết được sự thật về âm mưu bôi nhọ Bụt và giáo đoàn khất sĩ. Dân chúng thủ đô bắt đầu nhìn các vị khất sĩ trở lại bằng con mắt thán phục và nhiều kính nể.

Chương 55 - Ánh Mai Vừa Tỏ Rạng

Một hôm Bụt và thầy Ananda đi thăm một tu viện nhỏ ở ngoại thành. Hai người tới tu viện vào giờ các thầy đi khất thực vắng. Trong khi đi một vòng ở khuôn viên tu viện, hai người nghe có tiếng rên là trong một am nhỏ. Bước vào am, Bụt thấy một vị khất sĩ bị ốm đang nằm rên trong xó nhà. Trong am rất hôi hám, Bụt tiến tới hỏi:

- Khất sĩ, thầy bị đau ra sao?

- Thưa Thế Tôn, con bị kiết.

- Không có ai săn sóc cho thầy sao?

- Các huynh đệ đi khất thực hết rồi có ai ở nhà đâu? Với lại ban đầu cũng có mấy huynh đệ tới săn sóc, nhưng con thấy mình không làm được lợi ích gì cho các huynh đệ mà cứ bắt các huynh đệ săn sóc cho mình thì tội chết, cho nên con nói với các huynh đừng tới nữa.

Bụt bảo thầy Ananda:

- Ananda, đi kiếm ít nước, chúng ta sẽ rửa ráy cho thầy khất sĩ này.

Sau khi Ananda đi lấy nước về, hai thầy trò tắm rửa và mặc áo sạch cho vị khất sĩ. Rồi hai người đặt thầy lên giường. Xong xuôi, Bụt và Ananda đi quét rửa trong am cho hết mùi hôi hám và đem áo quần ra giặt và phơi. Lúc ấy các vị khất sĩ đi khất thực đã tuần tự trở về. Đại đức Ananda xin họ đi nấu nước sôi và kiếm thuốc men cho thầy khất sĩ bị kiết.

Bụt hỏi :

- Các vị khất sĩ , vị khất sĩ ngoài tịnh thất kia đau bệnh gì vậy?

- Bạch đức Thế Tôn, thầy ấy bị kiết.

- Có ai săn sóc cho thầy ấy không?

- Bạch đức Thế Tôn, ban đầu thì chúng con có săn sóc, nhưng sau đó thầy ấy ngại không cho chúng con săn sóc nữa.

- Này các vị khất sĩ! Chúng ta đã đi tu và chúng ta không còn được cha mẹ hoặc bà con săn sóc cho chúng ta mỗi khi đau ốm như khi còn ở nhà nữa. Vậy nếu chúng ta không săn sóc cho nhau thì ai sẽ săn sóc cho chúng ta? Chúng ta phải săn sóc cho nhau, mỗi khi có ai bị đau ốm, dù người ấy là thầy hay bạn hay học trò thì chúng ta cũng phải săn sóc tận tình cho đến khi người ấy bình phục hoàn toàn. Này các vị khất sĩ! Nếu tôi bị đau ốm thì quý vị có săn sóc cho tôi không?

- Bạch đức Thế Tôn, chúng con chắc chắn sẽ săn sóc cho Thế Tôn.

- Vậy thì từ nay, khi có vị nào bị ốm đau thì quý vị hãy săn sóc cho đến khi bình phục. Săn sóc cho vị ấy tức là chăm sóc cho chính tôi vậy.

Các vị khất sĩ có mặt đều chắp tay cúi đầu, vâng theo lời Bụt dạy.

Mùa hạ năm sau, Bụt an cư tại tu viện Lộc Mẫu ở Savatthi. Năm nay tại Savatthi, ni sư Mahapajapati cũng lãnh đạo một ni chúng đông đảo an cư tại tu viện của các vị nữ khất sĩ. Phụ tá ni sư có ni sư Khema. Ni sư Khema ngày xưa vốn là một vị quý phi của vua Bimbisara nước Magadha. Cách đây hai mươi năm, bà đã được quy y làm học trò tại gia của Bụt. Bà vốn là người thông minh, nhưng có tính tự hào, nhờ được gặp Bụt và nghe Bụt thuyết pháp nên bà tỉnh ngộ và bắt đầu học phép khiêm cung.

Sau bốn năm tu học với tính cách một cư sĩ tại gia, bà đã xin Bụt xuất gia và gia nhập ni chúng do ni sư Mahapajapati lãnh đạo. Bà tu học rất tinh tiến, và trong những năm gần đây đã trở nên một trong những vị lãnh đạo quan trọng của ni chúng. Nữ cư sĩ Visakha thường cùng các con đi cúng dường và nghe pháp ở nữ tu viện này. Nam cư sĩ Sudatta cũng đã được bà mời nhiều lần tới cúng dường và nghe pháp. Tại đây cư sĩ đã được gặp nữ khất sĩ Khema, nữ khất sĩ Dhammadinna, nữ khất sĩ Utpalavanna và nữ khất sĩ Palacara. Bà Visakha được biết tường tận về cuộc đời của các vị nữ khất sĩ này và bà đã kể cho ông Sudatta nghe lại những điều bà biết.

Một hôm đến ni viện với một người bạn nam giới cũng có tên là Visakha, cư sĩ Sudatta được gặp nữ khất sĩ Dhammadinna. Vị nữ khất sĩ này là một trong những vị giảng sư nổi tiếng nhất của ni viện. Hai người đã được học hỏi đạo lý với vị ni sư này. Ni sư đã giảng giải cho cả hai vị cư sĩ rất rành rẽ về những yếu tố tạo nên con người là năm uẩn, tức là sắc, thọ, tưởng, hành và thức, và về con đường của tám sự hành trì chân chính gọi là bát chánh đạo. Cư sĩ Visakha rất ngạc nhiên khi thấy kiến thức thâm uyên của ni sư về đạo lý tỉnh thức. Ông về tu viện Kỳ Thọ và đem tất cả những điều ni sư giảng dạy bạch lại với Bụt, Bụt nói:

- Visakha, nếu ông hỏi ta, thì ta cũng sẽ trả lời như nữ khất sĩ Dhammadinna không khác. Ông nên biết là qua bài pháp mà ông được nghe, nữ khất sĩ Dhammadinna đã nắm rất vững đạo pháp giải thoát và giác ngộ.

Nói xong, Bụt quay lại đại đức Ananda và bảo:

- Ananda, thầy nên trùng tuyên lại cho đại chúng nghe bài pháp của ni sư Dhammadinna. Bài pháp này là một bài pháp quan trọng.

Bên cạnh ni sư Dhammadinna, còn có ni sư Bhaddha Kapilani là một vị nữ khất sĩ cũng nổi tiếng thông tuệ về giáo lý. Hai ni sư này thường được các giới cư sĩ thỉnh cầu đến thuyết pháp tại nhiều địa điểm trong xứ.

Câu chuyện về nữ khất sĩ Patacara là một câu chuyện rất thương tâm; Patacara là con gái một người rất giàu có ở Savatthi. Bố mẹ của Patacara giữ con kỹ lắm, không bao giờ cho con gái đi ra ngoài đường. Cả ngày Patacara bị nhốt trong nhà và vì thế không được gặp ai. Đến tuổi dậy thì, cô đem lòng thương một người con trai giúp việc trong nhà. Bố mẹ của cô hoàn toàn không hay biết gì về điều này. Họ sắp đặt để gã cô cho một chành trai, con của một nhà phú hộ khác. Hoảng kinh, cô bàn tính với người yêu bỏ nhà đi trốn. Rạng sáng ngày cưới, cô hóa trang làm con ở đi gánh nước và thoát ra khỏi nhà. Qua bến đò, cô gặp người yêu. Hai người đi trốn đến một nơi thật xa và cưới nhau. Ăn ở với nhau được ba năm thì cô có mang. Gần đến ngày sinh con, cô đòi chồng đưa về nhà cha mẹ để sinh, theo tục lệ xứ cô. Chồng cô sợ ông bà nhà phú hộ lắm, nhưng vì vợ cương quyết quá nên anh bất đắc dĩ phải đưa vợ về. Nhưng khi về đến nửa đường thì cô lâm bồn và sinh được một cháu bé con trai. Việc trở về nhà cha mẹ vì thế không

còn cần thiết nữa. Hai vợ chồng liền quay về nơi sinh sống cũ.

Hai năm sau, cô lại có mang, và cô lại ép chồng đưa cô về quê để sinh đẻ. Nhưng lần này họ rủi ro quá. Giữa đường họ gặp một trận bão lớn. Cô lại muốn lâm bồn. Người chồng bảo vợ ngồi xuống bên đường chờ đợi, để anh ta vào rừng đốn cây bẻ lá về che thành một túp lều tạm, Patacara đợi mãi không thấy chồng về. Nửa đêm cô sinh ra một đứa bé con trai, trong lúc trời vẫn mưa vẫn gió.

Sáng hôm sau, khi bão tạnh, Patacara tay ôm đứa be sơ sinh tay dắt đứa bé chưa đầy ba tuổi đi vào rừng tìm chồng. Cô thấy chồng nằm chết trong rừng. Hôm qua trong khi đốn củi, anh ta đã bị một con rắn độc cắn và nằm chết ngay tại chỗ, Patacara khóc than thảm thiết, rồi cô ẵm dắt con ra đi, tìm về nhà cha mẹ. Cô đi mãi cho đến khi gặp một dòng sông. Mực nước sông lên cao vì mưa gió đã kéo dài hơn một đêm một ngày. Không biết làm sao, cô mới dặn đứa con ba tuổi đứng chờ cô bên này sông để cô ẵm đứa bé sơ sinh sang bên kia sông trước. Bằng hai tay, cô nâng đứa bé lên quá đầu và lội qua sông. Tới giữa dòng, một con chim ưng sà xuống và cắp đứa bé bay đi. Patacara hoảng hốt la lớn lên để con chim ưng sợ mà buông đứa bé. Ai ngờ tiếng kêu của cô vọng tới sang bờ phía sau, và em bé ba tuổi, tưởng mẹ gọi mình, vội vã lội xuống nước chạy theo. Con chim ưng cắp đứa bé sơ sinh bay xa rồi, Patacara không làm gì được nữa. Ngoái nhìn lại bờ bên nọ cô thấy đứa con trai ba tuổi của cô đã lội xuống nước. Hoảng kinh, Patacara la lên và nhoài mình trở về bờ bên nọ để cứu con, nhưng chậm mất rồi, đứa bé đã bị dòng nước cuốn đi mất.

Qua tới bờ bên kia, Patcara kiệt sức. Cô không còn khóc được nữa. Cô nằm trên bờ sông lâu lắm mới lấy lại được chút sức lực. Rồi cô tìm đường lần hồi về Savatthi.

Về tới Savatthi cô được tin là ngôi nhà của cha mẹ cô đã bị trận bão ngày hôm kia xô ngã và cả bố lẫn mẹ của cô đều bị đè chết trong ngôi nhà sụp đổ. Ngày hôm cô về tới là ngày người ta đưa xác ông bà lên giàn hỏa.

Chưa bao giờ mà nhiều biến cố khổ đau dồn về một lúc trên một con người như thế. Patcara ngã quỵ bên lề đường. Cô không còn muốn sống nữa. Những người qua đường ghé lại thăm hỏi và đưa cô về tu viện Jetavana gặp Bụt. Bụt nhờ các vị nữ cư sĩ đưa Patacara đi tắm rửa và lấy áo quần khô và sạch cho Patacara mặc. Rồi người ngồi chăm chú nghe Patacara kể lại chuyện mình. Bụt an ủi:

- Con đã gặp quá nhiều tai nạn và rủi ro. Nhưng cuộc đời không phải chỉ có khổ đau và tai nạn. Con hãy học theo pháp giác ngộ để có thể mỉm cười với chính những khổ đau của mình và để tạo an lạc cho hiện tại và cho tương lai.

Patacara lạy Bụt xin quy y với người. Bụt cho vời ni sư Mahajapati tới. Người gửi gắm Patacara cho ni sư.

Chiều hôm đó, Patacara theo ni sư về ni viện. Sau một thời gian tập sự, Patacara được thọ giới làm nữ khất sĩ. Patacara được ni trưởng và các ni sư trong viện thương yêu lắm. Sau mấy năm tu học, Patacara đã tìm lại được nụ cười. Một hôm trong khi múc nước rửa chân, thấy những dòng nước theo hai chân chảy xuống và thấm vào lòng đất, nữ khất sĩ Patacara ngộ được lý vô thường. Suốt mấy đêm liền, cô thực tập thiền quán bằng hình ảnh ấy. Một buổi sáng nọ, Patacara chứng nghiệm được nguyên tắc sinh diệt. Cô đọc lên mấy câu thơ:

Hôm nọ đang rửa chân

Tôi thấy dòng nước chảy

Nước thấm vào lòng đất

Tôi hỏi: nước về đâu?

Thiền quán trong tĩnh lặng

Tôi nắm giữ thân tâm

Như một con tuấn mã

Tôi quán sát lục trần

Ngồi nhìn ngọn đèn dầu

Tôi đi vào phép quán

Thời khắc trôi qua mau

Lửa đèn còn chiếu sáng

Lấy cây tăm khêu bấc

Tôi dìm bấc xuống dầu

Ánh đèn bỗng phụt tắt

Tất cả chìm đêm sâu

Ngọn lửa về Niết bàn

Nhưng hồn tôi chợt sáng

Tâm được cởi trói rồi

Ánh mai vừa tỏa rạng.

Nữ khất sĩ Patacara được gặp ni trưởng Mahajapati sáng hôm ấy. Cô trình lên bà bài thơ và rất được bà khen ngợi.

Nữ khất sĩ Uppalavanna được xuất gia là nhờ công tiến dẫn của đại đức Moggallana. Vị ni sư có dung quang rất mỹ lệ, dù bà đã cạo đầu mặc áo khất sĩ. Bà tu học tinh tiến lắm và cũng là một trong những người phụ tá giỏi của ni trưởng Pajapati.

Một hôm đi qua công viên thành phố, đại đức Moggallana gặp người thiếu phụ nhan sắc mặn mà đang đứng chặn đường người. Đó là Uppalavanna, lúc ấy là một hoa khôi trong giới thương nữ. Người đời gọi cô là Liên Hoa Sắc vì cô có sắc đẹp và sự tươi mát của một bông hoa sen xanh. Đại đức Moggallana nhìn thẳng vào mặt người phụ nữ này và biết ngay đây là một người mà tâm hồn chứa chất rất nhiều u uẩn khổ đau. Đại đức nói:

- Cô có hình dáng xinh đẹp, cô lại có bề ngoài trang phục lộng lẫy, nhưng tôi biết bên trong cô

là một người đầy khổ đau và mặc cảm. Nghiệp chướng cô nặng nề lắm và cô đang càng ngày càng sa vào con đường lầy lội. Cô nên thức tỉnh càng sớm càng hay.

Uppalavanna hoảng kinh thấy vị khất sĩ nhìn thấu nội tâm mình, nhưng cô vẫn giữ vẻ bình thản. Cô nói:

- Có thể là đại đức nói đúng, nhưng tôi không có con đường nào khác hơn.

Thầy Moggallana nói:

- Tại sao cô lại bi quan như thế? Dù quá khứ có sao đi nữa, ta vẫn có thể chuyển hướng và xây dựng cho tương lai. Áo quần dơ bẩn thì ta dùng nước sông để giặt giũ. Thân thể dơ bẩn thì ta tắm gội. Tâm tư vẫn đục và chán chường thì ta lấy nước giải thoát mà gạn lọc. Bụt dạy: ai cũng có khả năng tỉnh thức và thanh tịnh hóa thân tâm của mình.

Uppalavanna sa nước mắt:

- Nhưng cuộc đời của con đầy dẫy tội lỗi, con sợ Bụt cũng không cứu được con nữa là đại đức.

Vị khất sĩ mỉm cười:

- Không sao đâu, cô cứ kể tự sự cho tôi nghe đi.

Uppalavanna thuật lại rằng nàng là con gái của một nhà triệu phú. Nàng lấy chồng năm mười sáu tuổi. Sau ngày cha chồng nàng mất, mẹ chồng của nàng lại ăn nằm với chính chồng của nàng. Lúc đó Uppalavanna đã sinh được một đứa con gái. Chứng kiến cảnh loạn luân ấy, cô bỏ nhà ra đi, bỏ luôn đứa con gái lại.

Mấy năm sau, cô gặp một thương gia và được ông này cưới làm vợ. Một thời gian sau, cô nghe nói chồng cô có mua về một nàng hầu và đem giấu diếm ở một ngôi nhà cách biệt ngoài thành phố. Cô tìm đến đánh ghen thì phát giác ra rằng đó chính là con gái năm xưa của cô.

Đau xót vô cùng, cô đem lòng thù hận trời đất và con người. Cô không còn tin được ai và thương được ai nữa. Cô theo nghề kỹ nữ. Cô chỉ cần tiền bạc, đồ trang sức và một nếp sống vật chất dư dã. Nên cô đã có ý định chinh phục cả những vị khất sĩ, đó là vì cô muốn trả thù con người và chửi thẳng vào mặt cái đạo đức giả của con người.

Nói tới đó, Liên Hoa Sắc úp mặt trong hai tay và khóc. Đợi Uppalavanna khóc cho thỏa thuê xong, đại đức Moggallana mới bắt đầu dạy đạo cho cô. Rồi thầy đưa cô về gặp Bụt.

Bụt an ủi Uppalavanna và cho phép cô đi về ni viện tập sự tu học dưới sự hướng dẫn của ni sư Gotami. Chỉ trong vòng bốn năm, Uppalavanna đã trở nên một vị ni sư gương mẫu.

Chương 56 - Trùng Sinh Ân Nặng

Thỉnh thoảng Bụt hoặc các vị đệ tử lớn của người lại tới thăm và nói pháp thoại tại ni viện.

Mỗi tháng một lần các vị nữ khất sĩ cũng được tới nghe pháp ở tu viện Jetavana hoặc ở giảng đường Lộc Mẫu.

Năm nay theo lời yêu cầu của đại đức Sariputta, Bụt cho kéo dài mùa an cư thêm một tháng.

Lễ tự tứ sẽ được cử hành vào ngày trăng tròn tháng Kattika, thay vì vào ngày trăng tròn tháng Assayuja như những năm khác. Ý của đại đức Sariputta là nếu Bụt kéo dài mùa an cư thêm một tháng thì các vị khất sĩ và nữ khất sĩ đang an cư tại các trung tâm tu học khác trong nước và ở các nước lân cận, sau khi làm lễ tự tứ cuối ba tháng an cư của họ, có thể tìm về Savatthi để được gặp Bụt.

Tin Bụt sẽ kéo dài mùa an cư năm nay thêm một tháng đã được truyền đi các nơi rất mau chóng, vì vậy sau lễ tự tứ các thầy và các ni cô từ các địa phương lục tục tìm về thăm Bụt rất đông. Các vị thí chủ lớn như Sudatta, Visakha và Malika đã tìm mọi cách để cung cấp phương tiện cư trú và thực phẩm cho cả ngàn vị khách tăng từ các nơi dồn đến. Vào cuối tháng Kattika, số lượng các vị khất sĩ và nữ khất sĩ tại thủ đô Savatthi đã lên tới ba ngàn vị.

Thấm thoát mà ngày trăng tròn tháng Kattika đã đến. Hoa Kumudi nở rộ khắp nơi, Kumudi là một thứ sen trắng thường hay nở rộ vào tiết này nên ngày trăng tròn tháng Kattika cũng được gọi là ngày hoa Kumudi.

Đêm ấy trăng sáng vằng vặc. Bụt ngồi ở ngoài trời, có cả ba ngàn vị đệ tử xuất gia. Hương sen từ hồ bay lên thoang thoảng. Mấy ngàn vị khất sĩ ngồi bao quanh Bụt im lặng. Người nói người rất bằng lòng thấy được thực chất của sự tu học nơi các vị khất sĩ và nữ khất sĩ. Rồi nhân cơ hội này, người nói Kinh Quán Niệm Hơi Thở.

Đúng ra thì vị khất sĩ nào cũng đã được học về phép quán niệm hơi thở, và Bụt đã nhiều lần dạy về pháp môn này, nhưng đây là lần đầu mà đa số các vị xuất gia có mặt được nghe Bụt giảng dạy trực tiếp về phép quán niệm hơi thở.

Đây cũng là lần đầu Bụt tổng hợp những điều đã từng dạy về pháp môn này và đúc kết lại trong một bài giảng. Biết trước rằng kinh này sẽ phải được trùng tuyên để tất cả học thuộc mà hành trì, đại đức Ananda lắng nghe và ghi nhận tất cả những tiếng và những lời Bụt dạy.

Có mặt trong buổi tụ họp hôm nay có cả ni sư Yasodhara mẹ của đại đức Rahula và ni sư Sundari Nanda cô của đại đức và là em gái của Bụt. Hai vị này đã xuất gia dưới sự hướng dẫn của ni sư Gotami và trong những năm qua đã tu học tại một ni viện miền ngoại ô phía Bắc thành Kapilavatthu; ni viện này cũng đã do ni sư Gotami sáng lập.

Sáu tháng sau khi bà Pajapati được xuất gia, Yasodhara đã xin được xuất gia và gia nhập vào ni chúng. Chỉ trong trong vòng một năm, ni sư Yasodhara đã trở nên một vị phụ tá đắc lực cho ni sư Gotami.

Từ những năm Bụt bắt đầu an cư tại tu viện Cấp Cô Độc, ni chúng đã tổ chức an cư ở thủ đô Savatthi để được thừa hưởng sự giáo huấn của Bụt và của các vị đại đệ tử. Hoàng hậu Malika và nữ cư sĩ Visakha đã tận lực ủng hộ ni chúng trong việc thành lập tu viện cho phái nữ. Hai năm đầu, ni chúng được phép sử dụng vườn thượng uyển để làm trung tâm an cư.

Đến năm thứ ba họ mới lập được tu viện riêng biệt. Biết mình tuổi đã cao, ni sư Gotami nỗ lực đào luyện những vị lãnh đạo ni chúng trong giới những ni sư trẻ tuổi. Ni sư Yasodhara là một trong những vị lãnh đạo ni chúng xuất sắc. Cũng xuất gia một lượt với bà, còn có các ni sư Sela, Vimala, Soma. Mutta và Nanduttara. Tất cả các vị ấy đều có mặt hôm nay tại tu viện Lộc Mẫu. Đại đức Rahula đã giới thiệu ni sư Yasodhara và ni sư Sundari Nanda với đại đức Svastika. Đại đức Svastika rất kính mến hai người này; đại đức đã từng được nghe bạn nói nhiều về họ.

Bụt dạy:

- Này các vị khất sĩ, phép quán niệm hơi thở, nếu được phát triển và thực hiện liên tục, sẽ đem lại những thành quả lớn. Do quán niệm hơi thở qúy vị có thể thành tựu phép quán Tứ Niệm Xứ và phép quán Thất Giác Chi, tức là bảy yếu tố giác ngộ, và đạt tới trí tuệ và giải thoát.

Hơi thở thứ nhất: thở vào một hơi dài, ta biết ta đang thở vào một hơi dài.

Thở ra một hơi dài, ta biết ta đang thở ra một hơi dài.

Hơi thở thứ hai: thở vào một hơi ngắn, ta biết ta đang thở vào một hơi ngắn.

Thở ra một hơi ngắn, ta biết ta đang thở ra một hơi ngắn.

Hai hơi thở này nhằm mục đích cắt ngang những thất niệm và suy tư vẩn vơ vô ích, đồng thời làm phát khởi chánh niệm và tiếp xúc được với sự sống trong giờ phút hiện tại. Thất niệm là sự quên lãng, là sự vắng mặt của chánh niệm. Hơi thở có ý thức đưa ta trở về với ta và với sự sống.

Hơi thở thứ ba: ta đang thở vào và có ý thức về toàn thân ta. Ta đang thở ra và có ý thức về toàn thân ta.

Hơi thở này là để quán niệm về thân thể và để tiếp xúc với thân thể của chính mình. Ý thức về thân thể như một tổng thể và ý thức về các bộ phận trong cơ thể để thấy được những mầu nhiệm về sự có mặt và về quá trình sinh diệt của thân thể.

Hơi thở thứ tư: ta đang thở vào và làm cho toàn thân ta an tịnh. Ta đang thở ra và làm cho toàn thân ta an tịnh.

Hơi thở này là để thực hiện sự an tịnh trong cơ thể và cũng là để đạt tới trạng thái thân tâm nhất như trong đó thân tâm và hơi thở trở nên một hợp thể mầu nhiệm.

Hơi thở thứ năm: ta đang thở vào và cảm thấy mừng vui. Ta đang thở ra và cảm thấy mừng vui.

Hơi thở thứ sáu: ta đang thở vào và cảm thấy an lạc. Ta đang thở ra và cảm thấy an lạc.

Với hai hơi thở này hành giả đi sang lãnh vực cảm thọ. Hai hơi thở này tạo ra sự an lạc cho thân tâm để nuôi dưỡng thân tâm. Nhờ chấm dứt vọng tưởng và quên lãng, hành giả trở về với bản thân, tỉnh thức trong giây phút hiện tại, cho nên niềm vui mừng và sự an lạc phát sinh. Hành giả an trú trong sự sống mầu nhiệm và được nếm sự tịnh lạc của chánh niệm. Nhờ tiếp xúc với sự

sống mầu nhiệm, hành giả biến những cảm thọ không khổ không vui (gọi là xả thọ) thành những lạc thọ. Hai hơi thở này đem tới những lạc thọ ấy.

Hơi thở thứ bảy: ta đang thở vào và có ý thức về những hoạt động tâm ý trong ta.

Ta đang thở ra và có ý thức về những hoạt động tâm ý trong ta an tịnh.

Hơi thở thứ tám: ta đang thở vào và làm cho những hoạt động tâm ý trong ta an tịnh.

Ta đang thở ra và làm cho những hoạt động tâm ý trong ta an tịnh.

Hai hơi thở này là để quán chiếu, tất cả những cảm thọ đang xảy ra trong ta, dù đó là lạc thọ, khổ thọ hay xả thọ; và để làm cho an tịnh những cảm thọ ấy. Những hoạt động tâm ý tức là những cảm thọ. Có ý thức về những cảm thọ và quán chiếu về gốc rễ và bản chất của những cảm thọ ấy, ta điều phục được chúng và làm cho chúng trở nên an tịnh, dù đó là những khổ thọ từ tham dục, giận hờn và ganh ghét phát sinh.

Hơi thở thứ chín: ta đang thở vào và có ý thức về tâm ý ta.

Ta đang thở ra và có ý thức về tâm ý ta.

Hơi thở thứ mười: ta đang thở vào và làm cho tâm ý ta hoan lạc.

Ta đang thở ra và làm cho tâm ý ta hoan lạc.

Hơi thở thứ mười một: ta đang thở vào và thu nhiếp tâm ta vào định.

Ta đang thở ra và thu nhiếp tâm ta vào định.

Hơi thở thứ mười hai: ta đang thở vào và cởi mở cho tâm ý ta được giải thoát tự do.

Ta đang thở ra và cởi mở cho tâm ý ta được giải thoát tự do.

Với bốn hơi thở này hành giả đi sang lãnh vực thứ ba là tâm ý. Hơi thở thứ chín nhằm nhận diện tất cả những hoạt động của tâm ý như tri giác, tư duy, phân biệt, vui, buồn, nghi kỵ v.v... Nhận diện để thấy được sự vận hành của những hoạt động tâm ý, và khi đã nhận diện rồi, hành giả thu nhiếp tâm ý, làm cho tâm ý lắng lại và cảm thấy an lạc trong trạng thái tâm ý lắng đọng này. Đó là tác dụng của hơi thở thứ mười và thứ mười một. Hơi thở thứ mười hai nhằm tháo gỡ những chỗ kẹt của tâm ý. Nhờ quán chiếu mà ta thấy được nguồn gốc của tâm ý và do đó ta tháo gỡ được những chỗ kẹt ấy.

Hơi thở thứ mười ba: ta đang thở vào và quán chiếu tính vô thường của vạn pháp.

Ta đang thở ra và quán chiếu tính vô thường của vạn pháp.

Hơi thở thứ mười bốn: ta đang thở vào và quán chiếu về giải thoát.

Ta đang thở ra và quán chiếu về giải thoát.

Hơi thở thứ mười sáu: ta đang thở vào và quán chiếu về sự buông bỏ.

Ta đang thở ra và quán chiếu về sự buông bỏ.

Với bốn hơi thở này, người hành giả bước sang lãnh vực đối tượng của tâm thức, và chú tâm quán sát thực tướng của vạn pháp. Trước hết là quán về tự tính vô thường của vạn pháp. Vì vô thường cho nên tất cả sẽ đi đến tàn hoại. Biết rõ tướng trạng vô thường là tàn hoại của vạn pháp, hành giả không còn bị những sinh diệt thành hoại của vạn pháp trói buộc nữa, do đó hành giả có thể buông bỏ và đi đến giải thoát. Buông bỏ không có nghĩa là ghét bỏ và chạy trốn. Buông bỏ có nghĩa là buông bỏ sự vướng mắc và đam mê, không bị ràng buộc và khổ đau vì sanh diệt thành hoại của của các pháp nữa. Một khi đạt được giải thoát và buông bỏ, hành giả sống an lạc trong cuộc đời mà không có gì trong cuộc đời có thể ràng buộc hành giả.

Bụt đã dạy phép hành trì mười sáu hơi thở trong quá trình quán chiếu thân thể, cảm thọ, tâm ý và đối tượng tâm ý. Người còn dạy áp dụng mười sáu hơi thở này trong công phu tu tập bảy yếu tố giác ngộ là chánh niệm, quyết trạch về vạn pháp, tinh tiến, hỷ lạc, khinh an, định và hành xả. Bảy pháp này được gọi là Thất Giác Chi.

Đại đức Svastika đã từng được nghe Kinh Bốn Lãnh Vực Quán Niệm. Bây giờ đại đức lại được nghe Kinh Quán Niệm Hơi Thở. Đại đức nhận thấy rằng nhờ Kinh Quán Niệm Hơi Thở này mà đại đức hiểu được Kinh Bốn Lãnh Vực Quán Niệm một cách sâu sắc hơn. Hai kinh này, theo đại đức, có thể bổ túc cho nhau, và theo đại đức, đây là những kinh căn bản nhất của công trình thiền tập.

Gần ba ngàn vị khất sĩ và nữ khất sĩ đêm ấy được nghe kinh này đều lấy làm sung sướng. Đại đức Svastika thầm cám ơn đại đức Sariputta đã sắp đặt để có được buổi tụ tập trong đêm trăng mầu nhiệm này.

Một hôm đại đức Ahimsaka đi khất thực về tới tu viện, bước đi khập khiễng và mặt mũi đầy cả máu me.

Svastika trông thấy liền chạy tới đỡ đại đức. Đại đức Ahimsaka nhờ thầy đưa vào yết kiến Bụt.

Hôm nay trong khi đi khất thực ở thành phố, đại đức bị một nhóm người nhận ra đại đức chính là Angulimala ngày xưa.

Họ đã đến vây quanh và tấn công đại đức. Ahimsaka chắp hai tay thành búp sen, tuyệt đối không chống trả, để cho họ tha hồ đánh đạp, nhóm người ấy đã đánh đại đức trẹo cả chân và hộc cả máu mồm máu mũi.

Thấy Ahimsaka trong tình huống ấy, Bụt liền đi ngay ra đỡ thầy. Người bảo Ananda đi lấy một chậu nước và một chiếc khăn mặt để người lau máu cho thầy, và người bảo Svastika đi hái lá dâu để dịt vào những vết thương trên cơ thể thầy.

Đại đức Ahimsak không hề rên rỉ, dù thầy đau lắm. Bụt nói:

- Hãy cố gắng chịu đựng đi Ahimsaka! Những đau khổ hôm nay có thể rửa sạch được những đau khổ của ngày qua. Chịu đựng khổ đau trong tình thương và trong tỉnh thức là một thứ tịnh thủy mầu nhiệm có thể xoá bỏ tất cả oán thù trong muôn kiếp.

Bụt nói:

- Ahimsaka, áo ca sa của thầy đã bị xé rách tả tơi, còn bình bát của thầy đâu?

- Bạch đức Thế Tôn, họ đã đập vỡ bình bát của con ra hàng trăm mảnh rồi.

Bụt nói:

- Thôi để tôi nhờ thầy Ananda đi tìm cho thầy một chiếc y sanghati khác và một cái bình bát khác.

Vừa rịt thuốc dâu vào những vết thương của thầy Ahimsaka, Svastika vừa thấy rằng đây là một tâm gương toàn vẹn của tinh thần bất bạo động. Thầy Ahimsaka kể cho Svastika nghe rằng trước đây một hôm đang đi khất thực thầy gặp một thiếu phụ nghèo đang lâm bồn ngay dưới một cội cây ở chốn lâm viên. Thiếu phụ đau đớn vô cùng mà vẫn không sinh nở được. Đại đức xúc động la lên: khổ quá! khổ quá! Và chạy nhanh về báo cáo với Bụt. Bụt nói:

- Thầy hãy chạy ngay tới thiếu phụ và chú nguyện cho người đàn bà ấy. Thầy nói: "Này cô, từ ngày sinh ra cho đến nay, tôi chưa từng có cố ý phạm đến sinh mạng của một loài nào. Nguyện rằng nhờ sự thật ấy mà cô sinh cháu được bình an".

Ahimsaka la lên:

- Con nói như thế là nói dối! Sự thật là con đã cố ý phạm đến sinh mạng của nhiều người từ khi con sinh ra.

Bụt bảo:

- Vậy thì thầy nói: "Này cô, từ ngay tôi được sinh ra trong giáo pháp giác ngộ, tôi chưa bao giờ cố ý phạm đến sinh mạng của loài nào. Nguyện rằng nhờ sự thực ấy mà cô sinh cháu được bình an".

Lập tức thầy Ahimsaka chạy về khu lâm viên và nói với người thiếu phụ đúng theo lời Bụt chỉ dạy. Chỉ một vài phút sau đó, thiếu phụ sinh được em bé bình an.

Từ ngày ấy về sau, công phu tu học của thầy Ahimsaka càng ngày càng tinh tiến. Thầy được Bụt khen ngợi. Cho đến ngày hôm nay ...

Chương 57 - Chiếc Bè Đưa Người

Mùa Đông năm ấy trong khi Bụt nhập thất gần giảng đường Trùng Các ở Vesali, có mấy vị khất sĩ rủ nhau tự sát ngay trong tu viện. Sau thời hạn nhập thất Bụt được báo tin nầy. Người hỏi nguyên do. Các thầy trả lời là các vị khất sĩ ấy vì quán sát tính vô thường và tàn hoại của thân thể cho nên đã sinh lòng chán ghét thân thể và không muốn sống nữa. Bụt cho triệu tập tất cả các vị khất sĩ trong tu viện lại. Người nói:

- Các vị khất sĩ, quán vô thường là để thấy được tự tính chân thực của vạn pháp và đừng bị vạn pháp thao túng và làm cho khổ đau. Quán tính tàn hoại của thân thể cũng có mục đích ấy. Người ta không đạt tới giải thoát và tự do bằng các trốn chạy vạn pháp. Người ta chỉ đạt tới giải thoát và và tự do bằng cách thấy được thực tính của vạn pháp. Có một vài người trong quý vị đã không hiểu được đều đó và đã tìm con đường dại dột của sự trốn chạy và đã phạm vào giới sát.

Này các vị! Người giải thoát là người không kẹt vào sự tham đắm mà cũng không kẹt vào vào chán ghét. Tham đắm và chán ghét đều là những sợi dây ràng buộc. Người tự do là người vượt thoát cả tham đắm lẫn chán ghét. Do sự vượt thoát đó, người ấy an trú trong tịnh lạc. Niềm hạnh phúc của người đó không thể nào đo lường được. Những cố chấp về vô thường và vô ngã cũng không có mặt nơi người ấy. Này các vị khất sĩ! Các vị hãy học và hành theo giáo lý tôi dạy một cách thông minh và trong tinh thần phá chấp.

Về lại Savatthi, Bụt lại có dịp đạy các vị khất sĩ thêm về vấn đề phá chấp. Tại Savatthi có một vị khất sĩ tên là Arittha cũng đã vì không hiểu được chân ý của lời Bụt dạy mà bị kẹt vào những cố chấp.

Trước đại chúng các vị khất sĩ tại tu viện Jetavana. Bụt dạy:

"Hiểu giáo pháp một cách sai lạc, người ta có thể đi vào cố chấp, từ cố chấp người ta đi sâu vào sai lầm, gây đau khổ cho mình và cho người.

Nầy các vị! Hãy nghe, hiểu và hành giáo pháp một cách thông minh. Như thế giáo pháp mới đưa đến một lợi ích thiết thực. Một người bắt rắn giỏi biết cách dùng một cái cây có nạng và chận vào phía cổ của con rắn và cuối cùng nắm bắt được rắn ở chỗ cổ của nó. Nếu không biết bắt rắn mà nắm lấy rắn ở lưng hay ở đuôi thì người có thể bị rắn quay lại cắn tay. Học hỏi giáo lý, cũng phải học hỏi thông minh như là bắt rắn vậy.

Này các vị! Giáo lý là phương tiện chỉ bày chân lý, đừng chấp phương tiện là chân lý. Ngón tay chỉ mặt trăng không phải là mặt trăng. Không có ngón tay ấy thì quý vị không biết hướng của mặt trăng, nhưng nếu quý vị nhận lầm ngón tay là mặt trăng, thì vĩnh viễn quý vị không thấy được mặt trăng.

Giáo lý là chiếc bè đưa người sang sông. Chiếc bè rất cần thiết, nhưng chiếc bè không phải là bờ bên kia. Một người thông minh khi sang tới bờ bên kia rồi không bao giờ dại dột đội chiếc bè lên đầu mà đi. Này quý vị! Giáo pháp tôi dạy là chiếc bè đưa quý vị vượt qua bờ sinh tử. Quý vị phải sử dụng chiếc bè để qua bờ sinh tử mà không nên nắm giữ chiếc bè. Quý vị cần hiểu rõ ví dụ này để đừng bị kẹt vào giáo pháp, để có khả năng buông bỏ được giáo pháp. Này quý vị! Giáo

pháp còn cần được buông, huống hồ là giáo pháp hiểu sai. Giáo pháp hiểu sai không phải là giáo pháp.

Nầy quý vị, tất cả những giáo pháp mà quý vị đã học như tứ diệu đế, bát chánh đạo, tứ niệm xứ, thất giác chi, vô thường, vô ngã, khổ, không, vô tướng, vô tác ... tất cả những giáo pháp quý vị phải học hỏi và thực tập một cách thông minh và khôn khéo. Hãy sử dụng những giáo pháp ấy để đi tới giải thoát, nhưng đừng bị kẹt vào những giáo pháp ấy".

Trung tâm tu học của ni chúng tại Savatthi đã có đến năm trăm vị nữ khất sĩ. Trung tâm này thường thỉnh Bụt và các vị cao đức từ Jetavana tới giảng dạy. Đại đức Ananda được Bụt giao cho trách nhiệm công cử các vị giảng sư cho ni chúng. Một hôm đại đức đề cử đại đức Bhanda. Đại đức Bhanda là người có thật tu, có chứng đắc, nhưng đại đức không rành về chuyện diễn giảng, nhưng đã được chỉ định, đại đức phải vâng lời. Ngày hôm sau, sau khi đi khất thực, đại đức ghé vào một cụm rừng để thọ trai. Thọ trai xong, đại đức đi về phía nữ tu viện. Đại đức được các ni sư đón tiếp niềm nở. Ni sư Gotami thỉnh đại đức lên pháp tọa.

Lên pháp tọa, đại đức Bhanda chỉ đọc vỏn vẹn một bài kệ:

An trú trong tĩnh mặc

Thấy Pháp, trở về nguồn

Không hận thù bạo động

Niềm an lạc trào tuôn

Điều phục được kiêu mạn

Sống an hòa chân thật

Vượt ra ngoài ái nhiễm

Là niềm vui lớn nhất.

Đọc xong bài kệ, đại đức im lặng đi vào đại định. Bài thuyết pháp của đại đức chỉ có mấy chục tiếng nhưng đạo phong của đại đức Bhanda đã làm cho các ni sư hoan hỷ. Một số các vị ni sư còn trẻ thấy bài thuyết pháp ngắn quá, liền bạch với vi sư Gotami xin đại đức nói thêm. Ni sư Gotami chìu họ, tiến lên làm lễ đại đức Bhanda và chuyển lời thỉnh cầu của các ni sư trẻ. Nhưng đại đức chỉ lập lại một lần nữa bài kệ trên rồi bước xuống pháp tọa.

Câu chuyện nầy mấy hôm sau được trình lên Bụt. Có vị đề nghị là nếu cần cử vị giảng sư cho ni chúng thì nên cử những vị có biện tài nhiều hơn đại đức Bhanda. Bụt dạy: thực chứng là điều căn bản nhất. Vị giảng sư có thể ít dạy bằng lời nhưng dạy nhiều bằng đạo phong của mình, và người căn dặn là vị giảng sư cho ni chúng phải được công cử bởi đại chúng.

Một buổi trưa đi khất thực về, Bụt không thấy Ananda đâu cả. Người hỏi đại đức Rahula xem thầy có biết thầy Ananda ở đâu không. Rahula trả lời là không biết. Một vị khất sĩ cho biết là thầy thấy thầy Ananda đi khất thực ở một xóm nghèo trong giới những người hạ tiện không giai cấp. Thầy lại nói lâu nay thầy vẫn thấy đại đức Ananda lui tới xóm ấy để khất thực. Nghe nói thế, Bụt nhờ vị khất sĩ này đi tìm thầy Ananda.

Vị đại đức đi hỏi thăm và tìm được thầy Ananda về. Đại đức cũng đem về theo những vị thí chủ của thầy Ananda. Đó là cô Prakriti và bà mẹ của cô. Thầy Ananda đã được mời lại thọ trai tại nhà này, và hai mẹ con đã tìm cách lưu thầy ở lại. Bà mẹ của Prakriti đã cho thầy uống một thứ nước lá cây lạ khiến đầu óc thầy choáng váng, tay chân thầy như bủn rủn và thầy không còn đủ sức đứng dậy ra về nữa.

Lúc ấy Bụt đang nói pháp thoại cho các vị khất sĩ. Đại đức Ananda thuật lại cho Bụt nghe là cô Prakriti đã đem lòng thương đại đức, và đại đức đã tìm mọi các giảng giải để cô từ bỏ mối tình tuyệt vọng đó đi, nhưng đại đức chưa thành công. Đại đức cầu xin Bụt giúp đỡ đại đức.

Theo thầy Ananda kể thì một hôm trên đường đi khất thực về, cảm thấy khát nước, thầy đã ghé vào một cái giếng trong xóm để giải khát. Hôm ấy chỉ có một mình cô Prakriti đang múc nước ngoài giếng. Prakriti tuy là một cô gái thuộc dòng hạ tiện, nhưng nhan sắc rất mặn mà. Thầy Ananda ngỏ ý xin cô nước uống. Cô không dám đứa nước cho thầy, nói rằng cô thuộc về ngoại cấp, không có quyền cúng dường nước cho thầy, sợ làm ô uế thầy. Ananda bảo:

- Tôi đâu cần xin địa vị hay giai cấp trong xã hội. Tôi chỉ cần xin nước uống thôi. Cô cứ cho tôi uống nước đi, đừng sợ.

Prakriti liền đưa nước cho thầy Ananda uống. Cô chưa thấy một người đàn ông nào đẹp trai, hiền hậu và ăn nói dịu dàng như thầy. Từ giờ phút đó cô đem lòng thương thầy. Tối đến cô không ngủ được, cứ nằm nghĩ đến thầy. Cô thường ra giếng nước ngồi đợi hàng giờ, mong mỏi được gặp thầy cho đỡ bớt nỗi nhớ niềm thương.

Prakriti đã từng bàn với mẹ mời thầy Ananda về nhà thọ trai mấy lần. Thầy đã nhận lời tới thọ trai tại đây hai lần, nhưng sau đó thấy được niềm đam mê của cô nên thầy đã tránh và đã từ chối. Cô Prakriti đau khổ vì tình, người cô càng ngày càng ốm xanh đi. Bà mẹ hỏi mãi, cô mới thú thật là cô yêu thầy Ananda và muốn thầy Ananda ra đời để cưới cô. Bà mẹ la cô, nói đó chỉ là cuồng vọng, nhưng cô nhất quyết nói rằng nếu không lấy được thầy Ananda thì cô sẽ chết.

Cuối cùng bà mẹ của cô, vốn thuộc về dòng Matanga có biết ít nhiều về bùa chú và ma thuật, đã tìm cách cho thầy uống nước một thứ là lạ để cho thầy mất minh mẫn mà đáp lại mối tình nồng nhiệt của con gái mình.

Sáng hôm nay bà đã đón đường thầy, và cầu khẩn thầy ghé nhà thọ trai một lần chót. Thầy đinh ninh hôm nay sẽ có cơ hội giảng rõ cho hai mẹ con về đạo lý để họ buông bỏ thầy, nhưng chưa kịp làm việc ấy thì thầy đã uống nhằm thứ nước trà quái đản kia. Uống xong thầy biết ngay là mình cần phải ngồi lại để thực hành phép quán niệm hơi thở. Thầy ngồi yên trong tư thế kiết già như thế rất lâu, dùng khí công để giải tỏa chất ma tuý cho đến khi được Bụt phái người đến triệu về.

Bụt gọi Prakriti tới gần. Người hỏi, giọng rất hiền lành:

- Con thương thầy Ananda lắm phải không?

Prakriti bạch:

- Con thương thầy Ananda lắm.

- Con thương cái gì nơi thầy Ananda? Con thương hai mắt, cái mũi hay là cái miệng của thầy?

- Con thương hết những gì nơi thầy Ananda. Mắt con cũng thương, mũi con cũng thương, miệng con cũng thương, giọng nói con cũng thương, dáng đi con cũng thương. Bạch sa môn, con thương hết tất cả những gì nơi thầy ấy.

- Ngoài hai con mắt, cái mũi, cái miệng, giọng nói, dáng đi và cái nhìn, thầy Ananda có nhiều cái đẹp khác mà ta nghĩ là con chưa biết và con chưa thương.

- Bạch sa môn, ví dụ như cái gì?

- Ví dụ như lòng thương của thầy Ananda, con có biết thầy Ananda thương gì không?

- Con không biết. Con chỉ biết là thầy Ananda không thương con.

- Con lầm rồi. Thầy Ananda có thương con, nhưng không thương theo kiểu con muốn thầy Ananda thương. Con biết không, thầy Ananda thương cuộc sống giải thoát, tự do và an lạc. Do sự giải thoát và tự do mà thầy Ananda thường mỉm cười và thầy thương được mọi người và mọi loài, và thầy muốn đem đạo lý giải thoát để dạy cho mọi người, để mọi người có thể có tự do và an lạc như thầy. Thầy Ananda thương lý tưởng giải thoát của thầy, thầy ấy cũng thương mọi người và mọi loài, vì tình thương ấy đi đôi với giáo pháp giác ngộ và giải thoát cho nên thầy Ananda tuy thương mà không bị sầu khổ và thất vọng như con thương. Nếu con thật sự thương thầy Ananda, thì con cũng thương cái tình thương ấy của thầy, để cho thầy có thể tiếp tục sống đời sống phạm hạnh giải thoát và tiếp tục soi sáng được cho mọi người. Nếu con biết thương như thế thì con đâu có bị sầu khổ và thất vọng. Sở dĩ con thất vọng và sầu khổ vì con chỉ muốn chiếm thầy Ananda cho riêng một mình con. Tình thương ấy ích kỷ. Con phải học thương như thầy Ananda thương mới được.

Prakriti ngước lên nhìn Bụt:

- Bạch sa môn, con phải học thương như thế nào?

- Thương như thế nào để con có hạnh phúc mà thầy Ananda cũng có hạnh phúc. Thầy Ananda như một cơn gió mát. Nếu con cố ý nhốt cơn gió mát ấy lại trong cái ngục tù của tình thương nhỏ bé thì cơn gió mát ấy sẽ chết và không ai được hưởng sự mát mẻ của nó, trong đó có cả con. Vậy con thương một ngọn gió mát như thế nào thì con cũng thương thầy Ananda như thế đó. Prakriti, nếu con biết thương thì chính con, con cũng có thể trở thành một cơn gió mát. Làm dịu đi nỗi nóng bức của bao nhiêu người.

- Bạch sa môn, xin người chỉ dạy cho con.

- Con có thể làm như đại đức Ananda, con có thể sống cuộc sống giải thoát an lạc như thầy và con cũng có thể đem niềm vui tới cho mọi người như thầy. Con có thể xuất gia tu học như thầy Ananda.

- Thật như thế hả, bạch sa môn? Con có thể đi xuất gia hả? Con là người hạ tiện, không có giai cấp ...

- Điều đó, ở trong giáo đoàn khất sĩ không có ai nghĩ tới cả. Trong giáo đoàn ta, có những vị khất sĩ xuất thân từ giới ngoại cấp. Đại đức Sunita mà quốc vương Panesadi rất trọng vọng đó là một người xuất thân từ giới ngoại cấp. Nếu con xuất gia tu học thì con sẽ là vị nữ khất sĩ đầu tiên xuất thân từ giới không có giai cấp. Nếu con bằng lòng, ta sẽ nhờ ni sư Khema làm lễ thế

phát cho con.

Prakriti sung sướng lạy xuống. Cô cầu Bụt cho cô được xuất gia tu học. Bụt phú thác Prakriti cho ni sư Khema, hôm ấy cũng có mặt trong buổi pháp thoại.

Ni sư Khema đưa Prakritit đi rồi. Bụt nhìn Ananda rồi bảo đại chúng:

- Các vị khất sĩ, giới thể của thầy Ananda còn nguyên vẹn, nhưng tôi muốn các vị cẩn thận hơn trong lúc giao tiếp. Nếu chúng ta luôn an trú trong chánh niệm thì chúng ta có thể thấy được rất sớm những gì đã và đang xảy ra trong ta và chung quanh ta. Nếu thấy được sớm, ta sẽ sớm có những biện pháp để đối trị và tiếp xử với hoàn cảnh. Trường hợp của Ananda chỉ là trường hợp của định lực còn non yếu. Thực hiện chánh niệm trong từng giây phút của đời sống hàng ngày đó là phương cách nuôi dưỡng định lực hay nhất. Một khi định lực đã vững mạnh thì cái thấy của ta sẽ sáng và hành động của ta sẽ kịp thời. Định và tuệ đi với nhau, định và tuệ bao hàm nhau, định và tuệ là một.

Các vị khất sĩ! Đối với giới phụ nữ, các vị nên tạp quán sát như sau. Với những người lớn tuổi, ta xem họ như mẹ, hoặc như chị của chính ta, với những người nhỏ tuổi hơn, ta xem họ như em hoặc như con của chính ta. Những vị khất sĩ còn nhỏ tuổi mới bước vào đường đạo nên cẩn thận hơn nữa trong lúc tiếp xử với phụ nữ. Sự dịu dàng của người phụ nữ có thể đưa đến những trở ngại của sự tu học. Hãy hạn chế sự tiếp xúc. Cần tiếp xúc mới tiếp xúc, khi tiếp xúc chỉ nên trao đổi những lời thật sự cần thiết có liên hệ tới sự học hỏi và hành trì giáo pháp.

Được Bụt chỉ dạy cặn kẽ, các thầy khất sĩ đều hoan hỷ phụng hành.

Chương 58 - Con Gái Đắt Giá Hơn Con Trai

Một hôm nọ đi khất thực qua một xóm nghèo Bụt gặp một đám thiếu nhi đang chơi giữa đường. Các bé đang xúm nhau xây một thành phố bằng đất và cát. Chúng xây thành vua, kho lúa, nhà cửa và đào một con sông chảy qua thành phố. Bọn nhỏ đông có đến mười lăm đứa.

Bụt và đoàn khất sĩ dừng lại. Một em bé, chừng như là đầu đàn của tất cả bọn nhỏ, nói:

- Có Bụt và các vị khất sĩ đi ngang qua thành phố chúng ta. Chúng ta phải cúng dường người và các vị đệ tử của người mới được.

Bọn trẻ nhao nhao hỏi:

- Chúng ta lấy gì mà cúng dường Bụt? Người lớn mới có thể cúng dường chứ chúng ta là con nít mà cúng dường sao được?

Em bé kia trả lời:

- Tại sao chúng ta lại không có thể cúng dường? Này các bạn, trong kho lẫm nội thành có bao nhiêu là thóc lúa. Chúng ta hãy lấy thóc lúa trong kho ra mà cúng dường Bụt và tăng đoàn.

Bọn nhỏ reo hò vang dậy. Chúng moi bụi cát trong kho lúa của chúng ra và đặt bụi cát đó trên một chiếc lá bàng. Em bé đầu đàn nâng chiếc lá bàng có đựng bụi đất trên hai tay, quỳ xuống trước Bụt và dâng lên Bụt những đất bụi ấy. Bọn trẻ đều bắt chước quỳ xuống, hướng về Bụt và tăng đoàn mà chắp tay. Em bé đầu đàn nói:

- Dân chúng trong thành phố chúng con kính dâng lên Bụt và tăng đoàn chút ít lúa gạo trong kho lẫm của chúng con. Xin Bụt và tăng đoàn nhận cho.

Bụt mỉm cười. Người đưa tay xoa đầu em bé và nói:

- Cám ơn các con đã cúng dường lúa gạo cho Bụt và cho các thầy khất sĩ. Các con dễ thương lắm.

Rồi người xoay lại nói với thầy Ananda:

- Ananda, thầy hãy nhận lấy bụi đất trong chiếc lá bàng này rồi đem về hòa với nước và trét lên vách đất của tịnh thất ta.

Thầy Ananda lĩnh mệnh, thu nhận vật cúng dường của các bé. Bọn trẻ mời Bụt ngồi trên một tảng đá dưới một cột cây đa, rồi tất cả kéo tới quây quần xung quanh Bụt. Ananda và các vị khất sĩ cũng xúm lại gần.

Bụt kể cho bọn trẻ nghe chuyện tiền thân Visvantara. Kiếp xưa, thái tử Visvantara là một người giàu lòng thương, luôn luôn bố thí tất cả những gì mình có cho những người nghèo khổ túng thiếu, không tiếc bất cứ một vật gì. Thái tử có một người vợ tên là Madri rất hiền thục và đảm đang. Nàng biết niềm vui của chàng là cứu giúp kẻ thiếu thốn và vì vậy nàng không bao giờ tỏ vẻ nuối tiếc một thứ gì mà chồng đem cho. Hai người sinh được hai đứa con, một đứa trai tên là

Jalin và một đứa gái tên là Krishnajina. Vào những năm đói kém hoàng tử được phép vua cha cho lấy lương thực và vải vóc trong kho để phát tặng cho những người đói rét. Các kho lẫm vì thế cạn dần. Một vài vị quan trong triều thấy thế tìm cách chặn thái tử lại. Một hôm họ tâu vua là thái tử làm sạt nghiệp quốc gia và nhân dịp thái tử lỡ cho mất của triều đình một con voi quý, họ đề nghị đày thái tử tới một nơi hẻo lánh trên núi Jayatura để thái tử học sống cuộc đời nghèo khổ và đạm bạc. Bị áp lực của các quan, vua cha nghe lời. Vợ chồng và hai đứa con vì vậy phải lên đường đi đày biệt xứ.

Giữa đường có người nghèo ghé tới xin bố thí. Thái tử cởi chiếc áo quý đang mặc mà cho. Khi có những người nghèo khác tới xin, vợ thái tử cởi chiếc áo đẹp bên ngoài của nàng, và khi có những nghèo khác tới nữa. Jalin và Krshjina lại cởi áo và những đồ trang sức để tặng. Đi mới được hai phần ba đường mà thái tử và gia đình đã cho hết tất cả những gì có giá có thể bán được để mua gạo. Cuối cùng, họ phải cho luôn chiếc xe và hai con ngựa. Thái tử ẵm Jalin, Madri ẵm Krishjina; họ đành lòng đi bộ tới xứ Jayatura để sống thời gian lưu đày của mình. Không còn của cải gì nhưng họ vẫn vui, vẫn hát, vì lòng họ thanh thản. Họ biết họ đã cho người khác những niềm vui.

Thái tử và vợ đi mãi dến khi chân họ rướm máu và chai đi thì mới tơi nơi. Đó là một ngọn núi và những khu rừng rậm. Leo lên núi họ tìm thấy một túp lều bỏ không. Túp lều mà chắc ngày xưa đã có một vị đạo sĩ cư trú để tu hành. Hai vợ chồng sửa sang quét dọn túp lều, bứt tranh bứt lá lót giường cho bốn người, và nghĩ đến việc đi tìm thực phẩm. Hai người người đi tìm các loại trái cây và các loại rau lá mọc hoang trong rừng có thể ăn được. Hai đứa bé cũng được dạy dỗ cách đi tìm trái cây, hái rau, giặt áo và phơi áo bên bờ suối, gieo hạt và làm vườn. Ngoài ra các bé còn được học chữ nữa. Họ dùng lá kè và viết chữ bằng một cái gai nhọn.

Họ sống đơn giản như thế trên núi được ba năm, và cuộc sống rất vui tươi, nhưng có một hôm nọ, trong khi Visvantara và Madri đang đi hái trái cây trong rừng thì ở nhà có người tới bắt cóc mất hai đứa trẻ. Khi về nhà không thấy hai con, hai vợ chồng hoảng hốt đi tìm. Họ đi khắp núi rừng và khi không thấy con, họ tìm về phố chợ. Hai tháng trôi qua nhưng họ vẫn không tìm được con. Họ trở về túp lều một lần nữa, hy vọng các con đi đâu lạc đã trở về. Về tới nhà, họ gặp sứ giả của vua cha. Vua cha triệu hai vợ chồng về. Sứ giả cho biết là Jalin và Krishnajina đã về tới trong hoàng cung và đang sống với ông nội.

Hai người mừng rỡ hỏi thăm. Sứ giả nói:

- Một hôm nọ có người đem bán hai đứa bé ngoài chợ kinh đô. Có một bà mệnh phụ đi chợ nhận ra hai đứa này là con của thái tử Vivvantara. Bà liền về báo cho chồng biết. Vị quan này tức tốc ra chợ. Ông bảo người kia rằng nếu đem hai đứa trẻ vào cung bán thì sẽ được giá rất cao, và ông tiến dẫn người bán vào cung.

Thấy hai đứa nhỏ, dù áo quần tả tơi và mặt mày lem luốc, vua cha cũng giật mình nhận ra cháu mình. Vua bàng hoàng. Lòng nhớ thương con cháu sống dậy mãnh liệt nơi vua. Vua truyền:

- Nhà ngươi tìm được hai này ở đâu thế? Bán mỗi đứa bao nhiêu?

Người kia chưa kịp tâu bày gì thì vị đại thần đã lên tiếng:

- Tâu hoàng thượng, đứa con gái bán giá một ngàn lượng vàng và một ngàn con bò, còn đứa trai bán giá một trăm lượng vàng và một trăm con bò.

Mọi người, kể cả hai đứa trẻ, đều ngạc nhiên. Vua hỏi:

- Tại sao con gái lại bán đắt hơn con trai?

Vị đại thần nói:

- Vì hoàng thượng quý con gái hơn con trai. Các công chúa không bao giờ bị hoàng thượng trừng phạt và la rầy, cả đến những cung nhân trong cung cấm cũng được đối đãi thật tử tế. Hoàng thượng chỉ có một đứa con trai duy nhất mà hoàng thượng lại đày lên núi xa ở với cọp beo, phải đi hái trái rừng để ăn và để nuôi con. Như vậy con gái không đắt hơn con trai là gì?

Vua rơi nước mắt:

- Thôi khanh đừng nói nữa, trẫm đã hiểu rõ rồi.

Vua hỏi người kia gặp hai đứa trẻ ở đâu. Người kia trả lời là đã mua chuộc hai được hai đứa bé từ một miền núi xa xăm. Vua ban tiền bạc cho người ấy và ra lệnh cho người này cộng tác với thám tử của vua truy nã người đã bắt cóc trẻ em đem đi bán.

Rồi vua gọi hai cháu lên và ôm vào lòng. Vua hỏi thăm về cuộc sống trên núi. Sau đó, vua lập tức ban chiếu chỉ triệu vợ chồng thái tử về.

Từ đó về sau, vua rất cưng chiù thái tử và còn làm hết sức mình để giúp thái tử có thêm lúa gạo và vải vóc để chia tặng cho những người nghèo khổ.

Bọn trẻ em nghe Bụt kể chuyện một cách say mê. Bụt nói:

- Thái tử Visvantara tìm thấy niềm vui khi chia xẻ những gì mình có với những kẻ khác. Này các con, hồi nãy các con chỉ cho ta một ít bụi đất trong kho lẫm của các con mà ta cũng đã rất vui rồi. Các con nên biết: mỗi ngày ta có thể đem lại niềm vui cho kẻ khác bằng cách tặng cho kẻ ấy một món quà. Món quá ấy không cần phải mua. Khi các con hái một hông hoa bên bờ ruộng đem về tặng cho cha mẹ là các con đã cho cha mẹ các con một niềm vui rồi. Nói một câu hiếu thuận hoặc dễ thương cũng là một món quà quý giá. Ôm lấy cha mẹ mà nói rằng mình rất thương quý cha mẹ đã làm lụng khó nhọc để nuôi mình, đó cũng là một tặng phẩm rất quý. Một cái nhìn, một sự săn sóc nhỏ nhặt cũng đưa tới những niềm vui. Đối với cô bác và bạn bè, các con cũng có thể làm cho họ vui bằng những tặng phẩm như thế. Bây giờ ta với các thầy phải từ giã các con để tiếp tục đi khất thực, nhưng ta sẽ nhớ mãi những bụi đất mà các con đã tặng cho ta trong ngày hôm nay.

Bọn thiếu nhi rất sung sướng được gặp Bụt ngày hôm ấy. Chúng bàn nhau sẽ rủ các bạn tới tu viện Jetavana để thỉnh thoảng được nghe Bụt và các thầy kể chuyện.

Mùa nắng năm sau, Bụt về Rajagaha. Thăm hỏi và dạy dỗ đại chúng ở đây xong, người lên núi Linh Thứu. Y sĩ Jivaka được tin Bụt về Linh Thứu liền lên núi thăm người. Rồi Jivaka thỉnh Bụt về vườn Xoài của ông dăm bữa. Bụt nhận lời. Thầy Ananda cũng đi theo Bụt.

Y sĩ có một vườn Xoài rất mát mẻ và xum xuê. Xoài ở đây đã lên tới năm thứ tám. Jivaka đã dựng một tịnht thất nhỏ để Bụt ở. Hàng ngày ông đem thức ăn chay của ông tự tay nấu để cúng dường Bụt. Ông xin Bụt nghỉ ngơi ít hôm đừng đi khất thực để có dịp bồi bổ lại sức khỏe. Ông lại đem thuốc bổ đến để cúng dường Bụt. Thuốc bổ này gồm toàn rễ cây, lá cây, và trái cây. Một

hôm ngồi với Bụt trong vườn Xoài, Jivaka hỏi:

- Lạy Bụt, có người đồn đãi rằng các vị khất sĩ được phép Bụt cho ăn mặn. Họ còn nói: sa môn Gotama cho phép giết thú vật, để làm thức ăn cúng dường ông ta và các vị khất sĩ học trò của ông. Có người than thở: vì sa môn Gotama mà dân chúng phải sát hại sinh vật để làm thức ăn cho ông và cho đệ tử ông. Bạch Thế Tôn, con thầy những lời đồn đãi này không đúng, nhưng con muốn nghe Thế Tôn trực tiếp nói về điều này:

Bụt nói:

- Này Jivaka, những ai nói rằng thầy cho phép giết sinh vật để làm thực phẩm cho thầy và cho các vị khất sĩ, những người ấy đã không nói đúng sự thật. Jivaka, thầy đã từng nói rõ nhiều lần: nếu một vị khất sĩ thấy người ta giết thú vật để làm thực phẩm cúng dường mình, vị khất sĩ ấy phải từ chối không được ăn. Nếu không thấy mà chỉ nghe nói rằng người ta đã vì mình mà giết thú vật thì vị khất sĩ cũng phải từ chối không được tiếp nhận thực phẩm, và hơn thế nữa, dù không thấy không nghe nhưng một khi đã nghi rằng người ta có vì mình mà giết thú vật thi vị khất sĩ cũng phải từ chối không được ăn.

Jivaka, theo phép khất thực, người ta cho thức ăn gì thì phải nhận thức ăn ấy, nhưng trong trường hợp đã thấy đã nghe và đã nghi rằng người ta đã vì mình mà sát hại thú vật thì vị khất sĩ có quyền từ chối và phải từ chối. Như thế mới nuôi dưỡng và bảo vệ được lòng từ bi của mình. Jivaka, những thí chủ nào Bụt, biết Pháp và biết Tăng thì mỗi khi sửa soạn vật thực cúng dường họ đều dùng những thức ăn chay tịnh. Trong trường hợp họ không có sẵn các món chay họ mới chia xẻ cho các thầy khất sĩ món mặn họ sẵn có mà thôi. Những người lần đầu tiên cúng dường các vị khất sĩ cũng không biết rằng các thầy ưa thức ăn chay hơn thức ăn mặn cho nên cũng chỉ cúng dường và san sẻ những thức ăn họ sẵn có. Trong trường hợp này, các vị khất sĩ có thể thọ dụng thức ăn mặn, để khỏi phụ lòng thí chủ và cũng để thí chủ có dịp kết duyên từ từ với đạo giải thoát.

Jivaka, một mai kia, khi tất cả thiên hạ đều biết rằng các vị khất sĩ không ăn thịt thú vật bị giết vì họ thì thiên hạ sẽ không cúng dường thịt cho các vị khất sĩ nữa. Lúc ấy các vị khất sĩ sẽ ăn chay hoàn toàn.

Jivaka biện bạch:

- Con thấy ăn chay làm cho cơ thể nhẹ nhàng và ít bệnh hơn ăn mặn. Thế Tôn, từ mười năm nay, con đã ăn chay. Con nghĩ rằng ăn chay vừa được khỏe mạnh vừa nuôi dưỡng được lòng từ bi. Hôm nay con rất vui mừng được thầy chỉ dạy rõ ràng về việc ấy.

Jivaka cũng tỏ ý khen ngợi Bụt về pháp chế không ăn sau giờ ngọ và không ăn những thức ăn cất giữ từ ngày hôm qua, trừ trong mùa lạnh. Ông thấy những điều này rất hợp với phép vệ sinh. Không ăn buổi chiều và buổi đêm thì vừa cảm thấy nhẹ nhàng vừa có thêm thì giờ tu tập. Thức ăn để lại ngày hôm sau có thể bị hư và làm độc hại cơ thể, nếu trời nóng quá.

Bụt khen ngợi Jivaka và ngỏ lời mời ông một hôm nào về tu viện nói cho các vị khất sĩ nghe về các phép vệ sinh của đời sống hàng ngày.

Chương 59 - Nhảy Cao Mấy Cũng Rơi Lại Vào Trong Lưới

Vườn Xoài của y sĩ Jivaka rất rộng rãi và thanh tịnh. Rải rác trong vườn có những tịnh thất nhỏ của các vị nữ khất sĩ.

Buổi chiều ấy, có một vị nữ khất sĩ trẻ tên là Subha đến xin tham vấn Bụt. Hồi sáng cô đã bị một thanh niên đón đường và suýt bị thanh niên ấy xâm phạm đến tiết hạnh. Ni cô xin Bụt đặt ra một pháp chế để bảo đảm thêm sự an ninh cho giới nữ khất sĩ. Bụt hỏi đầu đuôi câu chuyện. Ni cô thuật lại với tất cả chi tiết.

Hôm qua đi khất thực về ngang một khu hẻo lánh, Subha bị một thanh niên đón đường. Biết là mình đang lâm vào tình trạng khó khăn, ni cô theo dõi hơi thở để duy trì sự bình tĩnh. Nhìn thẳng vào người thanh niên, cô hỏi:

- Thưa ông, tôi đâu có làm điều gì lầm lỗi mà ông lại chặn đường tôi? Tôi chỉ là một người xuất gia tu hành theo giáo pháp của Bụt. Tại sao ông lại ngăn không cho tôi đi về tu viện?

Người kia nói:

- Cô còn trẻ và đẹp lắm. Tại sao cô lại đi hủy hoại đời mình bằng cách cạo đầu, mặc áo vàng và sống như những người tu khổ hạnh? Này ni cô, đáng lý cái thân hình xinh đẹp của cô phải được khoác lên một chiếc sari lụa mua từ Kasi.Tôi chưa thấy ai xinh đẹp bằng cô. Tôi muốn cho cô nếm mùi dục lạc của thân xác. Cô đi với tôi đi.

Subha vẫn bình tĩnh:

- Ông đừng có nói bậy. Người tu hành đã quyết tìm niềm vui nơi cuộc sống giải thoát và giác ngộ. Năm thứ dục lạc chỉ đưa tới tội lỗi và khổ đau. Ông hãy tránh đường cho tôi đi. Tôi sẽ rất cảm ơn sự hiểu biết của ông.

Người thanh niên kia nói:

- Cô có hai con mắt rất đẹp. Tôi chưa thấy người đàn bà nào có đôi mắt đẹp như cô. Tôi dại gì mà để cô đi. Thôi cô hãy đi với tôi.

Và người thanh niên đưa tay ra định nắm lấy cô.

Subha lùi lại một bước. Cô nói:

- Này ông kia, ông đừng chạm tới tôi. Ông đừng chạm tới một người tu phạm hạnh. Tôi đã chán ngấy đời sống dục vọng và hận thù cho nên tôi muốn đi tu. Ông nói tôi có hai con mắt đẹp. Thôi để tôi móc hai con mắt của tôi đưa cho ông. Thà rằng tôi mù còn hơn là để ông chạm tới.

Subha nói với giọng cương quyết. Người thanh niên kia nao núng. Anh ta biết vị ni cô này có thể nói và làm ngay. Anh ta lùi lại một bước.

Subha tấn công thêm:

- Ông đừng vì dục vọng mà tạo nên tội ác. Ông không biết đức vua Bimbusara đã ra lệnh trừng phạt nặng nề những kẻ phạm pháp hay sao. Chính tôi, tôi đã chứng kiến những tội phạm bị hành xử. Nếu ông không tỉnh táo, nếu ông xâm phạm tới phạm hạnh, và sanh mạng của tôi, ông cũng sẽ bị bắt và hành xử như những tội phạm ấy.

Người thanh niên tỉnh ngộ. Anh ta hình dung ra được cảnh khổ do dục vọng điên cuồng gây ra. Anh ta tránh sang một bên đường cho Subha đi. Rồi anh nói vọng theo:

- Tôi xin lỗi sư cô. Tôi chúc sư cô tu hành cho tới khi thành đạt.

Subha đi thẳng, không ngoái nhìn trở lại, lòng dặn lòng sẽ trình lên Bụt trường hợp mình.

Sau khi nghe kể chuyện, Bụt khen ngợi niềm quả cảm và sự thông minh của nữ khất sĩ Subha. Người nói:

- Người con gái đi một mình ở nơi vắng vẻ thì nguy hiểm lắm. Đó là một trong những lý do tại sao ngày xưa tôi đã ngần ngại chưa muốn cho giới nữ xuất gia. Này Subha! Từ hôm nay trở đi, đi đâu vị nữ khất sĩ cũng không được đi một mình. Lội qua một dòng sông, đi vào thôn xóm, băng qua một cánh đồng hay một khu rừng, vị nữ khất sĩ không được đi một mình. Ngủ cũng vậy. Trong tu viện, trong tịnh xá, trong thôn lạc hay dưới gốc cây, người nữ khất sĩ không được ngủ một mình. Phải ngủ với một vị nữ khất sĩ khác để có thể bảo vệ cho nhau.

Rồi Bụt quay lại nói với thầy Ananda:

- Ananda thầy nên ghi nhớ điều này và yêu cầu các vị lãnh đạo ni chúng đưa điều này vào giới luật của các vị nữ khất sĩ.

Rời vườn Xoài của y sĩ Jivaka, Bụt lên đường đi Nalanda. Cùng đi với người, có rất đông các vị khất sĩ.

Bụt và các vị khất sĩ đi lặng lẽ và trang nghiêm; ai nấy đều theo dõi hơi thở và nuôi dưỡng chánh niệm.

Phía sau lưng các vị, có hai thầy trò vị du sĩ Suppiyo cùng đi. Họ nói chuyện vang lên suốt cả dọc đường.

Đệ tử của du sĩ Suppiyo là thanh niên Bramadatta. Đề tài của câu chuyện là Bụt và giáo pháp của người.

Du sĩ Suppiyo cố ý nói lớn để những vị khất sĩ có thể nghe.

Tất cả những lời ông nói đều nhắm tới sự kích bác Bụt và giáo pháp của người.

Trong khi đó thì lạ thay, thanh niên Bramadatta lại hết lòng bênh vực cho Bụt và giáo pháp của người.

Branmadatta dùng những lý luận và hình ảnh rất khéo léo để tán dương Bụt và giáo đoàn của người.

Khéo léo đến nổi tất cả các vị khất sĩ đi trước đó đều có cảm tình với chàng.

Chiều hôm ấy Bụt ghé vào nghỉ đêm ở Ambalatthika. Ambalatthika là một khu vườn rừng rất sum sê và tốt đẹp, chỗ nghỉ mát của gia đình hoàng gia. Vua Bimbasara đã ngỏ ý là các vị tu sĩ của bất cứ giáo phái nào nếu cần sử dụng Ambalatthika thì đều có quyền sử dụng để nghỉ ngơi. Đêm đó hai thầy trò du sĩ Suppiyo cũng nghỉ đêm tại đấy.

Sáng hôm sau các thầy khất sĩ bàn tán với nhau về thái độ hôm qua của hai thầy trò vị du sĩ. Bụt nghe được những câu bàn tán ấy. Người bảo:

- Này các thầy, khi nghe người ta công kích tôi, phỉ báng tôi, công kích và phỉ báng giáo pháp và giáo đoàn khất sĩ, các thầy đừng buồn, các thầy đừng sinh lòng công phẫn, tức tối hay phiền muộn. Điều ấy có hại cho các thầy. Khi nghe người ta khen ngợi tôi, khen ngợi giáo pháp và giáo đoàn khất sĩ, các thầy cũng không nên mừng rỡ, thích thú và mãn ý. Điều này cũng có hại cho các thầy. Thái độ đứng đắn là xét xem những điều công kích ấy đúng hay sai, đúng ở chỗ nào, sai ở chỗ nào. Có như thế quý vị mới có dịp học hỏi để đạt được nhiều tiến bộ.

Này các vị khất sĩ! Phần lớn là những người khen ngợi Bụt, Pháp và Tăng là những người chỉ thấy được những cái đẹp cái hay nhỏ bé của giáo pháp và giáo đoàn thôi. Như là nếp sống phạm hạnh, công phu trì giới, đời sống đạm bạc, thái độ thanh thản của chúng ta. Số người thấy được cái cao siêu mầu nhiệm nhất của giáo pháp mà đem lời ca ngợi thì ít lắm.

Tôi muốn nói đến trí tuệ thực chứng của đạo giác ngộ. Trí tuệ này siêu việt, mỹ diệu, mầu nhiệm, vượt khỏi tầm tư duy và ngôn ngữ của người thường. Thấy được, hiểu được và chứng được trí tuệ ấy mới có thể biết và thấy được giá trị thật của đạo giải thoát.

Này các vị khất sĩ! Trong thế gian có bao nhiêu chủ thuyết và bao nhiêu luận chấp. Người ta không ngớt công kích và cãi vả nhau vì sự khác biệt của những chủ thuyết và luận chấp ấy. Các vị khất sĩ, như tôi đã thấy và đã nghe, đã có ít nhất là sáu mươi luận chấp làm căn bản cho hàng ngàn chủ thuyết hiện giờ có mặt trong các giới tư tưởng và tôn giáo. Các vị nên biết rằng trước cái thấy của đạo giác ngộ giải thoát, tất cả sáu mươi hai luận chấp ấy đều có những chỗ kẹt, đều có những chỗ sai lầm.

Hôm ấy Bụt nói kinh Phạm Võng. Người phân tích nội dung của cả sáu mươi hai luận chấp và vạch ra những sai lầm của các luận chấp này. Có mười tám luận chấp về quá khứ: bốn chủ trương thuyết thường trú, bốn chủ trương thuyết vừa thường trú vừa vô thường, bốn chủ trương thuyết hữu biên và vô biên, bốn chủ trương thuyết ngụy biện và hai chủ trương thuyết không có nhân quả. Có bốn mươi bốn luận chấp về tương lai: mười sáu chủ trương là còn tri giác sau khi chết, tám chủ trương là không còn tri giác sau khi chết, tám chủ trương là không phải còn cũng không phải không còn tri giác sau khi chết, bảy chủ trương thuyết đoạn diệt và năm chủ trương thuyết hiện tại là niết bàn.

Trình bày xong những sai lầm của sáu mươi hai luận chấp, Bụt nói:

- Một người đánh cá giỏi khi quăng lưới xuống hồ tôm được hết tất cả tôm cá hồ vào trong cái màn lưới có mắt lưới sít sao, ông ta nhìn những con tôm con cá đang cố nhảy lên cao để rồi lại rơi mình vào trong lưới, và nói: "dù các ngươi nhảy cao đến mấy các ngươi cũng vẫn còn nằm trong lưới của ta". Ông ta nói đúng. Hàng trăm hàng ngàn học thuyết đang hiện hành và tranh chấp lăng xăng trong giới triết học và tôn giáo này đều nằm kẹt trong cái lưới của sáu mươi hai luận chấp ấy, không thể nào vượt thoát ra nổi. Các vị khất sĩ! Đừng đi vào trong cái lưới mê hồn ấy để mất hết thì giờ và cơ hội tu tập đạo giải thoát. Đừng đi vào cái lưới của sự hý luận.

Này các vị khất sĩ! Tất cả những luận chấp kia đều phát sinh do sự lừa gạt của tri giác và của cảm thọ. Vì không tu tập chánh niệm, vì không quán chiếu nên người ta không biết được chân tướng của tri giác và cảm thọ, do đó đã bị tri giác và cảm thọ lừa gạt. Nếu thấy được nguồn gốc và bản chất của tri giác và cảm thọ, người ta sẽ thấy được tự tính vô thường và duyên sinh của sự vật, người ta sẽ không bị vướng vào lưới tham ái, lo âu, và sợ hãi, người ta sẽ không bị vướng vào cái lưới của sáu mươi hai luận chấp.

Hôm ấy đại đức Ananda đã nỗ lực ghi nhớ hết những lời Bụt dạy. Thầy đi bách bộ và thầm lặng trùng tuyên lại những lời Bụt nói. Rồi thầy nghĩ: kinh này quan trọng lắm. Ta sẽ đặt tên kinh này là kinh Phạm Võng. Phạm Võng là cái lưới vĩ đại thu tóm tất cả những chủ thuyết sai lạc trong cuộc đời.

Chương 60 - Ngày Nào Đầu Tóc Cũng Ướt

Bụt từ giã vườn Ambalatthika. Người đi đến Nalanda. Sau khi thăm viếng và giáo hóa tại đây, người đi về Ampa.

Ampa là thành phố lớn nhất của xứ Anga; xứ này nằm dưới quyền bảo hộ của vua Bimbisara nước Magadha.

Dân cư ở đây đông đúc, ruộng đất ở đây phì nhiêu, cây cỏ ở đây xanh tươi.

Bụt cư trú trong một khu rừng mát mẻ bên bờ hồ Gaggara. Trong hồ, hoa sen nở thơm ngát.

Nghe Bụt tới, dân chúng lũ lượt đến thăm người. Có một người trai trẻ dòng Bà la môn giàu có tên là Sonadanda, nổi tiếng thông minh xuất chúng tại địa phương này, cũng có ý muốn đi viếng Bụt. Những người Bà la môn khác cố ý ngăn giữ không cho ông ta đi, bảo rằng nếu Sonadanda tới thăm sa môn Gotama thì gây uy tín cho vị sa môn này nhiều quá. Sonadanda mỉm cười trả lời rằng Bụt là nhân vật lỗi lạc, trên đời chỉ có một, và nếu không đi thăm người thì thật là bỏ phí cơ hội ngàn năm một thuở. "Ta phải đi để học hỏi chứ. Để biết ta hơn sa môn Gotama ở những điểm nào và sa môn Gotama hơn ta ở những điểm nào". Vừa nói, Sonadanda vừa mỉm cười bí mật.

Nghe Sonadanda nói vậy hàng trăm người trí thức Bà la môn khác cũng muốn xin đi theo. Người trí thức này, theo họ nghĩ, sẽ không làm mất mặt giới Bà la môn trước đám quần chúng đông đảo đến viếng Bụt.

Sonadanda còn chưa biết mở đầu câu chuyện ra sao cho thông minh, thì Bụt đã ân cần hỏi:

- Các vị học giả trong giới Bà la môn hãy cho chúng tôi biết đâu là những điều kiện cần thiết để có thể thật sự là một người Bà la môn chân chính. Quý vị nói đi và nếu cần thì nên viện dẫn kinh điển của quý vị.

Sonadanda rất hoan hỷ, một vị Bà la môn đích thực phải có đủ năm điều kiện sau đây: thứ nhất là phải có dung sắc đẹp đẽ, thứ hai là phải biết kỹ thuật xướng tụng và chú thuật, thứ ba là phải có huyết thống thuần túy trong bảy đời, thứ tư là phải có đức hạnh, thư năm là phải có tuệ giác.

Bụt hỏi:

- Trong năm điều kiện ấy, điều kiện nào là căn bản? Còn điều nào dù là không có thì người Bà la môn vẫn còn có thể đích thực là một người Bà la môn?

Trả lời dần theo những câu hỏi của Bụt, Sonadanda đi đến kết luận rằng hai điều kiện sau chót hai điều kiện căn bản của một vị Bà la môn đích thực, Sonadanda công nhận rằng các điều kiện dung sắc, kỹ thuật xướng tụng chú thuật và huyết thống bảy đời không phải là những điều kiện căn bản. Không có ba điều kiện ấy nhưng nếu có các điều kiện đức hạnh và tuệ giác thì người ta vẫn có thể là một vị Bà la môn đích thực như thường.

Gần năm trăm vị Bà la môn có mặt đưa tay phản đối Sonadanda. Họ kết tội Sonadanda đã bị

Bụt dùng hý luận đưa tới chỗ chấp nhận lập trường của Bụt và chối bỏ một điều kiện mà họ cho là căn bản là điều kiện huyết thống. Họ đã đặt hết niềm tin nơi sự thông minh và tài mẫn tuệ của Sonadanda mà họ coi như vị lãnh đạo tinh thần của họ. Nay Sonadanda công nhận lập trường của Bụt thì họ mất mặt biết bao.

Bụt can thiệp:

- Này quý vị quan khách! Nếu quý vị có lòng tin nơi người lãnh đạo của quý vị là Sonadanda, thì quý vị im lặng đi để tôi tiếp tục đối thoại với ông ta, còn nếu quý vị không có lòng tin ở ông ta, thì quý vị xin ông ta im lặng đi để tôi nói chuyện với quý vị.

Mọi người lặng thinh.

Sonadanda nói:

- Xin sa môn Gotama yên lòng. Để tôi xin có đôi lời nói với các bạn tôi.

Rồi Sonadanda quay lại với năm trăm vị Bà la môn. Ông ta chỉ vào một thanh niên ngồi hàng đầu và nói:

- Các bạn có thấy cháu tôi, vị thanh niên Bà la môn tên là Angaka đang ngồi kia không? Angaka là một người thanh niên tuấn tú, khôi ngô, có phong thái tranh nhã và thanh cao. Đứng về phương diện dung sắc, trong chúng ta không ai so được với Angaka, trừ sa môn Gotama ra mà thôi, Angaka lại thông hiểu ba bộ kinh Veda, thông hiểu văn phạm, ngữ pháp và kỹ thuật xướng tụng và chú thuật; điều này ai cũng biết. Angaka cũng có huyết thống thanh tịnh, cho đến bảy đời, kể cả về bên cha lẫn mẹ. Angaka có đủ ba điều kiện là dung sắc, kỹ thuật xướng tụng, chú thuật và huyết thống thanh tịnh. Nhưng giả sử Angaka sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, thì dung sắc ấy còn có giá trị gì? Kiến thức Veda và chú thuật còn có giá trị gì? Thưa các bạn, hai điều kiện sau mới là hai điều kiện căn bản của một người Bà la môn đích thực. Đó là giới hạnh và tuệ giác. Đây là sự thực chung cho tất cả chúng ta chứ không phải là sự thực riêng của sa môn Gotama.

Sonadanda nói đến đây thì tiếng hoan hô của quần chúng nổi lên vang dậy. Đợi cho tiếng hoan hô chấm dứt.

Bụt hỏi Sonadanda:

- Nhưng trong hai điều kiện căn bản kia còn lại là giới hạnh và trí tuệ, ta có thể bỏ bớt một điều để giữ lại một điều hay không?

- Thưa sa môn Gotama, không thể được, nhờ giới hạnh tịnh nghiêm mà tuệ giác phát triển, nhờ tuệ giác phát triển mà giới hạnh càng tịnh nghiêm. Sa môn Gotama, cũng như lấy tay để rửa tay, lấy chân để kỳ cọ chân, hai thứ giới hạnh và tuệ giác nâng đỡ và phát triển lẫn nhau; giới hạnh làm cho tuệ giác thêm sáng và tuệ giác làm cho giới hạnh thêm thanh tịnh. Giới hạnh và tuệ giác là hai cái quý nhất trên đời.

Bụt nói:

- Hay lắm, Sanadanda! Những điều ông nói đúng là sự thực. Giới hạnh và tuệ giác là hai cái quý nhất trên đời. Ông hãy nói thêm đi. Làm thế nào để phát triển giới hạnh và tuệ giác đến mức độ

cao nhất?

Sonadanda chắp tay xá Bụt, mỉm cười:

- Bạch sa môn, xin người chỉ dạy cho. Chúng con chỉ biết nguyên tắc thế thôi. Sa môn là người có thực tập và có chứng đắc. Xin người giải bày cho chúng con rõ đâu là những phương pháp có thể giúp ta phát triển giới hạnh và tuệ giác đến mức viên mãn.

Bụt bắt đầu dạy đạo giải thoát. Người nói đến nguyên tắc tam học là giới định tuệ. Có giới thì có định, có định thì có tuệ, có tuệ thì giới thể vững vàng. Giới thể càng vững thì định lực càng lớn, định lực càng lớn thì tuệ giác càng sâu. Người nói đến phép quán duyên sinh để phát trừ những kiến chấp về thường, về ngã, để cắt đứt những sợi dây tham ái, hờn giận, si mê, để đạt tới giải thoát và an lạc.

Sonadanda say sưa nghe Bụt nói. Khi Bụt dứt lời, Sonadanda đứng dậy chắp tay:

- Sa môn Gotama! Con xin cám ơn sa môn đã mở mắt cho con hôm nay. Những lời của sa môn nói đã có hiệu lực đưa con ra khỏi vũng lầy tăm tối. Con xin được quy y Bụt, quy y Pháp và quy y Tăng để làm một kẻ môn đệ của người. Con xin kính thỉnh Bụt và giáo đoàn ngày mai tới nhà con thọ trai.

Cuộc đàm thoại hôm ấy giữa Bụt và giới trí thức trẻ tuổi Bà la môn thật là hào hứng và đã gây chấn động sâu xa trong mọi giới. Những người trẻ tuổi trong giới Bà la môn đi theo Bụt rất đông.

Sau đó ít lâu, một người thanh niên Bà la môn nổi tiếng khác tên là Ambattha và thầy của anh là Pokkharasadi do một cuộc thăm viếng và đàm đạo với Bụt cũng đã phát nguyện quy y Tam Bảo. Việc này xảy ra tại một làng Bà la môn tên là làng Lechanankala trong vương quốc Kosala. Phong trào thanh niên Bà la môn theo Bụt càng ngày càng lớn. Niềm bực tức của những nhà lãnh đạo Bà la môn và của các giáo phái cũng vì vậy mà khó tiêu tan đi được.

Tại công viên Ambalatthika, đại đức Svastika đã có dịp gần gũi đại đức Moggallana để hỏi thăm về các giáo phái hiện đang thịnh hành nhất và đã được đại đức nói cho nghe một cách sơ lược về chủ trương của các giáo phái ấy.

Trước hết là giáo phái của đạo sĩ Purana Kassapa. Phái này chủ trương một thái độ hoài nghi về luân lý, cho rằng ý niệm về thiện và ác chỉ là nhận thức do thói quen và tập quán mà có.

Kế đến là giáo phái của đạo sĩ Makkhali Gosala. Giáo phái này chủ trương thuyết tất nhiên, cho rằng hành vi và vận mạng con người đều do những quy luật vận hành tự nhiên sắp đặt và con người không thể làm gì hơn được. Nếu năm trăm hoặc một ngàn kiếp sau mà con người được giải thoát thì đó cũng là do sự vận hành của tự nhiên giới, chứ không phải vì nỗ lực của con người mà có giải thoát.

Thứ ba là giáo phái của đạo sĩ Ajita Kesakambati, chủ trương một thuyết duy vật thuần túy, cho rằng con người là do bốn yếu tố, đất, nước, lửa và không khí tạo thành, và sau khi chết thì không còn gì nữa. Theo phái này, mục đích của đời người là hưởng lạc trong khi con người đang còn sống.

Giáo phái thứ tư do đạo sĩ Pakudha Kaccayana cầm đầu, chủ trương ngược lại thuyết của giáo

phái của đạo sĩ Ajita. Giáo phái này chủ trương thuyết bất diệt, cho rằng tâm ta cũng như thân ta không bao giờ có thể bị hủy diệt. Theo giáo phái này, có bảy yếu tố làm nên con người, đó là đất, nước, lửa, không khí, khổ, vui, và sinh mạng. Sống và chết chỉ là hiện tượng bên ngoài do sự kết hợp hay tụ tán của bảy yếu tố ấy tạo nên, trong khi tự thân của bảy yếu tố ấy là trường cửu và bất diệt.

Giáo phái thứ năm do đạo sĩ Sanjaya Belatthiputta thành lập.

Ngày xưa các đại đức Sariputta và Maha Moggallana đã từng theo học với đạo sĩ này.

Đạo sĩ Sanjaya dạy thuyết thích ứng, cho rằng chân lý tùy thuộc vào trường hợp, vào không gian và vào thời gian. Có thể trong trường hợp này, thời gian này này và địa phương này, một điều nọ có thể là chân lý, nhưng trong trường hợp khác, thời gian khác và địa phương khác thì điều đó có thể không còn là chân lý. Nhận thức con người là thước đo của muôn vật.

Giáo phái thứ sáu là giáo phái của đạo sĩ Nigantha Nataputta. Các đạo sĩ trong giáo phái này thực hành pháp khổ hạnh cực đoan, không mặc quần áo và giữ giới bất sát một cách tuyệt đối. Đạo sĩ Nigantha chủ trương một thứ vận mạng luận có tính cách nhị nguyên, cho mạng (jiva) và phi mạng (ajiva) là nền tảng cho vũ trụ và sự sống. Thế lực của các du sĩ lõa hình này trong xã hội khá lớn, và với đoàn khất sĩ của Bụt, các du sĩ lõa hình đã có nhiều liên lạc và tiếp xúc qua lại. Điểm tương đồng căn bản giữa giáo đoàn du sĩ va giáo đoàn khất sĩ là ý niệm tôn trọng sự sống, nhưng giữa hai giáo đoàn có nhiều điểm dị biệt. Có những vị trong giáo đoàn Nigantha đã tỏ vẻ chống đối giáo đoàn khất sĩ. Đại đức Moggallana thường không chịu đựng được thái độ quá khích của một số các vị du sĩ lõa hình, và đã không ngần ngại nói lên cảm tưởng ấy, vì thế, đại đức thường bị các vị du sĩ lõa hình chống đối kịch liệt.

Về tới Savatthi, Bụt cư trú ở tu viện Đông Viên, nơi có giảng đường lộc Mẫu. Các giới đệ tử nghe Bụt về, đến thăm người không ngớt. Một buổi sáng, nữ thí chủ Visakha tới tìm Bụt, đầu tóc và xiêm y ướt đẫm, Bụt hỏi:

- Visakh, bà đi đâu về mà đầu tóc và xiêm y ướt đẫm thế này?

- Lạy đức Thế Tôn, đứa cháu nội của con mới chết. Con buồn quá đi tìm Bụt mà quên mang theo cả dù, cả nón.

- Visakh, đứa cháu nội của bà lên mấy tuổi, cháu ốm bệnh gì mà mất?

- Bạch Thế Tôn, nó mới có ba tuổi, nó bị bệnh thương hàn.

- Tội nghiệp cháu. Này Visakha, bà có tất cả bao nhiêu con và cháu?

- Bạch Thế Tôn, con có tới mười sáu đứa con, chín đứa đầu đã lập gia đình, và con đã có tám đứa cháu, vừa nội vừa ngoại. Bây giờ con chỉ còn có bảy đứa cháu, toàn là cháu ngoại.

- Visakha, bà muốn có nhiều cháu lắm phải không?

- Vâng, bạch đức Thế Tôn, con muốn có thật nhiều con và thật nhiều cháu. Nhà càng đông con cháu thì lại càng vui.

- Này Visakha, nếu con cháu bà nhiều như dân số ở thủ đô Savatthi này thì chắc là bà vui lắm.

- Vâng, thưa đức Thế Tôn, con mà có được nhiều con nhiều cháu như dân số ở Savatthi thì còn gì bằng.

- Visakha, bà biết mỗi ngày ở thủ đô Savatthi có bao nhiêu người chết không?

- Thưa Thế Tôn, có ngày thì mười người chết, có ngày thì chín người, tám người, bảy người hay sáu người, ít nhất là một người. Thế Tôn, ở Savatthi không có ngày nào là không có người chết.

- Này Visakha, nếu con cháu bà đông đúc như dân cư ở Savatthi thì ngày nào mà tóc tai và áo quần của bà lại không ướt đẫm như thế kia?

Visakha chắp hai tay lại:

- Thôi, thôi, con không muốn con cháu đông đảo như dân số ở Savatthi nữa đâu. Con hiểu rồi. Càng thương nhiều thì càng bị ràng buộc nhiều, càng bị ràng buộc nhiều thì càng khổ đau nhiều. Bụt đã dạy con điều này nhiều lần, mà con cứ quên mãi.

Bụt im lặng, mỉm cười.

Visakha nói:

- Thế Tôn, người thường du hành hóa độ khắp nơi và chỉ về Savathhi vào trước mùa mưa. Đệ tử chúng con nhiều khi nhớ Bụt, lên tu viện thăm thì ít khi được gặp người. Mỗi khi chúng con đến, chúng cho nên chỉ biết đi vòng ba lần quanh tịnh thất của người rồi đi về mà thôi.

Bụt dạy:

- Visakha, bà nên nhớ rằng việc tu học tinh tiến theo giáo pháp cần thiết hơn việc thăm viếng. Mỗi khi tới chùa, các vị đều có dịp nghe các vị đại đức thuyết pháp để học hỏi thêm giáo lý và để đem về thực hành. Giáo pháp ấy chính là thầy đó. Đừng vì sự vắng mặt của thầy ở tu viện mà xao lãng việc tu học.

Đại đứa Ananda bạch:

- Con ý định là sẽ trồng một cây bồ đề ngay trong tu viện. Mỗi khi các vị đến thăm Bụt mà không có Bụt thì có thể đến thăm và làm lễ cây bồ đề. Như vậy thì cũng như làm lễ Bụt. Chúng con sẽ đặt một pháp tọa bằng đá dưới gốc bồ đề. Nếu các vị đệ tử đem hoa tới cúng dường Bụt, các vị có thể dâng hoa trước pháp tọa làm lễ, và đi nhiễu ba vòng xung quanh cây bồ đề để quán niệm về Bụt.

Bà Visakha nói:

- Ý kiến của đại đức rất hay. Nhưng biết lấy cây bồ đề con ở đâu ra mà trồng?

Đại đức Ananda nói:

- Ta có thể đến xin hạt của cây bồ đề ở thôn Uruvela, nơi Bụt thành đạo. Visakha, bà đừng lo, tôi sẽ phụ trách về việc lấy hạt, ươn hạt và trồng cây bồ đề. Tôi sẽ trồng một cây ở tu viện và một cây ngay ở đây.

Nữ thí chủ Visakha đã cảm thấy nhẹ bớt trong lòng. Bà lạy Bụt và đại đức Ananda rồi ra về.

Chương 61 - Tiếng Gầm Của Sư Tử Lớn

Mùa an cư an năm nay, nhân một câu hỏi của đại đức Ananda về đạo lý duyên sinh, Bụt đã dạy các vị khất sĩ về mười hai nhân duyên như là động cơ của guồng máy sinh tử.

Người bảo thầy Ananda:

- Đạo lý duyên sinh là đạo lý rất vi diệu và thâm sâu. Các vị đừng nghĩ rằng có thể thấu hiểu được hết chiều sâu của đạo lý này bằng ngôn từ và lý luận.

Các vị khất sĩ! Ngày xưa thầy Uruvela Kassapa nhờ được nghe đạo lý nhân duyên mà thấy được và vào được chánh pháp. Ngày xưa Sariputta cũng nhờ nghe được một bài kệ về đạo lý nhân duyên mà hôm nay đã trở nên một trong những khuôn mặt của chúng trung tôn.

Này các vị! Trong mỗi giây phút của cuộc sống hàng ngày, các vị phải quán chiếu về tự tính duyên sinh của vạn pháp. Nhìn vào một tờ lá hay một hạt mưa, các vị phải tập thấy cho được tất cả những điều kiện gần xa đã đưa tới sự có mặt của tờ lá ấy hay của hạt mưa ấy. Các vị nên biết rằng thế giới được dệt thành bởi những màn nhân duyên chằng chịt, cái nầy có vì cái kia có, cái nầy không vì cái kia không, cái này sinh vì cái kia sinh, cái nầy diệt vì cái kia diệt. Sự sinh diệt của một pháp tùy thuộc vào sự sinh diệt của tất cả các pháp. Sự sinh diệt của tất cả các pháp tùy thuộc vào sự sinh diệt của một pháp. Trong cái một có cái tất cả, và trong cái tất cả có cái một.

Cái một tức là cái tất cả, cái tất cả tức là cái một. Không có cái một thì không có cái tất cả, không có cái tất cả thì không có cái một. Đây là chỗ vi diệu của đạo lý duyên sinh. Nếu quán sát cho thấu triệt tự tính của vạn pháp, các vị sẽ vượt thoát ra ngoài cái lo và cái khổ về sinh tử, nói một cách khác hơn là thoát ra được ngoài vòng sinh tử.

Các vị khất sĩ! Duyên khởi chằng chịt nhiều tầng nhiều lớp, nhưng quý vị có thể phân biệt bốn loại: đó là nhân duyên, tăng thượng duyên, đẳng vô gián duyên và sở duyên duyên.

Nhân duyên là điều kiện chính yếu gần nhất, như hạt lúa là điều kiện chính yếu để phát sinh ra cây lúa. Tăng thượng duyên là những điều kiện phù trợ, như nắng, mưa, hơi ấm, đất màu giúp cho hạt lúa nảy mầm lớn lên thành cây lúa.

Đẳng vô gián duyên tức là sự tiếp nối không gián đoạn của dòng lưu chuyển. Thiếu sự tiếp nối thì sự trưởng thành của cây lúa bị gián đoạn nửa chừng.

Sở duyên duyên là đối tượng của nhận thức, bởi vì nhận thức bao giờ cũng là nhận thức một cái gì, nhận thức không rời đối tượng nhận thức. Hạt lúa, cây lúa và các điều kiện xa gần đưa tới sự có mặt của cây lúa ... tất cả đều là đối tượng của nhận thức, không thể tách rời ra khỏi nhận thức. Tâm thức vì vậy là một điều kiện căn bản của hiện hữu.

Này các vị khất sĩ! Sở dĩ có khổ đau là vì có sinh tử. Tại sao có sinh tử? Tại vì có vô minh. Nếu các vị quán chiếu và thấy được tự tính duyên khởi của vạn vật thì các vị sẽ tiêu diệt được vô minh. Tiêu diệt được vô minh thì siêu thoát được quan niệm về sinh tử. Thoát được sinh tử thì diệt được mọi khổ đau và lo âu.

Này các vị! Có tử là vì có sinh, có sinh tử là vì còn ý niệm có ta, còn ý niệm có ta là vì bị dính mắc, bị dính mắc là vì tham ái, tham ái là vì không thấy được tự tính của cảm giác, không thấy được tự tính của cảm giác là vì bị kéo theo dòng tiếp xúc giữa giác quan và đối tượng, bị kéo theo dòng tiếp xúc giữa giác quan và đối tượng là vì tâm tư không sáng suốt và an tĩnh, tâm tư không sáng suốt an tĩnh là vì tâm thức hôn mê. Tâm thức hôn mê là vì vô minh. Mười hai cái khoen của vòng xích ấy nối liền nhau, trong một cái có cả mười một cái kia, thiếu một cái thì mười một cái kia cũng không có. Tử, Sinh, Hữu, Thủ, Ái, Thọ, Xúc, Lục nhập, Danh sắc, Thức, Hành, và Vô minh là tên gọi của mười hai cái khoen ấy.

Các vị khất sĩ! Vô minh là chất liệu căn bản của cả mười hai nhân duyên. Nhờ quán chiếu tự tính duyên sinh, ta lấy ánh sáng của trí tuệ làm tan rã chất liệu vô minh đó và ta vượt thoát được tất cả những lo sợ đau buồn của sinh tử. Người phàm phu bị nhận chìm trong biển khổ sinh tử. Bậc giải thoát cỡi trên những đợt sóng sinh tử mà đi. Mười hai cái khoen của vòng xích trở nên mười hai cái bánh xe của một cỗ xe chở người tới giác ngộ. Bậc giác ngộ sống trên đời nhưng không bao giờ bị cuộc đời làm cho chìm đắm. Các vị khất sĩ! Các vị đừng trốn chạy sinh tử, các vị chỉ cần vượt thắng lên trên sinh tử mà thôi. Siêu việt sinh tử, đó là chí khí của bậc đại trượng phu.

Trong một buổi pháp đàm được tổ chức sau đó mấy hôm, đại đức Mahakassapa cho biết Bụt đã từng giảng dạy nhiều lần về đạo lý nhân duyên, và đạo lý này có thể coi như là trọng tâm của đạo giác ngộ, và đại đức cho biết có lần Bụt đã dùng hình ảnh một bó lau để làm ví dụ. Người nói không có ai làm ra các nhân duyên cả mà chính các nhân duyên tự làm ra nhau. Vô minh là ra hành và hành làm ra vô minh, hành làm ra thức và thức làm ra hành. Cũng như những cọng lau dựa vào nhau mà đứng, Một cọng lau bị kéo qua một bên thì cọng kia rơi xuống. Vạn vật trong vũ trụ cũng vậy. Một làm ra tất cả, và tất cả làm ra một. Nhìn cho sâu, ta thấy cái một trong tất cả và ta thấy tất cả trong cái một.

Cũng trong mùa an cư, Bụt bị một nhóm Bà la môn âm mưu trả thù bằng cách vu cáo rằng người đã ăn nằm với người đàn bà cho đến khi người này có thai rồi bỏ.

Vụ âm mưu này được tổ chức rất khéo léo. Những người chủ mưu đã tìm được một cô gái trong giới Bà la môn sẵn sàng cộng tác với họ. Cô này tên là Cinca, nhăn sắc khá mặn mà. Những người chủ mưu đã than thở với cô về sự sụp đổ của niềm tin nơi đạo Bà la môn của giới trẻ tuổi. Giới trẻ tuổi Bà la môn đã theo Bụt nhiều quá, và trong số ấy có những người rất xuất sắc. Một khi theo Bụt họ đã không ngần ngại nói tới những cái mà họ cho là sai lầm và hẹp hòi trong đạo Bà la môn. Nóng lòng vì nền đạo đức của tổ tiên, cô Cinca nói rằng cô có thể làm bất cứ gì để cứu vãn tình thế, và cô đã làm theo những lời chỉ dẫn của những người chủ mưu.

Ngày nào cô cũng ăn mặc thật đẹp và đi về tu viện Jetavana, trên tay luôn luôn có một bó hoa. Nhưng cô không đi chùa vào giờ người khác đi chùa. Cô chỉ tới chùa vào giờ những người khác rời chùa để về nhà sau khi nghe thuyết pháp. Ai hỏi đi đâu, cô chỉ mỉm cười mà không nói. Có khi cô lại nói nửa úp nửa mở: “Tôi đi đâu thì đi, việc gì đến quý vị mà hỏi?”. Thiên hạ lấy làm hồ nghi. Sau đó nhiều tuần lễ, cô lại trả lời người ta như sau: “Tôi đi thăm sa môn Gotama". Rồi mấy hôm sau, cô lại nói: “Ngủ lại tu viện Jetavana thật là vui!”.

Những điều đó làm nhiều người chói tai, nhưng cũng làm cho người sinh ra hoài nghi. Tuy nhiên không ai phê phán gì. Cho đến một hôm, Cinca xuất hiện trong một buổi thuyết pháp của Bụt. Bụng của cô đã phình lên khá lớn, Bụt đang thuyết pháp nửa chừng thì cô bước lên. Trước mặt thính chúng đông đảo, cô nói lớn:

- Sa môn Gotama! Ngài thuyết pháp rất là hay, và ngài là một người có thế lực lớn, nhưng ngài không bao bọc được cho một người đàn bà yếu đuối đã vì ngài mà bụng mang dạ chửa. Đứa con trong bụng này là của ngài. Nếu ngài không chịu nhận trách nhiệm làm cha nó thì ai nhận đây?

Thính chúng xôn xao, mọi người đưa mắt hỏi nhau rồi nhìn lên Bụt. Bụt nói với Cinca, miệng người mỉm cười:

- Này cô bé, chuyện này là thật hay giả thì chỉ có cô và ta biết rõ mà thôi.

Cinca hơi mất bình tĩnh, nhưng cô cố lấy giọng rắn rõi:

- Đúng rồi, việc này có thật hay không có thật thì chỉ có sa môn Gotama và tôi biết mà thôi.

Quần chúng không chịu đựng được sự ngạc nhiên nữa. Nhiều người xô ghế đứng dậy. Nhất là những người ngồi phía sau. Cinca hoảng hốt, tưởng thiên hạ đang lén tấn công mình. Cô tìm cách thoát thân, cô vụng về vấp phải một cái cột nhà, cô gượng níu lấy cột nhà để đứng dậy. Lúc đó có một sợi dây đứt và miếng gỗ tròn lép từ bụng cô rơi xuống, đánh rầm một cái. Miếng gỗ khá nặng, miếng gỗ dầy ở giữa nhưng có mép mỏng chung quanh. Miếng gỗ rơi xuống trúng vào hai ngón chân của bàn chân cô làm cô đau điếng. Cinca rú lên, cúi xuống ôm lấy bàn chân. Cái bụng của cô bây giờ xép lẹp.

Quần chúng thở phào nhẹ nhõm. Nhiều người phá lên cười ngặt ngoẻo. Có một ni sư đứng dậy và tiến lên. Đó là ni sư Khema. Ni sư bước tới, dịu dàng dìu Cinca ra khỏi phòng. Đợi cho hai người khuất bóng, Bụt trở lại với bài thuyết pháp. Giọng nói của người bình thản, như là vừa rồi chẳng có chuyện gì quan trọng xảy ra.

Bụt nói:

- Đại chúng! Đạo lý giác ngộ có năng lực công phá những thành trì kiên cố nhất của vô minh, cũng như ánh sáng có năng lực làm tiêu tan bóng tối. Những đạo lý như bốn sự thật, vô thường, vô ngã, duyên sinh, bốn niệm xứ, bảy giác chi, ba cánh cửa giải thoát và con đường tám sự chân chính đã được tuyên thuyết trong nhân gian như những tiếng gầm của một con sư tử lớn, đẩy lui hàng trăm hàng ngàn tà thuyết và hý luận.

Này các vị, sư tử là vua của các loài thú. Khi nó ra khỏi hang, con sư tử uốn mình và vươn vai. Sau khi uốn mình và vươn vai, nó đưa cặp mắt sáng nhìn ra bốn phía. Rồi nó gầm lên ba lần tiếng gầm của loài sư tử. Sau đó nó mới đi tìm mồi.

Này các vị, bất cứ loài thú nào trong rừng nghe tiếng gầm của sư tử đều lấy làm sợ hãi, có con núp kín, có con run rẩy, có con bỏ chạy, có con rời rã cả tứ chi không còn biết làm gì nữa. Chim bay lên cao, loài cư trú dưới nước như thuồng luồng và cá sấu hấp tấp lội xuống nước, chồn, cáo, và các loài ở hang chui xuống hang sâu. Những con voi trong các làng xóm lân cận, dù là voi của vua có trang sức dây nịt và lọng vàng, đều hoảng sợ, tung bỏ tất cả những đồ trang sức mà chạy, có khi văng cả phân và nước tiểu. Con sư tử có uy lực lớn như thế đó.

Đại chúng! Pháp âm của đạo giác ngộ cũng giống như tiếng gầm của con sư tử! Pháp âm giác ngộ được cất lên thì tất cả các tà thuyết đều run sợ. Các đạo lý vô thường, vô ngã, duyên sinh ... một khi được tuyên thuyết lên thì tất cả những ai lâu nay nương náu và cảm thấy an ổn trong vô minh và trong quên lãng đều phải giật mình. Loài người cũng vậy mà loài trời cũng vậy. Khi

bừng tỉnh giấc mơ, mọi người thấy được sự thật chói lòa: "thì ra lâu nay chúng ta đang ôm lấy hiểm nguy, chúng ta đã nhận cái vô thường làm cái thường, cái vô ngã làm cái ngã, cái khổ làm cái vui, cái tạm bợ làm cái vĩnh cữu, cái giả làm cái thật. Đã đến lúc chúng ta phải phá tung tất cả những màn lưới quên lãng và luận chấp mà đi".

Đại chúng! Các học thuyết của nhân gian đều bị ràng buộc vào ý niệm có và không. Pháp âm của đạo giác ngộ đưa nhân gian ra khỏi màn lưới dầy đặc của muôn ngàn lý luận ấy.

Đạo lý giác ngộ vượt thoát mọi ý niệm có không. Mỗi khi có một bậc giác ngộ ra đời là pháp âm giác ngộ lại được dịp vang động như tiếng hải triều. Khi hải triều lên tất cả đều bị cuống phăng theo ngọn sóng.

Pháp âm giác ngộ cũng hùng vĩ như tiếng hải triều.

Đại chúng! Nhân gian thường bị vướng mắc trong bốn cái cạm bẫy lớn. Cạm bẫy thứ nhất là dục lạc. Cạm bẫy thứ hai là kiến thức. Cạm bẫy thứ ba là nghi lễ. Cạm bẫy thứ tư là ý niệm về ngã. Vướng mắc vào các cạm bẫy ấy, con người không còn vùng vẫy được. Pháp âm giác ngộ đưa con người thoát ra bốn thứ cạm bẫy lớn này.

Đại chúng! Đạo lý duyên khởi là con đường đưa mọi người ra khỏi mọi cố chấp và cạm bẫy. Các vị phải thường xuyên quán sát tự tánh duyên khởi trong đời sống hàng ngày của các vị, nơi thân thể, nơi cảm thọ, nơi tâm ý và nơi vạn pháp, đối tượng của tâm ý.

Buổi thuyết pháp của Bụt được đại đức Ananda trùng tuyên ngày hôm sau tại giảng đường Lộc Mẫu. Đại đức đặt tên cho bài thuyết pháp này là Kinh Tiếng Gầm Của Sư Tử.

Mùa an cư năm ấy, rất nhiều vị khất sĩ trong tu viện mắc phải bệnh sốt rét. Có nhiều thầy sốt cho đến ốm o và xanh xao. Rất nhiều thầy không đủ sức để ôm bát đi khất thực. Họ phải nằm tại nhà chờ các vị khất sĩ đi khất thực về chia xẻ thức ăn với họ. Nhưng hầu hết thức ăn xin được là cơm có chan nước cà ri. Thức ăn này quá cứng và quá khô đối với người bệnh, thành ra những vị khất sĩ bị sốt không thể nào muốt được. Biết vậy, Bụt cho phép giới cư sĩ cúng dường cho các vị khất sĩ bệnh các thức ăn mềm và có nhiều chất lượng bổ dưỡng như mật, sữa, đường, đề hồ và dâu.

Nhờ những thức ăn ấy các vị khất sĩ bị bệnh phục hồi được sức khỏe một cách từ từ.

Một hôm sau giờ ngồi thiền. Bụt nghe tiếng quạ kêu râm ran bốn phía. Người đi ra thì thấy một số các vị khất sĩ đang cho quạ ăn các thức ăn rất quý đã được cúng dường đặc biệt cho người bệnh. Các vị khất sĩ này là những người được cử ra săn sóc cho bệnh nhân. Họ trình với Bụt rằng sở dĩ họ phải cho quạ ăn các thức ăn quý giá này vì có một số các vị khất sĩ sốt vào buổi sáng nên không thọ thực được. Quá giờ ngọ thì không được ăn nữa, cho nên thức ăn phải đem cho quạ ăn. Bụt hỏi tại sao không giữ các thức ăn này lại cho ngày mai. Các vị trả lời là họ không được phép giữ thức ăn qua đêm. Bụt dạy trong khi bệnh, các vị khất sĩ có quyền thọ thực sau giờ ngọ, và cũng có quyền giữ các thức ăn đến ngày hôm sau.

Một vị y sĩ tại thủ đô gặp đại đức Sariputta và đề nghị với đại đức một thứ thức ăn được chế biến bằng năm yếu tố có nhiều chất đạm để bồi bổ cho các vị khất sĩ đã vì sốt và rét mà trở nên ốm yếu xanh xao.

Chương 62 - Đừng Vội Tin Cũng Đừng Vội Bài Bác

Mùa an cư hoàn mãn, đại đức Sariputta đến từ biệt Bụt để lên đường hành hóa, Bụt chúc đại đức lên đường bình yên, thân thể và tâm trí nhẹ nhàng, không gặp quá nhiều khó khăn trên đường giáo hóa. Đại đức Sariputta cảm tạ và lên đường ngay sau đó.

Trưa hôm ấy có một vị khất sĩ lên tìm Bụt và phàn nàn với người là thầy đã bị đại đức Sariputta hất hủi. Bụt hỏi hất hủi như thế nào. Vị khất sĩ ấy đáp:

- Con hỏi thầy ấy đi đâu, thầy ấy đã không thèm trả lời mà lại còn xô con ngã rồi bỏ đi không thèm xin lỗi.

Bụt bảo Ananda:

- Chắc Sariputta chưa đi xa đâu. Ananda, hãy nhờ một vị sa di đi tìm đại đức Sariputta về. Tối hôm nay chúng ta sẽ tập họp đại chúng ở giảng đường Jeta.

Đại đức Ananda vâng mệnh. Chiều hôm ấy đại đức Sariputta trở về tu viện với vị sa di. Thầy lên trình diện Bụt.

Bụt bảo:

- Sariputta, tối hôm nay chúng ta sẽ họp tại giảng đường, có vị khất sĩ buộc tội thầy đã xô ngã thầy ấy và bỏ đi không thèm xin lỗi.

Các đại đức Moggallana và Ananda chiều hôm đó tay cầm xâu chìa khóa đi vào khắp các tăng xá của tu viện. Tới đâu họ cũng thông báo về cuộc họp tối nay. Họ nói:

- Mời chư huynh đệ tối nay tới họp mặt đông đảo tại giảng đường. Tối nay sư huynh Sariputta thế nào cũng gầm lên tiếng gầm sư tử của sư huynh trước mặt Thế Tôn và đại chúng, sẽ hào hứng lắm.

Tối hôm ấy giảng đường không thiếu mặt ai. Ai cũng muốn biết đại đức Sariputta phản ứng thế nào trước những người lâu nay đã có thái độ ganh ghét và hờn giận mình. Ai cũng biết rằng đại đức là một người đệ tử lớn của Bụt và được Bụt tin yêu, và vì vậy ông đã là mục tiêu của rất nhiều sự hiểu lầm và ganh ghét.

Trong giới môn đệ Bụt, có người nghĩ rằng Bụt đã tin cậy Sariputta một cách quá đáng, rằng người đã quá nghe lời Sariputta, hoặc đã đi tới những quyết định dưới ảnh hưởng nặng nề của vị đại đức này. Có người lại nghĩ rằng nếu họ bị Bụt quở trách và giáo giới đó là cũng vì Bụt đã nghe những lời nói ra, nói vào của đại đức Sariputta. Và họ đem lòng hận thù đại đức. Họ nhắc mãi tới việc năm xưa có lần Bụt đã mời Sariputta ngồi chung một ghế.

Có một thầy tên là Kokalika, trước đây cũng từng cư trú tại tu viện Jetava, và đã từng thù ghét các sư huynh Sariputta và Moggallana đến nước không ai có thể can ngăn được.

Chuyện đã xảy ra cách trên tám năm, nhưng vẫn còn đậm nét trong lòng thầy Ananda.

Theo thầy Kokalika thì cả hai vị đại đệ tử Bụt là Sariputta và Moggallana đều là những người tu hành giả dối, đều là người hành động theo ái dục. Niềm ganh tỵ và hận thù của thầy Kokalika quá lớn khiến không ai có thể hòa giải được.

Chính Bụt đã có lần gọi thầy tới và bảo: "Này khất sĩ Kokalika, đừng có nói rằng Sariputta và Moggallana là những người bị ái dục chi phối. Họ là những người có đạo đức chân thật và tính tình rất hòa ái".

Tuy nhiên vì tâm thầy Kokalika đã bị hận thù che lấp nên thầy không tiếp nhận được lời của Bụt. Cuối cùng thầy bỏ tu viện ra đi. Sau đó thầy mắc một chứng bịnh rất lạ kỳ. Da thầy trở nên sần sùi, rồi tự nhiên đầy mình mọc ra hàng vạn cái mụt nhỏ lớn bằng hạt cải, những cái mụt này lớn lên bằng những hạt đậu. Rồi những chiếc mụt ấy vỡ ra, chảy đầy máu và mủ. Thuốc men nào cũng không chữa được, Bụt nhận thầy về tu viện, nhưng thầy không về.

Sau đó thầy mạng chung. Bụt rất xót thương. Người bảo: "Hận thù và ganh ghét là những chất độc làm ung thối tâm hồn, sau khi làm ung thối tâm hồn, những chất độc ấy còn phá hoại thân thể và gây thành những chứng bệnh rất kỳ lạ. Này các vị khất sĩ, các vị đừng để cho những chất độc ấy thấm vào thân tâm".

Đại đức Ananda biết hết những tình tiết đó cho nên đã ngần ngại rất nhiều trước khi nhận trách nhiệm làm thị giả cho Bụt. Trong những điều kiện thầy đưa ra có điều kiện là nếu làm thị giả cho Bụt, thầy xin Bụt đừng bao giờ cho thầy áo, đừng cho thầy ngủ chung một phòng và đừng bao giờ chia cho thầy những thức ăn mà người ta cúng dường riêng cho Bụt. Thầy biết rất rõ là trong số những người đến với Bụt có nhiều người muốn được Bụt tiếp xử bằng một thái độ đặc biệt, và nếu không được tiếp xử như thế họ cảm thấy buồn tủi và từ sự buồn tủi đó họ có thể sinh ra hờn án và ghét bỏ luôn cả Bụt.

Đại đức Ananda nhớ rằng hồi Bụt an cư tại làng Kaimasadamya ở Kosambi, có một người đàn bà tên là Magandika đã vì không được Bụt đối xử một cách đặc biệt mà sinh lòng thù hận Bụt. Magandika là một phụ nữ xinh đẹp, con gái của một gia đình Bà la môn. Lần đầu thấy Bụt -hồi đó Bụt mới có bốn mươi bốn tuổi- cô đem lòng yêu mến người, rồi khi tình cảm đó lớn mạnh, cô đòi hỏi Bụt có một biệt nhãn đối với cô. Cô đã làm mọi cách để Bụt đối xử với cô như một người đặc biệt, nhưng cô không thành công.

Rốt cuộc, tình cảm biến thành thù hận. Sau này trở nên thứ hậu của vua Udena xứ Vamsa, cô đã dùng quyền thế và phương tiện của cô để cho người đi nói xấu và nhục mạ Bụt, làm áp lực cho những chính quyền quận và ấp đừng cho Bụt và giáo đoàn tới thuyết pháp. Cô lại tìm cách trả thù và hành hạ vương phi Samavati, một người rất được vua Udayana ân sủng, chỉ vì người nầy là đệ tử rất thuần kính của Bụt. Thấy Bụt bị nhục mạ và làm khó dễ quá, đại đức Ananda đề nghị người nên đi hành đạo tại một xứ khác. Bụt hỏi:

- Nếu tới xứ khác mà cũng bị nhục mạ và làm khó dễ nữa, thì ta sẽ đi đâu?

Ananda nói:

- Thì ta nên tới một xứ khác nữa.

Bụt bảo:

- Nói như thế không được. Ananda ơi, gặp khó khăn, ta không nên nản lòng. Phải từ trong môi trường khó khăn ấy mà tìm ra giải pháp ổn thỏa. Ananda, nếu ta thực tập phép hành xã, ta sẽ không thấy khó chịu khi bị nhục mạ, và những lời nhục mạ ấy không động được đến ta. Những người chửi rủa ta sẽ không làm tổn thương được ta và chí hướng ta nếu ta thực tập được phép xả; còn họ, họ sẽ phải chịu đựng những kết quả của sự chửi rủa của họ. Khi một người nhổ nước bọt lên trời với ý định làm bẩn người, trời đã không bị bẩn mà nước bọt sẽ rơi xuống mặt người nhổ nước bọt.

Bụt đã thành công năm xưa ấy, Ananda thấy lòng bình thản và không lo ngại gì cho đại đức Sariputta tối nay. Đạo hạnh của Sariputta đã được số đông các huynh đệ công nhận. Nếu đứng vào địa vị của Bụt, chắc Ananda cũng phải làm như Bụt và cũng phải trọng dụng đại đức Sariputta.

Sư huynh Sariputta thật xứng đáng ở địa vị một huynh trưởng. Thông minh xuất chúng, kiến giải và đạo hạnh cao siêu, sư huynh đã từng thay thế Bụt nhiều lần trong việc lãnh đạo giáo đoàn. Sư huynh đã thuyết pháp nhiều lần và nhiều bài pháp thoại của sư huynh đã được Bụt khen ngợi và cũng đã được trùng tuyên thành kinh điển.

Chính Kinh Dấu Chân Voi - Hatthipadopanna sutta - là do sư huynh nói. Trong kinh này sư huynh đã dạy về tứ diệu đế. Sư huynh không lặp lại những lời của Bụt, mà đã diễn giải tứ diệu đế một cách rất kỳ thú căn cứ vào sự tu chứng của bản thân sư huynh. Những lời sư huynh nói về bốn yếu tố đất, nước, lửa và không khí liên hệ tới năm uẩn thật là những giáo lý kỳ đặc và mới mẻ.

Khi Bụt bước vào giảng đường, tất cả các vị khất sĩ đều đứng dậy. Người đưa tay mời mọi người an tọa. Người cũng ngồi xuống pháp tọa để dành cho người và ra hiệu cho đại đức Sariputta tới ngồi trên một chiếc ghế thấp bên tay phải của người.

Đợi cho mọi người an tọa hết. Bụt mới xoay lại nói với đại đức Sariputta:

- Sariputta, có vị khất sĩ buộc tội thầy xô vị ấy ngã và bỏ đi mà không xin lỗi. Thầy có điều gì nói về việc này không?

Đại đức Sariputta đứng dậy chắp tay xá Bụt rồi chắp tay xá đại chúng. Thầy lên tiếng:

- Thế Tôn, một ông thầy tu không tu, không quán niệm thân thể nơi thân thể, không có ý thức về những động tác của thân thể, một ông thầy tu như thế có thể xô ngã một người bạn tu của mình và bỏ đi mà không thèm xin lỗi.

Thế Tôn, con nhớ bài học mà ngày xưa Thế Tôn đã dạy cho khất sĩ Rahula, hồi ấy mới mười tám tuổi, cách đây đã trên mười bốn năm. Thế Tôn dạy Rahula học theo hạnh của đất, của nước, của lửa và của không khí, để nuôi dưỡng và phát triển bốn đức Từ, Bi, Hỷ và Xả. Hôm ấy con cũng có mặt. Thế Tôn dạy Rahula, nhưng con đã có duyên học và thực tập bài học ấy trong suốt mười bốn năm qua và con đã nhiều lần thầm biết ơn Thế Tôn về bài học ấy.

Thế Tôn, con đã tập hành sự như đất, và con đã thành công. Đất bao giờ cũng đầy đặn, rộng lớn, bao la, có khả năng thu nhận và chuyển hóa. Dù người ta đổ và rải lên những thứ tinh sạch như hoa, nước thơm, sữa thơm hoặc đổ và rải xuống đất những thứ dơ bẩn và hôi hám như phân, nước tiểu, máu, mủ, đàm, nhớt ... thì đất cũng tiếp nhận những thứ đó một cách thản

nhiên, không tham đắm, không giận hờn, cũng không ghê tởm ...

Lạy Bụt, con đã quán niệm để thân và tâm con được như đất. Một ông thầy tu không quán niệm thân thể nơi thân thể, không có ý thức về những động tác của thân thể, một ông thầy tu như thế có thể xô ngã một người bạn tu và bỏ đi mà không thèm xin lỗi. Con không đến nỗi như vậy.

Thế Tôn, con đã tập hành sự như nước. Khi người ta giặt những thứ thơm tho hoặc dơ bẩn trong nước, nước cũng không vì thế mà cảm thấy tham đắm hoặc tủi nhục, buồn khổ và chán chường. Nước bao la, lưu chuyển, có năng lực hóa giải và gạn lọc. Lạy Bụt, con đã quán niệm để thân và tâm con được như nước. Một ông thầy tu không quán niệm thân thể nơi thân thể, không có ý thức về những động tác của thân thể, một ông thầy tu như thế có thể xô ngã một người bạn tu và bỏ đi mà không thèm xin lỗi. Con không đến nỗi như thế.

Thế Tôn, con đã tập hành sự như lửa. Lửa đốt cháy mọi thứ kể cả những cái đẹp đẽ hoặc hôi hám và dơ bẩn, nhưng lửa không vì vậy mà cảm thấy hoặc tham đắm hoặc tủi nhục, buồn giận và chán chường. Lửa có năng lực thiêu đốt, gạn lọc và hóa giải. Lạy Bụt, con đã quán niệm để thân và tâm con được như lửa. Một ông thầy tu không quán niệm thân thể nơi thân thể, không có ý thức về những động tác của thân thể, một ông thầy tu như thế có thể xô ngã một người bạn tu và bỏ đi mà không thèm xin lỗi. Con không đến nỗi như thế.

Thế Tôn, con đã tập hành sự như không khí. Không khí thổi đi những thứ mùi hoặc thơm hoặc thối, dù mùi đó là mùi máu mủ, phân và nước tiểu, mà không cảm thấy tham đắm hoặc tủi nhục, buồn giận hay chán chường. Không khí có khả năng giải tỏa, gạn lọc và hóa giải. Lạy Bụt, con đã quán niệm để thân và tâm con được như không khí. Một ông thầy tu không quán niệm thân thể nơi thân thể, không có ý thức về những động tác của thân thể, một ông thầy tu như thế có thể xô ngã một người bạn tu và bỏ đi mà không thèm xin lỗi. Con không đến nỗi như thế.

Thế Tôn, như một em bé dòng dõi hạ tiện, áo quần rách rưới ôm bát vào làng xóm mà xin ăn; trong lòng không có một hào ly nào tự phụ, con cũng thế, trái tim con cũng như trái tim của một em bé dòng dõi hạ tiện, luôn luôn tràn đầy khiêm cung, đâu có dám lên mặt với ai. Lạy Bụt, một ông thầy tu không quán niệm thân thể nơi thân thể, không có ý thức về những động tác của tâm ý, một ông thầy tu như thế có thể xô ngã một người bạn tu và bỏ đi mà không thèm xin lỗi. Con không đến nỗi như thế.

Đại đứ Sariputta còn muốn nói nữa, nhưng vị khất sĩ buộc tội đại đức đã đứng dậy. Vị này vắt chéo áo sanghati lên vai, và lạy xuống trước Bụt, rồi quỳ xuống với hai bàn tay chắp lại, vị ấy nói:

- Bạch Thế Tôn, con đã phạm giới, con đã buộc tội sư huynh Sariputta một cách oan uổng, con xin sám hối trước Bụt và đại chúng để được thanh tịnh, và tự nguyện từ nay về sau sẽ không tái phạm.

Bụt nói:

- Thầy đã nhận là mình có tội trước đại chúng và sám hối. Điều này rất tốt, đại chúng đã chấp nhận sự sám hối của thầy.

Quay lại đại đức Sariputta, Bụt nói:

- Mong đại đức bỏ qua lỗi lầm của vị khất sĩ này.

- Con xin sẵn lòng bỏ qua nếu thầy ấy hối cải, và con cũng xin thầy ấy bỏ qua và tha thứ những lỗi lầm có thể có của con.

Vị khất sĩ đến trước Sariputta chắp tay lại làm lễ, Đại đức Sariputta đứng dậy đáp lễ. Hai vị cung kính lạy nhau. Đại chúng rất hoan hỷ. Không khí rất cởi mở và hòa dịu. Đại đức Ananda đứng dậy nói:

- Sư huynh Sariputta, mời sư huynh ở lại chơi với các huynh đệ dăm ba hôm rồi sau đó hãy lên đường đi hành hóa. Anh em rất nhiều người muốn được gặp gỡ thân mật với sư huynh.

Đại đức Sariputta mỉm cười, im lặng chấp thuận.

Sau mùa an cư, Bụt đi du hành ở nhiều thị trấn trong xứ.

Một hôm người đến Kesaputta, thị trấn của bộ tộc Kalama. Giới trẻ tìm gặp người rất đông, họ đã từng nghe tiếng sa môn Gotama nhưng chưa lần nào được gặp.

Một thanh niên chấp tay hỏi Bụt:

- Sa môn Gotama, lâu nay có rất nhiều vị đạo sĩ Bà la môn đến viếng xứ Kesaputta này, để giảng dạy đạo lý. Vị nào cũng nói chỉ có đạo lý của mình là hay và thường hay chê bai những đạo lý khác. Chúng con thật là bối rối, không biết đường nào mà đi, và rốt cuộc chúng con sinh ra nghi ngờ tất cả. Sa môn, chúng con nghe nói người là bậc giác ngộ liêm trực, xin người cho chúng con biết là nên tin theo ai và không nên tin theo ai? Ai là nói đúng và ai là người đang truyền bá tà thuyết?

Bụt nói:

- Trong trường hợp này, nếu các bạn có sinh tâm nghi ngờ, đó cũng là việc tự nhiên, dễ hiểu.

Nầy các bạn, các bạn đừng vội tin vào một điều gì dù điều đó là điều mà người ta thường nói đến luôn, dù điều đó có trong kinh điển, dù điều đó là do một bậc thầy mà thiên hạ tôn sùng nói ra. Các bạn chỉ nên chấp nhận và tin vào những điều mà các bạn thấy hợp với lý trí của các bạn, những điều được các hiền nhân đồng ý, những điều mà nếu đem ra thực hành thì đưa tới những kết quả tốt đẹp cho đời sống, còn những điều không hợp với lý trí, những điều bị các hiền nhân chê trách, những điều mà nếu đem ra thực hành thì đưa tới khổ đau và đổ vỡ, những điều đó các bạn nên bác bỏ, đừng chấp nhận nữa.

Người thanh niên Kalama nói:

- Xin sa môn Gotama chỉ bày thêm cho chúng con.

Bụt hỏi:

- Này các bạn, ví dụ có một người để tham vọng, giận hờn và si mê chế ngự tâm mình, thì những tham dục giận hờn và si mê ấy sẽ làm cho kia vui hay là khổ?

- Thưa sa môn, những tham vọng, giận hờn và si mê ấy sẽ làm cho người kia phạm vào tội ác và sẽ đem lại khổ đau lâu dài cho người ấy.

- Vậy thì sống theo tham vọng, giận hờn và si mê có phải là lối sống mà các bậc hiền nhân chấp

nhận và khuyến khích không?

- Thưa không.

- Giả dụ có một người kia sống theo hạnh Từ, Bi, Hỷ, và Xả, biết đem lại hạnh phúc cho kẻ khác, biết làm giảm bớt nỗi khổ của người đời, biết vui theo niềm vui của kẻ khác, biết đối xử với kẻ khác một cách không kỳ thị, không oán trách, thì những hạnh Từ, Bi, Hỷ, và Xả ấy sẽ làm cho người ấy vui hay là khổ?

- Những hạnh ấy không những sẽ làm cho người ấy có hạnh phúc mà còn làm cho mọi người sống chung quanh có hạnh phúc nữa.

- Vậy thì sống theo Từ, Bi, Hỷ, và Xả có phải là lối sống mà các bậc hiền nhân chấp nhận và khuyến khích không?

- Thưa sa môn, có.

- Hay lắm, các bạn. Các bạn hiện có đầy đủ tư cách để phán xét những gì nên tin và nên chấp nhận, và những gì không nên tin và không nên chấp nhận. Tôi xin nhắc lại: chỉ nên tin và chấp nhận những gì hợp với trí xét đoán của mình, những gì được các bậc hiền nhân chấp nhận và khuyến khích, những gì mà nếu đem ra thực hành sẽ đem lại niềm vui và hạnh phúc cho mình và cho kẻ khác. Những gì sai trái, chống lại niềm vui và hạnh phúc, thì nên từ chối, đừng chấp nhận.

Những người trẻ trong bộ tộc Kalama rất lấy làm hoan hỷ sau khi nghe Bụt nói. Họ nhận thấy giáo lý của Bụt rất phù hợp với lý trí họ, không đòi hỏi một đức tin không điều kiện.

Họ thấy nơi giáo lý ấy một niềm tôn trọng tự do tư tưởng rất lớn. Nhiều người xin được quy y làm học trò của Bụt.

Chương 63 - Đường Về Biển Cả

Trên đường đi, Bụt ghé vào thị trấn Alavi. Tại đây người được dân chúng đón tiếp và cúng dường trai phạn tại một trú sở công cộng. Đi theo Bụt có tám vị khất sĩ trong đó có thị giả của người là Ananda.

Sau khi Bụt và các vị khất sĩ đã thọ trai, mọi người đều ngồi lại ăn uống.

Hôm ấy đến dự có khoảng ba trăm người. Cơm nước đã xong, đại đức Ananda thỉnh Bụt nói pháp cho quần chúng.

Mọi người đã ngồi yên sẵn sàng nghe Bụt nói, thì một bác nông dân đẩy cửa bước vào. Bác đã đến trễ, vì sáng hôm nay bác phải đi tìm một con trâu lạc. Tìm được trâu rồi, bác đóng cửa chuồng trâu và vội vã tìm tới trụ sở buổi họp, chưa kịp bỏ một hạt cơm nào vào bụng.

Biết bác nông dân đang đói, Bụt không thuyết pháp vội. Người bảo đem cơm và cà ri ra để bác nông dân ăn trước. Có người sốt ruột, bảo rằng ba trăm người mà phải chờ một người thì quá đáng, nhưng Bụt nhất định chờ. Người chờ cho bác nông dân ăn cơm và uống nước xong mới bắt đầu thuyết pháp. Người nói:

- Thưa quý vị, nếu tôi thuyết pháp trong khi bác nông dân này đang đói bụng, thì bác sẽ không theo dõi được bài giảng và như thế là sẽ thiệt hại cho bác. Đại chúng nên biết không có gì khổ bằng đói. Cái đói nó hành hạ ta và làm cho ta mất hết thanh tịnh và an lạc. Chúng ta phải nghĩ tới những kẻ bị đói, người lớn cũng như trẻ em. Đói vì ăn cơm trễ đã là khổ rồi, huống hồ không ăn trong nhiều ngày nhiều tháng. Ta phải làm sao để đừng có ai bị đói trên cuộc đời nầy mới được.

Ngược dòng sông Hằng, Bụt hướng về Kosambi phía Tây Bắc. Đứng bên dòng sông, Bụt nhìn thấy một khúc gỗ lớn đang theo dòng chảy về phương Đông. Người gọi các vị khất sĩ cùng đi, chỉ cho họ thấy khúc gỗ đang trôi và nói:

- Các vị khất sĩ! Khúc gỗ kia nếu không bị vướng mắc vào hai bờ, nếu không chìm đắm nửa chừng, nếu không vướng một doi cát, nếu không bị người ta vớt lên, nếu không bị cuốn theo dòng nước xoáy và nếu không bị mục nát từ bên trong mục nát ra, thì sẽ cứ trôi như thế cho đến ngày ra được biển cả.

Các vị cũng thế, trên con đường tu đạo, nếu quý vị không bị vướng mắc vào hai bờ, nếu quý vị không bị chìm đắm nửa chừng, nếu không vướng vào một doi cát, nếu không bị người ta vớt lên, nếu không bị cuốn theo dòng nước xoáy và nếu không bị mục nát từ bên trong mục nát ra, thì chắc chắn các vị cũng sẽ đi về tới đại dương của sự giải thoát và giác ngộ hoàn toàn.

Các vị khất sĩ hỏi Bụt:

- Xin Thế Tôn nói rõ cho chúng con hiểu, thế nào là vướng mắc vào hai bờ? Thế nào là không bị chìm đắm nửa chừng? Thế nào là không bị cuốn trôi theo dòng nước xoáy?

- Bị vướng mắc vào hai bờ tức là bị vướng mắc vào sáu giác quan và sáu loại đối tượng. Sống tinh

cần và tỉnh thức thì các vị sẽ không đánh mất chánh niệm và sẽ không bị kẹt vào những cảm thọ do sự xúc tiếp giữa sáu giác quan và sáu loại đối tượng của chúng gây ra.

Chìm đắm nửa chừng túc là bị những sợi dây tham dục và mê đắm buộc lại và không còn đủ sức để đi tới, và rốt cuộc phải nửa chừng bỏ lỡ sự nghiệp tu học của mình.

Vướng mà một doi cát tức là vướng vào sự phục vụ cái ngã của mình, suốt đời chỉ nhắm tới chuyện quyền lợi và hư danh mà quên đi mục đích tối hậu là giải thoát.

Bị người ta vớt lên nghĩa là mãi mê cái vui phàm tục, chỉ ưa la cà suốt ngày suốt buổi rong chơi với bạn xấu mà sao lãng công việc tu hành.

Cuốn theo dòng nước xoáy có nghĩa là chìm đắm trong vũng tù của năm thức dục lạc: ăn ngon, mặc đẹp, sang giàu, dâm dục, hư danh, và lười biếng mê ngủ.

Mục nát từ bên trong mục nát ra là sống đời sống đạo đức giả dối, lường gạt quần chúng, lợi dụng đạo pháp để thỏa mãn cá nhân.

Các vị khất sĩ! Các vị nên tinh tiến tu học, giữ gìn để đừng vướng mắc vào một trong sáu trở ngại đó. Như thế các vị chắc chắn sẽ đi về quả giác ngộ, như khúc gỗ kia nếu không bị vướng mắc vào bất cứ trở ngại gì trên sông thì sẽ chắc chắn về được tới biển cả.

Trong lúc Bụt giảng dạy cho các vị khất sĩ thì có một thiếu niên chăn trâu khoảng mười sáu tuổi đứng gần đó. Thanh niên này tên là Nanda, trùng với tên vị khất sĩ Nanda, em cùng cha khác mẹ với Bụt. Nanda nghe Bụt giảng, thích lắm, chàng đến gần Bụt xin Bụt cho chàng đi theo làm học trò người. Chàng nói:

- Sa môn, con cũng muốn được như các vị khất sĩ có dung mạo trang nghiêm kia. Con cũng muốn tu học như các vị. Con hứa sẽ đem hết sức mình để tu học, để đừng bị vướng vào hai bờ, để đừng bị chìm đắm, để đừng bị vướng vào một doi cát, để đừng bị người ta vớt lên, để đừng bị cuốn theo dòng nước xoáy và để đừng bị mục nát từ trong mục nát ra. Xin sa môn nhận con làm học trò của người ...

Thấy thiếu niên tuy ít học mà có vẻ thông minh, Bụt gật đầu. Người hỏi:

- Con bao nhiêu tuổi?

- Bạch sa môn, con mười sáu.

- Con có cha mẹ ở nhà không?

- Ba mẹ con đều đã mất. Con không có anh em và bà con nào hết. Con chỉ ở giữ trâu cho một người giàu có trong làng mà thôi.

Bụt hỏi tiếp:

- Con có thể ăn một ngày một bữa không?

- Con đã quen ăn như thế từ lâu.

Bụt nói:

- Đáng ra, con phải có đủ hai mươi tuổi mới được chấp nhận vào giáo đoàn. Tuổi chưa hai mươi thì chưa đủ chịu đựng được nếp sống không nhà không cửa, nhưng con là một thiếu niên đặc biệt, ta sẽ xin giáo đoàn cho con được miễn điều kiện tuổi tác. Con sẽ tập sự bốn năm với tư cách một vị sa di trước khi thọ giới khất sĩ. Bây giờ con đi lùa trâu về trả cho chủ con đi, và con xin phép chủ con cho nghỉ việc. Xong xuôi, con sẽ đến tìm ta.

Thiêu niên thưa:

- Bạch sa môn, con không cần làm như thế, những con trâu này khôn lắm, chúng có thể đi về chuồng một mình mà không cần con lùa.

- Nhưng con phải lùa chúng về, giao lại cho chủ đàng hoàng và xin phép chủ nghỉ việc thì con mới được chấp nhận theo ta.

- Nếu lỡ con lùa trâu về giao cho chủ và xin phép chủ được rồi, nhưng khi trở lại Bụt và các thầy đã đi hết rồi thì sao?

Bụt cười:

- Con đừng lo, ta đã hứa thì chúng ta sẽ đứng đây chờ con.

Nanda sung sướng đi lùa trâu về chuồng.

Bụt gọi khất sĩ Svastika. Người nói:

- Svastika, thầy giao cho con hướng dẫn em thiếu niên chăn trâu này. Thầy tin rằng con biết cách giúp nó.

Svastika chắp tay phụng mệnh. Thầy Svastika năm nay đã ba mươi chín tuổi. Thầy biết tại sao Bụt giao trách nhiệm hướng dẫn em thiếu niên chăn trâu này. Được gặp Bụt hồi còn mười một tuổi, Svastika đã được Bụt cho xuất gia năm thầy lên hai mươi mốt. Chính vì Svastika mà Bụt đã nói kinh Phong Ngưu. Kinh này thầy Svastika vẫn thuộc lòng. Thầy đã trùng tuyên kinh này rất nhiều lần cho các bạn đồng tu. Cậu bé này sẽ được tập sự xuất gia, và bốn năm sau sẽ được thọ giới khất sĩ. Thầy Svastika tin tưởng là mình đủ sức để hướng dẫn chú bé Nanda này. Đã đến lúc Bụt giao cho thầy trách vụ tiếp độ những người trẻ tuổi. Bạn thân nhất của thầy là đại đức Rahula năm nay cũng đã ba mươi sáu.

Tất cả mấy đứa em của thầy Svastika đến nay đã có vợ và có chồng. Ai cũng có gia đình và nhà cửa riêng. Ngôi nhà ngày xưa của gia đình Svastika bây giờ đã xiêu vẹo và đổ nát. Trong một chuyến du hành ngang qua thôn Uruveka, Svastika đã ghé thăm lại chốn cũ năm xưa, khi thầy còn mười một tuổi, một mình phải đi chăn trâu nuôi bốn đứa em.

Năm ấy Rupak mới bảy tuổi, Bala mới năm tuổi, Bhima mới hai tuổi. Năm nay Bhima đã ba mươi tuổi rồi. Cũng như chị nó là Bala, Bhima đã có chồng có con, em trai của Svastika sau khi cưới vợ đã đi lập nghiệp ở một nơi khác. Svastika đã có gần hai mươi đứa cháu, và trong số đó cũng có những đứa đang đi chăn trâu cho người khác như Svastika và Rupak ngày xưa. Svastika nhớ có lần thầy đã mời thầy Rahula ghé lại quê nhà. Lúc đó Rupak đã cưới vợ và đi sinh sống nơi khác. Hai đứa em gái còn ở với nhau, sống vào nghề làm bánh. Svastika đã cùng đi với Rahula ra bờ sông. Nhớ lời hứa với bạn, Svastika đã đi tìm bọn chăn trâu đang thả trâu cho ăn bên bờ cỏ cạnh dòng sông Ni Liên Thuyền và bảo chúng để cho Rahula thử cỡi lên mình trâu.

Lúc đó Rahula đã thọ giới khất sĩ, nên hơi ngần ngại, nhưng cuối cùng, Rahula đã cởi áo sanghati cho Svastika cầm. Một em bé mục đồng chỉ cho Rahula cách leo và ngồi trên mình trâu. Thấy con trâu to lớn nhưng quá hiền lành, Rahula làm đúng theo lời em bé. Ngồi trên mình trâu, để trâu thong thả bước đi, Rahula cho Svastika biết cái cảm giác là lạ của thầy. Rahula ý thức về cảm giác ấy, rồi Rahula nói không biết nếu thấy cảnh này Bụt sẽ nghĩ gì, Svastika biết nếu không đi tu, thì ở lại hoàng cung để sau này làm vua, chắc hẳn Rahula sẽ không bao giờ có dịp cỡi lên mình trâu mà đi như hôm nay.

Chú bé Nanda đã trở lại, đại đức Svastika trở về giờ phút hiện tại. Thầy bảo Nanda tới gần thầy, và cho chú biết thầy sẽ là thầy nương tựa của chú. Ngay tối hôm ấy Nanda được xuống tóc làm một vị sa di. Chú tiểu mới này được dạy cách mặc áo, mang bát và những cách đi, đứng, nằm, ngồi theo chánh pháp.

Nanda đã mười sáu tuổi và có vẻ chín chắn; thầy Svastika nghĩ rằng hướng dẫn chú sa di nầy không phải là việc khó. Thầy nhớ năm xưa ở tu viện Trúc Lâm, có một nhóm mười bảy em bé được các thầy trong tu viện chấp nhận vào giáo đoàn để tu học, em lớn nhất mười bảy tuổi và em bé nhất chỉ mới có mười hai. Tất cả đều là con nhà khá giả, đứa lớn nhất tên là Upali. Mười sáu em kia đều là bạn chơi thân của Upali. Khi Upali xin đi xuất gia, cả bọn mười sáu đứa kia đều đòi cha mẹ cho đi tu theo. Sau khi được chấp nhận, bọn trẻ được khép vào kỷ luật của tu viện. Luật của tăng đoàn là không thể ăn quá ngọ. Đêm đầu, mấy em nhỏ đói quá nên khóc. Các thầy bỏ phải đợi tới ngày mai mới được ăn cơm. Buổi sáng, Bụt hỏi các thầy tại sao ban đêm lại có tiếng trẻ em khóc. Các thầy trình bày lại tự sự. Bụt bảo:

- Từ nay về sau, các thầy không nên nhận vào giáo đoàn những người dưới hai mươi tuổi. Các em chưa đủ sức để chịu đựng nếp sống của người khất sĩ.

Tuy nhiên, vì các em đã được chấp nhận lỡ rồi nên vẫn được giữ lại. Bụt dạy các thầy nên cho phép các em từ mười lăm trở xuống được ăn thức ăn nhẹ vào buổi chiều, cũng như Rahula hồi còn tám tuổi. Em bé nhỏ nhất năm ấy, năm nay cũng đã được thọ giới khất sĩ rồi vì đã đến tuổi hai mươi.

Chương 64 - Vòng Sinh Tử Không Có Bắt Đầu

Một hôm đang ngồi ở vườn Bhesakala ở Sumsumaragira, Bụt bảo các vị khất sĩ:

- Này các vị, tôi muốn nói để các vị nghe về tám điều giác ngộ của các bậc đại nhân. Tám điều này đã từng được đại đức Anurudha chiêm nghiệm và nói tới. Hồi tôi gặp đại đức tại Vườn Tre xứ Ceti, nơi đại đức ẩn cư. Đây là tám điều mà những bậc giác ngộ có thể đem ra dạy dỗ và giáo hóa để đưa người từ cõi mê lầm đến bờ giải thoát.

* Điều thứ nhất là giác ngộ rằng vạn pháp là vô thường và vô ngã. Quán sát về tính vô thường và vô ngã của vạn pháp thì tránh được khổ đau và dần dần đạt tới giải thoát và an lạc.

* Điều thứ hai là giác ngộ rằng càng nhiều ham muốn thì càng nhiều khổ đau. Giảm bớt ham muốn tức là làm cho đời bớt khổ.

* Điều thứ ba là giác ngộ rằng tri túc đem tới an lạc. Biết sống đơn giản thì sẽ có thì giờ và tâm lực để tu đạo và để giúp đời.

* Điều thứ tư là giác ngộ rằng chỉ có sự tinh cần mới đưa ta đến quả vị giác ngộ. Lười biếng và hưởng thụ chỉ đưa đến sự đọa lạc vào thế giới của ma chướng và phiền não.

* Điều thứ năm là giác ngộ rằng sống trong quên lãng và vô minh thì sẽ bị giam hãm đời đời trong cõi sinh tử ràng buộc. Chỉ có đời sống chánh niệm và tỉnh thức mới đưa tới sự thành tựu giác ngộ và khả năng giáo hóa.

* Điều thứ sáu là giác ngộ rằng bố thí là một phương tiện quan trọng để độ người. Vì nghèo khổ mà phần đông bị giam hãm trong oán hận và căm thù, do đó mà cứ tạo thêm nghiệp xấu. Người hành đạo phải thực hiện phép bố thí, coi kẻ ghét người thương bằng nhau, bỏ qua những điều ác mà người ta đã làm đối với mình và không đem tâm ghét bỏ những ai đã vì nghèo khó mà lỡ phạm vào tội lỗi.

* Điều thứ bảy là giác ngộ rằng người hành đạo tuy đi vào đời để hóa độ mà không bị chìm đắm trong cuộc đời. Người xuất gia khi đi vào đời để cứu độ chỉ nên lấy y bát làm vật sở hữu duy nhất của mình, luôn luôn sống nếp sống thanh bạch mà hành đạo, giữ phạm hạnh cho thanh cao và đem lòng từ bi mà tiếp xử với tất cả mọi người và mọi loài.

* Điều giác ngộ thứ tám là không chỉ bo bo lo việc giải thoát cho riêng mình mà phải biết nỗ lực phục vụ cho kẻ khác để tất cả cùng hướng về nẻo giác ngộ.

Nầy các vị khất sĩ! Trên đây là tám điều giác ngộ của các bậc đại nhân. Tất cả các bậc đại nhân đã nhờ tu tập theo tám điều nầy mà được giác ngộ. Khi đi vào đời họ cũng đem tám điều nầy để khai mở và giáo hóa cho mọi người, để cho ai nấy đều biết được con đường đưa tới giác ngộ và giải thoát.

Về tới tu viện Trúc Lâm ở Rajagala, Bụt được thông báo là vị khất sĩ Vakkali đang bị bệnh nặng và rất trông mong được thấy mặt Bụt trước khi qua đời. Nghe Bụt về tới Trúc Lâm, thầy đã gửi vị thị giả của thầy tới để vấn an Bụt. Vị thị giả này lạy xuống ba lạy rồi mới quỳ lên và bạch:

- Bạch Thế Tôn, thầy con hiện đang ốm nặng. Thầy con đang nằm trên giường bệnh, trong ngôi nhà của một người cư sĩ làm nghề đồ gốm. Thầy con dặn con tới thay thầy con để cung kính lạy xuống và kê đầu trên chân Thế Tôn, ba lần.

Bụt nói với thầy Ananda:

- Chúng ta hãy đi thăm đại đức Vakkali.

Biết Bụt đến, đại đức Vakkali gắng gượng ngồi lên, nhưng thầy không ngồi lên nổi, Bụt đỡ thầy nằm xuống trở lại và nói:

- Vakkali, đừng cố gắng ngồi lên. Cứ nằm xuống cho thoải mái. Có mấy cái ghế có sẵn đây, tôi và thầy Ananda ngồi xuống được rồi.

Bụt và thầy Ananda ngồi xuống. Người hỏi thăm:

- Thầy Vakkali, tôi mong rằng tình trạng sức khỏe của thầy không đến nổi nào và những cơn đau trong thân thể của thầy có giảm bớt.

- Bạch Thế Tôn, tình trạng sức khỏe của con càng lúc càng tệ. Con khó chịu lắm, những cơn đau trong cơ thể đã không giảm bớt, trái lại còn cứ tăng dần.

- Tôi mong rằng trong tâm, thầy không lo lắng gì và không ân hận gì.

- Bạch Thế Tôn, có. Trong lòng con có lo lắng và có ân hận.

- Vậy tôi mong thầy không tự trách gì mình về nếp sống tu học phạm hạnh của thầy.

- Không, bạch Thế Tôn, con không có trách móc gì con và không có ân hận gì về đời sống phạm hạnh của con cả.

- Vậy thì thầy lo lắng và ân hận về cái gì?

- Con chỉ lo lắng và ân hận là từ lâu nay con rất muốn đi thăm Bụt mà vì yếu quá con đã chẳng làm được việc ấy.

Bụt quở nhẹ nhàng:

- Thôi đi, Vakkali. Lo lắng ân hận gì về chuyện ấy. Thầy đã sống xứng đáng đời sống phạm hạnh như thế, thì thầy trò mình luôn luôn có mặt bên nhau rồi. Cứ gì phải thấy mặt tôi mới gọi là thấy Bụt? Cái hình hài này đâu phải là quan trọng. Chính chánh pháp mới là thiết yếu. Ai thấy được chánh pháp tức là thấy Bụt. Thầy được hình hài này mà không thấy được chánh pháp tức cũng như không thấy được gì hết.

Im lặng một lát, Bụt hỏi:

- Vakkali, thầy có thấy sắc thân là vô thường không? Sắc thân nơi thầy cũng thế, mà sắc thân nơi tôi cũng thế.

- Bạch Thế Tôn, con thấy rất rõ, con thấy sắc thân là vô thường, sinh diệt, và biến chuyển không ngừng. Con lại thấy cảm thọ cũng vô thường, những đau nhức cũng như những vui mừng của con cũng đang sinh diệt và biến chuyển không ngừng. Tri giác, tâm tư, và nhận thức nơi con

cũng chịu luật sinh diệt vô thường ấy. Trước khi Thế Tôn đến thăm, con đã quán chiếu nhiều về tính vô thường của năm uẩn và con bắt đầu thấy rõ ràng trong năm dòng sinh diệt ấy không có gì có thể gọi là tự ngã.

- Hay lắm, Vakkali! Tôi có đức tin nơi thầy. Trong năm uẩn, ta không thấy được một cái gì gọi là tự ngã. Tự ngã không phải là một cái gì được nhốt kín trong năm uẩn. Thầy mở mắt ra nhìn đi: đâu mà không phải là Vakkala, cái gì mà không phải là Vakkali? Sự sống mầu nhiệm khắp nơi. Vakkali! Sinh diệt không động được tới thầy đâu. Thầy mỉm cười đi, mỉm cười ngay với cái thân tứ đại của thầy. Mỉm cười ngay với những đau nhức đang sinh diệt trong cơ thể của thầy.

Hai mắt của đại đức Vakkali rươm rướm ướt. Trên môi thầy rõ rệt là có một nụ cười.

Bụt đứng dậy cáo từ.

Sau khi Bụt và Ananda đã đi khỏi, đại đức Vakkali bảo các bạn:

- Các bạn khiêng dùm tôi. Khiêng cả chiếc giường này. Xin khiêng tôi ra sườn núi Isigili. Một người như tôi mà nằm chết trong một căn phòng thì ngó sao được? Tôi muốn chết trên sườn núi, giữa mây trời cao rộng.

Các bạn tu của thầy liền xúm lại khiêng thầy lên sườn núi Isigili.

Đêm ấy Bụt ngồi thiền tọa cho đến khuya. Sáng sớm, người đi ra và bảo mấy vị khất sĩ cư trú gần người:

- Các thầy hãy đi thăm thầy Vakkali đi, và nhắn rằng thầy ấy đừng nên e ngại sợ sệt. Cái chết của thầy sẽ bình an và vô tội, thầy cứ an tâm mà đi. Tôi có đức tin nơi thầy ấy.

Các vị khất sĩ tìm ra sườn núi và gặp đại đức Vakkali. Họ nói:

- Đức Thế Tôn có điều muốn nhắn với thầy.

Vakkali nói:

- Nhờ các bạn khiêng tôi xuống đất. Nằm trên giường cao mà nhận giáo chỉ của Bụt thì còn ra gì nữa? Tôi là ai mà dám nằm trên giường cao để tiếp nhận lời giáo huấn của đức Thế Tôn?

Người ta khiêng thầy xuống nằm trên một tảng đá. Rồi các vị khất sĩ lập lại những lời của Bụt nhắn.

Nghe xong, thầy Vakkali chắp tay lại, khẩn khoản:

- Xin các sư huynh về đãnh lễ Bụt giúp cho tôi ba lần, và xin các sư huynh bạch với người như sau: Thế Tôn, khất sĩ Vakkali đau rất nặng, và nhức nhối vô cùng. Khất sĩ Vakkali xin đập đầu kính lạy Thế Tôn. Khất sĩ Vakkali thấy rất rõ năm uẩn là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, và khất sĩ Vakkali không bị ràng buộc vào năm uẩn, cho đến giờ phút chót Vakkali cũng thấy rõ như vậy và không còn một chút nghi ngại nào.

Các vị khất sĩ nói:

- Huynh cứ an tâm, chúng tôi sẽ về lạy Bụt và trình lại người những điều sư huynh vừa nói.

Các vị khất sĩ vừa đi khỏi thì vị khất sĩ Vakkali từ trần.

Chiều hôm ấy Bụt lên núi Isigili với một số các vị khất sĩ. Bầu trời xanh trong, chỉ có một gợn khói bốc lên từ cuối chân trời, nhưng trong phút chốc gợn khói cũng tan loãng trong không gian và biến mất. Nhìn bầu trời bao la, Bụt nói với các vị khất sĩ:

- Vakkali đã giải thoát. Không một ma chướng nào, không một pháp hữu vi nào có thể kìm hãm và giam giữ được Vakkali.

Bụt lại lên đường đi Nalanda rồi Vesali.

Tại tu viện Trùng Các trong rừng Mahavana, một hôm Bụt dạy các vị khất sĩ:

- Nầy các vị, sống ở trên đời ai mà không ít nhiều phải gánh chịu khổ đau. Tuy nhiên, những ai có tu, có học, có đạt được trí tuệ thì khổ đau rất ít so sánh với khổ đau của người không tu, không học, không có trí tuệ.

Lúc ấy trời còn nắng lớn nhưng Bụt đang ngồi với các thầy trong bóng mát những cây sala. Bụt nhặt lên một hòn đất nhỏ, cầm nó giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ, đưa lên cao và hỏi:

- Nầy các vị khất sĩ, hòn đất trong tay tôi so với núi Tượng Đầu cái nào lớn hơn?

- Bạch đức Thế Tôn, cố nhiên so với núi Tượng Đầu, hòn đất trong tay Thế Tôn không có nghĩa gì.

- Cũng như thế đó các vị, đối với người có tu, có học, có đạt đến trí tuệ thì tuy có đau khổ mà đau khổ ấy sánh với đau khổ của người không tu, không học, không có trí tuệ thì không có nghĩa gì. Si vọng làm cho đau khổ to lớn gấp bội.

Nầy các vị, ví dụ có người bị trúng một mũi tên, người ấy cảm thấy đau nhức, nhưng nếu một mũi tên thứ hai tới cắm đúng vào chỗ vết thương thì cái đau nhức ấy chắc chắn lớn hơn bội phần, và nếu một mũi tên thứ ba bay tới bắn trúng ngày vào cùng chỗ đó thì sự đau nhức lại còn lớn lao gấp trăm ngàn lần. Si vọng cũng như mũi tên thứ hai, mũi tên thứ ba và những mũi tên khác. Nó làm cho cái khổ tăng gia gấp bội.

Nhờ trí tuệ, nhờ hiểu biết, con người có học, có tu và có giác ngộ không làm cho cái khổ gia tăng nơi mình và nơi người khác. Khi có một khổ thọ, dù là khổ thọ về thân xác hay là khổ thọ về tâm ý, người có trí không sầu muộn, không than van khóc lóc, không đập ngực bứt tóc, không đày đọa thân thể và tâm hồn, không ngã lăn ra bất tỉnh. Người ấy bình tĩnh quán chiếu và biết khổ thọ chỉ là một cảm thọ, người ấy biết người ấy không phải là cảm thọ, không kẹt vào cảm thọ. Cảm thọ không còn trói buộc được người ấy. Khổ đau không trói buộc được người ấy.

Khi có một khổ thọ về thân thể, người ấy biết có một khổ thọ về thân thể. Người ấy không hoảng hốt, không lo sợ, không trách cứ, không u sầu, vì vậy khổ thọ ấy vẫn chỉ là một khổ thọ về thân thể, mà không trở nên một khổ thọ lớn lao có thể làm chìm đắm tự thân.

Cũng vì thế. nầy quý vị khất sĩ, quý vị nên tu tập, nên quán chiếu để đạt tới trí tuệ và để không bị khổ đau ràng buộc. Sinh, lão, bệnh, tử sẽ không còn khống chế được quý vị.

Nầy các vị khất sĩ, khi sắp mệnh chung, việc người khất sĩ nên làm là quán chiếu thân thể, cảm thọ, tâm ý và đối tượng tâm ý. Mỗi tư thế, mỗi động tác cần được đặt trong chánh niệm. Mỗi

cảm thọ đều được soi sáng bởi chánh niệm. Người sắp mệnh chung quán chiếu tự tánh vô thường và duyên sinh của thân thể và của cảm thọ, để không còn bị vướng mắc vào thân thể và cảm thọ, dù là lạc thọ, khổ thọ, hay xả thọ. Nếu có cơn đau phải đem hết toàn thân ra chịu đựng, thì người ấy quán chiếu: đây là một cơn đau phải đem hết toàn thân ra chịu đựng. Cơn đau này không phải là ta, ta không phải là cơn đau này, ta không kẹt vào cơn đau này. Thân thể và cảm thọ như là một ngọn đèn đang cạn dầu và hết bấc. Ánh sáng do nhân duyên làm tỏ lộ mà cũng do nhân duyên làm tiềm phục. Ta không bị ràng buộc bởi nhân duyên, và như thế sẽ có lắng dịu, sẽ có giải thoát.

Khi những trận mưa đầu mùa đổ xuống làm dịu bớt cái nóng mùa Hạ, người lên đường về tu viện Jetavana.

Năm nay các thầy và các ni sư về an cư ở các trung tâm tu học tại Savatthi đông lắm.

Tại giảng đường Lộc Mẫu, một hôm Bụt giảng dạy thêm về đạo lý duyên sinh. Một vị khất sĩ đứng lên bạch:

- Thế Tôn, người đã dạy thức là cơ sở của danh sắc, như vậy có nghĩa là vũ trụ vạn hữu trong thế giới đều phát sinh từ tâm thức, có phải thế không?

Bụt nói:

- Đúng như vậy. Danh là tâm nhận thức. Sắc là đối tượng nhận thức. Chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức là hai mặt của cùng một thực tại. Không thể nào có nhận thức nếu không có đối tượng nhận thức, không thể nào có đối tượng nhận thức nếu không có nhận thức. Danh và sắc không thể tồn tại riêng biệt. Vì chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức không thể rời nhau mà có mặt cho nên cả hai đều phát xuất từ cơ sở tâm thức. Chính vì vậy nên tôi đã nói rằng Thức là cơ sở của Danh Sắc.

- Bạch Thế Tôn, nếu Danh Sắc phát sinh từ thức thì quả thật Thức là nguồn gốc của vũ trụ vạn hữu. Ta có thể tìm hiểu vì sao có tâm thức hay không? Và tâm thức có từ lúc nào? Có thể nói đến một sự bắt đầu của tâm thức hay không?

- Này các vị khất sĩ! Ý niệm về bắt đầu và ý niệm về chung cuộc cuối cùng là những ý niệm phát sinh từ tâm thức. Thật ra không có cái bắt đầu, mà cũng không có sự chung cuộc. Do vô minh cho nên ta mới có ý niệm về thỉ và chung. Do vô minh mà người ta mới đi vòng trong cõi luân hồi sinh tử. Cái vòng luân hồi sinh tử không có thỉ cũng không có chung.

- Nếu vòng luân hồi sinh tử không có thỉ mà cũng không có chung thì làm sao là chấm dứt được luân hồi sinh tử?

- Sinh và tử cũng là những ý niệm phát sinh từ tâm thức vô minh. Thoát ra được những ý niệm về sinh tử và thỉ chung, đó là thoát ra khỏi luân hồi.

Các vị khất sĩ! Hôm nay tôi chỉ nói chừng ấy. Quý vị hãy về thực tập quán chiếu. Hôm khác chúng ta sẽ trở lại vấn đề nầy.

Chương 66 - Bốn Núi Bao Quanh

Một buổi sáng tinh sương, đại đức Moggallana tìm đến Bụt, hai mắt ướt đẫm, Bụt hỏi duyên cớ. Đại đức thưa:

- Thế Tôn, trong giờ thiền tọa đầu hôm qua, con đã nghĩ đến mẹ của con, và con đã dùng định lực để quán chiếu về nỗi nhớ niềm thương của con đối với mẹ. Con biết là trong thời niên thiếu đã có đôi lần con làm cho mẹ con buồn, nhưng con cũng biết đó không phải là nguyên do của nỗi buồn thấm thía của con. Nỗi buồn thấm thía của con phát sinh từ ý nghĩ là con không làm được gì để giúp mẹ con lúc bà còn sống, và con cũng không làm được gì để giúp mẹ con sau khi bà đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, nghiệp chướng của mẹ con rất nặng. Hồi sinh tiền, bà đã từng tạo ra nhiều ác nghiệp. Con biết rằng bây giờ những ác nghiệp ấy vẫn còn theo đuổi và tiếp tục làm cho mẹ con khổ đau. Trong giờ thiền định con thấy hình ảnh này, con thấy con đi thăm mẹ con ở một nơi thật tối tăm, ẩm thấp. Mẹ con than đói, bà gầy ốm như một bóng ma. Con lấy cơm trong bình bát dâng lên, mẹ con bốc cơm ăn, nhưng khi mẹ con đưa cơm vào tới miệng thì cơm ấy biến thành than hồng, mẹ con không thể nuốt được, phải nhả ra. Thế Tôn, hình ảnh đó con không thể nào quên được. Con không biết làm cách gì để cho nghiệp chướng của mẹ con được tiêu trừ và thân cho tâm thân của mẹ con được nhẹ nhàng, siêu thoát.

Bụt hỏi:

- Hồi sinh tiền, mẹ của thầy đã tạo những nghiệp ác nào?

- Bạch Thế Tôn, hồi sinh tiền, mẹ con đã không chịu sống theo chánh mạng. Nghề nghiệp của bà buộc bà phải sát hại rất nhiều sinh mạng của các loài hữu tình. Mẹ con lại là người không biết biết tu theo chánh ngữ. Bà đã gây nhiều khổ đau cho kẻ khác vì những lời nói của bà. Bà bứng cây sống, trồng cây chết. Con không dám kể hết chi tiết về những ác nghiệp của bà để Thế Tôn nghe, nhưng quả thật mẹ con đã sống ngược lại với tất cả năm giới quý báu mà Thế Tôn đã dạy. Thế Tôn, nếu con có thể chịu khổ đau thay thế để đổi nghiệp quả của mẹ con, thì con sẵn sàng chấp nhận. Xin Thế Tôn, đem lòng từ bi xót thương mẹ con mà chỉ bảo cho con.

Bụt nói:

- Moggallana, tôi rất cảm động về tấm lòng hiếu thảo của thầy đối với mẹ. Công ơn cha mẹ như trời như biển: làm con phải luôn luôn nhớ tới công ơn ấy, ngày cũng như đêm. Gặp thời không có Bụt và không có các bậc thánh hiền, phụng sự cha mẹ tức là phụng sự Bụt và các bậc thánh hiền. Moggallana, thầy đã cố gắng để chuyển hóa mẹ thầy khi bà còn sống, thầy lại còn lo lắng để chuyển nghiệp cho mẹ thầy khi bà đã chết, điều đó chứng tỏ thầy là một người rất có hiếu đối với cha mẹ. Tôi rất mừng vì điểm đó.

Moggallana! Điều căn bản nhất mà mình có thể làm để báo hiếu cha mẹ là sống một đời sống đẹp đẽ, hạnh phúc và đức hạnh. Như vậy là vừa đền đáp được công ơn sinh dưỡng vừa đền đáp lại kỳ vọng của cha mẹ nơi con cái. Trường hợp của thầy là một trường hợp thành công. Đời sống của thầy là một đời sống có an lạc, có hạnh phúc, có đạo hạnh; đời sống của thầy là một đời sống gương mẫu, thầy đã và đang hóa độ được bao nhiêu người, giúp họ đi về con đường chánh. Nếu đem đời sống và công đức ấy mà hồi hướng và chú nguyện cho mẹ thì chắc chắn

hành nghiệp của mẹ thầy sẽ được chuyển biết một cách đáng kể.

Moggallana! Tôi sẽ chỉ cho thầy một phương pháp mầu nhiệm và hữu hiệu để giúp mẹ. Đến ngày tự tứ mãn khóa an cư mùa mưa, thầy nên thỉnh cầu toàn thể đại chúng họp lực chú nguyện cho mẹ thầy. Nên biết trong đại chúng có nhiều vị khất sĩ đạo đức và đức hạnh rất lớn. Nếu thầy phối hợp đạo lực và đức hạnh của thầy với đạo lực và đức hạnh của tất cả các vị ấy thì sức chú nguyện sẽ hùng mạnh vô cùng và nhờ nhân duyên đó, nghiệp chướng của mẹ thầy sẽ tiêu tan và bà sẽ có cơ hội và đi vào con đường chánh pháp.

- Tôi nghĩ là trong đại chúng có thể cũng có những vị có tâm trạng như thầy, vì vậy ta nên tuyên bố điều nầy ra trong đại chúng. Thầy hãy bàn với thầy Sariputta, để từ nay cứ đến ngày tự tứ thì ta có thể tổ chức một lễ chú nguyện, chú nguyện để hộ niệm cho các bậc cha mẹ đã mất và cả cho những người làm cha mẹ còn sống. Như vậy cũng là để đồng thời giáo dục người trẻ về đạo hiếu đối với cha mẹ và tổ tiên.

Moggallana! Người đời thường chỉ biết tiếc thương cha mẹ khi cha mẹ đã qua đời. Trong ánh sáng của đạo tỉnh thức, có cha có mẹ là một hạnh phúc lớn. Cha mẹ là những nguồn vui lớn cho con cái. Con cái phải biết trân quý thời gian sống với cha mẹ, được thấy cha mẹ hàng ngày, được đem niềm vui hàng ngày cho cha mẹ.

Ngay trong khi cha mẹ con sống và sau khi cha mẹ quá vãng, những hành động từ ái cần được thể hiện để gây niềm vui cho cha mẹ và hồi hướng công đức cho cha mẹ. Giúp người nghèo khổ và bệnh tật, thăm viếng và ủy lạo những người cô đơn, phóng thích tù nhân và những loài vật sắp bị sát hại, chẩn tế, trồng cây ... đều là những hành động phát xuất từ tâm từ bi có thể chuyển đổi được tình trạng hiện tại và gây niềm vui cho cha mẹ. Trong ngày tự tứ của tăng đoàn khất sĩ, chúng ta nên khuyến khích mọi người làm những việc như thế.

Đại đức Moggallana vui mừng lạy tạ Bụt.

Chiều hôm ấy, đi thiền hành tới cổng tu viện Trúc Lâm, Bụt thấy xa giá của vua Pasenadi cũng vừa dừng lại trước cổng. Vua đi thăm Bụt. Hai người còn đang đứng ở cổng tu viện để chuyện trò thì có bảy vị du sĩ phái Nigantha đi ngang qua. Họ là những người tu khổ hạnh, lõa hình, tóc và râu không cạo, móng tay móng chân để dài không cắt. Trông thấy họ, vua Pasenadi xin lỗi Bụt và đi ra chào đón các vị du sĩ. Vua lạy xuống cung kính trước bảy vị du sĩ, và nói:

- Thưa các vị cao đức, trẫm là Pasenadi, vua nước Kosala.

Vua lạy và nói ba lần như thế, rồi mời chào họ và trở về với Bụt. Đợi họ đi khuất, vua hỏi:

- Bạch Thế Tôn, theo Thế Tôn thì trong bảy vị du sĩ đó có vị nào chứng quả A la hán chưa? Hoặc có vị nào đang đi trên con đường đến quả vị ấy?

Bụt đáp:

- Đại vương, ngài sống cuộc sống vương giả và thân cận với giới chính trị nhiều hơn giới đạo sĩ nên ngài khó mà biết được ai là người đã giải thoát và ai chưa giải thoát. Đại vương, gặp gỡ đôi ba lần và nhìn vào bề ngoài của một vị đạo sĩ thì khó mà biết được họ có giác ngộ hay không. Chỉ khi nào ta sống bên họ và có thì giờ nhận xét họ ta mới biết được họ có giải thoát hay không có giải thoát. Đi lâu mới biết đường dài; thân cận lâu ngày với một người, sống với người ấy trong những hoàn cảnh khó khăn, nghe người ấy nói năng đàm luận ... ta mới thấy được mức

độ trí tuệ, đức hạnh và sự chứng đắc của người ấy.

Vua biểu đồng tình với Bụt:

- Bạch Thế Tôn, con cũng thấy như thế. Mỗi khi con gửi các thám tử đi do thám tình hình các nơi, những người nầy thường phải hóa trang để cho người ta không nhận ra được họ. Con nhớ là khi những thám tử này về cung trình diện, chính con cũng không nhận ra được họ. Con tưởng họ là những người không quen. Chỉ khi nào họ lột bỏ những đồ hóa trang, đi tắm, rửa mặt và mặc áo quần của chính họ vào thì con mới nhận ra được họ. Thế Tôn! Thế Tôn nói rất đúng. Ta không thể nhận ra được đức hạnh, trí tuệ và sự chứng đắc của một người nếu ta không có được cơ hội để biết về người ấy một cách chín chắn.

Bụt mời vua đi bộ về phía tịnh thất của người.

Vào đến tịnh thất, Bụt bảo thầy Ananda bắc ghế trước sân mời vua ngồi. Sau khi an tọa, vua bạch với Bụt:

- Thế Tôn, con đã bảy mươi tuổi rồi. Con nghĩ là con phải để nhiều thì giờ hơn vào việc tu học của con. Con phải tập ngồi thiền và đi thiền hành nhiều hơn trước. Thế Tôn, công việc triều chính quá bận rộn, nhiều lúc ngồi nghe Bụt giảng mà con cũng ngủ gục. Con lấy làm xấu hổ quá. Bạch Thế Tôn, con lại có cái tật ăn nhiều. Con nhớ có một buổi trưa ăn no quá, tới chùa con buồn ngủ chi lạ. Con ra ngoài sân tu viện đi thiền hành cho bớt buồn ngủ mà cũng vẫn buồn ngủ như thường. Hôm đó con vừa đi vừa ngủ gục, đến nổi gặp Thế Tôn cho nên cũng không thấy, và con đã vấp vào Thế Tôn, Thế Tôn có nhớ việc nầy không?

Bụt cười:

- Tôi có nhớ, đại vương! Đại vương ăn ít thôi, thì thân tâm sẽ nhẹ nhàng, và công việc chính trị cũng như công phu tu tập cũng sẽ có phẩm chất hơn. Nếu muốn thành công trong việc này, đại vương nên nhờ hoàng hậu Malika hay công chúa Vajiri chăm sóc về thực phẩm hàng ngày cho đại vương, về phẩm cũng như về lượng.

Vua chắp tay lĩnh giáo. Bụt nói:

- Đại vương nên để thêm thì giờ mà lo về sức khỏe và sự tu tập của mình. Bây giờ tuổi đại vương đã cao; nếu không lo tu tập, thì đại vương không còn nhiều thì giờ nữa. Đại vương! Ví dụ có một người hộ vệ thân tín của đại vương từ phương Đông trở về báo cáo với đại vương là có một hòn núi vĩ đại cao gần bằng mặt trời đang tiến dần từ phương Đông tới; và trên đường đi trái núi ấy nghiến nát tất cả những sinh vật nào nó gặp dưới chân. Đại vương đang lo lắng thì một người thân tín của đại vương từ phương Tây về báo cáo rằng từ phương Tây cũng có một trái núi vĩ đại như thế đang tiến tới, rồi những người thân tín của đại vương từ phương Bắc và phương Nam cũng về báo cáo là có hai hòn núi vĩ đại từ các phương trời ấy đang từ từ tiến tới phía đại vương, ngọn núi nào cũng nghiến nát dưới chân mình tất cả những sinh vật trên đường đi. Đại vương biết là bốn ngọn núi từ bốn phương đang áp tới và mạng sống của đại vương sẽ không thể kéo dài. Đại vương không còn nhiều thì giờ. Vậy đại vương sẽ làm gì trong tình trạng ấy?

Vua ngẫm nghĩ rồi nhìn vào mặt Bụt:

- Bạch Thế Tôn, trẫm nghĩ trong trường hợp ấy thì chỉ có một việc đáng làm mà thôi. Đó là sống những ngày còn lại thật xứng đáng, thật trầm tĩnh, đúng theo chánh pháp.

Bụt khen:

- Hay lắm, đại vương! Tôi xin nói để đại vương biết: bốn ngọn núi ấy là bốn ngọn núi của sinh lão bệnh tử. Cái già và và cái chết là những ngọn núi vây hãm chúng ta và đang từ từ tiến tới.

Vua chắp tay:

- Bạch Thế Tôn, biết được cái già cái chết đang vây quanh và tiến tới, con nghĩ chỉ có một cách là đem những ngày tháng còn lại để sống theo chánh pháp, sống thật trầm tĩnh, làm tất cả những việc thiện nào có thể làm, và xây dựng cho các thế hệ tương lai.

Vua đứng dậy làm lễ Bụt và ra về.

Mùa mưa năm nay, các đạo sĩ và Bà la môn đủ các giáo phái về Savatthi đông lắm. Các buổi thuyết giảng của họ được tổ chức khắp nơi, và dân chúng thủ đô thỉnh thoảng được mời tới dự những cuộc đàm luận giữa những vị đại diện của các giáo phái. Những chủ thuyết khác nhau có dịp được trình bày. Trong giới môn đệ của Bụt cũng có nhiều vị đi dự những cuộc đàm luận này. Họ về chùa kể cho Bụt và các thầy nghe những điều họ nghe và thấy. Họ nói không có vấn đề siêu hình nào mà các vị đạo sĩ lại không đặt ra, và vị nào cũng tự nhận thuyết của mình là đúng, thuyết của kẻ khác là sai. Ban đầu thì họ chỉ tranh luận nhẹ nhàng, nhưng rốt cuộc phần lớn đều nổi nóng và cuối cùng người ta bắt đầu nói nặng với nhau và lên án nhau bằng những lời lẽ thật cay độc.

Bụt kể cho môn đệ chuyện ngụ ngôn sau đây:

- Ngày xưa có một vua thật ngộ nghĩnh. Ông cho mời những người mù trong xứ đến, những người mù từ khi mới được sinh ra. Vua cho dắt tới một con voi. Vua bảo những người này sờ voi và cho biết con voi như thế nào. Có người sờ chân voi, nói voi giống cái cột nhà. Có người sờ đuôi voi, nói voi giống cái phất trần. Có người sờ tai voi, nói voi giống cái rổ. Có người sờ ngà voi, nói voi giống như một cái cọc. Có người sờ bụng voi, nói voi giống cái bồ chứa thóc. Có người sờ đầu voi, nói voi giống như cái lu nước. Ngồi lại với nhau, những người mù này không ai đồng ý với ai về hình thù của con voi. Họ cãi nhau kịch liệt. Ông vua thấy thế rất lấy làm thích thú.

Các vị, những gì quý vị thấy và nghe chỉ là một phần của sự thật. Nếu ta cho đó là toàn thể sự thật tức là ta bóp méo sự thật. Người tu học phải có tâm khiêm nhượng, biết rằng cái thấy cái hiểu của mình còn nhỏ bé, và mình cần phải nỗ lực học hỏi và thực tập tinh tiến thêm mãi. Người tu học phải có tâm cởi mở, biết rằng nếu cố chấp vào tri kiến hiện tại, cho đó là chân lý tuyệt đối, thì mình sẽ bị kẹt và sẽ đánh mất cơ hội tiếp xúc với chân lý của thực tại mầu nhiệm. Khiêm nhượng và cởi mở là hai điều kiện thiết yếu của sự tiến thủ.

Chương 67 - Nước Biển Chỉ Có Vị Mặn

Mùa an cư năm ấy hoàn mãn, nhiều vị đại đức lên từ giã Bụt để đi hoằng hóa ở các địa phương. Đại đức Punna, vốn là một trong những vị giảng sư nổi tiếng của giáo đoàn khất sĩ, trình với Bụt là đại đức có ý về quê để hành đạo. Sinh quán của đại đức là đảo Sunaparanta, ở ngoài khơi biển Đông, Bụt hỏi:

- Tôi nghe nói vùng đó là một vùng chưa được khai hóa, những giống dân cư trú tại đó tính tình hung dữ và các vụ bạo động thường xảy ra luôn, không biết là thầy về đó hành đạo có tiện hay không.

Đại đức Punna bạch:

- Lạy Bụt, chính vì họ chưa được khai hóa cho nên chúng ta phải tới để giúp họ. Chính vì họ hung dữ và bạo động nên chúng ta phải đem đạo từ bi và phép hành xử bất bạo động đến. Con nghĩ là con có thể thành công ở đó được.

- Punna, nếu thầy đang thuyết pháp mà họ cứ tới la ó và chửi mắng vào mặt thầy thì thầy tính sao?

- Lạy Bụt, con nghĩ la ó và chửi mắng cũng chưa lấy gì làm dữ lắm. Họ cũng còn chưa liệng đá và đồ dơ vào con.

- Nhưng nếu họ liệng đá và đồ dơ vào thầy?

- Lạy Bụt, liệng đá và dồ dơ cũng chưa lấy gì làm dữ lắm. Họ cũng còn chưa lấy gậy đánh vào con.

- Nhưng nếu họ lỡ họ lấy gậy đánh vào thầy?

Đại đức Punna cười:

- Lạy Bụt, như vậy họ cũng còn hiền lắm. Họ vẫn chưa giết con.

- Nhưng nếu như họ lỡ họ giết thầy?

- Điều nầy không xảy ra đâu, bạch đức Thế Tôn, mà dù nó có xảy ra đi nữa thì chết vì đạo lý từ bi và bất bạo động vẫn là một cái chết có ý nghĩa, có thể giáo dục người ta được. Lạy Bụt, người ta sống trên đời ai cũng phải có một lần chết, nếu cần chết vì lý tưởng từ bi và bất động, con sẽ không từ nan.

Bụt khen:

- Hay lắm Punna! Thầy có dư sức đi hành hóa tại xứ Sunaparanta. Tôi hỏi để các thầy khác cũng được nghe mà thôi, chứ riêng tôi, tôi không ngi ngờ gì về khả năng và lập trường bất bạo động của thầy hết.

Đại đức Punna ngày xưa vốn là thương gia. Hồi ấy Punna thường cùng với người em rể đi buôn,

bỏ hàng từ Savatthi đem về Sunaparanta và chở những sản phẩm địa phương tại quê nhà đem bán ở lục địa. Họ dùng ghe thuyền và xe bò để chuyên chở hàng hóa. Một hôm chở hàng tới Savatthi, Punna được trông thấy một đoàn khất sĩ đang trang nghiêm đi khất thực. Do đó Punna đã tìm tới được tu viện Jeatvana và đã được nghe Bụt thuyết pháp. Nghe xong bài thuyết pháp, Punna không muốn đi buôn nữa. Ông muốn theo Bụt để làm khất sĩ. Ông giao hết tất cả hàng hóa tiền bạc cho người em rể và tới chùa xin Bụt cho phép xuất gia. Đại đức Punna rất thông minh, đại đức tu học rất tinh tiến và đã trở nên một vị giảng sư xuất sắc. Đại đức đã từng đi hành hóa nhiều nơi trong các vương quốc Kosala và Magadha. Ai cũng nghĩ rằng kinh nghiệm và đạo hạnh của đại đức đủ bảo đảm cho sự thành công của đại đức tại quê nhà.

Mùa Xuân năm sau, trong chuyến đi về miền Đông, Bụt đã ghé thăm Vesali, Campa, và theo dòng sông đi ra tới miền biển để giáo hóa. Bụt và các vị khất sĩ đã có những dịp ra ngồi rất lâu trên bờ biển.

Một lần kia, đại đức Ananda nói với Bụt:

- Bạch Thế Tôn, nghe tiếng sóng vỗ, nhìn các đợt sóng, chấm dứt mọi suy tư, theo dõi hơi thở và an trú trong hiện tại, con thấy thân tâm thật thoải mái, và đại dương như giúp con đổi mới trong từng giây từng phút.

Bụt gật đầu.

Có một hôm nọ đứng nói chuyện với ngư dân ven biển, đại đức Ananda hỏi các ngư dân này nghĩ gì về biển cả. Một người đàn ông cao lớn, nước da xạm nắng, dáng người rất đẹp nói với thầy:

- Biển có những đặc tính rất lớn và tôi ưa biển vì những đặc tính ấy. Đặc tính thứ nhất là biển có những bãi cát thoai thoải đưa ta đi từ từ xuống nước, khiến cho việc thả thuyền và kéo lưới trở nên rất dễ dàng. Đặc điểm thứ hai là biển luôn luôn ở tại chỗ, biển không bao giờ dời chỗ. Mình muốn ra biển thì mình biết hướng mà tìm đi. Đặc điểm thứ ba là biển không chấp nhận thây chết. Khi có thây chết, biển luôn luôn đẩy nó lên bãi. Đặc điểm thứ tư là biển chấp nhận nước của tất cả các dòng sông, dù đó là sông Ganga, sông Yamuna, sông Aciravati, sông Sarabhu hay sông Mahi. Sông nào ra tới biển thì cũng bỏ tên riêng của mình để mang tên biển cả. Đặc điểm thứ năm là tuy ngày đêm muôn sông liên tiếp đổ nước về biển, biển cũng không vì vậy mà có khi vơi khi đầy. Đặc điểm thứ sáu là nước biển ở đâu cũng mặn. Đặc điểm thứ bảy là trong lòng biển có biết bao nhiêu thứ san hô, xà cừ và ngọc quý. Đặc điểm thứ tám là biển làm chỗ dung thân cho hàng triệu loài sinh vật, trong đó có những loài rất lớn dài hàng trăm do tuần, và những loài nhỏ bé như cây kim hoặc hạt bụi. Thưa các thầy, tôi chỉ nói có chừng đó, các thầy cũng thấy tôi yêu biển đến chừng nào.

Ananda nhìn kỹ bác ngư dân. Bác này làm nghề chài lưới mà nói năng như là một thi sĩ. Thầy hướng về phía Bụt:

- Thế Tôn, bác ngư dân này ca tụng biển rất hay. Thế Tôn, bác ngư dân yêu biển thế nào thì con cũng yêu đạo pháp giác ngộ như thế, con thấy đạo pháp của Thế Tôn có rất nhiều đặc tính tuyệt vời, đạo pháp này cũng bao la như biển cả, mong Thế Tôn dạy cho chúng con.

Bụt mỉm cười, đưa tay chỉ ghềnh đá:

- Chúng ta hãy tới ngồi trên những tảng đá kia. Tôi sẽ nói cho các vị nghe về những đặc tính của đạo pháp giác ngộ.

Mọi người theo Bụt leo lên ngồi trên ghềnh đá. Các bác ngư dân cũng được mời theo. Khi mọi người đã an tọa quanh Bụt, Bụt cất tiếng:

- Nầy quý vị, bác ngư dân vừa nói tới tám điều đáng yêu của biển. Tôi cũng sẽ nói tới tám điều đáng yêu của chánh pháp.

* Thứ nhất, nếu biển có những bờ cát thoai thoải có thể đưa ta đi từ từ xuống nước, khiến cho việc thả thuyền và kéo lưới trở nên dễ dàng, thì chánh pháp cũng vậy. Trong đạo pháp này, mọi người có thể đi từ dễ tới khó, từ thấp tới cao, từ cạn tới sâu. Chánh pháp mở rộng cho tất cả mọi người thuộc đủ loại căn tính: ai cũng có thể đi vào chánh pháp được cả. Dù là em bé, người già, giác ngộ trí thức, kẻ thiếu học ... tất cả đều tìm thấy pháp môn tu học thích hợp với mình trong đạo pháp này.

* Thứ hai, nếu biển luôn luôn ở tại chỗ mà không dời đi nơi khác, không cuốn phăng đi xóm làng và thành thị, thì chánh pháp cũng thế, những nguyên tắc của chánh pháp luôn luôn không thay đổi, và giới luật của người thọ trì chánh pháp đã được quy định rõ ràng, Ở đâu có sự học hỏi và thực hành đúng theo những nguyên tắc ấy và những giới luật ấy là ở đó có chánh pháp, không thể nào sai chạy được.

* Thứ ba, nếu biển không bao giờ dung túng một thây chết trong lòng nó thì chánh pháp cũng vậy. Chánh pháp không dung túng được vô minh, biếng lười và hành động phạm giới. Một người không tu trong một đại chúng có tu không thể nào cư trú lâu dài được. Người đó sớm muộn gì cũng phải bị đẩy ra khỏi đoàn thể và giáo pháp.

* Thứ tư, nếu biển chấp nhận nước của tất cả các dòng sông không phân biệt kỳ thị thì chánh pháp cũng thế. Từ giai cấp nào trong bốn giai cấp xã hội, người ta cũng được đón tiếp một cách bình đẳng vào trong đạo pháp này. Cũng như khi nước các dòng sông chảy ra biển, chúng bỏ lại sau lưng mình tên của dòng sông và bắt đầu lấy tên biển cả, những người đi vào trong đạo pháp của tôi không còn mang theo giai cấp, dòng dõi và địa vị xã hội của họ: tất cả đều được gọi chung là người khất sĩ.

* Thứ năm, nếu biển không vơi đi cũng không đầy thêm dù đêm ngày muôn sông vẫn tiếp tục chảy về, thì chánh pháp cũng vậy. Chánh pháp là chánh pháp, không phải vì có nhiều người đi theo mà mới là chánh pháp, không phải là vì ít người đi theo mà đạo pháp không phải là chánh pháp. Sự thịnh suy không đánh giá được chân lý của đạo pháp này.

* Thứ sáu, nếu nước biển ở đâu cũng chỉ có một vị là vị mặn, thì chánh pháp cũng thế. Dù giáo pháp được trình bày ra nhiều cách, dù có hàng ngàn hàng vạn pháp môn, thì chánh pháp cũng chỉ có một vị, đó là vị giải thoát. Không có công năng giải thoát thì đó không phải là chánh pháp.

* Thứ bảy, nếu trong lòng biển có vô số các loại san hô, xà cừ và ngọc quý thì chánh pháp cũng thế. Trong đạo pháp ta có nhiều pháp môn vi diệu và quý báu như tứ diệu đế, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lục, thất bồ đề và bát chánh đạo.

* Thứ tám, nếu biển là chỗ dung thân thoải mái cho hàng triệu loài sinh vật trong đó có những

loài vật nhỏ như hạt cát và dài lớn đến hàng trăm do tuần, thì chánh pháp cũng thế. Trong đạo pháp ta, một em bé hay một người ít học vẫn có thể cơ hội tu học thoải mái. Trong đạo pháp ta, những bậc đại nhân có kích thước lớn như những vị bồ tát, có thể có cơ hội tu học và hoằng hóa trong một môi trường thênh thang. Trong đạo pháp ta cũng có vô số các vị đã chứng đạt quả vị Nhập lưu, Nhất hoàn, Bất hoàn và A la hán.

Nầy quý vị, biển cả là một nguồn cảm hứng, là một kho tàng vô tận. Chánh pháp là một nguồn cảm hứng, là một kho tàng vô tận.

Đại đức Ananda chắp tay nhìn Bụt:

- Thế Tôn, người là một vị đạo sư, nhưng người cũng là một thi sĩ nữa.

Chương 68 - Ba Cánh Cửa Nhiệm Mầu

Rời miền biển Bụt trở về Pataliputta, ghé Vesali và đi lên hướng Tây Bắc, quê hương của người. Khi tới Samagama, thuộc nội địa vương quốc Sakya. Bụt nghe nói vị giáo chủ của giáo phái Nigantha là Nathaputta đã qua đời, và giáo đoàn du sĩ Nigantha đã bị chia rẽ trầm trọng làm hai cánh. Hai bên chống đối nhau rất kịch liệt về mặt giáo lý cũng như về mặt tổ chức khiến cho giới đệ tử tại gia của họ rất đau khổ, không biết theo ai.

Chú sa di Cunda thị giả của đại đức Sariputta đã tới gặp đại đức Ananda và kể lại những chuyện trên, vì trong khi an cư ở Pava, chú đã nghe hết mọi chi tiết. Thầy Ananda liền đem câu chuyện chia rẻ của giáo phái Nigantha bạch lên Bụt. Thầy nói, giọng rầu rầu:

- Lạy Bụt, con mong sau khi người diệt độ, sẽ không có sự chia rẽ trong hàng ngũ giáo đoàn khất sĩ như thế. Con không ưa sự chia rẽ và tranh chấp một chút nào hết.

Bụt vỗ vai Ananda:

- Nầy Ananda, thầy có thấy các vị khất sĩ trong giáo đoàn ta tranh chấp và cãi vả nhau về nội dung các pháp môn như Tứ Niệm Xứ, Chánh Cần, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề và Bát Chánh Đạo không?

- Lạy Bụt, con chưa thấy có vị khất sĩ nào tranh chấp và cãi cọ về nội dung giáo lý, nhưng con nghĩ khi Bụt còn tại thế, nhờ đức của Bụt ai cũng nương tựa vào Bụt, nghe lời Bụt và tu học yên ổn không có vấn đề gì, nhưng một khi Bụt trăm tuổi, họ có thể bắt đầu tranh chấp với nhau về giới luật và về cách thức sinh hoạt và hoằng hóa. Nếu điều này xảy ra thì nhiều người sẽ buồn lắm và sẽ mất tin tưởng ở đạo pháp.

Bụt an ủi Ananda:

- Đừng lo ngại, Ananda, chừng nào mà có sự tranh chấp và cãi cọ trong giáo đoàn về nội dung giáo lý, về các pháp môn tu tập như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề, Bát Chánh Đạo ... thì lúc đó ta mới nên e ngại, còn những tranh chấp về tổ chức, về giới luật và về lề thói sinh hoạt, tuy có thể xảy ra, nhưng cũng không đáng ngại lắm đâu.

Tuy được Bụt trấn an, đại đức Ananda vẫn không tươi tỉnh lắm. Thầy mới nghe tin là tại Vesali, đại đức Sunakkhata, ngày xưa từng làm thị giả cho Bụt, nay đã rời bỏ giáo đoàn khất sĩ vì những bất mãn riêng tư. Thầy ấy đã bắt đầu tổ chức những cuộc diễn giảng chống lại Bụt và giáo đoàn. Đi tới đâu Sunakkhata cũng nói: sa môn Gotama cũng chỉ là người thường thôi, không có gì đặc biệt hơn ai và giáo pháp của sa môn Gotama chỉ đem tới sự giải thoát cá nhân, chẳng có ích lợi gì cho xã hội. Sunakkata đã bắt đầu gây hoang mang trong quần chúng. Điều này chính đại đức Sariputta cũng đã biết.

Đại đức còn biết rằng mầm chia rẻ đã manh nha trong giáo đoàn ở thủ đô Rajagaha.

Một nhóm các vị khất sĩ tại Rajagaha trong đó có đại đức Devadatta đang âm thầm tổ chức một giáo đoàn khất sĩ độc lập với giáo đoàn của Bụt. Cộng tác với thầy Devadatta có nhiều thầy cũng thuộc hạng giỏi như các đại đức Kokalita, Katamoraka Tissa, Khandadeviputta và Samuddadatta.

Thầy Devadatta vốn là một trong những người đệ tử lớn, thông minh và tài giỏi nhất của Bụt. Chính sư huynh Sariputta đã từng khen ngợi đại đức Devadatta ngay giữa các đám đông vùng Rajagaha. Đã có lúc đại đức Sariputta tiếp xử với đại đức Devadatta như là một người bạn tri kỷ. Vậy mà không biết vì lý do nào Devadatta gần đây đã nảy ý ganh ghét, ngay cả với Bụt. Thầy Ananda không biết là đã có ai trình lên Bụt các vụ nầy chưa. Riêng thầy, thầy rất ái ngại phải nói để Bụt nghe những chuyện đau buồn như thế.

Mùa mưa năm sau, Bụt lại về Savatthi và an cư tại vườn Cấp Cô Độc. Đầu mùa an cư, người giảng kinh Pháp Ấn.

Hôm đó, tại giảng đường Kỳ Thọ, Bụt nói:

- Có pháp ấn mầu nhiệm, quý vị có biết không? Hôm nay tôi muốn nói cho quý vị nghe về pháp ấn ấy. Qúy vị hãy tháo bỏ mọi tri kiến để cho tâm hồn thanh tịnh thì mới nghe, hiểu và tiếp thị được.

Các vị khất sĩ! Pháp ấn là con dấu chứng thực tích cách chân xác của chánh pháp. Có ba con dấu tất cả. Bất cứ một giáo lý nào, một pháp môn nào mà không có dấu vết của ba con dấu ấy, thì không phải là giáo lý của tôi nói. Ba con dấu là không, vô tướng, và vô nguyện. Ba con dấu ấy cũng là ba cánh cửa để đi vào thế giới của giải thoát. Vì vậy pháp ấn cũng được gọi là ba cánh cửa giải thoát, hay tam giải thoát môn.

Các vị khất sĩ! Con dấu thứ nhất là không (sunnata). Không ở đây có nghĩa là rỗng không, không có tự ngã riêng biệt. Không ở đây không có nghĩa là không đối với có. Như các vị đã biết, chấp có và chấp không là hai kiến chấp sai lầm. Vậy không ở đây có nghĩa là không có một tự ngã riêng biệt, không có một sự tồn tại riêng biệt. Vạn pháp nương vào nhau mà có mặt, không có pháp nào có thể phát sinh và tồn tại một cách độc lập. Các pháp sinh khởi và tồn tại trong liên hệ nhân duyên chằng chịt, cái nầy có vì cái kia có, cái nầy không vì cái kia không, cái nầy sinh vì cái kia sinh, cái nầy diệt vì cái kia diệt. Do đó, bản chất của không là duyên khởi. Nầy các vị! Các vị phải tập nhìn vạn pháp trong liên hệ nhân duyên của chúng để thấy được rằng trong một pháp có mặt tất cả vạn pháp, để thấy rằng trong cái một có cái tất cả và ngoài cái một, cái tất cả không thể nào tồn tại. Quán chiếu mười tám giới là sáu căn, sáu trần và sáu thức, quán chiếu năm uẩn là sắc thọ tưởng, hành và thức, các vị sẽ thấy được rằng không có giới nào cũng như không có uẩn nào có tự thể riêng biệt, rằng tất cả đều nương vào nhau mà đứng. Thấy được tính không ấy rồi thì thấy được tính không của vạn pháp. Thấy được tính không ấy rồi thì các vị không còn ước muốn theo đuổi hoặc trốn chạy bất cứ một pháp nào nữa và các vị sẽ đồng thời vượt thoát những tham đắm, phân biệt hoặc kỳ thị đối với tất cả các pháp. Quán chiếu về tính không tức là mở ra một cánh cửa để đi vào thế giới của tự do. Vì vậy không là cánh cửa giải thoát thứ nhất.

* Các vị khất sĩ! Con dấu thứ hai là vô tướng (animita). Vô tướng tức là vượt thoát những khuôn khổ của tri giác và của nhận thức phân biệt. Vì không thấy được tự tính duyên khởi của các pháp. Vì không thấy được tự tính duyên khởi của các pháp, vì không chứng đắc được tính không của các pháp, cho nên người đời thường nhìn các pháp như những hiện tượng riêng biệt, độc lập, cái nầy tồn tại ngoài cái kia, cái nầy có mặt độc lập với tất cả cái kia. Nhìn các pháp như thế cũng giống như là lấy thanh gươm của nhận thức phân biệt để chặt thực tại ra từng mảnh nhỏ rời rạc, và như thế là không thấy được tự thân của thực tại. Nầy các vị! Vạn pháp tùy thuộc vào

nhau, cái nầy có trong cái kia, cái nầy lồng trong cái kia, trong một cái có tất cả mọi cái. Đó là ý nghĩa hai tiếng tương nhập và tương tức. Tương nhập là đi vào trong nhau; tương tức là nương vào nhau. Cái nầy đi vào trong cái kia, cái kia đi vào trong cái nầy; cái nầy là cái kia, cái kia là cái nầy. Quán chiếu như thế các vị sẽ thấy rằng tri giác của chúng ta đầy dẫy sai lầm. Con mắt của cảm giác không thấy được vạn hữu rõ ràng và chính xác bằng con mắt quán chiếu của trí tuệ. Có khi nhìn sợi dây, con mắt của cảm giác và của tri giác có thể nhận lầm là con rắn, nhưng dưới con mắt của quán chiếu, tự thân của sợi dây được hiển lộ rõ ràng và hình bóng con rắn sẽ tự nhiên tiêu diệt.

* Các vị khất sĩ! Các tướng trạng như có, không, sinh, diệt, một, nhiều, còn, mất, tới, đi, dơ, sạch, thêm, bớt ... đều là những tướng trạng mà tri giác và nhận thức phân biệt úp chụp vào thực tại. Đối với đệ nhất nghĩa đế, thì tự thân thực tại không bị giam nhốt trong những phạm trù phân biệt đó, không bị khuôn khổ trong các tướng trạng đó của nhận thức phân biệt, Vì vậy cho nên vạn pháp được gọi là vô tướng. Quán chiếu để làm tan rã những ý niệm có, không, sinh, diệt, một, nhiều, còn, mất, tới, đi, dơ, sạch, thêm, bớt ... các vị sẽ đạt tới giải thoát. Vô tướng vì vậy là cánh cửa mầu nhiệm thứ hai mở ra để ta đi vào thế giới của tự do. Vô tướng là cánh cửa giải thoát thứ hai.

* Các vị khất sĩ! Con dấu thứ ba là vô tác, hay là vô nguyện (appanithita). Vô nguyện là không đuổi theo bất cứ một cái gì. Tại sao thế! Thói thường người ta hay muốn trốn chạy khỏi một pháp để đuổi theo một pháp khác. Người đời ưa trốn chạy sự nghèo khổ để đuổi theo sự giàu sang. Người tu đạo ưa trốn chạy sinh tử để đuổi theo giải thoát. Nhưng nếu các pháp có mặt trong nhau, nếu các pháp là nhau, thì ta còn cần trốn chạy pháp nào và đuổi theo pháp nào? Trong sinh tử đã có niết bàn, trong niết bàn đã có sinh tử, niết bàn và sinh tử không phải là hai thực thể riêng biệt. Vậy thì ruồng bỏ sinh tử để chạy theo niết bàn tức là chưa chứng nhập được thể tính duyên sinh của vạn pháp. Chưa chứng nhập tự tính không và vô tướng của vạn pháp. Quán chiếu vô nguyện là để chấm dứt ngay sự tìm cầu và theo đuổi.

Giải thoát và giác ngộ không phải là những pháp có mặt ở ngoài ta. Chỉ cần mở mắt để chiêm nghiệm, thì ta thấy được ta chính là bản thân của giải thoát và giác ngộ. Tất cả các pháp, tất cả chúng sinh đều có sẵn tự tính giác ngộ tròn đầy trong tự thân mình. Các vị đừng đi tìm tự tính ấy ở bên ngoài. Nếu biết xoay ánh sáng quán chiếu vào tự thân, tự khắc các vị thực hiện được giác ngộ. Các vị khất sĩ! Tất cả các pháp trong vũ trụ không pháp nào tồn tại độc lập ngoài nhận thức của các vị, trong đó kể cả niết bàn, trong đó kể cả giải thoát. Các vị không cần đi tìm cầu những thứ ấy ở đâu nữa. Các vị nên nhớ rằng đối tượng nhận thức không tồn tại độc lập với nhận thức. Không đuổi theo một pháp nào, kể cả Phạm Thiên, Niết Bàn và Giải Thoát, đó là ý nghĩa của vô nguyện. Các vị đã là cái các vị đang đi tìm.

Vô nguyện, do đó, là cánh cửa mầu nhiệm thứ ba mở ra để ta đi vào thế giới của tự do.

Vô nguyện là cánh cửa giải thoát thứ ba vậy.

Các vị khất sĩ! Đó là giáo lý pháp ấn, đó là pháp môn ba cánh cửa giải thoát. Tam Giải Thoát Môn là pháp môn rất vi diệu, rất mầu nhiệm, các vị nên hết lòng học hỏi và thực tập. Tu tập theo pháp này chắc chắn quý vị sẽ đạt tới tri kiến thanh tịnh, và thực hiện được giải thoát.

Bụt nói xong Kinh Pháp Ấn, đại đức Sariputta đứng dậy đảnh lễ Bụt. Đại chúng thấy thế đều đứng dậy và lạy xuống để tạ ơn Thế Tôn.

Đại đức Sariputta tuyên bố với đại chúng là ngày hôm sau sẽ có một buổi trùng tuyên và học hỏi về kinh này. Đại đức nói đây là một kinh thâm diệu vô cùng, phải đem hết sinh mạng và tâm chí ra mà học hỏi và thực tập mới mong có thể hiểu được. Đại đức Svastika thấy kinh này có liên hệ tới Kinh Không mà Bụt dạy năm ngoái. Bụt đã hướng dẫn các đệ tử của người từ những giáo lý đơn giản đến những giáo lý càng ngày càng huyền nhiệm. Thầy thấy các vị trưởng thượng như Mahakassapa, Sariputta, Punna, Moggallana ... ai nấy đều tỏ vẻ sung sướng cực kỳ khi được nghe kinh này. Thầy nhớ năm ngoái khi Bụt giảng xong Kinh Không, thầy Sariputta cũng đã lên lạy Bụt, và tất cả các vị trưởng thượng trong giáo đoàn cũng đã lên bắt chước đại đức Sariputta. Tình thầy trò thật rất thắm thiết.

Chiều ngày hôm sau, các đại đức Yamelu và Tekula đến tìm Bụt ở tịnh thất của người. Hai đại đức này đều xuất thân từ dòng dõi Bà la môn. Đó là hai anh em ruột. Họ nổi tiếng là lão thông văn chương, cú pháp và nhất là cổ ngữ. Giọng phúng tụng và xướng tán của họ rất thanh tao, trong như tiếng chuông và hùng mạnh như tiếng trống. Gặp Bụt, hai đại đức lạy xuống. Bụt mời họ ngồi:

Đại đức Yamelu nói:

- Thế Tôn, chúng con muốn xin phép Thế Tôn để trình bày về vấn đề chuyển ngữ trong công cuộc hoằng pháp. Bạch Thế Tôn, trong khi Thế Tôn thuyết pháp, người thường dùng ngôn ngữ Magadhi ở Magadha hay ở Kosala cũng vậy. Nhưng trong giới khất sĩ có nhiều vị không sử dụng được tiếng Magadhi, và ở những miền họ hành đạo dân chúng cũng không biết tiếng Magadhi. Vì vậy pháp âm của người đã được chuyển dịch thành rất nhiều thứ tiếng của nhiều giống dân khác nhau. Thời chưa xuất gia, chúng con đã may mắn hoặc được nhiều sinh ngữ, và chúng con nhận xét rằng ở nhiều nơi người ta đã làm sai lệch và méo mó pháp âm vi diệu của người bằng cách diễn dịch pháp âm ấy thành nhiều thổ ngữ. Chúng con xin Bụt cho phép chúng con đem tất cả các kinh giáo của người viết thành ngôn ngữ Sanskrit cổ điển. Nếu các vị khất sĩ bốn phương đều học thuộc pháp âm người qua cổ ngữ ấy thì chắc chắn chúng ta tránh được cái nạn làm méo mó và sai lệch tiếng nói của Bụt.

Bụt im lặng một lát rồi ngửng lên nhìn hai vị đại đức:

- Các vị làm như thế không tiện, đạo pháp là một thực thể linh động, ngôn ngữ để chuyên chở giáo pháp phải là những sinh ngữ đang được sử dụng. Tôi không muốn giáo lý của chúng ta được trình bày bằng một cổ ngữ, trừ những người trí thức, ít ai hiểu và cảm được giáo lý qua một cổ ngữ. Các thầy Yamalu và Tekula, tôi muốn nói rõ với quý vị là giới môn đệ của tôi, xuất gia cũng như tại gia, đều phải học hỏi và thực tập giáo pháp bằng chính tiếng mẹ đẻ của mình. Như vậy giáo pháp mới linh động và dễ hiểu. Giáo pháp phải được thích ứng với đời sống hiện tại và phải được trình bày như thế nào để thích hợp và dễ hiểu với văn hóa địa phương.

Hiểu được ý Bụt, hai đại đức Yamalu và Tekula đảnh lễ người và rút lui.

Chương 69 - Chim Cụt Và Chim Ưng

Tuy chưa bị Bụt gọi riêng để quở trách lần nào, thầy Svastika vẫn biết rằng mình còn có rất nhiều khiếm khuyết trong nếp sống phạm hạnh và thầy cũng biết rằng Bụt thấy hết những khiếm khuyết ấy. Nếu Bụt không rầy hoặc chưa rầy có lẽ là vì Bụt thấy thầy có để tâm hộ trì sáu căn, tuy sự hộ trì này chưa được nghiêm mật.

Mỗi lần thấy vị khất sĩ hay nữ khất sĩ nào bị quở trách, Svastika thường xem như chính mình bị quở trách, vì vậy thầy có nhiều cơ hội để tập thúc liễm thân tâm. Nhất là mỗi khi thầy Rahula được Bụt gọi lại giáo hóa là thầy Svastika xem như là chính mình được Bụt gọi. Thầy Rahula đã bước những bước thật vững chãi trên con đường tiến tu phạm hạnh và điều nầy là một trợ duyên cho sự tu học của thầy Svastika.

Có một lần thầy Svastika ngồi tâm sự với thầy Rahula trong một cụm rừng về sự may mắn được xuất gia theo Bụt của mình. Thầy nói thầy đã được nếm hương vị tịnh lạc và giải thoát rồi thì không còn thấy nếp sống ngoài thế gian là vui thích nữa. Thầy Rahula bảo:

- Tuy vậy mình không nên vội quá tin nơi mình. Công trình hộ trì sáu căn là công trình căn bản của nếp sống phạm hạnh và ngay các vị lớn trong giáo đoàn khất sĩ cũng vẫn không dám khinh thường công phu thực tập này.

Rồi thầy kể cho thầy Svastika nghe về thầy Vangisa. Thầy Vangisa nổi tiếng là một vị khất sĩ vừa có biện tài vừa có khiếu văn chương. Thầy đích thực là một thi sĩ, thầy đã làm nhiều bài thi kệ ca ngợi Bụt, Pháp và Tăng. Thầy đã từng đọc thơ của thầy cho Bụt nghe và Bụt đã ngỏ lời khen ngợi.

Hồi mới xuất gia, thầy Vangisa được theo học với thầy Nigrodhakappa và y chỉ nơi thầy. Hai thầy trò cư trú tại đền Aggalava miền ngoại ô thành Savatthi. Sau đó trưởng lão Nigrodhakappa tịch, thầy được về tu viện Cấp Cô Độc.

Một hôm đi khất thực với thầy Ananda, thầy Vangisa thú thật với thầy Ananda rằng tâm thầy không được an tịnh và thầy khẩn cầu thầy Ananda hóa giải dùm. Hỏi ra, thầy Ananda biết được rằng tâm của thầy Vangisa còn đang xao xuyến vì nhan sắc của một số các vị tiểu thư thường đến cúng dường tại tu viện. Thầy Ananda hiểu rằng thầy Vangisa là một nghệ sĩ, tâm hồn dễ rung động bởi những cái đẹp và vì vậy đã lấy cái sắc đẹp của chính giáo pháp và của giác ngộ để giúp thầy Vangisa vượt thoát cái đẹp mong manh, vô thường và có thể gây tai họa của nữ sắc. Thầy đã dạy thầy Vangisa chiếu rọi ánh sáng vào đối tượng quán niệm để thấy tính cách bất tịnh và chóng tàn hoại của các pháp. Thầy Vangisa đã thực tập theo lời giáo huấn của thầy Ananda, đã thực tập hộ trì sáu căn và đã làm một bài thi kệ tự tính mà nhiều thầy biết đến. Bài kệ ấy như sau:

Đã khoác áo ca sa,

Tham dục còn đuổi theo

Như trâu nhớ lúa người

Quả thật là hổ thẹn!

Con của nhà đại tướng

Tài giỏi nghề cung tên

Ngàn người bắn tứ phía

Vẫn phá được vòng vây.

Nay giai nhân có đến,

Đông hơn là quân tràn,

An trú nơi chánh pháp

Ta quyết cũng không sờn.

Ta đã theo Thế Tôn

Của dòng họ Mặt Trời

Trên đường về thong dong

Tình ta đã trọn gởi.

Do hộ trì sáu căn

Ta ung dung tiến bước

Não phiền vô lượng

Nào lay chuyển được ta?

Thầy Vangisa là người thông minh và tài giỏi, vì vậy đã có lần vướng vào tâm trạng tự hào và âm thầm có ý khinh miệt một số các thầy khác, nhưng may mắn thay, nhờ tu tập chánh niệm, thầy đã thấy được niềm kiêu mạn khởi ra trong tâm thầy, và thầy bất giác cảm thấy hổ thẹn. Thầy đã làm ra bài kệ sau đây để tự tỉnh:

Đệ tử Gotama,

Hãy đoạn trừ kiêu mạn!

Con đường kiêu mạn này

Chỉ đưa về khổ thủ!

Kẻ kiêu mạn ngấm ngầm

Cũng đi về địa ngục

Huống chi là những kẻ

Vênh váo nhìn cuộc đời!

Học đạo thấy đường ngay,

Tâm hồn được an lạc

Niềm vui đó rất cao

Ta phải mong đạt tới.

Hãy tập phép chánh niệm

Để đạt phép tam minh,

Kiêu mạn đoạn trừ xong

Mới thành công thật sự.

Nhờ có cảnh giác cao cho nên thầy Vangisa đã vượt được rất nhiều chướng ngại và đã bước những bước thật lớn trên con đường chuyển hóa. Thầy đã đạt tới quả vị Bất Sinh, và điều này đã được trưởng lão Sariputta xác nhận. Ngày tâm tư bừng mở, thầy Vangisa đã làm một bài thi kệ để tỏ lòng biết ơn Bụt. Bài thi kệ ấy như sau:

Ngày xưa say thơ mộng

Ta phiêu bồng khắp nơi

Cảnh chợ rồi cảnh quê

Cuối cùng được gặp Bụt!

Thế Tôn đã thương xót

Dạy cho ta phép mầu

Nghe xong khởi niềm tin

Khoác áo người khất sĩ.

An trú trong chánh pháp

Kiên cố ta một lòng

Nay chứng được tam minh

Đền ơn bậc tỉnh thức

Hạt giống của mặt trời

Thế Tôn đã gieo rắc

Vì chúng sanh u tối

Người khai mở lối ra

Bốn tật sự nhiệm mầu

Con đường tám nẻo chánh

An lạc và tự do

Nghĩa lời cùng vi diệu.

Phạm hạnh đã cao siêu

Độ sinh càng khéo léo

Niết bàn cứu muôn loài

Ơn sâu người chỉ dạy!

Thầy Sariputta trong một buổi giảng cho các vị khất sĩ trẻ có đem trường hợp của thầy Vangisa ra để làm gương. Thầy bảo: Thầy Vangisa trong bước đầu tu học cũng đã từng có những tình cảm và những tâm trạng yếu đuối, nhưng sau đó nhờ tu học tinh chuyên đã vượt thắng được mọi phiền não và chứng ngộ được diệu pháp. Biết vậy, người tu không nên có mặc cảm, dù là mặc cảm tự tôn hay là mặc cảm tự ti. Tu tập chánh niệm, ta sẽ ý thức được những gì đang xảy ra trong nội tâm và ta sẽ không bị lôi cuốn theo những gì đang xảy ra. Hộ trì sáu căn vì vậy là phương pháp rất mầu nhiệm để vững tiến trên đường đạo.

Nghe thầy Rahula kể về thầy Vangisa, thầy Svastika hình dung lại được vị khất sĩ tài hoa này. Tuy thầy đã từng được gặp thầy Vangisa nhưng chưa bao giờ có dịp trò chuyện. Thầy định bụng hôm nào sẽ xin đến làm quen và học hỏi kinh nghiệm tu đạo của thầy Vangisa. Thầy nhớ có một hôm Bụt dùng hình ảnh về biển cả để dạy đại chúng về công phu hộ trì sáu căn. Người nói:

- Nầy các vị khất sĩ, mắt là một đại dương sâu, trong ấy có đầy những loài thủy quái, có đầy những con nước xoáy và những đợt sóng ngầm rất nguy hiểm. Nếu không đi trong chánh niệm, chiếc thuyền của quý vị sẽ bị những loài thủy quái, những con nước xoáy và những đợt sóng ngầm ấy làm cho đắm chìm trong biển sắc. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý của quý vị cũng là những đại dương sâu trong ấy có đầy những loài thủy quái ...

Nhớ tới những lời dạy ấy của Bụt, thầy Svastika thấy sâu sắc vô cùng. Quả thật sáu giác quan của thầy là những đại dương sâu, và những đợt sóng ngầm có thể nổi dậy bất cứ lúc nào và làm cho thầy chìm đắm. Thầy Rahula nói rất phải: thầy rất không nên khinh thường và phải thực tập rất nghiêm chỉnh lời Bụt dạy.

Câu chuyện về con chim Cút mà Bụt kể cho các thầy khất sĩ trẻ nghe trước túp lều của người tại tu viện Jetavana là một câu chuyện thật dễ nhớ. Câu chuyện này cũng có mục đích nhắc nhở các thầy giữ gìn sáu căn và đừng buông thả tự thân trong lĩnh vực của thất niệm.

Bụt kể: Một hôm nọ có một con chim Ưng thình lình đáp xuống và chụp lấy một con chim Cút rồi bay vút lên cao. Con chim Cút than khóc, tự trách là mình đã đi ra khỏi vùng mà cha mẹ nó bảo không nên ra khỏi cho nên mới bị tai nạn. “Nếu ta biết nghe lời cha mẹ ta thì con chim Ưng này có làm gì được ta”. Nghe con chim Cút nói thế, chim Ưng hỏi: “Vậy vùng mà cha mẹ mầy bảo mày đừng ra khỏi là vùng nào?” Chim Cút trả lời: “Đó là vạt đất mới được cày”. Chim Ưng lấy làm lạ, bay đi, bèn mang con chim Cút ra trả về chỗ cũ. Trước khi bay đi, chim Ưng nói: “Nầy Cút, ta đã thả mầy ra, mầy hãy liệu chừng, ta chỉ thả mầy lần này thôi. Lần sau nếu bắt được mầy, ta sẽ không thả đâu”.

Chim Cút trở về vạt đất đã được cày, leo lên đứng trên một hòn đất lớn và thách thức chim Ưng: "Này chim Ưng, mầy hãy xuống đây, xuống đây xem có thể bắt được ta hay không?".

Chim Ưng nổi giận, xếp hai cánh vào mình, lao vút xuống với tất cả sức lực của nó. Chim Cút biết thế nên lập tức chui xuống núp dưới hòn đất. Chim Ưng đã bắt không được chim Cút mà còn va vào hòn đất thật mạnh đến nỗi bị bể ngực và quay ra dẫy chết. Này các vị khất sĩ, người tu hành phải an trú trong chánh niệm, hộ trì sáu căn cho nghiêm chỉnh, rời khỏi lãnh vực chánh niệm tức là đi vào lãnh thổ của ma vương, thế nào cũng bị tai nạn".

Thầy Svastika nhận thấy trong giáo đoàn của Bụt có nhiều vị khất sĩ trẻ tuổi có đạo hạnh và tài năng. Điều này làm cho thầy phấn khởi. Có một hôm thầy được tháp tùng một số các thượng tọa tới dự lễ trai tăng ở tư thất cư sĩ Citta tại thị trấn Macchikasanda và đã khám phá ra sự có mặt im lặng của một vị khất sĩ trẻ tuổi như thế. Cư sĩ Citta là người nổi tiếng tinh thâm giáo lý. Ông là một vị đệ tử cư sĩ có đạo tâm và cũng được quần chúng ái mộ gần như cư sĩ Anathapindika. Ông thường hay thỉnh các vị cao đức tới nhà để cúng dường trai phạn và để được học hỏi. Hôm ấy có trên mười vị khất sĩ cao niên được mời. Chỉ có Svastika và một vị khất sĩ khác tên là Isidatta là hai người trẻ tuổi. Sau khi cúng dường trai hạn, cư sĩ Citta đứng ra đảnh lễ các vị tôn túc, xin phép ngồi xuống một chiếc ghé thấp trước mặt các vị xuất gia và đặt câu hỏi sau đây:

- Kính bạch các vị tôn túc, con đã được nghe kinh Bramajala, trong đó Bụt nói về sáu mươi hai luận chấp của các học phái đương thời. Con cũng có nghe những câu hỏi về sinh diệt và về linh hồn mà các đạo sĩ thường nêu ra như: thế giới là hữu biên hay vô biên, vĩnh cửu hay phải đoạn diệt, linh hồn và thân xác là một hay là khác, Như Lai có còn không sau khi nhập diệt, hay là vừa còn vừa không còn, hoặc không còn cũng không không còn ... Bạch các vị tôn đức, do đâu mà có những luận chấp và những câu hỏi có tính cách siêu hình ấy?

Trước câu hỏi của cư sĩ Citta, tất cả các vị khất sĩ đều nín thinh, Citta lặp lại câu hỏi này tới ba lần mà cũng không có vị khất sĩ nào lên tiếng để trả lời cả. Thầy Svastika cảm thấy bối rối, và cảm thấy nóng bên hai tai. Đột nhiên thầy Isidata lên tiếng, hướng về phía các vị trưởng lão, thầy hỏi:

- Kính bạch các vị trưởng thượng, con có thể trả lời câu hỏi đó của cư sĩ Citta được không?

Các vị khất sĩ lớn trả lời:

- Khất sĩ, ông có thể trả lời nếu ông muốn.

Hướng về cư sĩ Citta, thầy Isidatta nói:

- Nầy cư sĩ, sỡ dĩ có những luận chấp và những câu hỏi ấy vì người ta còn mắc kẹt vào ngã kiến. Nếu ngã kiến không còn, người ta sẽ không hỏi những câu hỏi như thế và không chủ trương những luận chấp như thế.

Cư sĩ Citta lộ vẻ ngạc nhiên và thán phục, song ông lại nói:

- Xin đại đức vui lòng cắt nghĩa cho rõ thêm.

- Người không được gần gũi các bậc thiện nhân, không được học hỏi giáo pháp giác ngộ, thường cho rằng thân thể nầy là ta, hoặc thân thể nầy là của ta, hoặc có ta trong thân thể nầy, và có

thân thể nầy trong ta ... Người ấy lại cho rằng cảm thọ là ta, là sở hữu của ta, hoặc có ta trong cảm thọ nầy và có cảm thọ nầy trong ta ... Người ấy cũng có cùng một kiến chấp ấy đối với tri giác, tâm hành và nhận thức. Đó là người đang bị kẹt vào ngã kiến, chính vì bị kẹt vào ngã kiến như thế nên mới chủ trương và tin vào những luận chấp như sáu mươi hai luận chấp trong kinh Phạm Võng, và mới hỏi những câu hỏi như những câu hỏi về hữu biên và vô biên, thường và đoạn, một và khác, còn hay là không còn. Cư sĩ Citta, nếu học hỏi và tu tập để phá trừ được ngã kiến thì những câu hỏi và những luận chấp kia sẽ tự động trở thành vô nghĩa.

Cư sĩ hoàn toàn bị thầy Isidatta chinh phục. Ông kính cẩn hỏi:

- Bạch đại đức, ngài từ đâu tới?

- Cư sĩ Citta, tôi tới từ Avanti.

- Bạch đại đức, tôi nghe nói ở Avanti có một người trẻ tuổi tên là Isidatta đã xuất gia. Đó là một thiếu niên anh tuấn, lỗi lạc phi thường, một người mà chúng tôi nghe tên mà chưa bao giờ từng được gặp. Chẳng hay đại đức có gặp ông ta hay không?

- Cư sĩ Citta, tôi đã có gặp ông ấy.

- Vậy thưa đại đức, vị khất sĩ tài đức ấy hiện bây giờ ở đâu?

Đại đức Isidatta im lặng.

Cư sĩ Citta vốn người thông minh. Ông ngờ rằng vị đại đức đang ngồi trước mặt mình là Isidatta. Ông hỏi:

- Có phải đại đức chính là đại đức Isidatta đó không?

- Thưa phải, thầy Isidatta trả lời.

Cư sĩ Citta mừng rỡ:

- Vậy thì quý hóa và hân hạnh cho tôi biết mấy. Bạch đại đức Isidatta, vườn xoài và tệ xá tại Macchikasada rất mát mẻ và đầy đủ mọi tiện nghi. Tôi rất mong ước được đại đức đến viếng chúng tôi thường thường. Chúng tôi xin nguyện cúng dường đại đức tất cả những gì đại đức cần đến như thực phẩm, y áo, thuốc men và chỗ ở.

Thầy Isidatta im lặng. Sau đó các vị khất sĩ từ giã.

Thầy Svastika nghe nói là sau đó, thầy Isidatta không bao giờ trở lại nhà cư sĩ Citta một lần nữa. Và từ đó thầy cũng không còn được gặp lại thầy Isidatta. Hình ảnh thầy Isidata sáng ngời trong tâm thầy Svastika. Thầy Isidatta không những thông minh mà còn rất khiêm nhượng nữa. Thầy không màng tới sự cung kính và cúng dường của người cư sĩ, dù là một vị đại cư sĩ như Citta. Thầy Svastika thầm nguyện sẽ học theo hạnh của thầy Isidatta và thầm hẹn là một hôm nào đó có dịp ghé về Avanti, thầy sẽ hỏi thăm để tìm gặp lại vị khất sĩ ấy.

Thầy Svastika biết Bụt rất thương yêu những thầy trẻ có chuyên tâm, có tuệ giác và có chí nguyện lợi tha. Bụt đã từng nói là người trông cậy thật nhiều ở những vị này trong công trình bồi đắp và trao truyền đạo pháp cho các thế hệ tương lai. Tuy vậy, thầy thấy Bụt đã và đang đem lòng che chở cho cả các thầy trong giáo đoàn khất sĩ, và người rất kiên nhẫn trong việc giảng

dạy và hóa độ. Có thầy tu không thành công, ra đời tới sáu lần mà đến khi hồi đầu, Bụt cũng cho phép trở lại giáo đoàn một lần nữa. Có những những vị thiếu thông minh đến nỗi học hoài mà cũng không thuộc được mười sáu phép thở, vậy mà người vẫn tiếp tục vỗ về và khuyến khích.

Hồi đó, tại tu viện Jetava, có một thầy tên Bhaddali. Thầy Bhaddali có những khuyết điểm mà Bụt biết, nhưng người cố tình làm lơ để tạo cho thầy một cơ hội để chuyển hóa. Thầy không theo kịp đại chúng trong việc chấp tri những quy luật của tu viện. Phép tắc của tu viện có điều khoản là khi thọ trai, vị khất sĩ chỉ ngồi một lần cho đến khi ăn xong bữa cơm mà không được đứng dậy để lấy thêm thức ăn hoặc làm những việc khác. Đó gọi là phép nhất tọa thực. Tuy nhiên, thầy Bhaddali không làm như vậy được, và sống trong đại chúng, thầy thường gây ra những phiền nhiễu cho người khác, Bụt có gọi thầy lên nhiều lần và dạy thầy phép tự hỏi câu hỏi: “Tôi phải làm gì để cho đại chúng hoan hỷ?” mỗi sáng mai. Vậy mà mấy tháng sau, thầy vẫn chưa thành công, Trong đại chúng có những thầy không đủ kiên nhẫn và có khi nói nặng thầy. Biết vậy, có hôm Bụt dạy đại chúng:

- Các vị khất sĩ, mọi cá nhân trong tăng đoàn dù có những khuyết điểm trầm trọng, nhưng thế nào trong con người ấy vẫn còn lại một ít hạt giống của niềm tin và tình thương. Chúng ta phải cư xử với vị ấy như thế nào để những hạt giống của niềm tin và tình thương còn lại trong con người không bị hoàn toàn tiêu diệt. Ví dụ có một người kia vì bất hạnh mà mù một con mắt, và chỉ còn một con mắt. Bà con và những người thân thuộc của người này cố nhiên sẽ tìm cách giúp đỡ và bảo vệ con mắt còn lại kia, vì biết rằng con mắt kia mà mù nữa thì không còn gì là tương lai nữa. Vậy thì các vị khất sĩ, các vị hãy giúp bảo vệ những hạt giống đức tin va tình thương còn lại nơi người đồng đạo bằng cách đối xử dễ thương với người ấy.

Hôm ấy, thầy Svastika có mặt. Thầy rất cảm động vì thái độ và tình thương của Bụt Thầy ngửng lên thì thấy thầy Ananda đưa tay lau nước mắt, thì ra thầy Ananda cũng cảm động như thầy.

Bụt tuy là một người rất ngọt ngào, nhưng có khi người cũng rất nghiêm khắc và cũng từng sử dụng những lời quở trách rất thẳng thắng và rất quyết liệt. Người nào mà Bụt không độ được hoặc chưa độ được quả thật là người không có tương lai.

Một hôm, Svastika được chứng nghiệm một cuộc nói chuyện ngắn và rất hào hứng giữa Bụt và một vị điều mã sư, nghĩa là một người huấn luyện điều phục ngựa. Bụt hỏi vị điều mã sư:

- Ông điều phục ngựa như thế nào, xin nói cho chúng tôi nghe đi.

Vị điều mã sư:

- Thế Tôn, có nhiều loại ngựa. Có loại rất dễ, chỉ cần dùng biện pháp ngọt ngào. Có loại khó trị nhơn phải dùng vừa biện pháp ngọt ngào vừa biện pháp mạnh. Có loài khó hơn, chỉ có thể dùng biện pháp mạnh.

Bụt cười và hỏi:

- Vậy khi gặp loại ngựa chứng mà cả ba biện pháp đều vô hiệu thì ông làm thế nào?

- Bạch Thế Tôn, trong trường hợp ấy thì con phải hạ sát nó. Để nó sống chung trong bầy ngựa thì sẽ làm hư hỏng những con ngựa khác. Bạch đức Thế Tôn, người điều phục các vị đệ tử như thế nào, xin cho con biết với.

Bụt cười:

- Thì tôi cũng làm tương tự như ông. Có những người chỉ cần ngọt ngào. Có những người vừa cần biện pháp ngọt ngào vừa cần biện pháp mạnh. Có những người chỉ có thể dùng biện pháp mạnh mới có thể trị nổi.

- Vậy trong trường hợp cả ba biện pháp đều vô hiệu thì đức Thế Tôn làm gì đối với người bất khả trị đó?

Bụt nói:

- Thì tôi cũng làm như ông vậy, tôi giết người ấy đi.

Vị điều mã sư tròn xoe hai mắt:

- Sao? Đức Thế Tôn giết người à? Đức Thế Tôn dạy người ta giới bất sát ...

Bụt nói:

- Tôi nói vậy thôi chứ đâu có giết người theo kiểu ông giết ngựa. Gặp trường hợp có người không thể sử dụng được một trong ba biện pháp trên thì tôi từ chối không chấp nhận vào giáo đoàn khất sĩ, không chấp nhận là học trò của tôi, thế thôi, nhưng đó cũng là điều bất hạnh lớn. Không được tu tập theo chính pháp trong tăng đoàn đó là gì nếu không phải là sự đánh mất cái cơ hội muôn kiếp một lần? Đó là gì không phải là một cái chết của tâm linh. Nhưng đó không phải chỉ là cho người kia mà là một niềm đau cho cả tôi, vì tôi rất thương xót người đó, và tôi vẫn mong là một ngày kia người đó có thể hồi đầu.

Ngày xưa, thầy Svastika đã có dịp thấy và nghe Bụt quở trách và dạy dỗ thầy Rahula, và thầy cũng đã từng thấy Bụt trách dạy một vài thầy khác. Bây giờ thầy thấy được sau hành động quở trách và la dạy ấy cả một tình thương đằm thắm. Thầy Svastika biết Bụt rất thương thầy dù Bụt chưa nói ra điều đó thành lời, nhưng chỉ cần nhìn vào mắt người là thầy thấy rõ điều đó.

Đêm nay, đức Thế Tôn có khách. Thầy Ananda nhờ thầy Svastika đi đun nước nấu trà. Khách là một vị hiệp sĩ, dáng đi hiên ngang, lưng đeo trường kiếm. Ông cột ngựa ngoài cổng tu viện Jetavana, gươm bên yên ngựa và được thầy Sariputta hướng dẫn vào chiếc am tranh của Bụt. Người ông cao lớn, mắt ông sáng quắc và ông bước những bước dài, mắt sáng quắc nhìn về phía trước. Thầy Ananda cho thầy Svastika biết đó là hiệp sĩ Rohitassa.

Khi vào dâng trà, thầy Svastika thấy hiệp sĩ Rohitassa và thầy Sariputta đang ngồi đối diện Bụt trên những chiếc gỗ kê thấp, còn thầy Ananda thì đứng hầu sau lưng Bụt. Dâng trà cho Bụt, cho khách và cho hai thầy xong, thầy Svastika cũng đến đứng sau lưng Bụt bên cạnh thầy Ananda. Mọi người lặng thinh một lúc thật lâu sau khi uống trà. Đột nhiên, hiệp sĩ Rohitassa mở lời:

- Bạch đức Thế Tôn, có một cõi nào mà không có sinh, không có già, không có bịnh, và không có chết? Có một cõi nào mà muôn loại không chịu luật sinh diệt? Ta có thể di chuyển bằng cách nào để ra khỏi thế giới của sinh diệt để đi tới thế giới không sinh diệt kia?

Bụt trả lời:

- Này, Rohitassa, không thể nào ra khỏi thế giới sinh diệt bằng cách di chuyển, dù ta có đi mau

cách mấy đi nữa, dù ta có đi mau hơn cả ánh sáng.

Nghe Bụt nói như thế, hiệp sĩ chắp hai tay lại:

- Lạy đức Thế Tôn, người dạy rất chí lý. Quả thật ta không thể đi ra khỏi biên giới của thế giới của sinh diệt bằng cách di chuyển, dù bằng tốc độ nào. Con nhớ trong một kiếp trước con đã từng có thần thông và con đã có thể bay trong hư không với tốc độ của một mũi tên, con chỉ vần một bước là đã có thể từ bờ biển miền Đông con sang tới bờ biển miền Tây. Con đã cố quyết vượt biên giới của thế giới sinh lão, bệnh, tử, để đi sang một thế giới khác, một thế giới trong đó ta không còn bị không chế bởi luật sinh diệt. Con đã đi suốt ngày như vậy, ngày này sang ngày khác, không dừng lại hoặc để ăn, hoặc để uống, hoặc để nghỉ ngơi, hoặc để ngủ, hoặc để đi đại tiện hay tiểu tiện ... Con đã đi trên một trăm năm với tốc độ ấy nhưng con đã không đi tới đâu cả và rốt cuộc con đã chết dọc đường ... Vi diệu thay, dùng sự thật thay là lời nói của đức Thế Tôn! Quả thật ta không thể nào vượt được biên giới của cõi sinh tử bằng cách di chuyển, dù là di chuyển với tốc độ của ánh sáng.

Bụt dạy:

- Tuy vậy, ta không nói rằng cõi sinh tử nầy không thể vượt được. Này Rohitassa, ông có thể vượt khỏi cõi sinh tử nầy. Ta sẽ chỉ cho ông con đường để vượt thoát thế giới sinh tử. Này Rohitassa, chính trong tấm thân dài bảy thước của ông mà thế giới sinh tử được sinh khởi và cũng trong chính tấm thân dài bảy thước ấy mà ông có thể tìm thấy được sự chấm dứt của thế giới sinh tử. Hãy quán chiếu thân thể ông. Hãy quán chiếu thế giới sinh diệt ngay trong tấm thân bảy thước của ông. Quán chiếu để thấy được thực tướng vô thường, vô ngã, bất sinh và bất diệt của vạn pháp trong vũ trụ. Rồi ông sẽ thấy thế giới sinh diệt tan biến và thế giới của bất diệt bất sinh hiển lộ. Ông sẽ được giải thoát khỏi mọi khổ đau và sợ hãi. Để vượt khỏi thế giới của khổ đau và sinh diệt, ông không cần đi đâu hết. Ông chỉ cần ngồi lại và nhìn sâu vào tự tánh của thân thể ông.

Thầy Svastika thấy hai mắt của đại đức Sariputta sáng quắc như hai vì sao. Hiệp sĩ cũng lộ vẻ vui sướng một cách rõ rệt. Svastika cảm động không cùng, ai dè pháp Bụt mầu nhiệm đến thế và cũng hùng tráng đến thế. Thật như là một bản đại hùng ca. Chìa khóa của sự thành công nằm ngay trong lòng bàn tay của mình, thầy Svastika cảm thấy rõ ràng điều đó.

Chương 70 - Bụt Từ Đâu Tới Và Sẽ Đi Về Đâu?

Một hôm nọ, khi trời đang cơn mưa tầm tã, có một vị du sĩ tới viếng. Vị du sĩ này tên là Uttiya. Đại đức Ananda tiến dẫn ông vào gặp Bụt. Thầy giới thiệu vị du sĩ, nhắc ghế mời ông ngồi, rồi đi lấy khăn để ông lau khô đầu tóc và mình mẩy.

Uttiya hỏi Bụt:

- Sa môn Gotama, thế giới là còn mãi hay là sẽ có khi bị hoại diệt?

Bụt mỉm cười, nói:

- Du sĩ Uttiya, tôi xin phép không trả lời câu hỏi đó.

Uttiya hỏi:

- Thế giới là có biên giới hay không có biên giới?

- Tôi cũng không trả lời câu hỏi đó.

- Vậy thì thân thể và linh hồn là một hay là hai?

- Câu hỏi này tôi cũng xin phép không trả lời.

- Sau khi chết, sa môn Gotama còn hay là mất?

- Câu hỏi nầy tôi cũng xin phép không trả lời.

- Hay ngài nghĩ rằng sau khi chết, ngài vừa còn mà cũng vừa mất?

- Du sĩ Uttiya, câu hỏi đó, tôi cũng không trả lời.

Uttiya ngạc nhiên. Ông nói:

- Câu nào tôi hỏi, sa môn Gotama cũng không trả lời. Tại sao thế? Vậy hỏi câu nào sa môn Gotama mới chịu trả lời?

Bụt nói:

- Tôi chỉ trả lời những câu hỏi về đạo pháp có liên hệ tới công phu tu tập nhằm gạn lọc thân tâm, vượt thắng lo âu và sầu khổ mà thôi.

- Đạo pháp của sa môn Gotama có thể cứu độ được bao nhiêu người trên thế giới?

Bụt lặng yên không nói.

Du sĩ Uttiya cũng ngồi yên lặng.

Sợ vị du sĩ nghĩ lầm rằng Bụt không thèm hoặc không đủ sức trả lời những câu hỏi của ông ta, và nghĩ như thế thì tội nghiệp cho ông ta quá, đại đức Ananda lên tiếng:

- Du sĩ Uttiya để tôi nói cho bạn nghe một ví dụ này, và bạn có thể hiểu ý của thầy tôi. Giả dụ có một ông vua kia cư trú trong một thành trì thật kiên cố, có hào sâu và hầm chông bao quanh, chỉ có một cửa ra vào mà thôi, và ở cửa ra vào ấy vua đã cử một người thật sáng suốt đứng canh gác. Người gác cửa nà chỉ cho vào thành người nào mà ông ta biết và nhận mặt được, ngoài ra ông ta chận lại tất cả một người lạ mặt. Ông ta cũng đã đi tuần tiễu chung quanh thành trì và biết rõ rằng không có một kẻ hở nào do đó ngoại nhân có thể đột nhập được vào thành, dù cho một cái lỗ nhỏ đủ để một con mèo con chui qua. Ông vua trấn ngự trong thành không lưu tâm tới số lượng những người được phép qua lại cổng thành. Ông vua ấy chỉ quan tâm đến việc làm thế nào cho kẻ gian không đột nhập được vào thành. Thầy tôi cũng vậy. Sa môn Gotama không quan tâm mấy tới số lượng những người theo đạo. Sa môn Gotama chỉ quan tâm tới những pháp môn có hiệu lực ngăn chặn và diệt trừ tham dục, bạo động, và mê vọng để thực hiện an lạc và giải thoát mà thôi. Nếu bạn hỏi thầy tôi những câu hỏi thật sự hữu ích cho việc điều phục thân tâm và tu tập thiền quán thì thầy tôi sẽ trả lời bạn, chứ sao không?

Du sĩ Uttiya lĩnh ý, nhưng vì ông ta quá chú trọng đến những vấn đề thuộc phạm vi lý luận siêu hình nên ông đã cáo từ Bụt và đại đức Ananda mà không cảm thấy thỏa mãn cho lắm.

Sau đó mấy hôm lại có một vị du sĩ khác tên là Vacchagota tới viếng Bụt. Ông ta cũng hỏi Bụt những câu có tính cách tương tợ như những câu hỏi của du sĩ Uttiya. Ví dụ ông hỏi:

- Sa môn Gotama, xin ngài cho biết là có ngã hay không?

Bụt lặng thinh không đáp. Sau vài câu hỏi không được giải đáp, Vacchagota đứng dậy và bỏ đi.

Sau khi Vacchagota đã đi khuất, đại đức Ananda hỏi Bụt:

- Thế Tôn, trong các buổi pháp thoại, Thế Tôn đã từng có giảng dạy về đạo lý vô ngã. Tại sao hôm nay Thế Tôn không trả lời những câu hỏi về ngã của du sĩ Vacchagota?

Bụt nói:

- Ananda, đạo lý vô ngã mà tôi giảng dạy cho các vị khất sĩ là một pháp môn hướng dẫn thiền quán, mà không phải là một chủ thuyết. Hiểu nó như một chủ thuyết, các vị có thể bị kẹt vào nó. Tôi đã chẳng có lần bảo các thầy là giáo pháp phải được xem như chiếc bè chở ta qua sông, như ngón tay chỉ mặt trăng, và ta không nên bị kẹt vào giáo pháp hay sao? Du sĩ Vacchagota chỉ muốn tôi đưa ra một chủ thuyết thì tôi đưa ra sao được. Tôi không muốn cho Vacchagota kẹt vào một chủ thuyết, dù là chủ thuyết hữu ngã hay là chủ thuyết vô ngã. Nếu mình nói với ông ta là có ngã, thì là mình ngược lại giáo pháp của mình. Nếu mình nói với ông ta là không có ngã, để ông ta níu vào đấy như một chủ thuyết rồi để ông ra bị kẹt vào đấy thì có ích gì cho ông ta? Vậy nên im lặng là câu trả lời hay nhất trong trường hợp này, thà rằng họ cho là mình "không biết" còn hơn là họ bị kẹt vào kiến chấp.

Một hôm đại đức Anuruddha trên đường đi khất thực bị một nhóm du sĩ chận lại cật vấn. Họ bắt thầy phải trả lời cho được câu hỏi của họ. Họ nói trả lời được thì họ mới cho đi. Họ hỏi:

- Chúng tôi nghe đồn sa môn Gotama là bậc giác ngộ vẹn toàn, và giáo pháp của người rất cao siêu mầu nhiệm. Thầy là môn đệ của sa môn Gotama, vậy xin thầy cho biết: sau khi chết sa môn Gotama có còn hiện hữu hay không?

Rồi các vị du sĩ buộc đại đức Anaruddha chọn một trong những điều sau đây:

1. Sau khi chết, sa môn Gotama còn.

2. Sau khi chết, sa môn Gotama mất.

3. Sau khi chết, sa môn Gotama vừa còn vừa mất.

4. Sau khi chết, sa môn Gotama vừa không còn vừa không mất.

Khất sĩ Anuruddha biết rằng trong bốn câu trả lời đó không có câu trả lời nào phù hợp với giáo pháp của Bụt. Thầy im lặng, nhưng các vị du sĩ không bằng lòng sự im lặng đó. Họ buộc thầy phải nói một cái gì đó. Cuối cùng, đại đức nói:

- Nầy các bạn, theo tri kiến của tôi thì bốn mệnh đề đó, không mệnh đề nào diễn tả được sự thật về sa môn Gotama.

Các thầy du sĩ cười và bảo nhau:

- Xem bộ vị khất sĩ này là người mới tu cho nên ông ta mới không trả lời được câu hỏi của mình và tìm mọi cách để thối thác. Thôi chúng ta nên để cho ông ta đi đi cho rồi.

Nói xong, họ bỏ đi.

Sau đó mấy hôm, gặp giờ pháp thoại, đại đức Anuruddha đem việc xảy ra trình lên Bụt, rồi thầy nói:

- Thế Tôn, xin Thế Tôn soi sáng cho chúng con, để chúng con được học hỏi thêm và để cho chúng con có khả năng trả lời mỗi khi được hỏi những câu hỏi tương tợ.

Bụt hỏi Anuruddha:

- Này Anuruddha, đi tìm bắt sa môn Gotama bằng khái niệm rất khó. Sa môn Gotama ở đâu? Anaruddha! Có thể tìm sa môn Gotama nơi hình sắc không?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Có thể tìm sa môn Gotama nơi cảm giác không?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Có thể tìm sa môn nơi tri giác, tâm tư và nhận thức không?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Vậy thì Anuruddha, có thể tìm sa môn Gotama ngoài hình sắc không?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Có thể tìm sa môn Gotama ngoài cảm giác không?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Có thể tìm sa môn Gotama ngoài tri giác, tâm tư và nhận thức không?

- Bạch Thế Tôn, không.

Bụt nhìn Anuruddha:

- Vậy thì tìm sa môn Gotama ở đâu? Anuruddha, ngay trong giờ phút hiện tại đứng trước sa môn Gotama mà còn không nắm bắt được sa môn Gotama huống hồ là sau khi sa môn Gotama diệt độ! Anuruddha, tự thân của sa môn Gotama, cũng như tự thân của bất cứ một pháp nào trong vạn pháp, không thể nào nắm bắt được bằng khái niệm, bằng những phạm trù của nhận thức phân biệt. Phải thấy được các pháp trong liên hệ duyên khởi của nó. Phải thấy được sa môn Gotama nơi những pháp mà ta thường cho là không phải sa môn Gotama, như thế mới thấy được chân tướng của sa môn Gotama.

Anuruddha! Muốn thấy được tự tánh của một đóa hoa sen, ta phải thấy được đóa sen nơi những pháp mà ta không gọi là đóa sen, như ánh sáng mặt trời, nước hồ, đám mây, bùn đất, hơi nóng ... Chỉ có cái thấy đó mới đưa ta vượt thoát được cái lưới biển kế sở chấp, tức là cái lưới phân biệt khái niệm, tức là những phạm trù sinh, diệt, này, kia, có, không, dơ, sạch, thêm, bớt ... Muốn thấy được sa môn Gotama cũng thế. Bốn phạm trù: có, không, vừa có vừa không, không có cũng không không, chỉ là bốn cái lưới nhện trong số bao nhiêu chiếc lưới nhện khác, không có đủ sức nắm bắt được con chim đại bàng của thực tại mầu nhiệm.

Anuruddha! Thực tại tự thân không thể dùng khái niệm phân biệt mà nắm bắt, không thể dùng ngôn ngữ văn từ mà diễn bày. Chỉ có trí tuệ thực chứng do thiền quán đem lại mới giúp ta nhận được tự thân thực tại. Anuruddha, một người chưa bao giờ có dịp nếm hương vị của một trái xoài thì không thể nào biết được hương vị ấy dù người khác có dùng bao nhiêu ngữ ngôn, văn từ và khái niệm phân biệt để diễn tả hương vị trái xoài cho người kia nghe. Chỉ có kinh nghiệm chứng đắc trực tiếp mới đưa ta thể nhập được thực tại. Do đó tôi đã từng nhiều lần nói với các vị là đừng nên đi lạc vào thế giới của hý luận để đánh mất thời gian quý báu của sự tu tập quán chiếu.

Anuruddha! Vạn pháp là vạn pháp trong cái tự thân như thật của nó, cho nên ta gọi tự thân của các pháp là chân như (tathatha). Chân như là tự thân mầu nhiệm của vạn pháp. Đóa sen từ chân như mà tới, Anuruddha cũng từ chân như mà tới,, sa môn Gotama cũng từ chân như mà tới. Từ chân như mà tới thì gọi là như lai (tathagatha). Từ chân như tới, vạn pháp đi về đâu? Vạn pháp đi về chân như. Đi về chân như thì gọi là như khứ (tathagatha). Thật ra vạn pháp không từ đâu tới cả, cũng không đi về đâu cả, vì tự thân của vạn pháp đã là chân như rồi. Anuruddha! Nghĩa đích thực của như lai là không từ đâu tới mà cũng không đi về đâu cả (tùng vô sở lai, diệc vô sở khứ). Anuruddha, từ hôm nay trở đi tôi sẽ tự gọi là như lai (tathagatha). Như lai ưa từ này, bởi vì từ này tránh được ý niệm phân biệt có thể thấy được trong các đại danh từ tôi và ta.

Đại đức Anuruddha mỉm cười:

- Bạch như lai, từ nay xin người cứ tự xưng là Như lai đối với chúng con. Chúng con biết rằng chúng con cũng từ chân như tới, nhưng chúng con không tự xưng chúng con là Như lai, chúng con chỉ để Như lai sử dụng đại danh từ này.

Thế Tôn, mỗi lần Thế Tôn tự gọi mình là Như lai, chúng con lại có dịp được nhắc để quán chiếu và nhớ rằng chúng con cũng thuộc về cùng một bản thể chân như, bất sinh và bất diệt.

Bụt mỉm cười:

- Như lai rất vui lòng vì đề nghị ấy của thầy Anuruddha.

Đại đức Ananda có mặt trong buổi tham vấn kỳ diệu hôm ấy.

Sau khi cuộc tham vấn chấm dứt, thầy đi theo đại đức Anuruddha. Thầy đề nghị là ngày hôm sau, hai người sẽ lên trùng tuyên cho đại chúng nghe nội dung của cuộc tham vấn từ đầu tới cuối, và đại đức Anuruddha sẽ bắt đầu buổi trùng tuyên bằng cách thuật lại cuộc đối thoại giữa thầy và các du sĩ ngoại đạo trên đường phố Savatthi. Thầy Anuruddha rất hoan hỷ về đề nghị nầy.

Chương 71 - Nghệ Thuật Lên Dây Đàn

Mùa an cư hoàn mãn, Bụt lên đường về miền Nam. Người ghé thăm vườn Nai Migaradava ở Isipatana, phía Bắc thành phố Baranasi, nơi người đã nói pháp thoại Tứ Diệu Đế, pháp thoại đầu tiên của người.

Quang cảnh ở đây đã đổi khác. Một cái tháp lớn đã được dân chúng địa phương dựng lên để kỷ niệm lần đầu tiên bánh xe chánh pháp được chuyển xoay.

Mới đó mà ba mươi sáu năm đã đi qua, bánh xe chánh pháp đã được chuyển xoay liên tục trong mười sáu năm và chánh pháp đã được lan truyền đến mọi nơi, trên khắp lưu vực sông Hằng.

Tại vườn Nai, một giảng đường đã được tạo lập và các vị khất sĩ cư trú tu học rất là đông đảo. Sau khi thăm hỏi, thuyết pháp và khích lệ đại chúng, Bụt lên đường đi Gaya. Người ghé Uruvela thăm cây bồ đề năm xưa. Cây bồ đè càng ngày càng xanh tốt. Nhiều tịnh thất đã được dựng lên trong vùng. Vua Bimbisara đang chuẩn bị cho xây một ngôi tháp kỷ niệm nơi Bụt thành đạo. Bụt ghé vào thôn xóm để chơi với bọn trẻ con. Những đứa trẻ năm nay không khác gì những đứa trẻ năm xưa. Chú bé chăn trâu Svastika năm xưa nay đã bốn mươi bảy tuổi rồi và đã trở nên một vị lớn tuổi trong giới khất sĩ. Bọn trẻ đi hái những trái đu đủ chín đỏ để cúng dường Bụt, đứa nào cũng biết đọc bài tam quy.

Từ Gaya, Bụt đi dần lên phía Đông Bắc để về Rajagaha. Về tới thủ đô, Bụt đi thẳng lên núi Linh Thứu.

Tại đây, Bụt gặp đại đức Punna. Thấy Bụt, đại đức rất mừng. Thầy kể cho Bụt nghe về công trình hoằng pháp của thầy tại đảo Sunaparanta. Thầy vừa mới kết thúc một mùa an cư tại đó với một số các vị khất sĩ bạn. Số người quy y Bụt, Pháp và Tăng ở đảo đã lên tới con số năm trăm.

Những ngày kế tiếp, Bụt đi thăm các trung tâm tu học rải rác trong vùng.

Một đêm kia, tĩnh tọa trong tịnh thất tại trung tâm vườn Mát. Bụt thoáng nghe được giọng tụng kinh hơi bất thường của một vị khất sĩ. Giọng tụng kinh này có vẻ mệt mỏi và buồn chán. Bụt biết vị khất sĩ này đang gặp khó khăn.

Sáng hôm sau, nhờ hỏi đại đức Ananda, Bụt biết vị khất sĩ tụng kinh hồi hôm là Sona. Bụt đã từng biết Sona nhiều năm về trước tại Savatthi.

Đại đức Kulikanna đã được xuất gia dưới sự hướng dẫn của đại đức Maha Kaccana, và tu học với đại đức này mấy năm trên núi Pavatta ở xứ Kururaghara. Sona là một thanh niên con nhà giàu, nho nhã thông minh, nhưng thể chất không được cứng cáp cho lắm. Thầy phải cố gắng hết sức mới sống được đời sống xuất gia không nhà không cửa, ăn một một ngày một bữa và ngủ dưới gốc cây, nhưng đạo tâm của Sona rất lớn. Năm sau, thầy Sona mới được đại đức bổn sư phái về Savatthi thăm Bụt.

Được gặp Bụt lần đầu, thầy Sona rất sung sướng, Bụt hỏi thăm thầy:

- Sona, thầy có mạnh giỏi không? Tu học, khất thực và hành hóa có khó khăn lắm không?

- Bạch Thế Tôn, con hạnh phúc lắm. Công việc tu học, khất thực và hành hóa của con không có gì khó khăn.

Bụt bảo thầy Ananda:

- Thầy dọn cho khất sĩ Sona một chỗ nghỉ ngơi trong tịnh thất.

Đại đức Ananda kê thêm một cái giường trong tịnh xá Bụt. Đêm ấy, Bụt ngồi thiền ngoài trời cho tới ba giờ sáng. Sona thấy thế cũng không ngủ. Khi Bụt bước vào, người hỏi:

- Thầy chưa ngủ sao?

- Bạch Thế Tôn, con chưa ngủ.

- Thầy chưa buồn ngủ sao? Vậy thì thầy có thuộc được kinh kệ gì, đọc lên cho vui đi.

Đại đức Sona vâng lời đọc lên mười sáu câu kệ thuộc phép quán niệm hơi thở. Giọng thầy trong như chuông, không vấp váp, không có một lỗi văn phạm. Bụt khen:

- Thầy đọc hay lắm, thầy tu đã được mấy năm rồi?

-Bạch Thế Tôn, con mới đi tu được có hơn một năm thôi. Con chỉ mới có một tuổi an cư.

Đó là lần đầu Bụt gặp thầy Sona. Đêm qua nghe tiếng tụng kinh của thầy. Bụt biết là Sona đã cố gắng quá sức mình trong nỗ lực tu học. Người bảo Ananda cùng đi với người tới tịnh thất của thầy Sona. Thấy Bụt, Sona đứng dậy chào mừng. Bụt bảo Ananda và Sona ngồi xuống cạnh Bụt, rồi người hỏi Sona:

- Ngày trước, hồi chưa xuất gia, thầy là nhạc sĩ chuyên về đàn mười sáu dây, phải không?

- Bạch Thế Tôn, phải.

- Khi đánh đàn, nếu dây đàn chùng thì sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu dây đàn chùng thì tiếng đàn chưa đúng mức.

- Còn nếu dây quá căng.

-Bạch Thế Tôn, nếu dây đàn quá căng thì tiếng đàn biến thể và dây đàn có thể đứt.

- Còn nếu dây đàn được lên vừa phải?

- Bạch Thế Tôn, nếu dây đàn được lên vừa phải thì bản nhạc sẽ hay.

- Đúng như vậy đó, Sona! Giải đãi và lười biếng thì đạo nghiệp không thành, mà cố gắng quá sức mình thì sẽ đưa tới sự mệt mỏi và thối chí. Sona! Thầy phải biết lượng sức mình, đừng ép uổng thân và tâm quá mức, như vậy thầy mới mong thành tựu được đạo nghiệp.

Đại đức Sona đứng dậy lạy xuống để cảm tạ Bụt.

Một buổi chiều, y sĩ Jivaka, lên núi Linh Thứu thăm Bụt. Tới chân núi, ông gặp Bụt, Bụt mới ở tu viện Trúc Lâm về. Ông chào Bụt và xin phép được đi theo người lên núi.

Jivaka nhìn Bụt leo các bậc thang đá lên núi mà trong bụng khen thầm. Năm nay Bụt đã bảy mươi hai tuổi rồi mà người còn cứng cáp và mạnh khỏe quá, Bụt leo núi một cách thong thả và ung dung, một tay cầm bát, một tay cầm chéo áo. Đại đức Ananda đi cạnh Bụt không thể cầm bát thay cho Bụt được, bởi vì một tay thầy cũng cầm bát và một tay thầy cũng cầm chéo áo. Jivaka tiến lên và xin mang bình bát hầu Bụt. Bụt trao bình bát cho ông và mỉm cười:

- Như lai đã leo núi này có cả mấy ngàn lần, lần nào cũng tự cầm lấy bát, thì đã có sao đâu.

Bậc đá được xây lên tận thềm tịnh xá của Bụt ở trên đỉnh đồi. Chính vua Bimbisara đã ra lệnh xây mấy trăm bậc đá này để cúng dường. Lên tới sân tịnh xá, y sĩ được Bụt mời ngồi trên một tảng đá. Ông cám ơn Bụt rồi hỏi thăm Bụt về tình hình sức khỏe và công việc hoằng hóa của người ở các nước. Ông nhìn đại đức Ananda rồi nhìn Bụt. Ông nói:

- Bạch Thế Tôn, con xin phép nói sơ lược về tình trạng giáo đoàn ở đây. Con thấy tình trạng giáo đoàn có liên hệ tới tình trạng chính trị. Con nghĩ Thế Tôn cần phải được thông báo về tình hình này.

Rồi y sĩ cho Bụt biết rằng đại đức Devadatta có vây cánh khá mạnh mẽ và đông đảo trong giới các vị khất sĩ cũng như trong giới chính trị. Cánh tay trái của đại đức là đại đức Kokalika, một người được xem như là mưu sĩ của đại đức Devadatta. Ngoài ra còn có các đại đức Kotamoraka Tissa, Khandadeviputta và đại đức Samuddadatta; vị nào cũng có đông đảo đệ tử.

Đại đức Devadatta rất thông minh mà cũng rất hùng biện cho nên được rất đông người nghe theo, trong giới khất sĩ cũng như trong giới cư sĩ. Đại đức không chính thức nói ra là đại đức chống đối Bụt và các vị đại đệ tử phụ tá người, nhưng đại đức đã nhiều lần đưa ra ý kiến là Bụt đã lớn tuổi, không đủ sức để lãnh đạo giáo đoàn, và cách thức của Bụt đã hơi xưa không thích hợp với giới trẻ và với thời đại mới. Đứng về phương diện xã hội, đại đức rất được nhiều giới giàu có ủng hộ. Người ủng hộ đại đức tận tình nhất là là hoàng thái tử Ajatasattu. Không biết đại đức khéo léo thế nào mà thái tử Ajatasattu đã ủng hộ đại đức một cách tận tình.

Hoàng thượng Bimbisara tin kính Bụt như thế nào thì Ajatasattu tin kính đại đức Devadatta như thế ấy. Thái tử đã xây cất cho đại đức một trung tâm tu học lớn trên núi Gayasisa, nơi ngày xưa Bụt đã nói Kinh Lửa cho ba anh em đại đức Uruvela Kassapa và cả gần một ngàn vị môn đệ của họ. Thái tử cho chở tới trung tâm các thức cúng dường, chở bằng xe ngựa, ba bốn hôm một lần. Giới thương gia và chính trị gia muốn được lòng thái tử cũng bắt chước đi lại Gayasisa để cúng dường và nghe pháp. Với sự ủng hộ đó, uy tín của đại đức càng lúc càng lên. Số các vị khất sĩ theo hùa về đại đức đã có đến ba hoặc bốn trăm vị.

Nói tới đây, y sĩ lại nhìn Bụt và xuống giọng:

- Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng những gì xảy ra đó không đủ để làm Thế Tôn e ngại, nhưng điều này con xin Thế Tôn lưu ý cho con, con nghe phong phanh là Ajatasattu muốn sớm làm vua để thi hành được những gì mà thái tử muốn, Ajatasattu nóng ruột thấy vua cha ngồi ở trên ngôi lâu quá; cũng như đại đức Devadatta nóng ruột thấy Bụt chưa giao quyền lãnh đạo giáo đoàn cho đại đức. Con nghĩ rằng chính đại đức Devadatta đã gieo những ý tưởng nguy hiểm vào đầu thái tử Ajatasattu, Thế Tôn, vì phải lui tới kinh đô để chữa trị cho hoàng thượng và hoàng gia, con đã cảm thấy các nguy cơ này. Nếu vạn nhất có chuyện gì xảy ra, Bụt và giáo đoàn thế nào cũng bị liên lụy. Xin Thế Tôn lưu ý.

Bụt nói:

- Jivaka, cảm ơn ông đã cho Như lai biết tình hình. Biết được những gì đang xảy ra, đó là điều quan trọng, nhưng ông đừng quá lo lắng, Như lai sẽ sắp đặt để giáo đoàn đừng bị vương vấn vào những chuyện không may.

Y sĩ Jivaka lạy Bụt, cáo từ và xuống núi.

Bụt dặn thầy Ananda đừng tiết lộ những gì y sĩ nói cho ai biết.

Mười hôm sau, trong một buổi pháp thoại lớn tổ chức hàng tháng tại tu viện Trúc Lâm, Bụt giảng về ngũ lực, tức năm loại năng lực cần thiết để nuôi dưỡng hoa trái giác ngộ, Ngũ lực là niềm tin (tín), sự chuyên cần (tấn), chánh niệm (niệm), sự chuyên tinh (định), và sự hiểu biết (tuệ).

Buổi pháp thoại rất đông đảo, có trên ba ngàn người tham dự, trong đó có cả quốc vương Bimbisara. Pháp thoại vừa chấm dứt, mọi người chưa có cơ hội để hỏi Bụt những điểm họ chưa thấu triệt thì đại đức Devadatta đã đứng dậy. Đại đức bước lên, chắp tay cung kính làm lễ Bụt, rồi bạch:

- Thế Tôn, năm nay tuổi Thế Tôn đã cao, sức khỏe Thế Tôn đã kém, Thế Tôn cần được nghỉ ngơi an tĩnh để bớt đi những khó nhọc trong những năm chót còn lại trên đời. Công việc lãnh đạo giáo đoàn đã trở nên quá nặng nhọc đối với Thế Tôn. Xin Thế Tôn rút về tịnh xá an nghỉ. Con sẽ xin thay mặt người mà lãnh đạo giáo đoàn khất sĩ.

Bụt nhìn Devađatta, người trả lời:

-Devadatta, cảm ơn thầy đã lo lắng cho Như lai, nhưng Như lai vẫn còn đủ sức để lãnh đạo giáo đoàn khất sĩ.

Đại đức quay lại nhìn đại chúng. Có khoảng ba trăm vị khất sĩ đứng dậy và chắp tay. Đại đức nói:

- Ở đây có nhiều vị cũng nhận thấy như con. Xin Thế Tôn đừng e ngại, con đủ sức lãnh đạo giáo đoàn để đỡ mệt cho người.

Bụt nói:

- Thôi, Devadatta, đừng nên nói nữa. Trong số các đệ tử lớn của ta có những vị xuất sắc và xứng đáng hơn thầy nhiều mà ta cũng chưa giao cho họ trách nhiệm lãnh đạo giáo đoàn khất sĩ, huống hồ là giao cho thầy. Thầy chưa có đủ tư cách lãnh đạo giáo đoàn khất sĩ đâu.

Bị Bụt chê giữa đám đông người, trong đó có cả vua Bimbisara, đại đức Devadatta lấy làm xấu hổ, mặt thầy đỏ lên vì giận. Thầy đi xuống, không nói thêm một lời nào nữa.

Ngày hôm sau, tại tịnh thất trên núi Linh Thứu, đại đức Ananda tâm tình với Bụt:

- Thế Tôn, con rất đau khổ vì anh ruột của con là đại đức Devadatta, Thế Tôn đã chê anh ấy trước đám đông, anh ấy sẽ tìm mọi cách để trả thù, con nghĩ là sẽ có chia rẻ trầm trọng trong giáo đoàn, nếu Thế Tôn thấy con cần đi nói chuyện riêng với anh ấy để khuyên nhủ thì con xin đi.

- Ananda, sở dĩ Như lai phải nói nặng với Devadatta ngay giữa đám đông và trước mặt quốc vương là vì Như lai có ý muốn cho mọi người thấy rằng Devadatta không phải là người chủ chốt

trong giáo đoàn, và những hành vi của Devadatta sau nầy chỉ có một mình Devadatta chịu trách nhiệm, chúng ta không phải gánh chịu trách nhiệm ấy. Ananda, nếu thầy thấy nói chuyện với Devadatta có thể làm cho Devadatta hồi tâm thì thầy cũng nên đi gặp Devadatta.

Mấy hôm sau đó, y sĩ Jivaka lại lên thăm Bụt. Ông trình với Bụt rằng ông biết Devadatta đang chuẩn bị một kế hoạch nào đó để tách rời khỏi giáo đoàn, nhưng ông không biết rõ được kế hoạch đó là kế hoạch gì.

Chương 72 - Chống Đối Im Lặng

Thấm thoát mà đã đến ngày Bụt nói pháp thoại tại Trúc Lâm. Kỳ nào quần chúng cũng đi thật đông, có mặt tại buổi pháp thoại cũng có quốc vương Bimbisara, và có cả hoàng thái tử Ajatasattu nữa. Đại đức Ananda để ý thì thấy các vị khất sĩ các nơi về đông lắm, đông gấp hai kỳ trước. Đại đức Devadatta cũng có mặt ở hàng đầu các vị khất sĩ. Đại đức ngồi giữa hai vị Sariputta và Mahakassapa.

Cũng như lần trước, sau khi Bụt thuyết pháp xong, đại đức Devadatta đứng dậy, tiến lên, chắp tay lễ Bụt và nói:

- Thế Tôn, người đã dạy các vị khất sĩ nên sống theo các nguyên tắc thiểu dục và tri túc, bỏ dần các ham muốn và sống thật đơn giản với những điều kiện vật chất tối thiểu. Con xin đề nghị một quy chế năm điểm để thực hiện các nguyên tắc thiểu dục và tri túc đó:

- Điểm thứ nhất, các vị khất sĩ chỉ ở suốt đời trong rừng hoặc trong vườn cây mà không được về ngủ ở ngoài thành phố hay trong thôn xóm.

- Điểm thứ hai, các vị khất sĩ chỉ đi khất thực suốt đời mà không được đáp lời mời của giới cư sĩ tới thọ trai ở nhà họ.

- Điểm thứ ba, các vị khất sĩ chỉ có quyền lượm giẻ rách và những mảnh vải vụn để may lại thành y chứ không được nhận y do giới cư sĩ cúng dường.

- Điểm thứ tư, các vị khất sĩ chỉ được ngủ dưới gốc cây mà không được ngủ trong phòng ốc.

- Điểm thứ năm, các vị khất sĩ chỉ được phép ăn chay, không được động tới thịt cá.

Thế Tôn, nếu giáo đoàn khất sĩ theo đúng năm điểm này thì chắc chắn các nguyên tắc thiểu dục và tri túc mới được thực hiện nghiêm chỉnh.

Bụt nói:

- Devadatta, Như lai không chấp nhận sự bắt buộc phải làm theo năm điểm ấy. Vị khất sĩ nào muốn chỉ cư trú trong chốn viên lâm thì được phép chỉ cư trú trong chốn viên lâm, nhưng những vị khác có thể ở tu viện, tịnh xá, và tạm trú tại thành phố hay thôn lạc khi cần thiết.

Vị khất sĩ nào muốn chỉ khất thực mà không muốn đến nhà đàn việt thọ trai thì được phép chỉ đi khất thực, nhưng những vị khác có thể đáp lời mời của giới cư sĩ tới nhà thọ trai và thuyết pháp.

Vị khất sĩ nào chỉ muốn lượm giẻ và vải vụn để may thành y thì được phép chỉ lượm giẻ và vải vụn để may thành y, nhưng những vị khác có thể thọ nhận của giới đàn việt cúng dường, với điều kiện là không có quá ba y.

Vị khất sĩ nào chỉ muốn ngủ dưới gốc cây thì được phép chỉ ngủ dưới gốc cây, nhưng những vị khác có thể ngủ trong tăng xá, tịnh xá, và ngủ tạm tại nhà cửa ở thành phố hay thôn lạc khi cần thiết.

Vị nào muốn chỉ ăn chay, thì được phép chỉ ăn chay, nhưng những vị khác có thể tạm thọ nhận thức cúng dường mà đàn việt đã làm sẵn, trong đó có ngũ tịnh nhục, nghĩa là những vị đàn việt này đã không vì các vị khất sĩ mà sát sinh. Devadatta theo pháp chế hiện thời, các vị khất sĩ có đủ cơ hội để tiếp xúc và hướng dẫn người cư sĩ, nhất là những người mới có duyên tiếp xúc lần đầu với đạo giác ngộ.

Đại đức Devadatta thưa:

- Như vậy là Thế Tôn không chấp nhận pháp chế năm điểm.

- Không, Devadatta, Như lai không chấp nhận pháp chế của thầy đề nghị.

Devadatta cúi chào Bụt và trở về chỗ ngồi, miệng mỉm cười, không có vẻ gì thất vọng.

Tối hôm ấy, Bụt nghỉ lại tịnh xá ở tu viện Trúc lâm. Người nói với đại đức Ananda:

- Ananda, Như lai biết tâm trạng của Devadatta, Như lai nghĩ là sẽ có chia rẽ trầm trọng trong giáo đoàn khất sĩ.

Một hôm đi khất thực trong thành phố Rajagaha, đại đức Ananda gặp đại đức Devadatta. Hai người dừng lại bên đường để nói chuyện. Đại đức Devadatta cho đại đức Ananda biết là từ nay trở đi, đại đức sẽ tổ chức những lễ tụng giới, bố tát, tự tứ và an cư riêng trong giới các vị đệ tử và thân hữu khất sĩ của đại đức, không còn làm chung với giáo đoàn khất sĩ do Bụt lãnh đạo như trước. Buồn bã, đại đức Ananda về bạch lại với Bụt.

Lễ bố tát thường được thực hiện tại tu viện Trúc lâm. Đại đức Ananda nhận thấy kỳ bố tát này có hàng trăm vị khất sĩ vắng mặt. Số lượng các vị này ít nhất là ba trăm. Chắc hẳn là họ đi dự lễ bố tát trên tu viện Tượng Đầu do đại đức Devadatta tổ chức.

Lễ bố tát và tụng giới cử hành xong, một số các vị khất sĩ tìm tới tịnh xá gặp Bụt. Họ nói:

- Thế Tôn, những người bên phía đại đức Devadatta đã đến với chúng con. Họ nói rằng chúng con nên theo về giáo đoàn do sư huynh Devadatta lãnh đạo, bởi vì bên ấy pháp chế nghiêm chỉnh hơn pháp chế của Thế Tôn nhiều. Họ đưa ra pháp chế năm điểm, pháp chế mà Thế Tôn không chấp nhận trong kỳ pháp thoại vừa rồi. Họ nói: "tu hành như bên Trúc Lâm thì sướng quá, có khác gì người không tu đâu. Bụt dạy pháp thiểu dục và tri túc nhưng không chấp nhận pháp chế năm điểm để thực hành cho đúng mức những phép ấy, như vậy là mâu thuẫn." Thế Tôn, chúng con đã không nghe lời sư huynh Devadatta. Chúng có đức tin nơi Bụt, nơi trí tuệ và sự xét đoán của người, nhưng có rất nhiều vị khất sĩ trẻ, chưa có kinh nghiệm, nhất là những vị xuất thân từ Vajji do đại đức Devadatta thế độ, những vị này thấy pháp chế năm điểm khổ hạnh rất là hấp dẫn và đã đi theo về bên ấy. Chúng con xin tin để Thế Tôn biết.

Bụt dạy:

- Xin các thầy đừng lo lắng quá về vụ này. Điều quan trọng nhất là tự mình, mình phải tu học và sống đời phạm hạnh cho xứng đáng.

Mấy hôm sau, y sĩ Jivaka lên thăm Bụt ở trên núi Linh Thứu, y sĩ cho Bụt biết là trên năm trăm vị khất sĩ đã theo về phía đại đức Devadatta. Devadatta đã đưa tất cả về trung tâm Tượng Đầu ở Gayasisa, và lập đại bản doanh của giáo đoàn độc lập ở đấy. Y sĩ cũng cho Bụt biết là một cuộc

vận động khác cũng đang âm thầm diễn biến trong lãnh vực chánh trị, trong đó đại đức Devadatta có dính líu quan trọng, và ông đề nghị với Bụt nên chính thức tuyên bố khai trừ đại đức Devadatta ra khỏi giáo đoàn khất sĩ.

Tin đại đức Devadatta lập giáo đoàn riêng làm chấn động hết mọi giới. Đi đâu các vị khất sĩ cũng bị quần chúng chất vấn. Tất cả các thầy đều được đại đức Sariputta dặn là chỉ nên trả lời như sau: "Những ai gây nhân xấu sẽ gặt quả xấu, chia rẽ giáo đoàn là một trọng tội đối với đạo pháp".

Một hôm, nói chuyện với các vị khất sĩ, Bụt nhắc lại lời của y sĩ Jivaka là phải lên tiếng về vụ đại đức Devadatta, phải tuyên bố rằng mình không chịu trách nhiệm gì về hành động của Devadatta, và Devadatta không còn giữ một chức vụ gì trong giáo đoàn của Bụt. Đại đức Sariputta ngẫm nghĩ hồi lâu rồi bạch với Bụt:

- Thế Tôn, ngày xưa chúng con đã từng tán thán tài đức của sư huynh Devadatta trước mặt mọi người, bây giờ nếu chính chúng con lại đi tố giác sư huynh của chúng con thì chướng lắm, ngó sao được?

Bụt nói:

- Sariputta, ngày xưa tán thán tài đức của Devadatta trước đám đông, thầy có nói sự thật không?

- Bạch Thế Tôn, ngày xưa tán thán tài đức của Devadatta, con đã nói sự thật.

- Vậy bây giờ nếu tố giác Devadatta thầy có nói sự thật không?

Bạch Thế Tôn, nếu bây giờ đi tố giác sư huynh Devadatta, con cũng sẽ nói sự thật.

Bụt dạy:

- Vậy thì có gì là chướng ngại đâu? Vấn đề là nói ra sự thật mà thôi.

Những ngày sau đó, trong dịp tiếp xúc với quần chúng, các vị khất sĩ báo tin cho thiên hạ biết là đại đức Devadatta đã bị khai trừ ra khỏi giáo hội. Các vị khất sĩ cũng nói thêm- từ nay Bụt và giáo đoàn không còn chịu trách nhiêm gì về hành động của đại đức Devadatta nữa.

Trong khi đó hai đại đức Sariputta và Moggallana vẫn luôn luôn giữ im lặng. Họ không mở miệng để nói bất cứ một lời nào, dù được quần chúng hỏi. Thấy thái độ ấy, đại đức Ananda hỏi:

- Các sư huynh không nói gì hết, có lẽ các sư huynh đã có chủ ý?

- Sư huynh Ananda, đúng như vậy. Chúng tôi có chủ ý, chúng tôi sẽ phụng sự Bụt và giáo đoàn bằng những phương tiện khác.

Trong giới quần chúng, có những người xì xào bàn tán cho rằng các vị khất sĩ tố cáo giáo đoàn độc lập vì thù ghét và ganh tị, nhưng cũng có những người nghĩ rằng có những lý do sâu kín bên trong mà họ chưa thấy được, những người này vẫn có đức tin vững chải nơi Bụt và giáo đoàn.

Một buổi sáng trong lúc trời còn mưa gió nặng nề, dân chúng ở thủ đô được tin là hoàng thượng Bimbisara thoái vị và nhường ngôi cho con là hoàng thái tử Ajatasattu. Lễ đăng quang của thái tử sẽ được tổ chức trong vòng mười hôm vào ngày trăng tròn sắp tới. Tin này Bụt không được nghe trực tiếp từ quốc vương Bimbisara mà đã nghe qua các vị khất sĩ.

Từ trước đến nay, chưa bao giờ vua Bimbisara lấy một quyết định quan trọng như thế mà không trực tiếp báo tin cho Bụt.

Mấy hôm sau, Jivaka lên hầu Bụt, và xin phép được nói chuyện riêng với người. Bụt mời ông đi thiền hành với Bụt trên sườn núi. Hai thầy trò im lặng đi và thở. Đến cuối thiền lộ, Bụt chỉ một phiến đá mời Jivaka ngồi, người cũng ngồi xuống một phiến đá khác.

Jivaka cho Bụt biết là hoàng thái tử Ajatasattu đã ra lệnh nhốt vua Bimbisara trong cung cấm và không cho ai ra vào thăm hỏi, trừ hoàng hậu Videhi. Hoàng thái tử cũng bắt giam hai vị đại thần thân tín nhất của vua, vì sợ những người này âm mưu cản trở việc lên ngôi của hoàng thái tử. Ban đầu thì thái tử cấm không cho hai người này vào thăm vua, nhưng sau đó vì chưa yên tâm nên thái tử bắt giữ luôn họ, Gia đình các vị này được thông báo là các vị cần lưu lại ăn ngủ trong cung để luận bàn chánh sự trong vòng bảy hôm. Sự thật thì họ đang bị nhốt trong cung cấm, mỗi người một phòng riêng.

Y sĩ Jivaka cho Bụt biết là những chuyện trên hoàn toàn được giữ bí mật. Sở dĩ ông được biết là vì ông đã có cơ hội tới chữa trị cho hoàng hậu Videhi. Hoàng hậu đã thuật hết sự thật cho ông và nhờ ông lên núi bạch với Bụt tất cả tự sự.

Jivaka kể cho Bụt nghe chi tiết của tất cả những gì đã xảy ra. Một hôm, cách đây gần cả tháng, ngự lâm quân thấy thái tử đột nhập vào cung vua trong đêm khuya. Thấy dáng dấp thái tử có vẻ khả nghi, ngự lâm quân đã chận thái tử lại để lục soát, và tìm thấy một thanh gươm giấu trong áo của thái tử.

Họ đưa thái tử vào gặp vua, trình lên vua thanh gươm và kể lại tự sự. Vua hỏi:

- Ajatasattu, ban đêm con mang gươm vào cung để làm gì?

- Tâu phụ vương, con muốn hành thích phụ vương.

- Tại sao con lại muốn giết ta?

- Tâu phụ vương, con muốn làm vua.

- Làm vua thì làm vua, tại sao lại phải giết cha? Nếu con muốn làm vua, con chỉ cần nói lên một tiếng là ta thoái vị lập tức, và con có thể làm vua ngay.

- Tâu phụ vương, con không biết như vậy. Con đã lỡ lầm xin phụ vương tha tội cho con.

- Ai xúi giục con làm chuyện này?

Thái tử Ajatasattu im lặng. Vua gạn hỏi một hồi thì thái tử tiết lộ là đại đức Devadatta.

Vua cho gọi hai vị đại thần thân tín của vua vào cung, ngay lúc nửa đêm. Vua thuật lại cho họ nghe và hỏi ý kiến của họ. Một vị nói rằng tội ám sát vua là tội xử trảm, và đề nghị đem chém đầu các tội phạm trong đó có thái tử Ajatasattu, khất sĩ Devadatta và tất cả các vị khất sĩ liên hệ.

- Trẫm không muốn giết Ajatasattu, vì nó là con trẫm, trẫm cũng không muốn giết các vị khất sĩ, bởi vì các vị khất sĩ đã từng tuyên bố là họ không chịu trách nhiệm về hành động của Devadatta. Trẫm thấy trong vụ này Bụt là người sáng suốt nhất. Người đã tiên đoán được những gì sẽ xảy ra cho nên người đã cho công bố không chịu trách nhiệm về Devadatta. Trẫm cũng không muốn

giết Devadatta, vì dù sao Devadatta cũng là một vị khất sĩ nổi tiếng và lại là em chú bác của Bụt.

Vị đại thần thứ hai lên tiếng:

- Lòng từ bi của bệ hạ thật không có ai sánh bằng. Bệ hạ thật xứng đáng là học trò của đức Thế Tôn. Vậy bệ hạ định thu xếp như thế nào?

Vua nói:

- Ngày mai, trẫm sẽ hạ chiếu cho bàn dân thiên hạ biết là trẫm thoái vị, và nhường ngôi cho con trẫm là Ajatasattu. Mười hôm sau, thái tử sẽ làm lễ đăng quang.

- Vậy còn tội mưu sát?

- Trẫm tha thứ cho con trẫm và cho khất sĩ Devadatta. Mong rằng hai người thấy được tấm lòng của trẫm mà học được chút gì từ đức độ của trẫm.

Hai vị đại thần lạy xuống. Thái tử Ajatasattu cũng lạy xuống. Vua dặn các quan giữ nội vụ thật bí mật và thi hành ngay những quyết định của vua bắt đầu từ giờ phút ấy.

Ngay sau khi chiếu chỉ thoái vị của vua được ban hành, đại đức Devadatta đã về ngay kinh đô để hội kiến với thái tử. Thái tử có nói với hoàng hậu Videhi là đại đức Devadatta đã được thái tử mời về để bàn luận về lễ đăng quang của thái tử, nhưng hoàng hậu cho biết là chỉ hai hôm sau cuộc đàm luận đó, thái tử ra lệnh cô lập vua trong cung cấm và bắt giữ luôn hai vị đại thần.

Y sĩ Jivaka nói:

- Lạy Bụt, con mong là sau lễ đăng quang, Ajatasattu sẽ trả tự do cho thượng hoàng và cho hai vị đại thần bị giam giữ.

Trình xong mọi việc, Jivaka lạy Bụt và xuống núi.

Ngày mai lại, Bụt tiếp sứ giả của triều đình mời Bụt và các vị khất sĩ tới dự lễ đăng quang của thái tử. Chính quân đội đi tổ chức kết nghinh môn và treo cờ đèn ở khắp nơi trên thủ đô, Bụt được cho biết là đại đức Devadatta và trên sáu trăm vị khất sĩ theo thầy đều đã có mặt tại thủ đô để tham dự lễ đăng quang này.

Bụt cho gọi đại đức Sariputta, người nói:

- Này Sariputta, Như lai sẽ không về kinh dự lễ đăng quang và Như lai mong rằng tất cả các vị khất sĩ của giáo đoàn cũng không nên về kinh dự lễ. Chúng ta không nên can dự vào công việc ác đức này.

Đại đức Sariputta nói:

- Lạy Bụt, con hiểu. Con sẽ thông bạch với đại chúng là Thế Tôn sẽ không về dự lễ đăng quang và Thế Tôn muốn các vị khất sĩ trong giáo đoàn cũng không về dự lễ này.

Và đại đức rút lui.

Ngày lễ đăng quang của vua mới đã tới. Không thấy Bụt và các vị khất sĩ trong giáo đoàn do người lãnh đạo, quần chúng bắt đầu đặt câu hỏi, và từ câu hỏi, họ tìm ra được sự thật. Họ biết

thượng hoàng và hai vị đại thần đang bị giam giữ. Họ biết được là sau lễ đăng quang, vua mới cũng không trả tự do cho thượng hoàng và hai vị đại thần này. Họ bắt đầu hiểu được ý Bụt.

Trong quần chúng, nổi lên một phong trào âm thầm chống đối đường lối thiếu nhân nghĩa của triều đình mới. Quần chúng bắt đầu phân biệt được sự khác nhau giữa giáo đoàn của Bụt và giáo đoàn của đại đức Devadatta. Devadatta đã bắt đầu tự xưng là một vị giáo chủ. Nhiều giới đàn việt, trước khi cúng dường cơm vào bát vị khất sĩ, đã hỏi thăm là vị khất sĩ thuộc về giáo đoàn nào, và họ từ chối không cúng dường cho những vị khất sĩ thuộc giáo đoàn độc lập. Thái độ của họ là để đối kháng lại sự phản bội của Devadatta cũng như của ông vua mới.

Vua Ajatasattu được báo cáo về phong trào chống đối âm thầm này.

Vua rất giận, nhưng vua không thể dùng quyền lực để bắt giam Bụt hoặc đàn áp các vị khất sĩ trong giáo đoàn.

Vua biết nếu vua động đến Bụt và giáo đoàn một cách trực tiếp thì không những vua sẽ bị dân chúng trong nước chống đối mà con có thể bị cô lập ngoại giao đối với các nước lân bang nữa.

Vua biết rõ là Bụt rất được ngưỡng mộ ở các nước lân bang nữa. Vua biết rõ Bụt rất được ngưỡng mộ ở các nước nầy, nhất là ở vương quốc Kosala. Quốc vương Pasenadi có thể đem quan sang chinh phạt nếu ngài nghe vua động tới Bụt.

Vua triệu đại đức Devadatta vào cung điện để vấn kế.

Chương 73 - Những Vắt Cơm Giấu Trong Mái Tóc

Một đêm nọ trong khi đang tọa thiền ngoài sân tịnh thất trên núi Linh Thứu. Bụt mở mắt và thấy có người đứng lấp ló sau cây đại thọ, Bụt lên tiếng mời người ấy đến. Dưới ánh trăng vằng vặc, người ấy đặt gươm xuống sân đất và quỳ xuống lạy Bụt như tế sao. Bụt hỏi:

- Ông là ai, đến đây để làm gì?

- Con xin lạy sa môn Gotama! Con xin lạy sa môn Gotama! Con vâng lệnh tới đây giết ngài nhưng thấy ngài, con không dám. Con đã cầm gươm định bước tới có hơn mười lần rồi mà không lần nào con dám bước tới. Con quyết định thôi không giết ngài nữa, nhưng con lại sợ nếu con không giết ngài thì khi về, con cũng bị chủ tướng con giết chết. Con chưa biết phải làm sao thì sa môn gọi con. Con xin lạy sa môn Gotama! Con xin lạy sa môn Gotama!

Bụt hỏi:

- Ai đã sai anh đến giết Như lai?

- Chủ tướng của con, nhưng con không dám nói tên chủ tướng của con đâu.

- Anh không nói cũng được, nhưng chủ tướng của anh nói với anh như thế nào?

- Bạch sa môn, chủ tướng của con chỉ cho con con đường phải đi để lên núi và chỉ cho con một con đường khác để trở về sau khi làm xong nhiệm vụ.

- Anh có vợ con gì không?

- Bạch sa môn, con chưa có vợ con gì cả. Con chỉ có một bà mẹ già.

- Anh nghe đây. Nghe cho thật kỹ và làm theo cho thật đúng. Anh hãy về nhà ngay đi, và đem mẹ anh vượt biên giới trốn sang nước Kosala ngay lập tức. Anh đưa mẹ sang bên ấy tị nạn và sinh sống, nhưng anh đừng xuống núi bằng con đường mà chủ tướng anh đã chỉ bày. Nếu xuống núi bằng đường ấy, anh sẽ bị mai phục giết chết giữa đường. Anh xuống núi bằng một con đường khác. Anh đi ngay đi.

Người lạ mặt lạy xuống một lạy nữa rồi đi mất, để lại thanh gươm trên nền đất.

Sáng hôm sau, hai đại đức Sariputta và Moggallana tìm tới viếng Bụt. Hai vị bạch:

- Chúng con nghĩ là đã đến lúc chúng con phải đi qua bên ấy để giúp các anh em khất sĩ đã vì dại dột mà đi lầm đường lạc lối. Chúng con xin phép Bụt cho chúng con vắng mặt một thời gian.

Bụt nhìn hai vị đại đệ tử:

- Các thầy đi thì đi, nhưng các thầy hãy giữ gìn cẩn thận và làm mọi cách để bảo toàn thân mạng.

Vừa lúc ấy đại đức Sariputta trông thấy thanh gươm trên nền đất. Đại đức đưa mắt nhìn Bụt, không nói. Bụt gật đầu:

- Đúng như thế. Hồi hôm có anh lính được lệnh lên ám sát Như lai, nhưng đã được Như lai độ cho rồi. Thanh gươm ấy cứ để đó, chừng nào cư sĩ Jivaka lên núi, Như lai sẽ nhờ cư sĩ đem xuống núi.

Đại đức Moggallana nhìn bạn:

- Bỏ Bụt mà đi lúc này, đệ không được an tâm lắm. Sư huynh nghĩ sao?

Sariputta chưa trả lời thì Bụt nói:

- Các thầy cứ an tâm mà đi, Như lai có đủ tỉnh thức để tránh được những tai họa có thể xảy tới.

Hai vị đại đệ tử sụp lạy thầy trước khi xuống núi.

Chiều hôm ấy có mấy vị khất sĩ từ tu viện Trúc Lâm lên thăm Bụt.

Thấy Bụt họ không nói năng gì cả. Họ chỉ đứng ôm mặt khóc.

Bụt hỏi:

- Này các vị khất sĩ, tại sao các vị khóc?

Một vị khất sĩ lau nước mắt và trả lời Bụt:

- Thế Tôn, chúng con từ Trúc Lâm về, giữa đường chúng con gặp sư huynh Sariputta và Moggallana. Chúng con hỏi hai sư huynh đi đâu. Hai sư huynh nói là đi qua Gayasisa. Chúng con buồn quá nên chúng con khóc. Hơn năm trăm vị khất sĩ đã bỏ Bụt mà đi rồi, bây giờ hai vị đệ tử lớn nhất của Bụt mà cũng bỏ Bụt đi nữa thì chúng con không buồn sao được?

Bụt bật cười. Người an ủi các thầy khất sĩ:

- Nầy các vị, các vị đừng buồn nữa. Như lai biết là ở đâu, lúc nào, Sariputta và Moggallana cũng không phản bội Như lai đâu.

Nghe Bụt nói, các vị khất sĩ cảm thấy yên dạ hơn. Họ xin phép được ngồi im lặng một lát dưới chân Bụt.

Ngày hôm sau, Bụt được y sĩ Jivaka mời về tịnh xá riêng của ông trong vườn Xoài để thọ trai. Đại đức Ananda cùng đi với người.

Bụt và đại đức Ananda vừa thọ trai xong thì Jivaka thông báo có hoàng thái hậu Videhi đến thăm ông và vì nghe nói có Bụt ở đây nên thái hậu xin vào viếng người. Bụt biết cuộc viếng thăm này đã được y sĩ sắp đặt trước. Người cho mời thái hậu vào.

Lạy Bụt xong, thái hậu khóc nức nở.

Bụt để yên cho thái hậu khóc. Một hồi sau, người nói:

- Có chuyện gì xin thái hậu cho Như lai biết.

Thái hậu nói:

- Bạch Thế Tôn, tình trạng thượng hoàng rất nguy ngập. Ajatasattu quyết định bỏ đói thượng

hoàng cho đến chết. Nó không cho con đem thức ăn vào cho thượng hoàng nữa.

Rồi bà kể cho Bụt nghe rằng mới hôm đầu tháng, bà còn được phép mang cơm vào cho thượng hoàng Bimbisara, nhưng sau đó mấy hôm, khi bà vào thăm thượng hoàng, quân lính chặn lại và lấy mất thức ăn. Bà vào thăm thượng hoàng mà chỉ biết ngồi khóc. Thượng hoàng an ủi bà, nói rằng người không oán giận Ajatasattu. Ngài nói ngài nhịn đói mà băng cũng được, miễn là nước nhà không bị nội chiến tàn phá.

Sáng ngày hôm sau, bà giấu mấy vắt cơm nhỏ trong tóc của bà, và bà cũng mang trên tay ít thực phẩm để vào thăm thượng hoàng. Bọn lính canh chặn bà lại, lấy mất thức ăn trên tay bà nhưng không biết bà có dấu cơm trong mái tóc. Thượng hoàng đã ăn cơm ấy. Bà đã làm như thế được tám hôm. Thấy thượng hoàng không chết, Ajatasattu bắt quân lính khám xét bà rất kỹ. Chúng tìm thấy cơm trong tóc bà. Vậy là bà không thể đem cơm vào cho thượng hoàng được nữa.

Ba hôm sau bà nghĩ ra được một cách mới. Bà nấu một loại đề hồ gồm có sữa, mật ong và bột. Bà tắm gội sạch sẽ, lau mình thật khô rồi trát một lớp đề hồ lên thân thể, đợi cho ráo rồi mới mặc xiêm y. Quân canh không thấy có thức ăn và cơm dấu trong tóc, liền để cho bà vào. Vào tới nơi, bà cởi áo và bóc lớp đề hồ ra để thượng hoàng ăn tạm. Bà đã làm được hai lần như thế, nhưng bà rất sợ là trong một vài tuần, mưu của bà sẽ bị khám phá và bà sẽ không còn được phép vào thăm thượng hoàng nữa.

Kể tới đây, thái hậu lại ôm đầu khóc.

Bụt lặng thinh. Một lát sau, người hỏi về tình trạng sức khỏe của thượng hoàng, về thể chất cũng như về tinh thần. Thái hậu nói thượng hoàng đã ốm đi nhiều, nhưng vẫn còn khương kiện. Tinh thần thượng hoàng rất cao. Ngài không tỏ vẻ oán giận hay buồn rầu gì cả. Thì giờ trong tù, ngài dùng vào việc thiền tọa và thiền hành. Có một hành lang khá dài, ngài thường đi thiền hành dọc hành lang đó. Phòng giam ngài có một cánh cửa có chấn song. Từ khung cửa ấy ấy ngài có thể nhìn thấy núi Linh Thứu. Ngài ngồi trước cửa ấy để nhìn về núi Linh Thứu mỗi ngày, ngồi rất lâu. Ngồi thiền, thượng hoàng cũng ngồi ở đấy, mặt xoay về núi Linh Thứu.

Bụt hỏi thái hậu xem bà đã đưa tin về vua Pasenadi chưa. Bà nói là bà chưa có phương tiện, Bụt nói người sẽ nhờ một vị khất sĩ đưa tin về Savatthi giúp bà.

Thái hậu tạ ơn Bụt. Bà kể cho Bụt nghe là hồi Ajatasattu chưa sinh, các chiêm tinh gia đã đoán rằng Ajatasattu là người sẽ phản lại vua cha. Bà nói hồi bà có mang thái tử, một hôm không biết vì cớ gì mà bà rất thèm cắn vào bàn tay vua Bimbisara mà hút máu. Bà hoảng kinh, không ngờ rằng chính bà mà lại có được cái ý tưởng và cái thèm khát ghê tởm đó. Từ nhỏ đến lớn chưa bao giờ bà dám nhìn người ta giết một con gà hay một con cá, bà rất sợ khi thấy máu chảy, nhưng hôm ấy thật sự là bà muốn cắn tay vua để hút máu trong tay ngài. Bà chống trả lại sự thèm khát đó một cách tuyệt vọng. Cuối cùng bà ôm mặt khóc nức nở, và cảm thấy tủi hổ vô cùng.

Một hôm khác trong bữa ăn, vua Bimbisara cầm dao gọt trái cây làm sao đó mà bị đứt tay, mấy giọt máu chảy ra, lập tức bà ôm ấy tay vua đưa miệng mút máu chỗ bị thương, Vua rất lấy làm lạ, nhưng vẫn để cho bà hút. Hút xong mấy giọt máu, bà nằm lăn khóc nức nở. Hoảng kinh, vua tới nâng bà dậy hỏi han. Bà phải nói cho vua nghe cái thèm muốn ghê gớm đó của bà. Bà đã chống trả một cách kịch liệt nhưng cuối cùng và đã bị thua. Bà biết cái thai trong bụng bà đã là nguyên nhân đưa đến cái thèm khát kỳ dị đó.

Các chiêm tinh gia được vua mời tới đều nói rằng đứa con trong bụng sau này sẽ làm hại vua và đề nghị nên tiêu diệt nó. Vua Bimbisara không chịu, bà cũng không chịu. Tuy nhiên khi sinh, thái tử đã được đặt tên là Ajatasattu. Tên này nghĩa là "kẻ thù không sinh ra".

Bụt khuyên bà đừng nên vào thăm thượng hoàng mỗi ngày. Cứ hai hoặc ba ngày thì mới nên vào một lần để vua Ajatasattu khỏi nghi. Mỗi lần vào thăm như thế, bà có thể ở lại với vua thật lâu. Đề hồ bóc ra, nên để dành và ăn mỗi ngày ít thôi, đề phòng bị trường hợp thái hậu bị cấm vào thăm viếng.

Dặn dò thái hậu xong, Bụt từ giã Jivaka và trở về Thứu Lĩnh.

Chương 74 - Tiếng Rú Của Con Voi Chúa

Các đại đức Sariputta và Moggallana đã trở về Trúc Lâm sau hơn một tháng cư trú tại Gayasisa với đại đức Devadatta và giáo đoàn mới. Tất cả các vị khất sĩ khác trong tu viện đều mừng rỡ khi thấy hai vị trở về. Họ hỏi thăm hai vị rối rít về tình hình ở Gayasisa. Hai vị chỉ mỉm cười mà không trả lời.

Mấy hôm sau, các vị khất sĩ trong giáo đoàn của đại đức Devadatta theo gót hai đại đức Sariputta và Moggallana trở về Trúc Lâm rất đông. Đã có tới trên ba trăm vị bỏ trung tâm Gayasisa để trở về với Bụt. Các vị khất sĩ thường trú tại tu viện vui mừng khôn xiết. Họ tổ chức đón tiếp các vị từ Gayasisa về một cách nồng hậu.

Bốn hôm sau, đại đức Sariputta kiểm điểm lại số lượng các vị khất sĩ đã từ Gayasisa trở về với Bụt. Đại đức đếm được ba trăm tám mươi lăm người. Cùng với Moggallana, đại đức Sariputta hướng dẫn ngót bốn trăm vị khất sĩ này lên núi Linh Thứu.

Đứng trên sân tịnh xá, Bụt đã trông thấy đoàn khất sĩ do hai vị đệ tử lớn của Bụt hướng dẫn đang leo dần các bậc đá để lên núi. Khi đoàn nầy leo tới nơi, đại chúng thường trú trên núi Linh Thứu vui mừng khôn xiết. Họ xúm lại để hỏi thăm. Trong khi đó hai đại đức Sariputta tiến về phía tịnh thất của Bụt.

Hai vị đảnh lễ Bụt và được Bụt mời ngồi. Đại đức Sariputta mỉm cười:

- Lạy Bụt, chúng con đã đem về được cho giáo đoàn gần bốn trăm vị khất sĩ đi lạc.

Bụt hỏi:

- Các thầy giỏi lắm. Các thầy đã làm thế nào để mở mắt cho họ?

Đại đức Moggallana nói:

- Bạch Thế Tôn, khi chúng con đến thì sư huynh Devadatta đã thọ trai cong và đang sửa soạn thuyết pháp. Devadatta bắt chước làm hệt như Thế Tôn. Thấy chúng con đến, Devadatta tỏ ý mừng rỡ. Devadatta gọi sư huynh con tới và mời sư huynh con ngồi chung trên pháp tọa. Sư huynh con từ chối, và chỉ ngồi xuống một bên, con ngồi phía bên kia. Devadatta nói với các vị khất sĩ:

- Hôm nay, có các đại đức Sariputta và Moggallana đến với chúng ta. Đây là một tin vui rất lớn. Đại đức Sariputta đã từng là một người bạn rất thân của ta. Nhân có mặt đại đức ở đây, xin mời đại đức phụ trách nói buổi pháp thoại hôm nay.

Nói xong, Devadatta hướng về phía sư huynh con và chắp tay mời. Sư huynh con nhận lời, và bắt đầu thuyết pháp. Sư huynh nói về bốn sự thật mầu nhiệm. Sư huynh thuyết pháp thật hay, khiến mọi người đều nghe một cách chăm chú. Con để ý thì thấy Devadatta lim dim ngủ, có lẽ vì lo nhiều việc cho nên Devadatta mỏi mệt. Nửa phần sau của pháp thoại, anh ta ngủ khì.

Chúng con ở lại Gayasisa hơn một tháng và tham dự vào tất cả những hoạt động của giáo đoàn

bên đó. Cứ ba hôm một lần sư huynh con lại thuyết pháp và giảng dạy cho các các vị khất sĩ. Sư huynh con dạy dỗ họ một cách tận tình. Có lần con thấy Kokalita, người phụ tá số một của Devadatta, thì thào to nhỏ với Devadatta, dường như có ý khuyên Devadatta đừng tin ở chúng con, nhưng hình như Devadatta không đồng ý ấy. Devadatta rất thích khi thấy có người phụ trách dạy dỗ các vị khất sĩ thay cho mình, nhất là khi người ấy là một người xuất sắc như sư huynh con.

Một hôm, sau buổi thuyết pháp nói về Tứ Niệm Xứ, sư huynh con nói với đại chúng như sau:

- Các huynh đệ, chiều hôm nay tôi và sư đệ tôi sẽ từ giã các huynh đệ. Chúng tôi sẽ về với Bụt và với giáo đoàn khất sĩ do đức Thế Tôn lãnh đạo. Thưa các huynh đệ, chúng ta chỉ có một bậc chánh biến tri giác trên đời mà thôi, người ấy là sa môn Gotama, Bụt là người sáng lập ra giáo đoàn khất sĩ, là nguồn gốc của tất cả chúng ta. Tôi tin rằng nếu các huynh đệ trở về, các huynh đệ sẽ được đức Thế Tôn mở rộng tầm tay mà đón vào lòng người như cũ. Thưa các huynh đệ, không có điều gì làm đau nhức bằng việc giáo đoàn bị chia rẽ. Một đời tôi, tôi chỉ thấy Bụt là bậc đạo sư chính đáng cho tất cả chúng ta. Hai anh em tôi xin chào các huynh đệ. Nếu các huynh đệ muốn trở về với Bụt, thì các huynh đệ tìm về tu viện Trúc Lâm. Chúng tôi sẽ chờ quý vị ở đấy, và sẽ đưa quý vị lên núi Linh Thứu để gặp Bụt.

Thế Tôn, hôm ấy Devadatta có công việc phải về kinh đô. Kokalita đứng dậy phản đối, nhưng chúng con làm lơ đi như không nghe gì. Chúng con im lặng ôm y bát rời núi Tượng Đầu và đi về tu viện Venuvana. Chúng con ở đó được năm hôm thì có tất cả ba trăm tám mươi lăm vị từ Gayasisa tìm về.

Đại đức Sariputta bạch:

- Thế Tôn, ba trăm tám mươi lăm vị nầy có cần phải làm lễ xuất gia thọ đại giới lại hay không? Nếu cần, con sẽ làm lễ cho họ trước khi đưa họ lên làm lễ Thế Tôn.

Bụt nói:

- Thôi, Sariputta, đừng bắt họ làm lễ xuất gia và thọ đại giới trở lại. Cho họ làm lễ phát lộ sám hối trước đại chúng là đủ.

Hai đại đức cúi đầu làm lễ Bụt rồi rút lui.

Trong những ngày kế tiếp, có thêm ba mươi lăm vị khất sĩ nữa từ Gayasisa trở về với Bụt. Đại đức Sariputta cũng cho họ làm lễ phát lộ sám hối rồi cho họ lên trình diện Bụt. Số các vị khất sĩ trở về với giáo đoàn đã lên tới bốn trăm mười vị.

Đại đức Ananda có đến nói chuyện với ba mươi lăm vị khất sĩ vừa mới từ Gayasisa trở về. Đại đức hỏi về tình hình bên đó. Các thầy cho biết là khi từ Rajagaha trở về, thấy bốn trăm đồ chúng đã bỏ đi về với Bụt, đại đức Devadatta giận tím mặt. Đại đức không nói gì hết trong nhiều ngày liên tiếp. Ananda hỏi:

- Các sư huynh Sariputta và Moggallana đã nói gì với các huynh đệ mà các huynh đệ bỏ Devadatta về với Bụt đông như thế?

Một thầy đáp:

- Các sư huynh có nói gì đâu. Các sư huynh không hề động tới đại đức Devadatta, không hề thốt ra một lời nào để nói xấu giáo đoàn bên ấy. Các sư huynh chỉ thuyết pháp và dạy dỗ anh em chúng tôi hết lòng mà thôi. Phần lớn anh em chỉ mới có hai, ba hoặc năm tuổi tu là cùng, thành ra anh em còn non yếu lắm. Nghe sư huynh Sariputta thuyết pháp, được sư huynh Moggallana dạy dỗ, anh em mới thấy rằng giáo pháp của Bụt cao siêu mầu nhiệm vô cùng. Đệ tử của Bụt như hai sư huynh mà đạo đức còn cao viễn và học thức còn thâm uyên như thế huống gì là Bụt. Đại đức Devadatta nói thì hay lắm nhưng làm thì không được bằng hai sư huynh đâu. Vì vậy khi hai sư huynh đi rồi, anh em bàn luận với nhau và quyết định trở về với Bụt.

- Thế còn đại đức Kokalika?

- Đại đức Kokalika thấy anh em bỏ đi lấy làm tức giận lắm. Đại đức lên tiếng nguyền rủa hai sư huynh thậm tệ. Nhưng điều này chỉ làm cho anh em chán đại đức thêm và ý định quay về với Bụt lại mạnh mẽ hơn lên.

Một buổi chiều trong khi Bụt đang đứng trên sườn núi ngắm cảnh trời chiều, thì bỗng có tiếng một vị khất sĩ la hoảng lên:

- Thế Tôn, coi chừng! Có đá lăn xuống phía sau lưng!

Bụt ngoảnh lui nhìn. Một tảng đá lớn bằng một chiếc xe bò đang từ trên đỉnh núi lăn xuống hướng về phía người. Tảng đá lăn xuống với một tốc độ kinh khiếp. Bụt bước mấy bước tránh sang phía bên. Chỗ người đứng toàn là những mô đá nên sự di chuyển rất khó khăn, nếu không có đủ thì giờ. May quá, tảng đá lăn xuống gần tới chỗ Bụt đứng thì bị hai tảng đá nhỏ chụm nhau chặn lại, nhưng sự va chạm giữa ba tấm đá làm văng ra một mảnh đá nhọn. Mảnh đá nhọn bay trúng vào chân trái của Bụt và làm Bụt bị thương nơi ngón chân. Máu chảy thấm ướt chéo áo ca sa của người.

Nhìn lên, Bụt thấy bóng một người đang tìm cách chạy trốn.

Vết thương nơi bắp chân làm Bụt đau lắm, người lấy áo sanghati xếp lại làm tư, trải xuống đất, nằm nghiêng về bên mặt theo tư thế sư tử tọa, chân bị thương đặt lên chân không bị thương, và theo dõi hơi thở để làm dịu xuống sự đau đớn.

Nhiều vị khất sĩ chạy đến bên Bụt. Một người nói:

- Đây chắc là Devadatta chớ không còn ai khác nữa!

Một người khác:

- Các huynh đệ phải chia nhau ra giữ bốn phía núi để bảo vệ cho Thế Tôn, mau đi.

- Các thầy đừng la ó, đừng làm ồn ào. Không việc gì phải la ó, và làm ồn ào. Như lai không cần người canh giữ, Như lai không cần người bảo vệ. Tất cả các vị hãy trở về liêu xá của mình đi. Ananda, thầy hãy nhờ chú sa di Cunda đi mời y sĩ Jivaka.

Mọi người làm theo lời Bụt dạy.

Chỉ trong vài hôm, tin Bụt bị mưu sát hai lần được truyền đi khắp thủ đô. Quần chúng ngẩn ngơ và kinh hoàng. Quần chúng đang xôn xao thì đùng một cái có tin thượng hoàng Bimbisara băng hà. Không biết vì kẻ hở nào mà dân chúng khắp nơi biết được rằng thượng hoàng đã băng trong

ngục thất. Một niềm xót thương dâng lên trong lòng người. Ai nấy đều nhìn về núi Linh Thứu như là biểu tượng của một sự đối kháng đạo đức. Càng thương xót thượng hoàng bao nhiêu thì thiên hạ càng mến phục Bụt bấy nhiêu. Bụt tuy không nói gì, nhưng người đã nói thay được tiếng nói của lòng người.

Thượng hoàng Bimbisara thọ sáu mươi bảy tuổi, thượng hoàng nhỏ hơn Bụt năm tuổi. Năm quy y làm đệ tử Bụt, thượng hoàng mới có ba mươi mốt. Lên ngôi từ năm mười lăm tuổi, thượng hoàng đã trị vị trong năm mươi hai năm. Chính thượng hoàng đã xây dựng lại kinh đô Vương Xá mới, sau khi kinh đô cũ bị hỏa hạn tàn phá.

Trong năm mươi hai năm, đất nước Magadha luôn luôn được hòa bình, chỉ trừ có một lần lâm chiến với vương quốc Anga. Trong cuộc chiến tranh đó quốc vương Brahmadatta của xứ Anga đã thua trận, và xứ Anga đã trở nên nội thuộc vương quốc Magadha. Khi quốc vương Taxila Pukkusati lên cầm quyền ở Anga, quốc vương Bimbisara đã thiết lập liên lạc thân hữu với vua này và đã đưa vua nầy đến với đạo Bụt.

Để có hòa bình lâu dài với các nước, quốc vương Bimbisara đã thiết lập liên hệ thân tộc với các hoàng gia. Vua cưới công chúa Kosaladevi em ruột của quốc vương Pasenadi và lập làm chánh hậu, hiệu Videhi.

Vua cũng có thứ hậu từ các hoàng tộc Madra và Licchavi.

Chị ruột của vua cũng đã được gã cho quốc vương Kosala làm thứ hậu.

Vua Bimbisara từng tỏ lòng thương kính Bụt bằng cách xây một chiếc tháp đựng tóc và móng tay của người ngay trong vườn Ngự Uyển. Vua thường nhắc các công nhân đốt hương trầm và thắp đèn nến quanh tháp để cúng dường và để tỏ lòng biết ơn giáo hóa của Bụt. Vua lại giao cho cung nhân Srimatri trách vụ chăm sóc, quét dọn tháp và vun bón hoa cỏ quanh tháp.

Một hôm nọ, trong khi Bụt và một số các thầy đi khất thực trên con đường quen thuộc dẫn về thủ đô, đại đức Ananda nhác thấy bóng một con voi lớn từ chuồng voi hoàng gia xổng ra và đang chạy về phía mình. Đại đức hoảng kinh. Con voi nầy ai cũng đã nghe tiếng. Đó là con voi dữ nhất trong vương quốc. Nó tên là Nalagiri. Tại sao người ta lại để cho Nalagiri xổng chuồng ra như thế. Vừa lúc đó những người đi đường cũng đã nhận ra sự nguy hiểm. Họ hô hoán lên và cùng nhau chạy núp ở hai bên vệ đường. Dân chúng hai bên đường phố đều đã trông thấy con voi Nalagira. Con voi đưa vòi lên cao, đuôi và hai tai thẳng đứng dậy, nó nhắm phía Bụt và các vị khất sĩ mà chạy tới.

Thấy tình trạng nguy hiểm quá, Ananda vội nắm tay Bụt và đẩy người về phía vệ đường, nhưng Bụt không theo Ananda, người đứng yên tại chỗ, một số các vị khất sĩ núp sau lưng Bụt, một số khác chạy tứ tán tìm chỗ núp hai bên vệ đường. Dân chúng hai bên đường phố la hoảng lên. Mọi người nín thở, Ananda vừa bước lên định đứng chận trước mặt Bụt thì bỗng nghe Bụt hú lên một tiếng lớn và dài. Tiếng rú vọng lên, nghiêm trang và oai vệ. Đây là tiếng hú của con voi chúa trong rừng Rakkhita ở Parileyyaka. Bụt đã an cư một mình trong rừng này, và trong thời gian ấy người đã học được tiếng hú của con voi chúa thường đem bầy voi con tới uống nước bên bờ suối.

Voi Nalagiri đã xông tới chỉ còn cách Bụt chừng mươi bước. Nghe tiếng hú vang dội, nó tự nhiên khựng lại. Lập tức nó khuỵu hai chân trước xuống, rồi khuỵu luôn hai chân sau, vòi nó hạ thấp

xuống sát đất. Hai tai nó cụp xuống, đuôi nó cũng vậy.

Bụt tiến tới, người đưa tay phải sờ lên đầu voi với tất cả thương mến. Người ra hiệu cho voi đứng dậy rồi người nắm lấy vòi của voi, dẫn nó đi trở về nơi xuất phát của nó. Con voi ngoan ngoãn đi theo người.

Tiếng hoan hô của dân chúng hai bên đường nổi lên vang dậy. Thầy Ananda mỉm cười. Thầy nhớ lại Bụt hồi còn trẻ tuổi, không một môn thể thao mà Siddhatta không giỏi, từ bắn cung, cử tạ, đánh kiếm cho đến đua ngựa, cỡi voi. Bụt đã đối xử với voi Nalagira như đối xử với một con người hay một con vật đã từng quen thuộc lắm với người.

Đoàn khất sĩ và hàng trăm dân chúng đi theo Bụt và con voi. Khi vào tới chuồng voi, người nhìn vị quản voi với đôi mắt nghiêm nghị. Rồi với giọng từ bi, người bảo:

- Ai ra lệnh thả voi này ra, Như lai không cần biết, nhưng quý vị nên biết rằng thả voi Nalagira ra giữa đường phố là một điều hết sức nguy hiểm. Voi này một khi được thả ra có thể làm cho hàng chục hay hàng trăm người mất mạng. Từ nay về sau quý vị không được làm như vậy nữa.

Vị quản tượng và viên giám đốc chuồng voi lạy xuống để chịu tội. Bụt đỡ họ lên, và cùng các vị khất sĩ rời khỏi chuồng voi. Người tiếp tục cuộc khất thực đang bị bỏ dỡ nửa chừng.

Đã đến ngày làm lễ trà tỳ thượng hoàng, Bụt tự thân hành tới dự lễ, và bảo tất cả các vị khất sĩ trong giáo đoàn cùng đi. Lễ trà tỳ được tổ chức rất long trọng. Quần chúng tiếc thương vị vua đạo đức của họ đã đến tham dự rất đông đảo vòng trong vòng ngoài chật ních. Riêng các vị khất sĩ trong xứ có mặt hôm đó cũng đã trên bốn ngàn người.

Trên đường dự lễ về, Bụt ghé lại vườn Xoài của y sĩ Jivaka nghỉ một đêm trước khi lên núi. Y sĩ cho Bụt biết là cả tháng nay thái hậu Videhi bị cấm không được vào thăm thượng hoàng. Thượng hoàng đã lìa đời trong nhà giam, bên cạnh không có một người thân thích. Người đã xoay đầu về núi Linh Thứu để hơi thở thở cuối cùng.

Một hôm y sĩ Jivaka lên núi Thứu và tiến dẫn lên Bụt một người của hoàng gia muốn được đi xuất gia. Đó là hoàng đệ Abhayarajakumara con của vua Bimbisara và của thứ hậu Padumavati, thái tử Abhayaraja bạch với Bụt là sau cái chết của thượng hoàng Bimbisara, thái tử không còn tha thiết gì nữa đến nếp sống phù hoa danh lợi. Đã từng được nghe Bụt thuyết pháp nhiều lần, thái tử rất hâm mộ đạo lý giải thoát và ước mong được sống nếp sống thảnh thơi va vô ưu của người khất sĩ. Bụt chấp nhận lời thỉnh cầu của Abbhayaraja và cho thái tử được xuất gia.

Chương 75 - Những Giọt Nước Mắt Sung Sướng Của Sudatta

Mười hôm sau, Bụt khoác y, ôm bát và rời thành Vương Xá. Người đi lên miền Bắc, vượt sông Hằng, tới thăm viếng chúng khất sĩ ở tu viện Trùng Các, rồi người lại lên đường, hướng về thủ đô Savatthi. Mùa mưa sắp tới, và người cần về tu viện Cấp Cô Độc để kịp thời chuẩn bị cho khóa an cư. Theo người có đại đức Ananda, các đại đức Sariputta, Moggallana và khoảng ba trăm vị khất sĩ khác.

Tới Savatthi, Bụt về thẳng tu viện Jetavana. Các thầy chờ Bụt ở đây rất đông. Năm nay các vị khất sĩ và nữ khất sĩ về an cư rất đông. Tin tức về những cuộc biến động ở kinh đô Magadha ai cũng đã được nghe. Thấy Bụt về nguyên vẹn và khỏe mạnh, mọi người đều tỏ vẻ mừng vui. Ni sư Khema lãnh đạo một đoàn nữ khất sĩ đến thăm viếng Bụt. Năm nay bà được đưa lên làm vị lãnh đạo tối cao bên ni giới. Ni sư Pajapati đã viên tịch mười năm về trước.

Quốc vương Pesanadi nghe Bụt về cũng lập tức đến tu viện thăm người. Vua hỏi thăm Bụt về tình hình ở Rajagaha. Bụt thuật cho vua nghe nhiều chuyện, trong đó có buổi gặp gỡ giữa người và thái hậu Videhi em ruột của vua. Bụt cho vua biết là thái hậu vẫn được bình yên nhưng chắc là trong lòng còn nhiều sầu khổ, vua cho Bụt biết là vua đã gửi một sứ đoàn qua Rajagaha cách đây hơn một tháng, và yêu cầu Ajatasattu Videhiputta giải thích tại sao có chuyện giam giữ quốc vương Bimbisara và hai vị đại thần. Quốc vương Ajatasattu là cháu của vua. Vua bảo nếu cần thì Ajatasattu phải về Savatthi để trình bày mọi sự. Hiện vẫn chưa thấy sứ đoàn trở về. Vua cũng cho biết là để tỏ ý phản kháng hành động của quốc vương xứ Magadha, vua đã lấy lại thục ấp mà thượng hoàng đã tặng nước Magadha hơn sáu mươi mấy năm về trước, khi em gái vua về làm chánh hậu của vua Bimbisara. Thục ấp này thuộc địa phận Baranasi xứ Kasi.

Ngày an cư mùa mưa đã đến. Các trung tâm tu học ở vùng thủ đô và các vùng lân cận đều có đầy các vị khất sĩ và nữ khất sĩ cư trú. Cứ mười lăm hôm Bụt lại nói pháp thoại một lần tại Jetavana, và các giới khất sĩ cũng như nữ khất sĩ từ các trung tâm khác đều được tới tham dự. Pháp thoại của Bụt thường được nói vào buổi chiều, ngay sau giờ thọ thực, vì vậy các vị khất sĩ từ những trung tâm xa, đến ngày có pháp thoại, phải nghỉ khất thực để có thì giờ đi thẳng về tu viện. Các vị đại thích ở thủ đô cố gắng sắp đặt để cúng dường thực phẩm cho các vị ngay khi các vị tới tu viện, để các vị có đủ thời gian thọ thực và nghe pháp.

Pháp thoại đầu mà Bụt nói trong mùa an cư năm nay có đề tài là hạnh phúc. Bụt dạy hạnh phúc là có thật và ta có thể thực hiện được hạnh phúc ngay trong đời sống này nếu ta biết hành theo chánh pháp.

Trước hết Bụt cho biết hạnh phúc không phải là sự đam mê vào dục lạc. Dục lạc có thể cho con người một ảo tưởng về hạnh phúc, nhưng thật sự chỉ là khổ đau. Người lấy ví dụ của một người bị bệnh hủi, bị bắt buộc vào sống biệt lập ở trong rừng. Người này luôn luôn cảm thấy ngứa ngáy xốn xang rất khó chịu. Ông ta đào một cái hố, chất cành khô và những gốc cây mục xuống hố và đốt cháy cho đến khi hố đầy than hồng, rồi ông ta đứng bên cạnh hố, đưa mình mẩy tay chân lên trên hố than để hứng lấy cái nóng của than lửa đang cháy. Trong khi làm như thế ông ta

thấy rất đã ngứa và cảm thấy bớt khổ. Ngày nào không được hơ mình trên hố than rừng này, ông ta rất làm đau khổ. May mắn cho ông ta, mấy năm sau bệnh hủi của ông được chữa lành. Ông trở về sống đời sống bình thường trong thôn xóm. Một hôm ông ta vào rừng thấy mấy người có bệnh hủi đang đưa mình mẩy của họ hơ trên hố than rừng của họ. Ông thấy thương xót họ vô cùng. Hố than rừng nóng quá, tới gần ông chịu không nổi. Nếu có ai tới trì kéo ông, bắt ông tới gần hố than để đưa mình mẩy hơ lên trên than lửa, ông ta sẽ la tru tréo lên và phản đối kịch liệt. Cái mà ngày xưa ông cho là làm cho ông sung sướng, bây giờ đã trở thành một mói khổ đau của ông. Bụt nói: "dục lạc cũng chỉ là một hố than hồng, chỉ có người bệnh mới thấy dục lạc là vui, những người lành mạnh đều phải xa lánh hố than của dục lạc."

Nếu đam mê dục lạc không phải là hạnh phúc thì cái gì là hạnh phúc? Bụt dạy: "sống thư thái, tự do, tiếp xúc được với những mầu nhiệm của cuộc sống tức là có hạnh phúc, ý thức được những gì xảy ra trong giờ phút hiện tại; không tham đắm vào bất cứ pháp nào mà cũng không ghét bỏ bất cứ một pháp nào."

Người có hạnh phúc biết quý những gì mầu nhiệm đang xảy ra trong hiện tại; một làn gió mát, một buổi sáng đẹp trời, một bông hoa vàng, một cấy trúc tím, một nụ cười của trẻ thơ, một bữa cơm ngon. Người có hạnh phúc biết thưởng thức những thứ ấy nhưng không bị ràng buộc vào những thứ ấy. Thấy được vạn pháp là vô thường và vô ngã. Người ấy không nhận thức các pháp như những gì có thường và có ngã, do đó người ấy không bị ràng buộc bởi các pháp kia, không bị tham đắm vào các pháp kia. Không bị ràng buộc, không tham đắm, người ấy sống thảnh thơi, không lo âu, không sợ hãi. Biết rằng một bông hoa có thể sớm nở tối tàn, người ấy thấy được tự tính sinh diệt vô thường của các pháp cho nên không vì sự sinh diệt của vạn pháp mà sầu khổ và lo âu. Cũng vì thế nên hạnh phúc của người ấy là hạnh phúc chân thật. Người ấy không lo âu và sợ hãi ngay về sự sinh diệt của chính mình.

Có người cho rằng muốn có hạnh phúc trong tương lai thì phải chịu khổ trong hiện tại, vì vậy họ hy sinh hiện tại bằng cách chịu khổ chịu cực, về tâm não cũng như về thể xác, để mua lấy hạnh phúc trong tương lai.

Bụt dạy rằng sự sống chỉ có mặt trong giây phút hiện tại, hy sinh hiện tại là phế bỏ sự sống. Có người nghĩ muốn có an lạc và giải thoát trong tương lai thì phải hành hạ xác thân trong hiện tại. Nghĩ như thế, họ áp dụng những phép tu khổ hạnh, chịu đói khát và đau đớn trong thân xác và trong tâm tư, dùng khổ đau trong hiện tại, để mua hạnh phúc trong tương lai. Bụt dạy lối tu hành đó không những làm cho người tu chịu đau khổ trong hiện tại mà còn gây đau khổ trong tương lai nữa.

Có người cho rằng đời sống quá ngắn ngủi, không nên nghĩ tới tương lai, phải tận lực hưởng thụ những thú vui dục lạc ngay trong giờ phút hiện tại, Bụt dạy rằng tham đắm vào dục lạc như thế cũng giống như nướng mình trên hố than rừng, hành động này đem lại khổ đau ngay trong hiện tại và cho cả tương lai.

Phương pháp tu học của Bụt vượt ra ngoài hai cách sống vừa kể. Bụt dạy rằng phép sống khôn ngoan nhất là phép sống đem lại hạnh phúc trong hiện tại mà cũng sẽ đem lại hạnh phúc trong tương lai.

Tu tập theo đạo giải thoát không phải là ép xác khổ hạnh để cầu mong một hạnh phúc tương lai. Khi vị khất sĩ ăn ngày một bữa, thực tập thiền tọa, thực tập thiền hành, thực tập Tứ Niệm

Xứ, thực tập Tứ Vô Lượng Tâm, thực tập phép Quán Niệm Hơi Thở, vị khất sĩ ấy tạo hạnh phúc cho chính mình và cho những người xung quanh ngay trong giờ phút hiện tại.

Ăn mỗi ngày một bữa có thể giúp cho cơ thể nhẹ nhàng, có thể cho ta nhiều thì giờ hơn để tu tập, để sống thoải mái và tự do, và để giúp ích cho người khác. Không lập gia đình, không có vợ con không phải là một sự ép xác khổ hạnh mà cũng là để có thể sống tự do và thoải mái để có thời gian tu tập và giúp ích cho kẻ khác.

Sống đời sống phạm hạnh, người khất sĩ phải thấy được niềm vui và hạnh phúc trong giây phút của cuộc sống hàng ngày. Nếu sống đời sống phạm hạnh mà thấy khổ đau, ép buộc, thiếu tự do, đó là đã sống không đúng theo tinh thần chánh pháp. Nhìn vào một vị khất sĩ sống đời sống phạm hạnh. Người ta phải thấy sự có mặt của sự thoải mái, sự thong dong và niềm an lạc. Nếp sống này đem lại hạnh phúc trong hiện tại mà chắc chắn cũng đem lại hạnh phúc trong tương lai.

Sau buổi pháp thoại, nữ cư sĩ Punnalakkhana xin đến viếng Bụt. Bà là nội trợ của cư sĩ Sudatta Anathapindika, người đã xây dựng tu viện Jetavana để cúng dường giáo đoàn khất sĩ. Nữ cư sĩ báo tin cho Bụt biết là cư sĩ Sudatta bị ốm đã hơn mười hôm nay, và rất khổ đau vì không đến dự được buổi pháp thoại này. Bệnh của cư sĩ càng ngày càng tăng chứ không thấy giảm. Cư sĩ rất sợ sẽ không được nhìn thấy mặt Bụt trước khi qua đời.

Ngày hôm sau, Bụt đi thăm cư sĩ Sudatta, cùng đi với người có hai đại đức Sariputta và Ananda, được thấy Bụt và hai đại đức, cư sĩ mừng rỡ. Ông ngồi trên một chiếc ghế dựa, nét mặt xanh xao, Bụt bảo:

- Sudatta, suốt đời ông đã sống một cuộc sống có ý nghĩa và có hạnh phúc. Ông đã làm vơi nỗi khổ của biết bao nhiêu người. Danh từ Anathapindika mà thiên hạ tặng cho ông là một trong những bằng chứng lớn của sự thành công của ông.

Tu viện Jetavana là một bằng chứng lớn khác. Ông đã đóng góp thật nhiều để pháp âm của đạo giác ngộ được truyền đi khắp chốn. Ông đã sống theo chánh pháp, đã tạo được hạnh phúc cho bản thân, cho gia đình và cho rất nhiều người trong xã hội. Bây giờ ông nên tĩnh dưỡng, tôi sẽ nhờ đại đức Sariputta thỉnh thoảng tới thăm ông và hướng dẫn sự tu học cho ông. Ông không nên cố gắng để tìm lên tu viện, bởi vì di chuyển như thế sẽ làm cho ông mất sức nhiều quá.

Cư sĩ Sudatta chắp tay tạ ơn Bụt.

Mười lăm hôm sau, vào giờ pháp thoại, Bụt nói về đời sống người tại gia, về hạnh phúc chân thực mà người cư sĩ có thể thực hiện ngay trong đời sống hiện tại.

Bụt ôn lại những nguyên tắc sống "hạnh phúc trong hiện tại, hạnh phúc trong tương lai" mà người đã diễn bày trong kỳ pháp thoại trước, rồi người nói:

- Vị khất sĩ sống đời sống phạm hạnh là để có an lạc hạnh phúc ngay trong giờ phút hiện tại, và nếp sống phạm hạnh ấy chắc chắn sẽ đem lại hạnh phúc hạnh trong tương lai, nhưng không phải chỉ người xuất gia mới sống được theo nguyên tắc ấy.

Những người của sĩ sống ở thành thị và trong xóm làng cũng có thể theo nguyên tắc ấy của chánh pháp mà làm cho đời sống càng ngày càng có thêm hạnh phúc.

Trước hết là đừng vì ước muốn làm giàu mà chúi đầu vào công việc, bỏ mất cơ hội tạo hạnh phúc cho mình và cho gia đình mình trong giờ phút hiện tại.

Hạnh phúc trước hết là sự tỉnh thức. Một cái nhìn đầy hiểu biết, một nụ cười bao dung, một câu chuyện nói thương yêu, một bữa cơm quây quầy trong đầm ấm và tỉnh thức ... đó là hạnh phúc trong hiện tại.

Nuôi dưỡng sự tỉnh thức trong hiện tại, ta sẽ tránh không gây khổ đau cho ta và cho những người sống chung quanh, ta và bên cạnh ta. Bằng cái nhìn, bằng lời nói, bằng nụ cười, bằng những cử chỉ săn sóc nhỏ, ta tạo ra hạnh phúc cho ta và cho một người ngay trong giây phút hiện tại. Hạnh phúc này không cần đến giàu sang và danh vọng.

Bụt kể cho đại chúng nghe câu chuyện của Sigala, một người gia chủ trẻ tuổi mà Bụt gặp ở thành phố Rajagaha nhiều năm về trước.

Buổi sáng nọ, khoác y, mang bát và rời tu viện Trúc Lâm lúc trời mới rạng sáng. Người gặp một chàng trai tên Sigala, con của một thương gia sống ở ngoại ô thành phố. Sigala đang đứng ở ngoài trời và đang cúi lạy sáu phương Đông, Tây, Nam, Bắc, Thượng và Hạ một cách cung kính.

Bụt tới gần và hỏi chàng lạy như thế để làm gì, Sigala thưa là từ hồi còn bé, chàng đã được thân phụ dạy mỗi buổi sáng phải ra lạy sáu phương. Chàng chỉ biết vâng lời cha, sáng nào cũng ra lạy như thế, nhưng không biết để làm gì. Bụt nói: "lạy như thế là thực tập một lối sống có thể đưa tới hạnh phúc trong hiện tại và trong tương lai. Người dạy rằng lạy phương Đông là để quán chiếu cách đối xử với ơn cha mẹ, lạy phương Nam là để quán chiếu cách đối xử với ơn sư trưởng, lạy phương Tây là để quán chiếu cách đối xử với tình vợ con, lạy phương Bắc là để quán chiếu cách đối xử với tình bè bạn, lạy phương Hạ là để quán chiếu cách đối xử với người cộng sự, lạy phương Thượng là để quán chiếu cách đối xử với những bậc hiền nhân."

Bụt lại dạy Sigala về phép thọ trì năm giới, phép quán chiếu để đừng vội vã hành động khi trong tâm có tham dục, giận hờn, si mê và sợ hãi. Bụt dạy Sigala tránh xa sáu loại hành động có thể đưa đến sự tán gia bại sản: không say sưa, không đi lang thang trong thành phố vào giờ khuya khoắt, không lui tới những chốn cờ bạc, không lui tới những nơi ăn chơi trác táng, không la cà với những bạn xấu và không lười biếng ỷ lại.

Bụt lại dạy cho Sigala biết phân biệt thế nào là một người bạn tốt. Người nói:

- Một người bạn tốt là một người đối xử với mình một cách chung thủy, khi mình giàu sang hoặc sa sút, hạnh phúc hay khổ đau, thành công hay thất bại, đắc thế hoặc thất thế thì người bạn ấy vẫn không hề thay đổi. Người bạn ấy biết lắng nghe và chia sẻ những buồn đau của mình, nói cho mình nghe những lo lắng và buồn vui của người ấy. Một người bạn tốt là một người bạn biết vui cái vui của mình và buồn cái buồn của mình.

Kể xong chuyện Sigala, Bụt nói:

- Hạnh phúc chân thật là một điều có thể thực hiện ngay trong đời này nếu ta quy tụ được càng nhiều càng tốt những điều kiện sau đây:

1.- Được thân cận với những người hiền đức, có khả năng xa lánh được những kẻ đang đi trên con đường sa đọa.

2.- Được sống trong một môi trường thuận tiện cho sự tu học và sự tạo tác những nhân lành.

3.- Được có cơ hội thêm về giáo pháp, về giới luật, về công nghệ và về ngôn ngữ văn chương.

4.- Được phụng dưỡng mẹ cha và có thời giờ để ý săn sóc vợ chồng con cái của mình.

5.- Được chia sẻ thì giờ, tài vật và hạnh phúc với kẻ khác.

6.- Được có cơ hội vun trồng đạo đức, xa lánh hẳn rượu chè cờ bạc.

7.- Được thực tập un đúc các đức khiêm nhượng, biết ơn và tri túc của đạo giác ngộ.

8.- Được thân cận với các vị khất sĩ mà học hỏi đạo lý.

9.- Được sống một cuộc sống trong sạch theo nguyên tắc Bốn Sự Thật.

10.- Được học cách thiền quán để tháo bỏ những phiền não và ưu sầu trong cuộc sống.

Tới đây, Bụt mở lời khen những cư sĩ đã và đang sống theo chánh pháp trong cuộc sống hàng ngày, trong gia đình và xã hội, Bụt đặc biệt nhắc tới cư sĩ Sudatta Anathapindika. Bụt nói Sudatta là người đã quy tụ được nhiều điều kiện để làm cho đời sống có ý nghĩa, có hạnh phúc và có lợi ích cho nhiều người. Đạo tâm của Sudatta rất lớn và cuộc đời của Sudatta đã được hướng dẫn bởi những nguyên tắc của chánh pháp, Bụt nhấn mạnh rằng có những người giàu có hơn Sudatta nhiều gấp bội, nhưng đứng về phương diện hạnh phúc thì không thể nào so sánh được với Sudatta.

Hôm ấy nội trợ của cư sĩ Sudatta là Punnalakkhana cũng có mặt trong buổi pháp thoại. Nghe Bụt nói, bà cảm động đến rơi nước mắt, bà đứng dậy và tắc bạch:

- Thế Tôn, cuộc sống của người cư sĩ có nhiều khi thật bận rộn, nhất là khi mình được thừa hưởng một gia sản lớn. Con thấy khi mình có một cơ nghiệp bình thường, sự tu đạo sẽ dễ dàng hơn. Nhiều khi nhìn những vị khất sĩ không nhà, không cửa, không vợ, không con, cầm một chiếc bình bát, đi thong dong trên nẻo đường khất thực, chúng con thấy thèm muốn sự thảnh thơi ấy một cách lạ kỳ. Chúng con ước muốn được sống như thế, nhưng mà chúng con có nhiều sợi dây ràng buộc quá, biết làm sao?

Bụt dạy:

- Nữ cư sĩ Punnalakkana! Vị khất sĩ cũng có nhiều trách nhiệm chứ không phải không. Nếp sống phạm hạnh là nếp sống buộc vị khất sĩ phải an trú ngày đêm trong chánh niệm, trong giới luật. Người khất sĩ lại còn phải nghĩ đến trách nhiệm độ sinh.

Các vị cư sĩ! Như lai đã tìm ra một phương cách để quý vị có thể lâu lâu, hoặc nửa tháng một lần, được sống giống như các vị khất sĩ. Phương cách đó là Bát Quan Trai giới. Các vị có thể đến chùa thọ tám giới, sống trong thời gian trọn vẹn một ngày một đêm, ngày ăn một bữa, thực tập thiền tọa, thiền hành, sống trong phạm hạnh, tỉnh thức, tinh cần, thong dong và an lạc, giống hệt như các vị khất sĩ. Sau thời gian một ngày, một đêm sống như thế, các vị lại xả giới và trở về đời sống thế gian, chỉ giữ lại năm giới và ba sự quay về nương tựa.

Các vị khất sĩ! Như lai sẽ báo tin để tất cả các vị khất sĩ biết về pháp chế Bát Quan Trai này. Quý vị có thể tổ chức tu tập Bát Quan Trai tại chùa hay ngay trong nhà quý vị, và các vị khất sĩ

có thể được mời để tuyên giới, hướng dẫn và dạy dỗ trong các ngày tu Bát Quan Trai.

Punnalakkhana sung sướng hỏi Bụt:

- Bạch Thế Tôn, tám giới của pháp chế Bát Quan Trai là tám giới nào, tại sao gọi là quan, tại sao gọi là trai, xin Thế Tôn khai thị cho chúng đệ tử biết.

- Tám giới là: không sát hại sinh mạng, không trộm cướp, không dâm dục, không vọng ngữ, không uống rượu, không trang sức, không nằm và ngồi trên giường chiếu sang trọng và không sử dụng tiền bạc. Tám giới ấy là để phòng ngừa sự phát sinh của vọng niệm và tạp niệm trong thời gian tu tập nên gọi là quan. Quan có nghĩa là phòng ngừa, còn trai có nghĩa là chỉ ăn một bữa trước giờ ngọ, để có thì giờ tu tập.

Được biết thiết chế phép Bát Quan Trai, giới cư sĩ hôm ấy rất lấy làm sung sướng.

Mười hôm sau, người nhà của cư sĩ Sudatta tới tìm đại đức Sariputta, báo tin là bệnh tình của cư sĩ trở nặng.

Đại đức rủ đại đức Ananda cùng đi. Cư sĩ Sudatta nằm trên giường bệnh để tiếp hai vị đại đức. Người nhà nhắc ghế để hai đại đức ngồi gần bên giường.

Biết cư sĩ không sống được bao nhiêu ngày nữa, đại đức Sariputta khai thị:

- Cư sĩ Sudatta, ông nên quán tưởng như sau: mắt, không phải là tôi, tai không phải là tôi, mũi, lưỡi thân cũng không phải là tôi.

Đợi cư sĩ quán tưởng xong, đại đức nói:

- Cư sĩ tiếp tục quán tưởng; những gì tôi thấy không phải là tôi, những gì tôi nghe không phải là tôi, những gì tôi ngửi, nếm, xúc chạm cũng không phải là tôi.

Rồi đại đức dạy cho cư sĩ quán chiếu vô ngã trong sáu thức: cái thấy không phải là tôi, cái nghe không phải là tôi, tri giác, vị giác, xúc giác và ý thức cũng không phải là tôi. Đại đức nói:

- Sáu căn, sáu trần và sáu thức không phải là tôi. Sáu đại là đất, nước, lửa, gió, không gian và tâm thức cũng không phải là tôi. Tôi không bị ràng buộc và hạn cuộc trong những yếu tố ấy. Tôi không bị sinh tử ràng buộc và hạn chế. Sinh tử không chạm được tới tôi. Tôi mỉm cười, bởi vì tôi không sinh cũng không diệt. Sinh không làm cho tôi có, tử không làm cho tôi không.

Thực tập tới đó, cư sĩ Sudatta khóc. Nước mắt chảy ràn rụa trên hai má ông.

Đại đức Ananda hỏi:

- Sao, cư sĩ có tiếc nuối không, cư sĩ quán chiếu không thành công hả?

- Thưa đại đức, Ananda, con không tiếc nuối, con quán chiếu rất thành công. Con khóc vì con cảm động quá. Con được phụng sự Bụt và gần gũi các vị khất sĩ đã hơn ba mươi năm nay, vậy mà chưa bao giờ con được nếm giáo lý thậm thâm vi diệu như hôm nay.

- Cư sĩ Sudatta, giáo lý này các vị khất sĩ và nữ khất sĩ được nghe đức Thế Tôn giảng dạy luôn.

- Thưa đại đức, Ananda, đệ tử của cư sĩ chúng con có người cũng có thể nghe, hiểu và hành

được giáo lý thậm thâm này. Xin đại đức Ananda bạch với Bụt để người cho phép giới cư sĩ chúng con được nghe, hiểu và thực hành giáo lý thậm thâm đó.

Cư sĩ Sudatta từ trần ngay buổi chiều hôm ấy. Các đại đức Sariputta và Ananda đã ở lại hộ niệm rất lâu cho cư sĩ.

Gia đình của cư sĩ Anathapindika là một gia đình cư sĩ kiểu mẫu. Tất cả mọi người trong gia đình từ cha mẹ đến con cái, người nào cũng có đức tin vững chải nơi Bụt, người nào cũng siêng năng học hỏi giáo lý và đem áp dụng vào cuộc đời. Trước đây mấy hôm, cư sĩ được biết tin rằng con gái út của mình là Sumagadha, lấy chồng ở xứ Anga, đã hóa độ được rất nhiều dân chúng trong vùng theo Bụt. Chồng của cô trước đó là một vị quan tổng trấn ở xứ Anga, tín đồ của phái du sĩ lõa hình. Lần đầu được chồng ép đi thăm các vị du sĩ này, cô đã khéo léo từ chối. Với sự hiểu biết vững vàng về đạo Bụt, cô đã từ từ cảm hóa được quan tổng trấn và mang được giáo lý Bụt vào đời sống của dân chúng trong vùng.

Chương 76 - Hoa Trái Của Ngày Hôm Nay

Mùa an cư chấm dứt, các vị khất sĩ và nữ khất sĩ còn chưa kịp lên đường hành hóa thì nghe chiến tranh bùng nổ giữa hai vương quốc Kosala và Magadha. Đại binh của nước Magadha đã vượt sông Hằng đi vào xứ Kasi, thuộc lãnh thổ Kosala. Quốc vương Ajatasattu Videhyputta tự tay thống lãnh binh tướng qua chinh phạt nước Kosala. Tướng lãnh thống suốt cả voi, ngựa, xe và pháo, đang hướng về phía thành Baranasi, thủ phủ xứ Kasi.

Bên phía vương quốc Kosala sau khi được thám tử thông báo, cũng đã chuẩn bị quân đội gồm đủ voi, ngựa, xe và pháp nhắm xứ Kasi tiến tới. Việc binh quá cấp thúc, vua không kịp đến thông báo và từ giã Bụt, vua nhờ thái tử Jeta tới trình mọi sự với Bụt thay vua.

Bụt đã từng được thông báo rằng sau khi nghe tin Ajatasattu mưu sát cha để lên ngôi, quốc vương Pasenadi đã tỏ ý phản kháng bằng cách lấy lại lãnh thổ của thục ấp vùng Baranasi mà ngày xưa thượng hoàng đã tặng cho vua Bimbisara như vật hồi môn của công chúa Kosaladevi, khi công chúa về nhà chồng. Thục ấp này từ gần bảy mươi năm nay đã đem lại cho vương quốc Magadha mỗi năm một số tiền thuế trị giá một trăm ngàn đồng vàng. Vua Ajatasattu không chịu đựng được hành động phản kháng này cho nên đã cất binh sang đáng.

Đại đức Sariputta thông báo cho các vị nam nữ khất sĩ ở đâu thì nên hành đạo ngay tại đó, đừng di chuyển nhiều trong thời buổi chiến tranh. Đại đức cũng xin Bụt ở lại Savatthi cho đến khi tình hình yên tĩnh.

Hai tháng sau dân chúng kinh hoàng nghe tin binh tướng Kosala đã thất trận tại Kasi. Vua Pasenadi và các tướng phải rút tàn binh chạy về kinh đô. Tình hình rất khẩn trương. May thay, hệ thống phòng thủ tại Savatthi rất là kiên cố. Binh tướng của vua Ajatasattu đã đuổi theo và công kích ngày đêm mà cũng không hạ được nổi thành.

Sau đó, nhờ kế hoạch của tướng Bandhula, vua Pasenadi phối hợp được quân trong thành và quân từ các địa phương kéo tới để mở một cuộc tổng phản công. Lần này vua thắng lớn, vua Ajatasattu cùng các vị tướng soái dưới quyền đều bị bắt sống. Quân Kosala bắt được trên một vạn tù binh. Số binh lính còn lại, hoặc chết hoặc bỏ chạy tán loạn, có đến trên một vạn. Ngoài ra, quân đội Kosala lại chiếm được rất nhiều voi, ngựa, xe và pháp của bên địch.

Chiến tranh đã kéo dài hơn sáu tháng, dân chúng Savatthi được lệnh tổ chức và ăn mừng thắng trận.

Sau khi thu xếp công việc triều đình và binh đội, vua Pasenadi đến thăm Bụt tại tu viện Trúc Lâm.

Vua kể cho Bụt nghe những gian nan của cuộc chiến. Vua nói rằng quốc vương Ajatasattu đã tỏ ý gây hấn; vua chỉ chiến đấu tự vệ thôi chứ không hề chịu trách nhiệm về việc châm lửa chiến tranh. Vua trình với Bụt là có lẽ quốc vương Ajatasattu đã nghe lời những vị mưu thần nhiều quá.

- Bạch Thế Tôn, quốc vương Magadha dù sao cũng là cháu của trẩm, trẫm không nỡ giết, cũng không nỡ bỏ nó vào chốn lao tù, xin Bụt chỉ dạy cho trẫm.

Bụt nói:

- Đại vương, xung quanh đại vương có biết bao nhiêu người thần tử và bạn hữu trung thành. Đại vương thắng trận nầy không có gì là lạ, nhưng xung quanh quốc vương Ajatasattu có nhiều phần tử xấu, và vì vậy vua ấy đã đi lầm đường lạc nẻo. Như lai xin đề nghị là đại vương nên lấy lý lẽ để tiếp đãi quốc vương Magadha cho đúng cung cách của một ông vua đối xử với một ông vua, nhưng đại vương cũng phải có thì giờ để dạy quốc vương Magadha như dạy một người cháu ruột. Đại vương hãy nhấn mạnh đến sự cần thiết của những người bạn hữu tốt và những kẻ thần tử trung kiên, và cuối cùng đại vương có thể đặt tiệc và đưa vua xứ Magadha về nước, nền an binh của trăm họ tùy thuộc nơi sự khéo léo của đại vương.

Rồi Bụt cho gọi một vị khất sĩ trẻ tên là Silavat lên và giới thiệu vị này với vua Pasenadi. Khất sĩ Silavat vốn là một vị thái tử, con vua Bimbisara, em cùng cha nhưng khác mẹ với vua Ajatasattu. Silavat là một người con trai khá thông tuệ; từ mười sáu tuổi, chàng dã được theo học với đại đức Moggallana và đã là một người đệ tử tại gia xuất sắc của đại đức.

Sau cuộc chính biến xảy ra tại thủ đô Rajagaha, chàng đã xin đại đức cho chàng xuất gia. Sau lễ xuất gia, khất sĩ Silavat đã được gởi về tu viện Jetavana ở thủ đô Savatthi để tu học. Đại đức Moggallana nghĩ rằng dù Silavat không có ý tranh dành quyền hành với vua Ajatasattu, nhưng gởi vị khất sĩ này qua tu học ở nước Kosala vẫn là có an ninh hơn.

Vua Pasenadi hỏi thăm đại đức Silavat về tình trạng hoàng gia bên Rajagaha và thầy đã cung kính nói hết cho vua nghe tất cả những gì thầy tai nghe mắt thấy.

Đại đức cho vua biết là năm ngoái đã có một người từ thủ đô xứ Magadha tới với sứ mạng ám sát đại đức, nhưng đại đức đã cải hóa được người ấy và độ cho người ấy được xuất gia. Hiện vị khất sĩ kia đang được tu học ở một trung tâm không xa thành phố.

Quốc vương Pasenadi cung kính lạy tạ Bụt và trở về cung điện.

Vua Ajatasattu sau đó được trả tự do và đưa về nước. Lấy tình thương để xóa bỏ hận thù, vua Pasenadi lại đem công chúa Vajira mà gã cho vua Ajatasattu nữa. Quốc vương Ajatasattu đã là cháu nay lại trở nên con rể của vua. Vua còn hứa sẽ trả lại thục ấp ở Baranasi mà ngày xưa thượng hoàng Maha Kosala đã tặng cho xứ Magadha. Quốc vướng sứ Kosala đã nghe lời Bụt một cách đúng mức.

Chiến tranh đã kết thúc, các vị khất sĩ và nữ khất sĩ lại được phép lên đường hoằng hóa.

Vua Pasenadi truyền xây dựng một tu viện mới cho giáo đoàn khất sĩ tại ven thủ đô. Tu viện này lấy tên là Rajakarama.

Bụt ở lại vương quốc Kosala liên tiếp trong hai năm, an cư mùa mưa tại tu viện Jetava và đi giáo hoá ở nội địa trong những thời gian còn lại. Thỉnh thoảng có tin tức từ vương quốc Magadha do các vị khất sĩ du hành đem về cho Bụt. Các vị ấy kể sau khi Bụt rời vương quốc, đại đức Devadatta không còn được vua Ajatasattu kính nể nữa.

Trong số hơn một trăm vị khất sĩ còn ở lại với đại đức, tám mươi vị đã bỏ đại đức để trở về với giáo đoàn của Bụt và đều được đón nhận trở lại tại tu viện Trúc Lâm. Đại đức càng ngày càng bị cô lập. Gần đây đại đức bị ốm nằm liệt trên núi Gayasisa, không đi đâu được cả.

Từ ngày chấm dứt chiến tranh giữa hai nước Kosala và Magadha, vua Ajatasattu cũng không còn gặp gỡ đại đức Devadatta. Vua cũng không có liên lạc nào giáo đoàn khất sĩ của Bụt. Vua chỉ thân cận với các vị lãnh đạo của những giáo phái khác.

Tuy vậy giáo đoàn khất sĩ vẫn được tiếp tục hành đạo một cách yên ổn. Dân chúng cũng như các vị khất sĩ rất mong ước được Bụt trở về. Núi Linh Thứu và tu viện Trúc Lâm vẫn còn chờ đợi Bụt. Y sĩ Jivaka cũng rất tha thiết mong Bụt trở về.

Mùa lạnh năm ấy hoàng hậu Malika băng. Vua Pasenadi buồn quá, tìm tới Bụt để được an ủi. Hoàng hậu là một người bạn đời rất xứng đáng của vua và đã được vua thương yêu hết lòng. Hoàng hậu là một người theo Bụt thuần kính, thông minh, sáng suốt, thông hiểu giáo pháp một cách sâu xa. Ngay trước khi vua được gặp Bụt và tin Bụt, bà đã khuyên vua hành động cho phù hợp chánh pháp. Có lần vì nằm mộng thấy những điều quái gỡ, vua Pasenadi nghĩ rằng sẽ có những việc rủi ro xảy đến cho mình. Tin vào các vị Bà la môn và đạo sĩ ngoại đạo, vua đã cho chuẩn bị tổ chức tế đàn, sát hại trâu bò để cầu thần linh phù hộ. Chính hoàng hậu đã can gián vua, thuyết phục vua hủy bỏ dự án thiết lập tế đàn. Hoàng hậu còn tham dự và bàn bạc về cả chính sự và soi sáng cho vua rất nhiều trong lúc vua đi tìm những quyết định có liên hệ tới vận mạng của đất nước. Hoàng hậu là một trong những nữ đệ tử tại gia xuất sắc của Bụt. Bà rất ham học hỏi về giáo lý. Bà có thành lập một công viên với một hàng rào cây tinduka bao quanh, có hội trường để tham cứu về giáo pháp. Bà đã có mời Bụt và các cao đức tới hội trường này để thuyết pháp và hướng dẫn những cuộc thảo luận. Công viên này cũng mở cửa cho những vị lãnh đạo các giáo phái khác.

Đau khổ vì bị mất người bạn đời đã bốn mươi mấy năm sống chung, vua tìm đến Bụt. Ngồi yên lặng thật lâu bên Bụt, vua cảm thấy tâm hồn an tịnh trở lại. Vua nghe lời Bụt để thêm thì giờ vào việc tu tập thiền quán. Bụt nhắc lại lời vua nói trước đây là khi tuổi về già, mình phải tinh cần sống đúng theo chánh pháp và tạo hạnh phúc cho mọi người. Bụt khuyên vua tìm cách cải thiện guồng máy tư pháp và kinh tế.

Người nói những hành phạt như đánh đập, tra tấn, giam cầm và tử hình không phải là biện pháp có hiệu lực nhất để ngăn chặn trộm cướp. Gặp thời đói kém và loạn lạc, những vụ trộm cướp và bạo động tự nhiên tăng lên bội phần, vì vậy chánh sách an dân và giúp dân xây dựng lại kinh tế là chánh sách căn bản.

Những biện pháp cần làm là cấp thực phẩm, lúa giống và phân bón cho nông dân nghèo để họ có thể sinh sống và sản xuất, cấp vốn cho nhà buôn, tăng lương bổng cho công tư chức, miễn thuế cho dân nghèo, phế bỏ phương pháp đe dọa, bắt buộc và đàn áp người lao công, cho họ chọn làm những nghề mà họ thật sự ưa thích, tạo cơ hội và phương tiện cho họ được hành những nghề ấy. Bụt nói chánh sách kinh tế phải là một chánh sách tự nguyện.

Những lời dạy về chính trị này, nhờ ngồi bên Bụt, hôm ấy đại đức Ananda đã được nghe.

Đại đức đã trùng tuyên lại những ý này trong kinh Kutadanta.

Một buổi chiều tại tu viện lộc Mẫu, đại đức Ananda thấy Bụt xoay lưng về phía mặt trời, đại đức không hiểu tại sao, bởi vì Thế Tôn thường ưa nhìn cảnh mặt trời khuất bóng, đại đức tới gần và hỏi Bụt. Bụt nói Bụt đứng như thế để cho ánh sáng mặt trời sưởi ấm lưng người. Đại đức lấy tay xoa lưng Bụt một hồi lâu cho ấm, rồi đại đức mời Bụt ngồi xuống ghế tre và xoa bóp hai chân cho Bụt.

Vừa xoa bóp, đại đức vừa nói:

- Thế Tôn, con đã được làm thị giả cho Thế Tôn mươi lăm năm nay, con nhớ những năm trước, nước da của người còn vàng ánh và óng mướt, nay da Thế Tôn đã nhăn và những bắp thịt nơi chân Thế Tôn đã teo lại rất nhiều, những lóng xương lộ ra rất rõ.

Bụt cười:

- Sống lâu thì già, có sao đâu Ananda! Mắt và tai của Như lai cũng không còn được tinh nhuệ như trước. Ananda! Thầy có nhớ núi Thứu và những khóm tre ở tu viện Trúc Lâm không? Thầy có muốn về leo lên núi Thứu để nhìn cảnh mặt trời khuất bóng không?

- Lạy Bụt, nếu Bụt muốn về Linh Thứu, con xin đi theo hầu người.

Mùa nóng năm ấy Bụt lên đường trở về thủ đô nước Magadha. Người đi thong thả: lộ trình được chia ra nhiều chặng. Người ghé thăm những trung tâm tu học, dạy dỗ giới xuất gia, thuyết pháp và nhắc nhở giới tại gia. Người đi qua nội địa các vương quốc Sakya, Malla, Videha, Vajji, và cuối cùng vượt sông Hằng qua nước Magadha. Trước khi về thủ đô, người ghé thăm trung tâm tu học tại Nalanda.

Tu viện Trúc Lâm và núi Linh Thứu vui như ngày hội khi Bụt về tới. Dân chúng thủ đô và các miền lân cận đổ xô về thăm Bụt rất đông. Cả một tháng sau khi Bụt về tới, y sĩ Jivaka mới có dịp mời được Bụt về vườn Xoài của ông. Tại vườn Xoài xanh mát này, y sĩ đã dựng được một giảng đường lớn đủ chỗ cho Bụt nói chuyện với khoảng một ngàn vị khất sĩ.

Ngồi trước tịnh thất của người tại vườn Xoài, Bụt nghe Jivaka kể lại những chuyện đã xảy ra trong triều đình và vương quốc. Ông nói hiện thái hậu Videhi đã tìm lại được nếp sống an tĩnh. Bà ăn chay, tập thiền, quán niệm về Tam Bảo một cách thường xuyên.

Vua Ajatasattu đang bị khủng hoảng tâm lý trầm trọng, bị ám ảnh bởi cái chết của thượng hoàng, bị lương tâm cắn rứt ngày đêm, vua sinh ra mất ngủ. Thần kinh của vua suy nhược; vua hay mất bình tĩnh và thường nằm mơ thấy những ác mộng, tỉnh dậy mồ hôi tháo chạy dầm dìa. Y sĩ đã đến chữa trị cho vua gần nửa năm nay, nhưng tâm bệnh của vua vẫn còn là nguồn gốc của nhiều biến chứng khác.

Vua đã vời những vị đạo sĩ thuộc các giáo phái tới để tham vấn và chữa trị tâm bệnh cho vua, nhưng không có vị nào đã giúp được gì. Những vị này thuộc về các giáo phái Makkali Gosala, Ajita Kosakambali, Pakudha Kaccayana, Nigantha Nataputta và cả Sanjaya Belatthiputa nữa. Vị nào cũng muốn làm vừa lòng vua để giáo phái mình được thừa hưởng ân huệ nhưng không vị nào thành công.

Có một hôm, vua vời thái hậu vào ăn cơm chung với hoàng hậu và thái tử Udayibhadda. Thái tử Udayibhadda chưa đầy ba tuổi, nhưng tính tình đã khó khăn và không điềm đạm chút nào. Vua thương yêu thái tử rất mực, thái tử đòi gì được nấy. Hôm đó thái tử đòi đem con chó vào bàn ăn chung. Đây là một điều cấm kỵ, nhưng vì chìu con, vua đã cho phép thái tử đem chó vào. Trong bữa ăn, hơi ngượng với thái hậu, vua nói:

- Đem chó vào bàn ăn thật không dễ chịu tí nào.

Thái hậu nói:

- Con thương con của con, cho nên con để nó đem chó vào ngồi chung, điều này có gì là lạ. Con nhớ ngày xưa cha con vì thương con mà mà hút máu mủ trong tay của con không?

- Con không nhớ, xin thái hậu kể lại cho con nghe.

- Một hôm, ngón tay trỏ của con bị đau và sưng vù lên. Một cái nhọt đã mọc ngay dưới móng tay, làm nhức nhối khiến con khóc suốt ngày đêm. Không có đêm nào con ngủ được, cha và mẹ của con cũng không tài nào nhắm mắt. Cha con ẵm con để lên đầu gối, ngậm ngón tay đau của con trong miệng để chuyền hơi ấm qua, một mặt để con đỡ đau, một mặt để cái nhọt nhờ sức ấm mà cương mủ sớm. Như thế trong suốt bốn ngày đêm, khi cái nhọt đã cương mủ, và mủ đã chín, cha con mới bắt đầu mút cho mủ thoát ra khỏi ngón tay. Nhờ vậy mà con lành bệnh, cha con mút hết mủ và máu độc rồi, nhưng không dám rút tay con ra sợ con bị rát. Cha con cứ giữ mủ và máu trong miệng như thế cho đến khi không chịu nổi thì cha con nuốt máu và mủ cho con đỡ rát. Mẹ nói như vậy để con biết ngày xưa cha con thương con như thế nào. Bây giờ con thương của con, cho nó đem chó vào bàn ăn, điều đó mẹ hiểu, mẹ có trách gì con đâu.

Nghe thái hậu kể, vua ôm đầu chạy vào cung, bỏ cả bữa ăn. Từ đó tâm bệnh càng ngày càng nặng.

Jivata tới chữa trị cho vua, nghe vua kể đủ mọi thứ chuyện, kể cả chuyện tham vấn với các vị Bà la môn và đạo sĩ, nhưng Jivaka vẫn không nói gì. Vua hỏi:

- Jivaka, tại sao anh không nói gì hết?

Jivaka tâu:

- Tôi chỉ muốn nói với bệ hạ một điều mà thôi, tôi nghĩ chỉ có sa môn Gotama mới giúp được bệ hạ cởi bỏ được những khổ đau ẩn ức trong tâm. Bệ hạ nên tìm tới Bụt để được người chỉ dạy.

Vua im lặng, một lát sau, vua nói:

- Trẫm sợ sa môn Gotama còn thù ghét trẫm.

- Bệ hạ đừng nói thế, sa môn Gotama không hề thù ghét ai cả, Bụt là thầy của thượng hoàng, và cũng là người bạn thân thiết nhất của thượng hoàng, bệ hạ tới với Bụt thì cũng như tới với thượng hoàng vậy. Bệ hạ tới với Bụt để tìm lại sự an ổn trong tâm hồn và cũng là để hàn gắn lại những gì đã đổ vỡ trong quá khứ, tài y khoa của tôi không bằng được một phần triệu tài chữa trị của Bụt, Bụt không phải là một ông thầy thuốc mà là vua của những ông thầy thuốc. Có người đã gọi Bụt là y vương.

Sau cuộc đàm đạo đó, vua đã chấp nhận việc đi thăm Bụt.

Y sĩ Jivaka xin Bụt nghỉ ngơi trên núi ít tháng và đi thăm hỏi các trung tâm tu học trong vùng. Y sĩ mong ước sẽ được thỉnh Bụt về vườn Xoài an trú một tháng trong mùa nóng.

Chính trong vườn Xoài của ông mà y sĩ Jivaka đã sắp đặt cuộc gặp gỡ giữa vua và Bụt. Lần đầu vua ngự giá tới Bụt là vào một đêm trăng. Vua cùng đi với hoàng gia và các cung phi mỹ nữ, có quân lính đi hộ tống. Đi gần tới chỗ Bụt, bỗng nhiên vua phát ra sợ hãi, tóc gáy dựng ngược, vua cảm thấy cảnh tượng an tĩnh quá, Jivaka đã nói Bụt ở chung với gần một ngàn vị khất sĩ, vậy mà

tại sao khung cảnh quá im lặng như thế này? Vua sợ bị người ta lừa vua tới để đánh úp. Vua hỏi Jivaka có phải là y sĩ đang lừa vua đi vào chỗ hiểm địa của kẻ thù không? Jivaka cười ngất. Ông chỉ cho vua một ngôi nhà có cửa sổ tròn, từ đó có ánh sáng phát ra. Ông nói: Bụt hiện đang ngồi trong giảng đường với các vị khất sĩ.

Vua xuống voi, đi với Jivaka và những người hộ vệ, đuốc thắp sáng trưng, vào tới cổng giảng đường, Jivaka chỉ cho vua thấy một người đang ngồi trên pháp tòa, dựa lưng vào cột nhà chính giữa, trước mặt tòa các vị khất sĩ đang trang nghiêm ngồi. Jivaka nói: Bụt là người ngồi chính giữa đó.

Vua rất làm cảm phục. Gần một ngàn người ngồi mà im lặng không có một tiếng động nào, cảnh tượng trang nghiêm quá đổi. Ngày xưa vua đã từng thấy Bụt trong cung, nhưng đã có bao giờ vua tới tu viện để gặp Bụt và nghe thuyết pháp đâu?

Bụt mời vua và hoàng gia ngồi. Thái hậu Videhi cũng có mặt đêm ấy. Vua lên tiếng hỏi Bụt:

- Trẫm chỉ được nghe Thế Tôn giảng đạo có một lần ở hoàng cung hồi trẫm còn nhỏ. Thế Tôn, hôm nay trẫm muốn hỏi Thế Tôn câu hỏi này: tu hành không biết có kết quả gì không mà trẫm thấy hàng ngàn, hàng chục ngàn, có khi cả hàng vạn người bỏ nhà đi tu như thế?

Bụt hỏi vua đã hỏi ai câu ấy chưa. Vua trả lời là vua đã hỏi nhiều vị chức sắc lớn trong các giáo phái, nhưng chưa có câu trả lời nào làm vua vừa ý cả, kể cả câu trả lời của đại đức Devadatta.

Bụt nói:

- Đại vương, hôm nay Như lai sẽ nói cho đại vương nghe về những hoa trái của sự tu học trong đạo pháp này, những hoa trái có thể thấy được trong hiện tại và những hoa trái sẽ hái gặt được trong tương lai. Đại vương sẽ không cần đi vào các ngõ ngách của lý luận: đại vương chỉ cần nhận xét cho tinh tường thì đã có thể thấy được những hoa trái ấy của sự tu học, rõ ràng như thấy trái xoài để trên một bàn tay.

Đại vương, ví dụ một người nọ đang làm tôi tớ cho người ta, thức khuya dậy sớm hầu hạ và làm theo mệnh lệnh của chủ, một hôm bỗng có tư tưởng như sau: "chủ là người, mình cũng là người, tại sao mình phải đày đọa mình như thế này?" Nghĩ như thế, người ấy từ bỏ thân phận tôi đòi, xin được xuất gia tu đạo, đi vào chánh pháp, sống theo nếp sống phạm hạnh, tinh cần, tỉnh thức, ăn ngày một bữa, tập thiền hành, thiền tọa, đi đứng trang nghiêm, trở nên một vị khất sĩ có uy nghi, có dung hạnh, có đạo đức. Đại vương nghĩ sao? Biết được vị khất sĩ ấy ngày xưa vốn là thân phận tôi đòi, đại vương có gọi người ấy tới và nói: “Này người kia, hãy lại đây, hãy làm nô bộc cho ta, hãy thức khuya, dậy sớm và thi hành mọi mệnh lệnh của ta” hay không?

Vua nói:

- Thế Tôn, trẫm sẽ không làm như vậy, sẽ không nói như vậy, trái lại trẫm sẽ cung kính làm lễ người ấy, mời người ấy xuống để cúng dường, và sẽ ra lệnh bảo vệ cho người ấy đúng theo luật pháp?

Bụt nói:

- Đại vương, đó là hoa trái đầu tiên mà người sa môn khất sĩ gặt hái, người ấy thoát được sự kỳ thị giai cấp, kỳ thị chủng tộc, kỳ thị giàu nghèo, và khôi phục được phẩm cách của một con

người.

Vua nói:

- Hay lắm, Thế Tôn! Xin người dạy thêm.

Bụt nói:

- Đại vương, nhân phẩm tuy vậy chỉ là những hoa trái đầu. Vị khất sĩ nhờ hành trì hai trăm mươi giới mà được an trú trong một trạng thái vô ưu và thanh tịnh. Những người không giữ giới có thể phạm vào các tội lỗi như giết người, trộm cắp, tà dâm, dối gạt, say sưa và tự đưa mình tới những hình phạt đớn đau về thân thể cũng như về tâm thần.

Vị sa môn khất sĩ không những hành trì năm giới, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối gạt, không say sưa, mà còn hành trì trên hai trăm giới khác, vì vậy vị ấy sống trong một trạng thái thật an ninh, thật nhẹ nhõm, trạng thái mà những người không giữ giới không thể nào có được.

Giới luật ngăn ngừa không để cho ta rơi rớt vào lỗi lầm, đem lại cho ta một trạng thái an ninh và nhẹ nhõm. Đó là một loại hoa trái khác của sự tu học, có thể gặt hái ngay trong thời gian hiện tại.

Vua nói:

- Hay lắm! Thế Tôn, Xin người dạy tiếp cho!

Bụt nói:

- Đại vương, vị sa môn khất sĩ không có gì ngoài ra ba chiếc áo ca sa và một chiếc bình bát. Người ấy không gây thù oán, không sợ ai ban đêm tới hành thích mình. Vị ấy có thể ngủ một mình trong rừng, dưới một gốc cây, thanh thản, vô ưu, lặng lẽ. Không sợ hãi là một niềm hạnh phúc lớn. Đó là một loại hoa trái khác của sự tu học, có thể gặt hái ngay trong thời gian hiện tại.

Vua rùng mình, rồi vua nói:

- Hay lắm, Thế Tôn! Xin người dạy tiếp cho trẫm.

Bụt nói:

- Đại vương, vị sa môn khất sĩ sống đơn giản tới mức tối đa, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, bình bát một chiếc nhưng cơm ngàn nhà, không nghĩ đến chuyện làm giàu, không chạy theo danh vọng, không tích trữ, không tom góp, sống đúng theo phép tri túc, và không chạy theo một tham vọng hay một ước muốn nào. Sự thảnh thơi là một niềm hạnh phúc lớn. Đó là cũng là một loại hoa trái của sự tu học, có thể gặt hái ngay trong giờ phút hiện tại.

Vua nói:

- Hay lắm, Thế Tôn! Kính xin người dạy tiếp cho trẫm.

Bụt nói:

- Đại vương! Nếu đại vương biết quán niệm hơi thở, biết thực tập thiền quán thì đại vương mới

có được ý niệm về hạnh phúc của người tu. Hạnh phúc đó là thiền duyệt. Vị sa môn khất sĩ biết giữ gìn sáu căn của cảm giác, biết đối trị lại năm loại trở lực của tâm ý là tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử và nghi ngờ; trong khi sử dụng phép quán niệm hơi thở để thực tập thiền quán, vị ấy làm phát sinh những trạng thái hỷ và lạc trong thân tâm mình để nuôi dưỡng thân tâm và đi tới trên con đường ngộ đạo, những cảm giác dễ chịu do ngũ dục đem đến không thể nào bì kịp với thứ hỷ lạc do thiền định thực hiện. Hỷ và lạc này thấm nhuần thân tâm, trị lành tất cả những âu lo, sầu khổ, thất vọng, đưa người hành giả tiếp xúc với những gì mầu nhiệm nhất của thực tại. Đại vương, đây là một loại hoa trái quan trọng của sự tu học, loại hoa trái này cũng có thể gặt hái được ngay trong giờ phút hiện tại.

Vua nói:

- Hay lắm, Thế Tôn! Xin người cứ dạy tiếp cho trẫm.

Bụt nói:

- Đại vương! Vị sa môn khất sĩ nhờ an trú tinh cần trong giới luật và chánh niệm mà có định tâm, lấy định tâm ấy mà quán chiếu vạn pháp trên thế gian. Nhờ quán chiếu mà vị sa môn khất sĩ thấy được tính cách vô thường và vô ngã của vạn pháp. Nhờ thấy được tự tính vô thường và vô ngã của vạn pháp nên vị sa môn khất sĩ không bị tham đắm vào bất cứ pháp nào, và không bị bất cứ pháp nào trói buộc. Vị sa môn khất sĩ nhờ đó cắt đứt được những sợi dây phiền não thường trói buộc con người, đó là những sợi dây tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến và giới cấm thủ kiến. Cắt đứt được những sợi dây phiền não ấy rồi, vị sa môn khất sĩ đạt tới trạng thái giải thoát, thảnh thơi. Đại vương! Giải thoát là một hạnh phúc lớn một loại hoa trái lớn nhất của sự tu học. Đại vương! Trong số những vị khất sĩ ngồi ngay trong thính chúng đây, có vị đã chứng đắc được thứ hoa trái đó. Hoa trái này, đại vương, cũng có thể gặt hái được ngay trong kiếp hiện tại.

Vua nói:

- Hay lắm, Thế Tôn! Xin người tiếp tục dạy dỗ cho trẫm.

Bụt nói:

- Đại vương! Vị sa môn khất sĩ nhờ quán chiếu về tự tính của vạn pháp thấy sâu vào trong tự tính ấy và biết rằng các pháp là không sinh, không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt, không một, không nhiều, không đến, không đi. Vị sa môn khất sĩ do đó đạt được cái thấy thanh tịnh, không phân biệt, nhìn vạn pháp trong thế gian bằng con mắt tuyệt đối bình tĩnh, không sợ hãi, không lo lắng, cỡi trên sóng sinh tử mà đi vào cuộc đời để cứu độ cho chúng sanh, chỉ bày cho chúng sanh con đường chánh pháp để chúng sanh cũng được nếm hương vị của giải thoát, của vô ưu và của hỷ lạc.

Đại vương! Được giúp đỡ người khác, được dắt dẫn người khác ra khỏi vũng lầy của tham vọng, hận thù và si mê, đó là một niềm vui lớn. Niềm vui này là một loại hoa trái rất đẹp đẽ của sự tu học, có thể thực hiện ít ra là một phần nào đó trong hiện tại và sẽ tiếp tục được thực hiện trong tương lai.

Đại vương! Các vị khất sĩ trong những tiếp xúc hàng ngày với dân chúng, có nhiệm vụ hướng dẫn dân chúng đi trên con đường đạo đức và giải thoát.

Đại vương! Các vị khất sĩ tuy không làm chánh trị nhưng cũng đóng góp vào công trình xây dựng an lạc và đạo đức cho xã hội. Hoa trái của sự tu học không phải là để riêng cho người sa môn tu sĩ hưởng thụ mà là gia tài của cả quốc gia và nhân loại.

Vua đứng dậy, chắp hai tay lại một cách cung kính, vua bạch:

- Vi diệu thay, Thế Tôn! Bằng những lời đơn giản, Thế Tôn đã soi sáng cho trẫm đã giúp trẫm thấy được giá trị chân thật của chánh pháp. Thế Tôn đã dựng lại những gì đã ngã xuống, phơi bày ra những gì đã bị che kín, chỉ đường cho những kẻ lạc hướng, đem ánh sáng rọi vào nơi tối tăm. Xin Thế Tôn nhận cho con làm đệ tử của người, cũng như ngày xưa Thế Tôn đã nhận phụ hoàng và mẫu hậu con làm đệ tử của Thế Tôn, và vua lạy xuống.

Bụt mỉm cười, chấp nhận lời thỉnh cầu của vua. Người bảo đại đức Sariputta dạy cho vua và hoàng hậu đọc ba lời quay về nương tựa. Lễ quy y xong, vua nói:

- Bây giờ trời đã khuya, chúng con xin phép Thế Tôn để trở về cung an nghỉ. Sáng mai chúng con sẽ phải có buổi chầu rất sớm.

Bụt dạy:

- Đại vương hãy làm những gì đại vương nghĩ là phải làm.

Tuy buổi gặp gỡ này giữa vua và Bụt không phải là một buổi gặp gỡ riêng tư, và Bụt giảng kinh Sa môn quả không phải chỉ để cho vua nghe mà cũng là để cho tất cả các vị khất sĩ có mặt đêm ấy. Sau buổi đó, bệnh tình của vua đã thuyên giảm đi quá nửa. Đêm ấy vua nằm mơ thấy thượng hoàng nhìn vua mỉm cười, vua có cảm tưởng đã nối lại được một cái gì đã gãy, dựng lên được một cái gì đã ngã xuống. Buổi gặp gỡ đã làm đẹp lòng vua mà cũng làm đẹp lòng dân chúng.

Sau lần gặp gỡ đó, vua thường đến thăm Bụt mà không cần qua sự sắp đặt của y sĩ Jivaka nữa. Vua cũng không đem theo voi ngựa và binh sĩ hộ tống. Vua cũng đã trèo những bậc đá để lên núi Linh Thứu như vua Bimbisara ngày xưa.

Trong những buổi gặp gỡ riêng với Bụt, vua đã có dịp thố lộ tâm tình và sám hối với Bụt về những tội lỗi của vua trong quá khứ. Bụt đối với vua ngọt ngào như đối với một đứa con của người.

Bụt khuyên vua nên dùng người có đạo đức trong giới quần thần và cố vấn.

Cuối mùa an cư năm ấy, y sĩ Jivaka xin Bụt được xuất gia. Ông được Bụt ban cho pháp danh là Vimala Kondanna.

Chương 77 - Sinh Tử Là Hoa Đốm Giữa Hư Không

Mùa an cư hoàn mãn, Bụt cùng Ananda đi hành hóa khắp nơi ở trong xứ Magadha.

Những chốn non xanh nước Bụt đều có tới, nhưng không có nơi nào người không dừng lại để thăm viếng các trung tâm tu học để dạy dỗ và khích kệ các vị khất sĩ và nói pháp thoại cho giới của sĩ.

Đại đức Ananda thường được Bụt chỉ cho thấy những cảnh tượng đẹp đẽ.

Đại đức vốn ít để ý đến phong cảnh vì tâm trí mãi lo cho Bụt, Bụt biết như thế nên thường nhắc thầy.

Đại đức nhớ lại trong suốt gần hai mươi năm làm thị giả cho Bụt, Bụt đã chỉ cho thầy xem biết bao nhiêu là cảnh đẹp. Người hay nói: "Nhìn đi, Ananda, núi Thứu đẹp biết bao, khả ái biết bao!", "Nầy Ananda, động Saptapanni đẹp quá!", "Nầy Ananda, Trúc Lâm tu viện dễ thương biết bao!".

Có một lần đứng trên đồi, Bụt đã chỉ cho Ananda thấy những thửa ruộng chín vàng bao bọc những bờ cỏ xanh. Người khen cảnh ấy đẹp và bảo đại đức nên phỏng theo mô thức ấy để may áo phước điền sanghati cho các vị khất sĩ. Ananda thấy rõ rằng qua Bụt là người tu biết thưởng thức những gì hay và đẹp, nhưng không vướng mắc vào bất cứ một cái đẹp hay cái xấu nào.

Mùa mưa năm sau, Bụt về tu viện Jetavana an cư. Vua Pasenadi đi du hành mãi tới giữa mùa an cư mới về.

Về tới kinh đô, biết Bụt hiện đang an cư, vua liền đến thăm Bụt.

Vua nói với là Bụt là vì tuổi đã lớn, vua không ưa ở hoài trong cung điện. Vua ưa đi đây đi đó để thấy được những cảnh đẹp của thiên nhiên. Giao công việc cho các quan đại thần, vua đi rong chơi, đem theo một đoàn tùy tùng nhỏ.

Không những vua đi du ngoạn ở những nơi trong nước, vua còn đi rong chơi ở các nước ngoài, không phải với tư cách một vị quốc vương cần phải được tiếp đón quốc lễ mà với tư cách một kẻ hành hương. Vua đi dạo chơi mà cũng như để thực tập thiền hành. Bỏ ra ngoài mọi ưu tư, vua bước từng bước thanh thản và chú ý đến cảnh vật.

Vua nói những cuộc du ngoạn như vậy làm ấm lòng vua.

- Thế Tôn, trẫm năm nay đã bảy mươi tám tuổi. Thế Tôn cũng vậy. Trẫm nghe nói Thế Tôn gần đây cũng ưa đi du sơn ngoạn thủy. Trẫm cũng lớn tuổi như Thế Tôn nhưng trẫm không làm được lợi gì cho ai, còn Thế Tôn, thì đi đâu cũng dạy dỗ và hướng dẫn cho mọi người tu học. Thế Tôn đến đâu là như mặt trời chiếu sáng đến đó.

Rồi vua tâm sự với Bụt về một nỗi đau thầm kín của vua.

Số là trong một cuộc âm mư đảo chánh xảy ra tại kinh đô bảy năm về trước, vua đã kết tội lầm vị tổng tư lệnh quân đội hoàng gia là tướng Bandhula và đã xử tử ông.

Mấy năm sau vua mới biết là mình lầm. Vua hối hận lắm. Vua đã tìm mọi cách để phục hồi danh dự cho tướng Bandhula và đã bồi thường cho gia đình ông, vua cũng đã cất nhắc cháu của ông là tướng Karayana lên chức tổng tư lệnh quân đội hoàng gia.

Có Bụt an cư tại thủ đô, vua đến tu viện Jetavana hầu như mỗi ngày để hoặc nghe thuyết pháp hoặc tham dự vào những cuộc pháp đàm hoặc được ngồi im lặng với Bụt.

Mãn mùa an cư, Bụt lại lên đường du hóa và vua cũng cùng đoàn tùy tùng của vua đi rong chơi khắp chốn, gọi là đi tuần thú.

Năm sau, cuối mùa an cư, Bụt đi lên xứ Kuru. Sau khi ở đó hai tháng, Bụt lại theo bờ sông đi xuống Kosali, về Banarasi, ghé Vesali, rồi lại đi lên miền Bắc.

Một hôm nọ, đang cư trú hành đạo tại quận lỵ Medalumpa, một quận lỵ nhỏ trong vương quốc Sakya quê hương của mình, Bụt tình cờ gặp vua Pasenadi.

Lần này vua đi du hành có đem theo thái tử Vedudabha và tướng Karayana theo. Vua muốn làm vui lòng vị cận thần mà ngày xưa vì lỗi lầm vua đã kết tội một cách oan uổng người bác của ông ta.

Đang đi du sơn ngoạn thủy vua chợt nhớ Bụt, và hỏi thăm không biết Bụt hiện giờ ở đâu. Người ta cho vua biết là Bụt dang hành đạo ở quận Medalumpa, Medalumpa chỉ cách Nagaraka nơi vua đang du ngoạn chỉ chừng nửa ngày đường.

Mừng quá, vua bảo Karayana thắng xe đưa vua tới thăm Bụt. Đoàn tùy tùng của vua chỉ dem theo có bốn chiếc xe.

Tới Medalumpa, vua hỏi thăm, và biết được Bụt đang cư trú trong công viên quận lỵ. Xa giá của vua đậu lại ngoài cổng. Để đoàn tùy tùng ở lại bên ngoài, vua bảo tướng Karayana cùng đi với vua vào công viên. Thấy bóng các vị khất sĩ áo vàng qua lại, vua tìm tới một vị gần nhất và hỏi thăm Bụt ở đâu, vị khất sĩ chỉ cho vua một ngôi nhà ẩn dưới bóng cây bóng lá và nói:

- Tâu hoàng thượng, Bụt đang ở trong ngôi nhà đó, cửa đóng, hoàng thượng cứ thong thả đi tới đấy, rồi hoàng thượng ho lên một tiếng, và gõ hai tiếng. Thế nào đức Thế Tôn cũng mở cửa rước hoàng thượng vào.

Vua cởi thanh gươm và tháo vương miện xuống trao cho vị tướng lãnh, bảo ông ta trở lại với đoàn tùy tùng để đợi mình. Rồi vua một mình tiến về ngôi nhà nơi Bụt ở. Tới trước cửa, vua đằng hắng và ho lên một tiếng. Chưa kịp gõ cửa thì cửa đã mở. Bụt mừng rỡ khi thấy vua. Người cầm tay dắt vua vào trong nhà. Hai đại đức Ananda và Sariputta hiện có mặt để hầu chuyện với Bụt trong tịnh thất cũng đứng dậy chào vua.

Bụt mời vua ngồi trên một chiếc ghế, rồi tự mình ngồi xuống trên chiếc ghế đối diện. Hai vị đại đức đứng hầu sau lưng Bụt. Vừa ngồi xuống vua đã đứng dậy. Vua lạy xuống dưới đất và ôm hôn hai bàn chân của Bụt. Vua quỳ trong tư thế ấy thật lâu, hai tay vuốt ve bàn chân của Bụt, miệng nói:

- Thế Tôn, trẫm là Pasenadi vua nước Kosala, trẫm xin kính làm lễ Thế Tôn. Trẫm là Pasenadi vua nước Kosala, trẫm kính xin làm lễ Thế Tôn.

Bụt đỡ vua dậy. Người mời vua ngồi lại một lần nữa xuống ghế, rồi người nói:

- Đại vương, sao hôm nay đại vương lại lễ lạy cung kính quá đáng như thế? Chúng ta không phải là một đôi bạn thân thiết hay sao?

Vua nói:

- Thế Tôn, con có một vài điều mà con muốn tự miệng con nói ra để Thế Tôn nghe, con sợ không có dịp.

Bụt dịu dàng:

- Điều gì, xin đại vương cứ nói.

- Thế Tôn, con hoàn toàn tin tưởng nơi Thế Tôn, bậc toàn giác, con hoàn toàn tin tưởng nơi giáo pháp của Bụt và nơi giáo đoàn khất sĩ của người. Con đã từng thấy và gặp những tu sĩ Bà la môn và các đạo sĩ các giáo phái: họ có thể tu hành đứng đắn, có khi được mười, hai mươi, ba mươi hay bốn mươi năm, nhưng sau đó con lại thấy họ bỏ cuộc và đi vào nếp sống ngũ dục. Ở trong đạo pháp của Thế Tôn, con thấy các vị khất sĩ hầu hết đều tu phạm hạnh cho đến trọn đời.

Thế Tôn, con từng thấy vua chống đối vua chúa, tướng sĩ âm mưu chống tướng sĩ, Bà la môn chống Bà la môn, vợ cãi cọ với chồng, con cãi cọ với cha, anh cãi cọ với em, bè bạn cãi cọ với bè bạn.

Ở đây con thấy các vị khất sĩ sống trong hòa kính, an vui, hợp nhau như nước với sữa. Con không thấy ở đâu có được cái thương yêu và hòa điệu như trong giáo đoàn của người.

Thế Tôn, khắp nơi con đã từng thấy giới đạo sĩ dáng điệu khắc khổ, mặt mày ủ rủ, âu sầu và lo lắng, nhưng ở đây, các vị khất sĩ luôn luôn tỉnh táo, tươi cười, vui vẻ, thong dong và tươi mát. Thế Tôn, điều đó khiến con càng tin tưởng nơi Thế Tôn và giáo pháp của người.

Thế Tôn, con là vua thuộc dòng dõi chiến sĩ: con có quyền ra lệnh chém đầu hoặc giam cầm hoặc trừng phạt bất cứ ai nếu con muốn, vậy mà khi con ngồi trong một buổi họp, thiên hạ vẫn dám cướp lời con, dù con có nói: "Quý vị không được cướp lời trẫm", họ cũng vẫn quên và cướp lời con như thường, không đợi đến khi con phát biểu hết ý kiến.

Vậy mà con thấy ở đây, trong giáo đoàn người, có khi có cả ngàn vị khất sĩ ngồi nghe Bụt nói mà con không nghe lấy một tiếng động nhỏ, dù là tiếng đằng hắng hay tiếng sột soạt của y áo, đừng nói có ai dám cướp lời Bụt.

Thế Tôn, con nghĩ: Thật là mầu nhiệm, Bụt chẳng cần quyền uy, chẳng cần gươm giáo, chẳng cần trừng phạt gì mà người ta kính yêu Bụt một cách tuyệt đối. Thế Tôn, điều này cũng làm cho con càng tin tưởng ở Thế Tôn và giao pháp của người.

Thế Tôn, con đã từng thấy và nghe giới trí thức và giới học giả lừng danh bàn bạc với nhau để soạn sẵn những câu hỏi bí hiểm có thể làm cho Bụt lúng túng, nhưng khi đến gặp Thế Tôn và nghe Thế Tôn thuyết pháp, họ cứ há miệng ra nghe để rồi tất cả đều bị Thế Tôn chinh phục, đến nổi không có cơ hội và thì giờ để hỏi những câu hỏi hóc búa của họ, những câu hỏi mà sau cuộc gặp gỡ với Thế Tôn họ thấy là ngây thơ. Thế Tôn, điều này cũng là điều làm cho con có

thêm tin tưởng nơi Thế Tôn và giáo pháp của người.

Thế Tôn, con nhớ là con từng có hai thợ mộc rất khéo tay tên là Isidata va Purana: họ thường làm việc trong cung điện, và con là người cung cấp lương bổng cho họ, thế mà họ đâu có thương kính con bằng thương kính Thế Tôn.

Có lần con đem họ đi theo trong một chuyến hành tẩu phương xa, và đêm đó vì mưa gió mà cả vua cả tôi đều phải ngủ trong một chiếc lều tranh nhỏ bé. Gần suốt đêm, hai người thợ mộc của con ngồi trao đổi với nhau về giáo pháp học được của Thế Tôn và khi họ mỏi mệt, họ nằm xuống ngủ, đầu hướng về phía núi Linh Thứu và chân họ lại xoay về phía con. Thế Tôn có cho họ lương bổng gì đâu, thế mà họ quý kính Thế Tôn hơn con nhiều lắm lắm. Thế Tôn, điều này khiến con lại càng tin tưởng nơi Thế Tôn và giáo pháp của người.

Thế Tôn! Người thuộc về giai cấp vua chúa, con cũng thuộc về giai cấp vua chúa. Người năm nay đã bảy mươi chín, con năm nay cũng đã bảy mươi chín, vì vậy con nghĩ đây là cơ hội quý báu để con tỏ lòng quy kính Bụt hết mức và để con bày tỏ niềm tri kỷ giữa con và Bụt, bây giờ con xin từ tạ Bụt để con đi.

Bụt nói:

- Đại vương, đại vương hãy trân trọng giữ gìn sức khỏe. Và Bụt đứng dậy đưa tiễn vua ra cửa.

Lúc Bụt trở vào, hai đại đức Ananda và Sariputta đứng dậy chắp tay im lặng. Hai đại đức đã chứng kiến từ đầu đến cuối buổi gặp gỡ này giữa Bụt và vua, Bụt nói:

- Sariputta va Ananda! Quốc vương Pasenadi đã nói những lời chân thành nhất của quốc vương đối với Tam Bảo. Các thầy nên ghi nhớ lấy để làm vững mạnh thêm đức tin của những người hậu học.

Tháng sau, Bụt lên đường về miền Nam. Đi chừng nửa tháng, người về đến núi Linh Thứu, về tới núi Linh Thứu, Bụt nhận được hai tin buồn cùng một lúc: vua Pasenadi đã băng và đại đức Moggallana đã bị những người thuộc giáo phái lõa hình ám sát ngay tại cổng tu viện Trúc Lâm.

Quốc vương Pasenadi đã băng, không ở thủ đô Savatthi mà ở Rajagaha, trong một tình trạng không được xứng đáng lắm đối với một người như vua.

Theo tin tức nhận được thì sau cuộc viếng thăm Bụt ở quận lỵ Medalumpa, vua đã trở ra với đoàn tùy tùng, nhưng khi ra tới cổng vua chỉ còn thấy có một chiếc xe và một người cung phi ở lại. Hỏi ra thì ba chiếc xe kia đã trở về Savatthi dưới sự cưỡng ép của tướng Karayana, đem theo vương miện, ấn tín và thanh gươm báu của vua.

Karayana bảo thái tử Vidudabha phải trở về ngay Savatthi để lên ngôi vua, đừng để một người quá già yếu ngồi trên ngai mãi mãi. Thái tử dùng dằng chưa chịu thì Karayana dọa rằng nếu thái không chịu về làm vua, ông ta sẽ về kinh tuyên bố đảo chánh và tự xưng vương. Dưới áp lực ấy, thái tử Vidudabha đã phải vâng lệnh.

Vua quyết định đi về thành Rajagaha để cầu viện với cháu là quốc vương Ajatasattu. Suốt quãng đường dài, vua chỉ uống nước mà không ăn gì được. Về tới Rajagah thì trời đã khuya và cửa thành đã đóng; vua phải vào nghỉ đêm trong một trạm nghỉ công cộng. Đêm ấy vua lên cơn bạo bệnh và chết trong tay vị cung phi. Người cung phi này than khóc như mưa như gió cho số phận

của vị hoàng đế.

Sáng ngày, sau khi hay tin, vua Ajatasattu vội vã cho rước long thể vào cung và ra lệnh tổ chức một lễ quốc táng long trọng cho người bác của mình. Tang lễ hoàn mãn, vua định cử binh trị tội quốc vương Vidudabha, nhưng vua đã bị y sĩ Jivaka can gián. Jivaka nói rằng dù sao quốc vương Pasenadi cũng đã băng hà và vua mới bên nước Kosala cũng là anh em cô cậu của vua, có cử binh chinh phạt cũng không đưa đến được một giải pháp nào khác. Nghe lời Jivaka, vua đã cử sứ thần qua Savatthi để thừa nhận quốc vương mới.

Đại đức Moggallana là vị đại đệ tử thứ ba của Bụt đứng sau Kondanna và Sariputta. Đệ tử lớn của Bụt có nhiều nhưng nhiều vị đã tịch trước Bụt. Đại đức Kondanna, thủ lĩnh của năm vị khất sĩ đầu tiên được nghe Bụt thuyết pháp tại vườn Lộc Uyển đã tịch. Đại đức Uruvela Kassapa và hai người em cũng đã tịch. Ni trưởng Mahajapati cũng đã viên tịch từ lâu. Ni sư Yasodhara và đại đức Rahula cũng đã nối tiếp nhau viên tịch. Đại đức Rahula viên tịch năm đại đức được năm mươi mốt tuổi. Đại đức Moggallana là một vị đại khất sĩ có rất nhiều dũng khí. Người là kẻ phát ngôn bạo dạn và cương trực nhất của giáo đoàn khất sĩ. Khi cần phải tuyên bố lập trường của giáo đoàn hoặc của giáo pháp, đại đức bao giờ cũng nói thẳng, không khi nào chấp nhận sự thỏa hợp. Cũng vì lý do này mà trong giới ngoại đạo có nhiều kẻ thù ghét đại đức.

Hôm ấy đại đức cùng ra đi với hai vị đệ tử, lên đường rất sớm. Bọn sát nhân có dự tính trước cho nên đã mai phục bên ngoài tu viện. Họ xông ra tấn công khi thấy đại đức. Họ tấn công bằng gậy gộc. Ba thầy trò tay không, không thể nào chống lại được họ, vì họ quá đông, và cũng vì họ có khí giới trong tay. Hai vị đệ tử bị đánh văng ra ngoài. Họ la lên kêu cứu, nhưng không kịp nữa, đại đức đã bị bọn bất lương hạ sát, đại đức hét lên một tiếng vang động cả rừng cây trước khi bị bọn chúng đập xuống những hèo cuối cùng. Khi các thầy trong tu viện chạy ra thì bọn sát nhân đã tẩu thoát hết. Hai vị đệ tử bị đả thương khá nặng.

Khi Bụt về tới thì nhục thân của đại đức đã được trà tỳ.

Tro xương của đại đức đã được thu góp trong một chiếc bình và đặt sẵn bên ngoài tịnh xá của Bụt.

Bụt hỏi thăm đại đức Sariputta, các thầy cho biết là đại đức Sariputta đã đóng cửa am thất từ ngày đại đức Moggallana bị ám sát. Ai cũng biết hai vị đại đức này thân với nhau còn hơn anh em ruột, đối với nhau luôn luôn như hình với bóng, Bụt chưa kịp nghỉ ngơi đã phải đi tìm đến am thất của Sariputta để an ủi đại đức. Đại đức Ananda đi theo người, đại đức nghĩ chắc thế nào Bụt cũng đang buồn. Không buồn sao được khi mất một lần hai vị đệ tử lớn: vua Pasenadi và đại đức Moggallana. Bụt đi an ủi đại đức Sariputta, nhưng ai sẽ an ủi Bụt? Như để trả lời câu hỏi thầm kín của đại đức Ananda, Bụt quay lại nhìn thầy rồi lên tiếng:

- Ananda, ai cũng nói thầy học nhiều và ghi nhớ nhiều về chánh pháp. Thầy không nên lấy sự học nhiều và nhớ nhiều làm đủ. Chăm sóc cho Như lai và lo lắng cho giáo đoàn, điều đó tuy cần thiết nhưng cũng không đủ, thì giờ còn lại có là bao lăm, thầy phải nỗ lực để vượt thoát sinh tử. Thầy phải bình thản trước sinh tử, thấy sinh tử như những hoa đốm giữa hư không.

Đại đức Ananda cúi đầu, đi im lặng.

Ngày hôm sau, Bụt xuống núi, đến tu viện Trúc Lâm.

Người đề nghị vị trí để xây tháp kỷ niệm đại đức Moggallana và để an trí xá lợi của đại đức nầy.

Chương 78 - Hai Ngàn Chiếc Áo Vàng Trên Núi Thứu

Một buổi chiều nọ, khi Bụt đang đi thiền hành trên triền núi, có hai người võng đại đức Devadatta lên.

Đại đức Devadatta ốm nặng đã mấy năm nay. Đại đức muốn thấy mặt Bụt trước khi qua đời.

Hai người đang khiêng đại đức là hai người trong số sáu người đệ tử còn sót lại.

Trong thời gian ngọa bệnh trên núi Gayasisa, không mấy ai đến thăm đại đức, kể cả những người đã ủng hộ đại đức tích cực nhất ngày xưa.

Suốt thời gian ấy, đại đức đã có nhiều cơ hội nghĩ lại về những đắc thất và về giá trị của hành động mình.

Được báo là có đại đức Devadatta lên và xin được gặp, Bụt liền trở về tịnh thất. Đại đức yếu lắm, không ngồi dậy được. Đại đức cũng không nói được nhiều, đại đức chỉ nhìn Bụt, cố gắng chắp tay lại: “Con về nương tựa Bụt", đại đức cố gắng lắm mới nói được những tiếng đó.

Bụt để tay lên trán Devadatta và an ủi đại đức.

Chiều hôm ấy đại đức qua đời. Bây giờ là mùa nắng, trời trong xanh, Bụt đang sắp sửa đi du hành thì có sứ giả của vua Ajatasattu tới. Sứ giả là quan đại thần Vassakara, một người thuộc giai cấp Bà la môn. Ông được lệnh vua tới đảnh lễ Bụt và cho Bụt biết chủ định của vua và triều thần muốn cử binh đi đánh nước Vajji ở phía Bắc sông Hằng. Vua muốn được nghe phản ứng của Bụt và đã dặn vị đại thần ghi nhớ tất cả những gì Bụt sẽ phát biểu về vấn đề này.

Trong khi Bụt tiếp quan đại thần Vassakara, đại đức Ananda đứng sau lưng Bụt và quạt cho người. Bụt xoay lại hỏi thầy:

- Nầy đại đức Ananda, thầy có nghe dân chúng Vajji thường hay hội họp đông đảo để bàn bạc chính sự không?

Đại đức Ananda đáp:

- Thế Tôn, con nghe nói dân Vajji rất chuyên cần hội họp và hội họp rất đông đảo để đàm luận về chính sự.

- Vậy thì nước Vajji vẫn còn cường thịnh. Ananda, thầy có có biết khi họ hội họp với nhau, họ có bày tỏ sự hòa hợp đoàn kết và có một lòng một dạ với nhau không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe họ rất hòa hợp và đoàn kết với nhau.

- Vậy thì chắc chắn nước Vajji vẫn còn rất cường thịnh. Ananda, dân Vajji có tôn trọng và có sống đúng theo những pháp chế đã được ban hành không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe họ rất tôn trọng những pháp chế đã được ban hành.

- Vậy thì chắc chắn nước Vajjvẫn còn cường thịnh. Ananda, dân Vajji có còn biết tôn trọng và nghe lời những bậc tôn trưởng của họ không?

- Thế Tôn, con nghe họ rất biết tôn trọng và nghe lời những bậc tôn trưởng của họ.

- Vậy thì nước họ vẫn còn cường thịnh. Đại đức Ananda, thầy có nghe trong xứ của họ có những vụ bạo động và hãm hiếp không?

- Bạch Thế Tôn, những vụ bạo động và hãm hiếp ít bao giờ xảy ra ở xứ họ.

- Vậy thì nước Vajji vẫn còn cường thịnh. Ananda, thầy có nghe dân Vajji còn biết bảo vệ tông miếu của tổ tiên họ không?

- Bạch Thế Tôn, con nghe họ vẫn còn biết bảo vệ tông miếu của tổ tiên họ.

- Vậy thì Ananda, nước Vajjia vẫn còn cường thịnh. Thầy có nghe là dân Vajji biết tôn kính, cúng dường và chịu học hỏi theo các hàng tu sĩ đạt đạo không?

- Bạch Thế Tôn, cho đến ngày nay họ vẫn rất tôn kính, cúng dường, và học hỏi với các vị tu sĩ đạt đạo.

- Ananda, vậy thì chắc chắn nước Vajji vẫn còn cường thịnh, chưa bị suy đồi. Ananda, ngày xưa Như lai đã từng có dịp chỉ dạy cho giới lãnh đạo ở Vajji về bảy yếu tố giữ gìn cho quốc gia không suy thoái, gọi là thất bất thoái pháp.

Đó là chuyên cần hội họp, hòa hợp và đoàn kết, tôn trọng pháp chế đã ban hành, tôn trọng và nghe lời các bậc tôn trưởng, không bạo động và hiếp đáp, biết bảo vệ tông miếu tổ tiên và tôn kính các các bậc đạo hạnh.

Ananda, thì ra họ vẫn còn thi hành bảy phép bất thoái ấy, Như lai tin rằng quốc gia Vajji vẫn còn cường thịnh, chưa bị suy nhược, và do đó Như lai nghĩ rằng nước Magadha không thể đánh chiếm được nước họ.

Đại thần Vassakara bạch:

- Thế Tôn, dân Vajji chỉ cần thực hành một trong bảy phép đó thì cũng đủ làm cho nước họ cường thịnh rồi, huống hồ là họ thực hành cả bảy phép. Thế Tôn, con nghĩ vua Ajatasattu không thể thắng được dân Vajji bằng sức mạnh vũ khí đâu. Vua chỉ có thể thắng họ nếu vua gieo được sự chia rẽ trong giới lãnh đạo của họ. Thế Tôn, con xin cảm tạ người, con phải về lo công việc.

Sau khi đại thần Vassakara từ giã, Bụt than thở với Ananda:

- Vị đại thần này có nhiều mưu chước lắm. Như lai ngại là trong tương lai, vua Ajatasattu sẽ cử binh đánh chiếm nước Vajji.

Chiều hôm ấy, Bụt nhờ đại đức Ananda đi triệu tập tất cả các vị khất sĩ có mặt ở thủ đô Rajagaha và trong các vùng phụ cận về núi Thứu.

Chỉ trong vòng bảy hôm các vị khất sĩ và nữ khất sĩ trong vùng đã quy tụ về đầy đủ. Gần hai ngàn vị đã về tới, màu áo ca sa làm vàng rực cả năm ngọn đồi của Linh Thứu sơn. Đến giờ đại

hội, tất cả đều quy tụ về sân trước của giảng đường.

Đại chúng được triệu tập đông đủ, Bụt từ tịnh thất thong thả đi xuống. Người bước lên pháp tọa cao. Đưa mắt nhìn đại chúng, Bụt mỉm cười và nói:

- Các vị khất sĩ! Như lai sẽ chỉ dạy cho các vị bảy phương pháp để giữ gìn cho chánh pháp và giáo đoàn không bị suy thoái. Các vị hãy lắng nghe.

* Thứ nhất là các vị nên thường xuyên gặp mặt nhau trong những buổi hội họp đông đủ để học hỏi và luận bàn về chánh pháp.

* Thứ hai là các vị tới với nhau trong tinh thần hòa hợp và đoàn kết, và chia tay nhau trong tinh thần hòa hợp và đoàn kết. * Thứ ba là cùng tôn trọng và sống theo giới luật và pháp chế một khi những những giới luật và pháp chế ấy đã được ban hành.

* Thứ tư là biết tôn trọng và vâng lời các bậc trưởng lão có đạo đức và kinh nghiệm trong giáo đoàn.

* Thứ năm là sống một nếp sống thanh đạm và giản dị, đừng để bị lôi cuốn vào tham dục.

* Thứ sáu là biết quý đời sống tĩnh mặc.

* Thứ bảy là biết an trú trong chánh niệm để thực hiện an lạc và giải thoát, làm chỗ nương tựa cho các bạn đồng tu.

Nầy các vị khất sĩ! Chừng nào mà các vị còn thực hành được bảy điều ấy, gọi là bảy phép bất thối, thì đạo pháp còn hưng thịnh và giáo đoàn không bị suy thoái. Không một yếu tố nào bên ngoài có thể phá hoại được giáo đoàn. Chỉ có những phần tử bên trong giáo đoàn mới có thể làm cho giáo đoàn tan rã mà thôi.

Các vị khất sĩ! Khi con sư tử chúa của mọi loài ở chốn sơn lâm ngã quỵ, không có một loài nào dám đến ăn thịt nó. Chỉ có những con trùng phát sinh từ bên trong thân thể của sư tử mới ăn thịt được sư tử mà thôi.

Các vị hãy bảo vệ chánh pháp bằng cách sống theo bảy phép bất thối, đừng bao giờ tự biến mình thành những con trùng trong thân thể của con sư tử.

Sau khi đã chỉ dạy những vị khất sĩ về bảy phép bất thối, Bụt dặn các vị khất sĩ đừng nên phí bỏ thì giờ quý báu của mình để la cà nói chuyện phiếm, để ngủ vùi, đừng đánh mất mình trong danh lợi và tham dục, đừng thân cận với những người xấu ác và biếng lười, đừng tự mãn với những kiến thức và những trình độ chứng đắc thấp thỏi.

Bụt nhắc lại giáo lý bảy yếu tố giác ngộ như con đường mà mỗi vị khất sĩ phải đi: yếu tố chánh niệm, yếu tố quán chiếu vạn pháp, yếu tố tinh tiến, yếu tố hỷ lạc, yếu tố nhẹ nhõm, yếu tố định và yếu tố hành xả.

Bụt lại chỉ dạy về các phép quán vô thường, vô ngã, bất tịnh, buông bỏ, xa lìa tham dục và giải thoát.

Hai ngàn vị khất sĩ được sống với Bụt trên núi Linh Thứu được mười hôm. Họ cư trú khắp nơi trên năm ngọn đồi, nơi cội cây, hang đá, am thất, khe suối …

Mỗi ngày các vị tụ tập một lần tại sân giảng đường để nghe Bụt giảng dạy. Thính chúng ngồi thành nhiều bậc bởi vì sân không đủ rộng để chứa đủ số người.

Qua ngày thứ mười, Bụt từ giã các vị khất sĩ và khuyên họ xuống núi và trở về trú sở để hành đạo.

Chỉ có các vị thường trú ở Linh Thứu là còn ở lại mà thôi.

Các vị khất sĩ xuống núi rồi, Bụt từ giã thủ đô Rajagaha, người hướng về Ambalatthika.

Ambalatthika là khu lâm viên nghỉ mát của vua Bimbisara, nơi Bụt và các vị khất sĩ thường ghé trên đường đi Nalanda.

Hai thầy trò Sariputta và Rahula ngày xưa đã từng cư trú tại đây.

Tại Ambalatthika, Bụt thăm viếng và ủy lạo các vị khất sĩ, Bụt dạy cho họ thêm về giới, định và tuệ.

Rời Ambalatthika, Bụt đi Nalanda. Đoàn khất sĩ đi theo Bụt có chừng một trăm vị. Các đại đức Ananda, Sariputta, và Anurudha đi sát bên người. Tới Nalanda, Bụt nghỉ ở vườn Xoài Pavarika.

Sáng ngày hôm sau, đại đức Sariputta tới ngồi bên Bụt một hồi lâu, không nói gì.

Sau đó, tự nhiên đại đức mở lời:

- Bạch Thế Tôn, con thiết nghĩ trong quá khứ, trong hiện tại, và trong cả tương lai, không có một vị đạo sư hay Bà la môn nào mà trí tuệ và sự chứng đắc siêu việt hơn Thế Tôn.

Bụt nói:

- Sariputta, lời nói đó của đại đức quả thật là mạnh bạo, quả thật là một tiếng gầm sư tử. Thầy đã gặp và đã biết tất cả các bậc giác ngộ trong quá khứ, hiện tại, và tương lai chưa mà dám nói như thế?

- Bạch Thế Tôn, làm gì mà con đã gặp được tất cả các bậc giác ngộ trong ba thời, nhưng có một điều con biết chắc.

Con sống thân cận với Thế Tôn đã trên bốn mươi năm. Không những con được nghe Thế Tôn dạy dỗ mà con còn được thấy Thế Tôn sống. Nhìn vào Thế Tôn, con biết là Thế Tôn sống thường trực trong tỉnh thức và chánh niệm.

Sáu căn được Thế Tôn hộ trì một cách tuyệt hảo. Không bao giờ có vết nhỏ của năm sự ngăn che là tham dục, oán giận, hôn trầm, trạo cử và hoài nghi được nhận thấy trong sinh hoạt hàng ngày của Thế Tôn.

Con nghĩ các bậc giác ngộ trong quá khứ, hiện tại và tương lai, khi đạt tới chánh trí thì trí tuệ và sự chứng đắc cũng chỉ bằng Thế Tôn thôi chứ làm sao cao hơn được.

Tại Nalanda, Bụt giảng dạy thêm cho đại chúng ở đây về giới, định, tuệ. Rời Nalanda, Bụt đi về Pataligama.

Tới Pataligama, Bụt và các vị khất sĩ được rất nhiều giới cư sĩ ra đón tiếp và đưa về trú sở của họ.

Tại đây, họ cúng dường cơm nước lên Bụt và các vị khất sĩ. Thọ trai xong, Bụt thuyết pháp.

Sáng hôm sau, trước khi Bụt lên đường, đại đức Sariputta đến từ giã người. Đại đức được tin bà mẹ của đại đức đang bị ốm nặng, và đại đức muốn về thăm mẹ. Mẹ của đại đức năm nay đã trên một trăm tuổi, Bụt và các vị khất sĩ ra tiễn đại đức Sariputta về quê. Đại đức lạy Bụt ba lần và cùng với chú sa di Cunda đi ngược về miền Nam, hướng về Nala.

Lúc Bụt và đoàn khất sĩ ra tới cửa thành thì có hai vị đại thần xứ Magadha là Sunidha và Vassakara tới trình diện.

Họ là những người được vua Ajatasattu phái tới nghiên cứu xây dựng đô thị Pataligama thành một đô thị lớn.

Các vị đại thần bạch:

- Cổng thành mà Thế Tôn, và các vị khất sĩ sắp đi qua để rời khỏi thành phố, chúng con sẽ đặt tên là cổng Gotama. Chúng con cũng sẽ đi theo để tiễn đưa Bụt. Bến đò mà người và chư vị khất sĩ tới để vượt qua sông Hằng, chúng con cũng sẽ đặt tên là bến đò Gotama.

Sông Hằng nước đầy cho đến nổi một con quạ đứng trên bờ sông có thể chúi mỏ xuống sông để uống nước được.

Năm chiếc đò ngang chở Bụt và các thầy sang sông một lượt. Ra đến giữa dòng, đại đức Ananda tìm lối bước tới gần Bụt và rón rén ngồi xuống bên người, Bụt đang nhìn xuống nước.

Đại đức Ananda đưa mắt nhìn dòng sông mênh mang rồi chuyển cái nhìn về bên kia bờ.

Đại đức nhớ năm xưa, cách đây đã trên hai mươi lăm năm, có lần dân chúng Vesali đã kéo nhau ra tận bờ sông để đón Bụt, đông có đến mấy vạn người.

Năm ấy tại Vesali, có dịch hạch lan tràn, người lớn và trẻ em chết như rạ. Những ông thầy thuốc giỏi nhất trong xứ đã chịu bó tay. Lễ đàn được thiết lập liên tiếp để cúng tế và cầu nguyện, nhưng cũng không đem lại hiệu quả nào. Cuối cùng dân chúng trong thành nghĩ đến việc đi cầu cứu với Bụt. Quan tổng trấn Tomara được chỉ định đích thân qua tận Rajagaha để thỉnh Bụt về Vesali, ước mong đạo đức của người có thể chuyển đổi được tình trạng. Bụt đã nhận lời thỉnh cầu.

Vua Bimbisara, hoàng hậu, các vị đại thần, và dân chúng đi tiễn Bụt tới tận bờ sông Hằng.

Bên kia sông, dân chúng Vesali đã tụ tập đông nghịt. Họ thiết lập nghênh môn, lễ đài, treo cờ và kết hoa đầy cả bờ sông. Khi thuyền của Bụt qua tới, dân chúng reo hò vang dậy, nhã nhạc nổi lên vang lừng, Hôm đó đi phụ tá cho Bụt ngoài các vị đại đệ tử lớn còn có y sĩ Jivaka. Dân chúng đón tiếp Bụt như đón tiếp một vị cứu tinh của họ, Bụt vừa đặt chân lên đất liền thì sấm chớp bống nổi dậy và trời mưa xuống một trận mưa rất lớn. Đây là trận mưa đầu tiên sau nhiều tháng ngày nắng cháy và hạn hán. Dân chúng mừng rỡ, nhảy múa, reo mừng, và ca hát ngay dưới cơn mưa. Cơn mưa đem lại sự mát mẻ và hy vọng cho cả xứ. Bụt và các vị khất sĩ đã được dân chúng rước về trung tâm thành phố.

Tại công viên, Bụt đã nói về Tam Bảo như ba viên ngọc quý, nơi nương tựa vững chãi của mỗi người. Sau đó Bụt và các đại đức được rước về tu viện Trùng Các ở Mahavana. Kỳ đó, nhờ đức

độ của Bụt và tài chữa trị của y sĩ Jivaka, dịch hạch đã từ từ được đẩy lui và cuối cùng mất dấu.

Năm ấy Bụt đã lưu lại Vesali gần sáu tháng trước khi lên đường về Savatthi.

Qua bên kia sông, Bụt đi về Kotigama, các vị khất sĩ tại Kotigama đi đón Bụt rất đông. Tại đây, Bụt giảng dạy về tứ diệu đế và về tam học giới, định, và tuệ. Sau khi cư trú một thời gian tại Kotigama với các vị khất sĩ. Bụt lại ra đi, hướng về Nadika, Bụt và các vị khất sĩ nghỉ tại một ngôi nhà xây bằng gạch gọi là Ginjakavasatha.

Tại Nadika, Bụt nhắc nhở đến những vị đệ tử của người đã mệnh chung tại vùng này, trong đó có nữ khất sĩ Sundari Nanda, em gái của người, các vị khất sĩ Salha và Nadika, nữ cư sĩ Sujata ngày xưa đã dâng sữa và thức ăn cho người trước khi người thành đạo, và các cư sĩ Kakudha, Bhada, Subhadda ... Bụt nói các vị khất sĩ này cùng khoảng năm mươi vị khác đã từng sinh sống trại đây đều đã chứng được những quả vị nhập lưu, nhất hoàn và bất hoàn. Nữ khất sĩ Nanda đã chứng quả nhất hoàn, hai vị khất sĩ đã đạt được quả vị la hán.

Bụt dạy: "người tu hành nào vững tin nơi Bụt, Pháp và Tăng, nhìn vào tâm ý mình có thể biết được mình đã tham dự vào dòng giải thoát chưa, không cần hỏi đến một người khác."

Một hôm khác, Bụt lại dạy thêm cho các vị khất sĩ về giới, định, và tuệ. Thăm viếng và sách tấn đại chúng xong. Bụt cùng các vị khất sĩ lên đường đi Vesali. Tới Vesali, Bụt và đại chúng nghỉ tại vườn Xoài của Ambapali.

Ngày hôm sau Bụt giảng cho đại chúng về phép quán niệm về bốn lãnh vực thân thể, cảm thọ, tâm ý và đối tượng tâm ý.

Nghe nói Bụt đã về vườn Xoài của mình, bà Ambapali rất sung sướng, liền vội tới thăm người. Bà thỉnh Bụt và chư vị khất sĩ tới thọ trai ngày hôm sau. Ngày mai lại, sau khi Bụt và các vị khất sĩ đã thọ trai xong, bà làm lễ dâng khu vườn cho giáo đoàn khất sĩ. Bà cũng xin được xuất gia.

Mấy hôm sau, Bụt lại giảng cho đại chúng nghe thêm về phép hành trì, giới, định và tuệ.

Sau khi đã thăm viếng Vesali, Bụt đi tới làng Beluvagamaka ở vùng ngoại ô thành phố. Mùa mưa đã đến, Bụt dự định an cư năm nay tại làng Beluva này. Đây là mùa an cư thứ bốn mươi lăm sau ngày Bụt thành đạo. Bụt nhắn với các vị khất sĩ trong vùng hãy tới an cư ở ven đô thành phố Vesali, tại những trung tâm có bạn bè, thân quyến đàn việt ủng hộ.

Giữa mùa an cư, Bụt bị ốm nặng, thân thể người đau đớn vô cùng. Người nằm yên, không hề rên siết, giữ vững chánh niệm và hơi thở. Mọi người nghĩ rằng Bụt sẽ không qua khỏi cơn đau, nhưng không ngờ sau đó Bụt vượt thắng được, sức khỏe dần dần trở lại với người.

Mười hôm sau, Bụt dậy được và ra khỏi phòng, ngồi xuống trên một chiếc ghế kê sát vào tường.

Chương 79 - Nấm Chiên Đàn

Đại đức Ananda tới gần Bụt, ngồi xuống bên người và bạch nhỏ:

- Thế Tôn, bốn mươi năm nay con chưa từng thấy người ốm đau nặng nề như kỳ rồi. Hôm Thế Tôn bệnh nặng, con cảm thấy bủn rủn cả chân tay. Đầu óc của con lúc ấy không được sáng suốt và con không thấy được sự việc một cách rõ ràng. Hôm đó ai cũng nghĩ rằng Thế Tôn sẽ không qua khỏi, nhưng con tự hỏi: Đức Thế Tôn chưa di chúc gì hết cho giáo đoàn khất sĩ thì Thế Tôn chưa nhập Niết Bàn đâu. Nhờ nghĩ như vậy mà con không đến nổi nào.

Bụt nói:

- Nầy Ananda, giáo đoàn khất sĩ còn chờ đợi gì ở Như lai mà thầy bảo là Như lai phải để lại di chúc?

Chánh pháp đã được Như lai giảng bày cặn kẽ cho mọi người, có điều gì mà Như lai còn dấu diếm chưa dạy quý vị đâu? Ananda, chỗ nương tựa của giáo đoàn là chánh pháp; các vị đừng đi tìm một chỗ nương tựa bên ngoài nào khác nữa.

Mỗi người phải lấy chánh pháp làm nơi nương tựa, phải sống theo chánh pháp; mỗi người phải là một hòn đảo cho chính mình. Ananda, Bụt, Pháp và Tăng có sẵn trong mỗi người: khả năng giác ngộ là Bụt, pháp môn tu học là Pháp, những yếu tố hỗ trợ cho sự tu tập là Tăng. Không ai cướp giật Bụt, Pháp, và Tăng ra khỏi tự thân quí vị được, dù đất trời có nghiêng ngã, tự tính Tam Bảo nơi nỗi người vẫn còn nguyên vẹn. Đó là nơi nương tựa an ổn nhất của mỗi người. Vị khất sĩ trở về an trú trong chánh niệm, quán chiếu thân thể, cảm thọ, tâm ý và đối tượng tâm ý, đó là vị khất sĩ đang làm hòn đảo cho chính mình, đang có nơi nương tựa vững chãi nhất. Một người khác, dù là giáo chủ, dù là thượng thủ, dù là thầy mình, cũng vẫn không phải là chỗ nương tựa vững chãi hơn hòn đảo chánh niệm, hơn tự tính Tam Bảo sẵn có nơi mỗi người.

Vào cuối mùa an cư, sức khỏe của Bụt đã được hồi phục.

Một buổi sáng, chú tiểu Cunda, vị thị giả của đại đức Sariputta tìm tới tịnh thất của đại đức Ananda, chú báo tin thầy của chú, đại đức Sariputta đã viên tịch tại Nala, rồi chú trình lên đại đức áo ca sa, bình bát và tro xương xá lợi của đại đức Sariputta, rồi chú ôm mặt khóc. Đại đức Ananda cũng òa lên khóc.

Cunđa kể là đại đức Sariputta đã về đến Nala thăm mẹ và đã săn sóc bà cho đến khi bà lâm chung. Làm lễ trà tỳ mẹ xong, đại đức triệu tập bà con và dân cư trong vùng lại, giảng giải pháp cho họ nghe, làm lễ quy y cho họ và dặn dò hành trì theo chánh pháp, rồi đêm đó đại đức ngồi lại trong tư thế kiết già và nhập diệt.

Trước đó, đại đức đã dặn Cunda rằng sau khi đại đức tịch thì chú phải đem y bát và xá lợi của đại đức về trình Bụt và xin Bụt cho đi theo người. Đại đức có nói là đại đức muốn nhập diệt trước ngày đức Thế Tôn nhập diệt.

Đại đức Ananda lau nước mắt đứng dậy và cùng chú tiểu Cunda đi gặp Bụt, đem theo ca sa, bình bát và xá lợi của đại đức Sariputta.

Bụt lặng yên nhìn ca sa, bình bát và xá lợi của vị đại đệ tử.

Người không nói gì trong một lúc lâu, rồi người xoa đầu chú Cunda.

Đại đức Ananda lên tiếng:

- Lạy Bụt, khi con nghe tin sư huynh đã viên tịch, con thấy bủn rủn cả chân tay và đầu óc con mất hết sáng suốt, con buồn quá.

Bụt nhìn đại đức Ananda:

- Nầy Ananda, sư huynh của thầy khi nhập diệt có đem đi theo tất cả giới, định, tuệ và sự giải thoát của thầy đâu?

Đại đức Ananda trần tình:

- Không phải như thế, bạch đức Thế Tôn, con nghĩ đến sư huynh con lúc sống đã phục vụ chánh pháp đắc lực như thế nào, để nâng đỡ anh em chúng con như thế nào, đã dạy dỗ, hướng dẫn, khích lệ chúng con như thế nào, bây giờ đây sư huynh không còn với chúng con nữa, không có hai sư huynh Sariputta và Moggallana, chúng con thấy giáo đoàn trống trải một cách lạ kỳ. Các sư huynh không còn đó để hướng dẫn cho chúng con và chống đỡ cho giáo đoàn, chúng con không cảm thấy bơ vơ sao được?

Bụt dạy:

- Ananda, Như lai đã nhiều phen nhắc thầy rằng có sinh thì có diệt, có hội ngộ thì có phân ly. Các pháp hữu vi là thế đó, cho nên ta đừng nên kẹt vào các pháp hữu vi. Hãy vượt thoát lên khỏi thế giới của sinh diệt và của tụ tán. Ananda, Sariputta là một cành cây lớn đã làm xong bổn phận nuôi dưỡng một thân cây hùng mạnh. Cành cây hiện có mặt trong thân cây. Thân cây ấy là giáo đoàn khất sĩ đang tu tập theo giáo pháp giác ngộ. Nếu thầy mở mắt ra mà nhìn, thầy sẽ thấy Sariputta trong thầy, trong Như lai, trong giáo đoàn khất sĩ, trong những người được Sariputta giáo hóa, trong chú tiểu Cunda, và thầy sẽ thấy Sariputta một nơi. Đừng nghĩ là Sariputta không còn nữa, Sariputta đang còn và sẽ còn mãi với chúng ta.

Ananda, Sariputta là một vị bồ tát, nghĩa là một người đã giác ngộ và đã biết đem trí tuệ và tình thương của mình đi vào cuộc đời để hóa độ cho những người khác, đưa họ cùng về bến bờ giác ngộ.

Trong giáo đoàn khất sĩ, Sariputta đã từng được ca ngợi như người có trí tuệ lớn, và vì thế, Sariputta sẽ được các thế hệ tương lai tưởng niệm tới như một vị bồ tát đại trí.

Ananda, trong giáo đoàn khất sĩ còn có nhiều vị bồ tát nữa có mặt trong cuộc đời để hóa độ và những vị này cũng có hạnh nguyện lớn như Sariputta, khất sĩ Punna, nữ khất sĩ Yasodhara, nam cư sĩ Sudatta đều là những người có lòng thương lớn và hạnh nguyện lớn, luôn luôn dấn thân vào cuộc đời để cứu giúp chúng sanh, không ngại gian khổ và khó khăn.

Đó là những vị bồ tát đại bi. Nữ khất sĩ Yasodhara và cư sĩ Sudatta đã viên tịch, nhưng đại đức Punna vẫn còn mãi trong hàng ngũ những vị bồ tát đang tinh tiến và dũng mãnh trên con đường hóa độ.

Nói đến dũng mãnh, Như lai nhớ tới đại đức Moggallana, đó là một vị bồ tát đại dũng, chí khí và can trường rất lớn, ít ai bì kịp, đại đức Mahakassapa với nếp sống đơn giản và lành mạnh là một vị bồ tát tượng trưng cho hạnh tri túc.

Đại đức Anurudha là một vị bồ tát tượng trưng cho hạnh tinh tiến.

Ananda, nếu các thế hệ tương lai biết học hỏi và tu tập đạo lý giải thoát, các vị bồ tát như thế sẽ tiếp tục xuất hiện trong đời để nối đuốc chánh pháp và soi sáng cuộc đời. Ananda, tin vào Bụt, tin vào Pháp và tin vào Tăng, tức là tin tưởng ở tương lai giáo đoàn. Trong tương lai sẽ tiếp tục có thêm những vị bồ tát mới có tầm vóc lớn như Sariputta, Moggallana, Punna, Anurudha, Yasodhara, Anathapindika ... Ananda, thầy không nên buồn về việc sư huynh Sariputta viên tịch.

Trưa hôm ấy trên bờ sông Ganga, bên thôn Ukkhacela, Bụt trầm tĩnh báo tin viên tịch của đại đức Sariputta cho đại chúng các vị khất sĩ, Bụt khuyên đại chúng nên nỗ lực để mỗi người có thể trở nên Sariputta, mỗi người có thể mang khả năng và đại nguyện của Sariputta trên đường tu tập và hành hóa, Bụt dạy:

- Nầy các vị khất sĩ! Các vị hãy nương tựa vào chính mình, hãy tự mình làm một hòn đảo cho chính mình, đừng nương tựa vào gì khác, đừng nương tựa vào ai khác, như vậy các vị mới không bị đánh chìm bởi những đợt sóng của sầu đau, của thất vọng, của chới với. Các vị, hãy lấy giáo pháp làm hòn đảo, làm chỗ nương tựa, và đừng nương tựa vào gì khác, đừng nương tựa vào ai khác. Nầy các vị khất sĩ! Các vị hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi. Hãy lấy chánh pháp làm đuốc.

Một buổi sáng, Bụt cùng đại đức Ananda đi vào thành Vesali khất thực. Sau khi ra thọ trai ở một cụm rừng, Bụt nói:

- Ananda, chúng ta hãy về đền Capala để nghỉ trưa.

Trên đường đi, Bụt dừng lại nhiều lần để nhìn phong cảnh và mây nước, Bụt nói:

- Ananda, Vesali thật là đẹp, đền Udena cũng đẹp. Các ngôi đền khác trong vùng như Gotamaka, Sattanbaka và Bahuputta cũng đều là những ngôi đền đẹp. Đền Capala mà ta sắp đến để nghỉ ngơi cũng dễ thương lắm.

Sau khi sắp đặt chỗ nghỉ cho Bụt, đại đức Ananda đi ra phía ngoài để thiền hành.

Trong khi đi thiền hành, đại đức thấy đại địa rung động dữ dội và tâm thần của thầy cũng bị chấn động theo.

Đại đức tìm về đền Capala và thấy Bụt đang ngồi yên tĩnh trong đền.

Đại đức Ananda trình ngài về hiện tượng động đất xảy ra, Bụt nói:

- Ananda, Như lai đã quyết định rồi, trong ba tháng nữa, Như lai sẽ diệt độ.

Đại đức Ananda cảm thấy tay chân bủn rủn, mắt hoa, đầu choáng. Đại đức quỳ xuống trước Bụt và năn nỉ:

- Xin đức Thế Tôn đừng diệt độ sớm như thế. Xin đức Thế Tôn thương xót chúng con.

Bụt im lặng, thầy Ananda lặp lại lời thỉnh cầu tới lần thứ ba, Bụt nói:

- Ananda, nếu thầy có đức tin nơi Như lai, thì thầy nên biết rằng những quyết định của Như lai là những quyết định hợp thời và hợp cơ. Như lai nói là Như lai sẽ diệt độ trong ba tháng nữa. Ananda, thầy hãy cho mời tất cả các vị khất sĩ trong vùng về quy tụ tại giảng đường Kutagara ở rừng Đại Lâm.

Bảy hôm sau, trên một ngàn năm trăm vị khất sĩ và nữ khất sĩ tụ tập tại giảng đường Trùng Các, Bụt được thỉnh vào ngồi trên pháp tọa. Người đưa mắt nhìn đại chúng, rồi người nói:

- Các vị khất sĩ! Những gì mà Như lai đã thực chứng và đã trao truyền lại cho quý vị, quý vị hãy thận trọng và khéo léo mà học hỏi và giữ gìn, tu tập, chứng nghiệm và truyền đạt lại cho những thế hệ tương lai. Nếp sống phạm hạnh cần được nối tiếp vì an lạc và hạnh phúc của mọi người và mọi loài.

Các vị khất sĩ! Những giáo pháp mà Như lai đã truyền đạt lại tuy nhiều nhưng có thể được tóm tắt trong các pháp môn Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề và Bát Chánh Đạo. Các vị phải khéo léo học hỏi, tu tập, thực chứng và truyền đạt lại những pháp môn ấy.

Nầy các vị! Tất cả các pháp dều vô thường, có sinh, có diệt, có tụ, có tán. Các vị hãy tinh tiến lên để mà đạt tới giải thoát. Ba tháng nữa, Như lai sẽ diệt độ.

Hơn một ngàn năm trăm vị khất sĩ im lặng nghe Bụt nói, uống những lời dạy dỗ trực tiếp từ Bụt. Họ biết đây là cơ hội cuối cùng để được thấy Bụt và nghe Bụt. Nghe Bụt nói sẽ diệt độ, ai nấy đều đau lòng.

Sáng hôm sau, Bụt đi vào Vesali khất thực. Khất thực xong Bụt ghé vào một cụm rừng để thọ trai.

Sau đó Bụt cùng các vị khất sĩ rời thành Vesali.

Ngoái nhìn lại thành Vesali với đôi mắt của một con voi chúa, Bụt nói với đại đức Ananda:

- Nầy Ananda, Vesali thật đẹp. Đây là lần cuối Như lai nhìn thành phố này.

Và Bụt nhìn trở lại phía trước. Người nói:

- Bây giờ, chúng ta hãy đi về Bhandagama.

Chiều hôm ấy tại Bhandagama, Bụt thuyết pháp cho trên ba trăm vị khất sĩ về giới, định, tuệ và giải thoát.

Sau mấy hôm nghỉ ngơi và thăm viếng, Bụt rời Bhandagama và đi Matthigama, rồi Bụt đi Ambagama, Jambugama.

Nơi nào Bụt cũng thăm viếng và sách tấn các vị khất sĩ.

Rồi người cùng các vị khất sĩ đi Bhoganagara. Tại đây, Bụt nghỉ ở đền Ananda. Các vị khất sĩ địa phương tới thăm Bụt rất đông. Trong thời gian thăm viếng ở đây, Bụt có dặn dò các vị khất sĩ về sự cần thiết và phương pháp kiểm chứng những điều nghe được về giáo pháp, Bụt dạy:

- Khi nghe một ai nói về giáo pháp, dù người nói cho biết là đã trực tiếp nghe từ những vị đạo

cao đức trọng và có thẩm quyền, các vị cũng không nên vội cho ngay đó là giới luật và giáo pháp đích thực của Như lai giảng dạy. Các vị phải so sánh những lời ấy với kinh và luật. Nếu những lời ấy trái chống với kinh luật thì các vị nên bác bỏ, còn nếu những lời ấy phù hợp với kinh và luật thì các vị hãy chấp nhận và thực hành theo.

Sau đó, Bụt đi Pava. Tại Pava, người nghỉ trong vườn Xoài của nam cư sĩ Cunda, con của một người thợ rèn. Được nghe Bụt thuyết pháp, Cunda rất lấy làm sung sướng. Chàng thỉnh Bụt và các vị khất sĩ ngày mai đến nhà chàng thọ trai.

Các vị khất sĩ đi theo rất đông, có đến ba trăm vị. Trong khi người nhà và bạn bè dâng thức ăn vào bát của các vị khất sĩ, Cunda tới trước Bụt và dâng lên người một thức ăn đặc biệt đã được làm riêng cho Bụt. Đó là nấm chiên đàn - Sukara maddava.

Sau khi thọ trai xong, Bụt gọi Cunda và bảo chàng:

- Cunda, chỗ còn lại của món nấm chiên đàn này, con nên đào đất mà chôn đi, đừng để cho ai ăn nữa.

Sau khi mọi người đã thọ trai, Bụt thuyết pháp cho gia đình Cunda.

Thuyết pháp xong, Bụt và các vị khất sĩ trở về vườn Xoài nghỉ ngơi.

Tối hôm ấy, một cơn đau bụng dữ dội nổi lên làm Bụt đau đớn vô cùng. Người cố gắng chịu đau. Suốt đêm người không ngủ. Sáng hôm sau, người bảo các vị khất sĩ lên đường thật sớm, hướng về Kusinara.

Giữa đường, cơn đau bụng lại nổi lên dữ dội. Người dừng lại và tới ngồi nghỉ dưới một cội cây. Đại đức Ananda lấy áo sanghati của Bụt xếp lại thành tư và trải xuống gốc cây để Bụt ngồi nghỉ.

Bụt bảo Ananda đi kiếm cho Bụt ít nước để uống vì người thấy khát.

Đại đức Ananda nói:

- Lạy Bụt, nước rạch ở đây đục lắm vì có một đoàn xe bò cả mấy trăm chiếc vừa đi qua. Xin Bụt đợi đến khi mình tới sông Kakutha, nước ở đó trong mà ngọt lắm con sẽ lấy để Bụt uống và rửa mặt cho mát.

Bụt bảo:

- Như lai khát lắm, thầy cứ đi lấy nước ở đây đi.

Đại đức Ananda vâng lời. Lạ quá, khi đại đức mang vò xuống tới con rạch thì nước rạch đã trở lại trong vắt.

Uống nước xong, Bụt ngồi nghỉ. Các đại đức Anuruddha và Ananda ngồi gần bên người.

Ba trăm vị khất sĩ cũng ngồi nghỉ ngơi đây đó, có nhiều vị ngồi vây quanh Bụt.

Lúc ấy có một người bộ hành đi từ Kusinara tới. Thấy Bụt ngồi giữa các vị khất sĩ, ông ta tới khấu đầu đảnh lễ.

Người nầy tên là Pukkusa thuộc bộ tộc Malla, và ngày xưa cũng đã từng là đệ tử của đạo sĩ Alara

Kalama, vị đạo sĩ mà vị sa môn trẻ Siddhatta đã từng đến thọ giáo. Pukkusa đã nghe nói đến Bụt.

Sau khi lạy Bụt, ông dâng lên Bụt hai tấm y mới để Bụt dùng. Nể lời Pukkusa Bụt nhận một tấm và bảo Pukkusa cúng dường tấm kia cho đại đức Ananda.

Sau đó, Pukkusa xin được làm đệ tử Bụt. Bụt dạy đạo lý cho ông; Pukkusa sung sướng cảm tạ rồi từ giã người.

Thấy y của Bụt đang mặc đã lấm bùn, đại đức Ananda thay y mới cho người.

Sau đó, Bụt và các vị khất sĩ cùng đứng dậy và đi về phía Kusinara.

Đến bờ sông Kakuttha, Bụt đi xuống sông để tắm và uống nước. Tắm và uống nước xong, Bụt lên bờ, Bụt đi về một vườn xoài gần đó. Người bảo khất sĩ Cundaka xếp áo và trải xuống đất cho người nằm. Khất sĩ Cundaka ngồi hầu bên cạnh.

Bụt gọi đại đức Ananda:

- Ananda, bữa cơm sáng ngay tại nhà của cư sĩ Cunda là bữa cơm cuối cùng của Như lai. Sau này có thể có người làm cho Cunda có mặc cảm là đã cúng dường bữa ăn chót cho Như lai. Vậy thầy nên tìm dịp nói cho Cunda biết là những bữa cơm mà Như lai nhớ mãi là bữa cơm Như lai thọ nhận trước khi thành đạo và bữa cơm Như lai thọ nhận trước khi nhập niết bàn. Người cúng dường một trong hai bữa cơm ấy phải vui mới đúng.

Sau khi nghỉ ngơi một lát. Người nói:

- Ananda, chúng ta hãy đi qua bên kia sông Hirannavati để vào rừng cây sala của bộ tộc Malla.

Rừng cây này rất đẹp, nó nằm ở chỗ ngã rẽ đi vào thành phố Kusinara.

Chương 80 - Hãy Tinh Tiến Lên Để Đạt Giải Thoát!

Khi Bụt và các vị khất sĩ tới được rừng Sala thì trời đã xế chiều.

Bụt bảo thầy Ananda soạn chỗ nằm cho Bụt giữa hai cây sala, rồi Bụt nằm xuống trong thế sư tử tọa, đầu hướng về phương Bắc. Các vị khất sĩ chia nhau ngồi bao quanh Bụt.

Họ biết nội trong đêm nay, tại rừng sala nầy, Bụt sẽ nhập niết bàn.

Bụt đưa mắt nhìn rừng cây rồi nói với Ananda:

- Nầy Ananda, thầy hãy nhìn xem, bây giờ đâu phải là mùa hoa, mà những cây sala này đang nở hoa trắng xóa.

Hoa rụng trên áo Như lai và trên cả áo các vị khất sĩ, thầy thấy không? Rừng nầy đẹp quá thầy có thấy mặt trời đang ngã về phía Tây và chân trời thật rạng rỡ hay không? Thầy có nghe gió nhẹ rì rào trong các cành sala không? Vạn vật đối với Như lai dễ thương và đằm thắm quá. Này các vị khất sĩ, nếu các vị muốn dễ thương với Như lai, muốn tỏ lòng cung kính và biết ơn Như lai thì các vị chỉ có thể bày tỏ điều đó bằng cách sống đúng chánh pháp và đi trong chánh pháp mà thôi.

Lúc đó trời vẫn còn nóng và đại đức Upavana đang đứng trước mặt Bụt để quạt cho người. Bụt bảo đại đức đứng qua một bên, có lẽ Bụt không muốn đại đức che khuất cảnh rừng cây và cảnh trời chiều huy hoàng đang diễn ra trước mặt Bụt.

Bụt hỏi đại đức Anuruddha:

- Ananda ở đâu, Như lai không thấy?

Một vị khất sĩ thưa:

- Con thấy sư huynh Ananda đang đứng nấp và khóc sau một cội cây. Sư huynh nói một mình: “Ta chưa thành tựu được đạo nghiệp mà thầy ta đã tịch. Có ai thương ta bằng thầy ta thương ta đâu”.

Bụt bảo vị khất sĩ đi gọi đại đức Ananda về.

Người an ủi đại đức Ananda:

- Ananda, đừng buồn khổ nữa, Như lai đã từng nhắc thầy là vạn pháp vô thường, có sinh thì có diệt, có thành thì có hoại, có hợp thì có tan. Làm sao có sinh mà không có diệt cho được? Làm sao có thành mà không có hoại cho được? Làm sao có hợp mà không có tan cho được? Ananda, mấy mươi năm nay thầy đã thân cận Như lai, săn sóc Như lai với tất cả tấm lòng thương mến của thầy. Thầy đã đem hết lòng hết sức để giúp đỡ Như lai, Như lai rất cám ơn thầy, công đức của thầy rất lớn nhưng Ananda, thầy có thể đi xa hơn, nếu thầy cố gắng thêm chút nữa thì thầy sẽ thoát được sinh tử, đạt tới tự do, và vượt thoát mọi sầu khổ và bi ai. Điều đó Như lai tin chắc

thầy làm được và cũng là điều sẽ làm cho Như lai vui lòng nhất.

Xoay qua các vị khất sĩ, Bụt nói:

- Làm thị giả cho Như lai không ai bằng Ananda. Ngày xưa có những vị thị giả đã từng làm rơi cả bát và y của Như lai xuống đất, nhưng với Ananda, những chuyện ấy không bao giờ xảy ra, Ananda lo cho Như lai từng ly từng tí, từ việc nhỏ nhất đến việc lớn nhất, Ananda biết nơi nào và lúc nào một vị khất sĩ, một vị nữ khất sĩ, một vị cư sĩ, một vị quốc vương, một vị đại thần, hay một vị đạo sĩ ngoại giáo có thể gặp Như lai, và Ananda sắp đặt những cuộc gặp gỡ đó một cách thông minh, Như lai nghĩ là nếu các bậc giác ngộ trong quá khứ và trong tương lai mà có được một vị thị giả giỏi thì vị thị giả ấy cũng chỉ giỏi bằng đại đức Ananda là cùng.

Đại đức Ananda lau nước mắt, bạch:

- Thế Tôn, xin Thế Tôn đừng nhập niết bàn ở đây. Kurinara chỉ là một đô thị nhỏ, tường vôi vách đất. Có nhiều nơi xứng đáng để Thế Tôn nhập niết bàn hơn như Sampa, như Rajagaha, như Savatthi, như Sakata, như Kosambi, hay Banarasi. Xin đức Thế Tôn chọn một nơi như thế để nhập diệt để cho đông đảo quần chúng có cơ duyên nhìn mặt Thế Tôn một lần cuối.

Bụt bảo:

- Ananda, Kusinara cũng là một nơi quan trọng lắm, dù nó chỉ là một đô thị tường vôi vách đất. Ananda, Như lai ưng ý khu rừng này lắm, Ananda, thầy có thấy hoa sala tiếp tục rơi trên áo và trên người của Như lai không?

Rồi Bụt bảo đại đức Ananda vào thành phố Kusirana báo tin cho những người trong bộ tộc Malla biết rằng đêm nay vào canh cuối, Bụt sẽ nhập niết bàn trong rừng cây sala của họ.

Những người trong bộ tộc Malla nghe tin Bụt sắp nhập diệt liền vội vã đi ra.

Một du sĩ ngoại đạo tên là Subhadda nghe nói có Bụt ở ngoài rừng cũng theo họ tìm ra.

Trong khi những người trong bộ tộc Malla thay phiên nhau tới ra mắt và làm lễ Bụt thì du sĩ Subhadda tới thương thuyết với đại đức Ananda để ông được gặp và hầu chuyện Bụt. Đại đức không cho, bảo là Bụt đang mệt không thể tiếp được ông.

Nghe được những câu trao đổi giữa hai người, Bụt bảo Ananda:

- Thầy cứ cho du sĩ Subhadda vào đi, Như lai có thể tiếp ông ấy.

Du sĩ Subhadda ra trình diện trước Bụt, đã từng nghe nói tới đạo phong của Bụt, ông sẵn có lòng mến mộ Bụt từ lâu, ông lạy xuống xuống và bạch:

- Thế Tôn, con nghe nói tới các vị lãnh đạo các giáo phái như Purana Kassapa, Makhali Gosala, Ajita Kesakambali, Pakudha Kaccayana, Sanjaya Belatthiputta và Nigantha Nathaputta .. Con muốn hỏi Thế Tôn xem trong những vị đó có ai thật sự là người đạt đạo không?

Bụt hỏi:

- Subhadda, họ có đạt đạo hay không đạt đạo, việc đó không nên bàn tới bây giờ vì không cần thiết. Subhadda, Như lai sẽ chỉ cho ông con đường tu học để tự ông có thể đạt ngộ.

Rồi Bụt dạy cho Subhadda về đạo lý Bát Chánh Đạo.

Và người kết luận:

- Subhadda, ở đâu trong đoàn thể nào mà có sự thực hành Bát Chánh Đạo là ở đó có thể có người đạt đạo. Subhadda, ông cố thực tập phép này đi rồi chính ông sẽ trở nên người đạt đạo, không cần phải đặt câu hỏi người nầy hay người khác có thật là người đạt đạo hay không.

Được Bụt dạy, du sĩ Subhadda thấy tâm hồn mở rộng, ông sung sướng quá. Ông xin Bụt được xuất gia là đệ tử, Bụt chấp nhận. Người dạy Ananda làm lễ xuất gia tại chỗ cho du sĩ Subhadda.

Subhadda là người đệ tử cuối cùng của Bụt.

Sau khi Subhadda đã được cạo đầu, thọ giới, khoác áo ca sa và được trao cho một bình bát, Bụt đưa mắt nhìn các vị khất sĩ ngồi bao bọc quanh người. Lúc bấy giờ số lượng các vị khất sĩ đã tăng lên gần năm trăm vị, trong đó có các vị từ địa phương mới tới, Bụt nói:

- Nầy các vị khất sĩ! Nếu vị nào còn thắc mắc điều gì về giáo pháp thì đây là lúc nên hỏi Như lai. Đừng để dịp nầy đi qua để sau này hối hận rằng: "Hôm ấy tôi được diện kiến Bụt vậy mà tôi quên không hỏi ..."

Bụt lặp lại câu nói của người tới ba lần, vẫn không có vị khất sĩ nào lên tiếng.

Đại đức Ananda lên tiếng:

- Bạch đức Thế Tôn, thật là vi diệu! Con có đức tin nơi giáo đoàn khất sĩ, con có đức tin nơi Tăng đoàn, ai cũng thấy được những lời Thế Tôn nói và giáo pháp của Thế Tôn dạy sáng tỏ như ban ngày, và không ai còn có thắc mắc nghi nan gì nữa về giáo pháp ấy và về con đường thực hiện.

Bụt nói:

- Ananda, đó là thầy nói từ niềm tin của thầy, Như lai thì thấy bằng cái thấy trực tiếp của Như lai. Như lai thấy trong đại chúng khất sĩ ở đây ai cũng có đức tin vững vàng nơi Tam Bảo, và trình độ thấp kém nhất trong số các các vị cũng đã là quả vị nhập lưu.

Bụt đưa mắt im lặng nhìn đại chúng, rồi người nói:

- Các vị khất sĩ, hãy nghe Như lai nói đây: "vạn pháp vô thường, có sinh thì có diệt", các vị hãy tinh tiến lên để đạt tới giải thoát.

Nói xong, Bụt nhắm mắt. Đó là lời nói cuối cùng của người.

Bỗng nhiên đại địa rung động, hoa sala rụng xuống như mưa, mọi người tự nhiên thấy tâm thần chấn động. Ai cũng biết là Bụt đã nhập niết bàn.

(Đọc tới đây xin đọc giả tạm ngưng và thở thật nhẹ vài ba phút rồi hãy đọc tiếp).

Bụt đã diệt độ. Một số các vị khất sĩ đưa hai tay lên, nằm bò ra đất và khóc thương thảm thiết. Họ rên rỉ:

- Bụt đã nhập niết bàn! Thế Tôn đã diệt độ! Con mắt của thế gian không còn nữa! Chúng ta biết

nương tựa vào đâu?

Trong khi những vị khất sĩ này lăn lộn và khóc than như thế thì một số các vị khất sĩ khác ngồi bất động, theo dõi hơi thở và quán chiếu về những điều Bụt dạy. Đại đức Anuruddha lên tiếng:

- Nầy các huynh đệ! Các huynh đệ đừng khóc thương thảm não như thế! Đức Thế Tôn đã dạy có sinh thì có diệt, có thành thì có hoại, có hợp thì có tan. Nếu các huynh đệ hiểu và vâng theo lời đức Thế Tôn, thì xin các huynh đệ đừng làm náo loạn. Xin trở về chỗ ngồi của mình, và xin im lặng, theo dõi hơi thở. Hãy tôn trọng sự im lặng của giờ phút này.

Mọi người trở về chỗ ngồi theo lời chỉ dạy của đại đức Anuruddha. Đại đức hướng dẫn đại chúng khất sĩ đọc lên những đoạn kinh kệ mà đa số đã thuộc lòng, những đoạn nói về vô thường, vô ngã, buông thả và giải thoát. Không khí trở lại trang nghiêm như cũ.

Những cây đuốc đã được các bà con trong bộ tộc Malla thắp lên, bập bùng tỏa chiếu ánh sáng trên khung cảnh huyền nhiệm. Tiếng tụng kinh trầm hùng, chỉ có tiếng tụng kinh trầm hùng vang lên trong đêm tối.

Mọi người để hết tâm ý vào lời kinh.

Sau thời tụng kinh, đại đức Anuruddha bắt đầu nói pháp thoại. Pháp thoại của đại đức ca ngợi công hạnh của Bụt, ca ngợi trí tuệ, từ bi và đức đại hùng, đại lực, đại hỷ và đại xả của người.

Đại đức Anuruddha nói xong thì đến lượt đại đức Ananda lên tiếng. Đại đức kể lại những kỷ niệm đẹp đẽ đã xảy ra giữa Bụt và đại đức trong suốt trên bốn mươi năm trời.

Suốt đêm, hai đại đức thay nhau nói pháp thoại. Đại chúng năm trăm vị khất sĩ và ba trăm vị cư sĩ đều ngồi im lặng lắng nghe. Những cây đuốc gần tàn đã được nối tiếp bằng những cây đuốc khác. Cứ như thế cho đến khi trời sáng.

Chương 81 (chương Kết) - Đường Xưa Mây Trắng

Thấy trời đã sáng, đại đức Anuruddha bảo đại đức Ananda:

- Sư huynh đây đi vào thành phố Kusinara và báo cho những người hữu trách biết đức đạo sư của chúng ta đã diệt độ, để họ làm những việc họ thấy cần làm.

Đại đức Ananda vâng lời. Thầy khoác áo đi vào thành phố. Những vị chức sắc của bộ tộc Malla đang họp bàn công việc tại trụ sở thị xã. Được đại đức cho biết Bụt đã nhập diệt, tất cả đều lộ vẻ sầu khổ và luyến tiếc.

Họ lập tức bỏ chương trình nghị sự đang bàn và đề cập ngay tới công việc cần làm.

Khi mặt trời lên tới ngọn cây thì tất cả dân chúng trong thành phố đều biết tin Bụt đã nhập diệt tại rừng Sala.

Nhiều người đấm ngực than khóc, tiếc rằng đã không được nhìn mặt Bụt và làm lễ người trước khi người nhập diệt.

Dân chúng kéo nhau ra rừng, người thì đem theo hoa, người thì đem theo hương, người thì đem theo nhạc khí, người thì đem theo vải vóc. Ra tới rừng Sala, họ quỳ lạy và rải hương hoa lên thi thể Bụt để cúng dường.

Để cúng dường, họ cũng tổ chức trình diễn vũ và nhạc, vây quanh chỗ nằm của Bụt. Vải lều ngũ sắc được căng lên khắp rừng. Dân chúng đã đem theo thức ăn ra cúng dường cho năm trăm vị vị khất sĩ.

Rừng Sala trở nên nhộn nhịp như một ngày hội. Thỉnh thoảng đại đức Anurudda lại thỉnh một tiếng cồng ra lệnh cho mọi người im lặng và đại đức hướng dẫn mọi người đọc những đoạn trong kinh Pháp Cú.

Trong suốt sáu ngày sáu đêm, dân chúng trong hai thị trấn Kusinara và Pava liên tục cúng dường Bụt bằng hoa, hương, vũ và nhạc. Hoa Mandarava và các thứ hoa khác đã phủ lấp giữa hai cây sala. Đến ngày thứ bảy, tám vị tộc trưởng của bộ tộc Malla tắm gội bằng nước ngũ vị hương, mặc lễ phục và bắt đầu rước thi hài của Bụt vào thành phố.

Tất cả các vị khất sĩ rồi đến dân chúng đều đi theo đám rước, đưa thi hài Bụt đến cửa Bắc mà vào thành.

Đám rước đi vào trung tâm thành phố, rồi lại đi ra khỏi thành bằng cửa Đông và dừng lại trước sân đền Makuta-bandhana, ngôi đền chính của bộ tộc Malla. Thi hài Bụt được an trú ngay trước đền.

Các vị chức sắc thành phố ra lệnh làm lễ hỏa táng Bụt theo nghi thức hỏa táng của một vị Chuyển Luân Thánh Vương. Thi hài Bụt được vấn bằng vải mới, rồi đến bông gòn, rồi đến vải mới, cứ như thế cho đến nhiều lớp vải và bông. Sau cùng thi hài được đặt trong một áo quan bằng sắt, và áo quan này lại được đặt trong một áo quan bằng sắt lớn hơn nữa.

Kim quan được đưa lên một hỏa đàn vĩ đại chất toàn bàng các loại gỗ thơm.

Giờ châm lửa hỏa đàn đã đến. Bốn vị tộc trưởng bộ tộc Malla tiến tới; họ vừa định làm lễ châm lửa hỏa đàn thì bỗng có một vị sứ giả đi tới bằng ngựa. Vị sứ giả này cho biết đại đức Mahakassapa đang lãnh đạo năm trăm vị khất sĩ tiến về Kusinara. Đại đức và các vị khất sĩ đang ở giữa chặng đường Pava và Kusinara.

Nghe nói thế, đại đức Anuruddha liền đề nghị hoãn lại giờ hành lễ để chờ đại đức Mahakassapa và đoàn khất sĩ.

Đại đức Maha kassapa đã khởi hành từ Campa để đi hành hóa miền Bắc. Tới Vesali, đại đức được tin Bụt tuyên bố sẽ nhập niết bàn trong ba tháng và hiện người đang đi về hướng Bắc.

Đại đức liền lên đường đi tìm Bụt, tới đâu cũng có các vị khất sĩ xin đi theo.

Khi đại đức tới Bhandagama, số các vị khất sĩ đi theo đã lên tới năm trăm vị.

Rời Pava, đại đức gặp một khách bộ hành đi ngược chiều, túi áo có cài hoa sala. Người nầy cho đại đức biết Bụt đã nhập diệt tại rừng Sala ở Kusinara từ bảy hôm trước. Đóa hoa trên áo đã được nhặt lên từ trong rừng nơi chỗ Bụt nhập diệt. Nghe tin, đại đức Mahakassapa không còn chần chừ nữa, liền tiếp tục hướng dẫn đoàn khất sĩ đi về Kusinara. Nhân gặp một người đi ngựa cùng hướng, đại đức nhờ người nầy phi nhanh tới trước và nhắn tin cho đại đức Ananda biết là đại đức và năm trăm vị khất sĩ khác đang trên con đường tới dự lễ trà tỳ của Bụt.

Mặt trời vừa đứng bóng thì đại đức Mahakassapa và đoàn khất sĩ tới được đền Makuta-bandhara, nơi dựng hỏa đàn của lễ trà tỳ. Tới nơi, đại đức trật áo tăng già lê bên vai bên phải, chắp tay, cung kính và im lặng và nhiễu quanh hỏa đàn ba lần. Rồi đại đức dừng lại, chắp tay hướng về nhục thân Bụt để lạy xuống. Năm trăm vị khất sĩ đi theo cũng đồng thời lạy xuống. Đại đức vừa lạy xong ba lạy và đứng lên thì hỏa đàn tự nhiên bốc lửa. Tất cả các vị khất sĩ đều quỳ xuống chắp tay hướng về hỏa đàn. Hằng ngàn người có mặt cũng đều làm như thế. Đại đức Anuruddha lại thỉnh chuông và hướng dẫn mọi người đọc những đoạn kinh về vô thường, vô ngã, xả ly và giải thoát. Giọng đọc kinh trầm hùng vang dội.

Sau khi lửa đã cháy tàn, nước thơm được tưới lên giàn hỏa. Kim quan được thỉnh xuống, mở ra và xá lợi của Bụt được các vị tộc trưởng thâu lượm và an trí trong một chậu vàng đặt trên bàn thờ trung ương trong đền. Các vị khất sĩ lớn được thay phiên canh giữ và bảo vệ xá lợi.

Tin Bụt diệt độ ở Kusinara đã được báo tiệp về các thủ đô từ nhiều hôm trước. Sứ đoàn các nước đã được cử đến chiêm bái và thỉnh một phần xá lợi về dựng tháp. Đại diện Magadha, Vesali, Sakya, Koliya, Bulaya, Pava và Vetha đều có mặt. Họ đồng ý chia xá lợi Bụt ra làm tám phần để an trú trong tám chiếc bảo tháp mà họ sẽ xây dựng tại địa phương họ: người Magadha sẽ xây tháp ở Rajagaha, dân Licchavi sẽ xây tháp ở Vesali, dân Sakya sẽ xây tháp ở Kapilavatthu, dân Buli sẽ xây tháp ở Allakappa, dân Koliya sẽ xây tháp ở Ramagama, dân Vetha sẽ xây tháp ở Vethadipa, dân Malla sẽ xây tháp một tháp ở Kusinara và một tháp khác ở Pava.

Các sứ đoàn đã ra về; một ngàn vị khất sĩ cũng tuần tự giải tán và trở về trú sở của mình để hành đạo. Các đại đức Mahakassapa, Anaruddha và Ananda cũng rước bình bát của Bụt về tu viện Trúc Lâm.

Chưa đầy một tháng sau, đại đức Mahakassapa quyết định triệu tập một đại hội các vị khất sĩ về

thủ đô Rajagaha để ôn tụng và kết tập tất cả những kinh và luật mà Bụt đã dạy. Đại hội gồm năm trăm vị khất sĩ có thật tu và thật học được chọn lựa trong giáo đoàn khất sĩ. Đại hội sẽ khai mạc vào đầu mùa an cư tới và sẽ kéo dài trong sáu tháng.

Đại đức Mahakassapa thường được các vị khất sĩ trong giáo đoàn tôn trọng như vị đại đệ tử thứ Bụt, sau các vị Kondanna, Sariputta, và Moggallana. Đại đức nổi tiếng là người ưa sống đơn giản và đạm bạc. Đại đức đã được Bụt tin tưởng và thương mến không khác gì các đại đức Moggallana và Sariputta.

Hơn hai mươi năm trước, áo ca sa sanghati của đại đức là một chiếc áo bách nạp kết lại bằng hàng ngàn mảnh vải vụn.

Có lần đại đức đã xếp tư chiếc áo ấy và trải ra trong rừng mời Bụt ngồi, Bụt khen chiếc ác của đại đức ngồi rất êm.

Đại đức liền ngỏ ý cúng dường Bụt chiếc áo bách nạp ấy. Bụt mỉm cười nhận lời và tặng lại đại đức chiếc áo sanghati của chính người. Trong đại chúng, ai cũng biết chuyện này. Đại đức là người đã mỉm cười khi Bụt đưa cành sen lên mà không nói gì ở giảng đường Cấp Cô Độc, là người đã tiếp nhận được "kho tàng của con mắt chánh pháp" do Bụt trao truyền.

Vua Ajatasattu đứng ra bảo trợ đại hội kết tập kinh luật này. Trong đại hội, đại đức Upali vốn nổi tiếng về luật học đã được mời lên ôn tụng giới luật. Nhờ những câu hỏi của đại đức Mahakassapa mà đại đức Upali nhắc lại được hết những nhân duyên, do đó các giới luật được thiết lập.

Đại đức Ananda được đại hội thỉnh lên trùng tuyên tất cả những bài pháp thoại của Bụt nói, gọi là kinh. Nhờ những câu hỏi của đại đức Mahakassapa và của đại chúng mà đại đức Ananda có dịp nói ra hết những chi tiết về thời gian, nơi chốn và cơ duyên đã đưa tới mỗi bài pháp thoại của Bụt.

Cố nhiên là các đại đức Upali và Ananda không thể nhớ hết được tất cả mọi chi tiết; vì vậy sự có mặt của năm trăm vị khất sĩ có thật học và thật chứng trong đại hội đã bổ túc cho hai đại đức rất nhiều.

Tất cả những tài liệu về giới và luật sau khi kết tập được gom lại thành một kho tàng luật học được gọi là Luật Tạng -vinaya pitaka.

Tất cả những tài liệu về giáo lý được gom thành một kho tàng kinh giáo gọi là Kinh tạng -sutta pitaka.

Các kinh Bụt nói được phân làm bốn bộ, căn cứ trên sự dài ngắn của kinh và cũng được xếp đặt theo đề tài và pháp số.

Về luật, đại đức Ananda có báo cáo với đại hội là Bụt đã từng dặn rằng sau khi người diệt độ, những giới điều nhỏ nhặt có thể được bỏ bớt.

Đại hội hỏi đại đức Ananda xem Bụt có nói rõ là những giới điều nhỏ nhặt ấy là những giới điều nào không, đại đức trả lời và vì đại đức không hỏi nên Bụt đã không nói.

Đại hội thảo luận rất lâu về vấn đề này và cuối cùng quyết định giữ lại tất cả mọi giới điều, trong giới bản khất sĩ cũng như trong giới bản nữ khất sĩ.

Nhớ lời Bụt, đại hội không chấp nhận việc dịch các kinh văn ra cổ ngữ của truyền thống Vệ Đà. Ngôn ngữ Ardhamagadhi được xem như là sinh ngữ chính của tạng kinh và tạng luật. Đại hội khuyến khích việc phiên dịch kinh văn ra các sinh ngữ địa phương để dân chúng các nước có thể học hỏi và hành trì giáo lý bằng tiếng mẹ đẻ của họ. Đại hội cũng khuyến khích việc tăng cường số lượng các vị bhanaka, có nhiệm vụ tụng đọc thường xuyên các kinh văn để phổ biến và truyền tụng trong hiện tại và trong vị lai.

Đại hội hoàn mãn, mọi người lại trở về trú sở để tu học và hành hóa.

***

Trên bờ sông Nejanjara, đại đức Svastika đứng nhìn dòng nước chảy.

Mấy em bé chăn trâu bên bờ bên kia đang lùa bầy trâu xuống sông để lội qua bên nầy.

Mỗi em bé đều có mang theo liềm và giỏ. Bên nầy sông, cỏ kusa đã lên xanh mướt.

Các bé đang làm y hệt như đại đức Svastika trước đây bốn mươi lăm năm.

Chúng để trâu ăn cỏ trong khi chúng dùng liềm cắt cỏ kusa nhận đầy những chiếc giỏ đem theo.

Dòng sông này là dòng sông ngày xưa Bụt thường xuống tắm. Cây bồ đề vẫn xanh tốt như bao giờ. Đại đức đã tới đây từ chiều hôm qua và đã ngủ đêm dưới cội cây thân yêu đó. Rừng không còn hoang vu như xưa, bởi vì cây bồ đề đã trở nên nổi tiếng quá. Cây bồ đề đã trở nên một nơi để thiên hạ đến chiêm bái, vì vậy khu đồi đã được dọn dẹp sạch sẽ, không còn rậm rạp và nhiều gai góc như ngày xưa.

Đại đức Svastika may mắn có mặt trong đại hội kết tập và đã có cơ duyên nghe lại hết kinh luật. Đại đức năm nay đã năm mươi sáu tuổi. Người bạn tu thân nhất của đại đức là đại đức Rahula đã viên tịch trước đây năm năm.

Rahula đã được các đại đức lớn công nhận là một vị khất sĩ có chí nguyện và hành động lớn.

Tuy là con nhà vương giả, đại đức Rahula đã học được nếp sống đơn giản và bình dị. Công đức hóa độ của Rahula rất lớn nhưng ít ai biết đến, vì đại đức Rahula không hề có tính khoe khoang; trái lại đại đức rất kín đáo và khiêm nhượng.

Lớn hơn đại đức Rahula, nhưng đại đức Svastika đã học được rất nhiều từ người bạn của mình.

Đại đức Svastika cũng đã được theo Bụt trong chuyến đi chót của người từ Rajagaha đến Kusinara và đã được chứng kiến những ngày giờ cuối cùng của Bụt.

Đại đức còn nhớ trên đường từ Pava đến Kusinara, đại đức đã nghe đại đức Ananda hỏi Bụt định đi tới đâu. Bụt trả lời: đi về phương Bắc. Lúc ấy, đại đức Svastika có cảm tưởng là mình hiểu được Bụt.

Suốt đời, Bụt đã đi, nhưng người chỉ đi mà không cần tới. Vì vậy cho nên người đi thong thả, cho nên mỗi bước của người đưa người tới giờ phút hiện tại. Sự sống chỉ có mặt trong giờ phút hiện tại, ngay ở chỗ mình đứng.

Đại đức Svastika thấy Bụt hướng về miền Bắc mà đi, cũng như một một con tượng chúa hướng về quê hương của nó mà đi, khi nó biết giờ đã tới để nó trở về. Bụt đâu có cần phải về tới

Kapilavatthu hoặc vường Lumbini mới có thể nhập niết bàn. Đi về miền Bắc là đủ. Kusinara cũng chính là vườn Lumbini vậy.

Cũng chính vì nghĩ như thế mà đại đức đã về đây. Bờ sông Neranjara này là quê hương của đại đức.

Đại đức thấy mình vẫn còn là em bé chăn trâu mười một tuổi, một mình phải đi chăn trâu cho người khác để nuôi ba đứa em thơ. Thôn Uruvela vẫn còn đó với những cây đu đủ say trái ở vườn trước mọi nhà.

Những cánh đồng lúa vẫn còn, con sông hiền lành vẫn chảy.

Lũ trâu hiền từ và các em bé chăn trâu vẫn còn giữ trâu, tắm trâu và cắt cỏ như những ngày nào.

Tuy chị Sujata không còn đây, tuy ba đứa em đã có chồng có vợ đi làm ăn tứ tán, thôn Uruvela và bờ sông Neranjara vẫn là quê hương của đại đức.

Đại đức nhớ lại thuở còn là em bé chăn trâu mười một tuổi, nhớ lại lần đầu gặp vị sa môn trẻ Siddhatta đi thiền hành trong rừng, nhớ lại những bữa cơm trưa được ăn chung với vị sa môn và với các em bé khác trong làng dưới gốc cây pipala râm mát. Tất cả những hình ảnh đó tuy đã qua đi nhưng vẫn còn hiện thực.

Đại đức biết rằng nếu muốn, đại đức có thể làm cho những hình ảnh đó trở thành hiện tại.

Một lát nữa đây, khi bọn trẻ đưa trâu sang tới bờ bên nầy, đại đức sẽ đến làm quen với chúng. Đứa nào cũng đang là Svastika. Đại đức cũng còn là Svastika. Nếu một ngày năm xưa đã đưa đại đức vào con đường an lạc giải thoát thì hôm nay đại đức cũng sẽ đưa được các em bé này vào con đường an lạc giải thoát.

Đại đức Svastika mỉm cười. Tháng trước tại Kusinara, thầy có nghe đại đức Mahakassapa kể chuyện vị khất sĩ Subhada.

Vị khất sĩ nầy cùng đi với đại đức từ trên đường từ Pava tới Kusinara. Khi nghe tin Bụt nhập diệt, vị nầy đã tỏ ý mừng rỡ, ông ta nói: “Ông già đã tịch rồi, không còn ai kiểm soát và rầy la mình nữa, sướng quá”.

Nghe nói như thế đại đức Mahakassapa đã ngạc nhiên mở tròn hai mắt nhìn vị đại đức trẻ tuổi Subhada nầy.

Sao mà trong giáo đoàn của Bụt lại có người dại dột đến thế, đại đức nghĩ, nhưng cuối cùng, đại đức đã không rầy la vị khất sĩ Subhada kia một lời nào.

Đại đức Mahakassapa không rầy la thầy Subhada, nhưng đại đức nghe nói rằng đại đức Mahakassapa đã rầy la đại đức Ananda, dù đại đức Ananda là một vị đại đức lớn, trên đầu đã có hai thứ tóc. Ai cũng biết rằng trong đại hội kết tập kinh luật, sự có mặt của đại đức Ananda là rất cần yếu, vậy mà chỉ ba hôm trước ngày khai mạc đại hội, đại đức Ananda đã bị sư huynh Mahakassapa khiển trách và dự tính sẽ không chấp nhận cho đại đức Ananda vào trong số năm trăm vị khất sĩ thành viên của đại hội.

Lý do đưa ra là đại đức Ananda tuy kiến thức về đạo lý uyên bác, nhưng sự chứng đắc chưa được vững vàng.

Ai cũng e ngại đại đức sẽ phật ý bỏ đi. Ai ngờ đại đức Ananda đã đóng cửa tĩnh tu trong luôn ba ngày đêm.

Ngay trong đêm cuối cùng trước ngày khai mạc đại hội, đại đức đã hoát nhiên đại ngộ.

Theo các bạn tu kể lại, việc nầy xảy ra lúc giữa giờ Sửu. Thiền tọa đến gần sáng, đại đức mới chịu ngã lưng xuống để nghỉ ngơi, chính vào lúc mà đại đức ngã lưng xuống thì đại đức đạt tới giác ngộ.

Sáng hôm đó khi gặp đại đức Ananda, nhìn vào mặt đại đức, đại đức Mahakassapa biết ngay việc gì đã xảy ra. Đại đức mời ngay đại đức Ananda vào tham dự đại hội mà không cần nói thêm một lời hỏi han nào khác.

Nắng lên cao, những đám mây trắng nhỏ vẫn còn lơ lửng trên nền trời xanh biếc.

Bờ sông bên kia vẫn xanh mướt cỏ non. Con đường bờ sông này ngày xưa Bụt đã qua lại nhiều lần.

Con đường bờ sông nầy có thể dẫn về Banarasi, có thể dẫn về thủ đô Savatthi, có thể dẫn về thủ đô Rajagaha, mà cũng có thể dẫn đi khắp chốn.

Bụt đã ghi dấu chân trên mọi nẻo đường hành hóa. Đi đâu đại đức cũng sẽ dẫm lên dấu chân của người.

Đường xưa còn đó, những đám mây trắng vẫn còn, nếu mình bước một bước trên con đường nầy, bước với tâm trạng an hòa và tỉnh thức, thì con đường xưa và những đám mây trắng cũ sẽ mầu nhiệm biến thành con đường hôm nay và những đám mây trắng trong hiện tại.

Những đám mây trắng ngày xưa còn đó và con đường ngày xưa hiện thực nằm dưới chân ta.

Bụt đã nhập diệt, nhưng nhìn vào đâu đại đức cũng thấy sự có mặt của Bụt.

Hạt giống Bồ đề đã gieo rắc khắp nơi trong việc lưu vực sông Ganga; những hạt giống ấy đã nứt mầm và mọc lên tươi tốt. Bốn mươi mấy năm về trước đã có ai nghe nói tới Bụt đâu, đã có ai nghe nói đến đạo lý tỉnh thức đâu; vậy mà bây giờ đây, không nơi nào mà không có bóng dáng những người khất sĩ áo vàng, không nơi nào mà không có những trung tâm tu học.

Các bậc vua chúa cũng đã quy y. Các giới trí thức và quyền quý cũng đã quy y, các giới nghèo khổ bị xã hội khinh miệt nhất cũng đã quy y và đã tìm thấy trong đạo tỉnh thức con đường giải phóng cho thân phận và cho tâm linh mình.

Bốn mươi năm về trước, Svastika chỉ là một chú bé chăn trâu nghèo khổ thuộc giới ngoại cấp.

Bây giờ Svastika đã trở nên một vị khất sĩ vượt thoát xích xiềng của giai cấp, của mặc cảm, đứng lên trên mọi sự kỳ thị và bất công. Svastika đã từng được các quốc vương thỉnh mời và chào hỏi với tất cả niềm cung kính của họ.

Bụt là ai mà công năng giải phóng lớn lao như vậy?

Đại đức Svastika vừa nhìn các em bé chăn trâu đang cắt cỏ bên bờ sông vừa đặt câu hỏi ấy.

Tuy một số các đại đệ tử của Bụt đã nối tiếp nhau viên tịch, giáo đoàn khất sĩ vẫn còn đầy dẫy

những vị đại đức xuất sắc, trong đó có rất nhiều giới trẻ, Bụt như hạt giống của một cây bồ đề vĩ đại; hạt giống đã nứt ra, và một cây bồ đề đã mọc lên hùng mạnh, tươi tốt. Nhìn vào người ta có thể không thấy hạt giống ấy nhưng người ta thấy được cây bồ đề.

Hạt giống không mất; hạt giống chỉ trở nên cây bồ đề. Bụt đã từng dạy không có gì từ có mà trở nên không.

Bụt chỉ hóa thân mà hề biến diệt. Người có pháp nhãn nhìn vào giáo đoàn là trong thấy Bụt.

Người có pháp nhãn nhìn vào các vị khất sĩ trẻ có đạo phong, có đức độ và có tuệ giác thì trông thấy Bụt.

Đại đức Svastika thấy mình có bổn phận phải chăm lo vun tưới cho pháp thân Bụt.

Pháp thân đó là giáo pháp và giáo đoàn.

Chừng nào giáo pháp và giáo đoàn còn hưng thịnh thì chừng đó Bụt còn hiển hiện giữa muôn loài.

Nhìn các em bé đã qua tới bên nầy sông, đại đức lại mỉm cười.

Nếu ta không tiếp tục sự nghiệp của Bụt để đem lại bình đẳng, an lạc và giải phóng cho các em bé này, thì ai sẽ làm?

Bụt chỉ mới bắt đầu công cuộc chuyển đổi.

Môn đệ của người sẽ phải gánh trách nhiệm kế tiếp sự nghiệp của người.

Những hạt giống bồ đề mà Bụt đã gieo rắc sẽ còn tiếp tục nứt mầm và bén rễ trong cuộc sống.

Đại đức Svastika nhận thấy tâm mình là ruộng đất trên đó Bụt đã gieo muôn vạn hạt giống nhiệm mầu.

Đại đức thấy mình phải cẩn trọng gìn giữ và tưới tẩm tâm điền để những hạt giống ấy được mọc lên thành những cây bồ đề tươi tốt.

Người ta nói Bụt đã nhập diệt nhưng thầy Svastika lại thấy Bụt hiện thực hơn bao giờ hết.

Chính thân tâm của thầy cũng mang theo sự có mặt của Bụt.

Nhìn cây bồ đề, nhìn dòng sông Neranjara, nhìn bờ cỏ mướt, nhìn đám mây trắng, nhìn chiếc lá trên cây, đại đức thấy ở đâu cũng có Bụt.

Những em bé chăn trâu đang bắt đầu cắt cỏ bên bờ sông kia cũng là Bụt.

Đại đức nhận thức được sự liên hệ giữa mình và các em bé ấy, và biết là mình sẽ phải nói gì và sẽ phải làm gì để các em bé ấy trở thành sự tiếp nối của Bụt.

Đại đức Svastika thấy rõ rằng phương cách tiếp nối sự nghiệp của Bụt là nhìn mọi vật một cách tỉnh thức như Bụt đã nhìn, bước những bước chân thanh thản như Bụt đã bước, và mỉm cười nụ cười từ bi như Bụt đã cười.

Bụt là suối nguồn.

Thầy Svastika và các em bé chăn trâu bên bờ sông là dòng sông liên tục chảy từ suối nguồn đó. Dòng sông đi tới đâu là Bụt đi tới đó.

Phụ Lục - Lời Tác Giả

Lời tác giả:

Về giáo lý và tư tưởng, những kinh điển được trích dẫn trong sách này hầu hết đều là những kinh điển thuộc văn hệ Nikaya (tạng Pali) và văn hệ A hàm (tạng Hán). Tác giả đã có chủ ý không sử dụng nhiều các kinh Đại Thừa, với mục đích chứng minh rằng những tư tưởng lớn của các kinh Đại Thừa đều đã có mặt đầy đủ trong các kinh Nikaya và A hàm, và chỉ cần đọc các kinh này với một thái độ cởi mở là có thể nhận ra được các tư tưởng lớn kia trong ấy.

Kinh điển nào cũng là kinh điển của đạo Bụt, dù là kinh Bắc tông hay Nam tông.

Kinh điển Đại Thừa cho ta một cái nhìn phóng khoáng hơn về giáo lý căn bản của đạo Bụt, có thể giúp ta phòng ngừa sự co rút lại của giáo lý và của những phương pháp hành trì giáo lý. Giáo lý Đại Thừa giúp ta khám phá được chiều sâu của các nền văn học Nikaya và A hàm, giống như ánh sáng chiếu vào đối tượng quán sát của kính hiển vi, một đối tượng quán sát đã hơi biến hình và méo mó vì những thủ thuật cất giữ nhân tạo. Cố nhiên là các kinh điển Nikaya và A hàm gần với đạo Bụt nghuyên thỉ hơn, nhưng các kinh điển này đã bị sửa chữa và biến hình ít nhiều vì cách hiểu và cách hành trì của những truyền thống đã có công truyền thừa và cất giữ những kinh điển ấy. Các thế hệ học giả và hành giả tương lai cần căn cứ trên kinh điển của cả hai truyền thống Bắc tông và Nam tông để có thể khôi phục lại tinh thần nguyên thỉ của đạo Bụt. Chúng ta phải sử dụng tất cả các kinh điển của cả hai truyền thống.

Tác giả đã cố ý không nhắc tới những phép thần thông mà kinh sách thường hay sử dụng để tô điểm cho cuộc đời của Bụt, những phép thần thông mà chính Bụt đã khuyên môn đệ không nên để thì giờ và tâm lực vào việc luyện tập và sử dụng. Tác giả lại không ngần ngại nói tới những khó khăn mà Bụt thường gặp phải trong đời sống hàng ngày, ngoài xã hội cũng như trong giới môn đệ của chính người. Nếu trong sách này Bụt được hiện ra như một con người khá gần gũi với chúng ta, một phần đó là cũng do các nguyên cơ đã kể.

Tên người và tên xứ bằng tiếng Pali được sử dụng trong sách này bởi vì tiếng Pali dễ đọc hơn. Cuối sách có bản đối chiếu những tên người và tên xứ bằng tiếng Pali, Phạn và Hán Việt để bạn đọc tham khảo.